

**Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**  
**Bộ Tài Nguyên và Môi Trường**  
**Tổng Cục Môi Trường**

**DỰ ÁN**  
**TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ**  
**MÔI TRƯỜNG NƯỚC LƯU VỰC SÔNG**  
**BÁO CÁO TỔNG KẾT**

**Tháng 7 năm 2019**

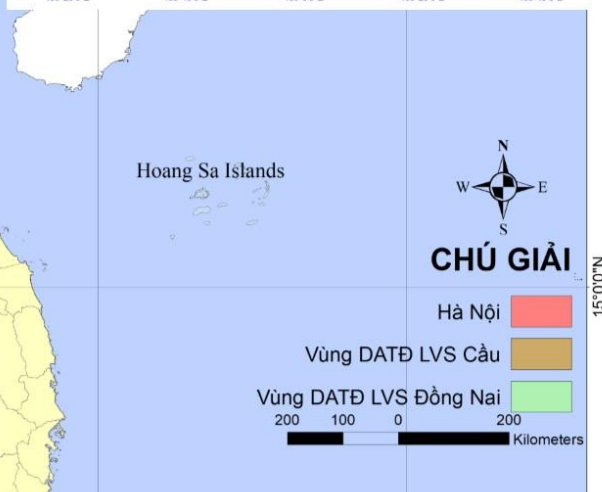
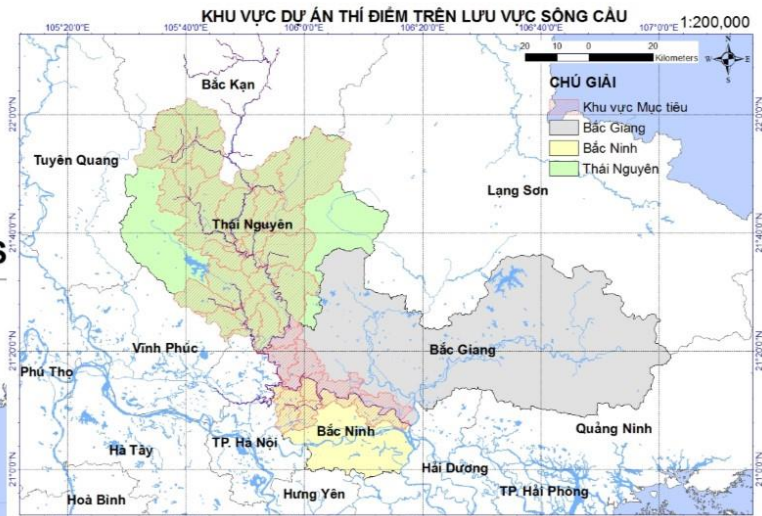
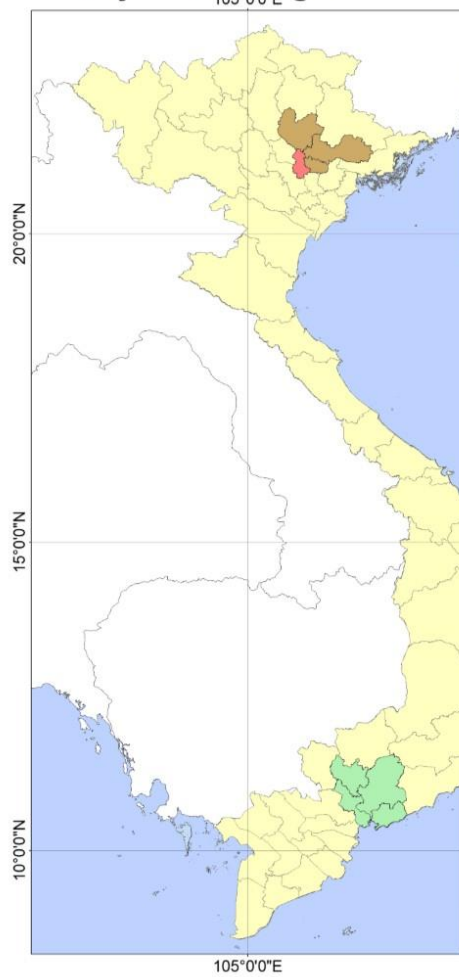
**CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN (JICA)**

**CÔNG TY TNHH NIPPON KOEI**  
**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CTI INTERNATIONAL**

<b>GE</b>
<b>JR</b>
<b>19-037</b>



## Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Môi trường nước LVS







Báo cáo tổng kết  
Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Môi trường Nước lưu vực sông

Mục lục

Trang

<b>1. Tóm tắt báo cáo .....</b>	<b>1</b>
1.1 Mục đích của báo cáo tổng kết dự án.....	1
1.2 Bối cảnh .....	1
1.3 Mô tả tóm tắt dự án .....	1
1.3.1 Tên và mục tiêu thực hiện dự án .....	1
1.3.2 Thời gian thực hiện dự án .....	2
1.4 Các hoạt động .....	2
1.5 Các sản phẩm Dự án .....	3
1.6 Danh mục các sản phẩm, công việc thầu phụ, tập huấn kỹ thuật, hội thảo.....	4
<b>2. Thông tin chung.....</b>	<b>8</b>
2.1 Ma trận thiết kế dự án (PDM) và kế hoạch hoạt động (PO) .....	8
2.2 Tiến độ công việc.....	14
2.3 Cấu trúc thực hiện dự án .....	16
2.3.1 Sơ lược về cấu trúc thực hiện dự án.....	16
2.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan.....	18
2.3.3 Thành viên chính phía Việt Nam .....	20
2.3.4 Cơ cấu tổ chức, thực hiện dự án phía Nhật Bản.....	23
<b>3. Các hoạt động quản lý dự án.....</b>	<b>25</b>
3.1 Ban chỉ đạo dự án (JCC).....	25
3.2 Hợp thường kỳ ban quản lý dự án (Ban QLDA).....	28
3.3 Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh (TF) .....	35
3.4 Tăng cường năng lực và các hoạt động liên quan.....	37
3.4.1 Chu trình tăng cường năng lực (CD) .....	38
3.4.2 Triển khai hoạt động đánh giá năng lực .....	38
3.4.3 Phạm vi tăng cường năng lực.....	39
3.4.4 Đánh giá năng lực ban đầu (CA).....	40
3.5 Chương trình tham quan học tập.....	42
3.5.1 Chương trình tham quan học tập lần thứ nhất tại lưu vực sông Đồng Nai .....	42
3.5.2 Chương trình tham quan học tập lần thứ hai tại lưu vực sông Cầu.....	45
3.6 Hoạt động thầu phụ .....	48
3.7 Tập huấn tại Nhật Bản .....	48
3.7.1 Khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất .....	49
3.7.2 Khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ hai .....	50
3.7.3 Khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ ba .....	52
3.8 Mua sắm thiết bị.....	53
3.9 Thông cáo báo chí.....	54
<b>4. Kết quả-1: Năng lực xây dựng văn bản pháp luật và thực thi công tác QLMTNLVS của TCMT/Bộ TN&amp;MT và các Sở TN&amp;MT mục tiêu được tăng cường, Bộ TN&amp;MT/TCMT sẽ thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS .....</b>	<b>55</b>
4.1 Hoạt động 1-1: Rà soát nội dung và tình hình triển khai các văn bản pháp luật trong QLMTNLVS, xác định các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn trong những tài liệu này và đề xuất sửa đổi, bổ sung.....	55
4.1.1 Khảo sát đánh giá thể chế và pháp lý.....	55
4.1.2 Kết quả rà soát thể chế và pháp lý .....	55
4.2 Hoạt động 1-2: Nghiên cứu và xác định chức năng và nhiệm vụ của TCMT/Bộ TN&MT, các	

đơn vị liên quan và chính quyền địa phương trong QLMTNLVS .....	58
4.2.1 Trước khi tái cấu trúc TCMT (đến 5/2018) .....	58
4.2.2 Sau khi TCMT tái cấu trúc (sau tháng 5 năm 2018) .....	69
4.3 Hoạt động 1-3: Xây dựng chương trình tập huấn và tổ chức thực hiện .....	75
4.3.1 Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao .....	75
4.3.2 Thực hiện Chương trình tập huấn .....	75
4.4 Hoạt động 1-4: Xây dựng dự thảo Thông tư (Quy định) về cơ chế phối hợp trong QLMTNLVS (Thông tư-1) .....	77
4.5 Hoạt động 1-5: Xây dựng dự thảo Thông tư về đánh giá sức chịu tải và xác định hạn ngạch xả thải (Thông tư-2) .....	78
4.5.1 Khung nội dung Thông tư-2 .....	78
4.5.2 Kế hoạch xây dựng Thông tư .....	80
4.5.3 Nội dung thảo luận .....	80
4.5.4 Xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật .....	81
4.6 Hoạt động 1-6: Xây dựng dự thảo Thông tư-3 về nguồn ô nhiễm nước thải chính, phục vụ QLMTNLVS (Thông tư-3) .....	82
4.6.1 Khung nội dung Thông tư-3 .....	82
4.6.2 Nội dung thảo luận .....	83
4.6.3 Xây dựng Sổ tay kỹ thuật về kiểm kê nguồn nước thải phục vụ quản lý lưu vực sông .....	85
4.6.4 Hỗ trợ thực hiện Quyết định số 140 bao gồm xây dựng kế hoạch thực hiện .....	86
4.7 Hoạt động 1-7: Xây dựng Dự thảo thông tư quy định cơ chế chia sẻ và công bố thông tin, phục vụ QLMTNLVS liên tỉnh (Thông tư-4) .....	86
4.7.1 Khung nội dung Thông tư-4 .....	86
4.7.2 Kết quả thảo luận với các cơ quan đặc biệt với Trung tâm thông tin và dữ liệu môi trường .....	88
4.8 Hoạt động 1-8: Xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn về thủ tục đề yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường (Thông tư-5) .....	88
4.8.1 Nguyên tắc xây dựng Thông tư .....	88
4.8.2 Kế hoạch xây dựng .....	88
4.8.3 Nội dung thảo luận .....	90
4.9 Hoạt động 1-9: Xây dựng Dự thảo Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ, hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường (Thông tư-6) .....	90
4.9.1 Nguyên tắc xây dựng Thông tư .....	90
4.9.2 Khó khăn và vấn đề thách thức .....	90
4.9.3 Dự thảo Thông tư cuối cùng .....	91
4.10 Hoạt động 1-10: Hướng dẫn và chia sẻ kết quả đạt được với các cơ quan liên quan thuộc Bộ TN&MT/TCMT và cơ quan địa phương/ Sở TN&MT tại lưu vực sông mục tiêu .....	91
<b>5. Kết quả-2: Tăng cường năng lực thực thi công tác QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TNMT mục tiêu qua thực hiện dự án thí điểm (DATĐ) .....</b>	<b>92</b>
5.1 Hoạt động 2-1: Chuẩn bị kế hoạch tăng cường năng lực (CD) dựa trên nhu cầu nâng cao năng lực thực tế và kết quả đánh giá năng lực (CA) .....	92
5.2 Hoạt động 2-2: Chuẩn bị chương trình và thực hiện các khóa tập huấn .....	92
5.2.1 Chuẩn bị chương trình các khóa tập huấn .....	92
5.2.2 Thực hiện các khóa tập huấn .....	93
5.3 Hoạt động 2-3: Xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai, phân định rõ trách nhiệm của Bộ TN&MT/TCMT, Sở TNMT và Nhóm chuyên gia JICA (JET) .....	98
5.3.1 Mục đích và cấu trúc dự án thí điểm (DATĐ) .....	98
5.3.2 Kế hoạch thực hiện dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Cầu .....	100
5.3.3 Kế hoạch thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Đồng Nai .....	101
5.3.4 Kế hoạch thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) hướng tới nâng cao nhận thức cộng đồng .....	102
5.4 Hoạt động 2-4: Thực hiện các DATĐ tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai bao	

gồm hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.....	103
5.4.1 Thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Cầu .....	103
5.4.2 Thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Đồng Nai.....	106
5.4.3 Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng .....	110
5.5 Hoạt động 2-5: Chia sẻ kết quả thu được với các cơ quan liên quan trong Bộ TN&MT/TCMT và Sở TN&MT trong lưu vực sông mục tiêu .....	115
<b>6. Kết quả-3: Lộ trình cải thiện QLMTNLVS được xây dựng dựa trên Kết quả -1 và Kết quả - 2, Bộ TN&amp;MT/TCMT sẵn sàng thực hiện các hoạt động thúc đẩy công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông trong tương lai (QLTH TNN LVS) .....</b>	<b>117</b>
6.1 Hoạt động 3-1: Lồng ghép các kết quả của dự án và phản ánh kết quả vào dự thảo thông tư trong kết quả-1 .....	117
6.2 Hoạt động 3-2: Chuẩn bị chương trình và thực hiện các khóa tập huấn .....	118
6.3 Hoạt động 3-3: Chuẩn bị kế hoạch hành động cải thiện QLMTNLVS làm rõ vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình thực hiện.....	118
6.4 Hoạt động 3-4: Xây dựng kế hoạch tổng thể và thực hiện nhằm cải thiện và thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS tại Bộ TN&MT/TCMT và chính quyền địa phương/ sở TNMT tại các lưu vực sông mục tiêu .....	119
6.5 Hoạt động 3-5: Xây dựng lộ trình bao gồm các hoạt động cần thực hiện, hướng tới Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLTH TNN) .....	121
6.6 Hoạt động 3-6: Nghiên cứu và xây dựng chính sách khuyến khích, thúc đẩy công tác QLMTNLVS bao gồm cơ chế tài chính, huy động các nguồn lực và biện pháp ưu đãi .....	122
6.7 Hoạt động 3-7: Hoàn thiện dự thảo các thông tư thuộc Kết quả-1 .....	122
6.8 Hoạt động 3-8: Chia sẻ kết quả đạt được với các bên liên quan.....	122
<b>7. Những thành tựu của dự án .....</b>	<b>124</b>
7.1 Mức độ hoàn thành mục tiêu thực hiện dự án.....	124
7.2 Đạt được Kết quả-1 .....	125
7.3 Đạt được Kết quả-2 .....	126
7.4 Đạt được Kết quả-3 .....	127
7.5 Kết quả đánh giá năng lực.....	129
7.5.1 Đánh giá năng lực giữa kỳ .....	129
7.5.2 Đánh giá năng lực lần cuối .....	132
7.6 Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình thực hiện dự án.....	134
7.6.1 Hoạt động sửa đổi khung pháp lý cơ sở và các hoạt động liên quan ở Việt Nam.....	134
7.6.2 Trì hoãn thành lập Ủy ban Lưu vực sông .....	134
7.6.3 Bài học và kinh nghiệm thu được thông qua thực hiện dự án.....	134
<b>8. Khuyến nghị nhằm đạt được mục tiêu tổng thể của dự án .....</b>	<b>136</b>
8.1 Tổng quan về hệ thống quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam.....	136
8.2 Những khó khăn trong quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam .....	137
8.3 Những khuyến nghị đối với công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam....	137

### **Danh sách phụ lục**

- Phụ lục 1: Sửa đổi Ma trận thiết kế dự án (PDM) (Bản cập nhật số 0,1,2,3)  
Phụ lục 2: Những sản phẩm cuối cùng của dự án và các điểm thách thức và bối cảnh  
Phụ lục 3: Ma trận Thiết kế dự án (PDM)  
Phụ lục 4: Biên bản các cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án (lần thứ nhất – lần thứ năm)  
Phụ lục 5: Kết quả thảo luận tại các cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh (lần thứ nhất – lần thứ sáu)  
Phụ lục 6: Kết quả đánh giá năng lực ban đầu  
Phụ lục 7: Danh sách học viên các Khóa tập huấn tại Nhật Bản (Tập huấn lần thứ nhất, hai, ba)  
Phụ lục 8: Biên bản bàn giao thiết bị  
Phụ lục 9: Câu hỏi cơ chế điều phối cho sức chịu tải  
Phụ lục 10\*: Các kết quả dự án bao gồm Dự thảo Thông tư, Hướng dẫn kỹ thuật, và các tài liệu liên quan đến Kết quả-3

\* Phụ lục 10 được lưu tại đĩa DVD đính kèm báo cáo

## Danh mục Hình

	Trang
Hình 1-1 Kết quả dự án.....	4
Hình 2-1 Tiến độ công việc.....	15
Hình 2-2 Cấu trúc thực hiện dự án (tính đến tháng 5/2018) .....	16
Hình 2-3 Cấu trúc thực hiện dự án (tính từ tháng 5/2018).....	17
Hình 2-4 Cấu trúc thực hiện các DATĐ .....	17
Hình 3-1 Mối quan hệ giữa hoạt động tăng cường năng lực và các hoạt động khác của Dự án.....	37
Hình 3-2 Chu trình tăng cường năng lực .....	38
Hình 3-3 Thời gian và mục tiêu khảo sát đánh giá năng lực.....	39
Hình 3-4 Tổng số lần học viên tham gia tập huấn .....	40
Hình 3-5 Trung bình các câu trả lời khảo sát đánh giá năng lực ban đầu.....	40
Hình 3-6 Hình ảnh chương trình tham quan học tập lần thứ nhất.....	45
Hình 3-7 Hình ảnh tại chương trình tham quan học tập lần thứ hai.....	47
Hình 4-1 Cơ cấu tổ chức Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT).....	60
Hình 4-2 Cơ cấu tổ chức Tổng cục Môi trường (TCMT) .....	61
Hình 4-3 Cơ cấu tổ chức Viện Khoa học môi trường .....	64
Hình 4-4 Cơ cấu tổ chức Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường (Cục QLCT&CTMT)....	66
Hình 4-5 Sơ đồ tổ chức chung của Sở TN&MT (Tham khảo Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang).....	67
Hình 4-6 Sơ đồ tổ chức của Bộ TN&MT.....	70
Hình 4-7 Sơ đồ tổ chức hiện tại của TCMT.....	71
Hình 4-8 Các bước phối hợp để đạt được sự đồng thuận về đánh giá năng lực ở cấp lưu vực sông.....	78
Hình 4-9 Khung nội dung Thông tư-2 .....	79
Hình 4-10 Kế hoạch xây dựng Thông tư-2 .....	80
Hình 4-11 Khung nội dung Thông tư-3 .....	83
Hình 4-12 Chia sẻ thông tin và dữ liệu môi trường lưu vực sông.....	87
Hình 4-13 Quy trình xây dựng Nghị định (Tích hợp Thông tư -5 và -6).....	89
Hình 5-1 Phạm vi hoạt động của DATĐ.....	99
Hình 5-2 Cấu trúc thực hiện dự án thí điểm (DATĐ).....	99
Hình 5-3 Ví dụ về tổng kết thông tin từ kết quả kiểm kê nguồn xả nước thải .....	104
Hình 5-4 Bản đồ nguồn xả nước thải trong lưu vực sông Cầu.....	105
Hình 5-5 Tải lượng COD (kg/ngày) phát sinh trong lưu vực sông Cầu.....	105
Hình 5-6 Phần trăm tải lượng đóng góp theo các ngành.....	106
Hình 5-7 Minh họa tổng kết thông tin từ kết quả Kiểm kê nguồn xả nước thải .....	108
Hình 5-8 Bản đồ nguồn xả nước thải trong lưu vực sông Đồng Nai .....	108
Hình 5-9 Tải lượng COD (kg/ngày) phát sinh trong lưu vực sông Đồng Nai .....	109
Hình 5-10 Phần trăm tải lượng đóng góp theo các ngành.....	109
Hình 5-11 Ảnh sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng .....	111
Hình 5-12 Ảnh máy đo đa chức năng (trái) và Bộ thử nhanh (phải) .....	112
Hình 5-13 Ảnh tư liệu truyền thông được sử dụng cho sự kiện nâng cao nhận thức môi trường..	113
Hình 5-14 Sự kiện nâng cao nhận thức trên trang thông tin điện tử của Sở TN&MT Bắc Giang và báo điện tử Bắc Giang.....	114
Hình 5-15 Sự kiện nâng cao nhận thức môi trường được đưa tin trên Báo Bắc Giang .....	114
Hình 5-16 Sự kiện nâng cao nhận thức môi trường được đưa tin trên Tạp chí môi trường.....	115
Hình 6-1 Quá trình đánh giá sức chịu tải được đề xuất trong kế hoạch hành động.....	119
Hình 7-1 Đánh giá về khóa tập huấn cơ bản từ TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu phía Bắc....	130
Hình 7-2 Đánh giá về khóa tập huấn cơ bản từ các Sở TN&MT mục tiêu phía Nam .....	130
Hình 7-3 Đánh giá các nội dung kỹ thuật trong khóa tập huấn cơ bản .....	131
Hình 7-4 Phản hồi về khóa tập huấn nâng cao từ TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu phía Bắc.	132
Hình 7-5 Phản hồi về khóa tập huấn nâng cao từ các Sở TN&MT mục tiêu phía Nam .....	133
Hình 7-6 Đánh giá các nội dung kỹ thuật trong khóa tập huấn nâng cao .....	133

### Danh mục Bảng

	Trang
Bảng 1-1 Các hoạt động dự án.....	2
Bảng 2-1 Ma trận thiết kế dự án phiên bản số 3 .....	9
Bảng 2-2 Kế hoạch hoạt động - Kế hoạch và Tiến độ thực tế .....	14
Bảng 2-3 Chức năng của mỗi cơ quan .....	19
Bảng 2-4 Danh sách thành viên Ban chỉ đạo Dự án .....	20
Bảng 2-5 Danh sách Ban QLDA.....	20
Bảng 2-6 Danh sách nhóm công tác liên tỉnh .....	21
Bảng 2-7 Danh sách thành viên nhóm công tác nội tỉnh.....	21
Bảng 2-8 Danh sách thành viên phía Nhật Bản .....	23
Bảng 2-9 Kế hoạch huy động nhân sự của nhóm chuyên gia ngắn hạn (cập nhật tháng 4/2019)....	24
Bảng 3-1 Kết quả thảo luận tại cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ nhất .....	25
Bảng 3-2 Kết quả thảo luận cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ hai .....	26
Bảng 3-3 Kết quả thảo luận cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ ba .....	26
Bảng 3-4 Kết quả thảo luận cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ tư.....	27
Bảng 3-5 Kết quả Thảo luận cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ năm (sẽ được cập nhật sau)....	28
Bảng 3-6 Các cuộc họp thường kỳ Ban QLDA .....	28
Bảng 3-7 Tóm tắt các cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh.....	36
Bảng 3-8 Đánh giá năng lực và những ưu tiên tăng cường năng lực theo kết quả CA ban đầu .....	41
Bảng 3-9 Nội dung ưu tiên tập huấn theo khảo sát đánh giá năng lực ban đầu .....	42
Bảng 3-10 Chương trình tham quan học tập lần thứ nhất (tại lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn) .	43
Bảng 3-11 Chủ đề và nội dung thảo luận nhóm.....	44
Bảng 3-12 Chương trình tham quan học tập lần thứ hai (tại lưu vực sông Cầu) .....	45
Bảng 3-13 Chủ đề thảo luận nhóm.....	46
Bảng 3-14 Kết quả thảo luận tại chương trình tham quan học tập lần thứ hai.....	47
Bảng 3-15 Tóm tắt các hoạt động thảo luận .....	48
Bảng 3-16 Tóm tắt khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất.....	49
Bảng 3-17 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản – Tháng 7 năm 2016.....	49
Bảng 3-18 Tóm tắt khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ ba.....	52
Bảng 3-19 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ ba – tháng 9-10/2018 .....	52
Bảng 3-20 Danh sách thiết bị mua sắm.....	53
Bảng 3-21 Các thông cáo báo chí đã phát hành .....	54
Bảng 4-1 Chức năng và Nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Sở TN&MT liên quan tới QLMTNLVS .....	67
Bảng 4-2 Chương trình tập huấn tổng thể liên quan tới Kết quả - 1 .....	75
Bảng 4-3 Kế hoạch thực hiện Khóa tập huấn BTC 1-1 .....	75
Bảng 4-4 Kết quả thực hiện Khóa tập huấn BTC 1-1 .....	76
Bảng 4-5 Kế hoạch thực hiện Khóa tập huấn ATC 1-1 .....	76
Bảng 4-6 Kết quả thực hiện Khóa tập huấn ATC 1-1.....	76
Bảng 4-7 Số lượng người tham gia trả lời bảng hỏi.....	76
Bảng 4-8 Câu hỏi và trả lời liên quan đến chức năng dự kiến của Tổ chức LVS.....	77
Bảng 4-9 Chương trình cuộc họp kỹ thuật tại tỉnh Vĩnh Phúc.....	81
Bảng 4-10 Minh họa phương thức phân nhóm các cơ sở mục tiêu nhằm xây dựng WDSI.....	83
Bảng 4-11 Danh sách các loại cơ sở (Phụ lục 1 của Thông tư 3) .....	84
Bảng 4-12 Danh sách các thông số mục tiêu trong WDSI (Phụ lục 1 của Dự thảo Thông tư).....	84
Bảng 4-13 Sản phẩm hoạt động kết quả-1 .....	91
Bảng 5-1 Chương trình tập huấn cơ bản và nâng cao thuộc Kết quả - 2 .....	93
Bảng 5-2 Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-2.....	93
Bảng 5-3 Kết quả thực hiện Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-2 .....	94
Bảng 5-4 Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-3.....	95
Bảng 5-5 Kết quả thực hiện khóa tập huấn cơ bản BTC 1-3 .....	95
Bảng 5-6 Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-4.....	95

Bảng 5-7	Kết quả thực hiện khóa tập huấn cơ bản BTC 1-4 .....	96
Bảng 5-8	Kế hoạch thực hiện khóa tập huấn nâng cao ATC 1-2.....	96
Bảng 5-9	Kết quả thực hiện Khóa tập huấn nâng cao ATC 1-2.....	97
Bảng 5-10	Khóa tập huấn nâng cao ATC 1-3 .....	98
Bảng 5-11	Các dự án thí điểm tại lưu vực lưu vực sông Cầu .....	100
Bảng 5-12	Thời gian thực hiện các DATĐ tại lưu vực sông Cầu .....	100
Bảng 5-13	Các dự án thí điểm tại lưu vực sông Đồng Nai .....	101
Bảng 5-14	Thời gian thực hiện dự án thí điểm tại lưu vực sông Đồng Nai .....	102
Bảng 5-15	Thời gian thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng trong DATĐ .....	103
Bảng 5-16	Kết quả dự án thí điểm tại lưu vực sông Cầu .....	103
Bảng 5-17	Kết quả ước tính sức chịu tải.....	106
Bảng 5-18	Kết quả các dự án thí điểm tại lưu vực sông Đồng Nai.....	106
Bảng 5-19	Kết quả ước tính sức chịu tải.....	110
Bảng 5-20	Tóm tắt sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng tại tỉnh Bắc Giang .....	110
Bảng 5-21	Các sản phẩm của hoạt động kết quả-2 .....	115
Bảng 6-1	Vấn bản pháp lý do Dự án đề xuất .....	117
Bảng 6-2	Đề xuất những hoạt động cần thực hiện để thiết lập một hệ thống thể chế mới .....	120
Bảng 6-3	Đề xuất những hoạt động cần thực hiện để tăng cường năng lực tổ chức.....	120
Bảng 6-4	Đề xuất những hoạt động cần thực hiện để cải thiện hệ thống thu thập và chia sẻ thông tin, dữ liệu .....	120
Bảng 7-1	Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu dự án .....	124
Bảng 7-2	Kết quả-1 .....	125
Bảng 7-3	Kết quả-2 .....	127
Bảng 7-4	Kết quả-3 .....	128
Bảng 7-5	Chương trình tập huấn cơ bản BTC .....	129
Bảng 7-6	Chương trình tập huấn nâng cao - ATC .....	132
Bảng 8-1	Đề xuất các hoạt động nhằm đạt được Mục tiêu tổng thể .....	136
Bảng 8-2	Đề xuất hoạt động để đạt được mục tiêu tổng thể của Dự án (Khía cạnh thể chế) .....	138
Bảng 8-3	Đề xuất các hoạt động để đạt được mục tiêu tổng thể của Dự án (khía cạnh kỹ thuật) .	139

**Danh mục từ viết tắt**

ATC	Khóa tập huấn nâng cao
Ban QLDA	Ban quản lý dự án
Bộ CT	Bộ Công thương
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ XD	Bộ Xây dựng
BOD	Nhu cầu ô-xy sinh hóa
BQL KCN	Ban Quản lý khu công nghiệp
BTC	Khóa tập huấn cơ bản
C/P	Đối tác Việt Nam
CA	Đánh giá Năng lực
Cam kết BVMT	Cam kết Bảo vệ môi trường
CD	Tăng cường Năng lực
CEID	Trung tâm Thông tin và Tư liệu môi trường
Chi cục BVMT	Chi cục BVMT
CLN	Chất lượng nước
COD	Nhu cầu ô-xy hóa học
Cục QLTTN	Cục Quản lý Tài nguyên nước
DATĐ	Dự án thí điểm
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
IC/R	Báo cáo khởi động
JCC	Ban Chỉ đạo dự án
JET	Nhóm Chuyên gia JICA
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
Kế hoạch BVMT	Kế hoạch Bảo vệ môi trường
KH PTKT-XH	Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội
KHMT	Viện Khoa học môi trường
LET	Nhóm Chuyên gia dài hạn
Luật BVMT	Luật Bảo vệ môi trường
PDM	Ma trận Thiết kế dự án
QLCT&CTMT	Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường
QLMTNLVS	Quản lý môi trường nước lưu vực sông
QLTH TNN	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước
R/D	Biên bản thảo luận
SET	Nhóm Chuyên gia ngắn hạn
Sở CT	Sở Công thương
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
Sở TP	Sở Tư pháp
Sở XD	Sở Xây dựng
TCMT	Tổng cục Môi trường
TF	Nhóm công tác liên tỉnh
TMDL	Tổng tải lượng ô nhiễm tối đa ngày
Tổ chức LVS	Tổ chức lưu vực sông
TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TPL	Tổng tải lượng ô nhiễm
TT QTMT	Trung tâm Quan trắc Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Viện KHMT	Viện Khoa học môi trường
Vụ KSON	Vụ Kiểm soát ô nhiễm



Vụ QLCT	Vụ Quản lý chất thải
WDSI	Kiểm kê nguồn xả nước thải
WG	Nhóm công tác nội tỉnh



## 1. Tóm tắt báo cáo

### 1.1 Mục đích của báo cáo tổng kết dự án

Báo cáo tổng kết là kết quả cuối cùng của dự án với sự đóng góp của cơ quan phía Việt Nam và Nhật Bản. Báo cáo này tổng hợp toàn bộ các hoạt động, kết quả dự án, thành tựu và khuyến nghị cho tương lai.

Về cấu trúc, báo cáo này được xây dựng dựa trên Ma trận thiết kế dự án (PDM), tập trung làm rõ nội dung Chương 4 (Kết quả-1), Chương 5 (Kết quả-2) và Chương 6 (Kết quả-3). Ngoài ra, do hoạt động quản lý dự án đóng vai trò rất quan trọng trong dự án hợp tác kỹ thuật, các hoạt động này được trình bày chi tiết tại Chương 2. Thành tựu của Dự án được mô tả trong Chương 7 và những khuyến nghị hướng tới mục tiêu tổng thể của dự án được nêu trong chương cuối cùng, Chương 8.

### 1.2 Bối cảnh

Chất lượng môi trường nước ở Việt Nam đã và đang suy giảm do lượng chất ô nhiễm tăng, hệ quả của quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp nhanh chóng, sự thiếu hụt các công trình xử lý nước thải cũng như năng lực vận hành và bảo trì còn hạn chế. Trong năm 2012, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030, trong đó tập trung vào vấn đề kiểm soát nguồn ô nhiễm và quản lý môi trường nước. Tuy đã có những nỗ lực đáng kể từ Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp lý, Việt Nam vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực quản lý môi trường nước do năng lực thực thi pháp luật thiếu toàn diện.

Do đó, Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu Chính phủ Nhật Bản thực hiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật với tên gọi "Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Môi trường nước lưu vực sông" (Dự án). Đáp ứng yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, từ tháng 07 năm 2014 tới tháng 06 năm 2015 Chính phủ Nhật Bản đã thành lập Đoàn công tác đánh giá sơ bộ JICA để thảo luận với phía Việt Nam và xây dựng Đề cương Dự án. Chính phủ Việt Nam và JICA đã ký Biên bản thảo luận Dự án (R/D) vào ngày 24 tháng 8 năm 2015.

Mục tiêu của Dự án bao gồm:

- 1) Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai chính sách của Bộ TN&MT/TCMT,
- 2) Tăng cường năng lực thực thi pháp luật của các Sở TN&MT mục tiêu và thể chế hóa công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông (QLMTN LVS).

### 1.3 Mô tả tóm tắt dự án

#### 1.3.1 Tên và mục tiêu thực hiện dự án

Tên Dự án và Mục tiêu thực hiện dự án được mô tả trong Ma trận Thiết kế Dự án (bản số 3) như sau:

Tên dự án	Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Môi trường Nước tại lưu vực sông (QLMTNLVS)
Mục Tiêu tổng thể:	Tăng cường năng lực thực thi của TCMT/ Bộ TN&MT và các Sở TN&MT; Bộ TN&MT/TCMT sẵn sàng thực hiện hệ thống quản lý môi trường nước lưu vực sông toàn quốc
Mục tiêu Dự án	Tăng cường năng lực xây dựng và triển khai chính sách của TCMT/ Bộ TN&MT và năng lực thực thi công tác QLMTNLVS của các Sở TN&MT mục tiêu tham gia Dự án.
Kết quả-1	Tăng cường năng lực xây dựng các văn bản và thực thi pháp luật về QLMTNLVS của TCMT/ Bộ TN&MT và sở TN&MT mục tiêu, TCMT/ Bộ TN&MT sẽ thiết lập cơ sở thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS
Kết quả-2	Tăng cường năng lực thực hiện QLMTNLVS của TCMT/ Bộ TN&MT và các Sở TN&MT mục tiêu thông qua thực hiện Dự án thí điểm
Kết quả-3	Xây dựng lộ trình cải thiện QLMTNLVS căn cứ vào Kết quả-1 và Kết quả-2, và Bộ TN&MT sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới quản lý tổng hợp tài nguyên

nước lưu vực sông (QLTH TNN LVS).

Một trong những hoạt động chính của Dự án là hoạt động xây dựng văn bản pháp luật với mục tiêu xây dựng 06 văn bản pháp luật. Tên chính thức của 6 văn bản pháp luật này đã được đồng ý của hai phía và được mô tả trong Ma trận thiết kế dự án cuối cùng trình bày dưới đây. Theo dự kiến ban đầu, các văn bản này được dự định phát triển thành các Dự thảo Thông tư. Do đó, phía Việt Nam và phía Nhật Bản đã sử dụng mã từ Thông tư 1 đến Thông tư 6 làm mã chung của các văn bản này.

Thông tư 1: Dự thảo cuối cùng Hướng dẫn / báo cáo kỹ thuật về cơ chế phối hợp cho QLMTNLVS

Thông tư 2: Thông tư đánh giá sức tải

Thông tư 3: Dự thảo văn bản pháp luật về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS.

Thông tư 4: Dự thảo cuối cùng Hướng dẫn chia sẻ dữ liệu và thông tin để tính sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải

Thông tư 5: Dự thảo cuối cùng Thông tư bao gồm quy định về lựa chọn hướng dẫn về định dạng và quy trình yêu cầu bồi thường môi trường đối với môi trường tự nhiên và (Lưu ý)

Thông tư 6: Dự thảo cuối cùng Thông tư bao gồm các quy định về lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ giám sát và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn việc thành lập và hoạt động các hội đồng thẩm định dữ liệu và bằng chứng xác định thiệt hại môi trường. (Lưu ý)

(Lưu ý) Thông tư 5 và Thông tư 6 được luật hóa thành dự thảo nghị định cuối cùng.

### 1.3.2 Thời gian thực hiện dự án

Dự án được thực hiện trong 3.5 năm từ tháng 11/2015 đến 5/2019

### 1.4 Các hoạt động

Từ tháng 11 năm 2015, Dự án đã được triển khai nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông (QLMTNLVS) tại hai lưu vực sông mục tiêu, lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai. Dự án có ba kết quả chính; (i) Kết quả-1 Xây dựng các văn bản pháp luật trong lĩnh vực QLMTNLVS, (ii) Kết quả-2 Tăng cường năng lực (CD) đánh giá sức chịu tải thông qua thực hiện các dự án thí điểm và (iii) Kết quả-3 Đề xuất các hành động cần thực hiện trong QLMTNLVS và khuyến nghị quản lý tổng hợp tài nguyên nước (QLTHTNN) tại Việt Nam. Từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 5 năm 2019, các hoạt động sau đã được triển khai.

**Bảng 1-1 Các hoạt động dự án**

Danh mục	Nội dung
Sơ lược chung	<ul style="list-style-type: none"><li>➤ Tổ chức 46 cuộc họp thường kỳ Ban QLDA nhằm quản lý dự án phù hợp, từ tháng 01/2016 – tháng 3/2019.</li><li>➤ Tổ chức 5 cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án vào các tháng 3, tháng 12 năm 2016; tháng 4 năm 2017; tháng 5 năm 2018; và tháng 4 năm 2019.</li><li>➤ Tổ chức 2 chương trình tham quan học tập tại các lưu vực sông mục tiêu với sự tham gia của nhiều Sở TN&amp;MT phía Bắc và phía Nam.</li><li>➤ Tổ chức 3 khóa tập huấn tại Nhật Bản trong tháng 7 năm 2016, tháng 7 năm 2017, tháng 9 - tháng 10 năm 2018.</li></ul>

Danh mục	Nội dung
<b>Kết quả-1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Dự thảo thông tư<sup>1</sup> do dự án xây dựng về đánh giá sức chịu tải được tích hợp vào trong thông tư 76; đồng thời Hướng dẫn kỹ thuật (TG) đánh giá sức chịu tải, hỗ trợ áp dụng phương pháp mô hình mô phỏng trong đánh giá sức chịu tải sông được ban hành theo Quyết định số 154/2019/QĐ-TCMT, và Sổ tay kỹ thuật về Kiểm kê nguồn xả nước thải đã được xây dựng.</li> <li>➢ Nội dung các thông tư về bồi thường thiệt hại môi trường được xây dựng như một phần sửa đổi nghị định.</li> <li>➢ Hướng dẫn về cơ chế điều phối và Hướng dẫn thu thập và chia sẻ thông tin đã được xây dựng.</li> </ul>
<b>Kết quả-2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Hoạt động phân tích tải lượng ô nhiễm và Kiểm kê nguồn thải đã được thực hiện trong khu vực dự án thí điểm.</li> <li>➢ Chương trình tập huấn cơ bản (BTC) đã được thực hiện từ tháng 9/2016 đến tháng 3/2017. Chương trình tập huấn nâng cao (ATC) được tổ chức từ tháng 3 tới tháng 9 năm 2017. 230 chuyên viên và 134 cán bộ đã được tập huấn thông qua chương trình tập huấn cơ bản và nâng cao, với tài liệu kỹ thuật do JET chuẩn bị.</li> <li>➢ Tài liệu tập huấn đã được tổng hợp và xuất bản dưới dạng tài liệu tham khảo của TCMT để sử dụng cho hoạt động tập huấn trong tương lai tại tất cả các Sở TN&amp;MT.</li> </ul>
<b>Kết quả-3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Hoạt động thử nghiệm về điều phối và chia sẻ thông tin quản lý môi trường nước lưu vực sông giữa các tỉnh lân cận tại mỗi lưu vực sông mục tiêu;</li> <li>➢ Đã tổ chức 6 cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh trong thời gian 9/2016, 3/2017, 9/2017, 12/2017, 1/2018, và 5/2018</li> <li>➢ Kết quả DATĐ và quy trình xây dựng văn bản pháp luật đã được chia sẻ với những Sở TN&amp;MT mục tiêu tại các cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh.</li> <li>➢ Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể về quản lý môi trường nước lưu vực sông cũng như Lộ trình quản lý tổng hợp tài nguyên nước đã được xây dựng.</li> </ul>

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## 1.5 Các sản phẩm Dự án

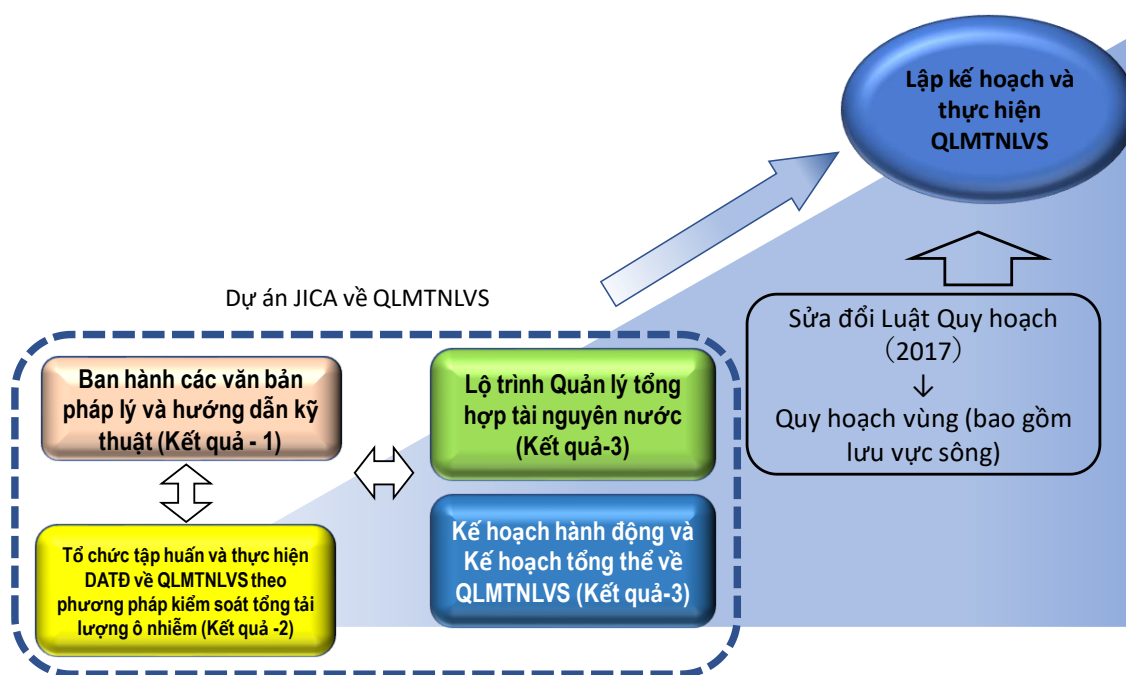
Các sản phẩm của Dự án bao gồm dự thảo và văn bản pháp lý đã ban hành nhằm thực thi công tác QLMTNLVS theo phương pháp kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm – Kết quả -1, hoạt động tập huấn và dự án thí điểm (DATĐ) về phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải – thuộc Kết quả - 2, và Kế hoạch hành động, Kế hoạch tổng thể, và Lộ trình – Kết quả -3.

Mỗi Kết quả của Dự án có mối quan hệ chặt chẽ với các Kết quả còn lại. Ví dụ, các văn bản pháp lý trong khuôn khổ Kết quả - 1 được xây dựng dựa trên kinh nghiệm và thông tin thu thập được từ chương trình tập huấn và DATĐ thuộc Kết quả - 2. Nội dung của các kế hoạch và lộ trình thuộc Kết quả-3 được rà soát, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các văn bản pháp lý được đề xuất tại Kết quả -1. Từ những sản

<sup>1</sup>“Thông tư” là văn bản pháp luật giải thích, hướng dẫn thực hiện những văn bản của nhà nước ban hành, thuộc phạm vi quản lý của một ngành nhất định. Dưới đây là những văn bản quy phạm pháp luật tại Việt Nam.

Văn bản pháp luật	Từ viết tắt	Cơ quan có thẩm quyền ban hành
Luật	QH-	Quốc hội
Nghị quyết	NQ-	Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, v.v...
Nghị định	ND-CP	Thủ tướng Chính phủ
Quyết định	QĐ-	Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, v.v...
Thông tư	TT-	Bộ trưởng, v.v...
Thông báo	TB-	Bộ trưởng, v.v...

phẩm Dự án, phía đối tác Việt Nam được kỳ vọng sẽ lập kế hoạch và thực thi công tác QLMTNLVS theo phương pháp kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 1-1 Kết quả dự án**

## 1.6 Danh mục các sản phẩm, công việc thầu phụ, tập huấn kỹ thuật, hội thảo

Trong khuôn khổ dự án, các hoạt động DATĐ, tập huấn kỹ thuật, hội thảo v.v... đã được chuẩn bị và thực hiện.

### 1) Sản phẩm

STT	Kết quả	Tên sản phẩm	Hình thức sản phẩm tại thời điểm kết thúc dự án
1	Kết quả -1	Quy định về khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ	Thông tư 76 Dự thảo Thông tư do dự án xây dựng
2		Ban hành hướng dẫn kỹ thuật tính toán sức chịu tải nguồn nước sông	Quyết định TCMT
3		Sổ tay kỹ thuật về kiểm kê nguồn nước thải trọng điểm phục vụ quản lý môi trường nước lưu vực sông	Sổ tay kỹ thuật Dự thảo Thông tư do dự án xây dựng
4		Hướng dẫn chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn nước thải	Dự thảo Hướng dẫn
5		Hướng dẫn cơ chế điều phối trong quản lý tải lượng ô nhiễm	Dự thảo Hướng dẫn
6		Báo cáo bồi thường thiệt hại môi trường	Dự thảo Thông tư Dự thảo Nghị định
7	Kết quả -2	Tài liệu tập huấn hướng dẫn tính toán sức chịu tải nguồn nước sông	Xuất bản
8	Kết quả -3	Kế hoạch hành động trong QLMTNLVS	-

STT	Kết quả	Tên sản phẩm	Hình thức sản phẩm tại thời điểm kết thúc dự án
9		Kế hoạch tổng thể về QLMTNLVS	-
10		Lộ trình quản lý tổng hợp tài nguyên nước	-

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## 2) Các dự án thí điểm

STT	Kết quả	Nội dung	Hình thức sản phẩm	Mô tả sản phẩm
1	Kết quả-2	Phân tích tải lượng ô nhiễm (Lưu vực sông Cầu)	Mô hình QUAL2K Báo cáo	Mô hình CLN / CSDL Văn bản
2		Phân tích tải lượng ô nhiễm (Lưu vực sông Đồng Nai)	Mô hình MIKE11 Báo cáo	Mô hình CLN / CSDL Văn bản
3		Nghiên cứu mô hình mô phỏng chất lượng nước sử dụng cho tính sức chịu tải và khuyến nghị sử dụng mô hình cho dự án thí điểm tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai	Báo cáo	Văn bản
4		Xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải (Lưu vực sông Cầu)	CSDL Báo cáo	Định dạng Excel Văn bản
5		Xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải (Lưu vực sông Đồng Nai)	CSDL Báo cáo	Định dạng Excel Văn bản
6		Nâng cao nhận thức môi trường hướng tới các em học sinh	Tổ chức sự kiện Báo cáo	Hoạt động hiện trường Văn bản
7		Rà soát cơ chế phối hợp hiện hành phục vụ công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông	Báo cáo	Văn bản
8		Rà soát chính sách, luật, và hệ thống tổ chức hiện tại về đánh giá sức chịu tải và ước tính hạn ngạch xả thải	Báo cáo	Văn bản
9		Rà soát hệ thống thể chế và luật về các nguồn thải chính phục vụ QLMTNLVS tại Việt Nam	Báo cáo	Văn bản
10		Rà soát hệ thống thể chế và pháp luật hiện tại về quản lý thu thập, sử dụng, khai thác thông tin và dữ liệu trong QLMTNLVS tại Việt Nam	Báo cáo	Văn bản

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## 3) Hoạt động tập huấn kỹ thuật

STT	Nội dung tập huấn	Chuyên gia	Số lượng	Lượt học viên
1	Tập huấn tại Nhật Bản năm 2016 “Tăng cường năng lực quản lý hành chính trong quản lý lưu vực sông”	JET	1 lần	11 học viên
2	Tập huấn tại Nhật Bản năm 2017 “Tăng cường Năng lực Quản lý Môi trường nước dành cho lưu vực sông Cầu và sông Đồng Nai – Sài Gòn”	JET	1 lần	10 học viên
3	Tập huấn tại Nhật Bản năm 2018 “Tăng cường năng lực quản lý hành chính trong quản lý lưu vực sông”	JET	1 lần	10 học viên
4	Thăm quan học tập	JET	2 lần	117 học viên
5	BTC-1-1 (Quan trắc và tiêu chuẩn chất lượng nước)	Ông Takashi Onuma, Ông Kengo Naganuma	8 lần	161 học viên
6	BTC-1-2 (Lập kế hoạch và thực hiện kiểm kê nguồn ô nhiễm)	Ông Hiroshi Nakano	9 lần	136 học viên
7	BTC-1-3 (Khoanh vùng ranh giới lưu vực, phân tích mưa-dòng chảy, và lưu lượng dòng chảy)	Ông Masakazu Miyagi,	19 lần	257 học viên

STT	Nội dung tập huấn	Chuyên gia	Số lượng	Lượt học viên
		Ông Yoshiki Yamamoto		
8	BTC-1-4 (Lập kế hoạch và thực hiện thanh tra môi trường và kiểm soát nguồn ô nhiễm)	Ông Kengo Naganuma, Ông Hiroshi Nakano	17 lần	202 học viên
9	ATC-1-1 (Thảo luận về tổng tải lượng ô nhiễm và hạn ngạch xả thải trong các nghiên cứu thí điểm tại Nhật Bản)	Ông Takashi Onuma, Ông Ichiro Adachi	8 lần	54 học viên
10	ATC-1-2-1 (Thực hành tập huấn về mô hình mô phỏng và phân tích tải lượng ô nhiễm)	Ông Yoshiki Yamamoto Ông Masakazu Miyagi Viện CNMT, Trung tâm CNMT	26 lần	192 học viên
11	ATC-1-2-2 (Thực hành tập huấn về tính toán sức chịu tải)	Ông Yosuke Horie Viện CNMT, Trung tâm CNMT	23 lần	130 học viên
12	ATC-1-3 (Thực hành tập huấn xây dựng WDSI, và bài giảng về ứng dụng WDSI cho các hoạt động kiểm soát ô nhiễm)	Ông Tạ Đăng Toàn, TS. Nguyễn Minh Sơn (Viện CNMT); Ông Bùi Huy Thông (Trung tâm CNMT); Ông Hiroshi Nakano	8 lần	50 học viên

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

#### 4) Các cuộc họp/ bản tin dự án

#	Nội dung	Lần	Tổng số đại biểu
1	Họp ban chỉ đạo dự án (JCC)	5 lần	212 đại biểu
2	Họp nhóm công tác liên tỉnh (TF)	10 lần	255 đại biểu
3	Họp ban quản lý dự án (PMU)	45 lần	-
4	Làm việc với Sở TN&MT	-	-
5	Thông cáo báo chí của dự án	14 lần	-

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

#### 5) Hội thảo

STT	Tên hội thảo	Ngày tổ chức	Số lượng đại biểu
1	Hội thảo khởi động “Hướng tới thực thi quản lý môi trường nước lưu vực sông - Các hoạt động của dự án QLMTNLVS”	22/3/2016	46 đại biểu
2	Hội thảo lựa chọn mô hình mô phỏng	20/4/2016	25 đại biểu
3	Hội thảo - Tư vấn về Dự thảo Thông tư Quy định thủ tục đòi bồi thường thiệt hại môi trường	31/8/2016	80 đại biểu
4	Hội thảo - Tư vấn về Dự thảo Thông tư Quy định thủ tục đòi bồi thường thiệt hại môi trường	7/9/2016	61 đại biểu
5	Hội thảo quản lý tổng hợp môi trường nước lưu vực sông. Công cụ cho quản lý môi trường sông (Tổng tải lượng tối đa ngày-TMDL, và Tổng tải lượng ô nhiễm-TPL)	1/11/2017	53 đại biểu
6	Họp kỹ thuật phục vụ xây dựng Thông tư-2	10/3/2017	29 đại biểu
7	Hội thảo Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (IWRM)	21/4/2017	41 đại biểu
8	Hội thảo kỹ thuật xây dựng thông tư -2 và 3 (Lưu vực sông Đồng Nai)	27/6/2017	39 đại biểu
9	Hội thảo kỹ thuật xây dựng thông tư -2 và 3 (Lưu vực sông Cầu)	29/6/2017	46 đại biểu
10	Hội thảo kỹ thuật về hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật cho tính sức chịu tải và phân bổ xả thải	15-16/9/2017	26 đại biểu



STT	Tên hội thảo	Ngày tổ chức	Số lượng đại biểu
11	Hội thảo tư vấn kỹ thuật về văn bản luật cho quản lý môi trường nước lưu vực sông	22/12/2017	46 đại biểu
12	Hội thảo công bố các kết quả của dự án	1/11/2018	48 đại biểu
13	Hội thảo cuối cùng công bố kết quả dự án	11/4/2019	72 đại biểu

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## **2. Thông tin chung**

### **2.1 Ma trận thiết kế dự án (PDM) và kế hoạch hoạt động (PO)**

Sửa đổi Ma trận Thiết kế Dự án đã được thực hiện ba lần nhằm phản ánh điều kiện thay đổi trong quá trình triển khai dự án, và các đề xuất của đối tác. Phụ lục 1 trình bày thay đổi trong Ma trận thiết kế dự án, và Phụ lục 2 trình bày kết quả cuối cùng của dự án.

Bảng 2-1 trình bày ma trận thiết kế dự án (PDM phiên bản 3.0) đã được đồng ý trong buổi họp JCC lần thứ 4 ngày 10 tháng 5 năm 2018 và hoàn thiện ngày 3 tháng 7 năm 2018. Kế hoạch hoạt động (PO) theo tiến độ thực tế của dự án được trình bày trong Bảng 2-2.

**Bảng 2-1 Ma trận thiết kế dự án phiên bản số 3**

Tên dự án: Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông

Thời gian thực hiện dự án: Tháng 11 năm 2015 đến tháng 5 năm 2019 (3.5 năm)

Khu vực thực hiện dự án: Lưu vực sông Cầu (tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Bắc Ninh) và lưu vực sông Đồng Nai (tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, và Bà Rịa-Vũng Tàu)

Các cơ quan mục tiêu: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)/ Tổng cục Môi trường (TCMT), Viện Khoa học Môi trường (Viện KHMT), Vụ Quản lý chất thải và các đơn vị liên quan, các Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) tham gia dự án và các cơ quan liên quan khác.

Phiên bản - 03: tháng 7 năm 2018

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
<b>Mục tiêu tổng thể</b> Tăng cường năng lực thực thi của Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT; Bộ TN&MT/TCNT và các Sở TN&MT sẵn sàng thực hiện hệ thống quản lý môi trường nước lưu vực sông (LVS) trên toàn quốc.	1. Bộ TN&MT/TCMT thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS có xem xét đến công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLTHTNNLVS). 2. Đề xuất kiện toàn và tăng cường hiệu quả hoạt động của Ủy ban QLMTNLVS sông Cầu và sông Đồng Nai. 3. Chính quyền địa phương tại các LVS lựa chọn lồng ghép chính sách QLMTNLVS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương mình. 4. Bộ TN&MT/TCMT xác định các LVS quan trọng khác để áp dụng cơ chế QLMTNLVS ở Việt Nam trong tương lai.	1. Các văn bản pháp luật do Bộ TN&MT/TCMT soạn thảo.  2. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội do chính quyền địa phương xây dựng.	Các chính sách chính về QLMTNLVS ở Việt Nam không thay đổi theo chiều hướng tiêu cực.
<b>Mục tiêu của Dự án</b> Tăng cường năng lực soạn thảo và thực thi chính sách, pháp luật của Bộ TN&MT/TCMT và năng lực thực thi công tác BVMTNLVS của các Sở TN&MT tham gia dự án.	1. Bộ TN&MT/TCMT và các đơn vị liên quan nộp bản hoàn thiện cuối của Dự thảo văn bản pháp luật đến Bộ trưởng Bộ TN&MT (Bản hoàn thiện cuối của Dự thảo Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản khác). 2. Bộ TN&MT/TCMT chia sẻ chính sách liên quan đến cơ chế QLMTNLVS trong Bộ TN&MT/TCMT và tới các đơn vị, tổ chức khác. 3. Bộ TN&MT/TCMT bắt đầu các hoạt động cần thiết theo Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể về QLMTNLVS, tầm nhìn tới năm 2020. 4. Chính quyền địa phương lồng ghép chính sách QLMTNLVS vào các hoạt động quản lý môi trường tại địa phương. 5. Bộ TN&MT/TCMT xây dựng Lộ trình QLHTNNLVS theo đề xuất.	1. Kết quả thực tế của dự án. 2. Khảo sát Bộ TN&MT/TCMT và các UBND/Sở TN&MT mục tiêu bằng hình thức bảng hỏi ở giai đoạn đầu, giữa và cuối của dự án. 3. Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu xây dựng.	Các kết quả Kết quả của dự án được Bộ TN&MT/TCMT và chính quyền địa phương nhân rộng trong cả nước phục vụ công tác QLMTNLVS.
<b>Các kết quả</b> Kết quả-1. Tăng cường năng lực xây dựng các văn bản và thực thi pháp luật về QLMTNLVS của Bộ TN&MT/TCMT và các UBND tỉnh/Sở TN&MT tham gia dự án; thiết lập cơ sở thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS.	1-1 Bộ TN&MT/TCMT chuẩn bị tối thiểu bản dự thảo hoàn thiện của ba (3) văn bản pháp luật (Dự thảo cuối cùng của Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản khác)	1-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu xây dựng.	Chính quyền địa phương mục tiêu cam kết hợp tác với dự án.

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
	<p>trong sáu (6) dự thảo, với sự phối hợp từ Nhóm Chuyên gia JICA (JET).</p> <p>1) Dự thảo cuối Hướng dẫn/Báo cáo kỹ thuật về cơ chế điều phối QLMTNLVS;</p> <p>2) Thông tư quy định đánh giá sức chịu tải</p> <p>3) Dự thảo cuối văn bản pháp lý về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS;</p> <p>4) Dự thảo cuối Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải</p> <p>5) Dự thảo cuối Thông tư hướng dẫn thủ tục đề thực hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên;*</p> <p>6) Dự thảo cuối Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.*</p> <p>* Ghi chú: Chỉ tiêu 1-1 5) và 1-1 6) được quy định và tích hợp thành dự thảo cuối của một Nghị định.</p> <p>1-2: Hơn 10 cán bộ (80%) đối tác được đào tạo kỹ thuật, và hơn 6 người (50%) có đủ kỹ năng, kiến thức xây dựng chính sách và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về QLMTNLVS</p>	<p>1-2 Số lượng thực tế các kết quả dự án đạt được và tình hình áp dụng các kết quả đó.</p> <p>1-3 Các khóa tập huấn được tổ chức, biên bản thảo luận và nội dung các dự thảo được xây dựng.</p> <p>1-4 Tài liệu trình bày, ghi chép, bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	<p>Các tổ chức liên quan trực thuộc chính quyền địa phương tham gia dự án như Sở NN&amp;PTNT, Sở Xây Dựng, Sở Công Thương, Ban quản lý Khu công nghiệp, Phòng Cảnh sát môi trường... tham gia phối hợp với dự án.</p>
<p>Kết quả-2. Tăng cường năng lực thực hiện công tác QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT thông qua việc thực hiện dự án thí điểm.</p>	<p>2-1 Hơn 80% các hoạt động của dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai được hoàn thành.</p> <p>2-2 Hơn 50 cán bộ đối tác (70%) được đào tạo, và hơn 35 cán bộ (50%) có đủ kỹ năng, kiến thức xây dựng các công cụ thực thi và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về QLMTNLVS</p> <p>2-3 Hơn 30 cán bộ đối tác (40%) có đủ kỹ năng, kiến thức lập kế hoạch và thực thi QLMTNLVS. Hai trong số ba Sở TN&amp;MT mục tiêu có thể đánh giá sức chịu tải trên địa bàn tỉnh mình và TCMT có thể đánh giá sức chịu tải ở các LVS liên quan.</p> <p>2-4 Trên 40% các Sở TN&amp;MT mục tiêu tiến hành đánh giá sức chịu tải của sông nội tỉnh.</p> <p>2-5 Hơn 2 hội thảo và hội nghị được tổ chức nhằm chia sẻ và phổ biến các kết quả đạt được trong quá trình thực hiện dự án.</p>	<p>2-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT mục tiêu xây dựng.</p> <p>2-2 Các kết quả của dự án và tình hình áp dụng các kết quả đó.</p> <p>2-3 Các khóa tập huấn được tổ chức, biên bản thảo luận và nội dung các đề xuất được xây dựng.</p> <p>2-4 Kết quả đánh giá năng lực.</p> <p>2-5 Các ghi chép và bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
Kết quả-3. Xây dựng lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS căn cứ vào Kết quả của Kết quả-1 và Kết quả-2, và Bộ TN&MT sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới công tác QLTHNNLVS.	3-1 Hơn 10 cán bộ đối tác được đào tạo, và hơn 5 cán bộ có đủ kĩ năng, kiến thức thực hiện lộ trình đã xây dựng. 3-2 Bộ TN&MT/TCMT chủ động điều phối các hoạt động cần thiết để chuẩn bị dự thảo cuối cùng của các văn bản pháp luật (Dự thảo Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản tương đương) dựa trên các văn bản pháp luật nhóm chuyên gia JICA hỗ trợ xây dựng theo kết quả 1. 3-3 Các mô hình điều phối liên tỉnh được đề xuất tại LVS Cầu và LVS Đồng Nai. 3-4 TCMT xây dựng các kế hoạch nhằm quản lý cơ chế QLMTNLVS có tham khảo những dự thảo văn bản pháp lý do Dự án đề xuất. 3-5 Dựa trên các kết quả của dự án, Bộ TN&MT/TCMT xây dựng và điều chỉnh lộ trình.	3-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT tham gia dự án xây dựng. 3-2 Biên bản tập huấn, thảo luận và nội dung các đề xuất 3-3 Dự thảo cuối cùng của các Thông tư. 3-4 Lộ trình dự thảo được xây dựng và trình bày. 3-5 Các kết quả và công cụ dự án thực hiện được và tình hình áp dụng các kết quả và công cụ đó. 3-6 Các ghi chép và bình luận tại các hội nghị, hội thảo.	
<p><b>Các hoạt động:</b></p> <p><b>Kết quả-1. Tăng cường năng lực xây dựng các văn bản và thực thi pháp luật về QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các UBND tỉnh/Sở TN&amp;MT tham gia dự án; thiết lập cơ sở thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS.</b></p> <p>Hoạt động 1-1: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về QLMTNLVS; phát hiện những điểm bất cập, chồng chéo, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Hoạt động 1-2: Nghiên cứu, phân định chức năng nhiệm vụ QLMTNLVS của Bộ TN&amp;NT, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương.</p> <p>Hoạt động 1-3: Xây dựng chương trình tập huấn và tổ chức tập huấn</p> <p>Hoạt động 1-4: Xây dựng dự thảo cuối Hướng dẫn/Báo cáo kỹ thuật về cơ chế điều phối QLMTNLVS.</p> <p>Hoạt động 1-5: Xây dựng dự thảo thông tư đánh giá sức chịu tải.</p> <p>Hoạt động 1-6: Xây dựng dự thảo cuối văn bản pháp lý về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS.</p> <p>Hoạt động 1-7: Xây dựng dự thảo cuối Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải.</p> <p>Hoạt động 1-8: Xây dựng dự thảo cuối Thông tư hướng dẫn thủ tục để thực hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên.</p>	<p><b>Dầu vào</b></p> <p><b>Phía Nhật Bản</b></p> <p>1) Chuyên gia dài hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng nhóm/ Điều phối dự án/ Chính sách quản lý môi trường</li> </ul> <p>2) Chuyên gia ngắn hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý Môi trường nước LVS</li> <li>- Quan trắc chất lượng nước và phân tích mô hình mô phỏng</li> <li>- Kiểm kê nguồn gây ô nhiễm và thanh tra</li> <li>- Phân tích tải lượng ô nhiễm</li> <li>- Tài nguyên nước/ Thủy văn</li> <li>- Biện pháp kiểm soát ô nhiễm</li> <li>- Quy hoạch thể chế/tài chính và đền bù thiệt hại</li> <li>- Quản lý thông tin dữ liệu</li> <li>- Nhận thức cộng đồng</li> <li>- Điều phối viên</li> </ul> <p>3) Hội nghị và Hội thảo</p> <p>4) Tập huấn tại Nhật Bản: 3 khóa trong quá trình thực hiện dự án (đối tượng tham gia: Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT)</p> <p>5) Tham quan học tập tại Việt Nam: 2 lần trong thời gian thực hiện dự án (chuyên 2 ngày và 3 ngày dành cho các bên liên quan về QLMTNLVS).</p> <p>6) Các thiết bị tối thiểu và phương tiện đi lại cần thiết cho các hoạt động dự án</p>		<p><b>Điều kiện tiên quyết</b></p> <p>Dự án được Chính phủ Việt Nam chính thức phê duyệt</p> <p>Bộ TN&amp;MT kí kết thỏa thuận với các tỉnh mục tiêu về việc thực hiện và phối hợp thực hiện dự án</p>

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
<p>Hoạt động 1-9: Xây dựng dự thảo cuối Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.</p> <p>Hoạt động 1-10: Hướng dẫn và chia sẻ các kết quả được xây dựng với các đơn vị của Bộ TN&amp;MT/TCMT và Sở TN&amp;MT tại các LVS tham gia dự án.</p> <p><b>Kết quả-2. Tăng cường năng lực thực hiện công tác QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT thông qua việc thực hiện Dự án thí điểm.</b></p> <p>Hoạt động 2-1: Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực căn cứ theo các nhu cầu về tăng cường năng lực và các kết quả đánh giá năng lực.</p> <p>Hoạt động 2-2: Xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện các khóa đào tạo.</p> <p>Hoạt động 2-3: Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai có xác định rõ trách nhiệm của Bộ TN&amp;MT/TCMT, Sở TN&amp;MT và Nhóm chuyên gia JICA (JET)</p> <p>Hoạt động 2-4: Thực hiện dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai bao gồm hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>Hoạt động 2-5: Chia sẻ kết quả Kết quả được xây dựng cùng với các đơn vị liên quan của Bộ TN&amp;MT/TCMT và Sở TN&amp;MT tại các LVS mục tiêu</p> <p><b>Kết quả-3. Xây dựng lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS căn cứ vào kết quả của kết quả-1 và kết quả-2, và Bộ Tài nguyên Môi trường sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới công tác QLTHNNLVS.</b></p> <p>Hoạt động 3-1: Lồng ghép tất cả các kết quả Kết quả của dự án và phản ánh trong các bản thảo cuối cùng của các văn bản pháp luật nêu trong kết quả-1</p> <p>Hoạt động 3-2: Xây dựng kế hoạch tập huấn và tiến hành tập huấn</p> <p>Hoạt động 3-3: Xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải thiện công tác QLMTNLVS, trong đó xác định rõ vai trò và trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan.</p>	<p>7) Tư vấn trong nước để thực hiện các công việc thầu phụ, đặc biệt cho dự án thí điểm</p> <p><b>Phía Việt Nam</b></p> <p>1) Cán bộ tham gia dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ TN&amp;MT/TCMT</li> <li>- Các Sở TN&amp;MT</li> </ul> <p>2) Văn phòng dự án đặt tại Bộ TN&amp;MT và các LVS mục tiêu</p> <p>3) Phân bổ ngân sách lương và các khoản chi phí khác cho phía đối ứng trong giai đoạn thực hiện dự án</p> <p>4) Phân bổ ngân sách chi phí vận hành thiết bị do dự án mua</p>		

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
Hoạt động 3-4: Xây dựng kế hoạch tổng thể và tiến độ thực hiện công tác cải thiện và thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS cho Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT tại các LVS mục tiêu Hoạt động 3-5: Xây dựng lộ trình bao gồm các bước thực hiện tiếp theo hướng tới QLHTNNLVS. Hoạt động 3-6: Nghiên cứu và xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ công tác QLMTNLVS bao gồm cơ chế tài chính, huy động nguồn lực và khuyến khích. Hoạt động 3-7: Hoàn thiện các văn bản pháp luật được xây dựng ở kết quả 1. Hoạt động 3-8: Chia sẻ các kết quả Kết quả với các bên liên quan.			

Nguồn: Biên bản Cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án lần thứ tư

**Bảng 2-2 Kế hoạch hoạt động - Kế hoạch và Tiến độ thực tế**

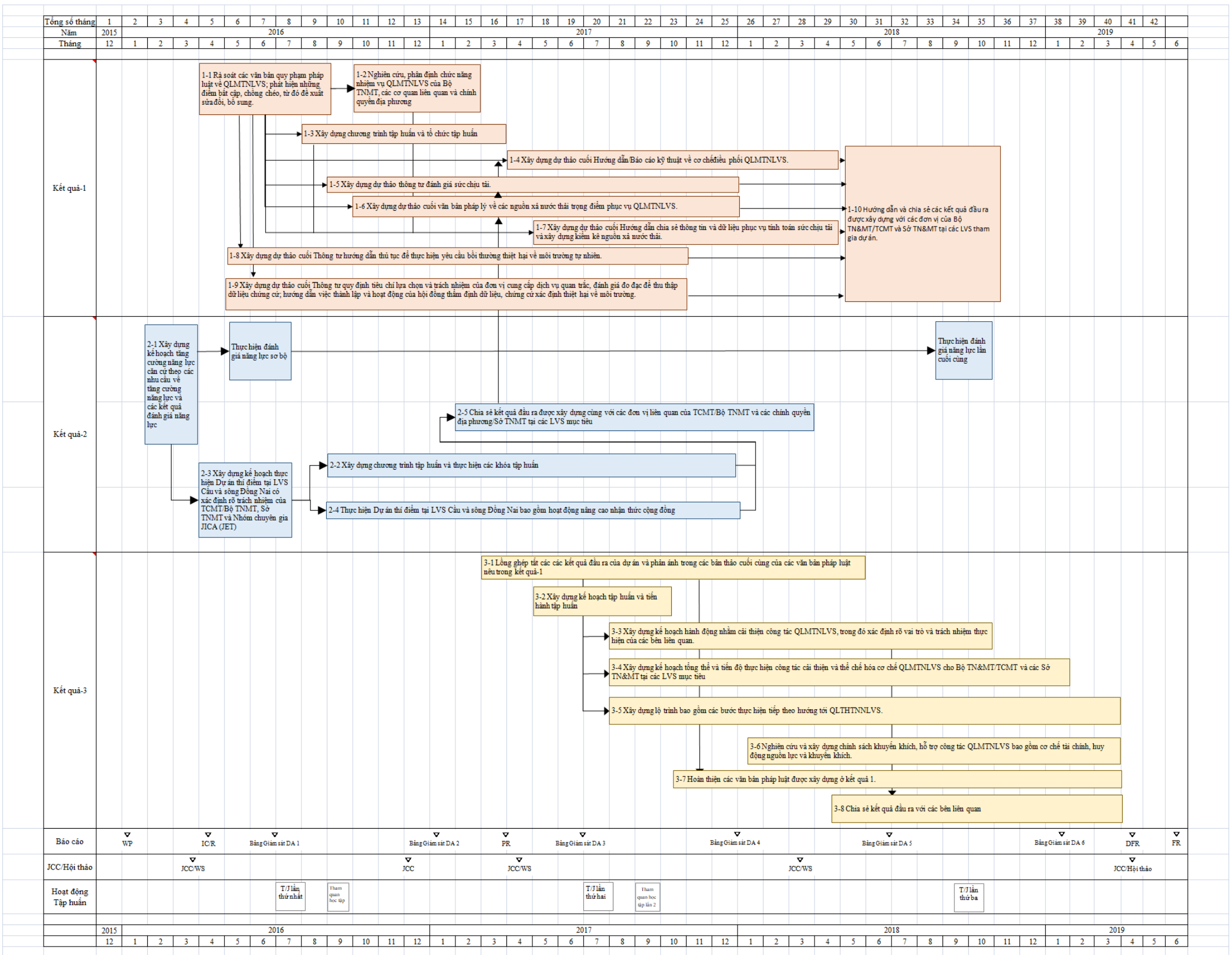
Các hoạt động		Kế hoạch	JFY 2015				JFY 2016				JFY 2017				JFY 2018				JFY 2019			
Các hoạt động hợp phần		Thực tế	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV		
<b>Kết quả 1: Tăng cường năng lực xây dựng và thực thi văn bản pháp luật về QLMTNLVS của TCMT/Bộ TNMT và các Sở TNMT mục tiêu, dựa trên thể chế QLMTNLVS đã được xây dựng.</b>																						
1-1 Rà soát nội dung và việc thực thi các văn bản pháp luật trong QLMTNLVS, phát hiện những điểm bất cập và chồng chéo trong những tài liệu này, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-2 Nghiên cứu, và định nghĩa các chức năng và nhiệm vụ của Bộ TN&NT, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương trong QLMTNLVS.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-3 Xây dựng chương trình tập huấn và tổ chức tập huấn	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-4: Xây dựng dự thảo hướng dẫn/ báo cáo kỹ thuật về cơ chế điều phối QLMTNLVS	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-5 Xây dựng dự thảo thông tư quy định về đánh giá sức chịu tải	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-6: Xây dựng dự thảo thông tư quy định quy trình kiểm kê và thiết lập bộ dữ liệu về nguồn nước thải và số tay xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải phục vụ QLMTNLVS.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-7 Xây dựng dự thảo hướng dẫn về cơ chế chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ đánh giá sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả thải	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-8: Xây dựng dự thảo Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 1 năm 2015 về đ ánh giá thiệt hại môi trường.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
1-9 Hướng dẫn và chia sẻ các kết quả đầu ra được xây dựng cùng với các đơn vị của TCMT/Bộ TNMT và các Sở TNMT tại các LVS mục tiêu.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
<b>Các hoạt động</b>		Kế hoạch	JFY 2015				JFY 2016				JFY 2017				JFY 2018				JFY 2019			
Các hoạt động hợp phần		Thực tế	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV		
<b>Kết quả-2: Tăng cường năng lực thực thi pháp luật QLMTNLVS của TCMT/Bộ TNMT và các Sở TNMT thông qua thực hiện các Dự án thí điểm.</b>																						
2-1 Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực căn cứ theo các nhu cầu về tăng cường năng lực và các kết quả đánh giá năng lực.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
2-2 Xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện các khóa đào tạo.	Kế hoạch																					
	Actual																					
2-3 Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai có xác định rõ trách nhiệm của TCMT/Bộ TNMT, Sở TNMT và Nhóm chuyên gia JICA (JET)	Kế hoạch																					
	Actual																					
2-4 Thực hiện DATD tại LVS Cầu và sông Đồng Nai (bao gồm hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng)	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
2-5 Chia sẻ kết quả đầu ra được xây dựng cùng với các đơn vị liên quan của TCMT/Bộ TNMT và các Sở TNMT tại các LVS mục tiêu	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
<b>Các hoạt động</b>		Kế hoạch	JFY 2015				JFY 2016				JFY 2017				JFY 2018				JFY 2019			
Các hoạt động hợp phần		Thực tế	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV		
<b>Kết quả-3: Xây dựng lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS căn cứ vào đầu ra của Kết quả-1 và Kết quả-2, và Bộ TNMT sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới công tác QLTHTNLVS.</b>																						
3-1 Lồng ghép tất các kết quả đầu ra của dự án và phản ánh trong các bản dự thảo cuối cùng của các thông tư nêu trong kết quả-1	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
3-2 Xây dựng kế hoạch tập huấn và tiến hành tập huấn	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
3-3 Xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải thiện công tác QLMTNLVS, trong đó xác định rõ vai trò và trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
3-4 Xây dựng kế hoạch tổng thể và tiến độ thực hiện công tác cải thiện và thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS cho TCMT/Bộ TNMT và các Sở TNMT tại các LVS mục tiêu	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
3-5 Xây dựng lộ trình bao gồm các bước thực hiện tiếp theo hướng tới QLTHTNLVS.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
3-6 Nghiên cứu và xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ công tác QLMTNLVS bao gồm cơ chế tài chính, huy động nguồn lực và khuyến khích.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
3-7 Hoàn thiện các dự thảo thông tư được xây dựng ở Kết quả - 1.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
3-8 Chia sẻ các kết quả đầu ra với các bên liên quan.	Kế hoạch																					
	Thực tế																					

Nguồn: Viện KHMT, Cục QLCT, và JET xây dựng

## 2.2 Tiến độ công việc

Tiến độ công việc và Lịch công tác của Nhóm Chuyên gia ngắn hạn JICA (SET) được trình bày trong Hình 2-1 .





Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

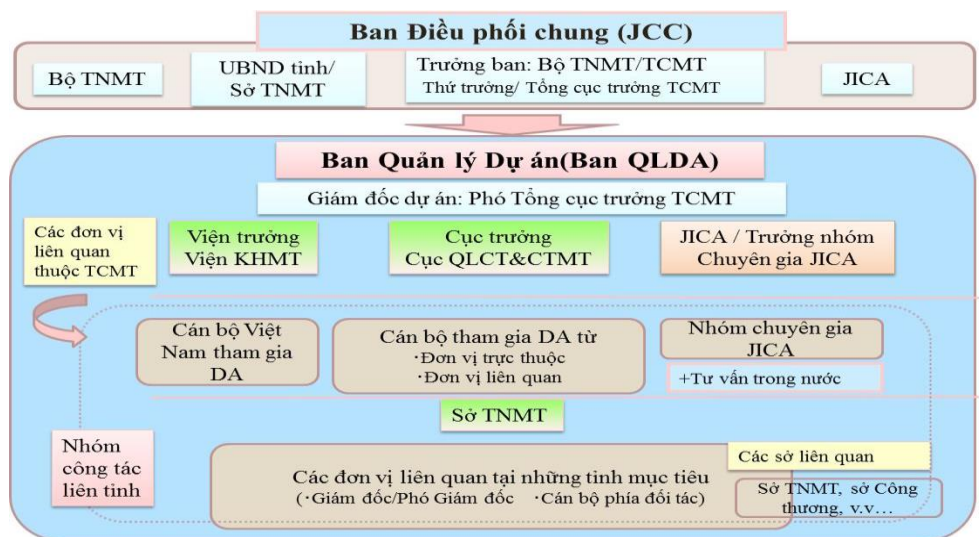
Hình 2-1 Tiến độ công việc

## 2.3 Cấu trúc thực hiện dự án

Trong giai đoạn đầu của Dự án, đối tác chính phía Việt Nam là Cục Quản lý Chất thải và Cải thiện môi trường (Cục QLCT&CTMT), Viện Khoa học môi trường (Viện KHMT) trực thuộc TCMT, và 7 Sở TN&MT mục tiêu. Từ ngày 10 tháng 5 năm 2018, TCMT đã tái cấu trúc theo Quyết định số 15/2018 / QĐ-TTg Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, ngày 12 tháng 3 năm 2018. Về cơ bản, không có thay đổi nào của nhóm mục tiêu như trong Hình 2-3 các mục được sửa đổi trong PDM. Sự thay đổi duy nhất về cơ cấu thực hiện dự án là Cục quản lý chất thải và cải thiện môi trường (Cục QLCT&CTMT), thành Cục quản lý chất thải (Cục QLCT) và các phòng ban liên quan.

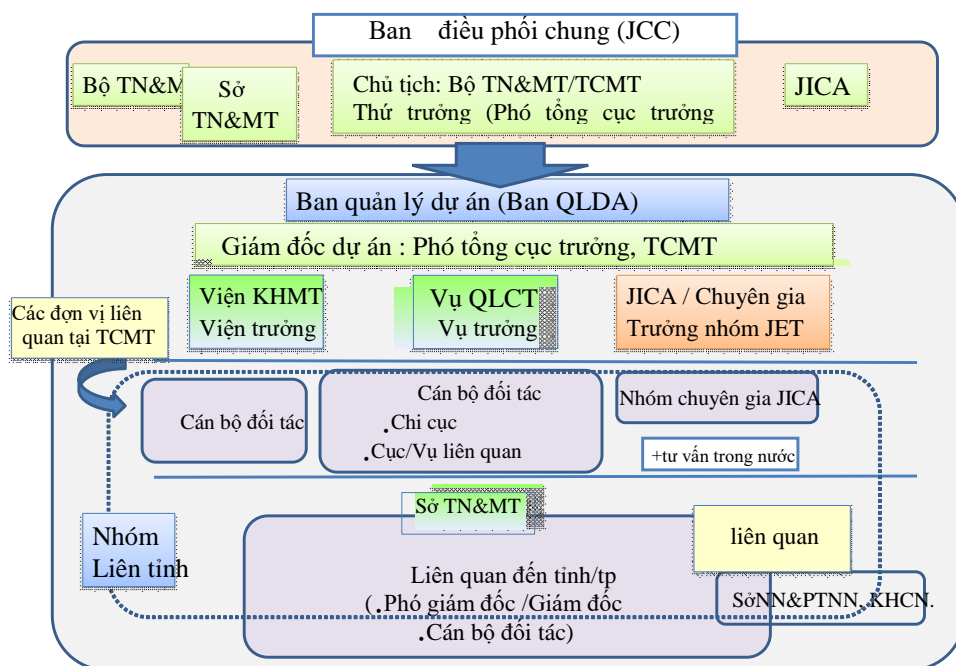
### 2.3.1 Sơ lược về cấu trúc thực hiện dự án

Cấu trúc thực hiện dự án cả trước và sau khi tái cấu trúc TCMT được thể hiện tương ứng trong Hình 2-2 và Hình 2-3. Các dự án thí điểm (DATĐ) đã được triển khai cho đến cuối năm 2017 và cấu trúc thực hiện được thể hiện trong Hình 2-4.



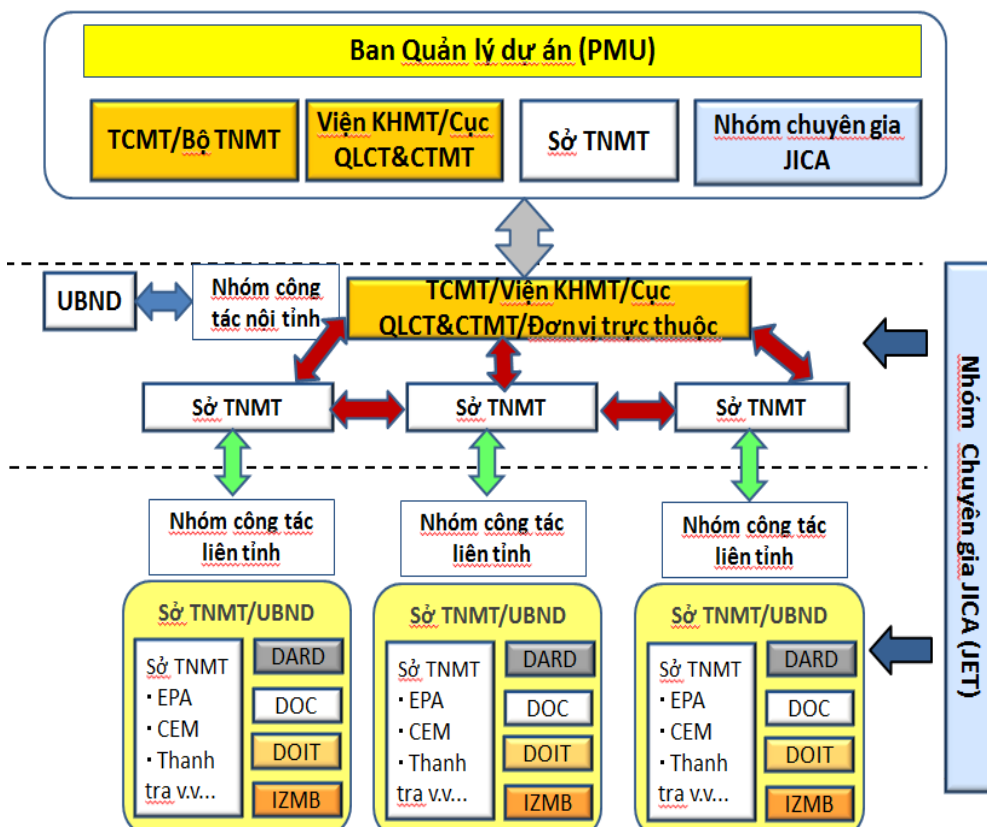
Nguồn: Biên bản thảo luận (R/D) ngày 24/8/2015

**Hình 2-2 Cấu trúc thực hiện dự án (tính đến tháng 5/2018)**



Nguồn: Biên bản thảo luận (R/D) ngày 24/8/2015

**Hình 2-3 Cấu trúc thực hiện dự án (tính từ tháng 5/2018)**



Nguồn: Biên bản thảo luận (R/D) ngày 24/8/2015

**Hình 2-4 Cấu trúc thực hiện các DATĐ**

### 2.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan

(1) Ban Chỉ đạo Dự án (JCC)

Ban Chỉ đạo Dự án (JCC) là đơn vị có quyền quyết định cao nhất trong khuôn khổ Dự án, bao gồm đại diện từ Bộ TN&MT (TCMT, Vụ HTQT, Cục QL TNN, v.v...), UBND tỉnh/Sở TN&MT mục tiêu, và JICA (bao gồm Văn phòng JICA Việt Nam). Trưởng ban chỉ đạo chung là Thứ trưởng Bộ TN&MT hoặc Tổng cục trưởng TCMT; JCC được tổ chức họp thường niên tại Hà Nội trong quá trình thực hiện Dự án. Chức năng chính của JCC như sau:

- a) Điều phối hoạt động giữa các đơn vị trong Bộ TN&MT, và giữa Sở TN&MT và UBND tỉnh/thành phố;
- b) Quyết định mục tiêu và định hướng của Dự án và chỉ đạo các hoạt động của Ban QLDA;
- c) Kiểm tra và thông qua các kế hoạch, hoạt động trong khuôn khổ Dự án;
- d) Đề cử và phê duyệt các thành viên của Ban QLDA;
- e) Theo dõi, đánh giá tiến độ và kết quả của Dự án, góp ý và chỉ đạo Ban QLDA;
- f) Xác nhận các báo cáo, kết quả được chuẩn bị và xây dựng trong quá trình thực hiện Dự án.

(2) Ban quản lý Dự án (Ban QLDA)

Ban quản lý Dự án (Ban QLDA) là đơn vị quản lý dự án, bao gồm đại diện từ Tổng cục Môi trường: Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT, các Sở TN&MT mục tiêu, và Nhóm chuyên gia JICA (JET). Về mặt nguyên tắc, Ban QLDA tổ chức họp định kỳ (hàng tháng) trong thời gian hoạt động Dự án. Chức năng chính của Ban QLDA như sau:

- a) Điều phối hoạt động giữa các đơn vị trong Tổng cục Môi trường (TCMT)/Bộ TN&MT, và giữa TCMT/Bộ TN&MT và UBND tỉnh (thành phố)/Sở TN&MT;
- b) Tiến cử và phê duyệt các thành viên của TF và WG;
- c) Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động liên quan đến Dự án;
- d) Theo dõi và đánh giá tiến độ và kết quả của Dự án, và góp ý và tư vấn cho TF và WG;
- e) Báo cáo tiến độ và kết quả của Dự án tới JCC, và chuyển các ý kiến phản hồi của JCC đến TF và WG;
- f) Kiểm tra các báo cáo và kết quả đạt được trong quá trình thực hiện Dự án.

(3) Nhóm công tác liên tỉnh (TF)

Nhóm công tác liên tỉnh (TF) đóng vai trò điều phối và quản lý hoạt động các DATĐ, đặc biệt là các vấn đề kỹ thuật ở cấp liên tỉnh trong khuôn khổ Dự án. Do vậy, TF cần được thành lập tại lưu vực sông Cầu và sông Đồng Nai. Mỗi TF bao gồm đại diện từ Viện KHMT, Cục QLCT&CTMT, đơn vị trực thuộc TCMT, thành viên nhóm công tác nội tỉnh tại các Sở TN&MT mục tiêu ở lưu vực sông Cầu hoặc sông Đồng Nai, và Nhóm Chuyên gia JICA. Trưởng nhóm công tác liên tỉnh cần là đại diện từ TCMT; và TF họp 4 lần mỗi năm trong quá trình thực hiện Dự án. Kết quả các hoạt động của TF cần được áp dụng và phản ánh vào trong quá trình xây dựng cơ chế phối hợp quản lý lưu vực sông. Chức năng chính của TF như sau:

- a) Theo dõi tiến độ các hoạt động của nhóm WG;
- b) Rà soát và kiểm tra hoạt động của các DATĐ;
- c) Thảo luận các vấn đề quản lý Dự án;
- d) Điều phối các vấn đề kỹ thuật liên tỉnh trong khuôn khổ Dự án thí điểm (DATĐ) tại các Sở TN&MT mục tiêu tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai;
- e) Phối hợp thực hiện các hoạt động thực tế của DATĐ tại mỗi lưu vực sông;
- f) Chia sẻ thông tin và kết quả để thực hiện DATĐ hiệu quả và phù hợp;
- g) Thảo luận và giải quyết các vấn đề liên tỉnh, bao gồm Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (QLTH TNN);
- h) Kiểm tra, đánh giá kết quả của DATĐ từ quan điểm lưu vực sông và có ý kiến phản hồi đến nhóm WG trong mỗi Sở TN&MT mục tiêu; và
- i) Báo cáo tiến độ và các kết quả DATĐ tới Ban QLDA, và chuyển ý kiến phản hồi từ Ban QLDA đến WG trong mỗi Sở TN&MT.

(4) Nhóm công tác nội tỉnh (WG)

Nhóm công tác nội tỉnh (WG) là đơn vị trực tiếp thực hiện DATĐ tại các tỉnh mục tiêu. Do vậy, WG cần được thành lập tại mỗi Sở TN&MT mục tiêu. Mỗi WG bao gồm đại diện từ Sở TN&MT và các sở, ban, ngành liên quan như: Sở Xây dựng, Sở NN&PTNT, Sở Công thương, Ban quản lý Khu công nghiệp, v.v... Trưởng nhóm công tác nội tỉnh là đại diện từ Sở TN&MT. Chức năng chính của WG như sau:

- Lập kế hoạch, quản lý, thực hiện và giám sát các hoạt động DATĐ;
- Điều phối các hoạt động nội tỉnh về mặt kỹ thuật của DATĐ;
- Chia sẻ thông tin và kết quả để thực hiện có hiệu quả và phù hợp các hoạt động DATĐ ở mỗi Sở TN&MT;
- Kiểm tra, đánh giá kết quả của DATĐ từ quan điểm lưu vực sông; và
- Báo cáo tiến độ và kết quả DATĐ tới TF và Ban QLDA.

**Bảng 2-3 Chức năng của mỗi cơ quan**

	<b>Ban Chỉ đạo Dự án: JCC</b>	<b>Ban Quản lý Dự án: Ban QLDA</b>	<b>Nhóm công tác liên tỉnh: TF</b>	<b>Nhóm công tác nội tỉnh: WG</b>
<b>Chức năng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo điều kiện phối hợp liên cơ quan.</li> <li>Theo dõi tiến độ các hoạt động Dự án.</li> <li>Rà soát, kiểm tra khung thực thi Dự án.</li> <li>Thảo luận và tư vấn về các vấn đề lớn phát sinh trong thời gian Dự án.</li> <li>Chính thức thông qua các hoạt động của Dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điều phối hoạt động giữa các đơn vị trong Tổng cục Môi trường (TCMT)/Bộ TN&amp;MT, và giữa TCMT/Bộ TN&amp;MT và UBND tỉnh (thành phố)/Sở TN&amp;MT;</li> <li>Tiền cử và phê duyệt các thành viên của TF và WG;</li> <li>Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động liên quan đến Dự án;</li> <li>Theo dõi và đánh giá tiến độ và kết quả của Dự án, và góp ý và tư vấn cho TF và WG;</li> <li>Báo cáo tiến độ và kết quả của Dự án tới JCC, và chuyển các ý kiến phản hồi của JCC đến TF và WG; và</li> <li>Kiểm tra các báo cáo và kết quả đạt được trong quá trình thực hiện Dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo dõi tiến độ của các hoạt động của Nhóm công tác</li> <li>Rà soát, kiểm tra các hoạt động Dự án thí điểm</li> <li>Thảo luận về vấn đề quản lý Dự án</li> <li>Thiết lập các điều kiện thuận lợi trong việc phối hợp liên tỉnh</li> <li>Kết luận bài học thu được từ các hoạt động Dự án</li> <li>Xem xét lộ trình Quản lý tổng hợp tài nguyên nước (QLTH TNN)</li> <li>Báo cáo tiến độ và các vấn đề quan trọng đến Ban chỉ đạo chung.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành phần chính thực hiện DATĐ</li> <li>Điều phối các hoạt động theo kế hoạch</li> <li>Ví dụ</li> <li>Thực hiện các hoạt động DATĐ</li> <li>Thu thập dữ liệu cho DATĐ</li> <li>Đánh giá và tính toán sức chịu tải</li> <li>Xác định nguồn xả nước thải</li> <li>v.v...</li> </ul>
<b>Thành viên</b>	Trưởng ban: Lãnh đạo Bộ TN&MT/Tổng cục Môi trường Bộ TN&MT - Viện KHMT, Cục QLCT & CTMT (hoặc Cục QLTNN) - Cục QLTNN - Vụ hợp tác quốc tế JICA - Văn phòng Việt Nam - Chuyên gia Các cơ quan liên quan	Giám đốc Ban QLDA: Phó Tổng cục trưởng TCMT - Viện KHMT, Vụ Quản lý chất thải JICA Nhóm Chuyên gia JICA	TF được thành lập tại mỗi lưu vực sông (lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai) Bộ TN&MT - Viện KHMT, Cục QLCT & CTMT (hoặc Cục QLTNN) - UBND - Đại diện UBND - Sở TN&MT - Khác	- Sở TN&MT tại mỗi tỉnh - Các cơ quan liên quan (Sở Công thương, Sở NN&PTNN v.v...)
<b>Tần suất</b>	Hàng năm	Hàng tuần/ Mỗi hai tuần	Nửa năm	Hàng tuần/hàng ngày
<b>Địa điểm</b>	Hà Nội	Hà Nội	Từng lưu vực sông (sông Cầu: Hà Nội, Sông Đồng Nai: thành	Văn phòng Dự án tại mỗi lưu vực sông Lưu vực sông Cầu: Bắc

	Ban Chỉ đạo Dự án: JCC	Ban Quản lý Dự án: Ban QLDA	Nhóm công tác liên tỉnh: TF	Nhóm công tác nội tỉnh: WG
			phố Hồ Chí Minh)	Giang Lưu vực sông Đồng Nai: Bình Dương
<b>Các hoạt động</b>	- Tổ chức buổi họp để chính thức thông qua các hoạt động Dự án	- Tổ chức họp - Thực hiện hoạt động hậu cần cho DATĐ và tập huấn kỹ thuật - Tổ chức Cuộc họp Ban Chỉ đạo, hội thảo, và cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh - Nộp và báo cáo tiến độ dự án tới Ban Chỉ đạo Dự án	- Tổ chức họp - Tổ chức hội nghị, hội thảo - Nộp và báo cáo tiến độ Dự án	- Thực hiện các hoạt động DATĐ - Tổ chức họp hàng tuần - Xây dựng báo cáo cho các hoạt động DATĐ
<b>Kết quả</b>	- Báo cáo JCC (Biên bản cuộc họp)	- Biên bản cuộc họp thường kỳ Ban QLDA	- Báo cáo TF	- Báo cáo hoạt động - Báo cáo kỹ thuật liên quan đến DATĐ

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 2.3.3 Thành viên chính phía Việt Nam

Nhằm đảm bảo sự điều phối hiệu quả giữa phía Nhật Bản và Việt Nam trong quản lý các hoạt động Dự án và đạt được những mục tiêu của Dự án, các thành viên thực hiện Dự án được bổ nhiệm. Bảng 2-4. Và Bảng 2-5 liệt kê thành viên Ban chỉ đạo dự án và Ban QLDA. Bảng 2-6 liệt kê thành viên Nhóm công tác liên tỉnh, Bảng 2-7 liệt kê thành viên nhóm công tác nội tỉnh.

**Bảng 2-4 Danh sách thành viên Ban chỉ đạo Dự án**

STT	Họ và tên	Vị trí trong Dự án	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	TS. Võ Tuấn Nhân	Trưởng Ban chỉ đạo chung	Thứ trưởng Bộ TN&MT
2	TS. Nguyễn Văn Tài	Phó trưởng Ban chỉ đạo chung	Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT
3	Ông Lê Văn Hợp	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ TN&MT
4	Ông Lê Văn Hữu	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ TN&MT
5	Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ TN&MT
6	Ông Lê Ngọc Tuấn	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ TN&MT
7	Ông Nguyễn Minh Khuyến	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Tài nguyên nước.
8	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế và Khoa học, Công nghệ, Tổng cục Môi trường
9	Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Thái Nguyên
10	Ông Vũ Văn Tường	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Bắc Giang
11	Ông Nguyễn Đại Đồng	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Bắc Ninh
12	Ông Đặng Minh Đức	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Đồng Nai
13	Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh
14	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Thành viên Ban chỉ đạo chung	Phó giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Bình Dương

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 2-5 Danh sách Ban QLDA**

STT	Họ và tên	Vị trí trong Dự án	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	TS. Hoàng Văn Thúc	Giám đốc Ban QLDA	Phó tổng cục trưởng, Tổng cục Môi trường
2	TS. Phạm Văn Lợi	Phó giám đốc thường trực Ban QLDA	Viện trưởng, Viện Khoa học Môi trường
3	Ông Nguyễn Thượng Hiền	Phó giám đốc Ban QLDA	Cục trưởng Cục QLCT & CTMT
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên Ban QLDA	Cố vấn trưởng, Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường
5	Bà Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên Ban QLDA, Điều	Phó trưởng phòng, Phòng Quản lý Môi trường và phát

STT	Họ và tên	Vị trí trong Dự án	Chức vụ tại đơn vị công tác
	Lan	phối viên Dự án	triển bển vững, Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường
6	Bà Lê Thanh Nga	Thành viên Ban QLDA	Chuyên viên, Phòng Quản lý Môi trường và phát triển bển vững, Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường
7	Bà Trần Lê Anh	Thành viên Ban QLDA	Chỉ cục trưởng chỉ cục Bảo vệ Môi trường lưu vực sông Cầu, Tổng cục Môi trường

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 2-6 Danh sách nhóm công tác liên tỉnh**

STT	Họ và tên	Cơ quan	STT	Họ và tên	Cơ quan
1	TS. Hoàng Văn Thúc	TCMT	11	Ông Lưu Xuân Hùng	Sở TN&MT tỉnh Bắc Ninh
2	TS. Phạm Văn Lợi	KHMT	12	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Sở TN&MT tỉnh Bình Dương
3	TS. Bà Nguyễn Hoàng Phương Lan	Như trên	13	Ông Tào Mạnh Quân	Như trên
4	Ông Nguyễn Thượng Hiền	Cục QLCT&CTMT (Cục QLTNN)	14	Ông Trần Thanh Quang	Như trên
5	Bà Trần Lê Anh	Như trên	15	Ông Đặng Minh Đức	Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai
6	Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên	16	Bà Võ Niệm Tường (10/2015-5/2018) Ông Trần Trọng Toàn	Như trên
7	Bà Hoàng Thị Liên	Như trên	17	Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Sở TN&MT Tp.Hồ Chí Minh
8	Ông Vũ Văn Tường	Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang	18	Ông Trần Nguyên Hiền	Như trên
9	Ông Trương Công Đại	Như trên	19	Ông Phan Văn Mạnh (10/2015-8/2017) Ông Đặng Sơn Hải	Sở TN&MT tỉnh BRVT
10	Ông Nguyễn Đại Đồng	Sở TN&MT tỉnh Bắc Ninh	20	Ông Nguyễn Dũng	Như trên

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Bảng sau trình bày thành viên Nhóm công tác nội tỉnh tại mỗi tỉnh mục tiêu

**Bảng 2-7 Danh sách thành viên nhóm công tác nội tỉnh**

STT	Họ và tên	Cơ quan	STT	Tên	Cơ quan
Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên			Sở TN&MT tỉnh Bình Dương		
1	Bà Hoàng Thị Liên	Chỉ cục trưởng, Chỉ cục BVMT, Sở TN&MT	48	Ông Trần Thanh Quang	Chỉ cục trưởng Chỉ cục BVMT, Sở TN&MT
2	Bà Trần Thị Hương	Phó chỉ cục trưởng, Chỉ cục BVMT	49	Ông Tào Mạnh Quân	Giám đốc TT QTMT
3	Bà Trần Thị Minh Hải	Phó giám đốc TT QTMT, Sở TN&MT	50	Ông Ngô Thành Mua	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chỉ cục BVMT
4	Ông Vương Văn Thanh	Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên Nước, Khí tượng thủy văn, Biến đổi Khí hậu	51	Ông Phan Phục Nghiệp	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chỉ cục BVMT
5	Ông Bùi Học Phi	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chỉ cục BVMT	52	Bà Võ Thị Thanh	Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chỉ cục BVMT
6	Ông Nguyễn Anh Đức	Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chỉ cục BVMT	53	Ông Ngô Công Lý	Phó trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Sở TNMT
7	Bà Đinh Thị Dương	Phòng Kế hoạch tổng hợp, Chỉ cục BVMT	54	Bà Cao Thị Thủy Tiên	Phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn
8	Ông Dương Như Long	Chuyên viên, Phòng Thẩm định và Đánh giá chất lượng Môi trường, Chỉ cục BVMT	55	Ông Nguyễn Thế Tùng Lâm	Trưởng phòng, Phòng Thử nghiệm, TT QTMT
9	Bà Nguyễn Thu Hương	Chuyên viên, Phòng Thẩm định Đầu tư, Quỹ bảo vệ Môi trường	56	Ông Trần Minh Thịnh	Chuyên viên, Phòng Thử nghiệm, TT QTMT
10	Ông Lại Trung Hiếu	Phó chánh Thanh tra, Phòng Thanh tra	57	Ông Trịnh Xuân Đạt	Trưởng phòng, Phòng Phát triển Công nghệ, Trung tâm Công nghệ Thông tin lưu trữ tài nguyên và môi trường
11	Ông Đoàn Trường Sơn	Chuyên viên, Phòng Thanh tra	Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai		
12	Ông Phùng Ngọc Mạnh	Trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chỉ cục BVMT	58	Bà Võ Niệm Tường (10/2015-4/2018)	Chỉ cục trưởng Chỉ cục BVMT, Sở TNMT

STT	Họ và tên	Cơ quan	STT	Tên	Cơ quan
				Ông Trần Trọng Toàn	
13	Ông Nguyễn Đình Thuận	Phòng Tài nguyên Nước, Khí tượng thủy văn, Biển đảo Khí hậu	59	Ông Trình Trọng Trung	Trường phòng, Phòng Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Chi cục BVMT
14	Bà Phạm Thu Hạnh	Trưởng phòng, phòng Dữ liệu và Lưu trữ, Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường,	60	Ông Đỗ Minh Hoàng	Phó trưởng phòng, Phòng Thẩm định và Đánh giá chất lượng Môi trường, Chi cục BVMT
15	Bà Hoàng Thị Oanh	Cán bộ, phòng Kế hoạch tổng hợp, Chi cục BVMT	61	Ông Võ Nguyên Vũ	Chuyên viên, Phòng Thẩm định và Đánh giá chất lượng Môi trường, Chi cục BVMT
16	Ông Trịnh Đức Cường	Phó trạm trưởng, Trạm quan trắc, TT QTMT	62	Bà Lê Ngọc Hân	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT
17	Ông Dương Văn Hùng	Phó trạm trưởng, Trạm quan trắc, TT QTMT	63	Ông Lê Văn Bình	Phó chánh Thanh tra, Phòng Thanh tra
18	Ông Nguyễn Tiến Phong	Trưởng trạm, Trạm quan trắc tự động Môi trường, TT QTMT	64	Ông Hứa Quốc Bách	Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên Nước, Sở TNMT
19	Ông Đoàn Văn Vũ	Trưởng Kỹ thuật môi trường, TT QTMT	65	Bà Nguyễn Thị Mai Liên	Phó giám đốc TT QTMT, Sở TNMT
20	Ông Hoàng Hữu Thủy	Trưởng phòng, Phòng Cơ sở Hạ tầng, Sở xây dựng	66	Ông Phạm Văn Huỳnh	Trưởng phòng Quan trắc, TT QTMT
21	Mr. Nguyễn Quang Hưng	Chuyên viên, Phòng Kỹ thuật An toàn và Môi trường, Sở Công thương	67	Ông Phạm Huỳnh Quang Hiếu	Phó giám đốc, Trung tâm Công nghệ Thông tin
22	Ông Nguyễn Vinh Thái	Phó trưởng phòng, Phòng Quản lý Xây dựng và Công trình, Sở NN&PTNT	68	Ông Phạm Văn Bình	Trưởng phòng, Phòng Cơ sở Hạ tầng, Sở xây dựng
23	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Phó trưởng phòng, Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Chi cục BVMT	69	Ông Khúc Ngọc Thông	Phó trưởng phòng, Phòng Quản lý Xây dựng và Công trình, Sở NN&PTNT
Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang			70	Ông Trần Hải Quân	Chuyên viên, Sở Công thương
24	Ông Ngô Quang Trường	Phó chi cục trưởng, Chi cục BVMT	71	Ông Phạm Việt Phương	Phó chi cục trưởng, Cục Kế hoạch và Đầu tư
25	Bà Đàm Thị Hương Giang	Phó chi cục trưởng, Chi cục BVMT	72	Ông Nguyễn Trung Thành	Phó trưởng phòng, Phòng Môi trường, BQL KCN
26	Ông Hoàng Văn Chiến	Trưởng phòng, Phòng Thẩm định và Đánh giá chất lượng Môi trường, Chi cục BVMT	Sở TN&MT TP Hồ Chí Minh		
27	Ông Nguyễn Văn Trọng	Trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT	73	Ông Trần Nguyên Hiền	Phó chi cục trưởng, Chi cục BVMT, Sở TN&MT
28	Bà Nguyễn Thị Thu	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT	74	Ông Tống Viết Thành	Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Khoán sản
29	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT	75	Bà Nguyễn Tuyết Phương	Phó trưởng phòng, Phòng Thanh tra
30	Ông Phạm Trí Nam	Phó trưởng phòng, Phòng Quản lý Nguồn nước	76	Bà Lê Thị Thanh Dung	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT
31	Bà Nguyễn Thị Bình	Chuyên viên, Phòng Thanh tra	77	Ông Đỗ Minh Luân	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT
32	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng phòng Quan trắc, TT QTMT	78	Ông Thái Hoàng Vũ	Chuyên viên, Phòng Thanh tra
33	Ông Vũ Hoàng Giang	Phó giám đốc thường trực, Trung tâm Công nghệ Thông tin	79	Ông Võ Ngọc Châu	Chuyên viên, Phòng Tài nguyên và Khoán sản
Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh			80	Bà Huỳnh Phan Thùy Trang	Phó trưởng phòng, TT QTMT
34	Ông Nguyễn Đại Đồng	Phó giám đốc Sở TN&MT	81	Ông Bùi Hải Thiên Vũ	Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT
35	Ông Lưu Xuân Hùng	Phó chi cục trưởng thường trực Chi cục BVMT/Phó trưởng ban thường trực nhóm Công tác nội tỉnh	82	Bà Huỳnh Xuân Lan	Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT
36	Ông Lê Đức Thọ	Phó chi cục trưởng Chi cục BVMT/Phó trưởng ban nhóm Công tác nội tỉnh	Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu		
37	Ông Nguyễn Thành Bắc	Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên Nước, Khí tượng thủy văn, Biển đảo Khí hậu	83	Ông Nguyễn Dũng	Phó chi cục trưởng, Chi cục BVMT, Sở TNMT
38	Bà Nguyễn Hạnh Huyền	Chánh Thanh tra, Phòng Thanh tra	84	Ông Trần Tiến Dũng	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT
39	Ông Nguyễn Khắc Việt	Giám đốc Trung Tâm Công nghệ Thông tin và Năng lượng	85	Bà Lê Tất Vân Nga	Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT
40	Ông Nguyễn Văn Bình	Giám đốc Trung tâm Giám sát Môi	86	Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Chuyên viên, Phòng Kiểm soát ô



STT	Họ và tên	Cơ quan	STT	Tên	Cơ quan
		trường			nhiệm, Chi cục BVMT
41	Ông Nguyễn Đức Hiếu	Trưởng phòng, Phòng truyền thông và Đa dạng Sinh học, Chi cục BVMT	87	Ông Trần Ngọc Mẫn	Chuyên viên, Phòng Thẩm định và Đánh giá chất lượng Môi trường, Chi cục BVMT
42	Ông Nguyễn Tiến Bình	Trưởng phòng, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục BVMT	88	Bà Trần Ngọc Thanh	Phó giám đốc TT QTMT
43	Ông Đàm Ngân	Phó trưởng phòng, Phòng Thẩm định và Đánh giá chất lượng Môi trường, Chi cục BVMT	89	Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Phó trưởng phòng, Phòng Phân tích, TT QTMT
44	Bà Trương Thị Bích Phượng	Trưởng phòng, Phòng Hành chính và Tổng hợp, Chi cục BVMT	90	Bà Nguyễn Thị Vân	Chuyên viên, Phòng Tài nguyên Nước, Khí tượng thủy văn
45	Ông Phan Khắc Huê	Trưởng phòng Quan trắc, TT QTMT	91	Bà Tăng Thị Diễm Mi	Chuyên viên, Phòng Thanh tra
46	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó trưởng phòng, Phòng Phát triển Công nghệ, Trung tâm Công nghệ Thông tin lưu trữ tài nguyên và môi trường	92	Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng phòng, Phòng Phát triển Công nghệ, Trung tâm Công nghệ Thông tin lưu trữ tài nguyên và môi trường
47	Bà Phạm Thị Huyền	Chuyên viên, Phòng truyền thông và Đa dạng Sinh học, Chi cục BVMT			

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 2.3.4 Cơ cấu tổ chức, thực hiện dự án phía Nhật Bản

Nhóm chuyên gia JICA (JET) bao gồm nhóm chuyên gia dài hạn (LET) và nhóm chuyên gia ngắn hạn (SET). Nhóm chuyên gia dài hạn làm việc liên tục tại Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án. Theo kế hoạch thực tế, điều phối viên Dự án được cử trong năm đầu tiên thực hiện Dự án. Danh sách thành viên Nhóm chuyên gia JICA và kế hoạch huy động nhân sự Nhóm chuyên gia ngắn hạn tại thời điểm dự án hoàn thành được mô tả tương ứng trong Bảng 2-8 và Bảng 2-9 sau đây.

**Bảng 2-8 Danh sách thành viên phía Nhật Bản**

STT	Họ và tên	Vị trí
Nhóm chuyên gia dài hạn (LET)		
1	Ông Ichiro Adachi	Trưởng nhóm / Chính sách môi trường nước
2	Ông Ito Hideo	Điều phối viên Dự án (11/2015-12/2016)
3	Ông Masaru Yamada	Điều phối viên Dự án (Từ 01/2017 -11/2018)
Nhóm chuyên gia ngắn hạn (SET)		
1	Ông Yoichi Iwai (đến 12/2016) Ông Kengo Naganuma (từ 1/2017)	Trưởng nhóm/ Chuyên gia QLMTNLVS/ Chính sách môi trường nước (bao gồm Bồi thường thiệt hại môi trường)
2	Ông Takashi Onuma	Phó trưởng nhóm/ Chuyên gia quan trắc chất lượng nước
3	Ông Yoshiki Yamamoto	Chuyên gia phân tích mô hình mô phỏng
4	Ông Hiroshi Nakano	Chuyên gia Kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI)/Biện pháp kiểm soát nguồn ô nhiễm-1 (Nước thải công nghiệp)
5	Ông Kengo Naganuma	Chuyên gia về công nghệ thanh tra, kiểm tra
6	Ông Yousuke Horie	Chuyên gia phân tích tải lượng ô nhiễm
7	Ông Tsuyoshi Kawamoto	Chuyên gia Biện pháp kiểm soát nguồn ô nhiễm-2 (nước thải sinh hoạt)
8	Ông Masakazu Miyagi	Chuyên gia quản lý tài nguyên nước
9	Ông Takayasu Otake	Chuyên gia xây dựng thể chế hành chính và tài chính
10	Ông Keiichi Takahashi	Chuyên gia quản lý dữ liệu-1/ Công bố thông tin và nhận thức cộng đồng
11	Ông Kentaro Yamamoto	Chuyên gia quản lý dữ liệu-2/Điều phối viên

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 2-9 Kế hoạch huy động nhân sự của nhóm chuyên gia ngắn hạn (cập nhật tháng 4/2019)**

[illegible][illegible][illegible]

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 3. Các hoạt động quản lý dự án

#### 3.1 Ban chỉ đạo dự án (JCC)

Cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án được tổ chức 5 lần để báo cáo tiến độ, kết quả dự án và thảo luận các vấn đề trình bày trong các bảng từ Bảng 3-1 tới Bảng 3-5, Biên bản ghi nhớ (M/M) được đính kèm trong Phụ lục-4 của Báo cáo này.

**Bảng 3-1 Kết quả thảo luận tại cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ nhất**

Thời gian	Cuộc họp JCC lần thứ nhất (22/03/2016: Tại Khách sạn Crowne Plaza)	
<b>Chủ đề thảo luận</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận và thông qua nội dung Báo cáo Khởi động, bao gồm Kế hoạch công tác năm 2016, Cơ cấu thực hiện Dự án, các hoạt động thuộc Dự án thí điểm (DATĐ), và Kế hoạch Tăng cường năng lực</li> <li>- Xác nhận quy trình xây dựng các văn bản pháp luật</li> <li>- Xác nhận cụ thể các hoạt động thuộc những DATĐ</li> </ul>	
<b>Những ý kiến và đề xuất chính</b>		<b>Phản hồi từ phía Việt Nam và JET</b>
1) Tất cả thành viên JCC xác nhận thông qua kế hoạch các hoạt động Dự án trong giai đoạn 2016-2018, cơ cấu tổ chức của dự án, các hoạt động thuộc DATĐ, nội dung cơ bản của các văn bản pháp lý mục tiêu, và các công cụ hỗ trợ được trình bày tại Báo cáo khởi động. Trên cơ sở này, cả hai bên thống nhất việc chính thức khởi động các hoạt động Dự án. 2) Văn kiện Dự án được thông qua bởi Bộ trưởng Bộ TN&MT ngày 22 Tháng 03 năm 2016. 3) Sáu thông tư mục tiêu được đánh giá là nhiệm vụ quan trọng và nhiều thử thách; Trong đó, nội dung thông tư đóng vai trò đặc biệt quan trọng, đảm bảo thực thi công tác quản lý môi trường nước tại lưu vực sông theo hướng hiệu quả. 4) Dự án cần cân nhắc hợp tác và đưa ra hỗ trợ kỹ thuật cho Trung tâm Thông tin và Tư liệu môi trường (CEID) nhằm phát triển thêm “Thông tư hướng dẫn lập báo cáo về công trình bảo vệ môi trường, công bố và cung cấp thông tin môi trường, và hệ thống chỉ tiêu thống kê trong Báo cáo môi trường” cũng như các hoạt động liên quan như hội thảo, hội nghị tham vấn. 5) Hoạt động DATĐ và tăng cường năng lực được đánh giá cao. Các đại diện từ lưu vực sông Cầu kỳ vọng có thể tăng cường năng lực thông qua trao đổi kinh nghiệm và học hỏi từ các đơn vị tại lưu vực sông Đồng Nai.		1) Phía Việt Nam và JET, bao gồm thành viên JCC, tham gia thực hiện các hoạt động Dự án và sẽ tiếp tục trao đổi/cập nhật các hoạt động Dự án. 2) Bộ TN&MT cần ban hành quyết định thành lập JCC và PMU, với chức năng, trách nhiệm cụ thể, trong thời gian sớm nhất, làm cơ sở cho UBND các tỉnh mục tiêu chỉ định đại diện tham gia JCC, PMU, và bố trí vốn đối ứng để thực thi các hoạt động dự án. 3) Trong thời gian thực hiện Dự án, thứ tự ưu tiên xây dựng các thông tư có thể thay đổi theo Kế hoạch hàng năm của Bộ TN&MT. Tuy nhiên, một số thông tư, như về đánh giá sức chịu tải và chia sẻ thông tin, được đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng văn bản pháp luật của Bộ TN&MT năm 2017. 4) Dự án được yêu cầu làm rõ nội dung của dự thảo thông tư do CEID xây dựng, mối quan hệ giữa văn bản này với Thông tư về chia sẻ thông tin – trong khuôn khổ của Dự án; Nếu có sự khác nhau về nội dung, Kết quả của Dự án liên quan tới thông tư về chia sẻ thông tin sẽ như thế nào. 5) Dự án được yêu cầu thúc đẩy quá trình thực hiện DATĐ nhằm kịp thời thu nhận kết quả và phản ánh vào nội dung dự thảo Thông tư.

Nguồn: Biên bản Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ nhất

**Bảng 3-2 Kết quả thảo luận cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ hai**

Thời gian	Cuộc họp JCC lần thứ 2(01/12/2016: tại Khách sạn Crowne Plaza)	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo Quyết định số 2652/QĐ-BTNMT về việc thành lập Ban chỉ đạo;</li> <li>- Đánh giá tiến độ dự án và các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện DA;</li> <li>- Tổng hợp kế hoạch hoạt động chung của dự án và các kết quả/sản phẩm dự kiến.</li> </ul>	
Những ý kiến và đề xuất chính		Phản hồi từ phía Việt Nam và JET
<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Quyết định số 2652/QĐ-BTNMT của Bộ trưởng Bộ TN&amp;MT quyết định thành lập Ban chỉ đạo Dự án Tăng cường năng lực Quản lý môi trường nước lưu vực sông, ngày 15 tháng 11 năm 2016.</li> <li>2) Các thành viên JCC thống nhất rằng dự án tập trung vào những lĩnh vực khó khăn, thử thách nhất trong công tác QLMTNLVS thông qua hoạt động xây dựng văn bản pháp luật, thực hiện dự án thí điểm tại các lưu vực sông mục tiêu, và hoạt động tăng cường năng lực.</li> <li>3) Các thành viên JCC đồng thuận rằng các thông tư mục tiêu rất cần thiết trong công tác quản lý môi trường nước tại lưu vực sông và cần được đưa vào Chương trình Xây dựng văn bản pháp luật của Bộ TN&amp;MT.</li> <li>4) Thông tư 5 đã đạt được những kết quả nhất định, dự thảo cuối cùng được đăng tải lên trang thông tin điện tử Bộ TN&amp;MT</li> <li>5) Khóa tập huấn cần được cân nhắc, điều chỉnh về nội dung và chương trình nhằm tăng cường hiệu quả tăng cường năng lực của các địa phương.</li> <li>6) Bộ TN&amp;MT đã gửi bản dự thảo Quyết định thành lập Ủy ban Quản lý lưu vực sông tới cơ quan có thẩm quyền, chức năng quản lý môi trường nước được quy định trong Quyết định này.</li> <li>7) Các hoạt động cần được lưu lại dưới dạng hình ảnh, báo cáo hoạt động, v.v...nhằm chia sẻ kết quả của Dự án và hỗ trợ công tác kiểm toán.</li> <li>8) Phía Nhật Bản đề xuất tổ chức cuộc họp Ban Điều phối chung tiếp theo vào Tháng 03-Tháng 04, năm 2017 nhằm thảo luận và điều chỉnh khung Dự án, nếu cần thiết. Phía Việt Nam hiểu tầm quan trọng của hoạt động này và đồng ý tổ chức cuộc họp này.</li> </ol>		<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Ban QLDA được yêu cầu báo cáo tới lãnh đạo Bộ TN&amp;MT và các đơn vị liên quan nhằm đưa ra hướng dẫn cụ thể tới các sở TNMT mục tiêu về đề xuất và sử dụng vốn đối ứng.</li> <li>2) Phía Việt Nam và JET đồng ý sẽ thúc đẩy tiến độ Dự án. Trong khuôn khổ Dự án, các hoạt động có thể điều chỉnh tương ứng. Những vấn đề này cần được thực hiện thông qua thảo luận và nỗ lực từ cả hai phía.</li> <li>3) TCMT được đề nghị làm việc với Cục QLTNN và Vụ Pháp chế/Bộ TN&amp;MT để hoàn thiện và đề xuất danh sách xây dựng văn bản pháp luật tới Bộ TN&amp;MT. Thông tư 2 và 3 cần được đưa vào Chương trình xây dựng văn bản pháp luật năm 2017. Các thông tư được nêu trong Ma trận Thiết kế Dự án cần được cân nhắc, đề xuất vào Kế hoạch chuẩn bị và ban hành của Bộ TN&amp;MT trong năm 2017 hoặc 2018.</li> <li>4) Cả hai bên sẽ nỗ lực xây dựng Thông tư 6. Thông tư 5 và Thông tư 6 sẽ được tích hợp vào một Nghị định, thay vì ban hành dưới dạng các Thông tư riêng rẽ.</li> <li>5) Cả hai bên đồng thuận rằng nội dung tập huấn tăng cường năng lực tại các sở TNMT mục tiêu cần được điều chỉnh.</li> <li>6) Trong thời gian tới, Dự án sẽ cân nhắc hỗ trợ hoạt động thực thi Quyết định này.</li> <li>7) Các hoạt động cần được lưu lại dưới dạng hình ảnh, báo cáo hoạt động, v.v...nhằm chia sẻ kết quả của Dự án và hỗ trợ công tác kiểm toán.</li> <li>8) Cả hai phía sẽ thực hiện các hoạt động chuẩn bị cho cuộc họp Ban Điều phối chung sắp tới.</li> </ol>

Nguồn: Biên bản Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ hai

**Bảng 3-3 Kết quả thảo luận cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ ba**

Thời gian	Cuộc họp JCC lần thứ 3 (21/04/2017: Novotel)	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tiến độ của Dự án</li> <li>- Đề xuất các hoạt động từ tháng 05/2017</li> <li>- Đề xuất hoạt động để thực hiện Dự án một cách hiệu quả</li> </ul>	
Những ý kiến và đề xuất chính		Phản hồi từ phía Việt Nam và JET
<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Ban chỉ đạo xác nhận các hoạt động đã được thực hiện và các kết quả đạt được của Dự án. Kết quả của Dự án. Các kết quả của Dự án được xác nhận là quan trọng phục vụ QLLVS. Các kết quả này cần phải thiết thực và bền vững.</li> <li>2) Đề xuất Ban QLDA thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết để trình các Thông tư của Dự án vào Chương trình xây dựng các Văn bản pháp luật của Bộ TN&amp;MT, và hoàn thành quá trình này vào Tháng 9, 2017.</li> <li>3) Từ thời điểm hiện nay, các hoạt động của Dự án đạt được nhiều hơn. Do đó, việc báo cáo tiến độ Dự án với Ban chỉ đạo cần thực hiện thường xuyên.</li> <li>4) Việc phối hợp xây dựng Thông tư-2 giữa TCMT và Cục QLTNN cần được tăng cường.</li> </ol>		<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Cả hai phía sẽ tiếp tục các hoạt động của dự án để đem lại những kết quả thiết thực và bền vững khi kết thúc dự án.</li> <li>2) Ban QLDA sẽ thực hiện các hoạt động cần thiết để đưa các Thông tư đang được xây dựng và Chương trình xây dựng các Văn bản pháp luật của Bộ TN&amp;MT.</li> <li>3) Hai phía sẽ tiếp tục báo cáo với Ban chỉ đạo dự án chặt chẽ như trước đây.</li> <li>4) TCMT và Cục QLTNN sẽ có cuộc họp về việc phối</li> </ol>

5) Ban chỉ đạo dự án đồng ý với những nội dung PDM sửa đổi.	hợp hoạt động xây dựng Thông tư-2.
6) Kế hoạch thực hiện dự án năm 2017 cần được phê duyệt sớm.	5) Cả hai phía sẽ ký nhận Bảng Ma trận Thiết kế Dự án PDM phiên bản 02.
7) Chương trình Tập huấn Nâng cao cần được hoàn thiện, xem xét phản ánh các đề xuất của phía Việt Nam.	6) Ban QLDA sẽ thực hiện các hoạt động cần thiết để phê duyệt kế hoạch.
	7) Nhóm CG JICA sẽ hoàn thiện Chương trình Tập huấn Nâng cao.

Nguồn: Biên bản Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ ba

**Bảng 3-4 Kết quả thảo luận cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ tư**

Thời gian	Họp JCC lần thứ tư (10/5/2018: Khách sạn Crowne Plaza)	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét và xác nhận tiến độ dự án;</li> <li>- Thảo luận và khẳng định hướng xây dựng văn bản pháp lý;</li> <li>- Thảo luận và xác nhận kế hoạch hành động trong thời gian tới (Hoạt động Kết quả-3)</li> <li>- Thảo luận và xác nhận việc sửa đổi dự án (Kết quả, PDM, và gia hạn dự án).</li> </ul>	
Những ý kiến và đề xuất chính		Phản hồi từ phía Việt Nam và JET
<p>1) Các thành viên JCC đã xem xét và xác nhận tiến độ của dự án, bao gồm việc thực hiện thực tế, kết quả Kết quả / kết quả phát triển dự thảo văn bản pháp luật, tác động có giá trị của các khóa đào tạo cũng như nhận thức của công chúng trong khung dự án.</p> <p>2) Các thành viên JCC xác nhận rằng những đóng góp của dự án đối với việc quản lý môi trường nước trong lưu vực sông (QLMTNLVS) là quan trọng và có giá trị và Những nỗ lực của Ban QLDA và nhóm chuyên gia JICA trong việc xây dựng thành công dự án, hầu như các kết quả và Kết quả đều được công nhận. Nội dung, cấu trúc và triển khai thực tế của dự án đã được xác định và trình bày rõ ràng. Kiểu thiết kế dự án này nên được mở rộng trong giai đoạn hậu dự án và trong dự án hợp tác khác trong tương lai. Sau khi ban hành Thông tư số 76/2017/ TT-BTNMT về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của sông, hồ, Nghị định số 03/2015/NĐ-CP quy định đánh giá thiệt hại môi trường và các tài liệu khác, các kết quả Kết quả của Dự án sẽ được sử dụng ở phạm vi rộng hơn.</p>		<p>1) Cả hai phía sẽ tiếp tục các hoạt động dự án để xây dựng các Kết quả/ kết quả hiệu quả</p> <p>2) Hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia Nhật Bản trong thời gian còn lại của dự án là rất cần thiết trong việc thúc đẩy TCMT và nhằm mục tiêu Sở TN&amp;MT cho QLMTNLVS.</p>
Những ý kiến và đề xuất chính		Phản hồi từ phía Việt Nam và JET
<p>3) Tên của sáu tài liệu được xây dựng trong Kết quả-1 là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 1: Báo cáo kỹ thuật hoặc Hướng dẫn về đề xuất cơ chế phối hợp cho QLMTNLVS.</li> <li>- Thông tư 2: 1) Các bộ phận được đóng góp trong Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT;</li> <li>2) Hướng dẫn kỹ thuật tính toán sức chịu tải - dự ợc ban hành theo Quyết định của Tổng cục Môi trường (TCMT) vào năm 2018.</li> <li>- Thông tư 3: 1) Dự thảo Thông tư nguồn nước thải chính cho QLMTNLVS.</li> <li>2) Hướng dẫn về điều tra nguồn thải nước thải (WDSI) cho QLMTNLVS - được ban hành theo một quyết định của VEA vào năm 2018.</li> <li>- Thông tư 4: Dự thảo Hướng dẫn / Cơ chế chia sẻ dữ liệu và thông tin để tính toán sức chịu tải và kiểm kê nguồn ô nhiễm nước thải. TCMT sẽ báo cáo cho các nhà lãnh đạo Bộ TN&amp;MT nhận được hướng dẫn về loại tài liệu được ban hành.</li> </ul> <p>Thông tư 5 và 6: được đưa vào dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 03/2015 / NĐ-CP quy định đánh giá thiệt hại môi trường- Viện KHMT đã yêu cầu TCMT và Bộ TN&amp;MT trình đề xuất lên Chính phủ Việt Nam để đề xuất tài liệu này trong kế hoạch ban hành năm 2019.</p> <p>4) Các khái niệm và cấu trúc phát triển của Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể được đánh giá cao. Nên đề xuất các hành động trong các kế hoạch hành động. Hành động sẽ được thực hiện trong tương lai một cách chi tiết để hỗ trợ cho việc thiết lập thành công các phương pháp thống nhất để thu thập thông tin và dữ liệu và đầu vào ở cấp lưu vực sông; việc lựa chọn các hệ số trong mô hình mô phỏng; Giảm tải ô nhiễm ở cấp lưu vực sông; và phân bổ sức</p>		<p>3) Cả hai phía sẽ tiếp tục cập nhật PDM dựa trên thảo luận, đặc biệt phía Việt Nam sẽ đảm nhiệm quy trình xây dựng ba văn bản pháp luật.</p> <p>4) Đảm bảo tính bền vững của dự án, Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể sẽ cung cấp các hành động chi tiết sẽ được thực hiện trong giai đoạn hậu dự án. Do các Ủy ban bảo vệ môi trường hiện tại trong lưu vực sông không có cơ chế phối hợp mạnh mẽ, Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể do Dự án hỗ trợ sẽ góp phần trao đổi và thu thập thông tin giữa các tỉnh.</p>

<p>chịu tải của từng tỉnh.</p> <p>5) Với chất lượng tuyệt vời, Hướng dẫn kỹ thuật về tính toán sức chịu tải và Hướng dẫn về kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI) cho QLMTNLVS hiện đang trong giai đoạn ban hành theo quyết định của Tổng cục trưởng TCMT.</p> <p>6) Thành viên JCC đồng ý với đề xuất gia hạn ngày kết thúc dự án đến 29 tháng 5 năm 2019 và nội dung sửa đổi của dự án.</p>	<p>5) Việt Nam sẽ thực hiện ban hành Hướng dẫn kỹ thuật và Sổ tay dưới dạng quyết định của tổng cục trưởng TCMT</p> <p>6) Thành viên JCC yêu cầu cả hai phía Việt Nam và phía Nhật Bản có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan quản lý riêng của mình (Bộ TN&amp;MT và JICA, tương ứng) về sự cần thiết của việc sửa đổi nội dung của dự án và cả hai bên sẽ tiến hành thủ tục hành chính cần thiết cho việc sửa đổi nội dung dự án và kéo dài dự án.</p>
--	--

Nguồn: Biên bản Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ tư

**Bảng 3-5 Kết quả Thảo luận cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ năm (sẽ được cập nhật sau)**

Thời gian	Họp JCC lần thứ năm (Ngày 11/4//2019: Khách sạn Crowne Plaza)	
Chủ đề thảo luận	<p>-Rà soát các hoạt động, sản phẩm, và kết quả dự án; Xác nhận các sản phẩm dự án</p> <p>- Xác nhận dự thảo cuối cùng của Báo cáo tổng kết</p> <p>- Thảo luận về công tác hoàn thiện các hoạt động dự án, những hoạt động cần thiết và quan trọng sau khi dự án hoàn thành</p>	
Những ý kiến và đề xuất chính		Phản hồi từ phía Việt Nam và JET
1) Thành viên Ban Chỉ đạo dự án đã rà soát các hoạt động và đánh giá cao những kết quả Dự án đã đạt được theo Ma trận Thiết kế dự án (PDM). Tất cả các thành viên xác nhận và chấp thuận việc hoàn thành các kết quả.		1) Không
2) Thành viên Ban Chỉ đạo dự án và các đại biểu tham dự ghi nhận những sản phẩm thực tế của dự án thí điểm, và hoạt động hỗ trợ tăng cường năng lực (kiến thức và kỹ năng) cho các Sở Tài nguyên và Môi trường mục tiêu trong công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông		2) Không
Những ý kiến và đề xuất chính		Phản hồi từ phía Việt Nam và JET
3) Thành viên Ban Chỉ đạo dự án đánh giá cao tài liệu tập huấn được xuất bản		3) Không
4) Cấu trúc và nội dung của dự thảo Báo cáo tổng kết đã được chia sẻ tới các thành viên Ban Chỉ đạo dự án. Ban Chỉ đạo dự án không phản đối tài liệu này. Ban Chỉ đạo dự án yêu cầu Nhóm Chuyên gia JICA tiếp tục hoàn thiện nội dung báo cáo và gửi tới TCMT thông qua Văn phòng JICA Việt Nam.		4) JET đã hoàn thiện PCR.
5) Cả hai phái xác nhận các kết quả của dự án có đóng góp tích cực, sâu rộng tới công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam. Các Sở TN&MT đã khuyến nghị Bộ TN&MT tham khảo những dự thảo văn bản pháp lý do dự án xây dựng khi đề xuất sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2014, và ban hành những quy định dưới luật liên quan tới quản lý môi trường nước lưu vực sông.		5) TCMT/Bộ TN&MT sẽ tiến hành những hoạt động cần thiết.
6) Dựa trên nội dung thảo luận trên, các thành viên Ban Chỉ đạo dự án khuyến nghị hai phía tiếp tục thực hiện một dự án thí điểm tại các lưu vực sông khác, vận dụng phương pháp và góc tiếp cận được giới thiệu tại dự án này.		6) Một dự án thí điểm mới sẽ được thiết kế bởi TCMT/Bộ TN&MT

Nguồn: Biên bản Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ năm

### 3.2 Họp thường kỳ ban quản lý dự án (Ban QLDA)

Từ khi khởi động Dự án, những cuộc họp thường kỳ Ban QLDA được tổ chức nhằm chia sẻ tiến độ các hoạt động, thảo luận về lịch trình và biện pháp giải quyết những khó khăn gặp phải giữa JET và đối tác Việt Nam. Bảng sau tóm tắt các cuộc họp Ban QLDA đã được tổ chức trong khuôn khổ Dự án.

**Bảng 3-6 Các cuộc họp thường kỳ Ban QLDA**

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	Ngày 08/01/2016	(1) Cuộc họp Ban QLDA đầu tiên với sự tham gia của Nhóm Chuyên gia JICA, (2) Thảo luận xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động	a) Phía Việt Nam cơ bản đồng ý với mục đích, cơ cấu tổ chức, và các hoạt động chính của dự án
2	Ngày	(1) Thảo luận xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động,	a) Phía Việt Nam đã xác nhận các nội dung chính

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
	21/01/2016	(2) Thảo luận việc phân định trách nhiệm giữa phía đối tác Việt Nam và JET trong xây dựng thông tư và nội dung các DATĐ	của Kế hoạch Công tác và Báo cáo Khởi động Dự án b) Tính tới tháng 06/2016, ít nhất 01 dự thảo Thông tư về bồi thường môi trường được hoàn thiện.
3	Ngày 28/01/2016	(1) Báo cáo tiến độ dự án tới Tiến sỹ Đồng, Phó Tổng cục trưởng TCMT	a) Ban QLDA chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho cuộc họp JCC vào tháng 03 2016 b) Các sở TNMT mục tiêu đã được thông báo để chuẩn bị cho Dự án
4	Ngày 18/02/2016	(1) Thảo luận về tiến độ Dự án và các bước tiếp theo	a) Tiến độ rà soát pháp lý về Bồi thường môi trường đã được xác nhận
5	Ngày 17/03/2016	(1) Thảo luận về công tác chuẩn bị và chương trình cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án lần thứ nhất và Hội thảo	a) Xác nhận thông tin hậu cần, chương trình, nội dung cuộc họp, và tài liệu trình bày
6	Ngày 06/04/2016	(1) Báo cáo kết quả làm việc với các Sở TNMT	a) Ý kiến từ các Sở TNMT mục tiêu về thành lập Nhóm công tác liên tỉnh, Nhóm công tác nội tỉnh, và nội dung các DATĐ được chia sẻ và thảo luận
7	Ngày 19/04/2016	(1) Báo cáo tiến độ các hoạt động của các DATĐ (2) Thảo luận kế hoạch Chương trình Tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất	a) Tiến độ thảo luận với đơn vị thầu phụ được xác nhận b) Các thành viên Ban chỉ đạo được đề cử tham gia Chương trình Tập huấn tại Nhật Bản lần thứ 1
8	Ngày 18/05/2016	(1) (Thông báo và đề nghị phía đối tác phân công thành viên Nhóm công tác liên tỉnh và Nhóm công tác nội tỉnh tham gia Khảo sát đánh giá năng lực sơ bộ, (2) (Thảo luận về thực hiện Phân tích tải lượng ô nhiễm và xây dựng mô hình mô phỏng, bao gồm kết quả các cuộc họp kỹ thuật về mô hình mô phỏng, (3) Thảo luận kế hoạch chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất, (4) Thảo luận, lập kế hoạch xây dựng Thông tư -4, bao gồm hoạt động cộng tác với Trung tâm Thông tin và Tư liệu Môi trường (CEID)	a) Ban QLDA sẽ thúc đẩy các cơ quan liên quan chỉ định thành viên Nhóm công tác liên tỉnh và Nhóm công tác nội tỉnh b) Ban QLDA thông qua kết quả Cuộc họp kỹ thuật về mô hình mô phỏng. c) Nhóm chuyên gia JICA và Ban QLDA sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để cộng tác với CEID cho việc phát triển Thông tư 4
9	Ngày 15/06/2016	(1) Thông báo quyết định thành lập Ban Quản lý Dự án và báo cáo tiến độ dự án tới Giám đốc Ban QLDA mới – Tiến sỹ Dung	a) Để xác định cụ thể hơn chức năng của WG và TF trong các hoạt động của dự án, dự án cần tiếp tục cố gắng tạo điều kiện cho các tỉnh tham gia vào các hoạt động thực
10	Ngày 22/06/2016	(1) Xây dựng Bảng giám sát hoạt động dự án lần thứ nhất (2) Tiếp tục theo dõi công tác Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	a) Dự thảo Bảng giám sát hoạt động dự án được gửi tới Ban QLDA (TCMT) và các Sở TNMT, tuy nhiên ý kiến góp ý của các Sở TNMT được phản ánh vào Bảng Giám sát hoạt động dự án trong kỳ báo cáo sau b) Việc xây dựng thông tư tương tự (Thông tư 02/2009) đã bị hoãn lại do một số vấn đề, dự án sẽ tiếp tục theo sát hoạt động này
11	Ngày 03/08/2016	(1) Thảo luận về điều khoản tham chiếu cho hoạt động thầu phụ (Tài lượng ô nhiễm) và Hội thảo kỹ thuật nhằm chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, (2) Thảo luận kế hoạch tập huấn kỹ thuật (3) Thảo luận về những người tham dự cho Chuyển tham quan học tập lần thứ 1	a) Các hội thảo về bồi thường thiệt hại môi trường được tổ chức vào Tháng 08 hoặc tháng 09 b) Nhóm chuyên gia JICA được yêu cầu xây dựng chương trình tập huấn dựa trên trình độ / mức độ ưu tiên của kiến thức và kỹ năng.
12	Ngày 17/08/2016	(1) Thảo luận về Chương trình tập huấn tổng thể và kế hoạch tập huấn, (2) Thảo luận về mục đích/chủ đề và sắp xếp hậu cần cho Chương trình tham quan học tập lần thứ nhất và Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh tại LVS Đồng Nai, (3) Báo cáo tiến độ rà soát thể chế và pháp lý	a) Lịch trình chương trình tập huấn, nội dung nội dung và lịch trình Chuyển tham quan học tập được đồng thuận bởi cả hai phía b) Cuộc họp của Nhóm công tác liên tỉnh tại tỉnh Bình Dương được đồng thuận bởi cả hai phía c) Cục QLCT&CTMT sẽ đề cử các thành viên của các sở TNMT trong lưu vực sông Cầu, không nằm trong vùng dự án thí điểm
13	Ngày 01/09/2016	(1) Hoàn thiện chương trình tham quan học tập và cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất tại LVS Đồng Nai	a) Nhóm chuyên gia JICA đồng ý mời 02 cán bộ từ sở TNMT Bắc Cạn và Hải Dương tham gia Chuyển tham học tập lần thứ 1
14	Ngày 14/09/2016	(1) Tổng kết chương trình tham quan học tập và cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất tại LVS Đồng Nai	a) Chương trình cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh tại lưu vực sông Cầu đã được thông qua

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
		(2) Thảo luận về chương trình và sắp xếp hậu cần cho cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh tại LVS Cầu	
15	Ngày 23/09/2016	(1) Hoàn thiện nội dung bài trình bày tại cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh tại LVS Cầu (2) Báo cáo tiến độ và dự thảo báo cáo hoạt động rà soát thể chế và pháp lý	a) Nội dung thuyết trình tại cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh tại lưu vực sông Cầu đã được xác nhận b) Ban QLDA và Nhóm chuyên gia JICA sẽ thúc đẩy công tác rà soát hệ thống pháp lý và thể chế
16	Ngày 28/10/2016	(1) Thảo luận kế hoạch dự kiến của cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh tại cả hai LVS (xây dựng các khóa tập huấn kỹ thuật), (2) Thảo luận về tiến độ các công việc rà soát pháp chế và các hoạt động DATĐ	a) Điều chỉnh các kết quả dự án liên quan tới xây dựng dự thảo thông tư hoặc nghị định có thể được đề cập tại cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án vào tháng 3 năm 2017
17	Ngày 08/11/2016	(1) Thảo luận triển khai các hoạt động tập huấn, (2) Thảo luận khả năng tổ chức Hội thảo chung với phía Dự án thuộc Ngân hàng Thế giới và Cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ hai	a) Nội dung và lịch tập huấn cơ bản vào tháng 11 đã được lãnh đạo TCMT thông qua b) Cục QLCT&CTMT sẽ tiếp tục thu thập ý kiến từ TCMT và các Sở TNMT về các hoạt động tập huấn và chia sẻ với Nhóm chuyên gia JICA nhằm nâng cao hiệu quả tập huấn c) Hội thảo với Ngân hàng thế giới sẽ được tổ chức vào Tháng 01, 2017
18	Ngày 16/11/2016	(1) (Thảo luận quá trình xây dựng thông tư, đặc biệt đối với Thông tư – 2 và Thông tư – 3 (2) Thảo luận về tổ chức cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ 2 và cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ hai tại cả hai LVS	a) Nội dung kỹ thuật có thể đưa vào nội dung Nghị định do phía Việt Nam chịu trách nhiệm. b) Nhóm chuyên gia JICA sẽ phối hợp chặt chẽ với Cục QLCT&CTMT để phát triển Thông tư 2 và Thông tư 3 c) Thời gian họp JCC và TF sẽ được bố trí linh hoạt, theo lịch công tác của ông Võ Tuấn Nhân
19	Ngày 13/12/2016	(1) Tổng kết kết quả cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án và thảo luận những hoạt động cần thực hiện, (2) Báo cáo tiến độ rà soát Thông tư – 2 và Thông tư – 3, thảo luận kế hoạch công tác trong Tháng 01, (3) Thảo luận về thời gian và nội dung cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ hai tại cả hai LVS	a) Phía đối tác Việt Nam sẽ xác nhận Biên bản cuộc họp JCC b) JET sẽ cân nhắc huy động chuyên gia địa phương vào hoạt động tập huấn và những cuộc họp kỹ thuật. c) Cuộc họp TF lần thứ hai sẽ được tổ chức vào tháng 03, 2017, theo dự kiến
20	Ngày 17/1/2016	(1) Báo cáo tiến độ rà soát Thông tư 2 và Thông tư 3 (2) Thảo luận nội dung của Thông tư 1 và Thông tư 4 (3) Xác nhận Bảng Giám sát hoạt động Dự án (4) Thảo luận về thời gian và nội dung cuộc họp TF lần thứ 2 và cuộc họp JCC (5) Thảo luận kế hoạch hoạt động trong tháng 02 và tháng 03 năm 2017	a) Nhóm chuyên gia JICA sẽ phản ánh ý kiến đóng góp của Ban QLDA vào Bảng giám sát hoạt động Dự án b) Dự thảo khung nội dung Thông tư-1 và Thông tư-4 sẽ được chuẩn bị vào tháng 4 hoặc tháng 5 năm 2017
21	Ngày 23/02/2017	(1) Báo cáo tiến độ rà soát Thông tư -2 và Thông tư -3 (2) Báo cáo Kết quả dự án thí điểm	a) Nhóm chuyên gia JICA và Ban QLDA sẽ chuẩn bị cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh b) Trong khuôn khổ xây dựng Thông tư -2 và Thông tư -3, các cuộc họp kỹ thuật sẽ được tổ chức
22	Ngày 15/3/2017	Báo cáo tiến độ rà soát các Thông tư, (1) Báo cáo tiến độ và kết quả DATĐ (2) Thảo luận về hoạt động chuẩn bị cho cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh (TF) lần thứ hai (3) Thảo luận về Chương trình tập huấn tại Nhật Bản, (4) Thảo luận về cuộc họp Ban Điều phối chung (JCC) lần thứ ba	a) Theo ý kiến của phía đối tác, đại diện từ tất cả các Sở TN&MT sẽ được mời tham gia Chương trình tập huấn tại Nhật Bản b) Sau cuộc họp Ban Điều phối chung, Hội thảo về QLTH TNN được tổ chức cùng ngày
23	Ngày 29/3/2017	(1) Thảo luận về hoàn thiện nội dung dự thảo số 1 Thông tư – 2 và Thông tư – 3 (2) Đề xuất lịch thực hiện các DATĐ từ sau Tháng Tư 2017 (3) Thảo luận về cuộc họp JCC và Hội thảo về QLTH TNN	a) Nhóm chuyên gia JICA sẽ tiến hành tính toán sức chịu tải và phân bổ hạn ngạch theo lý thuyết trong tháng Năm b) Nhóm chuyên gia JICA đang lập chương trình tập huấn nâng cao (ATC). Hoạt động này sẽ góp phần cải thiện tính khả thi của dự thảo thông tư
24	Ngày 18/4/2017	(1) Thảo luận về tiến độ hoàn thiện dự thảo Thông tư – 2 và Thông tư – 3 (2) Thảo luận về cuộc họp Ban Điều phối chung (3) Thảo luận về Hội thảo QLTH TNN (4) Xác nhận lịch hoạt động trong Tháng 4 và Tháng 5	a) Ban QLDA và Nhóm chuyên gia JICA đồng ý chia sẻ dự thảo số 1 Thông tư -2 và Thông tư -3 tại cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ 3 và tới các Sở TN&MT mục tiêu b) Để xây dựng kế hoạch chi tiết chương trình tập huấn nâng cao, Nhóm chuyên gia JICA sẽ họp và



STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
			xin ý kiến các Sở TN&MT
25	Ngày 18/4/2017	(1) Xác nhận kết quả Cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ ba (2) Báo cáo kết quả làm việc với các Sở TN&MT (3) Xác nhận Chương trình tập huấn nâng cao năm 2017 (4) Xác nhận lịch hoạt động trong Tháng 5 và Tháng 6 (5) Xác nhận công tác chuẩn bị cho Chương trình tập huấn tại Nhật Bản	a) Ông Hoàng Văn Thức được bổ nhiệm là Giám đốc Ban QLDA và rà soát tiến độ các hoạt động hiện tại b) Cả hai phía đồng thuận về kết quả Cuộc họp JCC lần thứ 3 và kết quả làm việc với các Sở TN&MT c) Chương trình tập huấn nâng cao nhận được đồng thuận chung. Các tài liệu tập huấn chi tiết cần được gửi tới Sở TN&MT để chuẩn bị thư mời và phân công cán bộ phù hợp tham gia hoạt động này
26	Ngày 12/5/2017	(1) Theo yêu cầu của ông Hoàng Văn Thức, Giám đốc Ban QLDA, JET đã báo cáo và trình bày về tiến độ DATĐ, bao gồm những nội dung quan trọng sau (2) Phân tích tải lượng ô nhiễm (3) Tính toán Sức chịu tải (4) Phân bổ hạn ngạch theo lý thuyết (5) Xây dựng Kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI)	a) Ông Thức đánh giá cao nỗ lực của Nhóm chuyên gia JICA và đồng thuận với góc tiếp cận của dự án b) Cả hai phía ghi nhận những khó khăn khách quan khi tiến hành các hoạt động kỹ thuật c) Cả hai phía thống nhất sẽ tiếp tục thảo luận về những vấn đề kỹ thuật và hành chính để tìm ra và thực hiện những giải pháp/ biện pháp khắc phục
27	Ngày 18/5/2017	(1) Xác nhận quá trình xây dựng dự thảo thông tư sau Tháng Sáu 2017 (2) Xác nhận Chương trình Tập huấn nâng cao năm 2017 (3) Thảo luận về Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh và họp kỹ thuật (4) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả - 3, (5) Thảo luận nội dung Bảng Giám sát hoạt động Dự án - 3 (6) Hoàn thiện báo cáo tiến độ	a) Thông tư 2 và Thông tư 3 cần được cải thiện hơn nữa, đặc biệt về phần phụ lục. Hướng dẫn kỹ thuật sẽ được kiểm tra và thảo luận thêm trước khi gửi tới các thành viên Nhóm công tác liên tỉnh b) Cuộc họp về xây dựng Thông tư - 4 và hoàn thiện Thông tư -5, -6 sẽ được tổ chức c) Cả hai phía xác nhận việc tổ chức Chương trình tập huấn nâng cao. Thiết kế của khóa học cần có tính linh hoạt và phản ánh ý kiến đánh giá của học viên từ những phần tập huấn trước d) Nội dung của cuộc họp TF và cuộc họp kỹ thuật đã nhận được đồng thuận chung e) Bảng Giám sát hoạt động Dự án số 3 được phía Việt Nam thống nhất thông qua
28	Ngày 31/5/2017	(7) Xác nhận hoạt động xây dựng dự thảo thông tư (8) Xác nhận Chương trình Tập huấn nâng cao năm 2017 (9) Thảo luận về Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh (TF) và cuộc họp kỹ thuật (10) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả - 3	a) Thông tư - 2 cần được cải thiện và thảo luận thêm giữa hai phía b) Thông tư - 3 cần được thảo luận chi tiết sau khi JET kiểm tra kết quả làm việc của chuyên gia địa phương c) Thông tư -4 sẽ được xây dựng dưới dạng Hướng dẫn kỹ thuật. JET và Cục QLCT&CTMT sẽ có cuộc họp để thảo luận chi tiết về yêu cầu nội dung của tài liệu này d) Chương trình tập huấn nâng cao cần được thiết kế và thực hiện theo hướng linh hoạt e) Góc tiếp cận về Kết quả 3 sẽ được trình bày tới các Sở TN&MT mục tiêu trong cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh
29	Ngày 21/6/2017	(1) Xác nhận tiến độ xây dựng thông tư (2) Xác nhận Chương trình tập huấn nâng cao vào Tháng Tám, 2017 (3) Xác nhận tiến độ hoạt động DATĐ về nâng cao nhận thức cộng đồng (4) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả -3 (5) Thảo luận Chương trình Tham quan học tập lần thứ hai	a) JET chia sẻ tài liệu trả lời ý kiến góp ý về Thông tư -2 và Thông tư -3 trong cuộc họp kỹ thuật và cuộc họp TF b) Cả hai phía xác nhận những hoạt động tiếp theo để hoàn thiện Thông tư - 2 và Thông tư -3 c) Cả hai phía xác nhận sẽ tiến hành hoạt động tập huấn nâng cao trong Tháng 8 theo kế hoạch d) Phía Việt Nam đánh giá cao và đồng ý với tiến độ hoạt động Dự án thí điểm về nâng cao nhận thức cộng đồng
30	Ngày 18/7/2017	(1) Xác nhận tiến độ xây dựng thông tư (2) Xác nhận Chương trình tập huấn nâng cao vào tháng 8 và tháng 9 năm 2017 (3) Xác nhận tiến độ hoạt động DATĐ về nâng cao nhận thức cộng đồng (4) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả -3	a) Phía Việt Nam sẽ rà soát và thảo luận cụ thể về góc tiếp cận xây dựng Thông tư -1 do JET đề xuất b) Nội dung dự thảo Thông tư 6 đã được xây dựng. c) Ban QLDA sẽ báo cáo về hoạt động tập huấn ATC 1-1 (3) tới lãnh đạo TCMT và chuẩn bị công văn chính thức. Ban QLDA đồng ý mời đại

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
			<p>diện Sở TN&amp;MT Thái Nguyên và Bắc Giang giới thiệu về những kỹ năng thu nhận được thông qua chương trình tập huấn tại Cuộc họp TF lần thứ</p> <p>d) Phía Việt Nam đánh giá cao và đồng ý với tiến độ hoạt động DATĐ về nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>e) Cả hai phía xác nhận Chương trình Tham quan học tập lần thứ 2 và Cuộc họp TF</p>
31	Ngày 17/8/2017	<p>(1) Xác nhận chương trình hoàn thiện Thông tư 2 và 3, hoàn thiện Hướng dẫn kỹ thuật về Tính toán sức chịu tải và Hạn ngạch xả thải thông qua cuộc họp kỹ thuật</p> <p>(2) Xác nhận kế hoạch Tập huấn nâng cao (ATC)</p> <p>(3) Xác nhận chương trình Hội nhóm TF lần thứ 4 và Tham quan học tập lần thứ 2</p> <p>(4) Xác nhận tiến độ DATĐ về nâng cao nhận thức</p>	<p>a) Cả hai phía thảo luận và xác nhận chương trình cuộc họp kỹ thuật nhằm hoàn thiện Hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>b) Cuộc họp tổng kết kết quả họp TF và họp kỹ thuật với ông Hoàng Văn Thức sẽ được xác nhận sau</p> <p>c) Phía Việt Nam đánh giá cao kết quả hoạt động truyền thông lần thứ nhất và đồng ý chương trình hoạt động lần thứ hai</p> <p>d) Việc lấy chữ ký của đại diện phía Việt Nam vào Biên bản cuộc họp JCC lần thứ 3 đã được thảo luận</p>
32	Ngày 06/9/2017	<p>(1) Xác nhận tiến độ xây dựng thông tư</p> <p>(2) Xác nhận tiến độ hoạt động DATĐ về nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(3) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả -3</p> <p>(4) Tiến độ thành lập Tổ chức LVS</p> <p>(5) Quá trình xin thị thực cho chuyên gia Nhật Bản</p>	<p>a) Thông tư -2, Thông tư -3 và Hướng dẫn kỹ thuật cần được cập nhật thêm và phản ánh ý kiến góp ý tại cuộc họp TF, các cuộc họp kỹ thuật, v.v và gửi tới TCMT để cân nhắc kỹ hơn. Các nội dung kỹ thuật cần được phân tích và diễn giải cụ thể, chi tiết hơn trong những tài liệu này</p> <p>b) Hoạt động truyền thông môi trường lần thứ 3 sẽ được tổ chức tại Trường THPT Chuyên Bắc Giang vào ngày 20/10/2017</p>
33	Ngày 12/10/2017	<p>(1) Xác nhận tiến độ xây dựng thông tư-2 và -3</p> <p>(2) Xác nhận nội dung xây dựng trong Thông tư-1 và Thông tư-4</p> <p>(3) Báo cáo tiến độ hoạt động DATĐ về nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>(4) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả -3, và Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh</p>	<p>a) Dự thảo Thông tư 2, Hướng dẫn kỹ thuật, Thông tư 3, Kế hoạch hành động nên được trình bày tại hội thảo sắp tới</p> <p>b) JET sẽ tiếp tục hoàn thiện Thông tư – 2 và Hướng dẫn kỹ thuật, Thông tư-3, Kế hoạch hành động để có thể được thông qua tại Cuộc họp TF lần thứ 5</p> <p>c) Thông tư -1 và Thông tư – 4 được thống nhất xây dựng dưới dạng Hướng dẫn kỹ thuật</p> <p>d) Để xác nhận ngày tổ chức cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án, Ban QLDA đề nghị JICA Hội Sở gửi thư chính thức tới phía Việt Nam</p> <p>e) Hoạt động DATĐ về nâng cao nhận thức môi trường đã hoàn thành. Báo cáo cuối cùng sẽ được đánh giá trong năm 2017</p>
34	Ngày 02/11/2017	<p>(1) Xác nhận về tổ chức Hội thảo (Thời gian, Mục đích và Kết quả dự kiến) và đoàn công tác từ JICA Hội Sở</p> <p>(2) Xác nhận xây dựng nội dung Thông tư – 4</p> <p>(3) Thảo luận về nội dung dự kiến của Kế hoạch hành động</p> <p>(4) Thảo luận về góc tiếp cận trong xây dựng Kết quả -3, và cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh</p>	<p>a) Tổ chức hội thảo (ngày, mục đích, kết quả dự kiến) đã được hai bên xác nhận</p> <p>b) Thông tư -4 được thống nhất xây dựng dưới dạng Hướng dẫn kỹ thuật. Điều khoản tham chiếu được chia sẻ tới Cục QLCT&amp;CTMT và sẽ đề cử chuyên gia trong nước phù hợp để hỗ trợ hoạt động này</p> <p>c) Kế hoạch hành động cần phản ánh ý kiến của các Sở TN&amp;MT và cần được thảo luận rộng rãi tại cuộc họp TF sắp tới</p>
35	Ngày 28/11/2017	<p>(1) Xác nhận lịch làm việc của Đoàn công tác JICA Hội Sở</p> <p>(2) Chương trình Hội thảo tham vấn, Cuộc họp Ban QLDA mở rộng</p> <p>(3) Xác nhận việc thuê chuyên gia trong nước tham gia xây dựng Thông tư-4</p> <p>(4) Thảo luận về cách tiếp cận xây dựng Kết quả-3, và Cuộc họp Nhóm Công tác liên tỉnh</p> <p>(5) Đóng văn phòng dự án tại tỉnh Bình Dương</p>	<p>a) Chương trình làm việc của đoàn công tác JICA hội sở được phía Việt Nam xác nhận</p> <p>b) Chương trình hội thảo cần được điều chỉnh theo ý kiến góp ý từ Ban QLDA. Cuộc họp Ban QLDA mở rộng sẽ mời các thành viên Ban Chỉ đạo tham gia</p> <p>c) Cục QLCT&amp;CTMT đề xuất Nhóm chuyên gia JICA có cuộc họp với các đơn vị liên quan, như Trung tâm quan trắc môi trường, trước khi huy động chuyên gia hỗ trợ xây dựng Thông tư – 4</p>

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
			<p>d) Cuộc họp TF lần thứ 5 sẽ được tổ chức vào Tháng 01, năm 2018</p> <p>e) Phía Việt Nam ghi nhận rằng hoạt động DATĐ tại miền Nam đã hoàn thành, văn phòng dự án tại tỉnh Bình Dương sẽ đóng trong năm 2017</p>
Họp mở rộng	Ngày 12/12/2017	<p>(1) Xác nhận tiến độ dự án giữa các bên liên quan</p> <p>(2) Thảo luận về khung nội dung Kế hoạch hành động dựa trên xây dựng kịch bản</p> <p>(3) Đánh giá Kết quả dự án và các nội dung quan trọng trong QLMTNLVS</p> <p>(4) Làm rõ những hoạt động cần thực hiện từ cả hai phía trong năm 2018</p>	<p>a) Cả hai phía đều xác nhận tiến độ dự án và những công việc còn tồn tại</p> <p>b) Khung nội dung Kế hoạch hành động đã được trình bày tới phía Việt Nam. Để vận dụng kinh nghiệm xây dựng Kết quả vào hoạt động quản lý, Ban QLDA kỳ vọng Kết quả-3 sẽ mang lại kinh nghiệm và kiến thức về quy trình xây dựng kế hoạch cho những cán bộ tham gia</p> <p>c) Cả hai phía đồng thuận rằng DATĐ hầu như đã hoàn thành và cả hai bên cần tiến hành những hoạt động cần thiết để tăng cường hoạt động trong năm 2018</p>
36	Ngày 21/12/2017	<p>(1) Tổng kết Hội thảo tham vấn và Cuộc họp Ban QLDA mở rộng</p> <p>(2) Xác nhận các sản phẩm thuộc Kết quả – 1</p> <p>(3) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả – 3</p> <p>(4) Thảo luận về công tác chuẩn bị cho Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ 5</p> <p>(5) Thảo luận về các vấn đề khác: Biên bản ghi nhớ về sử dụng phương tiện, Giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn.</p>	<p>a) Dự thảo biên bản thảo luận tại Hội thảo và cuộc họp Ban QLDA mở rộng đã được chia sẻ. Dựa trên những tài liệu này, kế hoạch hành động năm 2018 đã được thảo luận</p> <p>b) Cả hai phía đồng thuận về lịch tổ chức cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ 5 tại LVS Cầu và Đồng Nai</p> <p>c) Giấy chứng nhận tham gia Khóa tập huấn cơ bản đã được huấn bị. Giấy chứng nhận tham gia Khóa tập huấn nâng cao và Biên bản ghi nhớ về sử dụng xe sẽ được Ban QLDA xem xét và hoàn thiện sau</p>
37	Ngày 10/01/2018	<p>(1) Tổng kết kết quả Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh</p> <p>(2) Xác nhận định hướng cơ bản cho hoạt động xây dựng thông tư</p> <p>(3) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả - 3</p> <p>(4) Thảo luận về công tác chuẩn bị cho cuộc họp Ban Điều phối chung tiếp theo</p>	<p>a) Cả hai phía xác nhận về các sản phẩm thuộc Kết quả - 1 Xây dựng văn bản pháp luật</p> <p>b) Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể sẽ tiếp tục được hoàn thiện và chia sẻ tới phía Việt Nam trong thời gian tới</p> <p>c) Cả hai phía đồng thuận chung về lịch và nội dung cuộc họp Ban Điều phối chung sắp tới</p>
38	Ngày 31/01/2018	<p>(1) Thảo luận về điều chỉnh Ma trận Thiết kế Dự án</p> <p>(2) Xác nhận định hướng cơ bản cho hoạt động xây dựng thông tư</p> <p>(3) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả - 3</p> <p>(4) Thảo luận về cuộc họp Ban Điều phối chung tiếp theo</p> <p>(5) Thảo luận về Chương trình tập huấn tại Nhật Bản</p>	<p>a) Về cơ bản, phía Việt Nam đồng thuận về các điều chỉnh trong Ma trận thiết kế Dự án (bản số 3). Nội dung này sẽ được báo cáo và thống nhất tại cuộc họp Ban Chỉ đạo sắp tới. JET cần báo cáo nội dung này tới JICA Hội sở và xác nhận các điều chỉnh này</p> <p>b) Thông tư – 2 đã được hoàn thành và cần nhắc là một sản phẩm của Dự án (Thông tư 76/TT-BTN&amp;MT/2017)</p> <p>c) Hướng dẫn về Cơ chế điều phối (Thông tư -1) cần được thảo luận chi tiết hơn về định hướng xây dựng</p> <p>d) Ban QLDA đồng thuận về hoạt động làm việc với các địa phương trong Tháng 3/2018. Ban QLDA đề nghị tổ chức cuộc họp tại cấp lưu vực sông để thống nhất về Kế hoạch hành động cấp LVS và đảm bảo sự điều phối, hợp tác giữa các địa phương</p> <p>e) Ban QLDA đề xuất mời ông Hoàng Văn Thúc tham gia vào Chương trình tập huấn tại Nhật Bản và tăng số học viên lên 11 người</p> <p>f) Thời gian chính thức của Cuộc họp Ban Điều phối chung sẽ được thống nhất sau</p>
39	Ngày 07/3/2018	<p>(1) Thảo luận về lịch hoạt động của Dự án trong bối cảnh TCMT/Bộ TN&amp;MT cơ cấu lại</p> <p>(2) Thảo luận về điều chỉnh Ma trận Thiết kế Dự án</p> <p>(3) Xác nhận định hướng cơ bản cho hoạt động xây dựng văn bản pháp lý</p> <p>(4) Thảo luận về góc tiếp cận nhằm xây dựng Kết quả</p>	<p>a) Phía JICA đề xuất kéo dài thời gian dự án đến tháng 4 năm 2019 để đảm bảo tính bền vững của các kết quả dự án. Ban QLDA đề xuất mở rộng đến tháng 10 năm 2019 với ngân sách của nhà tài trợ</p> <p>b) Cả hai bên nhất trí về việc sửa đổi thêm PDM</p>

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
		<p>- 3</p> <p>(5) Thảo luận về công tác chuẩn bị cho cuộc họp JCC tiếp theo</p> <p>(6) Thảo luận về Chương trình tập huấn tại Nhật Bản</p>	<p>c) Bộ TN&amp;MT đang chuẩn bị sửa đổi Luật BVMT 2014, do đó các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật BVMT, như Nghị định,... sẽ được xem xét sau khi sửa đổi Luật BVMT được Quốc hội phê chuẩn. Kế hoạch sửa đổi chi tiết đã được chia sẻ với LET</p> <p>d) Thời gian họp JCC được xác nhận vào ngày 08 tháng 5 hoặc ngày 10 tháng 5 năm 2018. Nội dung chi tiết về cuộc họp cần được thảo luận thêm</p> <p>e) Khóa tập huấn tại Nhật Bản bị trì hoãn do những thay đổi trong cơ cấu tổ chức của TCMT. Thời gian chính xác sẽ được quyết định sau khi xác nhận thời hạn kéo dài Dự án</p>
40	Ngày 30/3/2018	<p>(1) Thảo luận về nội dung cuộc họp Ban chỉ đạo (JCC)</p> <p>(2) Xác nhận định hướng xây dựng văn bản pháp luật,</p> <p>(3) Xác nhận Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) điều chỉnh</p> <p>(4) Thảo luận về góc tiếp cận xây dựng Kết quả - 3,</p> <p>(5) Thảo luận về thời gian thực hiện dự án (kéo dài 6 tháng) và các nội dung liên quan</p>	<p>a) Hợp JCC được đề xuất vào chiều ngày 10 tháng 5 năm 2018. Mục tiêu chính của họp JCC yêu cầu ý kiến của các thành viên JCC về định hướng thực hiện dự án</p> <p>b) Thông tư 1 được đề xuất để xây dựng dưới dạng Hướng dẫn cơ chế điều phối hỗ trợ hoạt động của tổ chức LVS</p> <p>c) Dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật về đánh giá sức chịu tải liên quan tới Thông tư 2 sẽ được gửi đến tất cả các cơ quan liên quan trong TCMT và gửi lãnh đạo TCMT vào đầu tháng 5</p> <p>d) Thông tư 3: dự thảo Sổ tay về WDSI được hoàn thiện nhằm hỗ trợ thực hiện Quyết định số 140/QĐ-TTg</p> <p>e) TCMT sẽ phối hợp giữa DINTE và CEM để thảo luận và hoàn thiện dự thảo Hướng dẫn về chia sẻ thông tin. Thông tư 5 và 6 đã được đề xuất để tích hợp vào Bản sửa đổi Nghị định số 03</p> <p>f) Nội dung PDM cần được sửa đổi và nộp trước ngày 24 tháng 4 năm 2018</p> <p>g) Ban QLDA và Nhóm chuyên gia JICA đã đồng ý gia hạn dự án trong 6 tháng do tái cấu trúc TCMT, thay đổi hướng phát triển tài liệu luật trong Bộ TN&amp;MT</p> <p>h) Tuy cơ cấu tổ chức của TCMT thay đổi, cơ cấu của Ban QLDA được giữ nguyên và tiếp tục hoạt động</p>
41	Ngày 20/4/2018	<p>(1) Thảo luận về kế hoạch thực hiện Dự án (kế hoạch làm việc của Nhóm chuyên gia JICA, thành viên Ban Quản lý Dự án...)</p> <p>(2) Thảo luận nhằm hoàn thiện Kết quả -1</p> <p>(3) Thảo luận về việc chuẩn bị kế hoạch tổng thể và Lộ trình thuộc Kết quả -3</p> <p>(4) Thảo luận về khóa Tập huấn tại Nhật Bản</p> <p>(5) Thảo luận và xác nhận báo cáo tiến độ dự án thứ 5.</p>	<p>a) Về cơ bản, Bộ TN&amp;MT và hội sở JICA đã đồng ý kéo dài dự án trong 6 tháng</p> <p>b) Sản phẩm Kết quả-1 được xác nhận tại biên bản họp JCC</p> <p>c) Ban QLDA yêu cầu gửi Dự thảo lộ trình đầu tiên để xem xét</p> <p>d) Tập huấn tại Nhật Bản sẽ được tiến hành vào tháng 9 và tháng 10 năm 2018 theo kế hoạch</p> <p>e) Bảng giám sát sẽ được đệ trình lên Văn phòng JICA Việt Nam và JICA hội sở</p> <p>f) Dự án sẽ phát hành 500 cuốn tài liệu tập huấn dưới dạng tài liệu tham khảo của Bộ TN&amp;MT</p>
42	Ngày 24/7/2018	<p>(1) Xác nhận việc gia hạn dự án</p> <p>(2) Xác nhận việc gia hạn dự án</p> <p>(3) Thảo luận về kế hoạch tiếp theo của Dự án (Hội thảo công bố kết quả dự án, kế hoạch dự kiến của nhóm chuyên gia JICA)</p> <p>(4) Thảo luận về việc hoàn thiện Kết quả 1 Thảo luận về việc chuẩn bị Kế hoạch tổng thể và Lộ trình thuộc Kết quả 3</p> <p>(5) Thảo luận về khóa tập huấn tại Nhật Bản</p>	<p>a) Ban QLDA đang tiến hành thủ tục xin gia hạn dự án đến văn phòng Bộ TN&amp;MT. Văn phòng LET sẽ đóng cửa vào tháng 11 do không có vốn đối ứng cho thuê văn phòng</p> <p>b) Đồng ý tổ chức hội thảo chia sẻ kết quả dự án</p> <p>c) Kết quả của sản phẩm Kết quả 1 sẽ được hoàn thành trong báo cáo kỹ thuật và các quyết định của TCMT như được đề xuất</p> <p>d) Nhóm chuyên gia JICA nên thu thập ý kiến từ Sở TN&amp;MT về dự thảo Kế hoạch tổng thể</p> <p>e) Cục QLTT cần được mời tham gia vào giai đoạn xây dựng Lộ trình</p>

STT	Ngày	Nội dung	Kết quả
			f) Yêu cầu gửi danh sách các hoạt động của dự án và kết quả dự thảo hiện tại tới Ban QLDA xem xét
43	Ngày 26/9/2018	(1) Xác nhận vấn đề gia hạn Dự án (2) Thảo luận về chương trình Hội thảo dự kiến (3) Thảo luận về các hoạt động sau hội thảo (4) Thảo luận về thực trạng quá trình hoàn thiện Kết quả 1 (5) Thảo luận về hoạt động của Kết quả 3 (quản lý lưu vực sông và Lộ trình)	a) Về cơ bản, Bộ TN&MT đã đồng ý kéo dài 6 tháng dự án dựa trên việc xác nhận biên bản họp JCC về việc sửa đổi PDM. b) Ban QLDA sẽ thảo luận cách trình bày hội thảo, theo kế hoạch vào ngày 1 tháng 11 năm 2018. c) Nhóm chuyên gia JICA nên thảo luận với các Sở TN&MT mục tiêu ở cả lưu vực sông Cầu và sông Đồng Nai về dự thảo Kế hoạch tổng thể để lấy ý kiến của họ sau hội thảo. Ban QLDA sẽ chuẩn bị thư mời họp gửi đến các sở TN&MT.
44	Ngày 22/6/2019	(1) Xác nhận về tình hình hoàn thiện Kết quả-1 (2) Báo cáo hoạt động Kết quả -3 (Kế hoạch hành động, Kế hoạch tổng thể, và Lộ trình) (3) Xác nhận quá trình hoàn thiện Báo cáo Tổng kết Dự án (PCR) (4) Thảo luận về cuộc họp JCC và Hội thảo cuối Khác: Mở rộng dự án, UBLVS, các thiết bị bàn giao dự án, và bản quyền MIKE 11 dongles	a) TS. Hoàng Văn Thúc, Phó TCMT ký Quyết định Hướng dẫn kỹ thuật b) JET sẽ tiếp tục hợp tác và hỗ trợ triển khai hoạt động trong Quyết định 140, thông qua dự thảo Thông tư-3 và Sổ tay kỹ thuật về xây dựng kiểm kê nguồn nước thải. c) Kế hoạch tổng thể và Lộ trình sẽ được điều chỉnh và cải thiện, với sự hỗ trợ của tư vấn địa phương. d) Dự thảo Báo cáo tổng kết sẽ được nộp cho Ban QLDA vào cuối tháng 1, và tiếp tục được cập nhật. e) Chương trình họp JCC lần cuối sẽ được báo cáo tới lãnh đạo TCMT và Bộ TN&MT.
45	Ngày 06/3/2019	(1) Thảo luận về cuộc họp JCC và Hội thảo cuối (2) Xác nhận hoàn thiện Kết quả-1 (xác nhận cuối) (3) Báo cáo hoạt động Kết quả -3 (Kế hoạch hành động, Kế hoạch tổng thể, và Lộ trình) (4) Xác nhận Báo cáo Tổng kết (PCR)	a) Thời gian, địa điểm, và chương trình họp JCC và Hội thảo cuối được xác nhận b) Quyết định của TCMT về hướng dẫn kỹ thuật ngày 15/02 c) Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể được thảo luận với các Sở TN&MT mục tiêu. Viện khoa học môi trường sẽ chuẩn bị công văn để gửi đến các cơ quan liên quan. d) Lộ trình sẽ được phát triển theo Luật Quy hoạch. e) Tài liệu tập huấn sẽ được hoàn thiện và chia sẻ trong cuộc họp JCC lần cuối
46	Ngày 4/4/2019	(1) Xác nhận Cuộc họp Ban Chỉ đạo lần cuối và Hội thảo tổng kết (2) Xác nhận các sản phẩm cuối cùng và vấn đề còn tồn tại sau khi dự án hoàn thành (3) Báo cáo hoạt động thuộc Kết quả - 3 (Kế hoạch hành động, Kế hoạch tổng thể, và Lộ trình)	a) Thời gian, địa điểm và chương trình cuộc họp, Hội thảo đã được thống nhất b) Tất cả các sản phẩm dự án được xác nhận và liệt kê c) Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể đã phản ánh ý kiến góp ý của các Sở TN&MT được chia sẻ với Ban QLDA.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Cuộc họp thường kỳ Ban QLDA là dịp rất quan trọng để thảo luận và xác nhận nội dung dự án. Nỗ lực từ cả hai phía đã đóng góp vào sự hiệu quả của các cuộc họp này. Trong một số cuộc họp, cán bộ văn phòng JICA-Việt Nam đã tham gia và thảo luận các vấn đề quan trọng.

### 3.3 Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh (TF)

Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh đã được tổ chức sáu lần tại hai lưu vực sông mục tiêu, với sự tham gia của các Sở TN&MT trên cùng lưu vực sông. Bảng 3-7 tóm tắt các cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh trong khuôn khổ Dự án, kết quả thảo luận tại của các cuộc họp này được nêu trong Phụ lục 5 của Báo cáo này.

Trong các cuộc họp TF, tiến độ và kết quả thực hiện dự án đã được báo cáo, hầu như tất cả các vấn đề quan trọng của dự án đã được thảo luận và xác nhận bởi các bên liên quan. Những cuộc họp nhóm công tác liên

tỉnh đã củng cố mối quan hệ giữa Bộ TN&MT với các Sở TN&MT, cũng như giữa các Sở TN&MT. Thông qua các cuộc họp này, ý kiến của các Sở TN&MT về hoạt động dự án và xây dựng văn bản pháp lý thuộc Kết quả - 1 đã được chia sẻ và phản hồi.

**Bảng 3-7 Tóm tắt các cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh**

STT	Chủ đề và hoạt động chính	Địa điểm
Họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất (tháng 9 năm 2016)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Theo dõi tiến độ các hoạt động nhóm nội tỉnh đặc biệt các công việc thầu phụ cho lưu vực sông mục tiêu</li> <li>2) Rà soát và kiểm tra các hoạt động DATĐ trong giai đầu của dự án (ví dụ kết quả rà soát văn bản pháp luật)</li> <li>3) Thảo luận các vấn đề quản lý dự án tại giai đoạn đầu của dự án</li> <li>4) Thảo luận liên quan quá trình chuẩn bị kế hoạch QLMTNLVS với xây dựng Thông tư</li> </ol> <p>Hoạt động chính: Tiến độ hoạt động các DATĐ được chia sẻ. Dự thảo chương trình tập huấn được trình bày và thảo luận với các Sở TN&amp;MT. Kết quả thảo luận đã được phản ánh vào chương trình tập huấn tổng thể</p>	Họp riêng lưu vực sông (Bắc Ninh) (Bắc Giang)
Họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ hai (tháng 3 năm 2017)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Rà soát và kiểm tra các hoạt động DATĐ như là kết quả kết thúc năm thứ nhất của Dự án (ví dụ các Kết quả kỹ thuật như sổ tay và hướng dẫn)</li> <li>2) Trao đổi quan điểm cho xây dựng khung Thông tư-2&amp;3</li> <li>3) Điều phối liên tỉnh để ràng hơn cho xây dựng dự thảo Thông tư</li> <li>4) Rút ra bài học từ hoạt động dự án cho xây dựng dự thảo thông tư</li> </ol> <p>Hoạt động chính: Nội dung dự thảo Thông tư – 2 và Thông tư – 3 liên quan tới hoạt động DATĐ đã được giới thiệu, các vấn đề cần giải quyết để tăng cường điều phối liên tỉnh trong QLMTNLVS theo phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm cũng được thảo luận. Kết quả thảo luận đã được phản ánh vào dự thảo cuối cùng Thông tư – 2 và Thông tư – 3</p>	Họp riêng lưu vực sông (Đồng Nai) (Hà Nội)
Họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ ba (tháng 6 năm 2017)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Rà soát và kiểm tra các hoạt động DATĐ liên quan đến kết quả sức chịu tải dự kiến và phân bổ hạn ngạch xả thải dựa trên khoa học</li> <li>2) Tạo điều kiện phối hợp liên tỉnh cho xây dựng dự thảo thông tư</li> <li>3) Chia sẻ bài học và học hỏi về các hoạt động của dự án cho xây dựng dự thảo thông tư có được thông qua ATC</li> <li>4) Thảo luận về kết quả mong muốn của Kết quả-3 (Kế hoạch hành động)</li> </ol> <p>Hoạt động chính: Tiến độ chương trình tập huấn về đánh giá sức chịu tải đã được xác nhận. Các dự thảo thông tư, và văn bản pháp lý liên quan, bao gồm khung nội dung của Hướng dẫn kỹ thuật về Cơ chế điều phối và Thu thập, chia sẻ thông tin đã được trình bày và thảo luận, đánh giá tính khả thi tại cả hai lưu vực sông mục tiêu</p>	Họp riêng lưu vực sông (TP. HCM) (Hà Nội)
Họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ tư (tháng 9 năm 2017)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Trình bày dự thảo Thông tư-2 &amp; Hướng dẫn kỹ thuật cuối cùng, và dự thảo của Thông tư 3 cuối cùng của Cục QLCT&amp;CTMT</li> <li>2) Trình bày kết quả Kết quả của các hoạt động DATĐ của Sở TN&amp;MT Thái Nguyên và Bắc Giang</li> <li>3) Giới thiệu các hoạt động nâng cao nhận thức về môi trường trong DATĐ bởi sở TN&amp;MT Bắc Giang</li> <li>4) Thảo luận về khái niệm kế hoạch hành động (trên mỗi lưu vực sông) bởi JET</li> <li>5) Thảo luận về khái niệm Hướng dẫn cho Thông tư-1 &amp; Thông tư-4 bởi JET</li> </ol> <p>Hoạt động chính: Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh này có sự tham gia của tất cả các Sở TN&amp;MT trên hai lưu vực sông mục tiêu. Tại cuộc họp, Sở TN&amp;MT Thái Nguyên, Bắc Giang, và Bình Dương đã trình bày về hoạt động thí điểm phân tích tải lượng ô nhiễm và kết quả đánh giá sức chịu tải tại địa phương, vận dụng những kiến thức và kỹ năng được giới thiệu tại các khóa tập huấn nâng cao</p>	Họp nhóm công tác liên tỉnh chung (Bắc Giang)
Họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ năm (tháng 1 năm 2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1) Thảo luận về tiến độ Kế hoạch hành động bởi JET</li> <li>2) Trình bày dự thảo Hướng dẫn Thông tư-1 &amp; Thông tư-4 bởi Cục QLCT&amp;CTMT / Viện KHMT</li> <li>3) Thảo luận về khái niệm Kế hoạch tổng thể bởi JET</li> <li>4) Kết luận BTC &amp; ATC bởi JET</li> </ol>	Họp riêng lưu vực sông (Hà Nội) (BR-VT)

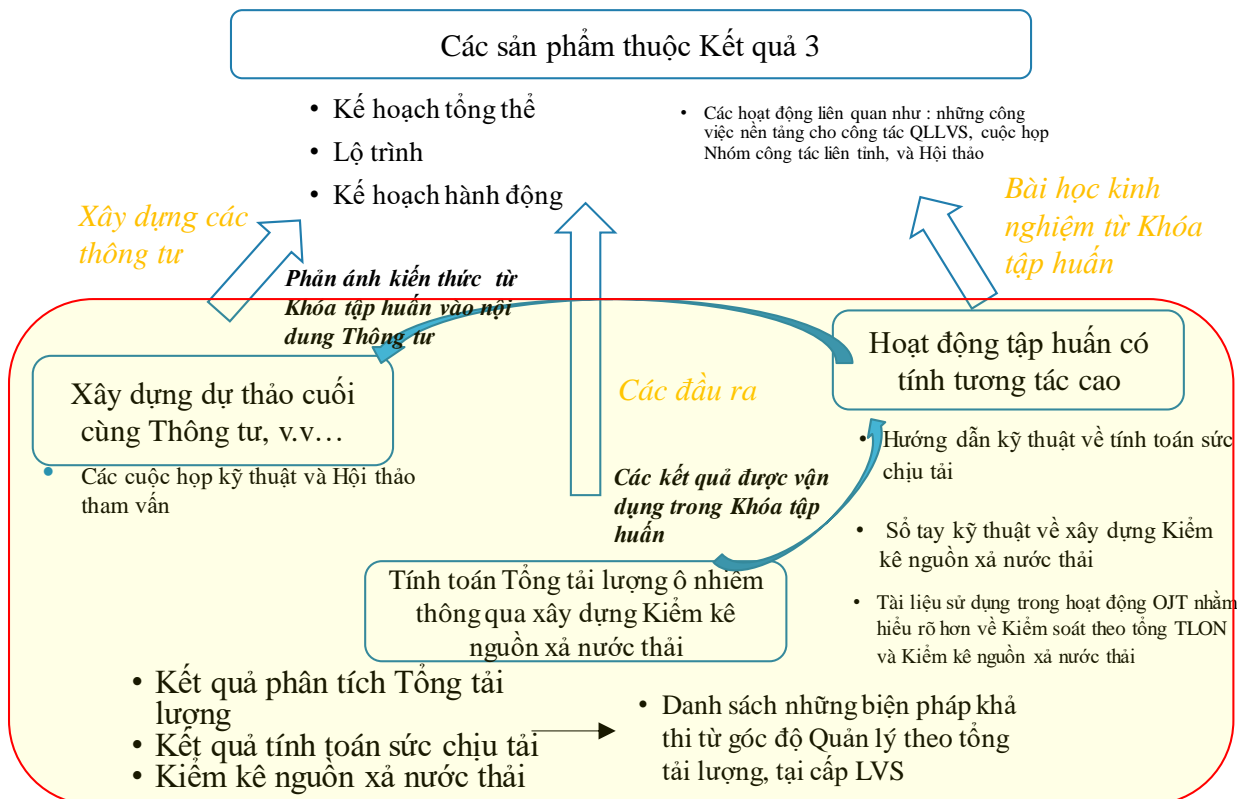
STT	Chủ đề và hoạt động chính	Địa điểm
	Hoạt động chính: Kết quả cuối cùng của các DATĐ đã được chia sẻ với những Sở TN&MT mục tiêu, quy trình xây dựng Kế hoạch hành động nhằm phân bổ sức chịu tải theo cơ sở khoa học sử dụng quy trình tính toán tại DATĐ đã được trình bày và thảo luận. Mỗi địa phương trên hai lưu vực sông đã chỉ ra những khó khăn gặp phải khi phân bổ sức chịu tải cho từng tỉnh. Kết quả thảo luận đã được tham khảo để hoàn thiện Kế hoạch hành động	
Hợp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ sáu (tháng 5 năm 2018)	1) Kết luận bài học rút ra từ các hoạt động dự án bởi JET 2) Trình bày dự thảo kế hoạch hành động cuối cùng bởi JET 3) Thảo luận kế hoạch tổng thể bởi JET Hoạt động chính: TCMT đã giới thiệu các sản phẩm thuộc Kết quả - 1, JET giới thiệu khung nội dung của Kế hoạch tổng thể và Lộ trình, và thảo luận xin ý kiến các Sở TN&MT mục tiêu. Mỗi địa phương đã chỉ ra các hoạt động cần thực hiện nhằm thúc đẩy QLMTNLVS đối với lưu vực sông liên tỉnh. Kết quả thảo luận đã được tham khảo để hoàn thiện Kế hoạch tổng thể và Lộ trình	Hợp nhóm công tác liên tỉnh chung (Hà Nội)

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 3.4 Tăng cường năng lực và các hoạt động liên quan

Tăng cường năng lực (CD) là hoạt động chính của Dự án, Ban QLDA, TF và JCC đã hoạt động với vai trò cơ quan thực thi dự án. Quá trình lập kế hoạch và thực hiện mỗi hoạt động tăng cường năng lực đều được xác nhận bởi Ban QLDA, TF, và kết quả được báo cáo tới JCC.

Bên cạnh đó, trong khuôn khổ Dự án, hoạt động tăng cường năng lực được thực hiện thông qua chương trình tập huấn thuộc Kết quả -1,2, và 3. Mỗi hoạt động tập huấn được mô tả tại Mục 4.3, 5.2 và 6.2 theo từng sản phẩm đầu ra. Thông qua thực hiện hoạt động CD, các nội dung và kết quả tập huấn được phản ánh trực tiếp vào từng sản phẩm. Vai trò và mối quan hệ giữa CD và các hoạt động liên quan được nêu tại Hình 3-1.



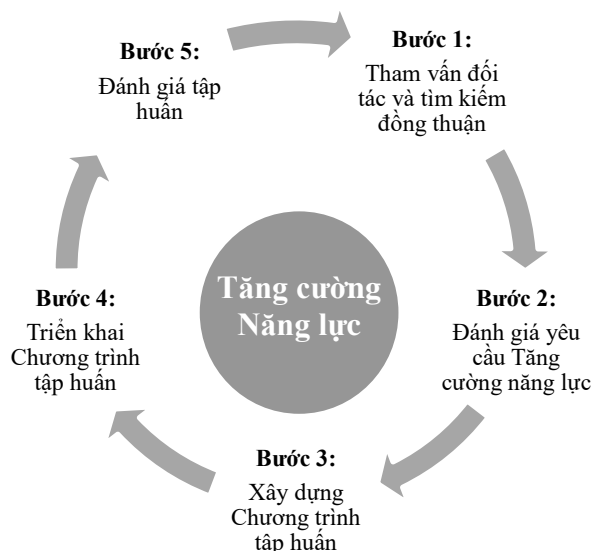
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 3-1 Mối quan hệ giữa hoạt động tăng cường năng lực và các hoạt động khác của Dự án**

### 3.4.1 Chu trình tăng cường năng lực (CD)

Tăng cường năng lực là hoạt động trọng điểm của Dự án bởi tăng cường năng lực xây dựng và thực thi chính sách là yếu tố then chốt để xây dựng hệ thống QLMTNLVS tại Việt Nam, giải quyết các vấn đề còn tồn tại, và thúc đẩy QLMTNLVS hiệu quả và bền vững. Các hoạt động tăng cường năng lực của Dự án bao gồm 2 nội dung chính: xây dựng các văn bản pháp luật liên quan trong QLMTNLVS, và đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực vận dụng phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm của cơ quan trung ương và địa phương.

Tính hiệu quả của hoạt động CD được đánh giá thông qua 5 bước trong chu trình tăng cường năng lực sau:



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 3-2 Chu trình tăng cường năng lực**

Chu trình tăng cường năng lực được áp dụng trong việc xây dựng các hoạt động đào tạo trong Dự án. Một điểm quan trọng trong chu trình này là việc thực hiện các biện pháp đánh giá năng lực bước đầu (Bước 2), cũng như đánh giá mức độ hiệu quả của các hoạt động tăng cường năng lực được thực hiện (Bước 5). Bước 1 trong chu trình này nhằm đạt được sự đồng thuận giữa JET và cơ quan đối tác về các nội dung và thực hiện tăng cường năng lực trong QLMTNLVS. Sau khi các nội dung chính được thông qua bởi Bộ TNMT, các Sở TN&MT, và Nhóm Chuyên gia JICA, đánh giá các năng lực ban đầu của các cán bộ quản lý và kỹ thuật trong TCMT và các Sở TN&MT được thực hiện (Bước 2). Kết quả đánh giá năng lực này được sử dụng để thiết kế chương trình tập huấn tổng quát, phù hợp với các yêu cầu tăng cường năng lực cán bộ (Bước 3). Nhóm Chuyên gia JICA, kết hợp với các Chuyên gia Việt Nam, và TCMT đã tổ chức chương trình tập huấn cơ bản và nâng cao về xây dựng và thực thi chính sách QLMTNLVS theo phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm cho các cán bộ của TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu (Bước 4). Sau mỗi buổi tập huấn, phiếu khảo sát được phát cho các học viên nhằm ghi nhận ý kiến của học viên về các nội dung tập huấn, và tìm ra các vấn đề cần được chú trọng (Bước 5), phục vụ cho 1) xây dựng các nội dung tập huấn tiếp theo; 2) phản ánh các yêu cầu thực tế của các cán bộ quản lý nhà nước vào các văn bản pháp luật xây dựng trong Dự án.

### 3.4.2 Triển khai hoạt động đánh giá năng lực

Quá trình xây dựng nâng cao năng lực được đánh giá thông qua một bộ công cụ đánh giá năng lực (CA). Đánh giá năng lực nhằm tìm ra được khoảng cách giữa năng lực thực tại và những yêu cầu cần phát triển, nhằm xây dựng căn cứ đề xuất những tập huấn cần thiết, và các nội dung cần tăng cường năng lực trong QLMTNLVS. Các phương pháp đánh giá năng lực thông qua các bảng khảo sát định lượng và các phiếu hỏi định tính, và thông qua gặp mặt trực tiếp với học viên nhằm thu thập thông tin phản hồi từ đại diện của từng tổ chức.

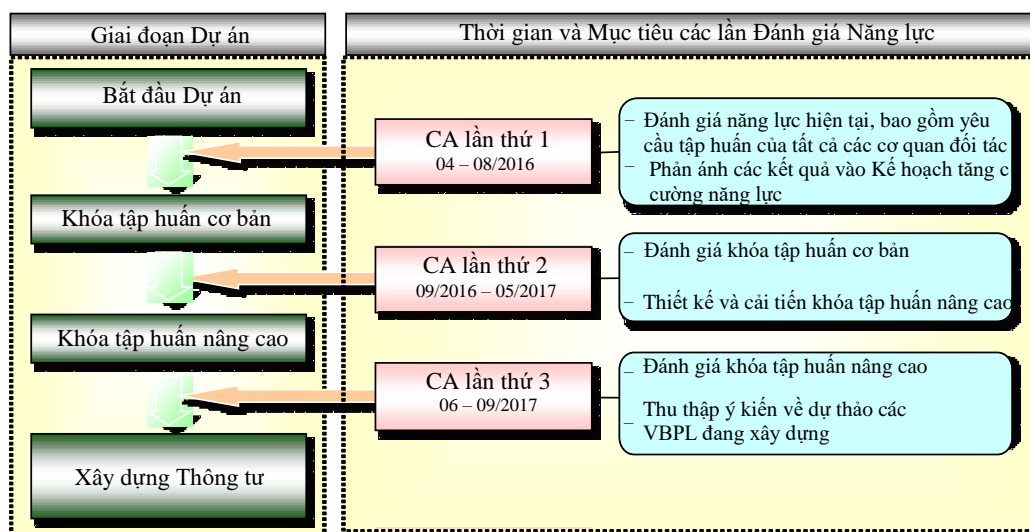
Hoạt động đánh giá kết quả tăng cường năng lực được thực hiện trong 03 giai đoạn của Dự án:

- Lần thứ nhất: Giai đoạn ban đầu triển khai Dự án



- Lần thứ hai: Giai đoạn kết thúc Chương trình tập huấn cơ bản (BTC)
- Lần thứ ba: Giai đoạn kết thúc Chương trình tập huấn nâng cao (ATC)

Đánh giá năng lực lần thứ nhất nhằm xác định tình trạng năng lực ban đầu, và sẽ được sử dụng làm điểm tham chiếu để đánh giá tính hiệu quả và hiệu suất của hoạt động tập huấn đối với các mục tiêu tăng cường năng lực. Đánh giá năng lực giữa kỳ được thực hiện ở giai đoạn giữa Dự án, với nội dung chính là đánh giá kết quả Chương trình tập huấn cơ bản, đánh giá ý kiến của học viên về tính phù hợp, hiệu quả của nội dung tập huấn đối với công việc chuyên môn của họ, và đề xuất những hoạt động tăng cường năng lực trong nửa sau của Dự án. Đánh giá năng lực lần cuối được thực hiện sau khi kết thúc Chương trình tập huấn nâng cao. Mục tiêu của đánh giá cuối này nhằm đánh giá kết quả Chương trình tập huấn nâng cao, đồng thời tiếp tục phản ánh các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, như thiếu dữ liệu dòng chảy, yêu cầu của WDSI, và các văn bản pháp lý được xây dựng, hoàn thiện trong khuôn khổ Kết quả - 1 của Dự án. (Hình 3-3)



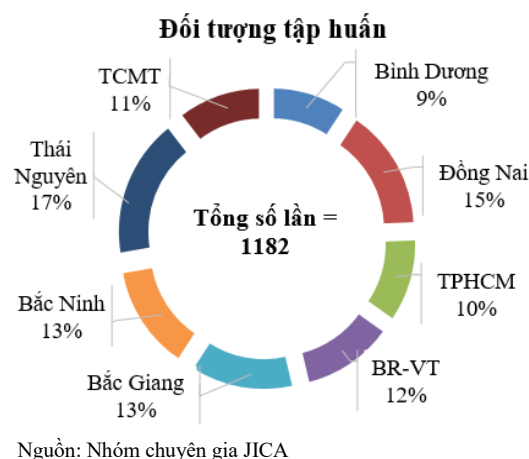
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 3-3 Thời gian và mục tiêu khảo sát đánh giá năng lực**

### 3.4.3 Phạm vi tăng cường năng lực

Phạm vi của hoạt động tăng cường năng lực trong Dự án bao gồm tất cả các cấp độ từ nâng cao năng lực cán bộ địa phương, trung ương, đến hỗ trợ xây dựng chính sách.

Đối với xây dựng năng lực cán bộ và cơ quan quản lý, chương trình tập huấn tổng thể đã được thiết kế, cùng với sự tham gia của TCMT và các Sở TN&MT. Đối tượng tập huấn cơ bản là thành phần Nhóm công tác nội tỉnh đã được thành lập tại các tỉnh thời gian đầu Dự án. Nhóm này có các cán bộ quản lý, và cán bộ kỹ thuật, tại các Chi cục BVMT, Trung tâm quan trắc, Phòng Quản lý tài nguyên nước, v.v... tại từng Sở TN&MT. Tổng cộng có 1182 học viên tham gia các khóa tập huấn tại các cấp trung ương và địa phương (Hình 3 4).



**Hình 3-4 Tổng số lần học viên tham gia tập huấn**

#### 3.4.4 Đánh giá năng lực ban đầu (CA)

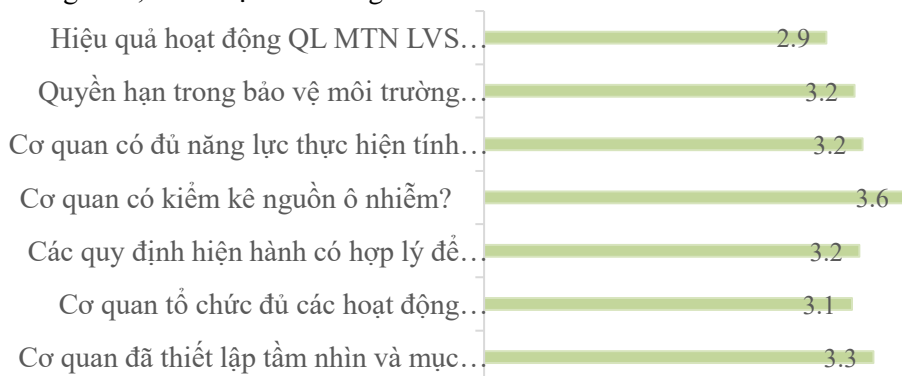
(1) Sơ lược về đánh giá năng lực ban đầu

Đánh giá năng lực ban đầu được thực hiện vào thời gian đầu dự án, từ tháng 1 đến tháng 9, 2016. Các lãnh đạo và chuyên viên của TCMT và 7 Sở TN&MT mục tiêu được mời tham dự trả lời bảng khảo sát. Kết quả có 88 người tham gia khảo sát bước đầu này, trong đó cấp lãnh đạo chiếm hơn 60% và cấp cán bộ kỹ thuật chiếm gần 40% số người tham gia. Bảng hỏi gồm các câu hỏi ở các lĩnh vực khác nhau, thể chế, tổ chức quản lý, kỹ thuật, nhân lực, và tài chính. Các câu hỏi cũng đưa ra các lĩnh vực tăng cường năng lực liên quan tới hoạt động xây dựng văn bản pháp luật thuộc Kết quả - 1 của Dự án:

- 1, Cơ chế điều phối
- 2, Đánh giá sức chịu tải và xây dựng lộ trình QL TNN LVS
- 3, Xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải
- 4, Chia sẻ và công bố thông tin, dữ liệu
- 5, Bồi thường thiệt hại môi trường
- 6, Trách nhiệm bồi thường và nâng cao nhận thức, sự tham gia của người dân

(2) Kết quả đánh giá năng lực ban đầu

Khảo sát đánh giá năng lực ban đầu xác định hiện trạng năng lực trong 06 vấn đề chính về QLMTNLVS tại TCMT và các Sở TN&MT. Hầu hết câu trả lời chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong kinh phí, nhân lực, văn bản hướng dẫn cụ thể việc thi hành các chính sách môi trường. Mặt khác, các phiếu trả lời cũng cho thấy các cán bộ đối tác đánh giá năng lực thực thi và tổ chức hiện ở mức trung bình, như được nêu trong biểu đồ sau:



Theo thang đánh giá từ 1 đến 5 (5: Rất tốt, 4: Tốt, 3: Chấp nhận được, 2: Chưa tốt, 1: Không)

Lưu ý: Số người tham gia khảo sát là 88.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 3-5 Trung bình các câu trả lời khảo sát đánh giá năng lực ban đầu**

Hình 3-5 và Bảng 3-8 chỉ ra năng lực QLMTNLVS từ kết quả đánh giá năng lực ban đầu. Tính hiệu quả của UB BVMT LVS được đánh giá ở cấp độ trung bình. Hoạt động được đánh giá cao nhất trong 06 lĩnh vực liên quan tới xây dựng văn bản pháp luật thuộc Kết quả - 1 là thực hiện kiểm kê nguồn xả thải tại các Sở TN&MT. Kết quả chi tiết của khảo sát năng lực ban đầu được đính kèm trong Phụ lục 6. Từ kết quả này, những nhu cầu tăng cường năng lực đã được xác định, ưu tiên cao nhất trong tăng cường năng lực đã được chuẩn bị. Dựa trên những yêu cầu này, sự cần thiết của việc ban hành văn bản pháp luật đã được xác nhận, và chương trình tập huấn của Dự án được xây dựng.

**Bảng 3-8 Đánh giá năng lực và những ưu tiên tăng cường năng lực theo kết quả CA ban đầu**

Hợp phần năng lực	Năng lực ban đầu	Nhu cầu tăng cường năng lực
<b>1. Cơ chế điều phối</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống pháp lý phục vụ việc điều phối, kết hợp giữa các tỉnh chưa tốt</li> <li>Hiệu quả hoạt động của UB LVS hiện nay ở mức trung bình, dựa trên sự tự nguyện tham gia của các tỉnh là chủ yếu</li> <li>Sự hạn chế trong hướng dẫn từ TCMT/ Bộ TN&amp;MT về điều phối vấn đề QLMTNLVS</li> <li>Liên kết giữa Sở TN&amp;MT, Sở NN&amp;PTNT về vấn đề quản lý sử dụng nước còn lỏng lẻo</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng dự thảo về cơ chế điều phối trong QLMTNLVS</li> <li>Đề xuất dự thảo cải thiện chức năng và vai trò của UB LVS hiện nay, có xét đến khả năng thực thi và cơ chế tài chính</li> <li>3+4) Cung cấp hướng dẫn với cơ chế và nền tảng rõ ràng về cơ chế điều phối cho các tỉnh và cơ quan liên quan trong một lưu vực sông</li> </ol>
<b>2. Đánh giá sức chịu tải</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Không đủ tài liệu hướng dẫn thực thi đánh giá năng lực tải</li> <li>Cấu trúc cơ sở thực hiện đánh giá sức chịu tải còn thiếu: <ul style="list-style-type: none"> <li>Không có mô hình tính toán sức chịu tải có sẵn</li> <li>Không đủ dữ liệu để đánh giá sức chịu tải</li> <li>Dữ liệu tải lượng ô nhiễm không đầy đủ từ cả nguồn điểm và nguồn diện</li> </ul> </li> <li>Cán bộ có kiến thức kỹ thuật về đánh giá còn hạn chế: phương pháp luận, ứng dụng phần mềm, GIS, dòng chảy sông, tác động theo mùa, tác động của thủy triều, vv</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng Dự thảo Thông tư và Hướng dẫn kỹ thuật về đánh giá sức chịu tải</li> <li>Xem xét các vấn đề còn tồn tại để TCMT và Sở TN&amp;MT đánh giá sức chịu tải: <ul style="list-style-type: none"> <li>Có phần mềm và mô hình tính toán giám sát và mô hình hóa tài nguyên nước</li> <li>Có cơ sở dữ liệu khả thi để tính toán</li> <li>Có đủ dữ liệu kiểm kê nguồn ô nhiễm</li> </ul> </li> <li>Các cán bộ được đào tạo kỹ thuật về đánh giá sức chịu tải</li> </ol>
<b>3. Kiểm kê nguồn xả thải</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Các quy định và hướng dẫn về Quy trình WDSI còn thiếu và chưa hoàn thiện</li> <li>Còn thiếu các cơ sở để phát triển WDSI: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiếu hệ thống giám sát toàn diện</li> <li>Tổng kiểm kê tất cả các nguồn xả nước thải chưa được thực hiện</li> <li>Thiếu hệ thống cơ sở dữ liệu kiểm kê dễ sử dụng</li> </ul> </li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng Dự thảo Thông tư và Sổ tay Hướng dẫn xây dựng WDSI</li> <li>Xây dựng một cấu trúc đủ để phát triển WDSI <ul style="list-style-type: none"> <li>Cài đặt hệ thống giám sát tự động</li> <li>Tiếp tục tiến hành WDSI</li> <li>Phát triển cơ sở dữ liệu WDSI thân thiện bằng ứng dụng GIS</li> </ul> </li> </ol>
<b>4. Chia sẻ thông tin và dữ liệu</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Các quy định và hướng dẫn về Quy trình chia sẻ dữ liệu môi trường còn thiếu</li> <li>Không có quy định chi tiết về các cơ quan chủ trì, cách thức thống nhất chia sẻ thông tin, trong khi thời gian và tần suất quan trắc dữ liệu của mỗi tỉnh là rất khác nhau.</li> <li>Cơ sở dữ liệu môi trường không được trình bày một cách có hệ thống</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1 + 2) Xây dựng hướng dẫn về chia sẻ dữ liệu và thông tin môi trường</li> <li>3) Có cơ sở dữ liệu có hệ thống về sức chịu tải và quản lý WDSI</li> </ol>
<b>5. Bồi thường thiệt hại môi trường</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Không có Thông tư cụ thể hướng dẫn Bồi thường thiệt hại môi trường. Nghị định 03 quá chung chung</li> <li>Khó xác định đối tượng và phạm vi bồi thường thiệt hại môi trường</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng hướng dẫn cụ thể về xác định thiệt hại và bồi thường môi trường</li> </ol>

Hợp phần năng lực	Năng lực ban đầu	Nhu cầu tăng cường năng lực
<b>6. Trách nhiệm bồi thường và nhận thức cộng đồng</b>	1) Khó xác minh chủ thể gây thiệt hại về môi trường	1) Xây dựng hướng dẫn xác định nguồn gốc của sự cố & các cơ quan có trách nhiệm

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(3) Nội dung tập huấn đáp ứng nhu cầu tăng cường năng lực

Các nội dung ưu tiên tập huấn được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cường năng lực của phía đối tác. Hoạt động tập huấn đưa ra những kiến thức và kỹ năng liên quan tới phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm trong QLMTNLVS, bao gồm phương pháp tính toán trong phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải, hoạt động quản lý môi trường có liên quan như xây dựng và ứng dụng WDSI, quan trắc chất lượng nước. Bảng 3-9 tóm tắt những nội dung tập huấn nêu trên.

**Bảng 3-9 Nội dung ưu tiên tập huấn theo khảo sát đánh giá năng lực ban đầu**

Mục	Nhu cầu năng lực chính	Nội dung tập huấn
<b>Kỹ năng và kiến thức cơ bản</b> (Nội tỉnh)	1) Cải thiện dữ liệu quan trắc 2) Kiến thức về phân tích tải lượng ô nhiễm 3) Giới thiệu về mô hình 4) Kiến thức về WDSI 5) Quản lý cơ sở dữ liệu 6) Kiến thức về quản lý và kiểm soát chất lượng nước	1) Quan trắc & tiêu chuẩn soát chất lượng nước 2) Phân tích tải lượng ô nhiễm 3) Giới thiệu về mô hình thủy lực & soát chất lượng nước 4) Phân loại chuẩn bị WDSI và phân loại các nguồn gây ô nhiễm bao gồm các tiêu chí 5) Ứng dụng GIS trong quản lý dữ liệu 6) Thanh tra và kiểm tra môi trường 7) Lập kế hoạch và thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm 8) Nhà máy xử lý nước thải tập trung và tập trung
<b>Kỹ năng và kiến thức nâng cao</b> (Liên tỉnh)	1) Chính sách về cơ chế phối hợp 2) Kiến thức về hệ thống mô hình tính toán 3) Kiến thức về đánh giá năng lực tải 4) Áp dụng WDSI 5) Quy trình tổng thể QLMTNLVS 6) Lập kế hoạch QLTH LVS trong Lộ trình thực hiện 7) Truyền thông môi trường và nhận thức cộng đồng	1) Phát triển chính sách và ứng dụng hệ thống kiểm soát tổng tải lượng trong QLMTNLVS 2) Sử dụng mô hình mô phỏng Qual-2K & MIKE 11 3) Tính toán sức chịu tải & phân bổ tải lượng ô nhiễm 4) Các biện pháp kiểm soát nguồn gây ô nhiễm, ví dụ Jokaso 5) Xây dựng hệ thống kiểm soát tổng tải lượng và thực hiện kế hoạch QLMTNLVS 6) Xây dựng chính sách và kế hoạch thực hiện theo lộ trình 7) Tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức về môi trường

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 3.5 Chương trình tham quan học tập

Chương trình tham quan học tập được tổ chức nhằm tăng cường sự trao đổi và tiếp xúc giữa các nhóm công tác nội tỉnh tại lưu vực sông Cầu và Đồng Nai trong khuôn khổ các DATĐ. Thành phần tham gia chương trình này là những cán bộ làm việc tại các tỉnh mục tiêu, có tham gia trực tiếp vào các DATĐ và thành viên nhóm công tác nội tỉnh. Thông qua chương trình tham quan học tập, kiến thức và thông tin từ cả hai lưu vực sông sẽ được chia sẻ, mối quan hệ hợp tác giữa các Sở TN&MT trên 2 lưu vực sông và năng lực của nhóm công tác nội tỉnh sẽ được nâng cao.

#### 3.5.1 Chương trình tham quan học tập lần thứ nhất tại lưu vực sông Đồng Nai

Chương trình tham quan học tập lần thứ nhất được tổ chức vào tháng 9 năm 2016 tại lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn. Thành phần tham dự chủ yếu là những cán bộ trực tiếp tham gia các DATĐ tại lưu vực sông Cầu. Tài liệu trình bày trong chương trình này được các đại diện từ lưu vực sông Đồng Nai chuẩn bị (Sở TNMT Bình Dương và Sở TNMT Đồng Nai). Chương trình tham quan học tập lần thứ nhất được tổ chức

trong hai ngày – Ngày 8 và 9 Tháng 9 năm 2016, chi tiết tại bảng sau. Tổng số cán bộ tham gia chương trình này khoảng 60 người.

**Bảng 3-10 Chương trình tham quan học tập lần thứ nhất (tại lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn)**

Thứ /Ngày	Sáng/ Chiều	Nội dung				Lưu ý
		Hoạt động	Chịu trách nhiệm	Địa điểm	Thời gian	
Thứ Năm ngày 08/09	Sáng	1) Giới thiệu về những đặc điểm chính và định hướng quản lý tại lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn	Cục Quản lý Chất thải và Cải thiện môi trường	Phòng Ruby, Tầng 1 Khách sạn Becamex Thủ Dầu Một	-08:30-09:00	Sở TNMT TP Hồ Chí Minh không tham gia
		2) Bài trình bày về hoạt động và kinh nghiệm thực tiễn trong QLMTN tại tỉnh Bình Dương	Nhóm công tác nội tỉnh Bình Dương		-09:00-09:30	
		3) Chiếu phim về trường hợp kênh Ba Bò			-09:30-10:00	
		Nghỉ giải lao			-10:00-10:30	
		4) Bài trình bày về hoạt động và kinh nghiệm thực tiễn trong QLMTN tại tỉnh Đồng Nai	Nhóm công tác nội tỉnh Đồng Nai		-10:30-11:00	
		5) Thảo luận	Chủ trì: sở TNMT Bình Dương		-11:00-12:00	
		Ăn trưa			-12:00-13:00	
Thứ Sáu ngày 09/09	Chiều	6) Khảo sát thực địa - Thăm TTQT Bình Dương; Hệ thống quan trắc tự động kết nối giữa TTQT và khu công nghiệp, nhà máy XLNT tại tỉnh Bình Dương (13:00-14:00) - Kênh Ba Bò (14:00-15:00) - Trạm Quan trắc tự động nước dưới đất (15:00-15:30) - Nhà máy xử lý nước thải đô thị Thủ Dầu Một tại Bình Dương (15:30-17:00)	Nhóm công tác nội tỉnh Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	-13:30-17:30	Sở TNMT TP Hồ Chí Minh không tham gia
	Sáng	Khai mạc	Ban QLDA	Phòng VIP (tầng 21, Khách sạn Becamex Thủ Dầu Một)	-08:00-08:10	
		Bài trình bày	JET		-08:10-09:00	
		1) Tầm nhìn và mục tiêu, phân vùng tiêu chuẩn chất lượng môi trường xung quanh, và hệ thống quan trắc				
		Thảo luận tại nhóm	JET		-09:00-09:50	
		2) Những trọng tâm, phương thức quản lý tiêu chuẩn và phân vùng chất lượng nước hiệu quả; QLMTNLVS				
		Nghỉ giải lao			-09:50-10:10	
		3) Thảo luận chung - Trình bày kết quả thảo luận nhóm - Trao đổi quan điểm trong QLMTNLVS, kiểm soát nguồn ô nhiễm - Các nhiệm vụ và vấn đề gặp phải trong điều phối công tác QLMTNLVS	Chủ trì: JET		-10:10-11:40	
		Bế mạc	Ban QLDA		-11:40-12:00	
		Ăn trưa			-12:00-13:00	
	Chiều	5) (Tự chọn) Khảo sát bổ sung tại tỉnh Đồng Nai	Nhóm công tác nội tỉnh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	-13:30-15:30	Cuộc họp TF tại lưu vực sông Đồng Nai-Sài Gòn được tổ chức vào cùng thời gian này.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Trong ngày thứ hai của Chương trình tham quan học tập, tất cả thành viên đã tham gia vào hoạt động Thảo luận nhóm và Thảo luận chung, dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm đã chia sẻ thông qua hoạt động khảo sát thực địa và phần trình bày của JET về khái niệm quản lý môi trường nước theo lưu vực sông. Trong phần thảo luận tại nhóm, các thành viên được chia thành 5 nhóm. Một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình tham quan học tập là tăng cường trao đổi giữa các Sở TNMT và giữa các lưu vực sông. Do đó, mỗi nhóm bao gồm đại diện từ 7 Sở TN&MT mục tiêu. Các chủ đề và nội dung thảo luận được nêu tại Bảng 3-11.

**Bảng 3-11 Chủ đề và nội dung thảo luận nhóm**

<b>Nội dung thảo luận</b>		
Khái niệm QLMTNLVS	1. Mỗi Sở TNMT cần thiết lập Tầm nhìn QLMTNLVS 2. Tầm nhìn của mỗi tỉnh cần được chia sẻ với các tỉnh khác trong cùng lưu vực sông, và 3. Cơ chế điều phối rất cần thiết để chia sẻ tầm nhìn và thực hiện hoạt động QLMTNLVS thống nhất	
Quan sát và ấn tượng về khảo sát thực địa	1. Hiện trạng mạng lưới sông ngòi và môi trường nước 2. Công nghệ tiên tiến được áp dụng trong kiểm soát nước thải công nghiệp và sinh hoạt 3. Biện pháp tiên tiến trong quan trắc môi trường nước, bao gồm nước dưới đất	
STT	Chủ đề	Nhóm*
1	<b>Sở TNMT cần ưu tiên thực hiện hoạt động nào trong công tác QLMTNLVS</b> Gợi ý: ( 1) Quan trắc, 2) Thúc đẩy công nghiệp, 3) Kiểm soát công nghiệp)	A & B
2	<b>Nâng cao hiệu quả hoạt động quan trắc môi trường trong QLMTNLVS</b> Gợi ý: ( 1) Tần suất, 2) Mục tiêu quan trắc, 3) Hợp tác)	C & D
3	<b>Quan điểm xây dựng tầm nhìn trong QLMTNLVS</b> Gợi ý: ( 1) Kiểm soát công nghiệp, 2) Tài nguyên nước, 3) Bảo tồn môi trường)	E

Lưu ý: Trong hoạt động thảo luận nhóm, các thành viên được chia thành năm nhóm và đại diện cho đơn vị công tác.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Các thành viên đã trao đổi ý kiến và tranh luận tích cực. Thông qua hoạt động thảo luận, các đại biểu đã hiểu rõ hơn tầm quan trọng của việc xác định đặc điểm nguồn xả nước thải, tải lượng ô nhiễm tương ứng ở cấp lưu vực sông, nhằm cân nhắc các hoạt động cần thực hiện để nâng cao hiệu quả hệ thống quan trắc và thiết lập tầm nhìn chung trong QLMTNLVS.

Một số hình ảnh của hoạt động thảo luận nhóm trong Hình 3-12.



Bài trình bày và Thảo luận (Sáng: Ngày 08/09/2016)



Khảo sát thực địa, kênh Ba Bò (Chiều: Ngày 08/09/2016)



Khảo sát thực địa, Nhà máy XLNT Thủ Dầu Một  
(Chiều: 08/09/2016)



Thảo luận chung và Thảo luận nhóm  
(Sáng: Ngày 09/09/2016)

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### Hình 3-6 Hình ảnh chương trình tham quan học tập lần thứ nhất

#### 3.5.2 Chương trình tham quan học tập lần thứ hai tại lưu vực sông Cầu

Chuyến tham quan học tập lần thứ 2 được tổ chức vào tháng 9 năm 2017 tại lưu vực sông Cầu. Thành phần chính của chương trình này là những cán bộ tham gia DATĐ và làm việc tại các Sở TNMT tại lưu vực sông Đồng Nai. Chương trình Tham quan học tập được tổ chức vào ngày 21, 22 & 23 tháng 9 năm 2017 với lịch trình chi tiết nêu trong bảng dưới đây. Tổng số đại biểu tham gia khoảng 80 người.

**Bảng 3-12** Chương trình tham quan học tập lần thứ hai (tại lưu vực sông Cầu)

Ngày	Thời gian	Nội dung			Lưu ý
		Hoạt động	Hội trường	Phụ trách	
21/9 (Thứ năm)	8:00-10:00	Di chuyển (TP. Hồ Chí Minh đến Hà Nội)	-	JET	
	12: 00~	Di chuyển từ sân bay Nội Bài đến Bắc Giang Nhận phòng khách sạn và ăn trưa	-	JET	
	13:30~	[Đăng ký] [Chuẩn bị cho chuyến tham quan] - Xác nhận nhóm (10 người/nhóm. Tổng: 3 nhóm) - Giới thiệu vắn tắt tham quan thực địa	Khách sạn Mường Thanh Bắc Giang	JET  Sở TN&MT Bắc Giang	
	14:00~	[Tham quan thực địa] - Thăm làng nghề giết mổ châu Phúc Lâm - KCN Vân Trung (Bắc Giang) điểm xả nước thải ra sông Cầu - KCN Quang Châu để xác nhận hoạt động quan trắc	Lưu vực sông Cầu tại Bắc Giang	Sở TN&MT Bắc Giang	



Ngày	Thời gian	Nội dung			Lưu ý
		Hoạt động	Hội trường	Phụ trách	
22/9 (Thứ sáu)	8:00-8:10	- Khai mạc	Khách sạn Mường Thanh Bắc Giang	Sở TN&MT Bắc Giang	
	8:10-9:00	1) Bài trình bày - Giải thích văn tắt kết quả tại lưu vực sông Cầu. - Giới thiệu cơ chế điều phối - Giải thích nội dung thảo luận nhóm		JET	
	9:10-9:50	2) Thảo luận nhóm nhỏ - Làm thế nào có được đồng thuận trong lưu vực sông - Vài điều kiện được thảo luận		Nhóm nội tỉnh	
	9:50-10:10	Nghỉ giải lao		JET	
	10:10-11:40	3) Thảo luận chung - Trình bày kết quả thảo luận mỗi nhóm - Trao đổi quan điểm về cơ chế điều phối QLMTNLVS		Sở TN&MT Bắc Giang và JET	
	11:40-12:00	Kết thúc giữa giờ		Sở TN&MT Bắc Giang và JET	
	12:00-13:00	Ăn trưa		JET	
	14:30-14:50	Di chuyển đến trường học nơi tổ chức hoạt động nâng cao nhận thức môi trường		Trường THPT Thái Thuận	Nhà thầu phụ và JET
	15:00-16:00	Tham gia sự kiện nâng cao nhận thức môi trường			
	<Những cán bộ trong nhóm nội tỉnh tham gia sự kiện nâng cao nhận thức môi trường>				
23/9 (Thứ bảy)	6:30-6:40	Di chuyển đến trường học cho hoạt động sự kiện nâng cao nhận thức môi trường	-	Nhà thầu phụ và JET	
	7:00-11:30	[Hoạt động nâng cao nhận thức] Tham gia hoạt động sự kiện nâng cao nhận thức môi trường	Lưu vực sông Cầu tại Bắc Giang		
	12:00-13:00	Ăn trưa			

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Trong buổi sáng ngày thứ hai của Chuyến tham quan học tập, những cán bộ không tham dự cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ 4 đã thảo luận nhóm và thảo luận chung. Kết quả các DATĐ tại lưu vực sông Cầu được sử dụng làm bối cảnh chung để thảo luận về cơ chế điều phối trong phân bổ sức chịu tải cho từng tỉnh trên một lưu vực sông. Nội dung thảo luận nhóm được nêu tại Bảng 3-13.

**Bảng 3-13 Chủ đề thảo luận nhóm**

Chủ đề thảo luận nhóm	
Đạt được sự đồng thuận cho phân bổ sức chịu tải trên lưu vực sông	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định những nội dung cần đạt được sự đồng thuận.</li> <li>2. Xác định những vấn đề quan trọng khi thiết lập sự đồng thuận, bao gồm xác định bên chịu trách nhiệm chính khi cắt giảm TLON.</li> <li>3. Thảo luận về những vấn đề vừa xác định, với góc tiếp cận từ mỗi Sở TN&amp;MT</li> <li>4. Đề xuất tới Bộ TN&amp;MT về phương pháp phân bổ toàn diện hơn với các khía cạnh khác nhau</li> </ol>

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Các đại biểu tham dự đã trao đổi thẳng thắn dựa trên những chủ đề thảo luận đưa ra tại Bảng 3-16. Những cần đề quan trọng khi thiết lập sự đồng thuận trong phân bổ sức chịu tải tại lưu vực sông đã được xác định và tóm tắt tại Bảng 3-17. Kết quả thảo luận được tham khảo và phản ánh vào nội dung hướng dẫn về Cơ chế điều phối thuộc Kết quả -1 của Dự án. Bên cạnh đó, thông qua phần thảo luận này, nhiều đại biểu đã chỉ ra rằng TCMT/Bộ TN&MT cần ban hành hướng dẫn kỹ thuật cấp quốc gia nhằm tăng cường cơ chế điều phối giữa các địa phương trên cùng lưu vực sông và thành lập các tổ chức điều phối, như Tổ chức lưu vực sông.



**Bảng 3-14 Kết quả thảo luận tại chương trình tham quan học tập lần thứ hai**

Nội dung	Kết quả thảo luận
Những vấn đề chính cần đi tới đồng thuận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm trung và dài hạn</li> <li>- Chỉ đạo từ phía trung ương nhằm đi tới đồng thuận</li> <li>- Thảo luận ở cấp địa phương nhằm đi tới đồng thuận</li> <li>- Chia sẻ những vấn đề còn tồn tại</li> <li>- Chia sẻ thông tin cần thiết như dữ liệu quan trắc và thanh tra</li> <li>- Kiến thức về quy trình tính toán sức chịu tải</li> <li>- Bố trí ngân sách địa phương</li> <li>- Nâng cao nhận thức</li> </ul>
Đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ TN&amp;MT/TCMT cần ban hành hướng dẫn cấp quốc gia nhằm tăng cường điều phối giữa các địa phương trên cùng lưu vực.</li> <li>- Những cơ quan đóng vai trò điều phối, như Tổ chức LVS, là rất cần thiết.</li> <li>- Cần ban hành chính sách thống nhất về phân vùng xả nước thải trên toàn lưu vực</li> </ul>

Nguồn: Biên bản thảo luận của Chương trình tham quan học tập lần thứ hai

Ảnh hoạt động thảo luận nhóm trong Hình 3-7.



Tham thực địa KCN Vân Trung (chiều 21/9/2017)



Tham thực địa KCN Quang Châu (chiều 21/9/2017)



Thảo luận nhóm (sáng: 22/9/2017)



Hoạt động nhận thức môi trường (sáng: 23/9/2017)

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 3-7 Hình ảnh tại chương trình tham quan học tập lần thứ hai**

Thông qua các chuyến tham quan học tập, mối liên kết giữa những cán bộ làm việc tại hai lưu vực sông đã được xây dựng và được đánh giá cao bởi các đại biểu. Những mối quan hệ này góp phần vào sự thành công của các cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh và cuộc họp Ban chỉ đạo. Hoạt động này là cơ hội rất tốt để thảo luận về quản lý lưu vực sông với tất cả các bên liên quan.

Mặt khác, cần rất nhiều nỗ lực để tổ chức những hoạt động tương tự như vậy do chưa có những quy định cụ thể về đơn vị tổ chức và tổ chức cuộc họp cụ thể. Trong khuôn khổ Dự án, Ban QLDA đã gặp nhiều trở ngại trong quá trình xây dựng chương trình, sắp xếp hậu cần, và thực hiện khi không có sự hỗ trợ của JET. Trong tương lai, cần đưa ra những quy định cụ thể về tổ chức cuộc họp thường kỳ giữa các địa phương trên cùng một lưu vực sông hoặc các lưu vực sông cũng như đơn vị tổ chức.

Các hoạt động để tăng cường mối quan hệ là rất quan trọng. Đồng thời, cách thức tổ chức, thời gian và quy mô cần được quy định chi tiết nhằm thúc đẩy hoạt động điều phối diễn ra thường xuyên, kịp thời.

### 3.6 Hoạt động thầu phụ

Dự án đã tiến hành các hoạt động thầu phụ trong khuôn khổ các DATĐ tại cả hai lưu vực sông. Hiện nay, có 5 hoạt động thầu phụ dự kiến đã được thực hiện như nêu tại Bảng sau. Kết quả của những hoạt động này đã được sử dụng trong các hoạt động tập huấn kỹ thuật của dự án.

**Bảng 3-15 Tóm tắt các hoạt động thầu phụ**

STT	Mục	Mục đích	Nội dung	Thời gian	
1	1	Mô hình mô phỏng tại lưu vực sông Cầu	Thực hiện tính toán sơ bộ tải lượng ô nhiễm theo các bước: chia lưu vực sông mục tiêu thành các tiểu lưu vực, thiết lập đơn vị tải lượng ô nhiễm, ước tính tải lượng ô nhiễm phát thải từ mỗi tiểu lưu vực.	Xác định ranh giới các tiểu lưu vực thông qua dữ liệu mô hình số độ cao (DEM) và ảnh vệ tinh, ứng dụng phần mềm GIS thiết lập đơn vị tải lượng ô nhiễm, thu thập và tính toán các thông tin cơ bản phục vụ ước tính sức chịu tải, v.v...	Từ: 8/2016, Tới: 5/2017
	2	Mô hình mô phỏng tại lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn			Từ: 4/2016, Tới: 5/2017
2	1	Khảo sát kiểm kê nguồn ô nhiễm tại lưu vực sông Cầu	Thu thập dữ liệu và thông tin phục vụ hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước và công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông	Rà soát kiểm kê nguồn ô nhiễm hiện tại WDSI của các sở TN&MT, chuẩn bị mẫu WDSI sử dụng Microsoft Excel và Microsoft Access, thu thập dữ liệu về nguồn ô nhiễm thông qua phiếu khảo sát, phân tích mẫu nước, nhập dữ liệu nguồn thải vào WDSI, xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ nguồn ô nhiễm, v.v...	Từ: 4/2016, Tới: 12/2016
	2	Khảo sát kiểm kê nguồn ô nhiễm tại lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn	Xây dựng dự thảo kiểm kê nguồn ô nhiễm (WDSI) về các nguồn thải trọng điểm tại lưu vực sông mục tiêu và lập bản đồ nguồn thải (sử dụng GIS)		Từ: 4/2016, Tới: 1/2017
3	Khảo sát liên quan tới Chia sẻ thông tin và Nâng cao nhận thức Môi trường		Tiến hành hoạt động trình diễn về lấy mẫu nước sông và phân tích thực địa cùng với sở TN&MT Bắc Giang nhằm nâng cao nhận thức về QLMTNLVS. Chia sẻ kết quả của hoạt động trình diễn được mô tả ở trên bằng cách chia sẻ thông tin trang chủ website hiện có của sở TN&MT Bắc Giang và Bộ TN&MT/TCMT.	Chuẩn bị Bộ dụng cụ kiểm tra chất lượng nước, tư liệu truyền thông (áo phông và mũ) cho các sự kiện và tài liệu về hoạt động nhận thức môi trường, diễn thuyết trước khi thực địa, thực hiện sự kiện nhận thức về môi trường (tổng cộng 3 lần), xem xét kết quả của từng sự kiện và phản hồi về hoạt động nhận thức môi trường tiếp theo, chuẩn bị tài liệu để chia sẻ thông tin và tài liệu web, hỗ trợ phổ biến kết quả hoạt động, v.v.	Từ: 6/2017 tới 11/2018

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 3.7 Tập huấn tại Nhật Bản

Dự án đã tổ chức 3 khóa tập huấn tại Nhật Bản. Chương trình này được lên kế hoạch, điều phối, và hỗ trợ bởi Nhóm JICA. Mỗi khóa tập huấn kéo dài 10 ngày nhằm giới thiệu những kiến thức và kinh nghiệm trong quản lý tài nguyên nước tại Nhật Bản và tăng cường sự quan tâm, nỗ lực của cán bộ phía đối tác đối với thực hiện Dự án. Phụ lục 7 trong báo cáo liệt kê danh sách học viên tham gia mỗi đợt tập huấn.

Phù hợp với mục đích của dự án đã được chính thức thống nhất trong Biên bản ghi nhớ (R/D) được ký ngày 24 tháng 8 năm 2015 giữa JICA và Bộ TN&MT, các mục tiêu chính của tập huấn JICA tại Nhật Bản nhằm cung cấp cho các đối tác Việt Nam cơ hội học:

- Tổng quan về chính sách môi trường nước Nhật Bản bao gồm quản lý môi trường nước lưu vực

sông,

- Chuẩn bị và thực hiện kiểm soát tổng tải ô nhiễm
- Hệ thống thực thi chính sách quản lý môi trường nước tại chính quyền địa phương và
- Lịch sử quản lý môi trường nước của ban quản lý lưu vực sông tại Nhật Bản và tham quan thực địa

Sau đây là thông tin sơ lược về từng khóa đào tạo tại Nhật Bản.

### 3.7.1 Khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất

#### (1) Tóm tắt khóa tập huấn lần thứ nhất tại Nhật Bản

Chương trình tập huấn đầu tiên được tổ chức vào tháng 07 năm 2016 cho 11 cán bộ (cấp lãnh đạo thuộc Cục QLCT&CTMT, Viện KHMT, và các địa phương tại lưu vực sông Cầu và Đồng Nai). Các thành viên khóa tập huấn đã tham quan thủ đô Tokyo, thành phố Yokohama, lưu vực sông Yodo tại tỉnh Osaka, và tìm hiểu về những đặc điểm, bài học kinh nghiệm trong Quản lý lưu vực sông. Thông tin tóm tắt về chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất được trình bày tại Bảng 3-18.

**Bảng 3-16 Tóm tắt khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất**

Mục	Nội dung
Tên chương trình	Tăng cường năng lực quản lý lưu vực sông
Thời gian	Ngày 06/07 (Thứ Tư) – Ngày 13/07 (Thứ Tư) (Tổng cộng: 8 ngày)
Số lượng thành viên tham gia	11 thành viên (5 đại diện từ Bộ TN&MT và 6 đại diện từ các Sở TNMT mục tiêu)
Địa điểm tập huấn chính	Tokyo, thành phố Yokohama city và thành phố Osaka
Ngôn ngữ	Tiếng Việt – Tiếng Nhật

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

#### (2) Chương trình

Chương trình tập huấn được nêu tại Bảng 3-17. Chương trình được thiết kế riêng cho Dự án này.

**Bảng 3-17 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản – Tháng 7 năm 2016**

Ngày	Thời gian	Hoạt động	Giảng viên	Địa điểm
1 Ngày 06/07 Thứ Tư	-	(Di chuyển từ Hà Nội tới Narita) (Di chuyển từ HCM tới Narita)	-	Trung tâm Quốc tế JICA Tokyo (TIC)
2 Ngày 07/07 Thứ Năm	10:00-12:00	Hướng dẫn chung	TIC	
	13:15-13:45	Chào xã giao đại diện JICA	Hội sở chính JICA	
	14:00-14:30	Hướng dẫn chung về khóa tập huấn	JET, Nippon Koei	
	14:30-17:30	<u>Bài giảng:</u> Lịch sử áp dụng các biện pháp xử lý và vượt qua ô nhiễm nước tại Nhật Bản	Ông Imai, Nguyên Cố vấn JICA	
3 Ngày 08/07 Thứ Sáu	09:30-12:00	<u>Bài giảng:</u> 1) Quá trình xây dựng chính sách quốc gia về quản lý môi trường nước, việc vận dụng thông tin môi trường  <u>Bài giảng:</u> 2) Giới thiệu về hệ thống quản lý toàn diện chất lượng môi trường nước, Giới thiệu khung và phương pháp lập tiêu chuẩn giám sát chất lượng toàn diện	Phòng Môi trường nước, Cục Quản lý Môi trường, Bộ Môi trường  Văn phòng Quản lý Môi trường các vùng ven biển khép kín, Cục Quản lý Môi trường, Bộ Môi trường	
	14:00-17:00	<u>Bài giảng:</u> 1) Giới thiệu về giảng viên và học viên <u>Bài giảng:</u> 2) Tổng quan về hoạt động quản lý môi trường tại thành phố Yokohama <u>Bài giảng:</u> 3) Biện pháp quản lý môi trường của thành phố Yokohama (Hướng dẫn giám sát và quản lý môi trường nước, kiểm tra thực địa tại các cơ sở thuộc thành phố) <u>Tham quan:</u> "Giới thiệu về Viện Nghiên cứu Khoa học Môi trường Yokohama" và tham quan các đơn vị trực thuộc	Phòng Bảo tồn Môi trường, Cục Kế hoạch Môi trường, Phòng thúc đẩy Hợp tác, Sở Ngoại Vụ, thành phố Yokohama  Viện Nghiên cứu Khoa học Môi trường, Cục Điều phối Chính sách, Cục Kế hoạch Môi trường	

Ngày	Thời gian	Hoạt động	Giảng viên	Địa điểm
4	Ngày 09/07 Thứ Bảy	Sáng/Chiều	Ngày nghỉ	-
5	Ngày 10/07 Chủ nhật	Sáng/Chiều	(Di chuyển từ Tokyo tới Kyoto) Tìm hiểu thêm về Văn hóa Nhật Bản tại thành phố Kyoto	JET -
6	Ngày 11/07 Thứ Hai	09:30-17:00	<u>Bài giảng</u> : Kinh nghiệm và bài học trong quản lý lưu vực sông tại Nhật Bản <u>Bài giảng</u> : Những nỗ lực trong chính sách về dòng chảy duy trì <u>Khảo sát thực địa</u> : tham quan một lưu vực sông điển hình Từ:thường nguồn (sông Uji) tới hạ nguồn sông Yodo Ủy ban quản lý hệ thống sông Yodo, Cục phát triển vùng Kinki, Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông, và Du lịch	Khách sạn tại Osaka
7	Ngày 12/07 Thứ Ba	Sáng Chiều	(Di chuyển từ Osaka tới Tokyo) Chuẩn bị bài Báo cáo thu hoạch Báo cáo/Họp Đánh giá chương trình và Tổng kết	JET JICA, JET
8	Ngày 13/07 Thứ Tư	-	(Di chuyển từ Narita tới Hà Nội) (Di chuyển từ Narita tới TP HCM)	-

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### (3) Kết quả khóa tập huấn

Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến học viên, khóa tập huấn lần thứ nhất tại Nhật Bản đã đạt được những kết quả sau nhằm thúc đẩy QLMTNLVS tại Việt Nam

- Phân định rõ trách nhiệm QLMTNLVS giữa chính quyền trung ương và địa phương,
- Phân định rõ trách nhiệm QLMTNLVS giữa các bộ liên quan, ví dụ như Bộ Môi trường, Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch tại Nhật Bản,
- Điều phối giữa các tổ chức liên quan trên cùng một lưu vực sông, dựa trên bài giảng về sông Yodo,
- Quy trình quản lý về kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm,
- Sử dụng dữ liệu quan trắc trong QLMTNLVS của chính quyền địa phương, dựa trên bài giảng của đại diện thành phố Yokohama

Các học viên đã xây dựng Kế hoạch hành động nhằm tăng cường QLMTNLVS tại Việt Nam dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm thu nhận được trong quá trình học tập tại Nhật Bản. Khái niệm về Kế hoạch hành động đã được ghi nhận và báo cáo tới TCMT.

## 3.7.2 Khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ hai

### (1) Tóm tắt khóa tập huấn lần thứ hai tại Nhật Bản

Khóa tập huấn lần thứ hai được tổ chức vào tháng 7 năm 2017 cho 10 cán bộ cấp quản lý và cán bộ (TCMT, Cục QLCT&CTMT, Viện KHMT và chính quyền địa phương tại lưu vực sông Cầu và Đồng Nai). Các học viên đã đến thăm Tokyo, thành phố Kawasaki, lưu vực sông Edo-gawa ở Tokyo, Ibaragi, tỉnh Chiba, tỉnh Saitama, và tìm hiểu các đặc điểm và bài học về quản lý lưu vực sông. Ngoài ra, các học viên đã đến thăm công ty xử lý nước thải tư nhân và phòng thí nghiệm của công ty, và trung tâm nghiên cứu Nippon Koei tại thành phố Khoa học Tsukuba. Tóm tắt về khóa tập huấn lần thứ hai tại Nhật Bản trong Bảng 3-20.

**Bảng 3-20 Tóm tắt khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ hai**

Mục	Nội dung
Tên chương trình	Nâng cao năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông trong lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai
Thời gian	Ngày 05/07 (Thứ Tư) – Ngày 14/07 (Thứ Sáu), 2016 (Tổng cộng: 10 ngày)
Số lượng thành viên tham gia	10 thành viên (3 đại diện từ Bộ TN&MT và 6 đại diện từ các Sở TN&MT mục tiêu)

Mục	Nội dung
Địa điểm tập huấn chính	Tokyo và các thành phố xung quanh (Yokohama và Tsukuba)
Ngôn ngữ	Tiếng Việt – Tiếng Nhật

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(2) Chương trình

Chương trình tập huấn được trình bày trong Bảng 3-21. Chương trình được thiết kế riêng cho dự án.

**Bảng 3-21 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ hai – tháng 7 năm 2017**

Ngày	Thời gian	Hoạt động	Giảng viên	Địa điểm	
1	5/7 (Thứ tư)	-	-	Trung tâm quốc tế JICA Tokyo (TIC)	
2	6/7 (Thứ năm)	10:00-12:00	- Hướng dẫn chung		TIC
		14:00-14:30	- Giải thích khóa học		TIC, JET
		14:30-17:30	- Bài giảng: Kinh nghiệm về ô nhiễm nước và các biện pháp chính trị chống lại ô nhiễm tại Nhật Bản		TS. Soichiro Seki (Đại học Tokyo, nguyên thư ký bộ Môi trường, Nhật Bản)
		18:00-20:00	- Ăn tối chào mừng đoàn do JET tổ chức		
3	7/7 (Thứ sáu)	09:30-12:00	- Bài giảng: Pháp luật về bảo tồn chất lượng nước ở Nhật Bản và tiêu chuẩn môi trường về quản lý môi trường và chất lượng nước của nước cộng đồng Bài giảng: Lịch sử và thực hiện kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm tại Nhật Bản		Bộ Môi trường, Nhật Bản
		13:30-17:00	- Bài giảng: Hệ thống thực hiện chính sách quản lý môi trường nước tại chính quyền địa phương, giám sát và kiểm tra dựa trên Đạo luật kiểm soát ô nhiễm nước, v.v... - Tham quan: phương pháp quản lý và vận hành giám sát nước thải tự động		Viện nghiên cứu môi trường Kawasaki
4	8/7 (Thứ bảy)	Sáng/ Chiều	- Tham quan TOKYO nửa ngày - Nghỉ nửa ngày		-
5	9/7 (Chủ nhật)	Sáng/ Chiều	Ngày nghỉ		-
6	10/7 (Thứ hai)	09:00-17:30	- Bài giảng và tham quan thực nghiệm: Công nghệ xử lý nước thải công nghiệp tại Nhật Bản		Tập đoàn Organo
7	11/7 (Thứ ba)	09:00-17:30	- Bài giảng: Trường hợp quản lý lưu vực sông hiện tại nhằm cải thiện chất lượng nước - Tham quan: Các cơ sở quản lý nước sông trong lưu vực sông Edo (Công viên sinh học Kuwabukuro dọc theo sông Ayase, nhà máy lọc nước sông Kogasaki, kênh bảo tồn đầu nguồn, sông Matsudo cho các hoạt động dưới nước, Kênh dẫn nước nước Bắc Chiba, Trung tâm du khách)		Văn phòng sông Edo-gawa, Bộ đất đai, cơ sở hạ tầng, giao thông, và du lịch
8	12/7 (Thứ tư)	09:00-17:30	- Giới thiệu nghiên cứu sử dụng mô hình mô phỏng chất lượng nước cho QLMTNLVS - Tập huấn thực hành phân tích tải lượng ô nhiễm và mô hình mô phỏng chất lượng nước đơn giản - Thảo luận		JET, Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nippon Koei
9	13/7 (Thứ năm)	09:00-12:00	- Chuẩn bị bài thuyết trình		JET
		13:30-16:00	- Trình bày kết quả khóa học - Đánh giá khóa học - Trao chứng chỉ hoàn thành khóa học		JICA, JET
10	14/7 (Thứ sáu)		- Di chuyển (Narita/Haneda đến Hà Nội/ TP. Hồ Chí Minh)	-	

Ghi chú TIC: Trung tâm quốc tế JICA Tokyo

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(1) Kết quả khóa tập huấn

Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến học viên, khóa tập huấn lần thứ hai tại Nhật Bản đã đạt được những kết quả sau nhằm thúc đẩy QLMTNLVS tại Việt Nam

- Phân định rõ trách nhiệm QLMTNLVS giữa chính quyền trung ương và địa phương,
- Hoạt động điều phối giữa các cơ quan liên quan trên một lưu vực sông, hệ thống đánh giá định lượng về xy hướng cải thiện môi trường sông trên lưu vực sông Ayase,
- Quy trình quản lý về kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm do chính quyền địa phương quản lý, và
- Phân tích tải lượng ô nhiễm dựa trên mô hình mô phỏng chất lượng nước

Các học viên đã xây dựng Kế hoạch hành động nhằm tăng cường QLMTNLVS tại Việt Nam dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm thu nhận được trong quá trình học tập tại Nhật Bản. Khái niệm về Kế hoạch hành động đã được ghi nhận và báo cáo tới TCMT.

### 3.7.3 Khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ ba

(1) Tóm tắt khóa tập huấn lần thứ ba tại Nhật Bản

Khóa đào tạo lần thứ ba được tổ chức vào tháng 9-10 / 2018 cho 10 cán bộ (từ Viện KHMT, Cục QLTNN và chính quyền địa phương tại lưu vực sông Cầu và Đồng Nai). Các thực học viên đã đến thăm Tokyo, tỉnh Shiga và lưu vực sông Yodo ở quận Osaka, và tìm hiểu các đặc điểm và bài học về Quản lý lưu vực sông. Tóm tắt về Đào tạo lần ba tại Nhật Bản trong Bảng 3-22.

**Bảng 3-18 Tóm tắt khóa tập huấn tại Nhật Bản lần thứ ba**

Mục	Nội dung
Tên chương trình	Chương trình tập huấn: Nâng cao năng lực quản trị quản lý lưu vực sông
Thời gian	26/9 (Thứ tư) – 4/10 (Thứ sáu), 2018 (tổng 10 ngày)
Số lượng thành viên tham gia	10 học viên (3 đại diện từ Bộ TN&MT và 7 đại diện từ các sở TN&MT mục tiêu)
Địa điểm tập huấn chính	Tokyo, tỉnh Shiga và thành phố Osaka
Ngôn ngữ	Việt Nam – Nhật Bản

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(2) Chương trình

Chương trình tập huấn trình bày trong Bảng 3-23. Chương trình được thiết kế riêng cho dự án bao gồm quản lý tài nguyên nước trong lưu vực sông.

**Bảng 3-19 Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ ba – tháng 9-10/2018**

Ngày	Thời gian	Hoạt động	Giảng viên	Địa điểm
1 26/9 (Thứ tư)	-	- Di chuyển (Hà Nội/ TP. Hồ Chí Minh đến Narita/Haneda)	-	Trung tâm quốc tế JICA Tokyo (TIC)
2 27/9 (Thứ năm)	10:00-12:00	- Giải thích chung	TIC	
	13:30-14:00	- Giải thích khóa tập huấn	Nippon Koei	
	14:00-17:00	- Bài giảng : Lịch sử quản lý chất lượng nước cùng với chính sách của chính phủ	TS. Soichiro Seki (Đại học Tokyo, nguyên thư ký Bộ Môi trường Nhật Bản)	
	17:00-17:30	- Gặp mặt đại diện JICA hội sở	Hội sở JICA	
3 28/9 (Thứ sáu)	9:30-11:30	- Bài giảng: Lịch sử và thực hiện kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm tại Nhật Bản	Bộ Môi trường Nhật Bản	
	13:00-16:30	- Bài giảng/ thực địa: Các biện pháp hiện tại đối với COD và Phosphorus tại vịnh Tokyo.	Chính quyền thành phố TOKYO	
4 29/9 (Thứ bảy)	Sáng/ Chiều	Ngày nghỉ	-	Khách sạn Kyoto
5 30/9 (Chủ Nhật)	Sáng/ Chiều	Ngày nghỉ Di chuyển (Tokyo đến Kyoto)	-	
6 1/10 (Thứ hai)	9:00-12:00	- Bài giảng: Thực hiện quá trình QLMTNLVS tại chính quyền địa phương Bài giảng/ thực địa : Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa Lake	Tỉnh Shiga	Trung tâm quốc tế JICA Kansai (KIC)

Ngày	Thời gian	Hoạt động	Giảng viên	Địa điểm
	14:00-17:00	- Bài giảng: Cải thiện quản trị trong quản lý lưu vực hồ (ILBM): Hồ Biwa và kinh nghiệm quốc tế - Thảo luận : Quản lý lưu vực sông tại Việt Nam và Nhật Bản	TS. Masahisa Nakamura , Giáo sư thỉnh giảng đại học Shiga	
7	2/10 (Thứ ba)	AM - Bài giảng: Kinh nghiệm và thách thức về QLMTNLVS tại Nhật Bản - Bài giảng: Hoạt động thực hành dựa trên chính sách cơ bản cải thiện sông PM Thăm quan thực địa : Quản lý lưu vực sông điển hình	Văn phòng quản lý sông Yodo, MLIT	
8	3/10 (Thứ tư)	9:00-12:00 - Bài giảng: Hoạt động nhận thức cộng đồng về bảo tồn lưu vực sông 14:00-16:00 - Sử dụng kết quả dự án sau khi kết thúc	Tổ chức bảo tồn chất lượng nước hồ Biwa-sông Yodo JICA, JET	
9	4/10 (Thứ năm)	AM - Chuẩn bị bài trình bày PM - Trình bày kết quả khóa học - Đánh giá khóa học - Trao chứng chỉ hoàn thành khóa học	JET JICA, JET	
10	5/10 (Thứ sáu)	- Di chuyển (Narita/Haneda đến Hà Nội/ TP. Hồ Chí Minh)		

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### (3) Kết quả khóa tập huấn

Dựa trên kết quả khảo sát ý kiến học viên, khóa tập huấn lần thứ ba tại Nhật Bản đã đạt được những kết quả sau nhằm thúc đẩy QLMTNLVS tại Việt Nam

- Phân định rõ trách nhiệm QLMTNLVS giữa chính quyền trung ương và địa phương,
- Hoạt động điều phối giữa các cơ quan liên quan trên một lưu vực sông, dựa trên bài thuyết trình tại sông Yodo,
- Quy trình quản lý về kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm tại vịnh Tokyo, và
- Chiến lược và thúc đẩy phát triển hệ thống xử lý nước thải cấp lưu vực sông

Các học viên đã xây dựng Kế hoạch hành động nhằm tăng cường QLMTNLVS tại Việt Nam dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm thu nhận được trong quá trình học tập tại Nhật Bản. Khái niệm về kế hoạch hành động đã được ghi nhận và báo cáo tới TCMT. Bên cạnh đó, Kế hoạch này được trình bày tại hội thảo chia sẻ các kết quả dự án được tổ chức vào Tháng 11 năm 2018.

## 3.8 Mua sắm thiết bị

Dự án đã mua sắm một số thiết bị để vận hành hiệu quả và đóng góp vào tăng cường năng lực bền vững của phía đối tác Việt Nam. Bảng sau liệt kê những thiết bị đã được mua sắm trong khuôn khổ Dự án. Trang thiết bị này đã được chuyển giao lại cho phía Việt Nam, và có xác nhận Biên bản bàn giao phụ lục 8.

**Bảng 3-20 Danh sách thiết bị mua sắm**

Quốc gia	Tên thiết bị	Số lượng	Lưu ý
Nhật Bản	Lưu lượng kế	2	-
Việt Nam	Xe ô tô	1	
	Máy tính để bàn	2	Hệ điều hành windows, Microsoft Office Professional Cùng với phần mềm diệt virus
	Máy tính xách tay	7	Hệ điều hành: Microsoft Office Professional Cùng với phần mềm diệt virus
	Máy in đa chức năng	2	Chức năng: In màu/Copy/Scan/ Fax
	Máy chiếu	1	-
	Arc GIS (Phần mềm)	2	-

Quốc gia	Tên thiết bị	Số lượng	Lưu ý
	MIKE HYDRO RIVER WQ Enterprise (Phần mềm MIKE 11)	2	

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 3.9 Thông cáo báo chí

Thông cáo Báo chí được phát hành trên trang web chính thức của JICA<sup>1</sup> nhằm thông báo tiến độ dự án tới những đối tượng liên quan và cộng đồng, tài liệu này được phát hành mỗi 3 tháng, kể từ Tháng 04 năm 2016. Tới nay, đã có 14 Thông cáo báo chí được phát hành, được liệt kê tại Bảng sau. Thông cáo báo chí tiếng Việt được chia sẻ tới BQL Dự án qua email, và các cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh.

**Bảng 3-21 Các thông cáo báo chí đã phát hành**

STT	Nội dung chính	Tháng
1	Giới thiệu về Dự án (Bối cảnh, mục tiêu tổng thể, mục tiêu, Kết quả dự kiến), Văn kiện Dự án, Cuộc họp Ban điều phối chung lần thứ nhất và Hội thảo Khởi động dự án	Tháng 04 2016
2	Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ của JCC, PMU, TF và WG, Tiến độ các DATĐ (hoạt động thầu phụ, Khảo sát Đánh giá năng lực sơ bộ), Tiến độ xây dựng dự thảo thông tư (Bồi thường thiệt hại môi trường và rà soát hệ thống pháp lý), và hoạt động hợp tác với Bộ TN&MT (Vấn đề cá chết hàng loạt) và với Ngân hàng Thế giới	Tháng 07 2016
3	Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất (Sơ lược về chương trình, các địa điểm tham quan, ấn tượng của cán bộ đối tác Việt Nam)	Tháng 07 2016 (Bổ sung)
4	Hội thảo tư vấn về dự thảo thông tư quy định quy trình yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường, Chương trình Tham quan học tập lần thứ nhất tại Bình Dương, Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất lại LVS Đồng Nai và LVS Cầu, và Tiến độ khóa tập huấn cơ bản	Tháng 10 2016
5	Cuộc họp lần thứ 2 của Ban chỉ đạo chung (Đề cương cuộc họp, chi tiết các chủ đề thảo luận và hoạt động dự kiến sau cuộc họp)	Tháng 12/2016
6	Hội thảo với Dự án Quản lý Ô nhiễm Công nghiệp Việt Nam do Ngân hàng Thế giới tài trợ (Chia sẻ và Hiểu biết về việc đạt được cả 2 dự án)	Tháng 1/2017
7	Bước vào năm thứ hai thực hiện dự án với Cuộc họp Ban Điều phối chung lần thứ ba, Hội thảo về Quản lý tổng hợp tài nguyên nước, và cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ ba trên hai lưu vực sông mục tiêu. Tiến độ hoạt động xây dựng thông tư và tăng cường năng lực	Tháng 4/ 2017
8	Thực hiện chương trình tập huấn nâng cao tại các tỉnh mục tiêu. Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ tư, Hội thảo tư vấn kỹ thuật nhằm hoàn thiện thông tư, và các cuộc họp thường kỳ Ban QLDA đã được tổ chức	Tháng 6/2017
9	Chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ hai, hoạt động truyền thông môi trường tại Bắc Giang, và Chương trình Tham quan học tập lần thứ hai đã được tổ chức thành công. Chương trình tập huấn nâng cao, hội thảo tư vấn hoàn thiện thông tư tiếp tục được tổ chức	Tháng 9/2017
10	Bước vào năm hoạt động cuối cùng của Dự án với quá trình hoàn thiện dự thảo thông tư và hướng dẫn kỹ thuật, hoạt động truyền thông môi trường lần thứ ba, và hội thảo tư vấn kỹ thuật. Kế hoạch hành động đã được giới thiệu tới các Sở TN&MT để đóng góp vào Kết quả -3. Đối với công tác quản lý dự án, ông Adachi sẽ nắm vị trí công tác tại JICA Hội Sở, đồng thời giám sát dự án qua các chuyến công tác, Xe ô tô đã được chuyển giao cho phía Việt Nam	Tháng 12/2017
11	Nhóm chuyên gia do ông Ichiro Adachi làm trưởng nhóm thực hiện đồng thời họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ năm tại hai lưu vực sông. Cuộc họp thường kỳ dự án được thực hiện nhằm theo dõi những thay đổi trong cấu trúc của TCMT và xây dựng văn bản pháp luật của Bộ TN&MT.	Tháng 3/ 2018
12	Họp ban điều phối lần thứ tư (JCC) (tiến độ dự án, phương hướng xây dựng các văn bản pháp luật, Kế hoạch hành động, Kết quả của dự án, sửa đổi ma trận thiết kế dự án (PDM), Họp nhóm công tác liên tỉnh lần thứ sáu.	Tháng 6/ 2018
13	Họp thường kỳ dự án được thực hiện nhằm theo dõi họp JCC lần thứ tư, hoàn thiện văn bản pháp luật và các vấn đề nổi bật. Tập huấn tại Nhật Bản về Quản lý môi trường nước.	Tháng 9/ 2018
14	Họp thường kỳ dự án được thực hiện để thảo luận và phê duyệt kéo dài dự án và hoàn thiện các hoạt động cho Kết quả-1 và Kết quả-3. Hội thảo phổ biến, Tập huấn lần thứ ba tại Nhật Bản cho đối tác “Tăng cường năng lực hành chính cho quản lý môi trường nước lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn”.	Tháng 11/2018

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

<sup>1</sup> <https://www.jica.go.jp/project/vietnam/043/index.html>



#### **4. Kết quả-1: Năng lực xây dựng văn bản pháp luật và thực thi công tác QLMTNLVS của TCMT/Bộ TN&MT và các Sở TN&MT mục tiêu được tăng cường, Bộ TN&MT/TCMT sẽ thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS**

Kết quả - 1 tập trung xây dựng các văn bản pháp lý mới, như dự thảo cuối cùng các thông tư hoặc hướng dẫn kỹ thuật. Kết quả này đòi hỏi sự cân nhắc và xem xét nhiều vấn đề, như tính phù hợp với hệ thống pháp lý hiện hành, thu thập ý kiến từ các cơ quan liên quan, ngân sách, v.v... Để xác định tính phù hợp với hệ thống pháp lý hiện hành, hoạt động rà soát pháp lý và thể chế đã được thực hiện. Để thu thập ý kiến từ các tổ chức liên quan, thảo luận với các đơn vị và chuyên gia cộng tác với TCMT/Bộ TN&MT đã được tiến hành thông qua các cuộc họp kỹ thuật và cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh. Chi tiết các hoạt động thuộc Kết quả -1 được trình bày sau đây.

##### **4.1 Hoạt động 1-1: Rà soát nội dung và tình hình triển khai các văn bản pháp luật trong QLMTNLVS, xác định các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn trong những tài liệu này và đề xuất sửa đổi, bổ sung**

###### **4.1.1 Khảo sát đánh giá thể chế và pháp lý**

Những mục tiêu chính của khảo sát này như sau:

- i) Hiểu rõ tổng quan về khung thể chế và pháp lý, bao gồm thực tiễn thi hành chính sách,
- ii) Xác định các hạn chế và vấn đề còn tồn tại như: các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng, thiếu hướng dẫn thích hợp, v.v... trong thực tiễn thi hành chính sách,
- iii) Phân tích và đánh giá tính hiệu quả và hiệu lực từ góc độ cụ thể và tổng quát/chung liên quan tới nội dung văn bản pháp lý và công tác thực thi pháp luật trong thực tế,
- iv) Xác định định hướng tổng quát và chỉ rõ các vấn đề cần cải thiện trong xây dựng các Thông tư, và

Khảo sát được thực hiện bởi bốn chuyên gia địa phương, từ Tháng 08 tới Tháng 12 năm 2016, chịu trách nhiệm về 6 Thông tư sau:

- Cơ chế điều phối phục vụ công tác Quản lý môi trường nước lưu vực sông: Thông tư – 1
- Đánh giá sức chịu tải và ước tính hạn ngạch xả thải: Thông tư – 2
- Các nguồn nước thải trọng điểm trong QLMTNLVS: Thông tư – 3
- Hệ thống chia sẻ và công bố thông tin phục vụ QLMTNLVS liên tỉnh: Thông tư – 4
- Hướng dẫn về thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường tự nhiên: Thông tư – 5
- Quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ, hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường: Thông tư – 6.

###### **4.1.2 Kết quả rà soát thể chế và pháp lý**

Những vấn đề chính trong hệ thống thể chế và pháp lý tại Việt Nam được tóm tắt dựa trên kết quả khảo sát.

- (1) Thông tư-1: Dự thảo cuối cùng Hướng dẫn về Cơ chế Điều phối phục vụ QLMTNLVS
  - i) Liên quan tới nội dung Nghị định 120/2008/NĐ-CP và Nghị định 201/2013/NĐ CP về quản lý lưu vực sông, cần phải quy định chi tiết trách nhiệm của các bộ, ban, ngành, tổ chức, và cá nhân trong khai thác và sử dụng tài nguyên nước tại lưu vực sông, bổ sung cơ chế tài chính trong hoạt động điều phối và giám sát, làm rõ phạm vi và quy mô tranh chấp để giải quyết.
  - ii) Liên quan tới hoạt động của Ủy ban Bảo vệ môi trường tại các lưu vực sông Cầu, Nhuệ - Đáy, và Đồng Nai, những cơ quan này cần đóng vai trò cầu nối trong hoàn thiện mô hình quản lý lưu vực sông, dựa trên những bài học kinh nghiệm, tích hợp và chia sẻ kinh nghiệm thông qua thảo luận tại các cuộc họp liên tỉnh, với sự tham gia của cán bộ cấp trung ương và địa phương, các chuyên gia, nhà nghiên cứu khoa học, chia sẻ kết quả hoạt động tới cộng đồng thông qua phương tiện truyền thông, và hình thành một ủy ban quản lý lưu vực sông kiểu mẫu.

- (2) Thông tư-2: Thông tư hướng dẫn đánh giá sức chịu tải
- i) Hạn chế và Thiểu sót trong triển khai những quy định tại Luật Quản lý tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường  
Luật BVMT 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý rác thải và phế liệu đã đưa ra quy định về đánh giá sức chịu tải và ước tính hạn ngạch xả thải, tuy nhiên chỉ xác định những quy tắc chung trong khi phương pháp và quy trình thực hiện chi tiết vẫn còn bỏ ngỏ.
  - ii) Những quy định trùng lặp giữa Luật TNN và các văn bản pháp luật khác
    - Luật BVMT 2014 quy định nước là một thành tố môi trường quan trọng trong khi Luật TNN 2012 khẳng định tài nguyên nước cần phải được quản lý cả về mặt chất lượng và lưu lượng, được bảo vệ và phòng chống ô nhiễm. Như vậy, với cùng một cụm từ: duy trì chất lượng nước sông lại được định nghĩa khác nhau trong hai hệ thống luật có hiệu lực song song, tạo ra sự trùng lặp, không rõ ràng đối với những cơ quan quản lý nhà nước.
    - Nghị định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải quy định như sau: Bộ TN&MT quy định những quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung theo nồng độ các thông số trong nước thải được xả vào khu vực tiếp nhận, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với trường hợp nước thải xử lý phi tập trung vào nguồn tiếp nhận. Bộ Xây dựng có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật về nước thải đổ vào hệ thống thoát nước đô thị, Bộ NN&PTNT cần ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về nước thải đổ vào hệ thống thủy lợi.
  - iii) Hạn chế và Thiểu sót trong nội dung Thông tư 02/2009/TT-BTNMT  
Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT quy định khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước theo phương pháp cân bằng khối lượng. Thông tư 02/2009/TT-BTNMT đã được áp dụng rộng rãi trong đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của những đoạn sông. Tuy nhiên, nội dung thông tư còn tồn tại nhiều hạn chế: phạm vi điều chỉnh chỉ áp dụng cho các đoạn sông nhất định, không cho lưu vực sông, chỉ đưa ra đánh giá vào thời điểm hiện tại, phương pháp tính toán không thống nhất, đặc biệt giữa Phần 1 và 2.
- (3) Thông tư-3: Dự thảo cuối cùng văn bản pháp lý về nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS
- i) Những quy định trùng lặp trong hệ thống thể chế và pháp lý hiện hành trong công tác quản lý xả thải
    - Hệ thống pháp lý trong quản lý nước thải được xây dựng và thực thi riêng rẽ theo Luật BVMT, Luật TNN, và Luật Khai thác và Bảo vệ các công trình thủy lợi. Sự trùng lặp này đôi khi khiến các cơ quan quản lý nhà nước lúng túng và nhà đầu tư gặp khó khăn khi thực thi và chấp hành các quy định. Hệ thống pháp lý cần được hoàn thiện theo hướng thống nhất và tổng hợp nhằm mang lại môi trường làm việc hiệu quả, thuận tiện cho cả cơ quan quản lý và nhà đầu tư.
  - ii) Quy định về chia sẻ và báo cáo thông tin
    - Có nhiều vấn đề còn tồn tại trong hoạt động chia sẻ kiểm kê nguồn ô nhiễm đã được chỉ ra: i) Hướng dẫn chung và thống nhất về quản lý dữ liệu, cơ chế báo cáo, mẫu báo cáo, và tần suất báo cáo, ii) Báo cáo về các nguồn ô nhiễm cụ thể như chất độc hại, iii) Chưa có quy định về cơ quan quản lý cơ chế chia sẻ và công bố thông tin, công bố báo cáo, và nâng cao nhận thức cộng đồng.
- (4) Thông tư 4: Dự thảo cuối cùng Hướng dẫn về Chia sẻ thông tin và dữ liệu trong Tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải
- i) Hệ thống pháp lý hiện hành đưa ra nhiều quy định về công bố và chia sẻ thông tin và đóng góp vào việc đảm bảo tính minh bạch và giám sát môi trường. Tuy nhiên, các quy định liên quan tới quản lý môi trường lưu vực sông cấp liên tỉnh nằm rải rác trong nhiều văn bản khác nhau, với tính pháp lý khác nhau, gây khó khăn cho quá trình tiếp cận và khai thác thông tin.
  - ii) Tuy văn bản Luật quy định trách nhiệm của các bộ, ban, ngành, và địa phương trong thu thập, báo cáo, và chia sẻ thông tin liên quan tới hoạt động bảo vệ môi trường lưu vực sông cấp liên tỉnh, tuy nhiên phương thức thực hiện chưa được quy định cụ thể và rõ ràng trong các quy định pháp lý.

- iii) Hiện nay có nhiều quy định về trách nhiệm của các đối tượng liên quan trong cung cấp, công bố thông tin về quản lý môi trường lưu vực sông cấp liên tỉnh, tuy nhiên nội dung công bố và chia sẻ còn trùng lặp, đồng thời, chưa có quy định về hình phạt trong trường hợp không thực hiện nhiệm vụ này. Ví dụ, Điều 54 Luật BVMT quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công khai thông tin các nguồn thải vào lưu vực sông, công bố thông tin về những đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải. Bộ TN&MT chịu trách nhiệm điều tra, đánh giá sức chịu tải, xác định hạn ngạch xả nước thải phù hợp với mục tiêu sử dụng nước và công bố thông tin. Do đó, không có quy định rõ ràng rằng Bộ TN&MT hay Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quy định lưu lượng nước thải cho phép được đổ vào sông.
  - iv) Theo những quy định hiện nay, nhiều đối tượng cùng chịu trách nhiệm cung cấp, báo cáo, và công bố thông tin liên quan tới công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông. Tuy nhiên, không có hướng dẫn cụ thể về thời gian cung cấp, công bố, công khai thông tin và hình phạt tương ứng nhằm đảm bảo việc thực hiện những nhiệm vụ này.
  - v) Hiện nay không có quy định và hình phạt cụ thể nhằm đảm bảo quyền được cung cấp thông tin liên quan tới công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông.
- (5) Thông tư-5: Dự thảo cuối cùng thông tư bao gồm những quy định về mẫu biểu và quy trình yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường đối với môi trường tự nhiên
- Hoạt động nghiên cứu đánh giá đã được tiến hành về các vấn đề về bồi thường thiệt hại môi trường trong QLMTNLVS. Mục đích của nghiên cứu là rà soát lại các văn bản pháp luật quy định về ba lĩnh vực: bao gồm trách nhiệm bồi thường nhà nước, bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng; bồi thường thiệt hại cho môi trường tự nhiên; và phân tích các trường hợp thực tế và kết quả thực hiện bồi thường thiệt hại môi trường.
- i) Thông qua hoạt động nghiên cứu này, các vấn đề sau được xác nhận.
- # Có nhiều văn bản pháp luật điều chỉnh ba lĩnh vực trên; tuy nhiên, các quy định về bồi thường thiệt hại được quy định đầy đủ và toàn diện trong bốn văn bản sau:
    - + Luật Trách nhiệm đền bù của Nhà nước năm 2009
    - + Bộ luật dân sự năm 2015
    - + Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
    - + Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014
    - + Nghị định số 03/NĐ-CP năm 2014
  - # Hiện nay, luật cấm những người bị ảnh hưởng thực hiện kiện tập thể. Việc cho phép kiện tập thể tạo điều kiện thuận lợi cho người bị hại bảo vệ tốt hơn lợi ích chính đáng của họ và giảm áp lực cho tòa án trong việc giải quyết các vụ kiện. Kiện tụng tập thể cho phép một cá nhân hoặc một nhóm đại diện cho cộng đồng bị thiệt hại phải đưa ra các vụ kiện tại tòa mà không có giấy ủy quyền chính thức nào của người bị hại. Bản án của tòa án có giá trị đối với tất cả các cá nhân liên quan đến vụ kiện tập thể.
  - # Thời hạn áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường là một trong những vấn đề gây tranh cãi. Thiệt hại phải được bồi thường đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật, tuy nhiên điều này không có hiệu lực thi hành vì các thiệt hại môi trường thường có giá trị lớn và khó xác định thiệt hại.
  - # Cần xác định đơn vị nào thuộc ủy ban nhân dân các cấp và Bộ TN&MT có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại, cũng như thu thập và đánh giá dữ liệu, bằng chứng để tính thiệt hại cho môi trường tự nhiên. Hơn nữa cần bổ sung các quy định về cách thức giải quyết tranh chấp.
  - # Căn cứ bồi thường thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe do vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng và bồi thường thiệt hại môi trường nói chung (tính hữu ích của môi trường), hệ thống pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước khá toàn diện và đồng bộ.
  - # Các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước và giải quyết bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại nhà nước được tổ chức đúng và có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, đặc biệt là Vụ bồi thường Nhà nước thuộc Bộ Tư pháp (Quyết định số 767/QĐ-TTg ngày Ngày 23 tháng 5 năm 2011) và các phòng ban thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố. Ủy ban nhân dân các cấp, Bộ TN&MT là cơ quan yêu cầu bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường; Tuy nhiên, luật pháp chưa quy định đơn vị thuộc cơ quan nào có trách nhiệm bồi thường thiệt hại

cho môi trường tự nhiên trong chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan. Không có cơ quan chuyên trách giám sát và quản lý các quy định về bồi thường thiệt hại về tài sản, tính mạng và sức khỏe.

- # Những thiếu sót quan trọng nhất trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại trong ba lĩnh vực nêu trên là căn cứ để xác định đối tượng thiệt hại và tính toán khoản bồi thường thiệt hại.
- ii) Trên cơ sở xem xét và phân tích, đề xuất một thủ tục về phương thức bồi thường thiệt hại môi trường. Ý tưởng này được phản ánh trong dự thảo Thông tư-5.
- (6) Thông tư-6: Dự thảo cuối cùng thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc và đánh giá môi trường nhằm thu thập bằng chứng về thiệt hại môi trường và bồi thường; Hướng dẫn thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định dữ liệu và bằng chứng xác định thiệt hại môi trường
- Việc rà soát lại pháp luật các nội dung liên quan của Thông tư-6 đã được tiến hành. Mục đích là thu thập và phân tích các văn bản pháp luật về quá trình lựa chọn các nhà cung cấp dịch vụ. Và các vấn đề sau được xác nhận.
- i) Một trong những khó khăn là làm thế nào để tính chính xác và đầy đủ các thiệt hại cũng như xác định trách nhiệm đền bù thiệt hại. Cơ quan quản lý nhà nước không được tính toán thiệt hại do hoạt động gây ô nhiễm môi trường gây ra. Do đó, luật pháp cho phép lựa chọn các tổ chức, cá nhân khác có thể giúp cơ quan quản lý nhà nước tính toán thiệt hại này.
- ii) Việc lựa chọn các nhà cung cấp dịch vụ phù hợp nhất để tính toán và xác định thiệt hại giữa các tổ chức có đủ năng lực và có năng lực là cách cạnh tranh văn minh trong nền kinh tế thị trường để giúp lựa chọn được tổ chức, cá nhân có thể đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và phù hợp về kinh phí. Sự ra đời và hiện hữu của đấu thầu nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, bình đẳng, minh bạch trong việc lựa chọn nhà thầu phù hợp nhất và đảm bảo hiệu quả kinh tế của một gói thầu.
- iii) Để đáp ứng kịp thời trong việc xác định thiệt hại, Bộ TN&MT nên tổ chức lựa chọn, cấp phép cho tổ chức có đủ điều kiện; xây dựng danh sách các tổ chức đủ tiêu chuẩn có thể cung cấp dịch vụ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Nhiệm vụ này phải được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước, đặc biệt là Bộ TN&MT.
- iv) Cần tổ chức lựa chọn và xây dựng Danh sách các nhà cung cấp dịch vụ đủ điều kiện xác định thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong từng lĩnh vực cần xác định thiệt hại (đất, nước, hệ sinh thái, loài ưu tiên bảo vệ) giúp các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp có sự cố xảy ra, có cơ sở thì lựa chọn tổ chức giám sát, phân tích, phục vụ môi trường để tính toán thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại phục vụ việc thu thập kịp thời các bằng chứng, dữ liệu để yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường.
- v) Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, các quy định pháp luật hiện hành và phân tích quá trình đấu thầu, đề xuất lựa chọn các nhà cung cấp dịch vụ về dịch vụ theo dõi, đánh giá và đo lường phù hợp với Luật đấu thầu, và sử dụng phương pháp kết hợp (kỹ thuật, giá thành, kết hợp với các tiêu chí kỹ thuật bắt buộc) để đánh giá và lựa chọn các nhà cung cấp dịch vụ.

## **4.2 Hoạt động 1-2: Nghiên cứu và xác định chức năng và nhiệm vụ của TCMT/Bộ TN&MT, các đơn vị liên quan và chính quyền địa phương trong QLMTNLVS**

### **4.2.1 Trước khi tái cấu trúc TCMT (đến 5/2018)**

- (1) Chức năng và Nhiệm vụ của Bộ TN&MT và các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT
- Bộ TN&MT đã được thành lập theo Nghị quyết số 02/2002/QH11, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI và Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TNMT. Bộ TN&MT là là cơ quan đứng đầu Nhà nước về quản lý môi trường, theo Nghị định số 21/2013/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay thế Nghị định số 25/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008).
- Theo điều 121, Chương 8, Luật bảo vệ Môi trường 2005 (Luật số 52/2005/QH11) đã nêu rõ Bộ TN&MT chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đồng thời yêu cầu tất cả các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan khác của Chính phủ hợp

tác với Bộ TN&MT trong việc thực hiện bảo vệ môi trường trong phạm vi ngành của mình và trong các cơ sở dưới sự giám sát trực tiếp

Theo điều 141, Chương 14, Luật Bảo vệ Môi trường 2014, đã quy định Bộ trưởng Bộ TN&MT chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

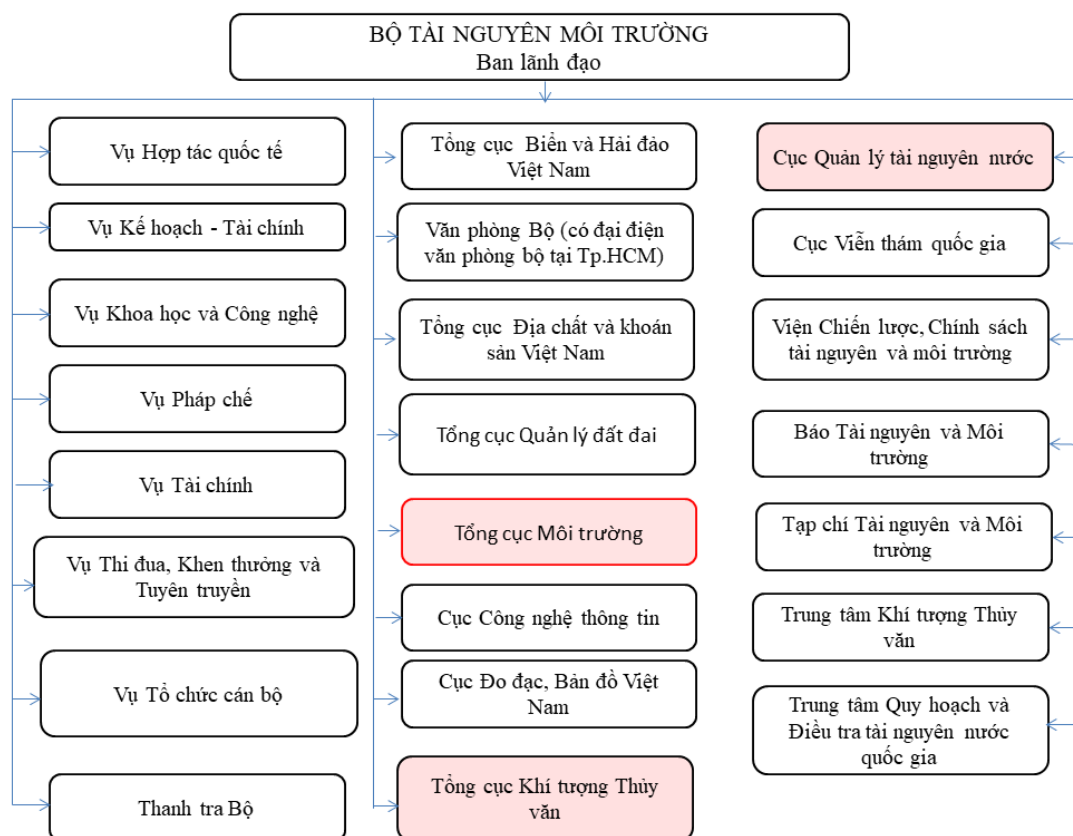
Theo điều 142, Chương 14, Luật Bảo vệ Môi trường 2014, đã quy định các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tiến hành các hoạt động bảo vệ môi trường trong phạm vi chức năng, ngành của mình.

Để hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường 2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2007 / ND-CP ngày 23/5/2007 về các đơn vị hành chính về bảo vệ môi trường tại các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước

Theo Điều 55, Chương VI, Luật Bảo vệ Môi trường 2014 (Số 55-2014-QH13), trách nhiệm của Bộ TN&MT trong bảo vệ môi trường lưu vực sông được mô tả như sau:

1. Đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông liên tỉnh và xuyên biên giới.
2. Điều tra, đánh giá sức chịu tải, xác định hạn ngạch xả nước thải phù hợp với mục tiêu sử dụng nước và công bố thông tin.
3. Ban hành, hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật môi trường nước và trầm tích lưu vực sông.
4. Ban hành, hướng dẫn việc đánh giá sức chịu tải của lưu vực sông, hạn ngạch xả nước thải vào sông liên tỉnh, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường các dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm.
5. Tổ chức và chỉ đạo hoạt động bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh.
6. Tổ chức đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm, mức độ thiệt hại và tổ chức xử lý ô nhiễm lưu vực sông liên tỉnh.
7. Tổng hợp thông tin về chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
8. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh.

Cấu trúc tổ chức của Bộ TN&MT. Các cơ quan được đánh dấu có liên quan mật thiết tới công tác QLMTNLVS.

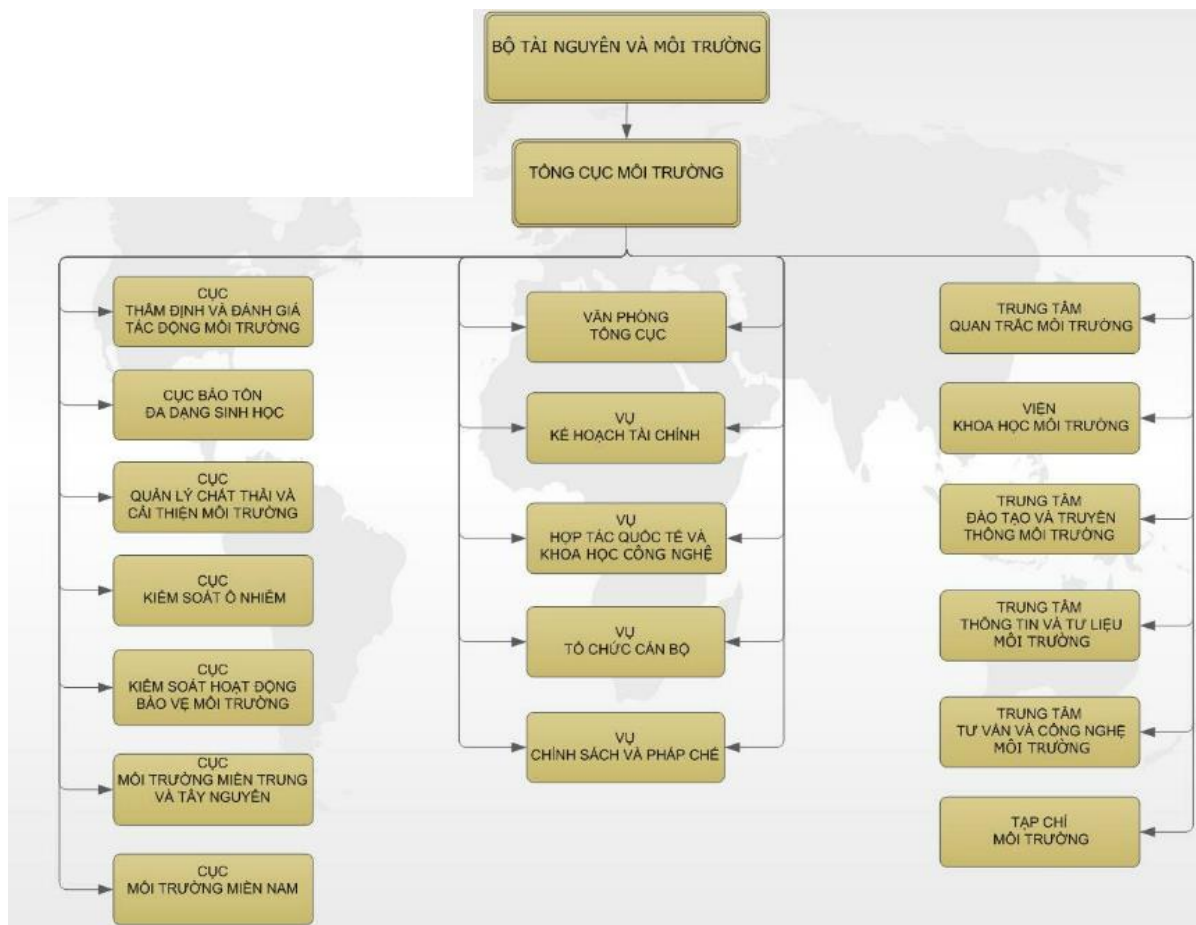


Nguồn; Nhóm chuyên gia JICA (Xây dựng từ Điều 3, Nghị định số 21/2013 / NĐ-CP, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**Hình 4-1 Cơ cấu tổ chức Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)**

- i) Chức năng và trách nhiệm TCMT  
Chức năng và trách nhiệm của TCMT được mô tả tại mục “4.2.2 Chức năng và Nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc TCMT”
- ii) Chức năng và trách nhiệm Cục Quản lý Tài nguyên nước  
Điều 1 Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT quy định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và cơ cấu tổ chức của Cục QLTTN, quy định Cục QLTTN chịu trách nhiệm tham vấn ý kiến của Bộ TN&MT trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước, lưu vực sông trên phạm vi cả nước tổ chức Thực hiện các dịch vụ công về tài nguyên nước theo quy định.
- iii) Chức năng và Nhiệm vụ Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu  
Điều 1 Quyết định số 269/QĐ-BTNMT quy định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và cơ cấu tổ chức của Cục KTBĐKH, quy định Cục KTBĐKH có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ Bộ trưởng Bộ TN&MT thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy văn, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và Bảo vệ tầng ozon; Cung cấp các dịch vụ công về thủy văn, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ôzôn theo quy định.
- (2) Chức năng và Nhiệm vụ của TCMT và các đơn vị trực thuộc TCMT  
Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số: 21/2013 / NĐ-CP ngày 04/3/2013 và Quyết định số Nghị định số 25/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của TCMT như sau: TCMT là cơ quan thuộc Bộ TN&MT, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về môi trường Và thực thi pháp luật trên quy mô quốc gia; Quản lý và thực hiện các dịch vụ công môi trường theo quy định của pháp luật. Các quy định về chức năng và thẩm quyền của TCMT cho thấy vai trò của TCMT như là cơ quan trực thuộc Bộ vì “TCMT có tư cách pháp nhân, con dấu mang quốc huy, tài khoản riêng và trụ sở chính tại Hà Nội”

Cơ cấu tổ chức Tổng cục Môi trường như sau:



Nguồn: Trang website Tổng cục Môi trường (<http://vea.gov.vn/vn/gioithieu/sodotochuc/Pages/sodotochuc2014.aspx>)

**Hình 4-2 Cơ cấu tổ chức Tổng cục Môi trường (TCMT)**

Trong số các đơn vị thuộc TCMT, một số cơ quan có chức năng và trách nhiệm liên quan trực tiếp đến quản lý môi trường nước: Viện KHMT, Cục QLCT&CTMT, Trung tâm Quan trắc Môi trường (TT QTMT), Cục Kiểm soát Ô nhiễm (KSON).

i) Chức năng và Nhiệm vụ Viện KHMT

Chức năng và trách nhiệm của Viện KHMT được mô tả tại mục "4.2.3 Chức năng và Trách nhiệm của Viện KHMT."

ii) Chức năng và Nhiệm vụ Cục QLCT&CTMT

Chức năng và trách nhiệm của Cục QLCT&CTMT được mô tả tại mục "4.2.3 Chức năng và Trách nhiệm của Cục QLCT&CTMT."

iii) Chức năng và Nhiệm vụ TT QTMT

Theo Quyết định số 1511/QĐ-TCMT ngày 25 tháng 11 năm 2015, chức năng và trách nhiệm của TT QTMT về bảo vệ và quản lý môi trường nước lưu vực sông như sau:

- Tham gia điều tra, nghiên cứu cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn phục vụ việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, chỉ tiêu, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường theo sự phân công của Tổng Cục trưởng.
- Là Trung tâm đầu mạng của mạng lưới quan trắc môi trường trong hệ thống quan trắc môi trường quốc gia; đầu mối thực hiện quy hoạch tổng thể hệ thống quan trắc môi trường quốc gia.
- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường quốc gia, các chương trình quan trắc môi trường mang tính liên vùng, liên tỉnh và xuyên biên giới, các chương trình quan trắc môi trường tại các điểm nóng, đặc thù

và nhạy cảm về môi trường; phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường khác.

- Tham gia hướng dẫn việc thực hiện quan trắc các chất phát thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường theo quy định của pháp luật.
- Tham gia hướng dẫn các đơn vị quan trắc của các bộ, ngành và địa phương, các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp và các tổ chức khác trong hoạt động quan trắc môi trường.
- Là đơn vị chuyên môn giúp Tổng cục thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của các tổ chức.
- Tham gia các mạng lưới quan trắc, giám sát môi trường toàn cầu, ứng phó môi trường toàn cầu.
- Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng các phương pháp, công nghệ mới trong quan trắc môi trường.
- Đầu mối hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm định - hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc môi trường.
- Thực hiện phân tích môi trường; là đầu mối quốc gia thực hiện phân tích trọng tài môi trường; tổ chức các chương trình thử nghiệm liên phòng.
- Thống nhất quản lý số liệu quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường, điều tra môi trường; chủ trì xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường, hệ thống thông tin về quan trắc môi trường; xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, mạng diện rộng để thu thập, quản lý, xử lý, phân tích, tổng hợp thông tin, số liệu quan trắc môi trường từ các trạm quan trắc môi trường tự động và các trạm quan trắc môi trường quốc gia, địa phương và các bộ, ngành; đánh giá và công bố thông tin, số liệu quan trắc môi trường cho cộng đồng; hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ kỹ thuật quản lý số liệu quan trắc môi trường; đánh giá, dự báo tình trạng ô nhiễm và sức chịu tải của các thành phần môi trường theo khu vực và vùng trên phạm vi cả nước.
- Chủ trì xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia, báo cáo chuyên đề về môi trường và các báo cáo môi trường khác; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức lập báo cáo hiện trạng môi trường theo quy định.
- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống chỉ tiêu môi trường, chỉ tiêu thống kê môi trường và các bộ chỉ thị môi trường theo quy định.
- Tham gia xây dựng các quy định về xây dựng, quản lý, khai thác và bảo trì cơ sở dữ liệu môi trường; tham gia xây dựng định mức, đơn giá, quy định kỹ thuật đối với hoạt động quan trắc môi trường.
- Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông, viễn thám, hệ thống tin địa lý (GIS) trong điều tra, quan trắc, phân tích, xử lý các dữ liệu không gian, phục vụ công tác bảo vệ môi trường.
- Tổ chức xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá sự tồn lưu và tác hại của chất độc hóa học chứa dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam; các chất hữu cơ khó phân hủy (POPs) và các chất độc hại khác theo sự phân công của Tổng Cục trưởng.
- Thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực quan trắc, phân tích, kiểm định, hiệu chuẩn, công nghệ thông tin, viễn thông, hệ thống thông tin địa lý, viễn thám và dữ liệu, thông tin môi trường theo sự phân công của Tổng Cục trưởng.
- Tham gia, phối hợp thực hiện các hoạt động:
  - a) Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, trang thông tin điện tử và các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin của Tổng cục Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường;
  - b) Điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá môi trường phục vụ công tác bảo vệ môi trường theo sự phân công của Tổng Cục trưởng;
  - c) Thiết kế, xây dựng các chuẩn dữ liệu và cơ sở dữ liệu về môi trường;
  - d) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quan trắc môi trường, dữ liệu môi trường; tham gia triển khai các Công ước Quốc tế, Điều ước Quốc tế về môi trường và các lĩnh vực khác theo sự phân công của Tổng Cục trưởng; Tham gia mạng lưới quan trắc giám sát môi trường



toàn cầu, ứng phó môi trường toàn cầu.

iv) Chức năng và Nhiệm vụ của Cục Kiểm soát ô nhiễm

Theo Quyết định số 1512/QĐ-TCMT quy định chức năng, nhiệm vụ của Cục KSON ngày 25 tháng 11 năm 2014, chức năng và trách nhiệm của cục KSON trong việc bảo vệ và quản lý môi trường nước ở lưu vực sông như sau:

- Chủ trì xây dựng đề Tổng Cục trưởng trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quốc gia, kế hoạch 5 năm, hàng năm, chương trình, dự án, nhiệm vụ trong các lĩnh vực:
- Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm đất, nước và không khí
- Quan trắc môi trường và thành lập tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.
- Kiểm soát ô nhiễm hóa học và đảm bảo sức khỏe môi trường.
- Phòng ngừa, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường do thiên tai, sự cố
- Tham gia thực hiện việc lập, sửa đổi, bổ sung danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần phải xử lý triệt để; xác nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để; tham gia kiểm tra công tác xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tham gia thực hiện hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để một số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo phân công của Tổng Cục trưởng.
- Tham gia kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các dự án đầu tư đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thẩm định đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trình cấp có thẩm quyền xem xét, xác nhận.
- Tham gia thanh tra chuyên ngành, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước.
- Tham gia kiểm tra việc thành lập tổ chức chuyên môn và tập huấn cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các đề án, chương trình, đề tài, dự án trong nước và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường theo phân công của Tổng Cục trưởng.

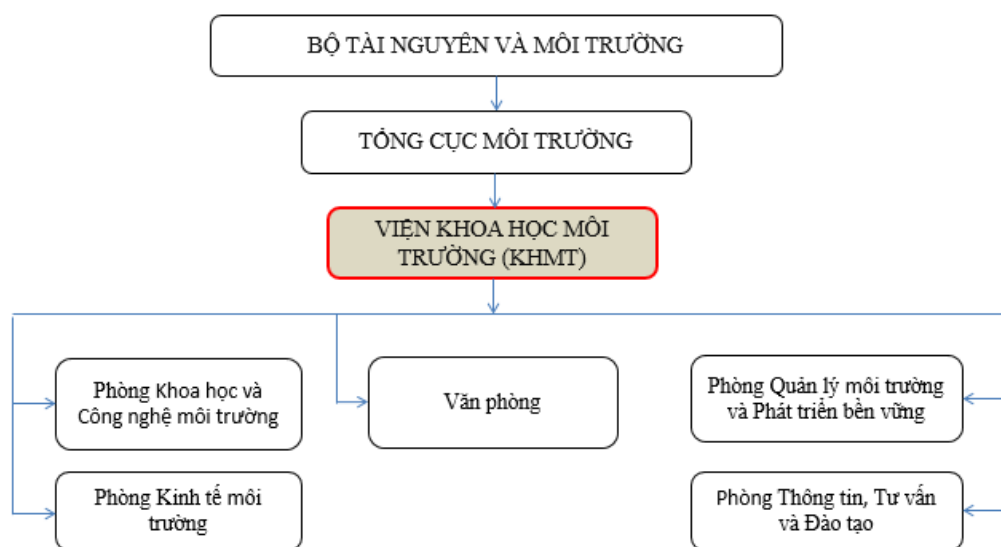
(3) Chức năng và Nhiệm vụ của Viện Khoa học môi trường

Theo Quyết định số 1506/QĐ-TCMT quy định chức năng, nhiệm vụ của Viện KHMT, chức năng và trách nhiệm của Viện KHMT liên quan đến QLMTNLVS như sau:

- Giúp Tổng Cục trưởng xây dựng, đề xuất chiến lược, chính sách, chương trình, qui hoạch, kế hoạch, giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.
- Xây dựng, nghiên cứu và tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ về khoa học môi trường; xét duyệt, thẩm định và nghiệm thu các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ về khoa học môi trường theo phân công của Tổng Cục trưởng.
- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện các chính sách, văn bản pháp luật, hệ thống tổ chức quản lý về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.
- Nghiên cứu cơ chế chính sách, các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường; các phương pháp lượng giá hàng hoá, dịch vụ môi trường và đa dạng sinh học; xác định các thiệt hại kinh tế do ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu gây ra.
- Nghiên cứu, đánh giá, dự báo, cảnh báo tình trạng ô nhiễm, suy thoái, sức chịu tải và mức độ tổn thương các thành phần môi trường theo khu vực; đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó, xử lý và khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.
- Nghiên cứu, xác định, cảnh báo các yếu tố môi trường có nguy cơ cao đối với sức khỏe con người; đề xuất các giải pháp ngăn chặn, giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường

- đến sức khỏe cộng đồng; xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra.
- Nghiên cứu, xây dựng các chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững về môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu theo khu công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, nông thôn, miền núi và các khu vực khác theo quy định.
  - Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, triển khai tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; xây dựng, thực hiện các nghiên cứu mô hình thử nghiệm và chuyển giao công nghệ về: Sản xuất và tiêu thụ bền vững, sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo.
  - Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu về khoa học môi trường; phối hợp thực hiện công tác quản lý, thống kê và lưu trữ thông tin, tư liệu.
  - Xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ, dự án hợp tác quốc tế về khoa học môi trường; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, dự án hợp tác quốc tế khác theo phân công của Tổng Cục trưởng

Sơ đồ tổ chức Viện KHMT như sau:



Nguồn: Điều 3 Nghị định số 1506/QĐ-TCMT

**Hình 4-3 Cơ cấu tổ chức Viện Khoa học môi trường**

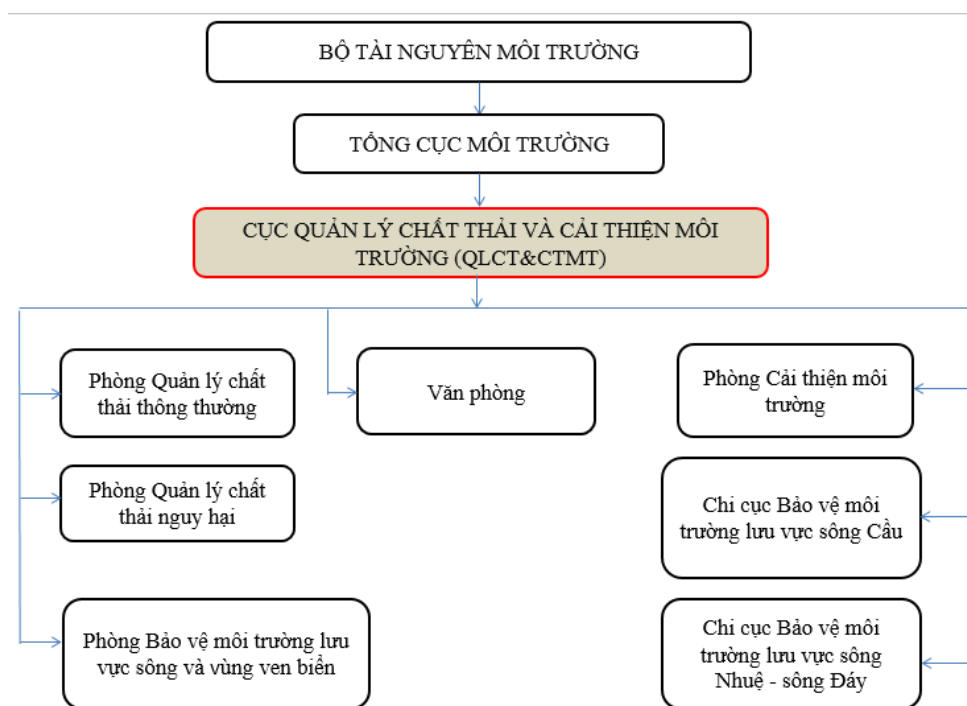
#### (4) Chức năng và Nhiệm vụ Cục QLCT & CTMT

Theo Quyết định 1515/QĐ-TCMT quy định chức năng, nhiệm vụ của, Cục QLCT&CTMT, chức năng và trách nhiệm của Cục QLCT & CTMT liên quan tới QLMTNLVS như sau:

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chỉ tiêu, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường trong quản lý chất thải, chất thải nguy hại, khắc phục ô nhiễm môi trường, khắc phục suy thoái môi trường và cải thiện môi trường; bảo vệ môi trường lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo; xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng.
- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên tỉnh, liên vùng và quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, chỉ tiêu, quy trình, các định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường trong các lĩnh vực: Quản lý chất thải, chất thải nguy hại; khắc phục ô nhiễm môi trường, khắc phục suy thoái môi trường và cải thiện môi trường; bảo vệ môi trường lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo.
- Phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục, pháp luật về môi trường liên quan đến các lĩnh vực được phân công.

- Xây dựng, tham gia xây dựng, kiểm tra giám sát và hướng dẫn việc thực hiện các cơ chế chính sách về xã hội hóa, ưu đãi, hỗ trợ: Công tác quản lý chất thải, chất thải nguy hại; khắc phục ô nhiễm môi trường, khắc phục suy thoái môi trường và cải thiện môi trường; bảo vệ môi trường lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo.
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ Văn phòng Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.
- Cải thiện môi trường.
- Bảo vệ môi trường lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo.
  - a) Điều tra, đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, công trình bảo vệ môi trường, khắc phục, cải thiện chất lượng môi trường lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo bị ô nhiễm, suy thoái môi trường theo quy định của pháp luật;
  - b) Xây dựng, trình ban hành hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện điều tra, thống kê, đánh giá và quản lý các nguồn thải xả vào sông, các điểm nóng về ô nhiễm trên lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo;
  - c) Xây dựng, trình ban hành hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện đánh giá sức chịu tải của các dòng sông; hướng dẫn xây dựng và quản lý hạn ngạch xả nước thải; xác định hạn ngạch xả nước thải; khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường các dòng sông, đoạn sông;
  - d) Xây dựng, trình ban hành hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường lưu vực sông liên vùng, liên tỉnh;
  - e) Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về môi trường lưu vực sông;
  - f) Giúp Tổng Cục trưởng chỉ đạo và điều phối hoạt động phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo có tính liên ngành, liên tỉnh, liên quốc gia;
  - g) Thường trực các Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh, đầu mối quốc gia về bảo vệ môi trường các lưu vực sông liên quốc gia theo sự phân công của Tổng Cục trưởng;
  - h) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu và sông Nhuệ - sông Đáy;
  - i) Tham gia xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại các lưu vực sông và vùng ven biển.
  - j) Tham gia thanh tra chuyên ngành, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước.
- Tham gia thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế và công ước, điều ước quốc tế về quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, bảo vệ môi trường lưu vực sông, vùng ven biển, vùng biển và hải đảo;

Sơ đồ tổ chức của Cục QLCT&CTMT như sau:



Nguồn: Điều 3 Quyết định 1515 / QĐ-TCMT

**Hình 4-4 Cơ cấu tổ chức Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường (Cục QLCT&CTMT)**

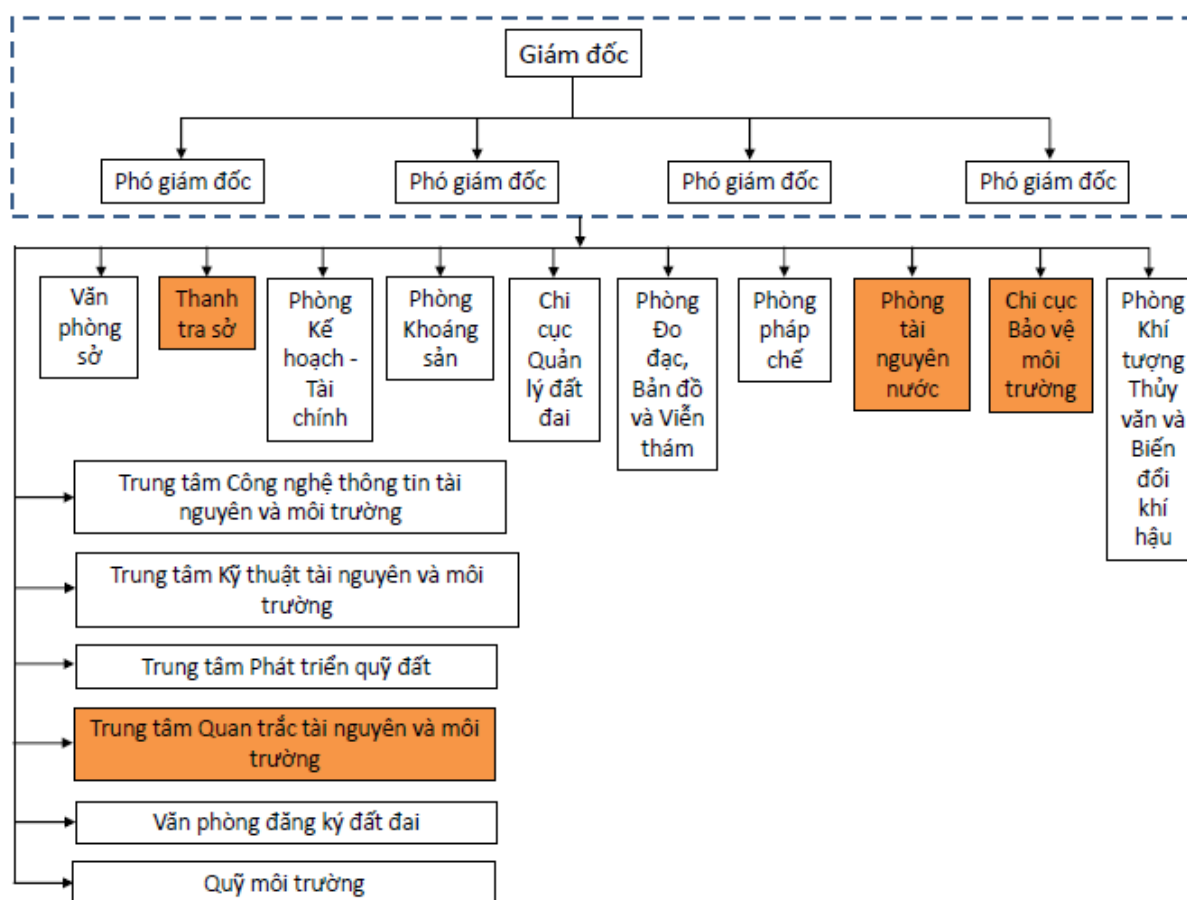
#### (5) Chức năng và Nhiệm vụ của Sở TN&MT

Sở Tài nguyên và Môi trường được thành lập ở cấp tỉnh thông qua Quyết định số 45/2003/QĐ-TTg ngày 2 tháng 4 năm 2003. Hơn nữa, vào tháng 7 năm 2003, Thông tư liên tịch số 01/TTLT-BTNMT-BNV đã Do Bộ TN&MT và Bộ Nội vụ ban hành, hướng dẫn xây dựng các chức năng, nhiệm vụ liên quan, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan được chỉ định hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tức chính quyền tỉnh) giải quyết các vấn đề trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Theo Thông tư này, Sở TNMT là cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh, chịu trách nhiệm hỗ trợ UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn và lập bản đồ trên địa bàn tỉnh và báo cáo cơ quan quản lý trung ương. Điều này có nghĩa là mặc dù các Sở TNMT nhận hướng dẫn chuyên môn từ Bộ TN&MT, nhưng được tổ chức và hoạt động dưới sự chỉ đạo của UBND cấp tỉnh.

Theo Điều 6 Chương III Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 05 năm 2007, Sở TN&MT có trách nhiệm hỗ trợ UBND tỉnh thực hiện chức năng, quyền hạn quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh quy định tại các điểm b, c), d), e) và g) của khoản 1 Điều 122 của Luật bảo vệ Môi trường 2005, cụ thể:

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;
- Chỉ đạo xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường của địa phương;
- Chỉ đạo định kỳ tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường;
- Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh.

Theo Thông tư số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV, tổ chức thuộc Sở TN&MT được xác định theo đặc điểm của tỉnh, thành phố. Cấu trúc chung của tổ chức Sở TNMT được thể hiện trong hình dưới đây.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA (<http://tnmtbacgiang.gov.vn/index.php/vi/about/Co-cau-to-chuc-bo-may-So-TN-MT-tinh-Bac-Giang>)

**Hình 4-5 Sơ đồ tổ chức chung của Sở TN&MT (Tham khảo Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang)**

Chức năng và Nhiệm vụ chính của các đơn vị được đánh dấu trong sơ đồ được mô tả trong bảng sau:

**Bảng 4-1 Chức năng và Nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Sở TN&MT liên quan tới QLMTNLVS**

Đơn vị	Chức năng và Nhiệm vụ
Chi cục Bảo vệ Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giúp giám đốc Sở TN&amp;MT và UBND thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố</li> <li>Chủ trì hoặc tham gia các dự án hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo sự phân công của giám đốc Sở TN&amp;MT</li> </ul>
Phòng Thanh tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ giám đốc Sở TN&amp;MT thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra hành chính và chuyên ngành trong lĩnh vực môi trường</li> </ul>
Trung tâm Quan trắc Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giúp giám đốc Sở TN&amp;MT phân tích, tổ chức phát triển mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm mạng lưới giám sát chất lượng nước</li> <li>Tổ chức phát triển và thực hiện các hoạt động, chương trình trong lĩnh vực giám sát tài nguyên và môi trường</li> </ul>
Phòng Tài nguyên nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ giám đốc Sở TN&amp;MT phân tích, tổ chức phát triển mạng lưới quan trắc tài nguyên nước và môi trường bao gồm mạng lưới giám sát chất lượng nước</li> <li>Tổ chức phát triển và thực hiện các hoạt động, chương trình trong lĩnh vực giám sát tài nguyên và môi trường</li> </ul>

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(6) Chức năng và Nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là cơ quan trực thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn trên phạm vi cả nước, bao gồm các chức năng quản lý nhà nước về cung cấp dịch

vụ công phù hợp với quy định pháp luật. Theo Nghị định số 178/2007/NĐ-CP, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trong lĩnh vực quản lý nguồn nước như sau:

- a) Quản lý, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước, đề điều; Ngăn ngừa tác động tiêu cực của hệ thống vệ sinh;
- b) Quản lý, hướng dẫn thực hiện văn bản pháp về tài nguyên nước; Chiến lược giảm nhẹ thiên tai theo sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Chủ trì xây dựng quy hoạch tổng thể tài nguyên nước các hồ chứa phục vụ nông nghiệp, kinh tế - xã hội;
- d) Phê duyệt quy hoạch tổng thể các công trình đê và thủy lợi liên quan đến từ 2 tỉnh phòng chống lụt, lũ lụt, hạn hán, vệ sinh, sạt lở dọc bờ sông, ven biển, cấp thoát nước ở nông thôn.
- e) Công bố và thực hiện quản trị, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp báo cáo về trách nhiệm thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nghề cá được phê duyệt trong phạm vi cả nước.
- f) Đề xuất với Thủ tướng Chính phủ và huy động vật liệu, công cụ phòng, chống tác động của lũ lụt, hạn hán, ngập úng, giải quyết sự cố công trình thủy lợi; Chống lũ lụt, vận hành các hồ chứa nước lớn dựa trên sự phân công và phân cấp;
- g) Thống nhất việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đề điều và quy hoạch tổng thể phòng, chống lụt, bão trên địa bàn tỉnh;
- h) Ban hành, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy trình, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - xã hội trong xây dựng, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, hệ thống đê, lũ lụt, ngập úng, hạn hán, cấp, thoát nước ở nông thôn;
- i) Quy định khả năng chịu tải và giấy chứng nhận vận chuyển đối với phương tiện di chuyển trong đê;
- j) Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định cụ thể về tình huống khẩn cấp cần thiết để làm chậm lũ lụt, di dân an toàn; Đảm bảo cuộc sống và sản xuất của người dân, trợ cấp cho người dân;
- k) Quyết định đầu tư, nâng cấp và củng cố đề điều, công trình thủy lợi tại các khu bảo vệ được quy định trong phạm vi cả nước với quỹ nhà nước do Bộ trưởng thông qua.

Theo Điều 142, Chương XIV của Luật BVMT 2014, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sẽ chủ động phối hợp với Bộ trưởng Bộ TN&MT, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh các tỉnh tổ chức thực hiện công tác thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất, Nhập khẩu, xuất khẩu, sử dụng hoá chất, hoá chất bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, chất thải trong nông nghiệp và các hoạt động quản lý khác.

(7) Chức năng và Nhiệm vụ của Bộ Công thương

Bộ Công thương là một cơ quan trực thuộc chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, bao gồm các lĩnh vực kỹ thuật, luyện kim, điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, dầu khí, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, Công nghiệp và chế biến khoáng sản, hàng tiêu dùng, chế biến thực phẩm công nghiệp và các thị trường công nghiệp, thương mại và trong nước khác, xuất nhập khẩu, buôn bán biên giới ...

Danh mục các ngành do Bộ Công thương quản lý cho thấy Bộ Công Thương có trách nhiệm rất lớn về ô nhiễm môi trường do các ngành công nghiệp nêu trên.

Theo Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương về công tác quản lý môi trường, Bộ Công Thương có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về kỹ thuật an toàn công nghiệp và bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ (Điều 2, Mục 8d);
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành khác có liên quan chỉ đạo phát triển công nghiệp môi trường theo quy định của pháp luật (Điều 2, Mục 8đ);
- Chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT, các Bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản; Thực hiện các chiến lược, kế hoạch khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Điều 2, Mục 13c);
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, các định mức kinh tế, kỹ thuật, an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản (Điều 2, Mục 13d).

Theo Điều 142, Chương XIV, Luật BVMT 2014, Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ động phối hợp với Bộ trưởng Bộ TN&MT, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh để xử lý các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quản lý, phát triển công nghiệp môi trường và tổ chức thực hiện công tác thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quản lý.

(8) Chức năng và Nhiệm vụ của các Bộ khác

Theo Điều 142, Chương XIV, Luật BVMT 2014, các chức năng, nhiệm vụ của Bộ trưởng các Bộ khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:

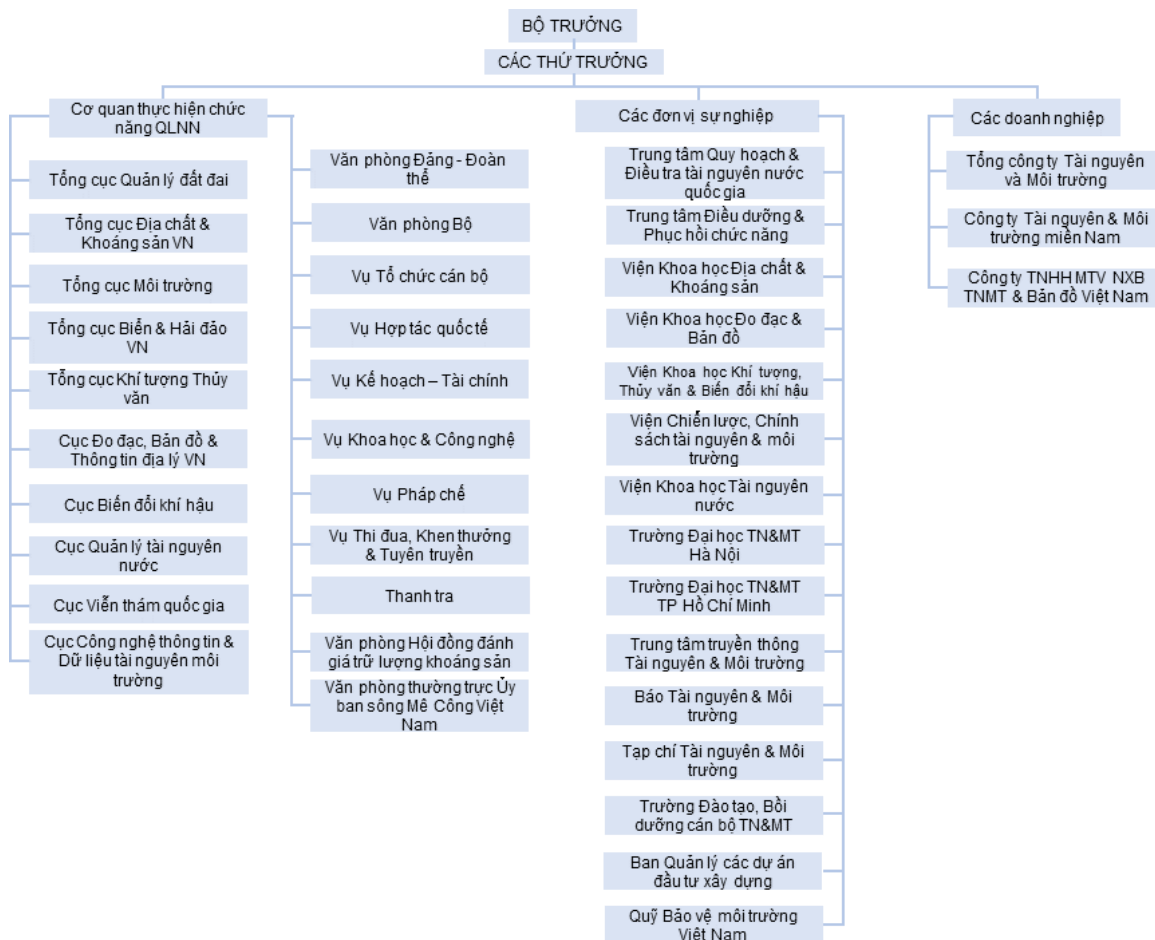
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng về cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý.
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và dự án, công trình thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạt động thu hút đầu tư và tổ chức triển khai việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý.
- Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động mai táng, hỏa táng; tổ chức việc thông kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý.
- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý phương tiện giao thông vận tải và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý.
- Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng chống tội phạm về môi trường và bảo đảm an ninh trật tự trong lĩnh vực môi trường; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.
- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý.

#### 4.2.2 Sau khi TCMT tái cấu trúc (sau tháng 5 năm 2018)

(1) Chức năng, nhiệm vụ của Bộ TN&MT và các đơn vị thuộc Bộ TN&MT

Ngày 04 tháng 04 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay thế Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013). Theo Nghị định, Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, viễn thám, quản lý nhà

nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Nghị định đã bổ sung thêm chức năng quản lý nhà nước về viễn thám và chính lý cụm từ "tài nguyên và bảo vệ môi trường" đối với chức năng quản lý nhà nước về biển và hải đảo để phù hợp với Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015. Sơ đồ tổ chức hiện tại của Bộ TN&MT được trình bày tại Hình 4-6.



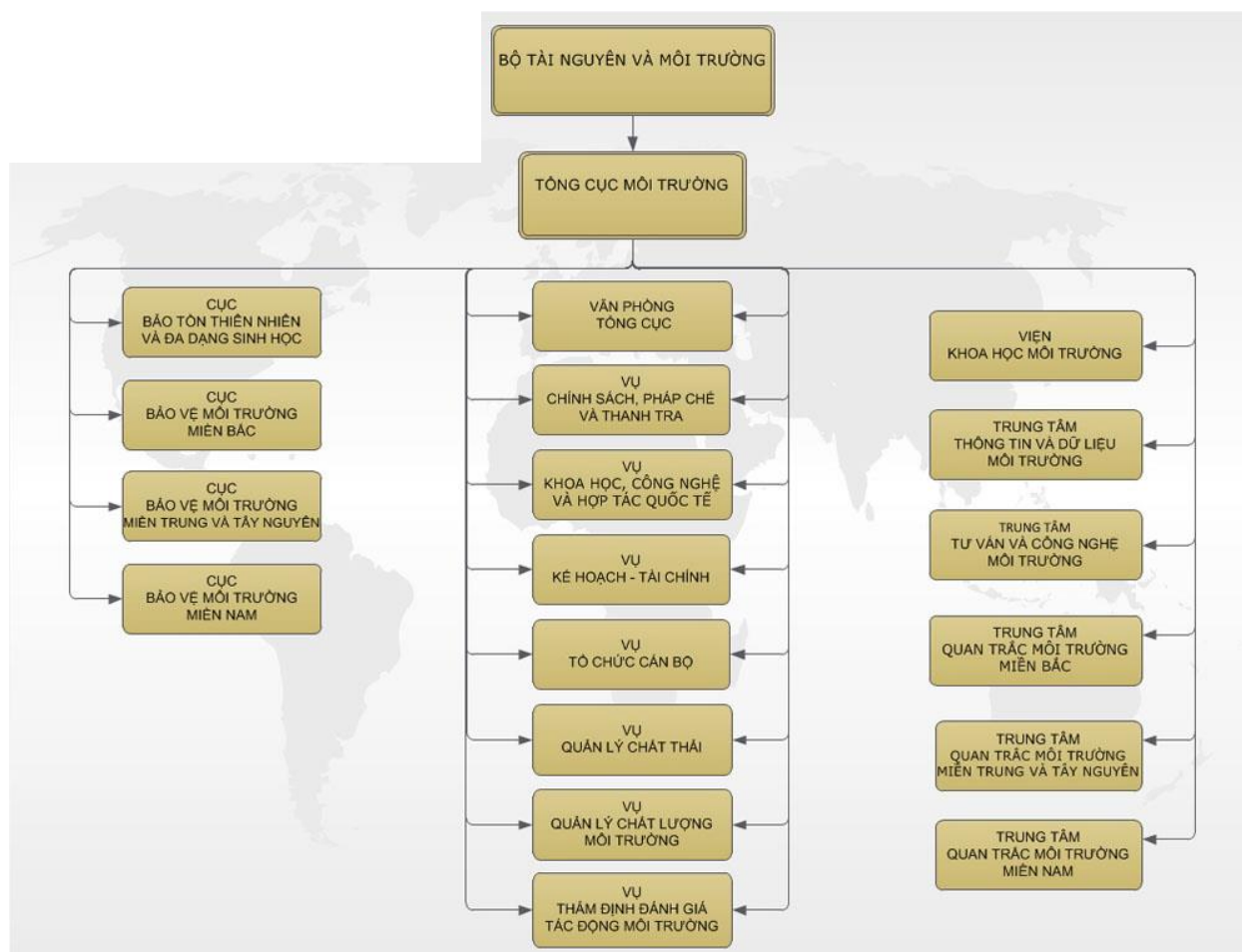
Nguồn: Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT: <http://www.monre.gov.vn>

**Hình 4-6 Sơ đồ tổ chức của Bộ TN&MT.**

Chức năng và nhiệm vụ của Bộ TN&MT tiếp tục được quy định theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 hiện hành, cụ thể được quy định tại các Điều 55, Chương VI; Điều 141 và 142, Chương XIV như đã tóm tắt tại mục 4.2.1.

- (2) Chức năng và nhiệm vụ của Tổng cục Môi trường, và các đơn vị trực thuộc
- Ngày 12 tháng 03 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 15/2018/QĐ-TTg 36/2017/NĐ-CP (thay thế Quyết định số 25/2014/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 03 năm 2014 quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TCMT. Cơ cấu tổ chức hiện tại của TCMT được trình bày tại Hình 4-7





Nguồn: Cổng thông tin điện tử TCMT: <http://vea.gov.vn>

**Hình 4-7 Sơ đồ tổ chức hiện tại của TCMT.**

Căn cứ Quyết định số 15/2018/QĐ-TTg, vị trí và chức năng của TCMT là: (1) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học trong phạm vi cả nước; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật. (2) TCMT có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng; trụ sở tại thành phố Hà Nội.

(3) Chức năng, nhiệm vụ của Viện Khoa học Môi trường (Viện KHMT)

Thực hiện việc sắp xếp lại TCMT theo Quyết định số 15/2018/QĐ-TTg, chức năng và nhiệm vụ của Viện KHMT đã được điều chỉnh và được Bộ TN&MT ban hành ngày 26 tháng 04 năm 2018 tại Quyết định số 1319/QĐ-BTNMT, cụ thể:

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ công tác xây dựng chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, hệ thống tổ chức quản lý về bảo vệ môi trường ở Việt Nam.
- Nghiên cứu cơ chế chính sách, các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường, phương pháp lượng giá giá trị môi trường và đa dạng sinh học; xác định các thiệt hại kinh tế, xã hội do ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu gây ra.
- Nghiên cứu, đánh giá diễn biến và dự báo xu thế tác động qua lại giữa các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường; các vấn đề môi trường và hội nhập kinh tế quốc tế; các vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường Việt Nam.
- Nghiên cứu, đánh giá, dự báo, cảnh báo tình trạng ô nhiễm, suy thoái, sức chịu tải và mức độ tổn thương các thành phần môi trường theo khu vực; đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó, xử lý và khắc phục ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Nghiên cứu, xác định, cảnh báo các yếu tố môi trường có nguy cơ cao đối với sức khỏe con người; đề xuất các giải pháp ngăn chặn, giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe cộng đồng; xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra.
  - Nghiên cứu, đề xuất các mô hình phát triển bền vững, các giải pháp bảo tồn, phục hồi môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên trong khai thác, sản xuất và tiêu dùng; nghiên cứu, triển khai thực hiện các chương trình, mô hình thử nghiệm về sản xuất và tiêu thụ bền vững, thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo.
  - Nghiên cứu, xây dựng các chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững về môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu theo khu công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, nông thôn, miền núi và các khu vực khác theo quy định.
  - Nghiên cứu, ứng dụng, triển khai tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, phát triển và chuyển giao công nghệ môi trường.
  - Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu về khoa học môi trường; phối hợp thực hiện công tác quản lý, thống kê và lưu trữ thông tin, tư liệu.
  - Hợp tác với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong nước và ngoài nước về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học môi trường theo quy định của pháp luật.
  - Chủ trì, tham gia thực hiện các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng.
  - Thực hiện các hoạt động dịch vụ, tư vấn về khoa học và công nghệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- (4) Chức năng, nhiệm vụ của Vụ Quản lý chất thải (trước đây là Cục QLCT&CTMT)
- Thực hiện việc sắp xếp lại TCMT theo Quyết định số 15/2018/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 04 năm 2018 Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 1315/QĐ-BTNMT quy định chức năng và nhiệm vụ của Vụ Quản lý chất thải, cụ thể:
- Trình Tổng cục trưởng:
    - + Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; dự thảo chỉ thị, quyết định, thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác về kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng;
    - + Dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên tỉnh, vùng và quốc gia về kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng;
    - + Dự thảo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;
    - + Danh mục các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; danh mục các chế phẩm sinh học sử dụng trong phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm và xử lý chất thải, danh mục chế phẩm sinh học gây ô nhiễm môi trường bị cấm nhập khẩu, danh mục phế liệu được phép nhập khẩu; danh mục chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.
  - Giúp Tổng cục trưởng:
    - + Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục;
    - + Theo dõi và tổng hợp báo cáo về công tác kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật;
    - + Tổ chức thực hiện việc đăng ký, xác nhận, công nhận, cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy phép xử lý chất thải nguy hại và các loại giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận,

chúng chỉ khác về kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp đóng góp ý kiến đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ về kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của các bộ, ngành, địa phương; chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi, ý kiến, kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội về soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng.
  - Hướng dẫn, kiểm tra công tác lập danh mục, việc xử lý triệt để, xác nhận việc hoàn thành xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định của pháp luật; việc thực hiện các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; việc đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; hoạt động quản lý chất thải nguy hại trên phạm vi cả nước; công tác thu hồi, xử lý các sản phẩm thải bỏ, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.
  - Hướng dẫn việc kiểm soát nguồn ô nhiễm trong quá trình thi công xây dựng và vận hành thử nghiệm dự án đầu tư; việc kiểm soát nguồn ô nhiễm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm cả khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề; công tác bảo vệ môi trường đối với hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất thuộc thẩm quyền; công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
  - Hướng dẫn kỹ thuật, quy trình phân loại, lưu giữ, tập kết, trung chuyển, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại; công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và tổ chức triển khai thí điểm, tổng kết nhân rộng mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của pháp luật.
  - Tổng hợp, dự báo về nguồn gây ô nhiễm, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; về tình hình phát sinh, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại trên phạm vi cả nước.
  - Thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn viện trợ về kiểm soát nguồn ô nhiễm, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; quản lý chất thải; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo sự phân công của Tổng cục trưởng.
- (5) Chức năng, nhiệm vụ của Vụ Quản lý chất lượng môi trường (trước đây là Cục Kiểm soát ô nhiễm)
- Thực hiện việc sắp xếp lại TCMT theo Quyết định số 15/2018/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 04 năm 2018 Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 1306/QĐ-BTNMT quy định chức năng và nhiệm vụ của Vụ Quản lý chất thải, cụ thể:
- Trình Tổng cục trưởng:
    - + Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; dự thảo chỉ thị, quyết định, thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác về quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng;
    - + Dự thảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên tỉnh, vùng và quốc gia về quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng;
    - + Dự thảo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường.
  - Giúp Tổng cục trưởng:
    - + Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục;
    - + Theo dõi, tổng hợp, báo cáo về công tác quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường trên phạm vi cả nước;

- + Tổ chức thực hiện việc đăng ký, xác nhận, công nhận, cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với ô nhiễm tồn lưu; Giấy chứng nhận, chứng nhận lại nhãn sinh thái cho các sản phẩm thân thiện với môi trường; Giấy chứng nhận túi nylon thân thiện với môi trường và các giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, chứng chỉ khác về quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật và phân công của Tổng cục trưởng.
  - Giúp Tổng cục trưởng điều phối công tác quản lý chất lượng môi trường lưu vực sông, vùng biển ven bờ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông theo quy định của pháp luật.
  - Hướng dẫn việc kiểm soát dư lượng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất hữu cơ khó phân hủy, dioxin trong môi trường theo quy định của pháp luật.
  - Hướng dẫn, kiểm tra việc giám sát, đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí, ô nhiễm xuyên biên giới, mưa axit; việc giám sát diễn biến chất lượng môi trường tại các vùng kinh tế trọng điểm, khu vực tập trung nhiều nguồn ô nhiễm, có nguồn thải lớn, lưu vực sông, vùng biển ven bờ, đô thị, nông thôn, khu dân cư, khu vực công cộng; việc thực hiện đánh giá khả năng chịu tải các chất ô nhiễm của môi trường theo quy định của pháp luật.
  - Hướng dẫn, kiểm tra việc điều tra, đánh giá, khoanh vùng cảnh báo và lập bản đồ khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái; việc nghiên cứu, điều tra, đánh giá về sức khỏe môi trường; việc điều tra, xác định thiệt hại đối với môi trường, tính toán thiệt hại đối với môi trường và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra; việc xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm tồn lưu chất độc hóa học, dioxin, hóa chất bảo vệ thực vật; việc cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường tại các đô thị, khu dân cư, vùng nông thôn, miền núi, khu kinh tế, lưu vực sông và vùng ven biển theo quy định của pháp luật.
  - Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Tổng cục tổ chức xây dựng và công bố báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo chuyên đề về môi trường theo quy định của pháp luật.
  - Chủ trì, phối hợp đóng góp ý kiến đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ về quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường; chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi, ý kiến, kiến nghị của cử tri và đại biểu Quốc hội về quan trắc, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng.
  - Thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn viện trợ về quan trắc môi trường, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường theo phân công của Tổng cục trưởng.
- (6) Chức năng, nhiệm vụ của các Sở TN&MT
- Các chức năng và nhiệm vụ chính của các Sở TN&MT cấp tỉnh được tóm tắt tại mục 4.2.1. Điều 54; Khoản 4, Điều 56; Khoản 2, Điều 125 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác bảo vệ môi trường lưu vực sông.
- (7) Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ/ngành liên quan
- Các chức năng và nhiệm vụ chính của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và một số Bộ liên quan khác đã được tóm tắt tại mục 4.2.1.

### 4.3 Hoạt động 1-3: Xây dựng chương trình tập huấn và tổ chức thực hiện

Chương trình đào tạo về Kết quả-1 tập trung giới thiệu những kiến thức thực tế liên quan đến các Thông tư được xây dựng như QLMTNLVS và / hoặc thiết lập mô hình chất lượng nước. Các khóa tập huấn nâng cao (ATC) được gọi tắt là ATC.

#### 4.3.1 Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao

Công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông (QL MTNLVS) yêu cầu trình độ kiến thức chuyên môn và kỹ năng quản lý nhất định nhằm thực thi hiệu quả chính sách thông qua nhiều bước như lập kế hoạch, thực hiện, giám sát, điều phối và báo cáo. Quá trình xây dựng Thông tư cũng đòi hỏi những kiến thức sâu rộng hơn. Do đó, Nhóm Chuyên gia JICA đã lập kế hoạch khóa tập huấn nâng cao.

Để thực hiện các DATĐ, JET đã chuẩn bị một kế hoạch để có Khóa đào tạo cơ bản (BTC) trong các hoạt động của Kết quả-2, như được mô tả trong phần 5.2 của báo cáo này. Mặt khác, mục tiêu chính của các khóa đào tạo nâng cao (ATC) thuộc Kết quả -1 là tăng cường năng lực lập kế hoạch, thực hiện và QLMTNLVS dựa trên các kỹ năng và kiến thức cơ bản có được thông qua các hoạt động của Dự án. ATC bao gồm các hoạt động hoàn thiện các thông tư hoặc xây dựng kế hoạch hành động như ATC-2 và ATC-3. Trong phần này, các khóa ATC-1, ATC-2 và ATC3 đã được trình bày chi tiết.

**Bảng 4-2 Chương trình tập huấn tổng thể liên quan tới Kết quả - 1**

Tập huấn	Mục đích và Nội dung	Thời gian
<b>Khóa tập huấn cơ bản (BTC)</b>		
BTC-1-1	Thuyết trình về hệ thống kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm trong QLMTNLVS tại Nhật Bản	Tháng 9 2016
<b>Khóa tập huấn nâng cao (ATC)</b>		
ATC-1-1	Thuyết trình về góc tiếp cận kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm	Tháng 6. 2017 – Tháng 9 2017

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Chương trình và kế hoạch tập huấn được xây dựng, trình bày, và thông qua tại các cuộc họp Ban quản lý Dự án. Nhóm Chuyên gia JICA lên kế hoạch chi tiết cho từng khóa tập huấn, và xác nhận với các cơ quan đối tác để lên kế hoạch tổ chức và thực hiện.

#### 4.3.2 Thực hiện Chương trình tập huấn

- (1) Thực hiện khóa tập huấn cơ bản BTC 1-1 Giới thiệu Hệ thống kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm trong QLMTNLVS tại Nhật Bản

Để giới thiệu những kinh nghiệm của Nhật Bản trong QLMTNLVS, với phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm, khóa tập huấn cơ bản BTC 1-1 tập trung trình bày công tác QLMTNLVS tại Nhật Bản. Nội dung tập huấn được nêu tại Bảng 4-3. Số lượng học viên từ mỗi đơn vị, câu hỏi và ý kiến góp ý chính được tóm tắt tại Bảng 4-4.

**Bảng 4-3 Kế hoạch thực hiện Khóa tập huấn BTC 1-1**

STT	Tên khóa tập huấn	Cơ quan liên quan	Thông tư	Thời gian
Tập huấn lần 1	Thuyết trình về Hệ thống kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm trong QLMTNLVS tại Nhật Bản	Các đơn vị xây dựng chính sách và kế hoạch quan trắc	Thông tư-2	Tháng 9 2016

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 4-4 Kết quả thực hiện Khóa tập huấn BTC 1-1**

STT	Kết quả	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Bình Dương	TP. HCM	Đồng Nai	BR-VT
Tập huấn lần 1	Số lượng học viên	22	43	18	14	8	20	20	20
	Ngày tập huấn	2016/9/23	2016/9/5	2016/8/31	2016/9/21	2016/9/14	2016/9/12	2016/9/13	2016/9/15
	Các câu hỏi và ý kiến chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phương thức đảm bảo chất lượng dữ liệu quan trắc tại Nhật Bản</li> <li>• Phương pháp đánh giá dữ liệu quan trắc tại Nhật Bản</li> </ul>							

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

- (2) Kết quả tập huấn ATC 1-1, Giới thiệu về Tổng tải lượng ô nhiễm và Hạn ngạch xả thải tại Nhật Bản; Thảo luận về hệ thống áp dụng khả thi tại Việt Nam  
ATC 1-1 trình bày kiến thức về QLMTNLVS bằng phương pháp kiểm soát tổng tải lượng thông qua giới thiệu góc tiếp cận kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm tại Nhật Bản và thảo luận về phương thức áp dụng góc tiếp cận này tại Việt Nam. Nội dung tập huấn được mô tả trong Bảng 4-5, và số lượng học viên từ mỗi cơ quan được liệt kê trong Bảng 4-6.

**Bảng 4-5 Kế hoạch thực hiện Khóa tập huấn ATC 1-1**

STT	Tên khóa tập huấn	Cơ quan liên quan	Thông tư	Thời gian
Tập huấn lần 1	Bài giảng trình bày về Phương pháp tổng tải lượng ô nhiễm tại Nhật Bản	TW / tỉnh / huyện / các cán bộ phụ trách QLMTNLVS	Thông tư-2	Tháng 6, 2017

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 4-6 Kết quả thực hiện Khóa tập huấn ATC 1-1**

STT	Kết quả	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Bình Dương	TP. HCM	Đồng Nai	BR-VT
Tập huấn lần 1	Số lượng học viên	4	7	11	6	7	5	8	6
	Ngày tập huấn	2017/6/22	2017/6/17			2017/6/6	2017/6/7	2017/6/8	2017/6/9

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Để QLMTNLVS theo góc tiếp cận kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm, cần giới thiệu một hệ thống quản lý mới, khác biệt với hệ thống thông thường thực hiện theo đơn vị hành chính cấp tỉnh. Đồng thời, đối với cấp TW, hay cấp địa phương, cũng cần làm rõ hệ thống quản lý nào có cần thiết hoặc phù hợp để áp dụng đối với các Sở TN&MT và chính quyền trung ương. Để lấy ý kiến về hệ thống phù hợp trong quản lý lưu vực sông, một khảo sát nhỏ đã được thực hiện trong khóa tập huấn nâng cao ATC 1-1.

Mặc dù đối tượng tham gia khảo sát này không bao gồm tất cả các cơ quan liên quan tới QLMTNLVS, kết quả khảo sát chỉ ra một số vấn đề cần cân nhắc trong quản lý lưu vực sông, được nêu sau đây. Trong đó, những câu trả lời liên quan tới chức năng của tổ chức LVS được mô tả sau đây, toàn bộ kết quả khảo sát được trình bày tại Phụ lục 9 của Báo cáo này.

a) Số câu trả lời:

Số lượng cán bộ trả lời khảo sát được liệt kê tại Bảng 4-6. Trong số 54 học viên của khóa ATC 1-1, 23 cán bộ quản lý ở cả trung ương và địa phương đã hoàn thiện phiếu khảo sát, phần lớn ý kiến được thu thập từ cán bộ Sở TN&MT.

**Bảng 4-7 Số lượng người tham gia trả lời bảng hỏi**

Tỉnh	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	TP. HCM	Bình Dương	Đồng Nai	BR-VT	Tổng
Số lượng	4	1	0	0	2	4	6	6	23

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

b) Ý kiến và xu thế các câu trả lời

Bảng 4-7 tổng hợp số phiếu trả lời về chức năng dự kiến của các UB LVS từ các học viên của Khóa tập huấn nâng cao ATC 1-1, sau bài thuyết trình về Hệ thống kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm tại Nhật Bản. Những cán bộ tham gia khảo sát kỳ vọng rằng UB LVS sẽ đóng góp vào việc xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm chung, như chỉ đạo và điều phối phân bổ hạn ngạch xả thải ở cấp lưu vực sông, hoặc phân vùng đoạn sông theo tiêu chuẩn môi trường và sự phân bố của nguồn xả nước thải. Bên cạnh đó, các UB LVS cũng được kỳ vọng tiến hành các hoạt động xác định thông số chỉ tiết/thực tế để rà soát kỹ thuật tải lượng ô nhiễm, ví dụ thực hiện khảo sát và xác định hệ số đơn vị tải lượng.

Dựa trên kết quả khảo sát này, có thể thấy rằng các cán bộ phía đối tác nhìn chung đều hiểu rõ về các hoạt động bắt buộc và cần thiết thực hiện trong quản lý lưu vực sông. Các phiếu trả lời đã được sử dụng để xây dựng Cơ chế điều phối phục vụ QLMTNLVS thuộc Kết quả - 1 và Kế hoạch tổng thể thuộc Kết quả -3 của Dự án.

**Bảng 4-8 Câu hỏi và trả lời liên quan đến chức năng dự kiến của Tổ chức LVS**

Chức năng dự kiến của UB LVS	Thực hiện lấy ý kiến cộng đồng về QLMTNLVS	Lập kế hoạch khảo sát kỹ thuật như khảo sát nhằm xác định hệ số tải lượng	Thành lập hội đồng phân bổ hạn ngạch xả thải	Tổng số phản hồi
	17	11	20	
	Trao đổi hạn ngạch xả thải giữa các tỉnh	Phân vùng đoạn sông theo tiêu chuẩn môi trường nhằm bảo tồn môi trường	Phân vùng đoạn sông phục vụ kiểm soát tải lượng (KCN, quy định phát triển, v.v...)	
	17	14	21	
	Phân bổ hạn ngạch xả thải	Xây dựng kế hoạch hành động để cắt giảm TLON	Định kỳ rà soát mục tiêu cắt giảm TLON, dựa trên giám sát các kết quả đã đạt	
	18	18	19	

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

#### 4.4 Hoạt động 1-4: Xây dựng dự thảo Thông tư (Quy định) về cơ chế phối hợp trong QLMTNLVS (Thông tư-1)

Thông tư-1 là Thông tư Dự thảo về cơ chế phối hợp quản lý môi trường nước lưu vực sông (QLMTNLVS). TCMT và JET đã thảo luận về cách điều chỉnh các thủ tục hành chính tại Thông tư-1 do Dự án xây dựng theo Luật ban hành các văn bản lập pháp (số 80/2015/QH13). Thông qua thảo luận với các bên đối tác và Cục QLTTN, JET xác nhận rằng vấn đề này rất quan trọng nhưng những khó khăn về kết nối và phân định ranh giới giữa Luật BVMT và Luật TNN. Dựa trên kết quả thảo luận, cả hai bên đã đồng ý rằng văn bản pháp luật về cơ chế phối hợp sẽ được chuẩn bị không phải là thông tư mà dưới dạng hướng dẫn, và tập trung vào sự phối hợp để kiểm tra sức chịu tải ở cấp lưu vực sông.

Do kết quả thảo luận với TCMT và các sở TN&MT mục tiêu thông qua các cuộc họp TF, quy trình tiến hành phối hợp đã được đề xuất như mô tả sau đây và được hiển thị trong

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 4-8.

Các bước để phối hợp đồng thuận cho đánh giá sức chịu tải ở cấp lưu vực sông được thực hiện theo 4 bước:

- Giai đoạn chuẩn bị (Bước 1),
- Giai đoạn hình thành hiểu biết chung (Bước 2 và 3)
- Giai đoạn xác định và phân bổ (Bước 4 và 5),
- Giai đoạn hậu xác định và phân bổ



Bước 1 là giai đoạn chuẩn bị để xác định lưu vực sông mục tiêu và các UBND cho kiểm soát TLON và huy động các nguồn lực để thành lập các cơ quan ra quyết định và ban thư ký.

Bước 2 và 3 bao gồm giai đoạn xây dựng hiểu biết chung. Hiểu biết chung có nghĩa là sự hiểu biết chung giữa các bên liên quan đến việc ra quyết định RC, chủ yếu được thực hiện bởi các UBND. Giai đoạn này bao gồm các hoạt động thu thập dữ liệu và thông tin cần thiết, trình bày chúng một cách có tổ chức để đạt được sự hiểu biết đúng đắn về các tình huống liên quan đến điều kiện môi trường nước và vấn đề trong lưu vực sông và đạt được sự đồng thuận về (các) vấn đề QLMTNLVS. Các hoạt động liên quan đến phân tích và sử dụng mô hình mô phỏng chuẩn bị cho hướng dẫn kỹ thuật về tình huống QLMTNLVS.

Bước 4 và 5 bao gồm giai đoạn xác định và phân bổ. Bước 4 là một phần không thể thiếu để hình thành các lựa chọn thay thế cho việc ra quyết định tập thể hoặc đồng thuận về các RC tình được xác định và thống nhất bởi các UBND trong Bước 5.

Bước này bao gồm các hoạt động trong hướng dẫn kỹ thuật để mô phỏng các điều kiện chất lượng nước tại năm mục tiêu với việc áp dụng các biện pháp can thiệp bổ sung. Xây dựng các kịch bản can thiệp và mô phỏng tương ứng để cung cấp các tài liệu tham khảo hợp lý để thiết lập các chất lượng nước mục tiêu phù hợp và để xác định và phân bổ các RC liên kết tình với chất lượng nước được thông qua theo hướng dẫn kỹ thuật.

Bước 6 khi giai đoạn xác định và phân bổ Bài đăng bao gồm các hành động của UBND về việc tích hợp các kịch bản được thông qua để đạt được các RC tương ứng vào kế hoạch phát triển và triển khai, giám sát và đánh giá (M&E) cho các hoạt động lập và thực hiện kế hoạch.

<b><u>Giai đoạn chuẩn bị</u></b>	<b>Bước 1:</b> Lựa chọn lưu vực sông theo WDQA và thành lập cơ quan điều phối	TG: Chuẩn bị
<b><u>Giai đoạn hình thành hiểu biết chung</u></b>	<b>Bước 2:</b> Chia sẻ nhận thức về điều kiện môi trường hiện tại và mong muốn	TG: Mong muốn mô phỏng hiện tại
	<b>Bước 3:</b> Chia sẻ ý tưởng về các vấn đề QLMTNLVS	TG: Kế hoạch quan trắc cơ bản
<b><u>Giai đoạn xác định và phân bổ</u></b>	<b>Bước 4:</b> Rà soát đánh giá về trách nhiệm can thiệp và xây dựng thay thế WDQ	TG: Mô phỏng tương lai
	<b>Bước 5:</b> Đồng ý tổng WDQ và mức WDQ mỗi tỉnh có thể can thiệp vào kịch bản	TG (tham khảo): Áp dụng tiêu chuẩn chất lượng nước
<b><u>Giai đoạn hậu xác định và phân bổ</u></b>	<b>Bước 6:</b> Phản ánh vào kế hoạch phát triển của UBND tỉnh/TP. và thực hiện	

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

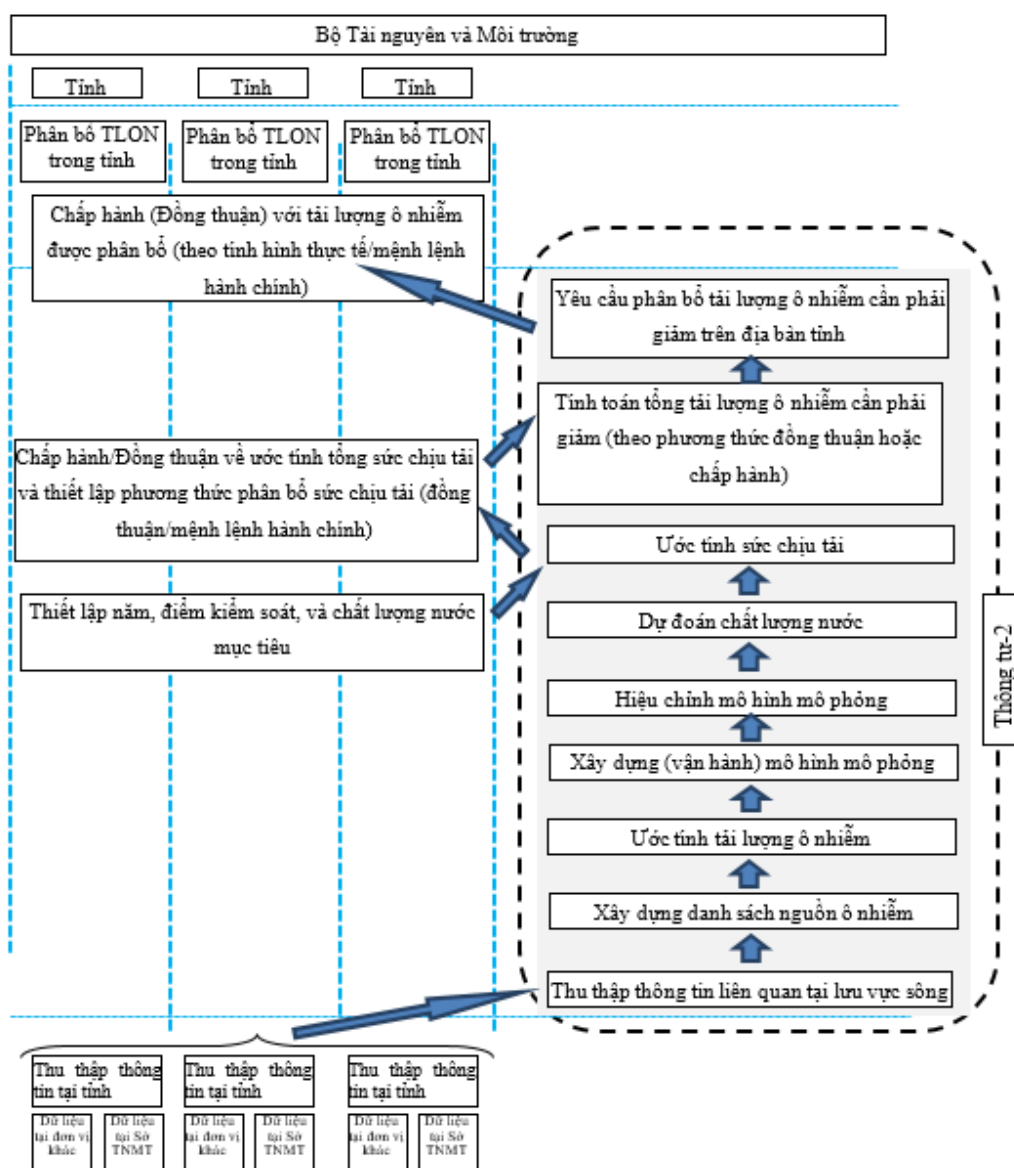
**Hình 4-8 Các bước phối hợp để đạt được sự đồng thuận về đánh giá năng lực ở cấp lưu vực sông**

#### 4.5 Hoạt động 1-5: Xây dựng dự thảo Thông tư về đánh giá sức chịu tải và xác định hạn ngạch xả thải (Thông tư-2)

##### 4.5.1 Khung nội dung Thông tư-2

Khung nội dung Thông tư-2 được xây dựng thông qua thảo luận giữa JET và đối tác Việt Nam. Cả hai bên sẽ xây dựng dự thảo thông tư và các tài liệu cần thiết dựa trên khung nội dung này. Tài liệu đính kèm trình bày sự cần thiết của mỗi điều trong dự thảo thông tư nhằm thuyết phục hội đồng chuyên gia và những cơ quan liên quan đưa ra các quyết định thống nhất.



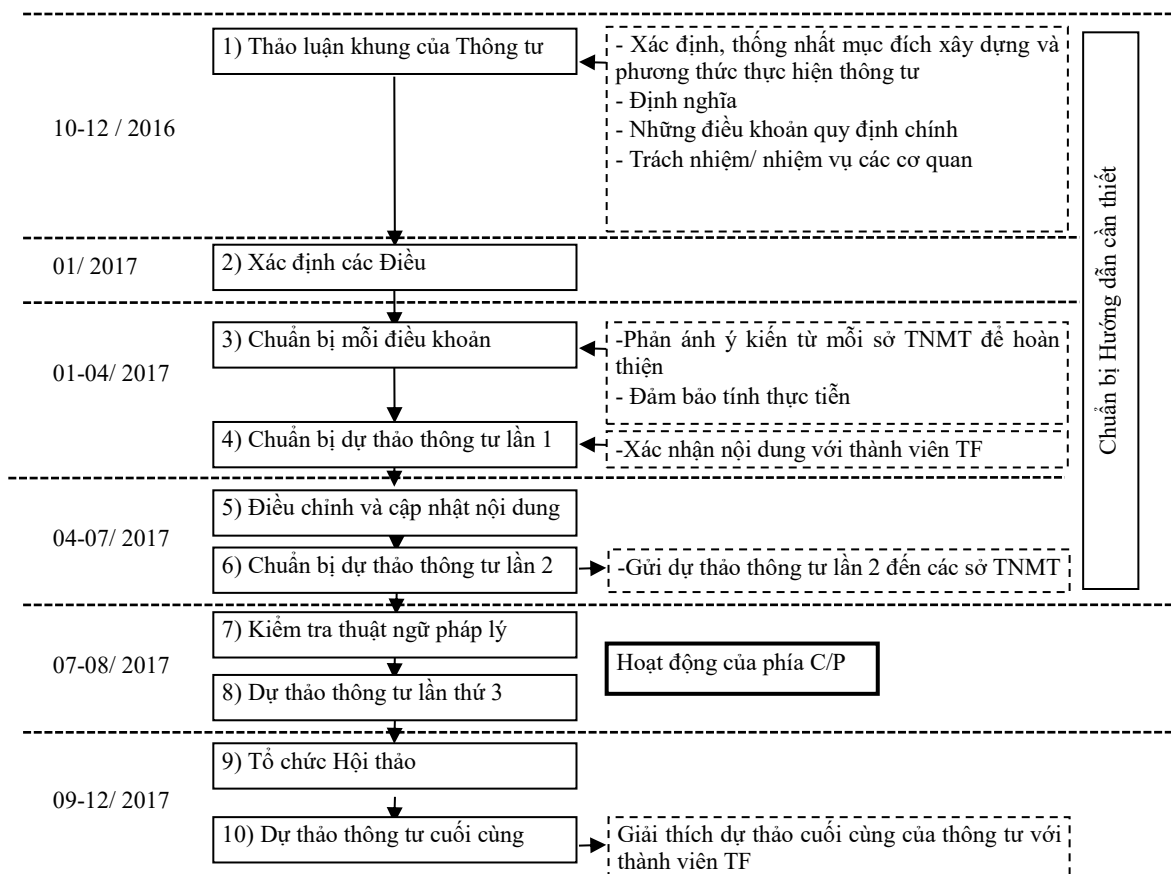


Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 4-9 Khung nội dung Thông tư-2**

#### 4.5.2 Kế hoạch xây dựng Thông tư

Kế hoạch xây dựng Thông tư được mô tả trong Hình 4-10. Thông tư 2 được xây dựng từ Tháng 10 năm 2016 tới Tháng 12 năm 2017, bốn cuộc họp kỹ thuật đã được tổ chức với nội dung cụ thể như sau



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 4-10 Kế hoạch xây dựng Thông tư-2**

#### 4.5.3 Nội dung thảo luận

Phía đối tác Việt Nam đề nghị tập trung nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật trong xây dựng Thông tư-2. Trong hội thảo kỹ thuật vào ngày 20/01/2017 và 10/03/2017, các chủ đề đã được thảo luận:

- (1) Các dữ liệu cần thiết và độ tin cậy: Phương thức đảm bảo độ tin cậy của kết quả mô phỏng. Rất khó để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của mô hình. Nếu quá trình kiểm định không được thực hiện phù hợp, không thể đảm bảo độ tin cậy của mô hình, v.v ...
- (2) Phân tích tải lượng ô nhiễm: Tiêu chí phân loại các nguồn ô nhiễm. Định nghĩa nguồn điểm và nguồn diện. Quy mô/lưu lượng nước thải nào cần được coi là nguồn thải mục tiêu, v.v...
- (3) Xây dựng mô hình chất lượng nước: Phương thức xây dựng mô hình mô phỏng, phân bổ sức chịu tải và đánh giá điều kiện tương lai. Những biến động và hạn chế của mô hình nên được ước tính chặt chẽ và phản ánh đến kết quả thông qua hệ số an toàn.

Sau khi xem xét các điểm thảo luận ở trên, đối tác và JET đã tổ chức cuộc họp kỹ thuật vào ngày 27 & 29 tháng 6 năm 2017 để hoàn thiện một nội dung và chức năng được quy định trên Thông tư-2, sau đó đối tác và JET xác nhận là “dự thảo cuối cùng của Thông tư-2”. (Phụ lục-10).

Song song với việc thảo luận về nội dung của Thông tư-2, JET và đối tác đã thảo luận để thúc đẩy quá trình thể chế hóa như liệt kê vào danh sách văn bản pháp luật của Bộ TN&MT. JET và đối tác nhận thấy rằng Cục QLTNN cũng đang chuẩn bị một Thông tư liên quan đến đánh giá sức chịu tải mặc dù cách tiếp cận chi tiết về đánh giá khả năng tải khác với cách tiếp cận của Dự án. Thông tư của Cục QLTNN áp dụng phương pháp tính toán sức chịu tải tương tự với đề xuất của Dự án, nhưng mục đích đánh giá sức chịu tải

là nhằm cấp phép xả nước thải chứ không phải quản lý theo lưu vực sông. JET, cơ quan đối tác và Cục QLTNN đã tổ chức một số cuộc họp tương ứng với vấn đề này. Từ kết quả thảo luận giữa JET, đối tác và Cục QLTNN, dự thảo Thông tư về đánh giá sức chịu tải do Cục QLTNN và Dự án cùng xây dựng đã được tích hợp vào một Thông tư theo chính sách của Bộ TN&MT để tránh trùng lặp thông tư tương tự trong cùng một thời điểm. Cuối cùng, Thông tư được ban hành là Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT về Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ như trong Phụ lục-9 của báo cáo này.

#### 4.5.4 Xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật

Hướng dẫn kỹ thuật đã được chuẩn bị và phát triển để phản ánh kết quả của các DATĐ tại lưu vực sông Cầu / Đồng Nai và nhận xét chuyên môn từ các chuyên gia Việt Nam. Các ý kiến góp ý của các Sở TN&MT về quan điểm, cách tính toán thực tế và độ tin cậy của từng dữ liệu tại các cuộc họp riêng lẻ và họp nhóm công tác liên tỉnh, hội thảo đã được phản ánh vào Hướng dẫn kỹ thuật.

(1) Thảo luận và tham vấn nội dung của Hướng dẫn kỹ thuật

Bên cạnh các hoạt động trao đổi với từng Sở TNMT thông qua các cuộc họp như các cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh, hội thảo, nội dung của Hướng dẫn kỹ thuật đã được tham khảo ý kiến các chuyên gia trong nước từ các đơn vị khác nhau của Bộ TN&MT và một số Bộ khác. Một cuộc họp tổng kết nhằm hoàn thiện nội dung Hướng dẫn kỹ thuật đã được tổ chức trong hai ngày, 15 - 16 tháng 9 năm 2017, tại tỉnh Vĩnh Phúc. Chương cuộc họp được tóm tắt tại Bảng 4-9 dưới đây. Tổng số người tham gia là 23.

**Bảng 4-9 Chương trình cuộc họp kỹ thuật tại tỉnh Vĩnh Phúc.**

Thời gian	Ngày 15 – 16 tháng 09 năm 2017 (Khách sạn Sông Hồng, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc)	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thảo luận và hoàn thiện nội dung Hướng dẫn kỹ thuật về Tính toán Sức chịu tải và Hạn ngạch xả thải (hướng dẫn) với các chuyên gia trong nước,</li><li>- Đảm bảo nội dung Hướng dẫn là một đầu vào quan trọng khi hoàn thiện dự thảo Thông tư 2, và</li><li>- Thảo luận, đề xuất phương thức sử dụng Hướng dẫn, hướng tới phân tích tải lượng ô nhiễm và tính toán sức chịu tải hiệu quả trong tương lai.</li></ul>	
Chương trình		
Thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
Ngày thứ nhất		
12h00 - 13h00	Ăn trưa	
13h00 - 13h10	Bắt đầu cuộc họp: Khai mạc, giới thiệu các thành viên dự họp	TCMT/JET
13h10 - 13h30	Phân giới thiệu: <ul style="list-style-type: none"><li>- Giới thiệu về Dự án và mục tiêu “tính toán sức chịu tải và hạn ngạch xả thải”;</li><li>- Phương thức thảo luận;</li><li>- Đề xuất các chủ đề quan trọng sẽ được thảo luận, giải thích sơ bộ sau khi tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia.</li></ul>	JET
13h30 - 14h30	Trình bày của mỗi chuyên gia (tối đa 10 phút/chuyên gia), bao gồm các nội dung: <ul style="list-style-type: none"><li>- Quan điểm về quản lý môi trường nước LVS tại Việt Nam (hiện trạng, khó khăn và thách thức)</li><li>- Những điểm cần thiết cần thực hiện trong tương lai</li><li>- Ý kiến nhận xét về bản thảo thông tư và hướng dẫn kỹ thuật (ý kiến xây dựng và phương thức điều chỉnh, thay thế)</li></ul>	06 chuyên gia
14h30 - 14h45	Nghỉ giải lao	Toàn thể đại biểu
14h45 - 17h15	Thảo luận đối với những nội dung quan trọng (có thể xem xét sắp xếp thảo luận theo nhóm. 15:15 – 16:30 Thảo luận nhóm; 16:30 – 17:15 Đại diện nhóm trình bày)	Toàn thể đại biểu
17h15 - 18h00	Tổng kết phân thảo luận	TCMT/JET
18h00 - 19h30	Ăn tối	Toàn thể đại biểu
Ngày thứ 2		
8h00 - 8h30	Xác nhận chương trình làm việc của ngày thứ hai (chương trình, các vấn đề cần thảo luận, ...)	TCMT/JET
8h30 - 10h30	Thảo luận chi tiết các ý kiến và góc tiếp cận nhằm hoàn thiện Bước -1 tới Bước-3 của Hướng dẫn	Toàn thể đại biểu

Thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
10h30 - 10h45	Nghỉ giải lao	Toàn thể đại biểu
10h45 - 12h00	Thảo luận chi tiết các ý kiến và góc tiếp cận nhằm hoàn thiện Bước -4 tới Bước-5 của Hướng dẫn	Toàn thể đại biểu
12h00 - 13h30	Ăn trưa	
13h30 - 14h00	Tổng kết phần thảo luận	Toàn thể đại biểu
14h00 h 15h00	Tổng kết cuộc họp	TCMT/JET

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(2) Hoàn thiện nội dung Hướng dẫn kỹ thuật

Hướng dẫn kỹ thuật đã được trình tại cuộc họp Ban QLDA mở rộng tổ chức vào ngày 22 tháng 12 năm 2017. Tại cuộc họp, Trưởng Ban chỉ đạo dự án đã ghi nhận nội dung của Hướng dẫn kỹ thuật sẽ hỗ trợ việc thực hiện Thông tư số 76 và đề xuất ban hành bởi "Quyết định của TCMT". Nhóm chuyên gia JICA và phía đối tác đã đồng ý với đề xuất này.

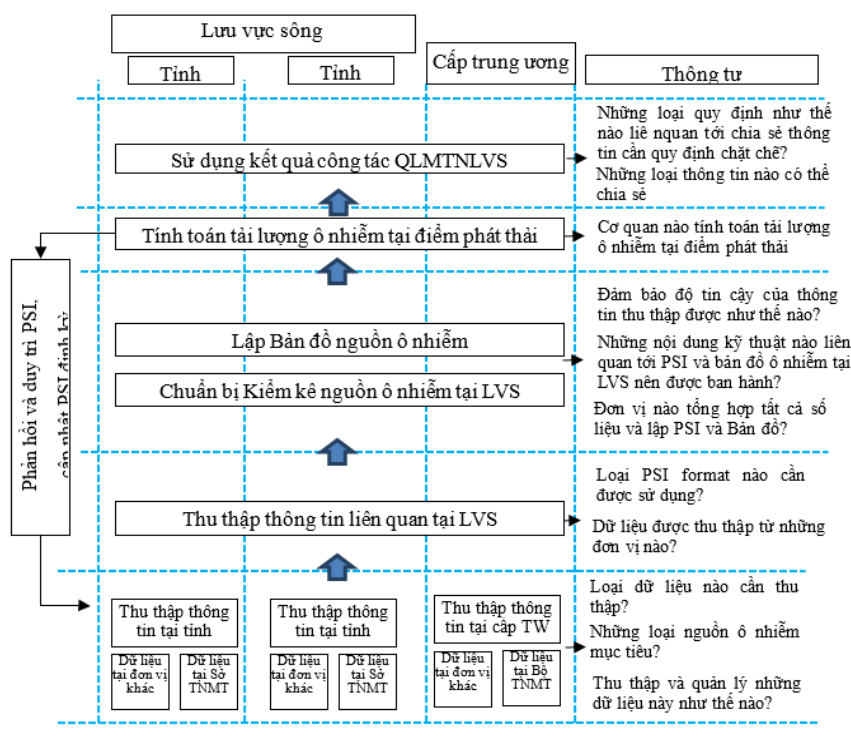
(3) Thể chế hóa Hướng dẫn kỹ thuật

Nhóm chuyên gia JICA và Ban QLDA đã cập nhật các nội dung Hướng dẫn kỹ thuật theo định dạng của Quyết định bởi TCMT và hoàn thành vào tháng 9 năm 2018. Phía đối tác đã thực hiện các thủ tục cần thiết để thể chế hóa Hướng dẫn kỹ thuật dưới dạng quyết định của TCMT. Quyết định số 154/QĐ-TCMT ngày 15/02/2019 đã được ban hành.

#### 4.6 Hoạt động 1-6: Xây dựng dự thảo Thông tư-3 về nguồn ô nhiễm nước thải chính, phục vụ QLMTNLVS (Thông tư-3)

##### 4.6.1 Khung nội dung Thông tư-3

JET và đối tác chuẩn bị dự thảo Thông tư-3 trong năm 2017. Khung nội dung thông tư-3 đã được thảo luận giữa JET và đối tác. Dựa trên khung thông tư này, JET và phía đối tác đã xây dựng dự thảo thông tư và Sở tay kỹ thuật dựa trên quy trình xây dựng Kiểm kê nguồn xả nước thải. Các tài liệu này mô tả sự cần thiết của mỗi điều trong dự thảo thông tư lần thứ nhất để giải thích với các chuyên gia và cơ quan liên quan để đi tới đồng thuận. Thông qua nhiều cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh và các cuộc họp hội thảo khác, dự thảo thông tư đã được thảo luận sôi nổi giữa TCMT, Sở TN&MT, chuyên gia trong nước và JET



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 4-11 Khung nội dung Thông tư-3

#### 4.6.2 Nội dung thảo luận

##### (1) Loại và quy mô nguồn ô nhiễm mục tiêu

Loại và quy mô nguồn ô nhiễm mục tiêu của Thông tư - 3 là nguồn điểm do Bộ TN&MT/Sở TNMT quản lý. Ngoài ra, các cơ sở xử lý nước thải thu nhận và xử lý nước thải từ các nguồn ô nhiễm dạng diện nói chung, như: cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi, và làng nghề.

Đưa ra giới hạn quy mô nước thải thấp khi lựa chọn nguồn ô nhiễm mục tiêu cho xây dựng WDSI đã được thảo luận kỹ lưỡng.

Theo kết quả thảo luận, hoạt động khảo sát nhằm xây dựng WDSI đã được thực hiện tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn, trong khuôn khổ các DATĐ. Ví dụ về phân nhóm cơ sở mục tiêu cho khảo sát này được mô tả trong Bảng 4-10.

Bảng 4-10 Minh họa phương thức phân nhóm các cơ sở mục tiêu nhằm xây dựng WDSI

Nhóm	A. Ưu tiên cao nhất (Khảo sát bằng hỏi&Phân tích mẫu nước) Lưu vực sông Cầu: 100 cơ sở	B. Ưu tiên cao hơn (Bảng hỏi khảo sát) Sông Cầu: 100 cơ sở	C. Khác (Không khảo sát WDSI trong dự án)
1. Nhà máy (bao gồm cơ sở xử lý nước thải khu công nghiệp, cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt)	a) Quy mô lớn (ví dụ có lưu lượng nước thải $\geq 100\text{m}^3/\text{ngày}$ ) của các nhà máy thuộc những ngành sau: - Sản xuất kim loại cơ bản - Mạ kim loại - Chế tạo máy và thiết bị - Sản xuất đồ uống và chế biến thực phẩm - Sản xuất giấy và bột giấy - Dệt may - Thuộc da - Cơ sở xử lý nước thải tập trung;	Quy mô vừa (ví dụ có lưu lượng nước thải $100 \geq 10\text{m}^3/\text{ngày}$ ) của nhà máy với loại tương tự như cột bên trái; Các cơ sở quy mô lớn (ví dụ lưu lượng nước thải $\geq 100\text{m}^3/\text{ngày}$ ) nhưng không được thuộc các nhóm ngành được nêu tại cột bên trái.	Nhà máy khác
2. Khai khoáng	Khu vực khai khoáng dọc sông Cầu	Khu vực khai khoáng dọc theo các nhánh sông Cầu	Các khu vực khai khoáng khác

Nhóm	A. Ưu tiên cao nhất (Khảo sát bằng hời&Phân tích mẫu nước) Lưu vực sông Cầu: 100 cơ sở	B. Ưu tiên cao hơn (Bảng hỏi khảo sát) Sông Cầu: 100 cơ sở	C. Khác (Không khảo sát WDSI trong dự án)
3. Làng nghề	Làng nghề dọc sông Cầu	Làng nghề dọc theo các nhánh sông Cầu	Làng nghề khác
4. Cơ sở chăn nuôi	Cơ sở mục tiêu theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/2013/QĐ-TTg, và các văn bản liên quan do chính quyền địa phương ban hành.	Trang trại chăn nuôi gần sông Cầu	Cơ sở chăn nuôi khác
5. Cơ sở y tế	Cơ sở mục tiêu theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/2013/QĐ-TTg, và các văn bản liên quan do chính quyền địa phương ban hành.	Bệnh viện dọc theo các nhánh sông Cầu	Cơ sở y tế khác
6. Bãi chôn lấp chất thải rắn	Cơ sở mục tiêu theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/2013/QĐ-TTg, và các văn bản liên quan do chính quyền địa phương ban hành.	Bãi chất thải rắn dọc theo các nhánh sông Cầu	Các bãi chất thải rắn khác

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Cuối cùng, Cục QLCT&CTMT quyết định nội bộ như là tổ chức có trách nhiệm và đưa ra các tiêu chí sau cho dự thảo Thông tư. Kiểm kê nguồn nước thải phải được tiến hành ở 4 cấp độ:

- Cấp 1: Nguồn nước thải bằng hoặc hơn 200 m<sup>3</sup> / ngày.
- Cấp 2: Nguồn nước thải bằng hoặc hơn 50 m<sup>3</sup> / ngày.
- Cấp 3: Nguồn nước thải bằng hoặc hơn 20 m<sup>3</sup> / ngày.
- Cấp 4: Nguồn nước thải từ các cơ sở phải có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của Luật tài nguyên nước.

Ngoài ra, danh sách các loại cơ sở theo kiểm kê nguồn nước thải được đính kèm trong Phụ lục 1 của dự thảo thông tư.

**Bảng 4-11 Danh sách các loại cơ sở (Phụ lục 1 của Thông tư 3)**

1) Cơ sở xử lý nước thải đô thị	8) Cơ sở chế biến cao su thiên nhiên
2) Cơ sở xử lý nước thải trong khu công nghiệp	9) Cơ sở luyện thép
3) Kho hoặc cửa hàng xăng dầu	10) Khu vực khai khoáng
4) Cơ sở dệt may	11) Làng nghề
5) Cơ sở sản xuất giấy và bột giấy	12) Trang trại chăn nuôi
6) Cơ sở sản xuất cồn nhiên liệu	13) Cơ sở y tế
7) Cơ sở chế biến thủy sản	14) Bãi chôn lấp chất thải rắn

Nguồn: Dự thảo thông tư cuối cùng, được chia sẻ tại cuộc họp JCC lần thứ 5 ngày 10 tháng 5 năm 2018

## (2) Các thông số mục tiêu

Thông số mục tiêu trong WDSI đã được tiếp tục được thảo luận. Đề xuất lựa chọn thông số mục tiêu như sau:

- Thông số chất lượng nước cơ bản (pH, EC, v.v...)
- Chỉ số ô nhiễm hữu cơ (BOD và COD)
- Hợp chất ni-tơ và phốt-pho có giá trị nồng độ được quy định tại TCVN/QCVN
- Kim loại nặng có giá trị nồng độ quy định tại TCVN/QCVN

Cuối cùng, Cục QLCT&CTMT quyết định nội bộ như là tổ chức có trách nhiệm và đưa ra bảng sau về dự thảo Thông tư;

**Bảng 4-12 Danh sách các thông số mục tiêu trong WDSI (Phụ lục 1 của Dự thảo Thông tư)**

STT	Thông số	Đơn vị	STT	Thông số	Đơn vị
1	Nhiệt độ	°C	23	Sulfate (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l
2	Màu	Pt/Co	24	Florine	mg/l
3	pH		25	Ammonium (tính theo N)	mg/l
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	26	Nitrate (tnhs theo N)	mg/l

STT	Thông số	Đơn vị	STT	Thông số	Đơn vị
5	COD	mg/l	27	Tổng nitrogen	mg/l
6	TSS	mg/l	28	Phosphate (tính theo P)	
7	TDS	mg/l	29	Tổng phosphorous (tính theo P)	mg/l
8	Asen	mg/l	30	Clo	mg/l
9	Thủy ngân	mg/l	31	Clo dư	mg/l
10	Chì	mg/l	32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l
11	Cadimi	mg/l	33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật lân clo hữu cơ	mg/l
12	Cr(VI)	mg/l	34	Total PCB	mg/l
13	Cr(III)	mg/l	35	Coliform	MPN or CFU/100ml
14	Đồng	mg/l	36	Salmonella	Microorganisms/100ml
15	Kẽm	mg/l	37	Shigella	Microorganisms /100ml
16	Ni ken	mg/l	38	Vibrio cholera	Microorganisms /100ml
17	Mangan	mg/l	39	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l
18	Sắt	mg/l	40	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l
19	Tổng cyanide	mg/l	41	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l
20	Tổng phenol	mg/l	42	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/l
21	Tổng dầu mỡ	mg/l	43	Dioxin	pgTEQ/l
22	Dầu mỡ động thực vật	mg/l			

Nguồn: Dự thảo thông tư cuối cùng, được chia sẻ tại cuộc họp JCC lần thứ 5 ngày 10 tháng 5 năm 2018

#### 4.6.3 Xây dựng Sổ tay kỹ thuật về kiểm kê nguồn nước thải phục vụ quản lý lưu vực sông

(1) Bối cảnh và sử dụng sách hướng dẫn

Sổ tay kỹ thuật về xây dựng WDSI cho quản lý lưu vực sông đã được chuẩn bị thông qua các khóa đào tạo. Một số khóa đào tạo cơ bản và đào tạo nâng cao để xây dựng WDSI đã được tổ chức sử dụng kết quả các DATĐ. Có nhiều ý kiến / phản hồi quan trọng từ sở TN&MT và TCMT. Do đó, Hướng dẫn đã được cập nhật phản ánh những ý kiến / phản hồi này bao gồm cả sự phát triển bền vững của WDSI. Phiên bản cuối cùng của hướng dẫn được đính kèm dưới dạng phụ lục 10 trong báo cáo.

(2) Nội dung Sổ tay kỹ thuật

Sổ tay xây dựng WDSI cho quản lý lưu vực sông bao gồm 3 phần như sau:

Phần A: Mục tiêu và các thành phần của sổ tay

Phần B: Định nghĩa và chức năng của WDSI lưu vực sông

Phần C: Xây dựng WDSI lưu vực sông

Phần A và Phần B chủ yếu được sử dụng cho các khóa tập huấn cơ bản BTC 1-2. Nội dung và kết quả tập huấn được mô tả trong mục 5.2 của báo cáo. Ngoài ra, phần C đã được sử dụng cho khóa tập huấn nâng cao ATC 1-3 như được mô tả trong mục 4.3 của báo cáo. Phần C có hộp giới thiệu ví dụ về khảo sát WDSI ở lưu vực sông Cầu và Đồng Nai. Sau đây là một số kinh nghiệm thu được thông qua thực hiện các DATĐ.

- i) Thu thập thông tin
  - ☐ Qua khảo sát, có các cơ sở không hợp tác. Để thực hiện khảo sát suôn sẻ, yêu cầu cần có cơ sở pháp lý về khảo sát kiểm kê được làm rõ đối với các cơ sở mục tiêu.
  - ☐ Hầu hết các cơ sở mục tiêu nhất không cung cấp dữ liệu quan trắc chất lượng nước thải. Ngoài ra, các làng nghề không có thông tin về lượng nước sử dụng. Để thu thập thông tin cần thiết, cả hai biện pháp trực tiếp và gián tiếp nên được áp dụng cùng một lúc, chẳng hạn như sử dụng các báo cáo hiện có và thu thập thông tin gián tiếp.
  - ☐ Có khái niệm / định nghĩa khác nhau về nguồn xả nước thải. Do đó, cần phải có khái niệm chung. Ví dụ được giới thiệu trong Hướng dẫn.
  - ☐ Thiếu thông tin về lưu lượng nước thải và các chất thải.
  - ☐ Một số cơ sở từ chối cung cấp thông tin nguồn ô nhiễm vì họ cho rằng dữ liệu là thông tin nhạy cảm cho hoạt động.
- ii) Phân tích mẫu
  - ☐ Thiếu thông tin vị trí cửa xả. Một số cơ sở xả vài cửa xả. Do đó, cần phải có kiểm kê nguồn nước thải và cần tích lũy dữ liệu.

#### 4.6.4 Hỗ trợ thực hiện Quyết định số 140 bao gồm xây dựng kế hoạch thực hiện

Thủ tướng Việt Nam đã phê duyệt dự án "Khảo sát, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải" theo quyết định số 140/2018/QĐ-Ttg. Dự án này đang được thực hiện trong 3 năm (2018 - 2021) với mục tiêu điều tra, đánh giá và phân loại các nguồn thải từ các cơ sở sản xuất và dịch vụ phát sinh chất thải trên toàn quốc; Trên cơ sở đó, xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn thải, phải đồng bộ, thống nhất và tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về môi trường, đáp ứng các yêu cầu cung cấp và chia sẻ thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và hiệu quả phục vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Dự án này không chỉ thực hiện với nước thải, mà còn cho khí thải và chất thải. Đối tác và JET đã sử dụng thuật ngữ "kiểm kê nguồn thải" cho sản phẩm của dự án này và kiểm kê nguồn nước thải đã được xây dựng trong các DATĐ.

Cục QLCT&CTMT là cơ quan có trách nhiệm thực hiện dự án này nhưng TCMT đã được cơ cấu lại vào tháng 5 năm 2018. Sau đó, Tổng văn phòng TCMT đã nhận trách nhiệm thực hiện dự án này. JET đã có một vài cuộc thảo luận với nhóm này nhóm đang chuẩn bị một kế hoạch thực hiện dự án này. Trong tháng 1 năm 2019, kế hoạch thực hiện Quyết định này có liệt kê các bảng hỏi liên quan tới Sổ tay kỹ thuật WDSI do Dự án xây dựng. Bộ trưởng Bộ TN&MT Tiến sĩ Trần Hồng Hà yêu cầu TCMT tích hợp hệ thống kiểm kê này vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường Bộ TN&MT và sử dụng bảng câu hỏi trực tuyến để thu thập dữ liệu. Do đó, văn phòng TCMT đang nỗ lực cập nhật kế hoạch thực hiện này dựa trên chỉ đạo của Bộ trưởng.

#### 4.7 Hoạt động 1-7: Xây dựng Dự thảo thông tư quy định cơ chế chia sẻ và công bố thông tin, phục vụ QLMTNLVS liên tỉnh (Thông tư-4)

##### 4.7.1 Khung nội dung Thông tư-4

Khung nội dung thông tư-4 được thảo luận giữa JET và đối tác. JET và đối tác đã đồng ý xây dựng thông tư trong giai đoạn đầu của dự án và xây dựng hướng dẫn như là sản phẩm kết quả cuối cùng.

(1) Mục tiêu và nội dung hướng dẫn

i) Mục tiêu

Dự án đang chuẩn bị các thông tư tên là Thông tư về quy định đánh giá sức chịu tải sông và tính toán phân bổ tải lượng ô nhiễm nước thải (Thông tư-2), và Thông tư về WDSI (Thông tư-3). Mục đích của hướng dẫn nhằm cung cấp nguyên tắc cơ bản về chia sẻ dữ liệu và thông tin cho hai thông tư nêu trên, tính sức chịu tải và hạn ngạch xả thải, và xây dựng kiểm kê nguồn nước thải là hành động quan trọng đối với quản lý lưu vực sông.

ii) Nội dung

Nội dung chính của hướng dẫn bao gồm:

- a) Xác định dữ liệu và thông tin cần thiết được thu thập để tiến hành các hoạt động liên quan đến quản lý lưu vực sông,



- b) Cung cấp hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến quá trình thu thập dữ liệu và thông tin, chẳng hạn như các nguồn thông tin và định dạng thu thập dữ liệu dự kiến,
- c) Xác định các mục cần lưu ý để chia sẻ dữ liệu và thông tin và các kết quả liên quan đến quản lý lưu vực sông đã đề cập ở trên và
- d) Xác định trách nhiệm của các tổ chức có liên quan đối với việc thu thập và chia sẻ dữ liệu và thông tin liên quan đến các hoạt động nêu trên.

(2) Đối tượng sử dụng của Hướng dẫn

Dự kiến đối tượng sử dụng Hướng dẫn được nêu sau đây

i) Tổ chức quản lý lưu vực sông (RBO) và Bộ TN&MT/Tổng cục môi trường (Bộ TN&MT/TCMT)

Hướng dẫn sẽ hỗ trợ UBLVS và TCMT:

- Hiểu yêu cầu dữ liệu và thông tin sẽ được thu thập cho các hoạt động liên quan đến quản lý lưu vực sông,
- Kiểm tra quá trình thu thập thông tin và dữ liệu,
- Biết được các hạng mục cần lưu ý khi chia sẻ thông tin và dữ liệu
- Làm rõ trách nhiệm các cơ quan liên quan về thu thập thông tin và dữ liệu và chia sẻ các hoạt động liên quan đã đề cập ở trên.

ii) Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT)

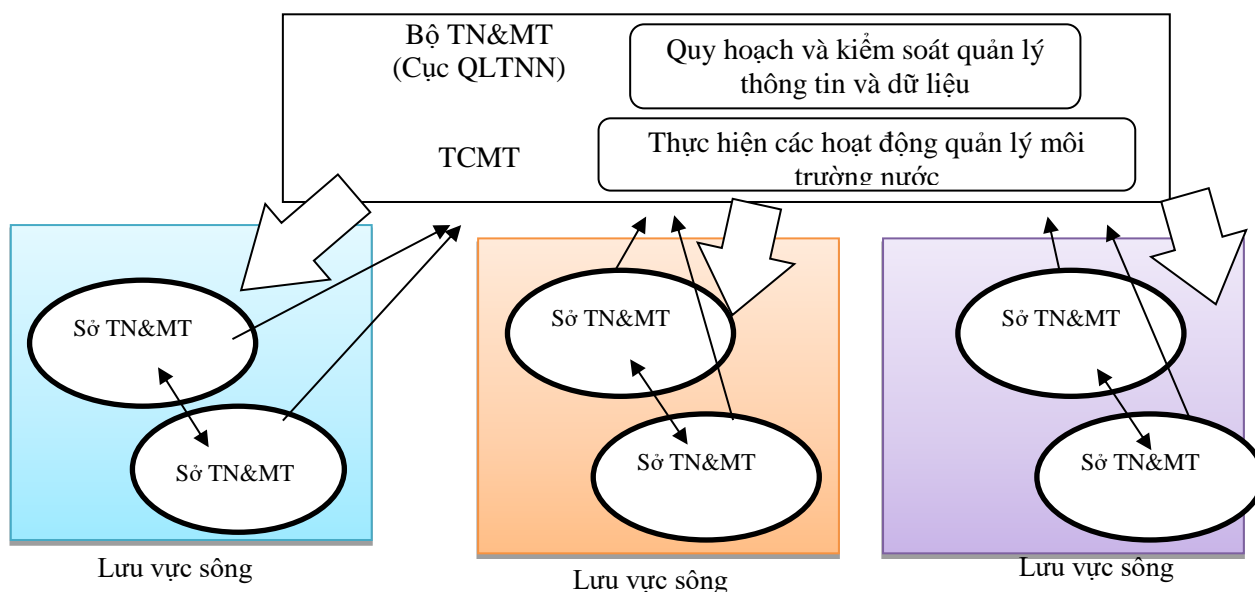
Hướng dẫn sẽ giúp sở TN&MT:

- Hiểu yêu cầu dữ liệu và thông tin sẽ được thu thập cho các hoạt động liên quan đến quản lý lưu vực sông
- Kiểm tra quá trình chia sẻ thông tin và dữ liệu
- Biết được các hạng mục cần lưu ý khi chia sẻ thông tin và dữ liệu

iii) Ý tưởng cơ bản chia sẻ thông tin và dữ liệu

Ý tưởng cơ bản về chia sẻ thông tin được thể hiện trong Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 4-12. Thông tin cần thiết cho việc quản lý lưu vực sông có thể được thu thập đến Bộ TN&MT/TCMT và/hoặc RBO từ mỗi Sở TN&MT một cách riêng biệt.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 4-12 Chia sẻ thông tin và dữ liệu môi trường lưu vực sông**

#### **4.7.2 Kết quả thảo luận với các cơ quan đặc biệt với Trung tâm thông tin và dữ liệu môi trường**

JET và phía Việt Nam đã có nhiều cuộc thảo luận về xây dựng hướng dẫn. Đặc biệt, CEID, Trung tâm thông tin và dữ liệu môi trường, là một trong những cơ quan quan trọng có liên quan đến hướng dẫn. CEID yêu cầu JET đưa vào nội dung của Thông tư số: 19/2016/TT-BTNMT về Báo cáo bảo vệ môi trường. Thông qua nhiều lần cập nhật hướng dẫn, JET phản ánh các phần liên quan của Thông tư số: 19/2016/TT-BTNMT, hướng dẫn chỉ nhằm hỗ trợ đánh giá sức chịu tải và WDSI cho RBM. Cán bộ CEID xác nhận phản ánh đủ theo Hướng dẫn.

### **4.8 Hoạt động 1-8: Xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn về thủ tục để yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường (Thông tư-5)**

#### **4.8.1 Nguyên tắc xây dựng Thông tư**

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 khẳng định cơ sở pháp lý để yêu cầu bồi thường, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do các hành vi gây ô nhiễm và suy thoái môi trường tại khoản 8 điều 4. Bên cạnh những thành tựu tích cực, có một số hạn chế, thiếu sót trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại do pháp luật hiện hành về bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực này chỉ cung cấp các nguyên tắc chung khó áp dụng trong thực tế. Về bồi thường thiệt hại cho môi trường tự nhiên, chỉ có một văn bản pháp lý là Nghị định số 03/2015/NĐ-CP; tuy nhiên, nghị định này chưa được nêu chi tiết dẫn đến thực tế thiệt hại môi trường tự nhiên xảy ra ở hầu hết các tỉnh, thành phố của đất nước nhưng chỉ chịu các biện pháp xử phạt hành chính ngoài bồi thường thiệt hại.

Để thực thi Nghị định này trong thực tế, Bộ TN&MT cần xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn. Thông tư về quy trình hướng dẫn thực hiện bồi thường thiệt hại môi trường và một là thông tư quy định về tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của cơ quan. Mặt khác, mọi cách thức thực hiện chi tiết đều không được hướng dẫn. Dựa trên tình hình này, các hoạt động xây dựng thông tư đã được thực hiện trong dự án.

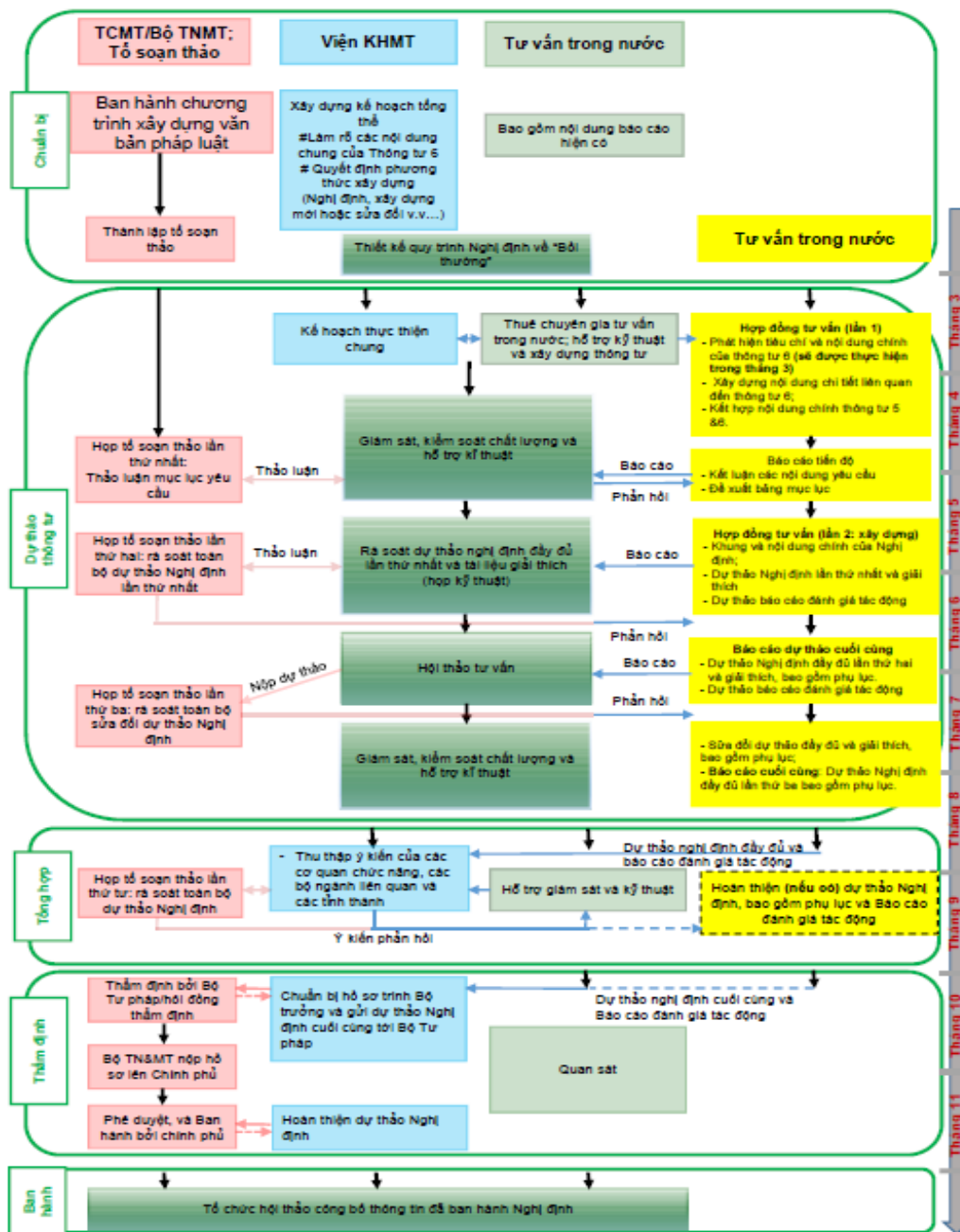
Nội dung Thông tư cần phù hợp và thống nhất với các văn bản pháp luật khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các tài liệu pháp luật liên quan. Bên cạnh đó, thông tư cần đưa ra hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường thiệt hại môi trường theo Nghị định 38/2015/NĐ-CP, và khắc phục những khó khăn, hạn chế gặp phải trong các vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường trong những năm gần đây.

Các Thông tư cần đảm bảo tính thực tiễn khi bồi thường thiệt hại môi trường; đáp ứng yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính; và tạo điều kiện thuận lợi cho những tổ chức, cá nhân liên quan yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường.

#### **4.8.2 Kế hoạch xây dựng**

Kế hoạch dự kiến cho công tác xây dựng Thông tư-5 và Thông tư-6 được trình bày trong hình dưới đây.

Do sự trì hoãn trong sửa đổi Luật BVMT, quá trình thể chế Thông tư -5 và Thông tư -6 không thể hoàn thiện trong thời gian thực hiện Dự án. Tính tới Tháng 6 năm 2019, dự thảo Thông tư đã được biên tập dưới dạng một phần trong Nghị định sửa đổi. Quá trình đánh giá và phê duyệt tài liệu này sẽ do TCMT/Bộ TN&MT thực hiện trong giai đoạn hậu dự án.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 4-13 Quy trình xây dựng Nghị định (Tích hợp Thông tư -5 và -6)**

Quy trình xây dựng nghị định được thống nhất bởi cả hai phía. Việc tuân thủ quy trình này là rất quan trọng, bởi những lý do sau:

- 1) Ban QLDA nắm được những hoạt động cần thực hiện
- 2) Quản lý lịch hoạt động dễ dàng hơn.
- 3) Kết quả dự kiến của mỗi hoạt động sẽ được thảo luận và xác nhận.

Hiện nay, theo quy định của Chính phủ Việt Nam, nội dung Thông tư này cần được quy định dưới dạng Nghị định.

#### 4.8.3 Nội dung thảo luận

- 1) Cần phải ban hành Thông tư hoặc Nghị định hướng dẫn trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường. Hiện nay, các cơ quan quản lý cấp địa phương giải quyết vụ việc bồi thường thiệt hại môi trường theo kinh nghiệm do không có những quy định thống nhất về bồi thường thiệt hại môi trường.
- 2) Khi đối tượng gây thiệt hại môi trường không đồng ý với kết quả ước tính của cơ quan yêu cầu bồi thường, vụ việc sẽ có tính chất phức tạp hơn. Do vậy, những định chế đánh giá môi trường cấp quốc gia cần được thành lập.
- 3) Những vấn đề quan trọng cần tập trung giải quyết trong thời gian tới là: cơ sở vật chất, thiết bị, và nguồn nhân lực có kiến thức và kinh nghiệm trong thu thập dữ liệu, bằng chứng; Do đó, cần phải trang bị cơ sở thiết bị và máy móc hiện đại cũng như tăng cường năng lực cho đơn vị cung cấp dịch vụ.
- 4) Trong những ý kiến góp ý về dự thảo Thông tư, chúng tôi nhận thấy hầu hết ý kiến và góp ý tập trung vào nội dung chính của dự thảo Thông tư, nhiều đề xuất có tính khả thi và xuất phát từ kinh nghiệm thực tiễn. Nhìn chung, các đại biểu tham gia đồng ý với dự thảo Thông tư và xác nhận sự cần thiết của hoạt động xây dựng và ban hành Thông tư. Bên cạnh đó, một số đại biểu nêu ra những khó khăn trong quá trình thực hiện Thông tư; một số đại biểu đề xuất nhóm nghiên cứu cần tiếp tục rà soát, tìm hiểu và hoàn thiện dự thảo Thông tư; một số khác đánh giá nội dung dự thảo Thông tư không phù hợp với các quy định hiện hành. Những ý kiến này cần được cân nhắc bởi Tổ soạn thảo thông tư nhằm đảm bảo tính khả thi của Thông tư sau khi ban hành.

#### 4.9 Hoạt động 1-9: Xây dựng Dự thảo Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá do đặc thù thu thập dữ liệu chứng cứ, hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường (Thông tư-6)

##### 4.9.1 Nguyên tắc xây dựng Thông tư

Một trong những khó khăn là làm thế nào để tính toán thiệt hại chính xác và đầy đủ cũng như xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Các cơ quan quản lý nhà nước không được phép tính toán thiệt hại do các hoạt động gây ô nhiễm môi trường của họ do giới hạn năng lực; do đó, luật pháp trao quyền cho họ lựa chọn các tổ chức, tổ chức, cá nhân khác có thể giúp họ tính toán thiệt hại. Tuy nhiên, việc lựa chọn các tổ chức, tổ chức, cá nhân có khả năng thực hiện quan trắc dữ liệu phục vụ, thu thập bằng chứng và xác định thiệt hại không phải là một nhiệm vụ đơn giản. Những tiêu chí lựa chọn nào được áp dụng và cách lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ (quy trình và quy trình lựa chọn) phải được nghiên cứu kỹ, lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ phù hợp nhất để tính toán và xác định thiệt hại giữa các tổ chức đủ điều kiện và năng lực là một cách văn minh cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường để lựa chọn các tổ chức và / hoặc cá nhân có thể đáp ứng các yêu cầu kinh tế và kỹ thuật. Sự ra đời và tồn tại của đấu thầu nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, bình đẳng, minh bạch trong việc lựa chọn các nhà thầu phù hợp nhất và hiệu quả kinh tế trọn gói.

##### 4.9.2 Khó khăn và vấn đề thách thức

Thông qua các hoạt động của thông tư phát triển này, các vấn đề sau được chỉ ra các vấn đề thách thức.

###### (1) Giới hạn của cơ quan dịch vụ

Thông tin cơ bản của cơ quan dịch vụ (tư vấn, tổ chức và trường đại học, v.v...) được thu thập. Và chúng tôi thấy rằng có rất nhiều cơ quan dịch vụ. Mặt khác, quy mô chủ yếu là vừa và nhỏ và tư vấn chung còn hạn chế. Để xác định bất kỳ nguyên nhân vi phạm và số lượng tính toán, cơ quan dịch vụ cần thiết để có các chuyên gia và năng lực cao. Phía chính phủ cần có nhiều thông tin của cơ quan dịch vụ để thực hiện quá trình đấu thầu suôn sẻ.

###### (2) Quá trình đánh giá

Tại Việt Nam, hệ thống chứng chỉ đã được xây dựng nhưng quy trình chứng nhận và đánh giá này vẫn còn hạn chế. Ví dụ, công việc phân tích có thể được bao phủ bởi hệ thống này, nhưng các công việc khác (tính toán, đàm phán và xác định trường hợp vi phạm) không được bao gồm. Thông qua quá trình đấu thầu thử nghiệm nên được cải thiện ngày càng nhiều.)

(3) Dự toán chi phí

Ở Việt Nam, không có hướng dẫn cụ thể để đánh giá chi phí thực hiện. (Bao gồm chi phí đơn vị) nhằm thu thập bằng chứng bồi thường thiệt hại môi trường. Điều đó có nghĩa là rất khó để đánh giá một lượng của bất kỳ hoạt động tư vấn nào. Tốt hơn là chuẩn bị danh sách chi phí đơn vị cho chuyên gia nhằm đánh giá chi phí tư vấn cho thu thập bằng chứng bồi thường thiệt hại môi trường là phù hợp hay không.

#### 4.9.3 Dự thảo Thông tư cuối cùng

Hiện nay, theo quy định của Chính phủ Việt Nam, Thông tư chỉ hướng dẫn nội dung kỹ thuật, không quy định chính sách, nội dung của các Thông tư này cần được đưa vào Nghị định, theo định hướng này. Do đó, dự thảo cuối cùng thông tư về hướng dẫn quy trình, thủ tục đề nghị bồi thường thiệt hại môi trường, và tiêu chí lựa chọn, trách nhiệm của đơn vị thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường đã được kết hợp thành một phần của dự thảo Nghị định, sẽ được ban hành sau khi sửa đổi Luật BVMT.

#### 4.10 Hoạt động 1-10: Hướng dẫn và chia sẻ kết quả đạt được với các cơ quan liên quan thuộc Bộ TN&MT/TCMT và cơ quan địa phương/ Sở TN&MT tại lưu vực sông mục tiêu

Các kết quả được chuẩn bị dưới dạng văn bản luật pháp như thông tư, hướng dẫn, v.v... như trong Bảng 4-13. Các tài liệu này đã được giải thích và chia sẻ tới các cơ quan đối tác chính thông qua các hội thảo và cuộc họp TF.

**Bảng 4-13 Sản phẩm hoạt động kết quả-1**

STT	Tên sản phẩm	Văn bản pháp luật	Loại
1	Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của sông, hồ	Thông tư	Văn bản, 12 trang
2	Ban hành hướng dẫn kỹ thuật cho tính sức chịu tải của nguồn nước sông	Quyết định TCMT	Văn bản, 45 trang
3	Hướng dẫn xây dựng kiểm kê nguồn nước thải cho quản lý môi trường nước lưu vực sông	-	Văn bản, 69 trang
4	Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu cho tính sức chịu tải và kiểm kê nguồn xả nước thải	-	Văn bản, 8 trang
5	Hướng dẫn cơ chế điều phối trong quản lý tải lượng ô nhiễm	-	Văn bản, 6 trang
6	Báo cáo tổng kết	Dự thảo thông tư	Văn bản
		Dự thảo nghị định	Văn bản
7	Công việc rà soát về bồi thường môi trường		5 báo cáo

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## **5. Kết quả-2: Tăng cường năng lực thực thi công tác QLMTNLVS của Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TNMT mục tiêu qua thực hiện dự án thí điểm (DATĐ)**

Kết quả - 2 tập trung làm rõ những vấn đề kỹ thuật liên quan tới dự thảo cuối cùng các Thông tư và văn bản pháp lý liên quan, thông qua kinh nghiệm thực hiện các DATĐ, và cung cấp khóa tập huấn kỹ thuật về phân tích tải lượng ô nhiễm, đánh giá sức chịu tải phục vụ QLMTNLVS theo phương pháp kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm.

### **5.1 Hoạt động 2-1: Chuẩn bị kế hoạch tăng cường năng lực (CD) dựa trên nhu cầu nâng cao năng lực thực tế và kết quả đánh giá năng lực (CA)**

Để thực hiện phát triển năng lực hiệu quả (CD) cho Bộ TN&MT/TCMT và các sở Tn&MT mục tiêu, JET đã chuẩn bị kế hoạch CD dựa trên kết quả đánh giá năng lực đầu tiên.

Kết quả đánh giá năng lực ban đầu liên quan đến QLMTNLVS đã được xác nhận bằng các bảng câu hỏi đa dạng nhằm đánh giá năng lực, được mô tả trong phụ lục 6.

Khi kế hoạch phát triển năng lực đã được chuẩn bị, các yếu tố sau đã được xem xét:

- Tính nhất quán của kế hoạch CD với PDM và PO
- Mối quan hệ với kết quả dự kiến của DATĐ và thời gian thu được
- Các kế hoạch đào tạo theo kế hoạch trong dự án, như cuộc họp thảo luận, đào tạo thực tế, tập huấn tại Nhật Bản và tham quan học tập

Kế hoạch CD chuẩn bị đã được tóm tắt trong Mục 3.4.4. Như được mô tả trong mục này, kế hoạch được chuẩn bị bởi từng thành phần quan trọng liên quan đến QLMTNLVS, đó là cơ chế phối hợp, đánh giá sức chịu tải, WDSI, chia sẻ dữ liệu và thông tin, và bồi thường môi trường, và khóa đào tạo được chia thành tập huấn cơ bản và tập huấn nâng cao, tùy thuộc vào mức độ kỹ năng và kiến thức được cung cấp thông qua đào tạo.

### **5.2 Hoạt động 2-2: Chuẩn bị chương trình và thực hiện các khóa tập huấn**

Chương trình đào tạo về Kết quả-2 tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản về chất lượng nước xung quanh, tải lượng ô nhiễm phát thải, v.v. và nguyên lý mô hình chất lượng nước. Các khóa tập huấn này được gọi là khóa tập huấn cơ bản (BTC).

#### **5.2.1 Chuẩn bị chương trình các khóa tập huấn**

Công tác Quản lý Môi trường nước lưu vực sông (QLMTNLVS) đòi hỏi những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực quản lý và kỹ thuật. Bên cạnh đó, thực hiện dự án thí điểm cần có những kiến thức căn bản để thực thi dự thảo các Thông tư do Dự án đề xuất. Khóa tập huấn cơ bản được tổ chức nhằm cung cấp những kiến thức này. Chương trình tập huấn cơ bản được chia thành 4 phần như nêu tại Bảng 5-1 theo những nội dung kỹ thuật khác nhau. Mục tiêu chính của khóa tập huấn này là củng cố kiến thức và kỹ năng cá nhân của các cán bộ phía đối tác, và sẵn sàng tham gia các khóa tập huấn nâng cao do JET tổ chức. Tất cả các tài liệu tập huấn sẽ được tổng hợp thành Hướng dẫn kỹ thuật và Sổ tay kỹ thuật phục vụ Thông tư - 2 và -3.

Để xây dựng chương trình đào tạo nâng cao ATC, trong bước đầu tiên, các DATĐ của Dự án đã tạo ra một số kết quả đầu ra như WDSI với bản đồ nguồn ô nhiễm và kết quả tải lượng ô nhiễm phát thải trong khu vực thí điểm của cả hai lưu vực sông. Trong bước tiếp theo, JET dự kiến sẽ tính toán sức chịu tải tại điểm kiểm soát của khu vực thí điểm và hạn ngạch xả thải được phân bổ hợp lý cho từng tỉnh. Dựa trên những kết quả nêu trên, khóa tập huấn nâng cao ATC đã được lên kế hoạch và thực hiện.

Khóa tập huấn nâng cao ATC-1 được cấu trúc theo 2 nội dung chính: ATC-1-2 và ATC-1-3. Khóa tập huấn nâng cao ATC-1-2 về phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải. Khóa tập huấn nâng cao ATC-1-3 tập trung vào xây dựng WDSI. Cả hai khóa đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo thực

hành, theo yêu cầu từ mỗi tỉnh mục tiêu. Chương trình đào tạo của ATC trong khuôn khổ Kết quả-2 được hiển thị trong Bảng 5-1 Kết quả dự kiến của các chương trình đào tạo và lịch trình thực hiện này được thể hiện trong Bảng 5-1.

**Bảng 5-1 Chương trình tập huấn cơ bản và nâng cao thuộc Kết quả - 2**

Tập huấn	Mục đích và nội dung	Thời gian
<b>Tập huấn cơ bản (BTC)</b>		
BTC 1-2	Khóa tập huấn về Lập kế hoạch và thực hiện Kiểm kê nguồn thải, Phân loại và phân nhóm nguồn thải dựa trên các tiêu chí, và phân tích tải lượng ô nhiễm của các nguồn thải	Tháng 08 2016 – Tháng 06 2017
BTC 1-3	Khóa tập huấn về xây dựng và vận hành mô hình mô phỏng: QUAL-2K tại LVS Cầu và MIKE-11 tại LVS Đồng Nai, phân tích tải lượng ô nhiễm, ước tính CLN thông quan sử dụng mô hình mô phỏng	Tháng 08 2016 – Tháng 05 2017
BTC 1-4	Khóa tập huấn về lập kế hoạch và thực hiện công tác Kiểm soát ô nhiễm	Tháng 08 2016 - Tháng 03 2017
<b>Tập huấn nâng cao (ATC)</b>		
ATC-1-2	Đào tạo thực hành về phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải	Tháng 6 2017 –Tháng 9 2017
ATC-1-3	Đào tạo thực hành về xây dựng WDSI	Tháng 5 2017 – Tháng 6 2017

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 5.2.2 Thực hiện các khóa tập huấn

- (1) Kết quả thực hiện Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-2, về lập kế hoạch và thực hiện Kiểm kê nguồn thải, Phân loại và phân nhóm nguồn thải dựa trên các tiêu chí, phân tích tải lượng ô nhiễm của các nguồn thải, và ước tính chất lượng nước thông qua ứng dụng mô hình mô phỏng

Mục tiêu của Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-2:

- 1) Cung cấp kiến thức nhằm hỗ trợ thực hiện một thông tư mới do Dự án đề xuất, với tên gọi Quản lý nguồn thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS (Thông tư – 3)
- 2) Mang lại kinh nghiệm thực tế về các hoạt động dự kiến của Sở TN&MT trong thực thi Thông tư – 3.

Nội dung tập huấn được trình bày tại Bảng 5-2. Số lượng cán bộ tham gia tập huấn tại mỗi đơn vị và câu hỏi, ý kiến góp ý tại khóa tập huấn được tóm tắt tại Bảng 5-3. Thông qua khóa tập huấn, các học viên đã thu nhận được những kiến thức sau:

- Phương pháp thu thập thông tin về nguồn ô nhiễm tại Nhật Bản
- Phương pháp quản lý nguồn thải điểm, bao gồm các nhà máy quy mô vừa và nhỏ
- Phương thức sử dụng mã phân loại các ngành công nghiệp phù hợp tại mỗi địa phương
- Phương thức cập nhật WDSI và bản đồ nguồn ô nhiễm

**Bảng 5-2 Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-2**

STT	Tên khóa tập huấn	Cơ quan tham gia	Thông tư liên quan	Thời gian
<b>BTC 1-2: Khóa tập huấn về Lập kế hoạch và thực hiện Kiểm kê nguồn ô nhiễm (WDSI)</b>				
Tập huấn lần thứ 1	Thuyết trình về vai trò của WDSI trong công tác QLMNTLVS, Xây dựng Kiểm kê nguồn ô nhiễm Báo cáo tiến độ xây dựng Kiểm kê nguồn ô nhiễm trong khuôn khổ hoạt động thầu phụ của Dự án	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chỉ cục BVMT</li> <li>• Trung tâm QTMT</li> <li>• Trung tâm Thông tin và Công nghệ môi trường</li> <li>- Các đơn vị khác</li> </ul>	Các điều khoản liên quan tới Xây dựng Kiểm kê nguồn ô nhiễm, duy trì, nâng cấp, và sử dụng WDSI phục vụ	Tháng 09, 2016
Tập huấn lần thứ 2	Giới thiệu về Kiểm kê nguồn ô nhiễm đã xây dựng Bài thuyết trình về duy trì và nâng cấp Kiểm kê nguồn ô nhiễm			Tháng 03, 2017 (Tháng 06, 2017)

STT	Tên khóa tập huấn	Cơ quan tham gia	Thông tư liên quan	Thời gian
Tập huấn lần thứ 3	Đào tạo qua công việc (OJT) về đánh giá những nguồn ô nhiễm chính thông qua WDSI Bài thuyết trình về WDSI phục vụ công tác QLMTNLVS		QLMTNLVS, thuộc Thông tư - 3	Tháng 06, 2017

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 5-3 Kết quả thực hiện Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-2**

STT	Kết quả	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Bình Dương	TP HCM	Đồng Nai	BRVT
Tập huấn lần thứ nhất	Số lượng học viên	22	19	9	12	7	20	20	19
	Ngày tập huấn	2016/9/23	2016/9/20	2016/9/21	2016/9/22	2016/9/14	2016/9/12	2016/9/19	2016/9/15
	Nội dung kiến thức chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định khu vực mục tiêu của dự án thí điểm, các quận và khu vực mục tiêu.</li> <li>- Phương pháp thu thập thông tin về nguồn thải tại Nhật Bản</li> <li>- Phương pháp quản lý nguồn thải dạng điểm, bao gồm các cơ sở vừa và nhỏ.</li> <li>- Thông tin về nguồn thải trong Kiểm kê nguồn ô nhiễm.</li> <li>- Giới thiệu và sử dụng mã phân ngành công nghiệp phù hợp tại mỗi tỉnh.</li> <li>- Xác định cơ sở mục tiêu trong thông tư thông qua hoạt động dự án.</li> </ul>							
Tập huấn lần thứ hai	Số lượng học viên	4	9	11	5	6	2	8	6
	Ngày tập huấn	22/6/2017	01/3/2017	02/3/2017	03/3/2017	07/6/2017	08/6/2017	08/6/2017	09/6/2017
	Nội dung kiến thức chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định thông tin về nguồn thải dạng điểm tại lưu vực sông nhằm phục vụ quản lý lưu vực sông.</li> <li>- Phương thức cập nhật WDSI và bản đồ nguồn ô nhiễm (QGIS),</li> <li>- Định nghĩa về giấy phép môi trường (ĐTM, Hậu ĐTM).</li> <li>- Những vấn đề còn tồn tại trong sử dụng Kiểm kê nguồn ô nhiễm là rất nhiều quy định được đưa ra nhưng chưa được thực thi phù hợp.</li> </ul>							

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

- (2) Kết quả thực hiện khóa tập huấn cơ bản BTC 1-3 về xây dựng và vận hành mô hình mô phỏng: QUAL-2K tại LVS Cầu và MIKE-11 tại LVS Đồng Nai,

Mục tiêu của khóa tập huấn này là nhằm củng cố những kiến thức cơ bản của cán bộ Sở TN&MT trong đánh giá hiện trạng môi trường sông và dự đoán chất lượng nước sông trong tương lai.

Nội dung tập huấn được trình bày tại Bảng 5-4. Số lượng cán bộ tham gia tập huấn tại mỗi đơn vị và câu hỏi, ý kiến góp ý tại khóa tập huấn được tóm tắt tại Bảng 5-5. Thông qua hoạt động tập huấn này, các học viên đã tích lũy được những kiến thức sau:

- Lý thuyết nền tảng cần thiết và các công cụ thực tế (QGIS-QSWAT) để phân định ranh giới lưu vực sông
- Kiến thức cơ bản về phân tích dòng chảy
- Kiến thức cơ bản về vận hành mô hình mô phỏng
- Cung cấp cơ sở/nguồn tham khảo để cài đặt giá trị của các tham số/hệ số mô hình và đơn vị tải ô nhiễm (PLU), đặc biệt là cách đặt các giá trị này dựa trên điều kiện tự nhiên của từng tỉnh
- Lý thuyết tính toán tải lượng ô nhiễm và mô hình mô phỏng, cũng như quy trình thực hiện các nội dung trên
- Kiến thức cơ bản về ước tính sức chịu tải.

Cuối khóa tập huấn, các học viên sẽ được giao bài tập thực hành về vận hành mô hình mô phỏng có sử dụng dữ liệu thực tế tại khu vực dự án thí điểm. Ý kiến này đã được cân nhắc và phản ánh vào chương trình tập huấn nâng cao – ATC.



**Bảng 5-4 Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-3**

STT	Tên khóa tập huấn	Cơ quan liên quan	Thông tư liên quan	Thời gian
Tập huấn lần thứ nhất	Tập huấn phân tích nước mưa và chảy tràn	Những phòng, ban tiến hành quản lý, áp dụng kiến thức thủy văn trong phân tích chất lượng nước, ở mức độ cơ bản	Thông tư-2	Tháng 09, 2016
	Tập huấn GIS và vẽ tiểu ranh giới lưu vực sông			Tháng 09, 2016
Tập huấn lần thứ hai	Tập huấn xây dựng mô hình dòng chảy (mô hình QUAL2K đơn giản)			Tháng 11, 2016
	Tập huấn xây dựng mô hình dòng chảy (mô hình MIKE)			Tháng 11, 2016

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 5-5 Kết quả thực hiện khóa tập huấn cơ bản BTC 1-3**

STT	Kết quả	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Bình Dương	TP HCM	Đồng Nai	BRVT
Tập huấn lần thứ nhất	Số lượng học viên và ngày tập huấn	12	19	18	22	15	20	14	19
	Những câu hỏi và ý kiến chính	2016/11/15	2016/9/5	2016/8/31	2016/9/6	2016/9/13&14	2016/9/12	2016/9/14	2016/9/15
Tập huấn lần thứ hai	Số lượng học viên và ngày tập huấn	9	17	10	15	17	11	26	8
	Nội dung chính	2016/12/1	2016/11/14	2016/11/16	2016/11/17	2016/11/22&23	2016/11/29	2016/11/24&25	2016/11/30
		- Cung cấp những lý thuyết căn bản, cần thiết và công cụ kỹ thuật (QGIS-QSWAT) thiết thực trong phân định ranh giới lưu vực sông. - Kiến thức cơ bản về phân tích dòng chảy - Kiến thức cơ bản về mô hình mô phỏng - Cần đưa thêm giải thích/nguồn tư liệu tham khảo về căn cứ xác định các thông số/hệ số trong mô hình, đơn vị tải lượng ô nhiễm, đặc biệt là phương thức thiết lập các hệ số này theo điều kiện tự nhiên của từng địa phương. - Lý thuyết tính toán tải lượng ô nhiễm, mô hình mô phỏng, cũng như quy trình tiến hành các hoạt động này. - Kiến thức cơ bản về ước tính sức chịu tải							

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

- (3) Kết quả thực hiện Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-4 lập kế hoạch và thực hiện công tác Kiểm soát ô nhiễm

Mục tiêu của khóa tập huấn BTC 1-4 như sau:

- Cung cấp kiến thức hỗ trợ thực thi Thông tư do dự án hỗ trợ xây dựng, với tên gọi Thông tư về kiểm kê nguồn nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS (Thông tư – 3), và Cung cấp kinh nghiệm thử nghiệm cho các cán bộ mục tiêu tại các sở TNMT về Thông tư-3 trong tương lai. Nội dung tập huấn trong Bảng 5-6 và số lượng học viên trong mỗi cơ quan và các ý kiến đóng góp chỉ ra trong Bảng 5-7. Thông qua hoạt động tập huấn này, các học viên đã tích lũy được những kiến thức sau:
  - Cách thức xử lý khi phân tích mẫu cho thấy những kết quả khác nhau
  - Ví dụ về phương pháp thanh tra tại Nhật Bản.
  - Hoạt động thanh tra và quản lý thông tin nguồn ô nhiễm
  - Ví dụ về phương pháp xử lý nước thải: Bể xử lý Johkasou

**Bảng 5-6 Khóa tập huấn cơ bản BTC 1-4**

STT	Tên khóa tập huấn	Cơ quan liên quan	Thông tư liên quan	Thời gian
BTC 1-4: Khóa tập huấn về lập kế hoạch và thực hiện công tác Kiểm soát ô nhiễm				
Tập huấn lần thứ nhất	Thuyết trình về vai trò và các nhiệm vụ cần thực hiện trong thanh tra và kiểm tra môi trường, phục vụ QLMTNLVS	- Những phòng ban quản lý hành chính, bao gồm nhóm kiểm tra môi trường - Phòng Thanh tra	Thông tư-2 Thông tư-3	Tháng 09, 2016
Tập huấn lần thứ hai	Thuyết trình về Lập kế hoạch và thực hiện công tác Kiểm soát ô nhiễm			Tháng 11 tới Tháng 12, 2016

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 5-7 Kết quả thực hiện khóa tập huấn cơ bản BTC 1-4**

STT	Kết quả	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Bình Dương	HCM	Đồng Nai	BRVT
Tập huấn lần thứ nhất	Số lượng học viên	22	19	9	12	7	20	20	19
	Ngày tập huấn	2016/9/23	2016/9/20	2016/9/21	2016/9/22	2016/9/14	2016/9/12	2016/9/19	2016/9/15
	Nội dung chính	- Phương thức xử lý những mẫu có kết quả phân tích khác nhau --> Khi thanh tra tại hiện trường, tổ thanh tra lấy nhiều mẫu nước và giữ lại trong trường hợp cần phân tích lại. Trong một số trường hợp, tổ thanh tra và cơ sở kinh doanh cùng lấy mẫu lại, phân tích và so sánh kết quả. - Phương pháp thanh tra tại Nhật Bản. - Hoạt động thanh tra và quản lý thông tin nguồn ô nhiễm.							
Tập huấn lần thứ hai	Số lượng học viên	9	15	6	9	4	7	10	8
	Ngày tập huấn	2016/11/1 5	2016/11/2 5	2016/11/2 8	2016/11/2 9	2016/11/2 1	2016/11/2 2	2016/11/2 2	2016/11/2 3
	Nội dung chính	Ví dụ về phương pháp xử lý nước thải - Khả năng xử lý nước thải sinh hoạt có chứa dầu và dầu gội đầu, v.v., ví dụ như Johkasou --> Bể Johkasou có thể xử lý một lượng nhất định dầu và các thành phần khác. - Khả năng loại bỏ kim loại nặng tại nhà máy xử lý nước thải --> Không thể. Về mặt nguyên tắc, những thành phần độc hại, bao gồm kim loại nặng cần được kiểm soát, xử lý trước khi đổ vào hệ thống thu gom nước thải. - Cấu trúc, quy trình xử lý, và chi phí đầu tư vận hành bể Johkasou. Những biện pháp cần thực hiện khi nước thải chưa qua xử lý đổ vào nguồn nước? --> Cần phải kiểm tra nước thải công nghiệp chặt chẽ hơn.							

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(4) Kết quả thực hiện khóa tập huấn nâng cao ATC-1-2 – Đào tạo thực hành về Phân tích tải lượng ô nhiễm

Khóa tập huấn nâng cao ATC-1-2 đã tập trung vào thực hành để hiểu rõ quy trình kỹ thuật liên quan đến Thông tư-2 về phân tích tải lượng ô nhiễm với mô hình mô phỏng và kỹ thuật tính toán sức chịu tải và hạn ngạch xả thải dựa trên cơ sở khoa học.

Nội dung khóa tập huấn được thể hiện trong Bảng 5-8. Số lượng học viên từ mỗi đơn vị, câu hỏi và ý kiến góp ý chính được nêu tại Bảng 5-9. Thông qua khóa tập huấn nâng cao ATC-1-2, các học viên đã có kỹ năng và kiến thức về phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải. Như được mô tả trong phần 3.4.6, các học viên khẳng định kiến thức của họ về cách phân tích và tóm tắt kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm, mô phỏng chất lượng nước đã được tăng cường thông qua khóa tập huấn ATC-1-2. Sau khóa đào tạo, Sở TN&MT Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bình Dương và Đồng Nai đã thực hiện hoạt động thử nghiệm phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải ở mỗi tỉnh. Dựa trên những thành quả này, JET thấy rằng khóa tập huấn nâng cao ATC đã cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải

**Bảng 5-8 Kế hoạch thực hiện khóa tập huấn nâng cao ATC 1-2**

STT	Tên khóa tập huấn	Cơ quan liên quan	Thông tư liên quan	Thời gian
ATC 1-2: Đào tạo thực hành về phân tích tải lượng ô nhiễm				
Khóa tập huấn lần thứ nhất	Kiến thức về cơ chế lưu vực sông – Phân tích tải lượng ô nhiễm và mô hình chất lượng nước (QUAL-2K và MIKE 11) trong khu vực DATĐ	- Lựa chọn những cán bộ phù hợp, có nhiệm vụ liên quan tới phân tích chất lượng nước	Thông tư-2	Tháng 6, 2017
Khóa tập huấn lần thứ hai	Đánh giá lưu vực sông – Sức chịu tải và phân bổ khoa học			Tháng 7 tới Tháng 8, 2017
Khóa tập huấn tại Nhật Bản	Quản lý lưu vực sông theo kinh nghiệm của Nhật Bản			
Khóa tập huấn lần thứ ba	Sức chịu tải tại điểm kiểm soát trên lưu vực sông và phân bổ dự kiến hạn ngạch xả thải tại mỗi địa phương			Tháng 9 2017

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 5-9 Kết quả thực hiện Khóa tập huấn nâng cao ATC 1-2**

STT	Kết quả	TCM T	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Bình Dươn g	HCM	Đồng Nai	BRVT
Khóa tập huấn lần thứ nhất	Số lượng học viên	5	20	22	15	18	3	18	15
	Thời gian tập huấn	Tháng 5-Tháng 6 2017							
Khóa tập huấn lần thứ hai	Số lượng học viên	19	11	15	10	9	7	11	14
	Thời gian tập huấn	Tháng 7-Tháng 8 2017							
Khóa tập huấn tại Nhật Bản	Số lượng học viên	3	1	1	1	1	1	1	1
	Thời gian tập huấn	Ngày 12 Tháng 7, 2017							
Khóa tập huấn lần thứ ba	Số lượng học viên	4	6	8	6	3	4	8	4
	Thời gian tập huấn	Tháng 9 2017							
Kết quả	Nội dung tập huấn chính	ATC-1-2 được thực hiện dựa trên đề xuất cần bố trí thời gian đào tạo dài hơn để các học viên hiểu rõ về mô phỏng mô hình chất lượng nước. Tất cả hợp phần tập huấn bao gồm hai phần. Phần đầu tiên trình bày phương pháp và lý thuyết về phân tích tải ô nhiễm, mô hình mô phỏng và sức chịu tải. Trong phần thứ hai, các bài tập thực hành được cung cấp trong 2-4 ngày đào tạo, để học viên hiểu lý thuyết và áp dụng vào thực tiễn tốt hơn.							
	Ý kiến góp ý	<ol style="list-style-type: none"> <li>Chi tiết của từng bước tính toán nên được viết trong tài liệu tập huấn.</li> <li>Đối với các bài tập sử dụng Excel, QGIS hoặc mô hình MIKE-11, người hướng dẫn nên chụp lại màn hình và chia sẻ cho học viên, để họ xem bản ghi video và tìm hiểu sau này khi cần thiết.</li> <li>Các tải lượng đơn vị, hệ số mô hình, các giá trị phù hợp cho từng tính cần được trình bày. Mặt khác, giả định và điều kiện để áp dụng các giá trị đó phải được trình bày.</li> <li>Dữ liệu đầu vào cần được cập nhật.</li> </ol>							
	Hoạt động của JET trong quá trình tập huấn về phân tích tải lượng ô nhiễm, mô hình mô phỏng, và tính toán sức chịu tải	<ol style="list-style-type: none"> <li>Để đáp ứng nhận xét số 1 và số 2, JET và các chuyên gia trong nước đã chuẩn bị Hướng dẫn kỹ thuật về đánh giá sức chịu tải và nhiều tài liệu dạng powerpoint trong mỗi buổi tập huấn, JET cùng các chuyên gia trong nước đã xây dựng 8 tài liệu tập huấn. Các tài liệu tập huấn đã được biên soạn và xuất bản dưới dạng một ấn phẩm của TCMT vào cuối Dự án.</li> <li>Để đáp ứng nhận xét số 3, JET đã tổ chức 2 cuộc họp kỹ thuật và 1 hội thảo tham vấn với các chuyên gia Việt Nam, các chuyên gia đã đồng ý rằng các hệ số tải lượng đơn vị (PLU) dựa trên các khảo sát quốc tế có thể được sử dụng khi địa phương chưa có dữ liệu.</li> </ol>							

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

- (5) Kết quả thực hiện khóa tập huấn nâng cao ATC 1-3, Bài giảng và đào tạo thực hành về xây dựng Kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI)  
Khóa tập huấn nâng cao ATC 1-3 được thực hiện dưới dạng đào tạo qua thực hành nhằm xây dựng và phân tích WDSI, bao gồm bài giảng về phương thức sử dụng WDSI được xây dựng trong DATĐ vào công tác kiểm soát nguồn nước thải tại tỉnh, và phương thức lập bản đồ nguồn xả nước thải. Số lượng học viên từ mỗi đơn vị được tóm tắt tại Bảng 5-10. Trong khóa tập huấn này, WDSI được xây dựng trong DATĐ được sử dụng để xác định các nguồn xả nước thải ưu tiên từ quan điểm kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm. Các học viên đã trải nghiệm cách sử dụng WDSI, và hiểu được vai trò của WDSI trong kiểm soát nguồn xả nước thải trong giai đoạn hậu dự án.

**Bảng 5-10 Khóa tập huấn nâng cao ATC 1-3**

Kết quả	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Bình Dương	HCM	Đồng Nai	BRVT
Số lượng học viên	3	24			6	2	9	6
Ngày tập huấn	22/ 5/2017	16/6/2017			7/6/2017	8/6/2017	6/6/2017	9/6/2017
Nội dung tập huấn chính	<div>- Phương thức vận dụng WDSI trong hoạt động kiểm soát ô nhiễm hành chính thường kỳ như sử dụng cho công tác thanh tra, kiểm tra môi trường</div> <div>- Phương thức cập nhật WDSI của cơ quan quản lý hành chính</div> <div>- Loại thông tin về nguồn xả nước thải cần phải cập nhật</div>							
Ý kiến góp ý	<div>- Sẽ tốt hơn nếu tài liệu tập huấn được tổng hợp dưới dạng sách hoặc sổ tay</div>							
Hoạt động của JET trong quá trình tập huấn xây dựng WDSI	<div>- JET nhấn mạnh rằng việc lựa chọn/ưu tiên các nguồn xả nước thải hoặc xác định nguồn thải tiềm năng là hoàn toàn có thể thông qua công cụ WDSI, và hoạt động kiểm soát ô nhiễm sẽ tiết kiệm chi phí hơn khi vận dụng WDSI.</div> <div>- JET đã xây dựng Sổ tay kỹ thuật về WDSI sau quá trình tập huấn, bao gồm cả nội dung tập huấn cơ bản và chia sẻ tới các học viên. Sổ tay này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ các Sở TN&amp;MT xây dựng và thường xuyên cập nhật WDSI.</div>							

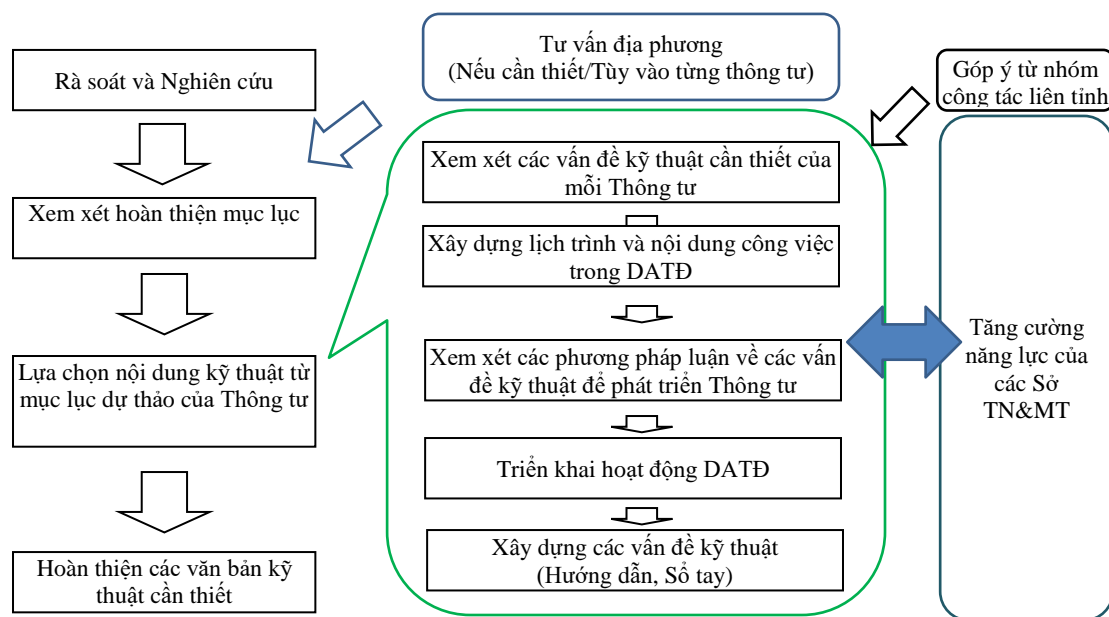
Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

### 5.3 Hoạt động 2-3: Xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai, phân định rõ trách nhiệm của Bộ TN&MT/TCMT, Sở TNMT và Nhóm chuyên gia JICA (JET)

#### 5.3.1 Mục đích và cấu trúc dự án thí điểm (DATĐ)

##### (1) Mục đích thực hiện các DATĐ

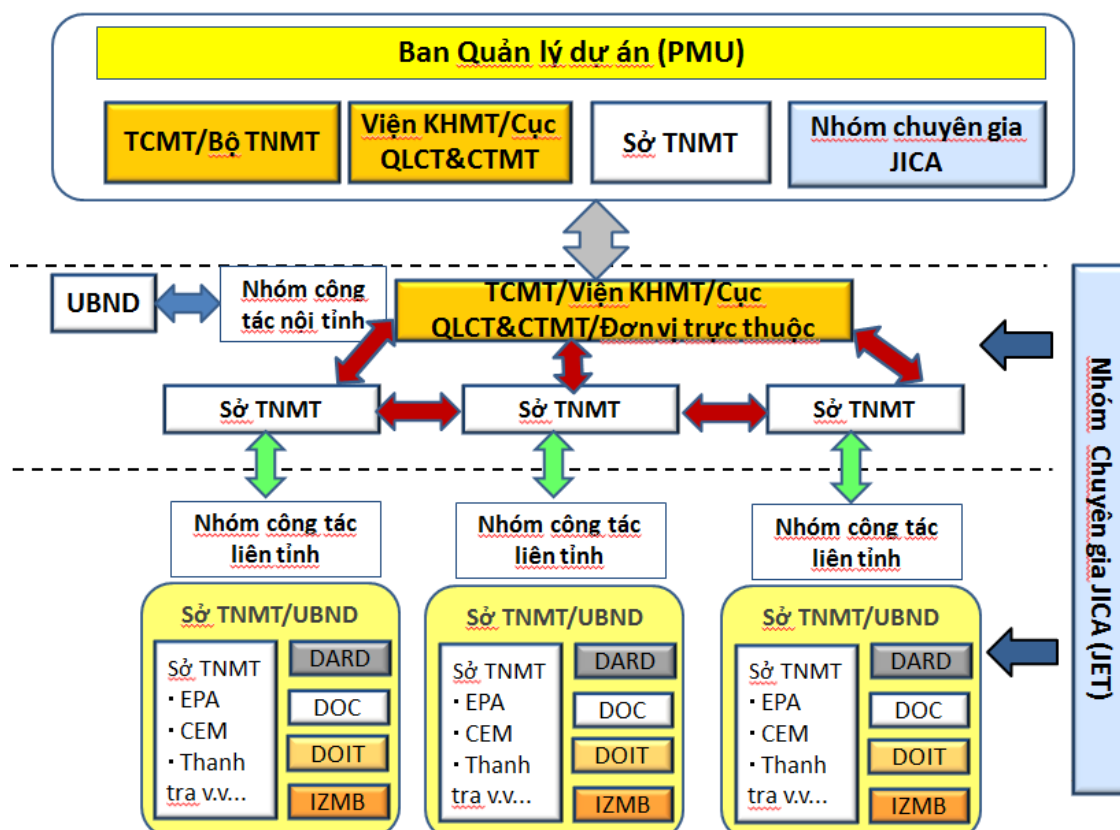
Trong khuôn khổ Dự án, các dự án thí điểm (DATĐ) được thiết kế với mục đích i) xác nhận những vấn đề kỹ thuật, ii) hỗ trợ hiệu quả và tăng tính khả thi của thông tư được đề xuất, và iii) thực hiện các chương trình tập huấn cần thiết tại hai lưu vực, sông Cầu và sông Đồng Nai, nhằm tìm hiểu về những vấn đề có tính chất liên tỉnh. Rất nhiều vấn đề được giả định khi Dự án xây dựng Thông tư – 2 về Sức chịu tải và Thông tư 3 về Kiểm kê nguồn ô nhiễm, các vấn đề trải rộng trên nhiều khía cạnh, không chỉ về thể chế và tổ chức thực hiện, mà còn có trở ngại về mặt kỹ thuật như mô hình mô phỏng chất lượng nước và lập cơ sở dữ liệu do thiếu thông tin và dữ liệu sẵn có. Các DATĐ bao gồm hoạt động thầu phụ và nhiều hoạt động nhằm tính toán và rà soát sức chịu tải dựa trên thông tin và dữ liệu thu thập được. Phạm vi DATĐ được trình bày trong hình sau.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình 5-1 Phạm vi hoạt động của DATĐ**

- (2) Cấu trúc thực hiện các DATĐ  
Cấu trúc thực hiện các DATĐ được nêu tại Hình 5-2.



Nguồn: Biên bản Thảo luận, ngày 24/08/2015

**Hình 5-2 Cấu trúc thực hiện dự án thí điểm (DATĐ)**

### 5.3.2 Kế hoạch thực hiện dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Cầu

(1) Các hợp phần của dự án thí điểm trong lưu vực sông Cầu

Kế hoạch thực hiện dự án thí điểm được trình bày tại Bảng 5-11 bao gồm kết quả và hoạt động thầu phụ.

**Bảng 5-11 Các dự án thí điểm tại lưu vực lưu vực sông Cầu**

STT	Hoạt động	Mục đích	Phương pháp	Giai đoạn thực hiện
<b>Xây dựng mô hình mô phỏng nhằm tính toán sức chịu tải và hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học</b>				
1	Phân tích tải lượng ô nhiễm	Xác định tải lượng ô nhiễm phát thải tại mỗi tỉnh	Tính toán tải lượng ô nhiễm phát thải, thu thập dữ liệu kinh tế-xã hội, lựa chọn đơn vị tải lượng phù hợp để áp dụng tại Việt Nam, thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 10 2016 tới Tháng 03 2017
2	Xây dựng mô hình mô phỏng	Tính toán sức chịu tải và phân bổ hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học	Xây dựng mô hình mô phỏng QUAL-2K thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 10 2016 tới Tháng 03 2017
3	Tính toán sức chịu tải	Báo cáo tính toán sức chịu tải tại điểm kiểm soát trong năm mục tiêu tới TCMT/Cục QL TNN và các địa phương liên quan.	JET lựa chọn hệ số tự làm sạch, hệ số hao tổn dọc đường, phân tích tải lượng ô nhiễm, và tính toán sức chịu tải thông qua vận dụng mô hình mô phỏng.	Tháng 04 tới Tháng 05 2017
4	Phân bổ hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học	Cung cấp thông tin cơ bản về rà soát hạn ngạch xả thải giữa TCMT/Cục QL TNN và các địa phương liên quan.	Tính toán hạn ngạch xả thải thông qua mô hình mô phỏng được xây dựng.	Tháng 05 tới Tháng 06 2017
5	Đánh giá thử nghiệm tính hiệu quả của các biện pháp có thể thực hiện nhằm cắt giảm tải lượng ô nhiễm, theo hạn ngạch xả thải được phân bổ	Thử nghiệm quản lý môi trường nước thông qua sức chịu tải và hạn ngạch xả thải	Cung cấp tập huấn về quản lý môi trường nước thông qua sức chịu tải và hạn ngạch xả thải.	Tháng 07 tới Tháng 10 2017
<b>Xây dựng và hoạt động WDSI</b>				
1	Xây dựng WDSI	Liệt kê các nguồn thải trọng điểm và tải lượng ô nhiễm phát thải tương ứng	Thu thập thông tin về nguồn thải và lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu trong excel thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 09 2016 tới Tháng 02 2017
2	Lập bản đồ nguồn ô nhiễm	Cung cấp những thông tin có sẵn về các nguồn thải trọng điểm và tải lượng ô nhiễm phát thải tương ứng	Xây dựng bản đồ số thông qua phần mềm QGIS và tính toán tải lượng ô nhiễm phát thải, thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 09 2016 tới Tháng 02 2017
3	Sử dụng WDSI tại các địa phương liên quan	Rà soát phương thức sử dụng, cập nhật và nâng cấp WDSI đã được xây dựng	Cung cấp khóa tập huấn về phương thức sử dụng, cập nhật, và nâng cấp WDSI đã được xây dựng, trên cơ sở cân nhắc điều kiện thực tế tại mỗi địa phương liên quan.	Tháng 05 tới Tháng 10 2017

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(2) Thời gian thực hiện các DATĐ tại lưu vực sông Cầu

Thời gian thực hiện các Dự án thí điểm được nêu tại Bảng 5-12.

**Bảng 5-12 Thời gian thực hiện các DATĐ tại lưu vực sông Cầu**

#	Hoạt động	2016				2017				2018				
		Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	
Xây dựng mô hình mô phỏng nhằm tính toán sức chịu tải và hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học														
1	Phân tích tải lượng ô nhiễm													
2	Xây dựng mô hình mô phỏng													
3	Tính toán sức chịu tải													
4	Phân bổ hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học													
5	Đánh giá thử nghiệm tính hiệu quả của các biện pháp có thể thực hiện nhằm cắt giảm tải lượng ô nhiễm, theo hạn ngạch xả thải được phân bổ													

#	Hoạt động	2016				2017				2018				
		Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	
Xây dựng và Sử dụng WDSI														
1	Xây dựng WDSI													
2	Lập bản đồ nguồn ô nhiễm													
3	Sử dụng WDSI tại các địa phương liên quan													

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 5.3.3 Kế hoạch thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Đồng Nai

#### (1) Các hợp phần của DATĐ tại lưu vực sông Đồng Nai

Kế hoạch của DATĐ sẽ được trình bày trong Bảng 5-13 và bao gồm kết quả hoạt động thầu phụ

**Bảng 5-13 Các dự án thí điểm tại lưu vực sông Đồng Nai**

STT	Hoạt động	Mục đích	Phương pháp	Giai đoạn thực hiện
Xây dựng mô hình mô phỏng nhằm tính toán sức chịu tải và hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học				
1	Phân tích tải lượng ô nhiễm	Xác định tải lượng ô nhiễm phát thải tại mỗi tỉnh	Tính toán tải lượng ô nhiễm phát thải, thu thập dữ liệu kinh tế-xã hội, lựa chọn đơn vị tải lượng phù hợp để áp dụng tại Việt Nam, thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 10 2016 tới Tháng 03 2017
2	Xây dựng mô hình mô phỏng	Tính toán sức chịu tải và phân bổ hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học	Xây dựng mô hình mô phỏng QUAL-2K thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 10 2016 tới Tháng 03 2017
3	Tính toán sức chịu tải	Báo cáo tính toán sức chịu tải tại điểm kiểm soát trong năm mục tiêu tới TCMT/Cục QLTNN và các địa phương liên quan.	JET lựa chọn hệ số tự làm sạch, hệ số hao tổn dọc đường, phân tích tải lượng ô nhiễm, và tính toán sức chịu tải thông qua vận dụng mô hình mô phỏng.	Tháng 04 tới Tháng 05 2017
4	Phân bổ hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học	Cung cấp thông tin cơ bản về rà soát hạn ngạch xả thải giữa TCMT/Cục QLTNN và các địa phương liên quan.	Tính toán hạn ngạch xả thải thông qua mô hình mô phỏng được xây dựng.	Tháng 05 tới Tháng 06 2017
5	Đánh giá thử nghiệm tính hiệu quả của các biện pháp có thể thực hiện nhằm cắt giảm tải lượng ô nhiễm, theo hạn ngạch xả thải được phân bổ	Thử nghiệm quản lý môi trường nước thông qua sức chịu tải và hạn ngạch xả thải	Cung cấp tập huấn về quản lý môi trường nước thông qua sức chịu tải và hạn ngạch xả thải.	Tháng 07 tới Tháng 10 2017
Xây dựng và Sử dụng WDSI				
1	Xây dựng WDSI	Liệt kê các nguồn thải trọng điểm và tải lượng ô nhiễm phát thải tương ứng	Thu thập thông tin về nguồn thải và lưu trữ dưới dạng cơ sở dữ liệu trong excel thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 09 2016 tới Tháng 02 2017
2	Lập bản đồ nguồn ô nhiễm	Cung cấp những thông tin có sẵn về các nguồn thải trọng điểm và tải lượng ô nhiễm phát thải tương ứng	Xây dựng bản đồ số thông qua phần mềm QGIS và tính toán tải lượng ô nhiễm phát thải, thông qua hoạt động thầu phụ	Tháng 09 2016 tới Tháng 02 2017
3	Sử dụng WDSI tại các địa phương liên quan	Rà soát phương thức sử dụng, cập nhật và nâng cấp WDSI đã được xây dựng	Cung cấp khóa tập huấn về phương thức sử dụng, cập nhật, và nâng cấp WDSI đã được xây dựng, trên cơ sở cần nhắc điều kiện thực tế tại mỗi địa phương liên quan.	Tháng 05 tới Tháng 10 2017

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

#### (2) Thời gian thực hiện các DATĐ tại lưu vực sông Đồng Nai

Thời gian thực hiện các DATĐ được trình bày tại Bảng 5-14

**Bảng 5-14 Thời gian thực hiện dự án thí điểm tại lưu vực sông Đồng Nai**

#	Hoạt động	2016				2017				2018				
		Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	
Xây dựng mô hình mô phỏng nhằm tính toán sức chịu tải và hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học														
1	Phân tích tải lượng ô nhiễm													
2	Xây dựng mô hình mô phỏng													
3	Tính toán sức chịu tải													
4	Phân bổ hạn ngạch xả thải từ góc độ khoa học													
5	Đánh giá thử nghiệm tính hiệu quả của các biện pháp có thể thực hiện nhằm cắt giảm tải lượng ô nhiễm, theo hạn ngạch xả thải được phân bổ													
Xây dựng và Sử dụng WDSI														
1	Xây dựng WDSI													
2	Lập bản đồ nguồn ô nhiễm													
3	Sử dụng WDSI tại các địa phương liên quan													

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 5.3.4 Kế hoạch thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) hướng tới nâng cao nhận thức cộng đồng

#### (1) Mục tiêu thực hiện các DATĐ về nâng cao nhận thức cộng đồng

Như một hoạt động của DATĐ, hoạt động nâng cao nhận thức môi trường được thực hiện cùng với đối tác giữa sở TN&MT và JET. Đối với quá trình quản lý lưu vực sông, hợp tác các bên liên quan và cơ quan chính quyền là quan trọng. Thông qua thảo luận chi tiết giữa BQLDA và JET, ... thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức tại tỉnh Bắc Giang với mục đích thúc đẩy bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu và tăng cường năng lực các sở TN&MT mục tiêu về thúc đẩy nhận thức về môi trường nước cho cộng đồng. Mục tiêu công việc thầu phụ bao gồm:

- 1) Thực hiện các hoạt động trình diễn về lấy mẫu nước và phân tích tại hiện trường cùng với sở TN&MT Bắc Giang nhằm nâng cao nhận thức về QLMTNLVS.
- 2) Chia sẻ kết quả hoạt động trình diễn đã mô tả ở bằng cách chia sẻ thông tin trên sử dụng trang Web hiện có của Bộ TN&MT/ TCMT và/ hoặc sở TN&MT Bắc Giang.

#### (2) Các hợp phần của DATĐ hướng tới nâng cao nhận thức cộng đồng

Những hợp phần chính của hoạt động nhận thức môi trường trong DATĐ như sau:

- a) Chuẩn bị bộ thử nhanh chất lượng nước
- b) Chuẩn bị đồ (ví dụ áo phông, mũ v.v...) cho các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường.
- c) Thực hiện sự kiện nâng cao nhận thức môi trường (tong ba (3) lần).
- d) Chuẩn bị tài liệu cho chia sẻ thông tin
- e) Chuẩn bị bài đăng trên Web và tuyên truyền kết quả hoạt động.

#### (3) Thời gian thực hiện DATĐ về Nâng cao nhận thức cộng đồng

Thời gian thực hiện DATĐ được trình bày trong Bảng 5-15.



**Bảng 5-15 Thời gian thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng trong DATĐ**

STT	Rà soát kết quả sự kiện nâng cao nhận thức môi trường và tóm tắt phản hồi và rút ra bài học cho hoạt động nâng cao nhận thức môi trường trong tương lai	Tháng	2017							
			Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11			
1	Quá trình đầu tư đầu tư phụ									
2	a) Chuẩn bị bộ thử nhanh chất lượng nước b) Chuẩn bị đồ (ví dụ áo phông, mũ v.v...) cho các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường.									
3	c) Thực hiện sự kiện nâng cao nhận thức môi trường (tong ba (3) lần).			▲ Lần thứ nhất		▲ Lần thứ hai		▲ Lần thứ ba		
4	d) Rà soát kết quả sự kiện nâng cao nhận thức môi trường và tóm tắt phản hồi và rút ra bài học cho hoạt động nâng cao nhận thức môi trường trong tương lai			■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■						
5	e) Chuẩn bị tài liệu cho chia sẻ thông tin									
6	f) Chuẩn bị bài đăng trên Web và tuyên truyền kết quả hoạt động.									

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

#### 5.4 Hoạt động 2-4: Thực hiện các DATĐ tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai bao gồm hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng

##### 5.4.1 Thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Cầu

JET đã thực hiện và quản lý 4 công việc thầu phụ liên quan đến mô hình mô phỏng và WDSI tại lưu vực sông Cầu và Đồng Nai phù hợp với các hoạt động của DATĐ với sự hợp tác của các sở TN&MT liên quan. Kết quả tóm tắt trong Bảng 5-16. Các kết quả chính của DATĐ được trình bày trong các Hình 5-3 đến Hình 5-6.

**Bảng 5-16 Kết quả dự án thí điểm tại lưu vực sông Cầu**

#	Các hoạt động	Kết quả	Kết quả/Tìm kiếm
Xây dựng mô hình mô phỏng cho việc tính toán năng lực xả thải và hạn ngạch xả thải dự kiến hợp lý			
1	Phân tích tải lượng ô nhiễm	Đã tiến hành phân tích tải lượng ô nhiễm tại các khu vực thí điểm trong tháng 3 năm 2017	Các kết quả đạt được sẽ được nâng cấp bằng cách đồng làm việc thông qua Chương trình Đào tạo nâng cao
2	Xây dựng mô hình mô phỏng	Đã xây dựng được mô hình mô phỏng cho khu vực dự án thí điểm trong tháng 3 năm 2017.	JET sẽ sử dụng mô hình để tính toán sức chịu tải và hạn ngạch xả thải dựa trên cơ sở khoa học.
3	Tính toán sức chịu tải	Ước tính sức chịu tải trong lưu vực sông Cầu trong tháng 6 năm 2017	Tính sức chịu tải được sử dụng để phân bổ hợp lý hạn ngạch xả thải và kiểm tra các biện pháp có thể giảm tải ô nhiễm.
4	Phân bổ hạn ngạch xả thải hợp lý	Phân bổ tạm thời hạn ngạch xả thải hợp lý được thực hiện tháng 8 năm 2017	Hạn ngạch xả thải hợp lý được sử dụng để kiểm tra các biện pháp có thể giảm tải ô nhiễm.
5	Các hoạt động thử nghiệm về phân bổ hạn ngạch xả thải dự kiến thông qua việc trao đổi với các tỉnh liên quan.	Kiểm tra tính hiệu quả của các biện pháp có thể để giảm tải ô nhiễm đã được thảo luận từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018.	Kinh nghiệm về việc kiểm tra các biện pháp khả thi để giảm tải ô nhiễm có thể được sử dụng để phản ánh kết quả đánh giá sức chịu tải đối phục vụ chuẩn bị kế hoạch kinh tế xã hội trong tương lai.
Xây dựng và vận hành (WDSI)			
1	Xây dựng WDSI	Đã xây dựng được Bản Kiểm kê nguồn ô nhiễm (WDSI) cho khu vực dự án thí điểm.	Các kết quả đã được ứng dụng thông qua hoạt động làm việc nhóm tại Chương trình Đào tạo nâng cao

#	Các hoạt động	Kết quả	Kết quả/Tìm kiếm
2	Xây dựng bảng đồ nguồn ô nhiễm	Đã xây dựng được bản đồ nguồn xả thải cho khu vực dự án thí điểm.	Các kết quả đã được ứng dụng thông qua hoạt động làm việc nhóm tại Chương trình Đào tạo nâng cao
3	Vận hành WDSI	Đối tác đã được đào tạo thực hành xây dựng WDSI và bản đồ nguồn ô nhiễm.	Kết quả đạt được đã hỗ trợ hoạt động quản lý thường xuyên của các học viên tham gia

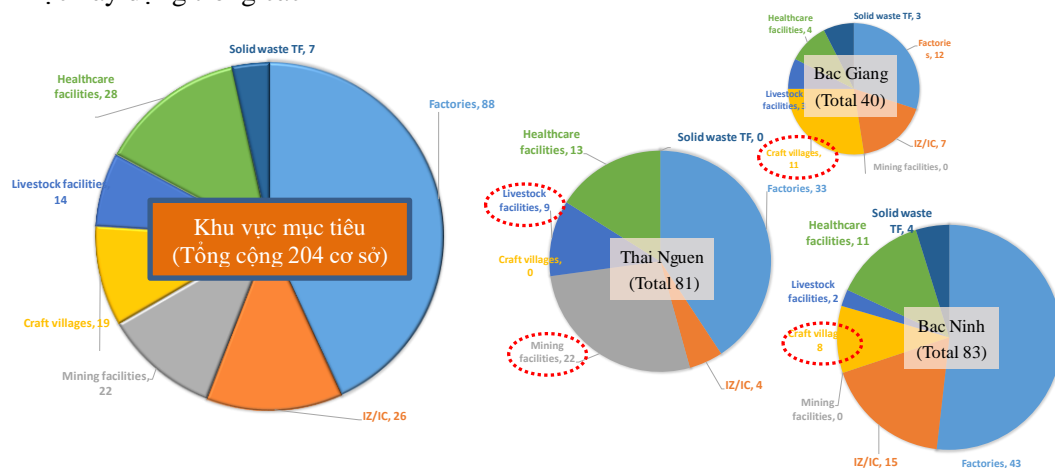
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

i) Đánh giá Kiểm kê nguồn xả nước thải (Kiểm kê nguồn ô nhiễm)

Trong khu vực DATĐ, để thu thập dữ liệu và thông tin cho hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước và môi trường nước lưu vực, kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI) với mục tiêu là các nguồn xả nước thải có quy mô lớn đã được xây dựng. Dữ liệu và thông tin được thu thập được lưu trữ trong biểu dữ liệu Excel, và tóm tắt các đặc điểm của lưu lượng xả, chẳng hạn như các loại hình nguồn xả thải, tỷ lệ các nhà máy có phê duyệt ĐTM / Kế hoạch BVMT / Cam kết BVMT, và giấy phép xả thải, hoặc thực hiện quan trắc nước thải. Những thông tin này rất cần thiết phục vụ cho công tác quy hoạch và triển khai quản lý nguồn xả thải. Ngoài ra, dựa vào dữ liệu thu thập, tải lượng xả thải được tính toán và có thể được sử dụng để ước tính tải lượng ô nhiễm khu vực và tính sức chịu tải.

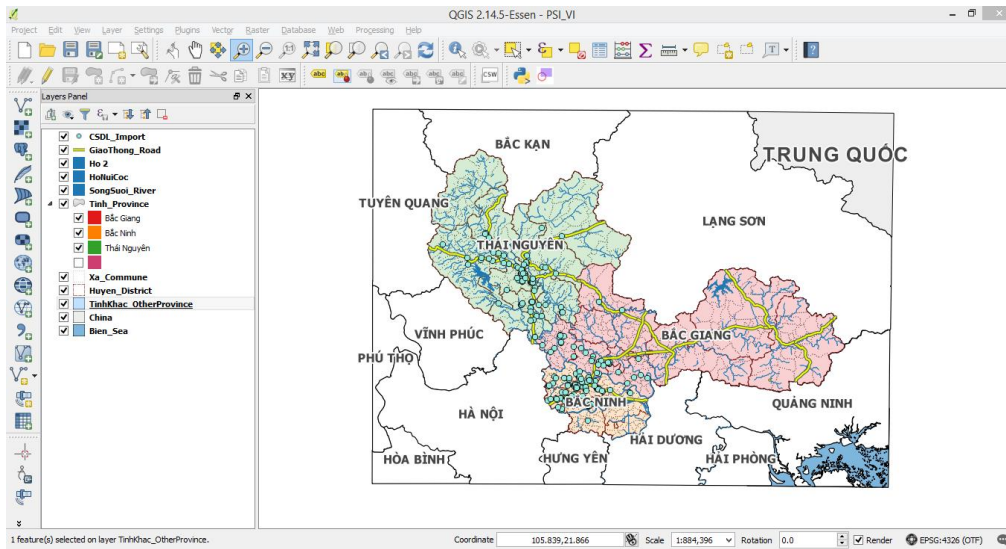
Trong khu vực DATĐ, bản đồ nguồn ô nhiễm được xây dựng trên cơ sở GIS. Đây là một công cụ hữu hiệu trong quản lý nguồn thải, chỉ ra vị trí các điểm xả thải cũng như đặc điểm từng nguồn. Bản đồ nguồn thải có thể được ứng dụng trong công tác quản lý môi trường nói riêng, hoặc công bố công khai để nâng cao nhận thức trong nhân dân, và những cơ quan liên quan.

Hình 5-3 và Hình 5-4 hiển thị thông tin được tóm tắt từ WDSI và bản đồ nguồn xả nước thải được xây dựng trong các DATĐ.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-3 Ví dụ về tổng kết thông tin từ kết quả kiểm kê nguồn xả nước thải**

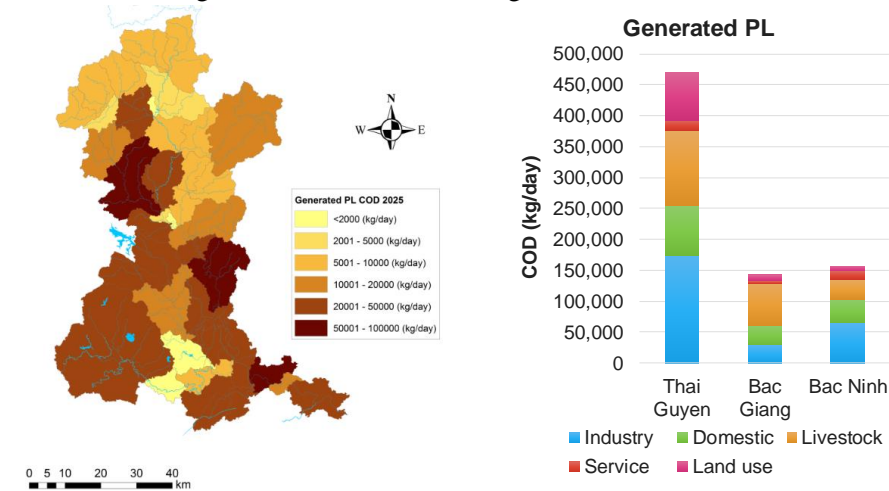


Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-4 Bản đồ nguồn xả nước thải trong lưu vực sông Cầu**

ii) Kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm

Phân tích tải lượng ô nhiễm được thực hiện dựa trên các dữ liệu có sẵn, như thống kê như dân số và sản lượng công nghiệp, với các đơn vị tải lượng ô nhiễm đã được nghiên cứu tại Việt Nam và các quốc gia khác. Tải lượng ô nhiễm được ước tính theo từng loại nguồn xả thải, tại các tỉnh mục tiêu trong lưu vực sông Cầu. Tải lượng cũng được tính cho từng tiểu lưu vực trong DATĐ, và đưa vào bản đồ để hiển thị sự khác biệt của tải lượng được tạo ra trong mỗi tiểu lưu vực. Kết quả của phân tích tải lượng ô nhiễm được chỉ ra trong Hình 5-5.

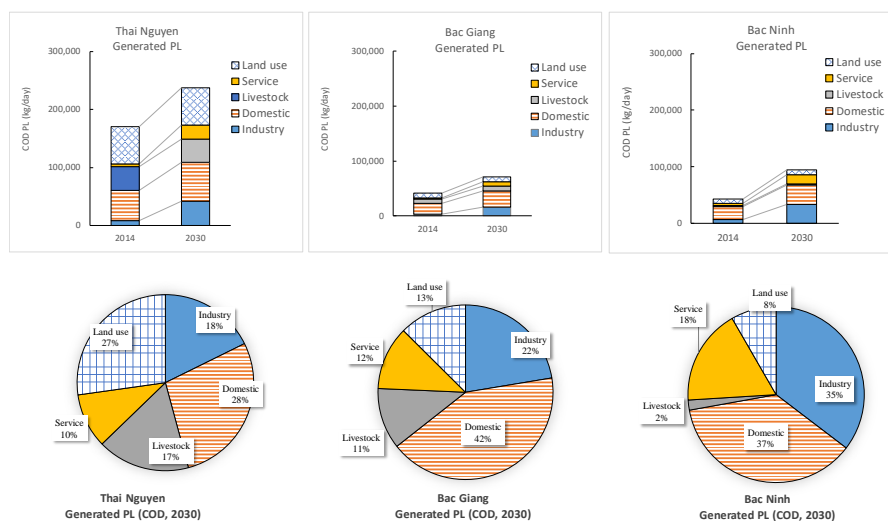


Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-5 Tải lượng COD (kg/ngày) phát sinh trong lưu vực sông Cầu**

iii) Đánh giá sự đóng góp của tải lượng ô nhiễm tại điểm giám sát

Theo quan điểm kiểm soát tải lượng ô nhiễm trong quản lý lưu vực sông, điều quan trọng là phải đánh giá được lượng và loại hình các nguồn gây ô nhiễm trong năm kế hoạch mục tiêu cho QLMTNLVS. Trong Dự án, tải lượng ô nhiễm trong tương lai đến năm 2025 và 2030 cũng được tính toán. Hình 5-6 trình bày kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm đến năm 2030 trong lưu vực sông Cầu. Các số liệu cho thấy sự khác biệt về tỷ lệ đóng góp của từng loại nguồn ô nhiễm. Loại thông tin này có thể được sử dụng để kiểm tra, quản lý tải lượng ô nhiễm hiệu quả tùy thuộc vào đặc điểm của các loại nguồn ô nhiễm ở mỗi tỉnh trong lưu vực sông.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-6** Phần trăm tải lượng đóng góp theo các ngành

iv) Ước tính sức chịu tải trên cơ sở khoa học

Dựa trên phân tích tải lượng ô nhiễm, và kết quả phân tích thủy văn, ước tính sức chịu tải theo khoa học được thực hiện thông qua mô hình mô phỏng chất lượng nước cho sông Cầu, mô hình QUAL2K. Sức chịu tải lưu vực được tính toán ở điểm hạ nguồn nhất. Kết quả tính toán cho DATĐ được trình bày trong Bảng 5-17. Theo kết quả ước tính, 90% tải lượng ô nhiễm trên lưu vực sông Cầu được phát thải từ khu vực thí điểm của dự án. Trong khu vực thí điểm này, tỉnh Thái Nguyên có tỷ lệ đóng góp tải lượng ô nhiễm cao nhất, 40%. Tiếp theo là tỉnh Bắc Ninh với tỉ lệ đóng góp tải lượng ô nhiễm là 37%. Tỷ lệ đóng góp tải lượng ô nhiễm của tỉnh Bắc Giang ước tính là 13%. Trong DATĐ, sức chịu tải ước tính theo giá trị tiêu chuẩn môi trường A1 và B1, dựa trên tỷ lệ đóng góp nói trên.

Sức chịu tải có thể được sử dụng làm cơ sở khoa học để phân bổ tải lượng ô nhiễm được chấp nhận chung trong một lưu vực sông, trên cơ sở cân nhắc kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và QLMTNLVS, thông qua thảo luận và phối hợp giữa các tỉnh.

**Bảng 5-17** Kết quả ước tính sức chịu tải

Tỉnh	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	Tổng khu vực DATĐ	Từ thượng nguồn
Tỷ lệ đóng góp (%)	40.0%	13.0%	37.0%	90.0%	10%
Sức chịu tải (kg/ngày)	QCVN (A1)	105,728	34,361	237,887	26,432
	QCVN (B1)	343,615	111,675	317,844	773,133

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**5.4.2 Thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ) tại lưu vực sông Đồng Nai**

Tiến độ và kết quả thực hiện các DATĐ được trình bày tại Bảng 5-18

**Bảng 5-18** Kết quả các dự án thí điểm tại lưu vực sông Đồng Nai

#	Mục	Kết quả	Kết quả/Tìm kiếm
Triển khai mô hình mô phỏng cho việc tính toán năng lực xả thải và hạn ngạch xả thải dự kiến hợp lý			
1	Phân tích tải lượng ô nhiễm	Đã tiến hành phân tích tải lượng ô nhiễm tại các khu vực thí điểm	Các kết quả đạt được sẽ được nâng cấp bằng cách đồng làm việc thông qua Chương trình Đào tạo nâng cao
2	Xây dựng mô hình mô phỏng	Đã xây dựng mô hình mô phỏng dự kiến tại khu vực dự án thí điểm.	JET sẽ hoàn thiện mô hình mô phỏng.

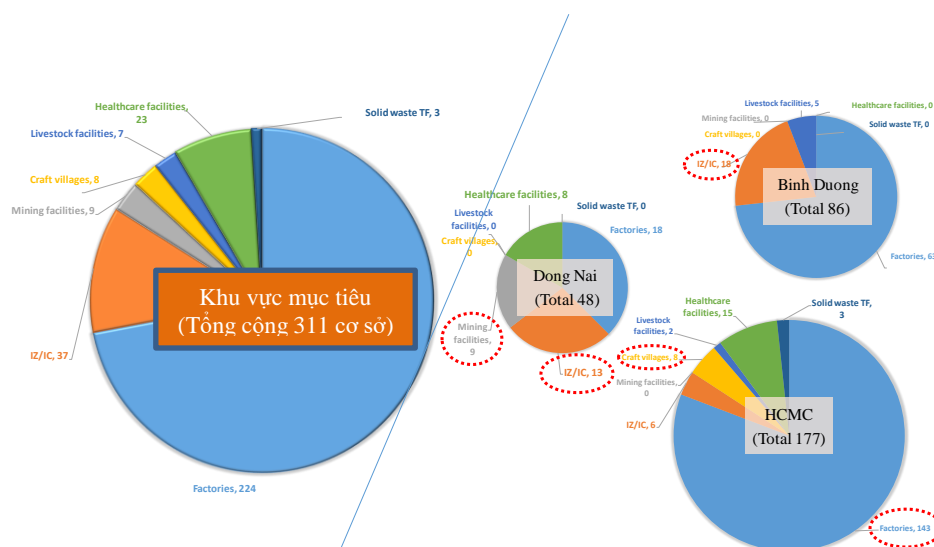
#	Mục	Kết quả	Kết quả/Tìm kiếm
3	Tính toán sức chịu tải	Ước tính sức chịu tải trong lưu vực sông Cầu trong tháng 6 năm 2017	Tính sức chịu tải được sử dụng để phân bổ hợp lý hạn ngạch xả thải và kiểm tra các biện pháp có thể giảm tải ô nhiễm.
4	Phân bổ hạn ngạch xả thải hợp lý	Phân bổ tạm thời hạn ngạch xả thải hợp lý được thực hiện tháng 8 năm 2017	Hạn ngạch xả thải hợp lý được sử dụng để kiểm tra các biện pháp có thể giảm tải ô nhiễm.
5	Các hoạt động thử nghiệm về phân bổ hạn ngạch xả thải dự kiến thông qua việc trao đổi với các tỉnh liên quan.	Kiểm tra tính hiệu quả của các biện pháp có thể để giảm tải ô nhiễm đã được thảo luận từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018.	Kinh nghiệm về việc kiểm tra các biện pháp khả thi để giảm tải ô nhiễm có thể được sử dụng để phân ánh kết quả đánh giá sức chịu tải đối phục vụ chuẩn bị kế hoạch kinh tế xã hội trong tương lai.
<b>Xây dựng và vận hành WDSI</b>			
1	Xây dựng WDSI	• Đã xây dựng được WDSI cho khu vực dự án thí điểm.	Các kết quả đã được ứng dụng thông qua hoạt động làm việc nhóm tại Chương trình Đào tạo nâng cao
2	Xây dựng bản đồ nguồn ô nhiễm	Đã xây dựng được bản đồ nguồn thải tại khu vực dự án thí điểm.	Các kết quả đã được ứng dụng thông qua hoạt động làm việc nhóm tại Chương trình Đào tạo nâng cao
3	Vận hành WDSI	Đối tác đã được đào tạo thực hành xây dựng WDSI và bản đồ nguồn ô nhiễm.	Kết quả đạt được đã hỗ trợ hoạt động quản lý thường xuyên của các học viên tham gia

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

i) **Đánh giá Kiểm kê nguồn xả nước thải (Kiểm kê nguồn ô nhiễm)**

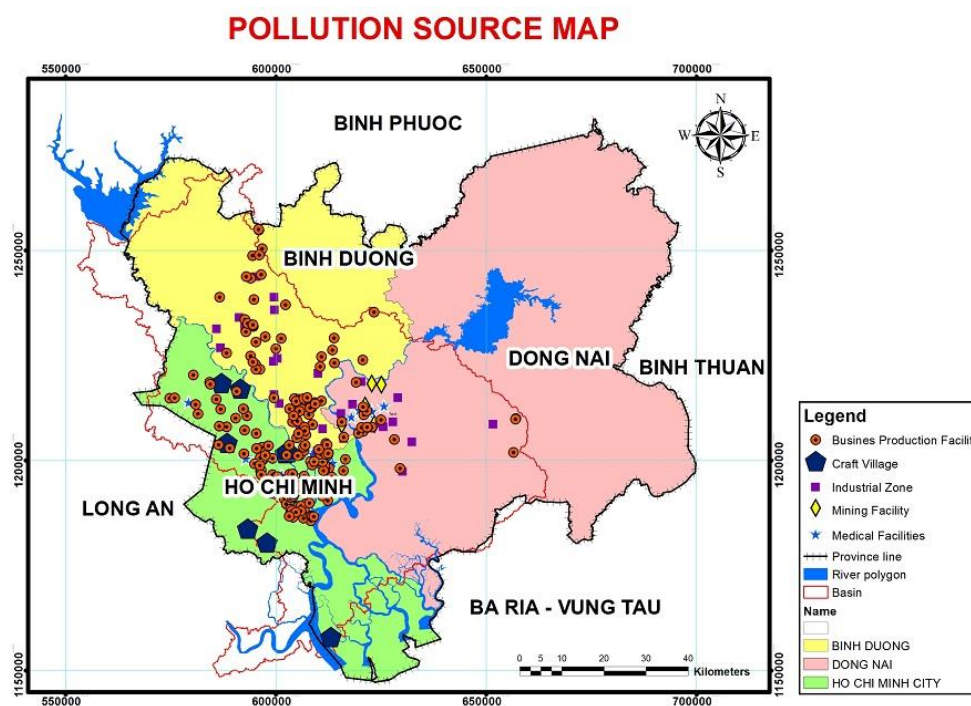
Trong khu vực DATĐ, để thu thập dữ liệu và thông tin cho hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước và môi trường nước lưu vực, kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI) với mục tiêu là các nguồn xả nước thải có quy mô lớn đã được xây dựng. Dữ liệu và thông tin được thu thập được lưu trữ trong biểu dữ liệu Excel, và tóm tắt các đặc điểm của lưu lượng xả, chẳng hạn như các loại hình nguồn xả thải, tỷ lệ các nhà máy có phê duyệt ĐTM/ Kế hoạch BVMT /Cam kết BVMT, và giấy phép xả thải, và thực hiện quan trắc nước thải. Những thông tin này rất cần thiết phục vụ cho công tác quy hoạch và triển khai quản lý nguồn xả thải. Ngoài ra, dựa vào dữ liệu thu thập, tải lượng xả thải được tính toán và có thể được sử dụng để ước tính tải lượng ô nhiễm khu vực và tính sức chịu tải.

Trong khu vực DATĐ, bản đồ nguồn ô nhiễm được xây dựng trên cơ sở GIS. Đây là một công cụ hữu hiệu trong quản lý nguồn thải, chỉ ra vị trí các điểm xả thải cũng như đặc điểm từng nguồn. Bản đồ nguồn thải có thể được ứng dụng trong công tác quản lý môi trường nói riêng, hoặc công bố công khai để nâng cao nhận thức trong nhân dân, và những cơ quan liên quan. Hình 5-7 và Hình 5-8 hiển thị thông tin được tóm tắt từ WDSI và bản đồ nguồn xả nước thải được xây dựng trong DATĐ.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-7 Minh họa tổng kết thông tin từ kết quả Kiểm kê nguồn xả nước thải**



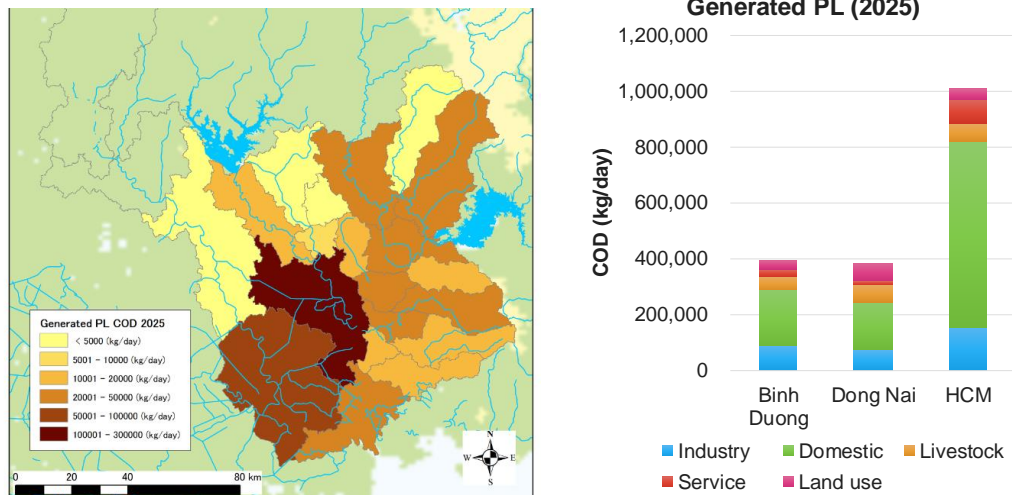
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-8 Bản đồ nguồn xả nước thải trong lưu vực sông Đồng Nai**



ii) Kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm

Phân tích tải lượng ô nhiễm được thực hiện dựa trên các dữ liệu có sẵn, như thống kê như dân số và sản lượng công nghiệp, với các đơn vị tải lượng ô nhiễm đã được nghiên cứu tại Việt Nam và các quốc gia khác. Tải lượng ô nhiễm được ước tính theo từng loại nguồn xả thải, tại các tỉnh mục tiêu trong lưu vực sông Đồng Nai. Tải lượng cũng được tính cho từng tiểu lưu vực trong DATĐ, và đưa vào bản đồ để hiển thị sự khác biệt của tải lượng được tạo ra trong mỗi tiểu lưu vực. Kết quả của phân tích tải lượng ô nhiễm được chỉ ra trong Hình 5-9.

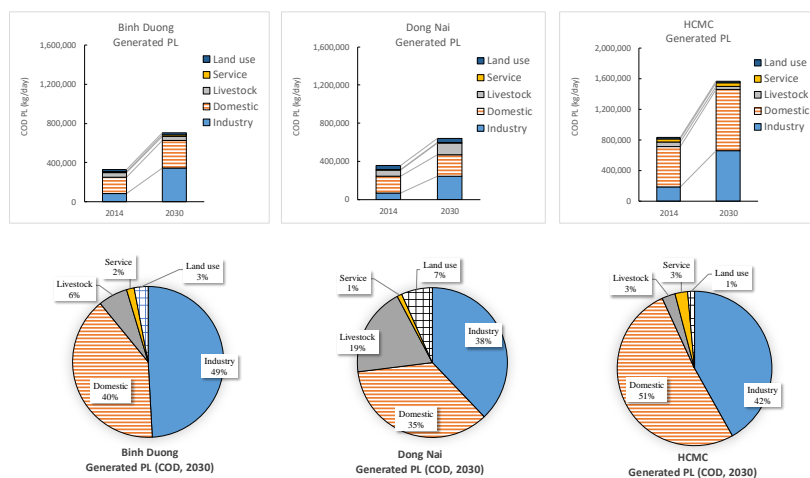


Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-9 Tải lượng COD (kg/ngày) phát sinh trong lưu vực sông Đồng Nai**

iii) Đánh giá sự đóng góp của tải lượng ô nhiễm tại điểm giám sát

Theo quan điểm kiểm soát tải lượng ô nhiễm trong quản lý lưu vực sông, điều quan trọng là phải đánh giá được lượng và loại hình các nguồn gây ô nhiễm trong năm kế hoạch mục tiêu cho QLMTNLVS. Trong Dự án, tải lượng ô nhiễm trong tương lai đến năm 2025 và 2030 cũng được tính toán. Hình 5-10 trình bày kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm đến năm 2030 trong lưu vực sông Đồng Nai. Các số liệu cho thấy sự khác biệt về tỷ lệ đóng góp của từng loại nguồn ô nhiễm. Loại thông tin này có thể được sử dụng để kiểm tra, quản lý tải lượng ô nhiễm hiệu quả tùy thuộc vào đặc điểm của các loại nguồn ô nhiễm ở mỗi tỉnh trong lưu vực sông.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 5-10 Phần trăm tải lượng đóng góp theo các ngành**

iv) Ước tính sức chịu tải

Dựa trên phân tích tải lượng ô nhiễm, và kết quả phân tích thủy văn, ước tính sức chịu tải theo khoa học được thực hiện thông qua mô hình mô phỏng chất lượng nước cho sông Đồng Nai, mô hình MIKE 11. Sức chịu tải lưu vực được tính toán ở điểm hạ nguồn nhất. Kết quả tính toán cho DATĐ được trình bày trong Bảng 5-19. Theo kết quả ước tính, 56% tải lượng ô nhiễm tại thượng nguồn lưu vực sông Đồng Nai được phát thải từ khu vực dự án thí điểm. Trong khu vực dự án thí điểm, thành phố HCM có tỷ lệ đóng góp tải lượng ô nhiễm cao nhất với 26%. Tỉnh Bình Dương và Đồng Nai có tỷ lệ đóng góp tương đương với giá trị tương ứng 17%, và 14%. Trong khu vực DATĐ, sức chịu tải được ước tính dựa trên giá trị tiêu chuẩn môi trường A1 và B1, với tỷ lệ đóng góp nêu trên. Sức chịu tải được sử dụng làm cơ sở khoa học để phân bổ tải lượng ô nhiễm được chấp nhận chung trên một lưu vực, trên cơ sở cân nhắc kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, thành phố và QLMTNLVS, thông qua thảo luận và phối hợp giữa các tỉnh liên quan.

**Bảng 5-19 Kết quả ước tính sức chịu tải**

Tỉnh	Bình Dương	Đồng Nai	TP. HCM	Tổng khu vực DATĐ	Từ thượng nguồn
Tỷ lệ đóng góp (%)	16.7%	13.6%	25.7%	55.9%	44.1%
Phân bổ khoa học (kg/ngày)	QCVN (A1)	299,782	243,910	461,104	1,004,796
	QCVN (B1)	1,405,520	1,143,565	2,161,871	4,710,957

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 5.4.3 Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng

Như đã mô tả trong mục 5.3.4 kế hoạch thực hiện DATĐ đối với hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng được tổ chức tại tỉnh Bắc Giang như một hoạt động DATĐ. Kết quả các sự kiện như sau:

(1) Thực hiện các hoạt động nhận thức môi trường

i) Nội dung và thành phần tham gia

Ba sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng đã được lên kế hoạch và thực hiện tại tỉnh Bắc Giang nhằm nâng cao nhận thức của học sinh địa phương về quản lý môi trường nước. Thời gian, nội dung, và thành phần tham gia được tóm tắt trong Bảng 5-20.

**Bảng 5-20 Tóm tắt sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng tại tỉnh Bắc Giang**

STT	Ngày	Nội dung	Thành phần
Sự kiện lần thứ nhất	25/8/ 2017	- Bài giảng về hiện trạng chất lượng nước sông Cầu trước khi đi thực địa - Giới thiệu học sinh cách sử dụng máy đo và bộ thử nhanh - Phân phối tài liệu truyền thông dùng cho sự kiện nâng cao nhận thức môi trường	Giáo viên và học sinh trường THCS Trần Nguyên Hân, TP. Bắc Giang: 40 học sinh và 10 giáo viên
	26/8/ 2017	Lấy mẫu nước và phân tích hiện trường tại ba điểm từ thượng nguồn xuống hạ nguồn sông Cầu tại tỉnh Bắc Giang Vị trí 1) Cầu Vát, huyện Hiệp Hòa Vị trí 2) Cầu Đáp Cầu, Huyện Việt Yên Vị trí 3) Cầu Yên Lư, huyện Yên Dũng	
Sự kiện lần thứ hai	22/9/ 2017	- Bài giảng trước khi đi thực địa - Giới thiệu học sinh cách sử dụng máy đo và bộ thử nhanh - Phân phối tài liệu truyền thông dùng cho sự kiện nâng cao nhận thức môi trường	Giáo viên và học sinh trường THPT Thái Thuận, TP. Bắc Giang: 40 học sinh và 10 giáo viên
	23/9/ 2017	Lấy mẫu nước và phân tích hiện trường tại ba điểm từ thượng nguồn xuống hạ nguồn sông Cầu tại tỉnh Bắc Giang Vị trí 1) Cầu Vát, huyện Hiệp Hòa Vị trí 2) Cầu Đáp Cầu, Huyện Việt Yên Vị trí 3) Cầu Yên Lư, huyện Yên Dũng	
Sự kiện lần thứ ba	20/9/ 2017	- Bài giảng trước khi đi thực địa - Giới thiệu học sinh cách sử dụng máy đo và bộ thử nhanh - Phân phối tài liệu truyền thông dùng cho sự kiện nâng cao nhận thức môi trường	Giáo viên và học sinh trường chuyên Bắc Giang, TP. Bắc Giang:



STT	Ngày	Nội dung	Thành phần
		trường Lấy mẫu nước và phân tích hiện trường tại ba điểm từ thượng nguồn xuống hạ nguồn sông Cầu tại tỉnh Bắc Giang Vị trí 1) Cầu Vát, huyện Hiệp Hòa Vị trí 2) Cầu Đáp Cầu, Huyện Việt Yên Vị trí 3) Cầu Yên Lư, huyện Yên Dũng	43 học sinh và 11 giáo viên

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Trong các sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng, các hoạt động sau đã được thực hiện:

- Tổ chức bài giới thiệu về hiện trạng chất lượng nước trên lưu vực sông Cầu,
- Tiến hành phân tích chất lượng nước tại hiện trường, sử dụng công cụ TEST KIT – thể hiện nồng độ của một số thông số chất lượng nước chính thông qua chỉ thị màu,
- Thảo luận về những hành động cần thực hiện trong quản lý môi trường nước sông, dựa trên kết quả phân tích thực địa.

Một số hình ảnh về sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng trong Hình 5-11.



Giải thích cho học sinh trước khi đi thực địa



Sử dụng bộ thử nhanh kiểm tra chất lượng nước



Bài giảng tại thực địa do JET



Ảnh kỷ niệm

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### Hình 5-11 Ảnh sự kiện nâng cao nhận thức cộng đồng

#### ii) Ý kiến chính từ thành viên tham gia

Thông qua phân tích chất lượng nước tại thực địa, các học sinh tại địa phương đã có nhận thức cơ bản về chất lượng nước trên sông Cầu trên địa phận tỉnh Bắc Giang, một số kết quả phân tích vượt quá tiêu chuẩn môi trường về chất lượng nước. Hầu hết các thành viên hài lòng với sự kiện và nhận ra tầm quan trọng của môi trường. Sau đây là những ý kiến chính:

- Khảo sát chất lượng nước rất hữu ích, có ý nghĩa, nâng cao nhận thức và hiểu biết về môi trường nước, tầm quan trọng của nước, giúp hiểu thêm về sông Cầu và mức độ ô nhiễm của nước sông Cầu
- Nên tổ chức nhiều cuộc khảo sát, đi xa hơn ở nhiều con sông
- Mong muốn phân tích thêm các chỉ tiêu chất lượng nước
- Thực hiện những hoạt động cần thiết để bảo vệ môi trường nước sông

(2) Tư liệu cho sự kiện nâng cao nhận thức môi trường

i) Thiết bị phân tích

Qua sự kiện nâng cao nhận thức môi trường, “máy đo đa chức năng” và bộ thử nhanh được các thành viên sử dụng phân tích chất lượng nước. máy đo đa chức năng như trong Hình 5-12. Một trong những lợi thế của các thiết bị này là xác định mức độ ô nhiễm thô của chất lượng nước rõ ràng và nhanh chóng bằng cách phân tích đơn giản các thông số đại diện tại hiện trường. Đối với các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, các thiết bị này cho thấy chất lượng nước rõ ràng trên thực địa, thích hợp trong việc giúp đối tượng tham gia nắm được tình hình chất lượng nước. Trong hoạt động nâng cao nhận thức của Dự án, các học sinh tại địa phương đã thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ về việc thay đổi màu sắc trong bộ thử nghiệm Test Kit và các bộ má, góp phần nâng cao nhận thức của họ về sự cần thiết phải nắm bắt tình trạng chất lượng nước hiện tại.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA, Nhà thầu phụ

**Hình 5-12 Ảnh máy đo đa chức năng (trái) và Bộ thử nhanh (phải)**

ii) Tư liệu truyền thông cho sự kiện nâng cao nhận thức môi trường

Thiết kế tư liệu truyền thông (áo phông, mũ, bình nước) cho các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường được chuẩn bị bởi nhà thầu phụ. Các sản phẩm được minh họa trong Hình 5-13. Các tư liệu truyền thông này có thể được sử dụng trong các hoạt động nâng cao nhận thức khác, sau khi dự án hoàn thành.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA, Nhà thầu phụ

**Hình 5-13 Ảnh tư liệu truyền thông được sử dụng cho sự kiện nâng cao nhận thức môi trường**

(3) Kết quả chia sẻ thông tin của sự kiện

JET, Sở TN&MT Bắc Giang và nhà thầu phụ chuẩn bị tư liệu để chia sẻ thông tin trên nhiều website để chia sẻ kết quả hoạt động. Kết quả được chia sẻ trên nhiều kênh truyền thông như trong Hình 5-14

- Sở TN&MT Bắc Giang đã thành lập trang thông tin điện tử và báo điện tử để kết nối, chia sẻ thông tin tới cộng đồng. Các hoạt động nâng cao nhận thức trong khuôn khổ Dự án đã được giới thiệu trên các trang này. Các kênh truyền thông này đã chia sẻ thông tin chi tiết về các học sinh tham gia sự kiện và khuyến khích hoạt động nâng cao nhận thức của người dân địa phương.
- Báo Bắc Giang đã đưa tin về hoạt động nâng cao nhận thức của Dự án. Tờ báo đã tập trung giải thích các học sinh đã tiến hành đo đạc thông số pH, COD, NH<sub>4</sub><sup>+</sup> và Sắt tại hiện trường thông qua công cụ thử nhanh tới từ Nhật Bản. Bài báo cũng nhấn mạnh về sự hiểu biết của học sinh về hiện trạng chất lượng nước dựa trên kết quả phân tích và mong muốn chia sẻ kiến thức của mình về bảo vệ môi trường nước tới gia đình và bạn bè, v.v...
- Sở TN&MT Bắc Giang đã báo cáo hoạt động nâng cao nhận thức tới TCMT, Tạp chí môi trường thuộc TCMT đã cử phóng viên tham gia và đưa tin về hoạt động này. Tạp chí đã giải thích hoạt động phân tích chất lượng nước được thực hiện trên lưu vực sông Cầu và kết luận rằng hoạt động này là một trong những kết quả có ý nghĩa của Dự án.





Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA, Nhà thầu phụ

**Hình 5-14 Sự kiện nâng cao nhận thức trên trang thông tin điện tử của Sở TN&MT Bắc Giang và báo điện tử Bắc Giang**



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA, nhà thầu phụ

**Hình 5-15 Sự kiện nâng cao nhận thức môi trường được đưa tin trên Báo Bắc Giang (số ra ngày 25 tháng 9 năm 2017)**



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA, Nhà thầu phụ

**Hình 5-16 Sự kiện nâng cao nhận thức môi trường được đưa tin trên Tạp chí môi trường**

### 5.5 Hoạt động 2-5: Chia sẻ kết quả thu được với các cơ quan liên quan trong Bộ TN&MT/TCMT và Sở TN&MT trong lưu vực sông mục tiêu

Các sản phẩm do JET và cơ quan đối tác xây dựng, bao gồm các hoạt động thầu phụ được liệt kê sau đây. Tất cả các sản phẩm được chia sẻ tới những cơ quan liên quan tại Cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án, hội thảo, Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh, và cuộc họp thường kỳ Ban QLDA. Hơn nữa, các kỹ thuật phân tích tải lượng ô nhiễm đã được chuyển giao cho đối tác trong chương trình đào tạo cơ bản và đào tạo nâng cao. Kiến thức và kỹ thuật thu được của Kết quả-2 đã được thực hiện / thực hành thông qua các bước thực hiện kế hoạch hành động.

Đặc biệt, các tài liệu tập huấn được sử dụng trong khóa ATC 1-2 được phía đối tác yêu cầu tổng hợp lại và xuất bản dưới dạng sách để chia sẻ tới nhiều cơ quan liên quan hơn như các Sở TN&MT khác. Dựa trên nội dung thảo luận với Ban QLDA, tài liệu tập huấn được in dưới dạng một ấn phẩm của Bộ TN&MT với số lượng 500 cuốn để chia sẻ tới các cơ quan liên quan.

**Bảng 5-21 Các sản phẩm của hoạt động kết quả-2**

STT	Tên sản phẩm	Loại
1	Các tài liệu đào tạo về đánh giá sức chịu tải	In sách
2	Phân tích tải lượng ô nhiễm (lưu vực sông Cầu)	Mô hình QUAL2K Báo cáo
3	Phân tích tải lượng ô nhiễm (lưu vực sông Đồng Nai)	Mô hình MIKE11 Báo cáo
4	Nghiên cứu mô hình mô phỏng chất lượng nước được sử dụng cho tải lượng ô nhiễm và tính sức chịu tải và đề xuất mô hình triển khai thí điểm trên sông Cầu và Đồng Nai	Báo cáo
5	Xây dựng WDSI (lưu vực sông Cầu)	CSDL

STT	Tên sản phẩm	Loại
6	Xây dựng WDSI (lưu vực sông Đồng Nai)	CSDL
7	Nhận thức về môi trường cho học sinh	Tổ chức sự kiện
8	Rà soát thể chế hiện tại của cơ chế phối hợp phục vụ cho quản lý môi trường nước lưu vực sông	Báo cáo
9	Rà soát chính sách hiện hành, hệ thống pháp luật và tổ chức về đánh giá sức chịu tải và ước tính giấy phép xả thải	Báo cáo
10	Đánh giá hệ thống thể chế và pháp lý hiện tại các nguồn xả nước thải chính cho QLMTNLVS về quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam	Báo cáo
11	Đánh giá hệ thống pháp luật và thể chế hiện hành về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin và dữ liệu cho quản lý môi trường nước lưu vực sông Việt Nam (QLMTNLVS)	Báo cáo

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## 6. Kết quả-3: Lộ trình cải thiện QLMTNLVS được xây dựng dựa trên Kết quả -1 và Kết quả - 2, Bộ TN&MT/TCMT sẵn sàng thực hiện các hoạt động thúc đẩy công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông trong tương lai (QLTH TNN LVS)

### 6.1 Hoạt động 3-1: Lồng ghép các kết quả của dự án và phản ánh kết quả vào dự thảo thông tư trong kết quả-1

Trong khuôn khổ dự án, dự thảo cuối cùng các thông tư và văn bản pháp lý được hoàn thiện trong khuôn khổ Kết quả - 1. Để xây dựng những tài liệu này, bài học kinh nghiệm và ý kiến góp ý từ nhiều cơ quan đối tác tại các DATĐ đã được tổng hợp và phản ánh. Những bài học kinh nghiệm và ý kiến này đã được xác nhận và thảo luận tại nhiều cuộc họp kỹ thuật với các chuyên gia trong nước thường xuyên cộng tác với TCMT/Bộ TN&MT, tại các cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh và hội thảo với các Sở TN&MT mục tiêu. TCMT đã tóm tắt các văn bản pháp luật và các tài liệu khác sẽ được chuẩn bị thông qua Dự án, và được xác nhận vào JCC lần thứ 4 vào tháng 5 năm 2018 như nêu tại bảng sau:

**Bảng 6-1 Văn bản pháp lý do Dự án đề xuất**

PDM (bản 02)	Định hướng và Phương thức xây dựng	Phương thức tích hợp những bài học kinh nghiệm vào Kết quả -2
1) Thông tư 1: Văn bản pháp lý về cơ chế điều phối phục vụ QLMTNLVS	1) Hướng dẫn/Báo cáo kỹ thuật nghiên cứu, đề xuất cơ chế điều phối phục vụ QLMTNLVS, với nội dung chính như sau a) Hướng dẫn quy trình/đơn vị chịu trách nhiệm quy định sức chịu tải giữa các địa phương b) Khuyến nghị những nội dung quan trọng trong phân bổ sức chịu tải giữa các địa phương	Nội dung thảo luận về cơ chế điều phối tại các cuộc họp TF được phản ánh
2) Thông tư-2: Thông tư về đánh giá sức chịu tải và ước tính hạn ngạch xả thải	1) Dự thảo thông tư do Dự án đề xuất được tích hợp vào thông tư sửa đổi do Cục QLTNN xây dựng với tên gọi: Thông tư 76/2017/TT-BTNMT “Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của sông, hồ. 2) Hướng dẫn kỹ thuật (TG) về Tính toán sức chịu tải được ban hành dưới dạng Quyết định số 154 của TCMT	Kinh nghiệm thực hiện các DATĐ về tính toán sức chịu tải đã được phản ánh, chia sẻ tại những cuộc họp kỹ thuật. Kinh nghiệm thực hiện các DATĐ về tính toán sức chịu tải đã được phản ánh, chia sẻ tại những cuộc họp kỹ thuật.
3) Thông tư-3: Thông tư hướng dẫn xác định các nguồn nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS	1) Dự thảo Thông tư hướng dẫn xác định các nguồn nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS 2) Dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật về Kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI) phục vụ công tác quản lý lưu vực sông	Kinh nghiệm thực hiện các DATĐ về tính toán sức chịu tải đã được phản ánh, chia sẻ tại những cuộc họp kỹ thuật.
4) Thông tư -4: Thông tư về cơ chế chia sẻ và công bố thông tin dữ liệu môi trường nước lưu vực sông liên tỉnh;	1) Dự thảo Hướng dẫn về Chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán tải lượng ô nhiễm và Xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải	Thảo luận về chia sẻ và thu thập thông tin, dữ liệu cần thiết để đánh giá sức chịu tải tại các cuộc họp TF được tham khảo.
5) Thông tư -5: Nghị định hướng dẫn thủ tục và mẫu tài liệu đề yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên;	1) Nghị định – 03 sửa đổi, bao gồm nội dung bồi thường thiệt hại môi trường. Nội dung hai thông tư đã được gộp chung.	Thảo luận về vấn đề bồi thường môi trường tại các hội thảo tham vấn được vận dụng.
6) Thông tư – 6: Nghị định quy định quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ, hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội		

PDM (bản 02)	Định hướng và Phương thức xây dựng	Phương thức tích hợp những bài học kinh nghiệm vào Kết quả -2
đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.		

Nguồn: TCMT, Nhóm Chuyên gia JICA

## 6.2 Hoạt động 3-2: Chuẩn bị chương trình và thực hiện các khóa tập huấn

TCMT, Sở TN&MT và JET đã chuẩn bị chương trình đào tạo nâng cao (ATC). Khóa tập huấn nâng cao ATC liên quan tới Kết quả - 3 đã được thực hiện trong quá trình hoàn thiện dự thảo cuối cùng Thông tư – 2 và Thông tư -3 thông qua thảo luận giữa JET và các cơ quan đối tác. Thông qua hoạt động thảo luận, nội dung chi tiết của từng đoạn trong Thông tư đã được cân nhắc và bàn bạc với cơ quan đối tác và chuyên gia trong nước tại những cuộc họp liên quan.

Đặc biệt, một hội thảo kỹ thuật và cuộc họp kỹ thuật tổng kết đã được thực hiện để hoàn thiện Thông tư 2, liên quan tới phân tích tổng tải lượng ô nhiễm. Cuộc họp kỹ thuật tổng kết đã hoàn thiện những nội dung chi tiết của Thông tư -2 và hướng dẫn kỹ thuật được ban hành dưới dạng Quyết định của TCMT.

Ngoài Khóa đào tạo nâng cao, JET đã cung cấp các khóa đào tạo tại Nhật Bản 3 lần. Đặc biệt, tại khóa đào tạo cuối cùng tại Nhật Bản (khóa đào tạo thứ 3 tại Nhật Bản từ ngày 26 tháng 9 đến ngày 4 tháng 10 năm 2018), một số bài giảng có liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLTHTNN). Một trong những bài giảng đáng chú ý đã được thực hiện bởi Tiến sĩ Masahisa Nakamura, giáo sư thỉnh giảng nổi tiếng của đại học Shiga. như sau;

Tiêu đề: Cải thiện quản trị trong quản lý lưu vực hồ (ILBM): Hồ Biwa và kinh nghiệm toàn cầu

Giảng viên Tiến sĩ Masahisa Nakamura, giáo sư thỉnh giảng của đại học Shiga.

Nội dung:

- Giới thiệu hồ Biwa và sông Yodo
- Kiểm soát mực nước, Kiểm soát dòng chảy, Lịch sử lũ trên hồ Biwa
- Phát triển toàn diện, kiểm soát lũ và phát triển tài nguyên nước, cấp nước và thoát nước cho hạ lưu, thủy lợi và thoát nước, đa dạng các hệ thống thoát nước
- Thành tựu quản lý lưu vực hồ (ILBM), lý do và kết quả, chất lượng nước
- Chuyển tiếp, kinh nghiệm toàn cầu (Bài học rút ra từ 28 trường hợp), Người tham gia, Quy trình thiết lập chương trình nghị sự, Quy trình hướng dẫn của các bên liên quan, Quy trình hướng đến xã hội dân sự, Quy trình hướng nền tảng

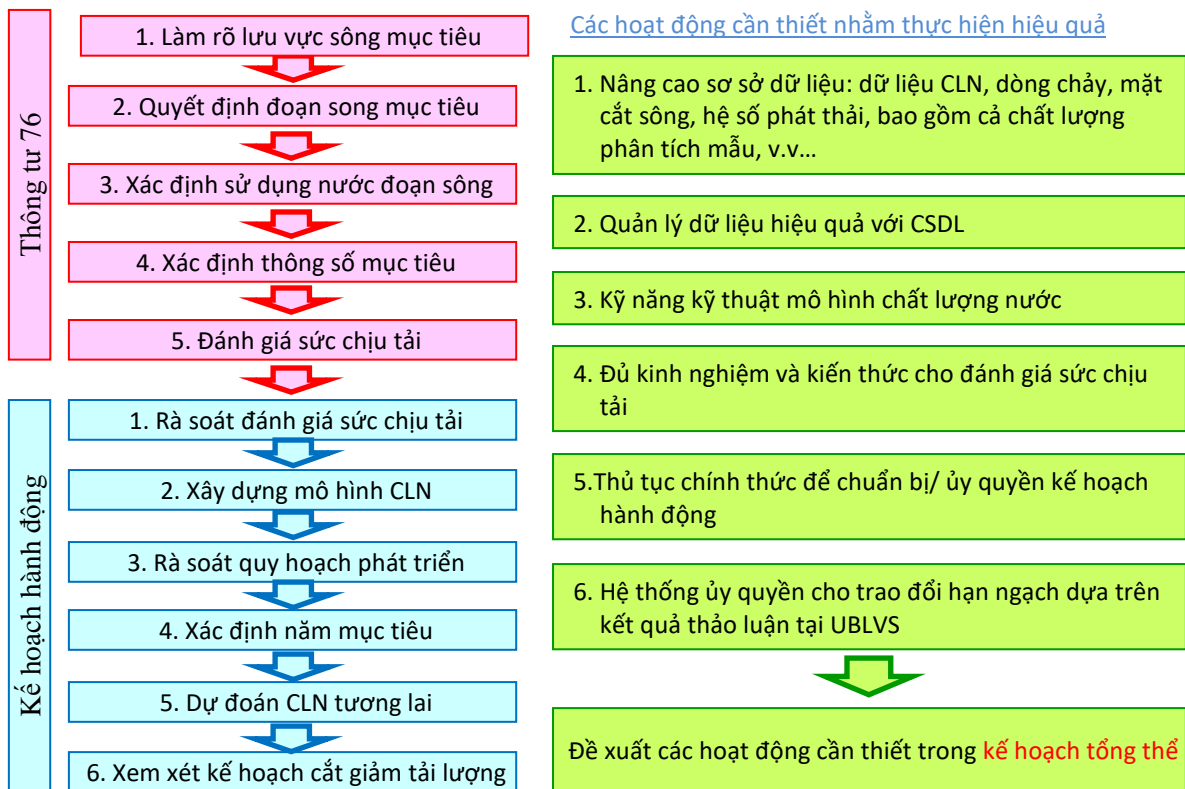
## 6.3 Hoạt động 3-3: Chuẩn bị kế hoạch hành động cải thiện QLMTNLVS làm rõ vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình thực hiện

Quá trình chuẩn bị Kế hoạch hành động đã được bắt đầu từ tháng 9 năm 2017. Vào tháng 11 năm 2017, xây dựng kịch bản điều chỉnh tải lượng ô nhiễm dự kiến dựa vào phân tích tải lượng ô nhiễm trong tương lai và thảo luận với TCMT và từng tỉnh mục tiêu.

Trong cuộc họp TF lần thứ 5 được tổ chức vào tháng 1 năm 2018, quy trình chuẩn bị Kế hoạch hành động đã được chia sẻ và thảo luận với các sở TN&MT mục tiêu. Các sở TN&MT có liên quan như sở TN&MT Thái Nguyên và sở TN&MT Đồng Nai đã tiến hành đánh giá sức chịu tải trong lưu vực sông. Dự thảo kế hoạch hành động cuối cùng được hoàn thiện vào Tháng 3 năm 2019. Quá trình chuẩn bị Kế hoạch hành động được chia sẻ và thảo luận với các bộ phận mới phụ trách quản lý lưu vực sông và UBLVS.

Quá trình đánh giá sức chịu tải đang được rà soát bằng quy trình xây dựng Kế hoạch hành động có liên quan chặt chẽ với Thông tư-76. Các bước kiểm tra được thể hiện trong hình dưới đây.





Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 6-1** Quá trình đánh giá sức chịu tải được đề xuất trong kế hoạch hành động

#### 6.4 Hoạt động 3-4: Xây dựng kế hoạch tổng thể và thực hiện nhằm cải thiện và thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS tại Bộ TN&MT/TCMT và chính quyền địa phương/ sở TNMT tại các lưu vực sông mục tiêu

Kế hoạch tổng thể được xây dựng nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý lưu vực sông và phân tích tải lượng ô nhiễm diễn ra thuận lợi sau khi dự án hoàn thành. Để phân tích tải lượng ô nhiễm, đánh giá sức chịu tải và quản lý môi trường nước lưu vực sông hiệu quả, vẫn còn một số vấn đề cần cải thiện. Kế hoạch hành động đề xuất những hoạt động nhằm giải quyết các vấn đề này, trên cơ sở cân nhắc các sản phẩm của Dự án. Dựa trên kinh nghiệm thu được từ thực hiện các DATĐ, số lượng và loại dữ liệu cần thiết để phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải, như dòng chảy sông, dữ liệu quan trắc CLN, thông tin nguồn thải dạng diện, v.v... lớn hơn nhiều so với quản lý lưu vực theo nồng độ chất ô nhiễm. Do đó, khi QLMTNLVS theo phương pháp tổng tải lượng ô nhiễm, cần nâng cao chất lượng và số lượng thông tin, dữ liệu sẵn có về chất lượng nước sông và nguồn xả nước thải. Bên cạnh đó, khác với phương pháp quản lý thông thường theo từng địa phương, cơ chế điều phối giữa các tỉnh trên cùng lưu vực là yêu cầu bắt buộc nhằm phân bổ tải lượng ô nhiễm phát thải phù hợp. Thêm nữa, các Sở TN&MT đã chỉ ra tầm quan trọng của việc tăng cường thực thi các hoạt động như tăng cường năng lực QLMTNLVS của các cơ quan liên quan hay cải thiện chất lượng dữ liệu quan trắc. Kế hoạch tổng thể khuyến nghị 3 nhóm hoạt động chính nhằm nâng cao năng lực thể chế và chuyên môn trong QLMTNLVS theo phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm, cụ thể như sau:

- (1) Đề xuất quy định / quy tắc mới để thực hiện phân bổ sức chịu tải dựa trên Thông tư 76
- (2) Tăng cường năng lực các tổ chức thực thi QLMTNLVS  
Xác định / Làm rõ hành động chính của việc tăng cường chức năng đối với tổ chức liên quan
- (3) Tăng cường hệ thống nhằm thúc đẩy tính hiệu quả và cải thiện chất lượng dữ liệu liên quan

Kế hoạch tổng thể đã được hoàn thiện dựa trên kết quả làm việc với các Sở TN&MT, TCMT, Cục QL

TNN nhằm đề xuất những hoạt động có tính khả thi cao, cần phải thực hiện trong tương lai.  
Dựa trên kết quả thảo luận, Kế hoạch tổng thể đề xuất những hoạt động cần thực hiện như sau:

**Bảng 6-2 Đề xuất những hoạt động cần thực hiện để thiết lập một hệ thống thể chế mới**

STT	Mục	Hoạt động cần thực hiện	Tính ưu tiên
1	Hệ thống thể chế hóa Kế hoạch hành động	Kế hoạch hành động khuyến nghị các biện pháp quản lý môi trường nước bền vững dựa trên các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội. Do đó, một hệ thống thể chế hóa Kế hoạch hành động và phản ánh các kế hoạch này vào các chính sách phát triển là cần thực hiện.	Cao
2	Quy định về báo cáo tải lượng phát thải từ công nghiệp	Quy định hệ thống báo cáo mới về tải lượng ô nhiễm phát thải cần được xây dựng dựa trên quy mô công nghiệp.	Trung bình
3	Nguyên tắc quy định về tham vấn ý kiến cộng đồng	Cần thiết lập các tiêu chí, phương pháp và thời gian tham vấn ý kiến cộng đồng.	Thấp
4	Giới thiệu về phương pháp quản lý các công cụ khuyến khích kinh tế	Yêu cầu về thành lập quỹ quản lý lưu vực sông	Trung bình

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 6-3 Đề xuất những hoạt động cần thực hiện để tăng cường năng lực tổ chức**

STT	Mục	Hoạt động cần thực hiện	Tính ưu tiên
1	Thu thập thông tin nước thải sinh hoạt và nước thải nông nghiệp	Đề ước tính TLON phát sinh và phát thải, hệ thống thu thập thông tin về nguồn xả nước thải và dòng chảy sông cần được cải thiện.	Trung bình
2	Tăng cường năng lực Bộ TN&MT, UBLVS	Bộ TN & MT và UB LVS có trách nhiệm quy định sức chịu tải đối với lưu vực sông liên tỉnh và liên quốc gia. Bộ TN&MT và UBLVS cần tăng cường năng lực đánh giá kết quả sức chịu tải.	Cao
3	Tăng cường năng lực UBND Tỉnh	UBND Tỉnh cần tăng cường năng lực đánh giá kết quả tính toán sức chịu tải.	Cao
4	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và Kế hoạch hành động	Bộ TN&MT/TCMT và UBND Tỉnh cần hiểu rõ mối tương quan giữa Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Kế hoạch hành động	Trung bình
5	Thiết kế cơ chế phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền theo Điều 15	TCMTc cần đạt được đồng thuận về QLMTNLVS với các cơ quan liên quan.	Trung bình

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Bảng 6-4 Đề xuất những hoạt động cần thực hiện để cải thiện hệ thống thu thập và chia sẻ thông tin, dữ liệu**

STT	Mục	Hoạt động cần thực hiện	Tính ưu tiên
1	Kiểm tra hoạt động quan trắc môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần bổ sung thêm những điểm quan trắc để đánh giá sức chịu tải</li> <li>Hạn chế hoạt động quan trắc tại cùng một điểm bởi các cơ quan liên quan</li> <li>Hoạt động quan trắc dòng chảy sông cần được củng cố</li> </ul>	Cao
2	Thu thập và chia sẻ dữ liệu hiệu quả	Cơ sở dữ liệu cung cấp các thông tin, dữ liệu cần thiết để phân tích tải lượng ô nhiễm và tính toán sức chịu tải cần được xây dựng với sự	Cao

STT	Mục	Hoạt động cần thực hiện	Tính ưu tiên
		tham gia, đóng góp thông tin của các Sở TN&MT.	
3	Tiến hành Kiểm soát/Đảm bảo Chất lượng (QA/QC) phân tích trong phòng thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối với phân tích phòng thí nghiệm, có thể áp dụng ISO/IEC 17025 hoặc hệ thống đảm bảo chất lượng tương đương tại Việt Nam</li> <li>Cần khuyến khích tham gia các kỳ thi kiểm tra năng lực</li> </ul>	Trung bình
4	Cải thiện hệ số tải lượng đơn vị nhằm phân tích tải lượng ô nhiễm và sử dụng mô hình chất lượng nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện khảo sát nhằm xác định hệ số tải lượng đơn vị</li> </ul>	Thấp
5	Lựa chọn đoạn sông và cân nhắc mục đích sử dụng nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mỗi tỉnh và TCMT cần rà soát hiện trạng quan trắc và lựa chọn đoạn sông mục tiêu, mục đích sử dụng nước theo quy chuẩn chất lượng môi trường, đảm bảo sự thống nhất trên toàn lưu vực sông.</li> </ul>	Cao

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Kế hoạch tổng thể đã được gửi tới Ban QLDA sau khi phản ánh nhận xét từ các Sở TN&MT, Cục QLTTNN vào tháng 1 năm 2019. Kế hoạch tổng thể đã được đề xuất sử dụng làm chính sách cơ bản để cải thiện QLMTNLVS trên các lưu vực sông mục tiêu sau khi Dự án hoàn thành tại Cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án lần thứ 5.

### 6.5 Hoạt động 3-5: Xây dựng lộ trình bao gồm các hoạt động cần thực hiện, hướng tới Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLTH TNN)

JET đã tiến hành rà soát các văn bản pháp luật có liên quan để xác định các vấn đề quan trọng cần giải quyết trong lộ trình cho QLTH TNN. Theo kết quả khảo sát này, hệ thống pháp lý và thể chế cơ bản đã được xây dựng. Tuy nhiên, việc thực thi những chính sách này còn gặp nhiều khó khăn và thử thách như: sự chồng chéo giữa các văn bản pháp lý, thực thi yếu kém, và thiếu tính thống nhất và hợp tác giữa các bộ chủ quản. Bên cạnh đó, hiểu biết về khái niệm quản lý tổng hợp tài nguyên nước rất quan trọng.

Ngoài ra, một khung pháp lý quan trọng được ban hành gần đây. Luật Quy hoạch 2017 and Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật đã mở ra một hướng đi mới và tạo cơ sở pháp lý cho quản lý tổng hợp nguồn nước liên tỉnh và lưu vực sông liên tỉnh. Khi kế hoạch quản lý tài nguyên nước được phê duyệt theo Luật Quy hoạch và nhận được sự đồng thuận mạnh mẽ của chính quyền địa phương, các ngành và đối tượng liên quan có cơ sở để tuân thủ quy định quản lý, khai thác, và sử dụng nguồn nước liên tỉnh, lưu vực sông liên tỉnh.

Tuy nhiên, việc thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch nguồn nước liên tỉnh và lưu vực sông liên tỉnh theo Luật Quy hoạch 2017 và luật sửa đổi, bổ sung 37 luật là một bước tiến mới tại Việt Nam và đòi hỏi thời gian, nguồn nhân lực, cũng như tổ chức tư vấn quy hoạch đáp ứng đầy đủ năng lực chuyên môn, điều này không hề dễ dàng.

Dựa trên điều kiện nêu trên, Lộ trình đề xuất hệ thống QLTH TNN tại Việt Nam nên bao gồm ba trụ cột: 1) Thiết lập khung pháp lý, 2) Xây dựng thể chế, và 3) Sắp xếp công cụ quản lý. Đồng thời, 3 trụ cột chính trong QLTH TNN được trình bày trong Lộ trình với 5 hợp phần chính sau:

- (i) *Chiến lược và chính sách* sẽ được thực hiện, bao gồm chính sách quốc gia về tài nguyên nước, chính sách đặc thù về tài nguyên nước, như các quy định về khai thác và sử dụng nước; chiến lược quốc gia về tài nguyên nước tới năm 2030;
- (ii) *Pháp luật về tài nguyên nước*, bao gồm sửa đổi các luật liên quan tới quy hoạch, theo Luật Quy hoạch. Việc sửa đổi này liên quan tới 3 luật về tài nguyên nước, bao gồm Luật Tài nguyên nước 2012, Luật Môi trường, Luật Tài nguyên nước và các luật khác có liên quan.
- (iii) *Xây dựng khung thể chế* bao gồm quản lý hành chính nhà nước, quản lý lưu vực sông, và tổ chức dịch vụ công cộng và tư nhân trong lĩnh vực nước. Khung thể chế bao gồm cơ quan hành pháp và thực thi công tác quản lý tài nguyên nước, chính quyền địa phương, cơ quan giám sát

- và đánh giá.
- (iv) *Nâng cao năng lực*: là một hoạt động quan trọng, bao gồm năng lực thu thập dữ liệu; cải thiện trình độ chuyên môn trong công tác quản lý, giám sát tài nguyên nước, khai thác và sử dụng nước, và giám sát vận hành liên hồ chứa theo quy định của pháp luật.
  - (v) *Phát triển các công cụ ứng dụng trong QLTH TNN*: Hiện nay có nhiều loại công cụ được áp dụng trên thế giới. Tuy nhiên, với điều kiện và trình độ của Việt Nam, các công cụ quản lý cần được áp dụng cân trọng. Ví dụ, đánh giá tài nguyên nước cần được thực hiện jthoong qua kiểm tra một số mô hình thủy văn trong quy hoạch và quyết định tài nguyên nước. Đối với quy hoạch lưu vực sông, phân bổ tải lượng và giải quyết tranh chấp (mối quan hệ giữa thượng nguồn và hạ nguồn rất quan trọng), công cụ kinh tế đã được áp dụng tại Việt Nam gần đây. Hệ thống thông tin và truyền thông cũng cần được thiết lập.

Lộ trình đề xuất những vấn đề quan trọng trong mỗi nhóm hoạt động và năm mục tiêu thực hiện.

### **6.6 Hoạt động 3-6: Nghiên cứu và xây dựng chính sách khuyến khích, thúc đẩy công tác QLMTNLVS bao gồm cơ chế tài chính, huy động các nguồn lực và biện pháp ưu đãi**

Về chính sách khuyến khích và cơ chế quản lý lưu vực sông, tuy có những khó khăn nhất định do quá trình tái cấu trúc TCMT, các UB LVS chưa được thành lập, nội dung thảo luận về chính sách ưu đãi trong QLMTNLVS đã được đưa ra tại các cuộc họp TF, hội thảo, và cuộc họp thường kỳ Ban QLDA. Dựa trên kết quả các thảo luận này, một trong những vấn đề quan trọng là tích hợp Kế hoạch QLMTNLVS vào Kế hoạch phát triển KT-XH. Nếu tải lượng ô nhiễm phát thải được phân bổ dựa trên sự hài hòa giữa hoạt động bảo vệ môi trường nước và phát triển vùng, công tác QLMTNLVS sẽ được lập kế hoạch và thực hiện hiệu quả.

Chi phí phạt khi một tỉnh không đạt được tải lượng ô nhiễm cần cắt giảm đã được thảo luận với các cơ quan đối tác. Phía đối tác hiểu rằng cần thảo luận và thống nhất giữa các thành viên trên cùng một lưu vực sông. Tính ưu đãi trên một lưu vực sông sẽ gây tác động mạnh mẽ khi tăng giá đơn vị của một tải lượng ô nhiễm cần cắt giảm. Tuy nhiên, ngân sách đề quản lý cơ chế ưu đãi có thể rất lớn và không thể bố trí ngay các nguồn lực cần thiết. Ngược lại, nếu mức phạt chống ô nhiễm quá nhỏ, nó sẽ không mang tính khuyến khích nữa. Các vấn đề về nguồn tài chính được các Sở TN&MT nhấn mạnh đặc biệt trong các phần thảo luận. Theo ý kiến của các Sở TN&MT, UBND tỉnh có thể không đồng ý cấp vốn cho quỹ lưu vực chung ngay cả khi thực hiện một số ưu đãi khi cắt giảm tải lượng ô nhiễm. Các Sở TN&MT kỳ vọng TCMT/Bộ TN&MT sẽ bố trí ngân sách cần thiết tại trung ương và phân bổ cho các lưu vực sông.

### **6.7 Hoạt động 3-7: Hoàn thiện dự thảo các thông tư thuộc Kết quả-1**

Trong PDM ban đầu, dự thảo thông tư do dự án xây dựng cần được ban hành chính thức. Tuy nhiên, do thay đổi chính sách, sửa đổi quy trình xây dựng văn bản pháp lý và các thay đổi bối cảnh khác, kết quả cuối cùng đã được thay đổi,

Sự thay đổi này đã được xác nhận và phê duyệt trong cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án. Hiện trạng và sản phẩm cuối cùng được mô tả trong Phụ lục-2. Quá trình hoàn thiện do phía Việt Nam tiếp tục thực hiện.

### **6.8 Hoạt động 3-8: Chia sẻ kết quả đạt được với các bên liên quan**

Thành viên dự án đã có nhiều cuộc thảo luận với các cơ quan, tổ chức liên quan, cũng như các nhà tài trợ khác.

Cục QL TNN là đầu mối rất quan trọng trong quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam. Thông qua các cuộc thảo luận, hai bên đã đi tới những nhận thức chung. Cuối cùng, Thông tư 76 quy định quy trình đánh giá mô hình và khái niệm lưu vực sông đã được ban hành.

Ngân hàng Thế giới đang thực hiện một dự án với tên gọi “Dự án Quản lý ô nhiễm công nghiệp Việt Nam”. Dự án này có thành phần tương tự với dự án JICA, phương pháp TMDL (phân tích tổng tải lượng tối đa ngày), và chúng tôi đã trao đổi kinh nghiệm kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm với điều phối viên của

WB, ban quản lý dự án. Tháng 1 năm 2018, hai dự án đã đồng tổ chức một hội thảo. Tại hội thảo này, những vấn đề tồn tại trong thực hiện kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm, như thiếu thông tin dữ liệu, chia sẻ và thảo luận cách giải quyết vấn đề. Hội thảo đã đóng góp vào nội dung đề xuất trong Kế hoạch tổng thể.

Các tổ chức có liên quan khác, WRI (Viện nghiên cứu tài nguyên nước), NAWAPI (Trung tâm điều tra và lập kế hoạch tài nguyên nước quốc gia) và VNU (Đại học quốc gia Việt Nam) -HCMC, và HUST (Đại học Hà Nội, Khoa học và Công nghệ), v.v. và trao đổi ý kiến về lưu vực sông và quản lý tài nguyên nước.

Thông qua thực hiện các hoạt động này, khái niệm và kết quả của dự án đã được củng cố và phổ biến.

Hội thảo về QLHTTN đã được tổ chức tháng 4 năm 2017. Khái niệm và khung của kế hoạch được xây dựng trong kết quả-3 đã được chia sẻ trong cuộc họp JCC lần thứ 4 tháng 5 năm 2018 và kết quả hội thảo phổ biến kết quả dự án vào tháng 11 năm 2018. Cục QLTTN và tổ chức có liên quan khác có nhiệm vụ và trách nhiệm đối với QLHTTN. Tại Việt Nam, QLTH TNN là một phương thức quản lý tài nguyên nước hoàn toàn mới, do đó cơ chế điều phối và hợp tác giữa Cục QL TNN và TCMT trong giai đoạn hậu dự án cần được xác nhận, dựa trên thảo luận giữa hai đơn vị trong khuôn khổ Dự án.

## 7. Những thành tựu của dự án

Thành tựu của dự án được đánh giá dựa trên chỉ số đánh giá nêu tại Ma trận Thiết kế dự án cập nhật. Sự hoàn thành các chỉ số được Ban QLDA và JET cùng đánh giá từ Tháng 12 năm 2018 tới Tháng 01 năm 2019, và ghi nhận tại Bảng Giám sát hoạt động dự án (bản thứ 6) trong Tháng 01 năm 2019. Bên cạnh đó, các thành tựu đạt được từ Tháng 02 tới Tháng 4 năm 2019 cũng được đánh giá bổ sung.

### 7.1 Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu thực hiện dự án

Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án và tóm tắt kế hoạch hoạt động sắp tới được trình bày tại Bảng 7-1.

Mục tiêu của Dự án là tăng cường năng lực xây dựng và thực thi chính sách của TCMT/Bộ TN&MT, và năng lực thực hiện của các Sở TN&MT trong công tác QLMNTLVs với 5 chỉ tiêu được đề ra.

Trong số các chỉ tiêu này, chỉ tiêu quan trọng nhất là dự thảo cuối cùng các văn bản pháp luật (Dự thảo Nghị định, Thông tư, và văn bản khác) được gửi tới Bộ TN&MT. Các sản phẩm liên quan tới chỉ tiêu này bao gồm nhiều loại hình văn bản, như Thông tư do Bộ TN&MT ban hành, Quyết định của TCMT, dự thảo cuối cùng Nghị định về bồi thường thiệt hại môi trường, Sổ tay kỹ thuật về Xây dựng WDSI, Hướng dẫn kỹ thuật về Cơ chế điều phối và thu thập, chia sẻ thông tin dữ liệu. Chỉ tiêu này được đánh giá là đã hoàn thành do các sản phẩm trên 6 lĩnh vực mục tiêu đều đã được xây dựng. Bên cạnh đó, theo chỉ tiêu số 3 và số 4 được nêu tại Bảng 7.1, các tổ chức liên quan đã bắt đầu thực hiện hoạt động quản lý nhà nước liên quan tới QLMNTLVs. Từ những kết quả này, mục tiêu của Dự án được đánh giá là đã hoàn thành.

**Bảng 7-1 Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu dự án**

Mục tiêu dự án	Chỉ số	Tình trạng hiện tại	Đánh giá
Xây dựng chính sách và năng lực thực hiện của Bộ TN&MT/TCMT, và năng lực thực thi của các sở TN&MT liên quan đến QLMNTLVs được tăng cường và thể chế hóa.	1. Bộ TN&MT/TCMT và các cơ quan liên quan đệ trình dự thảo văn bản pháp luật cuối cùng (Dự thảo Nghị định, Thông tư hoặc các văn bản khác) cho Bộ trưởng Bộ TN&MT/	1) Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư mới về sức chịu tải. 2) TCMT cũng quyết định văn bản pháp luật sẽ được xây dựng thông qua dự án và đang tiến hành quy trình ban hành quyết định của TCMT về hướng dẫn kỹ thuật để đánh giá sức chịu tải.	1) Dựa trên sáu (6) văn bản pháp luật do dự án soạn thảo, Thông tư đánh giá swusc chịu tải đã được xây dựng. Ngoài ra, Thông tư-5 và Thông tư-6 được hoàn thiện dưới dạng một nội dung trong dự thảo Nghị định sửa đổi, đang trong quá trình luật hóa như Nghị định. Dựa trên điều kiện, có thể nói rằng ba (3) dự thảo văn bản pháp luật cuối cùng đã / đang được chuẩn bị. Để đạt được chỉ số này, TCMT làm rõ quy trình ban hành văn bản pháp lý trong giai đoạn sau khi dự án hoàn thành, dựa trên lịch trình sửa đổi Luật BVMT. 2) Khác với sáu (6) dự thảo văn bản pháp luật, quyết định của TCMT là hướng dẫn đánh giá sức chịu tải đang được chuẩn bị. Ngoài ra, nội dung của hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng kiểm kê nguồn ô nhiễm đang được phản ánh trong kế hoạch thực hiện Quyết định số 140 đề xây dựng kiểm kê nguồn ô nhiễm. Những kết quả này cũng góp phần thực hiện quản lý lưu vực sông trong giai đoạn sau dự án.
	2. Bộ TN&MT/TCMT chia sẻ chính sách liên quan đến cơ chế QLMNTLVs giữa Bộ TN&MT/TCMT và các tổ chức có liên quan.	1) Các Sở TN&MT mục tiêu, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, và Đồng Nai đang thử nghiệm hoạt động phân tích tải lượng ô nhiễm nhằm đánh giá sức chịu tải	Các hoạt động thử nghiệm được xem là sản phẩm của chỉ tiêu này do chúng được thực hiện thông qua hoạt động chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về QLMNTLVs trong khuôn khổ Dự án. Trên cơ sở đó, chỉ tiêu này được đánh giá là đã hoàn thành.
	3. Bộ TN&MT/TCMT bắt đầu các hoạt động	1) Thông qua các hoạt động Dự án, TCMT đã làm việc với các	Dựa trên các sản phẩm Dự án, TCMT đã yêu cầu những hoạt động cần thực

Mục tiêu dự án	Chỉ số	Tình trạng hiện tại	Đánh giá
	cần thiết theo Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể của mục tiêu QLMTNLVS mục tiêu năm 2020.	Sở TN&MT nhằm thúc đẩy công tác QLMTNLVS, vận dụng phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải. 2) Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể được xây dựng dựa trên các hoạt động dự án và báo cáo tại Cuộc họp JCC lần thứ 5 trong Tháng 4 năm 2019.	hiện đối với các Sở TN&MT mục tiêu liên quan tới Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể. Do đó, chỉ tiêu này đã hoàn thành.
	4. Chính quyền địa phương có chính sách nhà nước rõ ràng về QLMTNLVS trong kế hoạch bảo vệ môi trường của họ.	1) Một số Sở TN&MT mục tiêu đã bắt đầu các hoạt động thử nghiệm phân tích tải lượng ô nhiễm hoặc đánh giá sức chịu tải và phản ánh vào kế hoạch quản lý môi trường, như lưu vực sông Cầu tại Thái Nguyên và Bắc Ninh, lưu vực sông Buồng tại tỉnh Đồng Nai, và nhánh sông Đông Nai tại tỉnh Bình Dương.	Dựa trên các sản phẩm Dự án, một số địa phương đã phản ánh góc tiếp cận QLMTNLVS vào hoạt động quản lý môi trường. Do vậy, chỉ tiêu này được đánh giá đã hoàn thành.
	5. Bộ TN&MT/TCMT bắt đầu các hoạt động cần thiết theo lộ trình QLMTNLVS đã đề ra.	1) Lộ trình QLTHHTNN đã được xây dựng và chia sẻ tới TCMT, các đơn vị liên quan tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án và Hội thảo trong Tháng 5 năm 2019	Dựa trên các sản phẩm Dự án, TCMT đã xây dựng và báo cáo Lộ trình QLTHHTNN. Do vậy, chỉ tiêu này được đánh giá đã hoàn thành.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## 7.2 Đạt được Kết quả-1

Mục đích dự án đạt được và được tóm tắt kế hoạch hoạt động tiếp theo thể hiện trong Bảng 7-2.

Kết quả -1 là Nâng cao năng lực xây dựng và thực thi chính sách QLMTNLVS của TCMT/Bộ TN&MT và các Sở TN&MT mục tiêu, TCMT/Bộ TN&MT sẽ tiến hành thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS. Các chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành Kết quả - 1 là hoàn thành dự thảo cuối cùng các văn bản pháp lý và tăng cường năng lực thông qua tập huấn kỹ thuật. Thông qua các hoạt động Dự án, dự thảo cuối cùng hoặc văn bản pháp lý chính thức đã được xây dựng và ban hành, kiến thức và kinh nghiệm QLMTNLVS, bao gồm phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải đã được nâng cao.

**Bảng 7-2 Kết quả-1**

Kết quả-1	Chỉ số	Tình trạng hiện tại	Đánh giá
Năng lực của Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu trong xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật về QLMTNLVS được tăng cường và bộ TN&MT/TCMT sẽ thể chế hóa QLMTNLVS.	1-1 Bộ TN&MT/TCMT chuẩn bị hơn ba (3) dự thảo văn bản pháp luật cuối cùng (Dự thảo Nghị định, Thông tư hoặc tài liệu tương đương) trong sáu (6) dự thảo văn bản pháp luật sau đây hợp tác với Nhóm Chuyên gia JICA (JET).	1) Dự thảo cuối cùng Hướng dẫn kỹ thuật về cơ chế điều phối trong QLMTNLVS đã được hoàn thiện. 2) Dựa trên đề xuất của dự thảo Thông tư-2, TCMT đã thảo luận với Cục QLTTNN về nội dung của thông tư về đánh giá sức chịu tải và ban hành Thông tư 76 về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ tháng 3 năm 2018. TCMT cũng quyết định xây dựng một hướng dẫn kỹ thuật để đánh giá sức chịu tải, dựa trên các hướng dẫn kỹ thuật do dự án chuẩn bị. Quá trình luật hóa đã hoàn thiện. 3) Ban QLDA và JET đã soạn thảo dự thảo Thông tư 3 với các vấn đề về thể chế kỹ thuật sẽ được giải quyết bằng cách xây dựng quy định trong các thông tư. TCMT xem xét xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng kiểm kê nguồn thải không chỉ cho quản lý môi trường	1) Dựa trên sáu (6) văn bản pháp luật do dự án soạn thảo, thông tư đánh giá sức chịu tải đã được xây dựng. Ngoài ra, dự thảo cuối cùng Thông tư-5 và thông tư-6 đang trong quá trình luật hóa dưới dạng nghị định. Dựa trên điều kiện, có thể nói rằng ba (3) dự thảo văn bản pháp luật cuối cùng đã / đang được chuẩn bị. TCMT dự kiến sẽ đề xuất Nghị định, có bao gồm nội dung Thông tư-5 và Thông tư -6 sau khi hoàn thiện dự thảo Luật BVMT sửa đổi, trong giai đoạn sau khi dự

Kết quả-1	Chỉ số	Tình trạng hiện tại	Đánh giá
		<p>nước, mà còn cả môi trường không khí và quản lý chất thải rắn. TCMT xem xét để phản ánh các ý tưởng được đề xuất bởi dự thảo thông tư 3 và hướng dẫn kỹ thuật của nó, dựa trên Quyết định số 140/QĐ-Ttq. JET đang hợp tác chặt chẽ với TCMT để tiến hành phương pháp này.</p> <p>4) Dự thảo cuối cùng của Hướng dẫn kỹ thuật về chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính toán sức chịu tải và Xây dựng WDSI đã được hoàn thiện.</p> <p>5) Dự thảo cuối cùng của thông tư 5 và thông tư 6 đã được chuẩn bị. Và dựa trên các dự thảo thông tư này, một dự thảo nghị định về bồi thường đã được xây dựng. Để chính thức dự thảo nghị định này, nó cần được đề cử trong danh sách chính thức của Bộ TN&amp;MT. Quá trình luật hóa đang được tiến hành.</p>	<p>án hoàn thành.</p> <p>2) Khác với sáu (6) dự thảo văn bản pháp luật, quyết định của TCMT về hướng dẫn đánh giá sức chịu tải đang được chuẩn bị. Ngoài ra, nội dung của hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng kiểm kê nguồn ô nhiễm đang được phản ánh trong kế hoạch thực hiện quyết định số 140 để xây dựng kiểm kê nguồn ô nhiễm. Những kết quả này cũng sẽ góp phần thực hiện quản lý lưu vực sông trong giai đoạn sau dự án.</p>
	1-2 Hơn 10 C (80%) nhận được tập huấn kỹ thuật, hơn 6 cán bộ (50%) đạt đủ kỹ năng và kiến thức cho xây dựng chính sách và quản lý nhà nước thực tế của QLMTNLVS.	<p>1) Phía Việt Nam đã cử 19 thành viên cho JCC và PMU, 18 thành viên TF, và 92 Chuyên viên của WG. TCMT và các Sở TN&amp;MT mục tiêu thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ đến kết quả và tập huấn kỹ thuật do JET thực hiện.</p> <p>2) Khóa đào tạo nâng cao (ATC) phục vụ thảo luận về các chính sách của QLMTNLVS với nghiên cứu điển hình của Nhật Bản đã được tiến hành vào tháng 6 năm 2017 và đã tham gia 54 cán bộ đối tác và đạt được kiến thức.</p> <p>3) Để thảo luận về các hoạt động quản lý nhà nước QLMTNLVS, JET đã tổ chức chuyên tham quan học tập đầu tiên tại lưu vực sông Đồng Nai vào tháng 9 năm 2016 với việc mời đối tác của lưu vực sông Cầu và tham quan nghiên cứu lần 2 vào lưu vực sông Cầu vào tháng 9 Năm 2017, với việc mời đối tác của lưu vực sông Đồng Nai. Tổng cộng có 117 cán bộ đối tác đã tham gia vào hai chuyến tham quan học tập.</p> <p>4) JET đã thực hiện khóa tập huấn lần thứ nhất vào tháng 7 năm 2016 tại Nhật Bản cho các cán bộ hành chính cấp quản lý của TCMT và sở TN&amp;MT, và khóa tập huấn lần thứ 2 vào tháng 7 năm 2017 tại Nhật Bản cho các cán bộ kỹ thuật của TCMT và sở TN&amp;MT. Tổng cộng có 21 cán bộ đối tác đã tham gia vào hai khóa tập huấn.</p> <p>5) JET tổ chức khóa tập huấn lần thứ 3 tại Nhật Bản từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2018.</p> <p>6) Dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm thu nhận được, Sở TN&amp;MT Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bình Dương, và Đồng Nai đã tiến hành các hoạt động thử nghiệm trong phân tích tải lượng ô nhiễm và rà soát sức chịu tải.</p>	Chỉ số đã đạt

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 7.3 Đạt được Kết quả-2

Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án và tóm tắt kế hoạch hoạt động sắp tới được trình bày tại Bảng 7-3.

Kết quả -2 là tăng cường năng lực thực hiện công tác QLMTNLVS của TCMT/Bộ TN&MT và các Sở TN&MT mục tiêu thông qua thực hiện các Dự án thí điểm (DATĐ). Các chỉ số đánh giá mức độ hoàn thành của kết quả này là trình độ kiến thức và kỹ năng thực hiện QLMTNLVS. Trên cơ sở đánh giá các chỉ số, có thể khẳng định rằng năng lực của cán bộ phía đối tác về QLMTNLVS, bao gồm phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải đã được nâng cao.



**Bảng 7-3 Kết quả-2**

Kết quả-2	Chỉ số	Tình trạng hiện tại	Đánh giá
Khả năng thực thi công tác QLMTNLVS của Bộ TN&MT/TCMT và các sở TNMT mục tiêu được tăng cường qua thực hiện các dự án thí điểm (DATĐ).	2-1 Hơn 80% hoạt động DATĐ trong lưu vực sông Cầu và lưu vực sông sông Đồng Nai đã hoàn thành.	1) Phát triển kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI) trong khu vực thí điểm đã được hoàn thiện. 2) Phân tích tải lượng ô nhiễm đã được hoàn thành. 3) Khóa đào tạo cơ bản (BTC) được thực hiện từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017. 4) Khóa tập huấn nâng cao (ATC) được thực hiện từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2017. 5) Những hoạt động trên được thực hiện tại cả hai lưu vực sông mục tiêu, theo kế hoạch. Do đó, 100% các hoạt động của DATĐ tại LVVS Cầu và Đồng Nai đã hoàn thành.	Chỉ số đã đạt
	2-2 Hơn 50 cán bộ (70%) nhận được tập huấn kỹ thuật, hơn 35 cán bộ (50%) đạt đủ kiến thức và kỹ năng cho xây dựng công cụ thực thi và các hoạt động quản lý nhà nước QLMTNLVS	1) Thông qua BTC được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 3 năm 2017, 285 cán bộ và các cán bộ tổ chức có liên quan đã tham gia các khóa tập huấn. 2) ATC cung cấp đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các chính sách và hoạt động quản lý nhà nước thực tế QLMTNLVS. Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2017, 134 cán bộ từ TCMT và các tỉnh mục tiêu đã được tập huấn. Theo kết quả khảo sát, 95% học viên đánh giá khóa học đã nâng cao kiến thức của họ về phân tích tải lượng ô nhiễm và mô hình mô phỏng CLN.	Chỉ số đã đạt
	2-3 Hơn 30 C / Ps (40%) có đủ kỹ năng và kiến thức để lập kế hoạch và triển khai RBWEM và 2 đến 3 DONRE mục tiêu có thể đánh giá khả năng tải ở mỗi tỉnh và VEA có thể đánh giá nó trong lưu vực sông mục tiêu.	1) JET đã tiến hành ATC như đã đề cập ở trên. Dựa trên 95 phiếu trả lời từ tất cả cá Sở TN&MT mục tiêu, sự hiểu biết về kiến thức và kỹ năng liên quan đến đánh giá năng lực tải đã được cải thiện, trong đó điểm tăng từ cấp 2 lên cấp 3 trong đánh giá năm cấp nói chung.	Chỉ số đã đạt
	2-4 Hơn 40% các sở TN&MT mục tiêu chuẩn bị đánh giá khả năng tải trong lưu vực sông nội tỉnh.	1) Sở TN&MT Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bình Dương, và Đồng Nai – 57% các Sở TN&MT mục tiêu đã tiến hành đánh giá sức chịu tải, phân tích tải lượng ô nhiễm trong lưu vực sông nội tỉnh.	Chỉ số đã đạt
	2-5 Chia sẻ các sản phẩm với những đơn vị liên quan thuộc TCMT/Bộ TN&MT và Sở TN&MT tại các lưu vực sông mục tiêu	1) Kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm, kết quả mô phỏng chất lượng nước, WDSI ở cấp lưu vực sông đã được chia sẻ tới các địa phương mục tiêu tại Cuộc họp TF vào Tháng 3, năm 2017. 2) Các sản phẩm của Dự án đã được chia sẻ tới các Sở TN&MT khác tại lưu vực sông Nhuệ - Đáy tại hội thảo vào Tháng 11 năm 2018. 3) Tài liệu tập huấn nâng cao ATC đã được tổng hợp, xuất bản, và chia sẻ tại Cuộc họp JCC lần thứ 5 và Hội thảo tổng kết vào Tháng 4 năm 2019.	Chỉ số đã đạt

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

#### 7.4 Đạt được Kết quả-3

Mức độ hoàn thành mục tiêu dự án và tóm tắt kế hoạch hoạt động sắp tới được trình bày tại Bảng 7-4.

Kết quả - 3 là một lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS được xây dựng dựa trên Kết quả -1 và Kết quả -2, TCMT/Bộ TN&MT sẵn sàng thực hiện các hoạt động tiếp theo để thúc đẩy công tác Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLTH TNN LVVS). Các chỉ số đánh giá mức độ hoàn thành của Kết quả này là xây dựng và ban hành cơ chế QLMTNLVS dựa trên dự thảo cuối cùng các văn bản pháp lý được xây dựng trong khuôn khổ Kết quả -1, và một Lộ trình QLTH TNN. Dựa trên kết quả đánh giá các chỉ số, có

thể khẳng định rằng hoạt động xây dựng và ban hành cơ chế QLMTNLVS đã bắt đầu được thực hiện, và Lộ trình QLTH TNN LVS đã được hoàn thiện, báo cáo tới Bộ TN&MT cùng các cơ quan liên quan tại Cuộc họp JCC lần thứ 5 và Hội thảo cuối cùng.

**Bảng 7-4 Kết quả-3**

Kết quả-3	Chỉ số	Điều kiện hiện tại	Đánh giá
Lộ trình cải thiện MTNLVS được chuẩn bị dựa trên Kết quả-1 và Kết quả-2, và Bộ TN&MT/TCMT sẵn sàng thực hiện bước tiếp theo Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông. (QLTH TNN LVS).	3-1 Nhiều hơn 10 cán bộ nhận được tập huấn kỹ thuật, nhiều hơn 5 cán bộ (50%) được tập huấn và đặt đủ kỹ năng và kiến thức cho thực hiện lộ trình.	1) Tập huấn tại Nhật Bản lần thứ 3 với 10 học viên trong tháng 9 và tháng 10, 2018. 2) Tất cả học viên trả lời bảng hỏi và mô tả sự hiểu biết về vấn đề QLMTNLVS, và sự cần thiết QLTNTNN. Bên cạnh đó, tất cả học viên đã xây dựng Kế hoạch hành động nhằm thực hiện QLMTNLVS tại Việt Nam và tổng hợp thành Báo cáo gửi tới lãnh đạo TCMT, chỉ ra những nội dung quan trọng trong hội thảo tổ chức vào tháng 11 năm 2018.	Chỉ số đã đạt
	3-2 Bộ TN&MT/TCMT chủ động điều phối các hoạt động cần thiết để chuẩn bị dự thảo thông tư cuối cùng dựa trên dự thảo Thông tư được xây dựng trong kết quả-1 do JET hỗ trợ.	1) TCMT tổng kết các văn bản pháp luật trong Dự án, và xác nhận trong JCC lần thứ 4. Thông tư số 76 và Quyết định số 154, dự thảo cuối cùng Hướng dẫn kỹ thuật về Cơ chế điều phối và Thu thập, chia sẻ thông tin và dữ liệu, dự thảo cuối cùng Nghị định có bao gồm nội dung bồi thường thiệt hại môi trường đã được báo cáo tại Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ 5. Quá trình luật hóa của dự thảo cuối cùng nghị định đang được thực hiện.	Chỉ số đã đạt được. Do thay đổi các giả định quan trọng, như quá trình sửa đổi Luật BVMT, hoạt động luật hóa có thể được tiếp tục trong giai đoạn sau dự án. Trong trường hợp quá trình luật hóa sẽ được tiếp tục sau dự án, TCMT cần xác định lịch trình của quá trình luật hóa trong giai đoạn sau dự án.
	3-3 Mô hình điều phối liên tỉnh được thiết lập tại lưu vực sông Cầu và sông Đồng Nai.	1) Cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh được tổ chức 06 lần trong khu vực dự án thí điểm LVS sông Cầu và LVS Đồng Nai từ tháng 9, 2016 đến tháng 5, 2018. Mặc dù UBLVS chưa được thành lập, các cuộc họp nhóm công tác liên tỉnh được chờ đợi đóng vai trò là cơ quan chủ đạo xây dựng mô hình điều phối liên tỉnh.	Chỉ số về cơ bản đã đạt được. Trong tương lai, Chính phủ Việt Nam dự kiến sẽ ra mắt các tổ chức điều phối các hoạt động quản lý lưu vực sông.
	3-4 TCMT xây dựng kế hoạch quản lý cơ chế QLMTNLVS đề cập đến dự thảo văn bản pháp luật được đề xuất	1) Cách tiếp cận để áp dụng đánh giá năng lực tài cho QLMTNLVS được thảo luận thông qua các Kế hoạch hành động ở lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai. 2) Kế hoạch hành động và Kế	Chỉ số đã đạt được. TCMT sẽ tiến hành các hoạt động QLMTNLVS dựa trên Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể do Dự án đề xuất.

Kết quả-3	Chỉ số	Điều kiện hiện tại	Đánh giá
		hoạch tổng thể cho quản lý lưu vực sông đã được hoàn thiện, với việc phân ánh quy trình kỹ thuật được đề xuất như các văn bản pháp luật theo Kết quả-1. Dự thảo cuối cùng của Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể đã được báo cáo tại Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ 5 và Hội thảo tổng kết.	
	3-5 Dựa trên kết quả dự án, Bộ TN&MT/TCMT xây dựng và sửa đổi lộ trình	1) Công tác chuẩn bị lộ trình đã hoàn thiện dựa trên thảo luận với ban QLDA và Cục QLTNN. Dự thảo cuối cùng của Lộ trình đã được báo cáo tại Cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ 5 và Hội thảo tổng kết.	Chỉ số đã đạt

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## 7.5 Kết quả đánh giá năng lực

### 7.5.1 Đánh giá năng lực giữa kỳ

#### (1) Đánh giá giữa kỳ về khóa tập huấn cơ bản

Các khóa tập huấn cơ bản được tổ chức bởi JET, các chuyên gia Việt Nam, và sự hỗ trợ của TCMT và Sở TN&MT mục tiêu. Khóa tập huấn cơ bản được tổ chức từ Tháng 9 năm 2016 tới Tháng 5 năm 2017, như nêu tại bảng sau, với sự tham gia của 756 cán bộ từ TCMT và 7 Sở TN&MT mục tiêu.

**Bảng 7-5 Chương trình tập huấn cơ bản BTC**

Mã chương trình	Mục đích và nội dung	Thời gian
BTC-1-1	Tiêu chuẩn và Quan trắc chất lượng nước	Tháng 8 – Tháng 9 năm 2016
BTC-1-2	Lập kế hoạch và thực hiện WDSI	Tháng 9 năm 2016 tới Tháng 3 năm 2017
BTC-1-3	Phân định ranh giới lưu vực sông, phân tích lượng mưa-dòng chảy và phân tích dòng chảy nước sông	Tháng 8 – Tháng 12 năm 2016
BTC-1-4	Lập kế hoạch và thực hiện hoạt động thanh tra môi trường, kiểm soát nguồn ô nhiễm	Tháng 9 – Tháng 11 năm 2016

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Cuối khóa tập huấn cơ bản, một khảo sát bằng bảng câu hỏi đã được thực hiện nhằm thu thập ý kiến của học viên về nội dung tập huấn. Kết quả khảo sát được tóm tắt tại Hình 3-5 và Hình 3-6. Tại lưu vực sông Cầu, 86% học viên đánh giá nội dung tập huấn có những vấn đề mới. Tại lưu vực sông Đồng Nai, 73% học viên từ TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, và Bà Rịa – Vũng Tàu cho rằng nội dung tập huấn có những phần mới. Mặt khác, 55% học viên tại lưu vực sông Cầu và 50% học viên tại lưu vực sông Đồng Nai đánh giá nội dung tập huấn hữu ích với họ. Bên cạnh đó, 63% học viên từ lưu vực sông Cầu và 62% học viên từ lưu vực sông Đồng Nai thấy rằng chương trình tập huấn hỗ trợ hiệu quả cho công việc của họ. Dựa trên kết quả khảo sát này, JET thấy rằng nội dung của chương trình tập huấn cơ bản liên quan tới QLMTNLVS đã đưa ra những vấn đề mới, tuy

nhiên chưa thể hỗ trợ hoàn toàn công việc hàng ngày của các học viên bởi nhiệm vụ của họ không chỉ tập trung vào quản lý lưu vực sông mà còn kiểm soát từng nguồn thải. Cũng theo khảo sát này, JET đánh giá rằng những chương trình tập huấn tiếp theo nên có sự kết nối giữa công việc quản lý hàng ngày của học viên với công tác QLMTNLVS, giúp người học hiểu rằng phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm, bao gồm phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải, là công cụ hiệu quả để giải quyết công việc thường nhật và kiểm soát nguồn xả nước thải ở quy mô vùng.



Chú thích: Số lượng phiếu trả lời: 54  
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

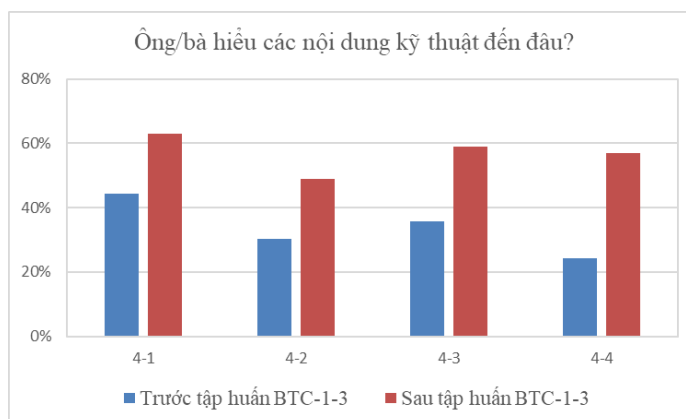
**Hình 7-1 Đánh giá về khóa tập huấn cơ bản từ TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu phía Bắc (Lưu vực sông Cầu)**



Chú thích: Số phiếu trả lời: 29  
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 7-2 Đánh giá về khóa tập huấn cơ bản từ các Sở TN&MT mục tiêu phía Nam (Lưu vực sông Đồng Nai)**

Đối với các nội dung kỹ thuật, kết quả khảo sát khẳng định nhận thức của học viên về các vấn đề chuyên môn đã tăng lên sau khi tham gia chương trình tập huấn. Hình 3-7 cho thấy sự khác biệt về mức độ kiến thức của người học trước và sau khóa tập huấn BTC 1-3 “Phân định ranh giới lưu vực sông, phân tích lượng mưa – dòng chảy, và phân tích dòng chảy nước sông”. Trong biểu đồ này, cột màu xanh da trời cho thấy mức độ hiểu biết của người học trước khi tập huấn, và cột màu nâu chỉ ra mức độ nhận thức của người học sau khi tập huấn. Biểu đồ cho thấy người học đã ghi nhận những kiến thức mới về phân tích lượng mưa và dòng chảy, lập bản đồ lưu vực sông bằng công cụ GIS đã được nâng cao. Thông qua thảo luận với các học viên, JET nhận thấy năng lực của các học viên đã được cải thiện rõ rệt thông qua chương trình tập huấn cơ bản – BTC.



- 4-1- Ông/bà hiểu về vòng tuần hoàn nước như thế nào trước/sau tập huấn?  
 4-2- Ông/bà hiểu về phân tích mưa-dòng chảy như thế nào trước/sau tập huấn?  
 4-3- Ông/bà hiểu về khoanh vùng lưu vực sử dụng GIS như thế nào trước/sau tập huấn?  
 4-4- Ông/bà hiểu về phân tích lưu lượng trong QUAL2K như thế nào trước/sau tập huấn?

Chú thích: Số phiếu trả lời: 61.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 7-3 Đánh giá các nội dung kỹ thuật trong khóa tập huấn cơ bản**

## (2) Xây dựng khóa tập huấn nâng cao - ATC

Kết quả khảo sát đánh giá năng lực giữa kỳ cho thấy chương trình tập huấn đã đóng góp vào việc nâng cao năng lực QLMTNLVS theo phương pháp kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm cho các học viên, tuy vẫn còn một số hạn chế về kỹ năng thực hiện như tính toán tổng tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải. Nhiều học viên đề nghị Dự án tổ chức hoạt động tập huấn thông qua thực hiện hoạt động chuyên môn, khảo sát thực địa, tham quan học tập nhằm trao đổi kiến thức với các địa phương khác. Trên cơ sở cân nhắc những ý kiến này, khung nội dung của khóa tập huấn nâng cao đã được xây dựng như sau:

1. Khóa tập huấn nâng cao được tổ chức theo các cách thức khác nhau ở lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai:
  - Đào tạo chung cho 03 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Thái Nguyên về ứng dụng WDSI và tổng kết phân tích tải lượng ô nhiễm.
  - Đào tạo bổ sung về xây dựng mô hình MIKE 11 tại từng tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và TP HCM.
2. Hoạt động truyền thông môi trường được tổ chức tại Bắc Giang,
3. Dự án kết hợp hoạt động tập huấn vào Chương trình tham quan học tập cho tất cả các Sở TN&MT mục tiêu tại lưu vực sông Cầu và sông Đồng Nai.

Để xây dựng chương trình đào tạo nâng cao ATC, trong bước đầu tiên, các DATĐ của Dự án đã tạo ra một số kết quả đầu ra như WDSI với bản đồ nguồn ô nhiễm và kết quả tải lượng ô nhiễm phát thải trong khu vực thí điểm của cả hai lưu vực sông. Trong bước tiếp theo, JET dự kiến sẽ tính toán sức chịu tải tại điểm kiểm soát của khu vực thí điểm và hạn ngạch xả thải được phân bổ hợp lý cho từng tỉnh.

Dựa trên những kết quả nêu trên, khóa tập huấn nâng cao ATC đã được lên kế hoạch và thực hiện. Khóa tập huấn nâng cao ATC bao gồm thuyết trình về hệ thống kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm tại Nhật Bản (ATC 1-1), và một chuỗi khóa tập huấn thực hành về phân tích tải lượng ô nhiễm, đánh giá sức chịu tải, xây dựng WDSI (ATC-1-2-1, ATC-1-2-2, ATC-1-3). Khóa tập huấn nâng cao cũng bao gồm những nội dung liên quan tới Kết quả -3, như hoàn thiện nội dung dự thảo cuối

cùng Thông tư -2 và 3, Xây dựng Kế hoạch hành động tại cả hai lưu vực sông (ATC-2 và ATC-3)

Khóa tập huấn nâng cao ATC được tổ chức từ Tháng 5 tới Tháng 9 năm 2017, thông tin chi tiết tại bảng sau, với 426 học viên tới từ TCMT và 7 tỉnh mục tiêu.

**Bảng 7-6 Chương trình tập huấn nâng cao - ATC**

Mã chương trình	Mục đích và Nội dung	Thời gian tập huấn
ATC-1-1	Bài giảng về góc tiếp cận kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm tại Nhật Bản	Tháng 6 2017
ATC-1-2-1	Tập huấn qua thực hành phân tích tải lượng ô nhiễm và các mô hình mô phỏng	Tháng 5 tới Tháng 8 2017
ATC-1-2-2	Tập huấn qua thực hành tính toán sức chịu tải	Tháng 7 tới Tháng 9 2017
ATC-1-3	Tập huấn qua thực hành xây dựng WDSI nhằm kiểm soát nguồn xả nước thải	Tháng 6 2017
ATC-2	Hoàn thiện nội dung dự thảo Thông tư 2,3 (Thông qua cuộc họp TF và cuộc họp kỹ thuật)	Tháng 6. 2017 - Tháng 12 2017
ATC-3	Xây dựng Kế hoạch hành động tại cả hai lưu vực sông (Thông qua cuộc họp TF và làm việc với từng Sở)	Tháng 10 2017 - Tháng 4 2019

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

### 7.5.2 Đánh giá năng lực lần cuối

Cuối khóa tập huấn nâng cao, phiếu khảo sát được gửi đến các học viên và được phân tích đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy những phản hồi rất tích cực về nội dung khóa tập huấn nâng cao. Tại lưu vực sông Cầu, 99% học viên đánh giá nội dung tập huấn là khá mới, 79% nhận xét nội dung tập huấn có ích cho bản thân, và 77% học viên đánh giá khóa tập huấn hỗ trợ tích cực cho công việc của họ. Tại lưu vực sông Đồng Nai, 91% học viên đánh giá nội dung tập huấn nâng cao có phần mới mẻ với họ, 86% cán bộ đánh giá nội dung tập huấn có ích cho bản thân, và 90% học viên phản hồi rằng khóa học có ích cho công việc của họ. Tuy nội dung khóa tập huấn nâng cao đưa ra nhiều vấn đề kỹ thuật mới, nhiều học viên cho rằng những nội dung, như phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải, rất hữu ích cho công việc của họ trong công tác QLMTNLVS.



Chú thích: Số phiếu trả lời: 84.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 7-4 Phản hồi về khóa tập huấn nâng cao từ TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu phía Bắc (lưu vực sông Cầu)**

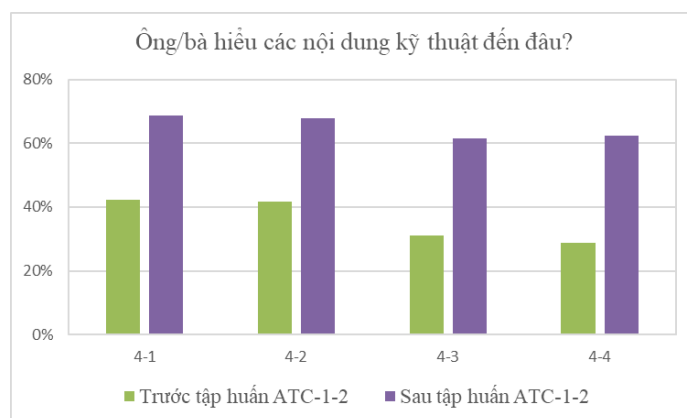


Chú thích: Số phiếu trả lời: 71.  
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 7-5 Phản hồi về khóa tập huấn nâng cao từ các Sở TN&MT mục tiêu phía Nam (lưu vực sông Đồng Nai)**

Về nội dung kỹ thuật, nhiều phiếu trả lời cho thấy kiến thức của học viên về các vấn đề kỹ thuật đã tăng lên sau khóa tập huấn. Hình 3-10 cho thấy sự khác biệt về kiến thức của học viên trước và sau khóa tập huấn nâng cao ATC 1-2-1, “Đào tạo thực hành về phân tích tải lượng ô nhiễm và mô hình mô phỏng” và Khóa tập huấn nâng cao ATC 1-2-2 “Đào tạo thực hành về tính toán sức chịu tải”. Trong biểu đồ, cột màu xanh chỉ ra mức độ hiểu biết trước khi tập huấn, cột màu tím chỉ ra mức độ hiểu biết sau khóa tập huấn. Biểu đồ này cho thấy kiến thức của các học viên về phương thức thực hiện và tóm tắt kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm, mô hình mô phỏng chất lượng nước đã được cải thiện. Sau khóa tập huấn, Sở TN&MT Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bình Dương, và Đồng Nai đã thực hiện hoạt động thử nghiệm phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải tại địa phương. Dựa trên những kết quả này, JET thấy rằng khóa tập huấn nâng cao đã cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải.

Các nội dung kỹ thuật chuyên sâu cũng được đánh giá có kết quả tốt hơn trước và sau tập huấn khóa tập huấn nâng cao.



- 4-1 Ông/bà hiểu về phân tích tải lượng ô nhiễm như thế nào trước/sau tập huấn?  
 4-2 Ông/bà hiểu về trình bày kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm như thế nào trước/sau tập huấn?  
 4-3 Ông/bà hiểu về sử dụng mô hình mô phỏng khi thay đổi nguồn ô nhiễm đầu vào như thế nào trước/sau tập huấn?  
 4-4 Ông/bà hiểu về trình bày kết quả mô phỏng chất lượng nước như thế nào trước/sau tập huấn?

Chú thích: Số phiếu trả lời: 53.  
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

**Hình 7-6 Đánh giá các nội dung kỹ thuật trong khóa tập huấn nâng cao**

Đánh giá khảo sát cuối khóa tập huấn cho thấy kết quả tích cực của chương trình tập huấn cơ bản, nâng cao cũng như hiệu quả của hoạt động tăng cường năng lực của dự án. Bên cạnh đó, hoạt động tập huấn về thực hành phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải được thực hiện dựa trên ý kiến góp ý của các học viên trong lần khảo sát giữa kỳ.

## **7.6 Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình thực hiện dự án**

### **7.6.1 Hoạt động sửa đổi khung pháp lý cơ sở và các hoạt động liên quan ở Việt Nam**

Từ năm 2018, Chính phủ Việt Nam đã quyết định sửa đổi Luật BVMT. Đây là Luật cơ sở hình thành nên các yếu tố quản lý môi trường, bao gồm cả QLMTNLVS tại Việt Nam. Việc sửa đổi Luật BVMT đã ảnh hưởng đến tiến trình luật hóa các hoạt động trong Kết quả-1 của Dự án, bao gồm hợp pháp hóa Nghị định sửa đổi nội dung bồi thường thiệt hại môi trường. Tính thời Tháng 5 năm 2019, Bộ TN&MT có kế hoạch đề trình dự thảo Luật BVMT lên Quốc hội vào tháng 11 năm 2019. Tùy thuộc vào tiến trình sửa đổi Luật BVMT, dự kiến mà quy trình hợp pháp hóa văn bản liên quan đến Dự án sẽ được tiếp hành không chậm trễ ngay sau đó.

Một số hoạt động khác cũng ảnh hưởng đến kết quả của Dự án. Từ đầu năm 2018, Quyết định số 140 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm mục đích kiểm kê nguồn ô nhiễm tổng thể (các nguồn chất thải) đã được tiến hành. Theo Quyết định này, hoạt động kiểm kê nguồn ô nhiễm đang được triển khai không chỉ cho nguồn nước thải, mà cả các nguồn thải khí và chất thải rắn. Việc hợp pháp hóa thông tư để xây dựng kiểm kê nguồn nước thải bị hoãn lại. Vào đầu năm 2019, một luật mới có tên là Luật Quy hoạch đã được thi hành và khung quy hoạch quốc gia và quy hoạch vùng tại Việt Nam bị thay đổi, bao gồm cả quy hoạch QLMTNLVS. Trong bối cảnh đó, hoạt động luật hóa một số văn bản, như dự thảo cuối cùng Nghị định bao gồm nội dung về bồi thường thiệt hại môi trường, sẽ chịu tác động của những thay đổi này, cần tiếp tục thực hiện một số hoạt động trong giai đoạn sau dự án để sử dụng kết quả và kinh nghiệm của Dự án một cách hiệu quả.

### **7.6.2 Trì hoãn thành lập Ủy ban Lưu vực sông**

Tính tới tháng 5 năm 2019, việc thành lập UB LVS đã được đề xuất lên Văn phòng Thủ tướng, nhưng quyết định chưa được phê duyệt. Để thực hiện QLMTNLVS, tổ chức chịu trách nhiệm thiết lập mục tiêu và điều phối các cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch và thực hiện QLMTNLVS là cần có, đặc biệt là đối với các con sông liên tỉnh. Bộ TN&MT dự kiến sẽ giải trình đến Văn phòng Thủ tướng về yêu cầu QLMTNLVS của UB LVS để đẩy nhanh quá trình phê duyệt quyết định thành lập UB LVS cho các dòng sông liên tỉnh chính.

### **7.6.3 Bài học và kinh nghiệm thu được thông qua thực hiện dự án**

Bài học và kinh nghiệm thu được thông qua các hoạt động của dự án được tổng hợp sau đây. Đây là những thông tin hữu ích đối với những dự án tương tự. Bài học và kinh nghiệm đã tóm tắt các vấn đề từ góc độ quản lý dự án và trở ngại kỹ thuật.

#### **(1) Các thách thức trong xây dựng thể chế phục vụ QLMTNLVS**

Thông qua dự án, rất nhiều cuộc thảo luận đã được thực hiện thông qua chuỗi cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh, góp phần giải quyết các vấn đề chính trong điều phối QLMTNLVS, đặc biệt đối với các dòng sông liên tỉnh, như quy trình phối hợp và các hạng mục cần được rà soát, đi tới đồng thuận về phân bổ tải lượng ô nhiễm giữa các tỉnh liên quan.

Tại Việt Nam, để thực thi vấn đề này, các ủy ban bảo vệ môi trường lưu vực sông đã được thành lập. Các cuộc họp thường niên được tổ chức để chia sẻ thông tin, đặt mục tiêu và giám sát hoạt động của từng tỉnh. Mặt khác, chức năng và quyền lực của ủy ban bị hạn chế và cần được tích hợp thêm cơ chế phối hợp. Trong tình huống này, các Tổ chức LVS mới, đang được rà soát và xây dựng với vai trò tích hợp hơn. Tổ chức LVS dự kiến sẽ được thành lập trong thời gian thực hiện dự án. Tuy nhiên, tổ chức này chưa được chính thức thành lập trong thời gian thực hiện dự án do nhiều



yếu tố bên ngoài, như sửa đổi cơ chế quy hoạch quốc gia thông qua thực thi Luật Quy hoạch. Thông qua thực hiện dự án, tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động điều phối được cả hai bên xác nhận, sự cần thiết của các chính sách hướng dẫn xây dựng mục tiêu, và mục tiêu QLMTNLVS được đề xuất tại lưu vực sông mục tiêu. Cần phải cân nhắc, sắp xếp cơ chế thể chế phục vụ QLMTNLVS trong giai đoạn hậu dự án.

- (2) Cùng cố các hoạt động kỹ thuật nhằm thu thập và chia sẻ thông tin, dữ liệu trong Kiểm soát tải lượng ô nhiễm trên cơ sở khoa học

Dự án nhấn mạnh tầm quan trọng của thông tin dựa trên cơ sở khoa học về tải lượng ô nhiễm và sức chịu tải để thảo luận về các biện pháp cần thiết và đạt được đồng thuận về quy hoạch lưu vực sông. Thông qua các DATĐ được triển khai, C/P và JET đã ước tính tải lượng ô nhiễm được tạo ra/thải ra, và sức chịu tải ở lưu vực sông Cầu và Đồng Nai. Tuy nhiên, tính chính xác của các kết quả ước tính thường được thảo luận và đôi khi rất khó để thảo luận về cơ chế phối hợp dựa trên các kết quả ước tính. Một trong những lý do quan trọng khiến kết quả ước tính không chắc chắn là thiếu thông tin đáng tin cậy và sẵn có để ước tính tải lượng ô nhiễm và sức chịu tải, chẳng hạn như dữ liệu về lưu lượng nước và chất lượng không đủ hoặc thông tin về nguồn xả nước thải nằm phân tán tại nhiều tổ chức khác nhau do thiếu kiến thức về tầm quan trọng của dữ liệu trong QLMTNLVS, thiếu ngân sách. Thông qua thực hiện Dự án, các Sở TN&MT mục tiêu đã hiểu rõ các thông tin và dữ liệu cần thiết cho QLMTNLVS. Để thúc đẩy QLMTNLVS dựa trên thông tin khoa học, các hệ thống thu thập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu và thông tin cần thiết với đủ độ tin cậy cần phải được tăng cường trên toàn Việt Nam.

## 8. Khuyến nghị nhằm đạt được mục tiêu tổng thể của dự án

PDM của Dự án có các Mục tiêu tổng thể sau đây nhằm thúc đẩy công tác QLMTNLVS và QLTN TNN tại Việt Nam. Mục tiêu tổng thể sẽ do phía đối tác tự thực hiện và đạt được trong vòng 3-5 năm sau khi dự án hoàn thành. Chương này đưa ra những khuyến nghị từ quan điểm chuyên môn và thể chế, dựa trên các chỉ số đánh giá và hiện trạng QLMTNLVS tại Việt Nam

<b>Mục tiêu tổng thể</b>	Tăng cường năng lực thực thi của Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT; Bộ TN&MT/TCNT và các Sở TN&MT sẵn sàng thực hiện hệ thống quản lý môi trường nước lưu vực sông (LVS) trên toàn quốc.
<b>Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ TN&amp;MT/TCMT thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS có xem xét đến công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLTHTNNLVS).</li> <li>2. Đề xuất kiện toàn và tăng cường hiệu quả hoạt động của Ủy ban QLMTNLVS sông Cầu và sông Đồng Nai.</li> <li>3. Chính quyền địa phương tại các LVS lựa chọn lồng ghép chính sách QLMTNLVS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương mình.</li> <li>4. Bộ TN&amp;MT/TCMT xác định các LVS quan trọng khác để áp dụng cơ chế QLMTNLVS ở Việt Nam trong tương lai.</li> </ol>

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

### 8.1 Tổng quan về hệ thống quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam

Sau khi Nghị định 38/ND-CP có hiệu lực năm 2015, khái niệm quản lý lưu vực sông đã được nhân rộng và thực thi tại Việt Nam. Luật BVMT đang được sửa đổi sẽ có những điều khoản quy định về QLMTNLVS và Luật Quy hoạch quy định tích hợp QLMTNLVS vào quy trình lập quy hoạch quốc gia. Trong khuôn khổ Dự án, nhiều quy định liên quan tới QLMTNLVS dựa trên thông tin khoa học đã được ban hành như Thông tư 76, và Quyết định của TCMT số 154. Thông qua những văn bản này, hệ thống thể chế về QLMTNLVS đã được thiết lập. Mặt khác, những biện pháp hiệu quả để thực hiện QLMTNLVS cần được bổ sung thêm để giải quyết những vấn đề như xây dựng cơ chế điều phối giữa các cơ quan liên quan trong QLMTNLVS, củng cố hoạt động thu thập và chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm trên cơ sở khoa học như đã nêu tại Mục 7.5.3. Trong phần này, các khuyến nghị nhằm thúc đẩy QLMTNLVS tại Việt Nam được tóm tắt và tương ứng với những mục tiêu tổng thể được nêu tại PDM mới nhất. Dựa trên các chỉ số có thể kiểm chứng, chính sách thể chế hóa và chia sẻ trong QLMTNLVS là rất cần thiết. Ngoài ra, mỗi tỉnh/thành phố được kỳ vọng sẽ tích hợp QLMTNLVS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của họ và TCMT/Bộ TN&MT cần có vai trò lớn hơn tại các lưu vực sông quan trọng, không chỉ giới hạn trong khu vực mục tiêu của Dự án. Để thực thi những đề xuất này, cần tích hợp và tăng cường cơ chế thể chế, và thực hiện phân tích khoa học với đủ lượng dữ liệu và thông tin đáng tin cậy để xác định một cách khách quan giá trị tải lượng ô nhiễm phát thải được phép cho UBND tỉnh và TCMT/Bộ TN&MT.

**Bảng 8-1 Đề xuất các hoạt động nhằm đạt được Mục tiêu tổng thể**

STT	Nội dung	Hiện trạng
1	Tích hợp và tăng cường cơ chế thể chế	Các UBLVS vẫn chưa được thành lập. Cơ chế phân bổ tải lượng ô nhiễm phát thải trên lưu vực sông và cơ chế điều phối giữa các tỉnh/thành phố lân cận cần phải được xây dựng.
2	Quản lý thông tin và dữ liệu	Thông qua dự án, nhận thức về sự cần thiết của thông tin dựa trên căn cứ khoa học đã được cải thiện, dựa trên thảo luận tại các cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án và cuộc họp TF. Trong giai đoạn hậu dự án, cần phải nâng cao năng lực quản lý thông tin và dữ liệu.
3	Phân tích khoa học dựa trên mô hình chất lượng nước	Dự án đã mang lại những kinh nghiệm thực hiện hoạt động này, tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, và Đồng Nai đã thực hiện đánh giá sức chịu tải. Cần tăng cường hoạt động này nhằm thúc đẩy công tác QLMTNLVS
4	Phân tích nguồn diện và nguồn điểm, xây dựng Kiểm kê nguồn xả nước thải	Dự án đã mang lại những kinh nghiệm thực hiện hoạt động này, tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, và Đồng Nai đã thực hiện phân tích tải lượng ô nhiễm. Cần tăng cường hoạt động này nhằm thúc đẩy công tác QLMTNLVS

STT	Nội dung	Hiện trạng
5	Chia sẻ và điều phối thông tin giữa các cơ quan liên quan	Quy định quốc gia về chia sẻ thông tin và dữ liệu đã được xây dựng, nhưng không có đủ thông tin sẵn có để ước tính tải lượng ô nhiễm và sức chịu tải, như dữ liệu dòng chảy sông còn thiếu, chất lượng dữ liệu hạn chế, thông tin về nguồn xả nước thải còn phân tán do thiếu hiểu biết về tầm quan trọng của các dữ liệu này đối với công tác QLMTNLVS, hoặc thiếu ngân sách. Hoạt động thu thập và chia sẻ thông tin cần được nâng cao tính hiệu quả.
6	Điều phối với nhiều lĩnh vực khác	Để QLMTNLVS và QLTH TNN hiệu quả hơn, cần thúc đẩy sự tham gia của nhiều tổ chức khác nhau, tuy nhiên cơ chế điều phối giữa các đơn vị còn yếu và cần được nâng cao. Tại giai đoạn khởi đầu, những vấn đề còn tồn tại trong QLMTNLVS cần được chia sẻ với các cơ quan liên quan.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

## 8.2 Những khó khăn trong quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam

Những khó khăn và thử thách nhằm thực hiện và tích hợp công tác QLMTNLVS được tóm tắt sau đây:

### (1) Tích hợp và thực hiện hệ thống thể chế

Như đã đề cập trong Mục 8.1.1, TCMT/Bộ TN&MT đã nỗ lực thúc đẩy QLMTNLVS tại Việt Nam. Để QLMTNLVS và QLTH TNN hiệu quả hơn, cần có sự tham gia của nhiều tổ chức khác nhau, nhưng không có cơ chế phối hợp phù hợp để chia sẻ các chính sách quan trọng về QLMTNLVS giữa các tổ chức có liên quan và giữa các tỉnh trong cùng lưu vực sông.

Ngoài ra, như đã đề cập trong Mục 7.5.3, cần phải thành lập các cơ quan điều phối và ban hành chính sách hướng dẫn phát triển các mục tiêu và mục tiêu QLMTNLVS tại lưu vực sông mục tiêu. Các tổ chức LVS đang được đề xuất thành lập với vai trò như vậy, tuy nhiên trong quá trình thực hiện dự án, tổ chức LVS không được thành lập theo dự kiến do những yếu tố bên ngoài như sửa đổi cơ chế kế hoạch quốc gia do thực thi Luật Quy hoạch. Cần phải xem xét để sắp xếp cơ chế thể chế QLMTNLVS trong giai đoạn hậu dự án.

### (2) Thực hiện những hoạt động cần thiết theo góc tiếp cận Kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm

Như đã đề cập trong mục 7.5.3, hiện nay, góc tiếp cận kiểm soát theo tổng tải lượng ô nhiễm là một trong số những phương pháp hữu ích để thúc đẩy sự đồng thuận trong quản lý lưu vực sông từ các bên liên quan. Tuy nhiên, việc đạt được đồng thuận về kết quả tính toán – để được chấp nhận là kết quả đáng tin cậy từ các bên liên quan gặp nhiều khó khăn.

Tổ chức liên quan Việt Nam cho rằng lý do chính là do thiếu thông tin và dữ liệu để ước tính tải lượng ô nhiễm và sức chịu tải. Tuy nhiên, việc thiết lập và đánh giá dữ liệu nên được thực hiện dần dần. Kể cả khi một số kết quả đánh giá không đảm bảo độ chính xác, cần áp dụng để nâng cao hoạt động quản lý lưu vực sông, các bên liên quan hiểu về hiện trạng này. Thông qua quá trình thu thập thông tin và đánh giá dữ liệu, độ tin cậy sẽ được cải thiện.

Năng lực tổng hợp dữ liệu và thông tin cần được thực hiện thường xuyên. Những dữ liệu đánh giá và phân tích khoa học sẽ thúc đẩy đi tới đồng thuận giữa các bên liên quan. Để tăng cường QLMTNLVS, những hoạt động được đề xuất trong Kế hoạch tổng thể của Dự án cần được cân nhắc.

## 8.3 Những khuyến nghị đối với công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam

Để đạt được các chỉ số, Dự án đưa ra những khuyến nghị sau, dựa trên phân tích các khó khăn và tồn tại:

### (1) Tích hợp và thực thi cơ chế thể chế

Để triển khai công tác QLMTNLVS và QLTH TNN hiệu quả, các chiến lược quốc gia, các cơ quan liên quan bao gồm chính quyền địa phương cần phải được trình bày và chia sẻ rõ ràng. Vì thế, Cục QLTH và TCMT cần hợp tác chặt chẽ để phân định các hành động cần thiết phải thực hiện và trao đổi thông tin và kinh nghiệm.

Một số chính quyền địa phương như Sở TN&MT Thái Nguyên, Bắc Ninh, Đồng Nai, và Bình Dương đã thực hiện các hoạt động QLMTNLVS thử nghiệm. Những tỉnh này sẽ trở thành “người đi trước” trong QLMTNLVS tại Việt Nam, và những kinh nghiệm của họ cần được chia sẻ với các địa phương khác. TCMT/Bộ TN&MT được kỳ vọng sẽ thu thập những thông tin, kinh nghiệm trong QLMTNLVS cũng như tạo cơ hội chia sẻ giữa các tỉnh. Hoạt động thể chế hóa QLMTNLVS và QLTH TNN cần được tiếp tục thực hiện, như thành lập tổ chức LVS, thiết lập cơ chế điều phối thay thế, cân nhắc Luật Quy hoạch mới được ban hành. Chính phủ Việt Nam và Bộ TN&MT được kỳ vọng sẽ quy định lịch trình thời gian, trên cơ sở tham khảo Kế hoạch tổng thể và Lộ trình do Dự án xây dựng. Những hoạt động được đề xuất trong Kế hoạch tổng thể và Lộ trình được nêu tại Bảng 8-2

**Bảng 8-2 Đề xuất hoạt động để đạt được mục tiêu tổng thể của Dự án (Khía cạnh thể chế)**

Kết quả	Đối tượng thực hiện	Thời gian	Hoạt động
Thành lập UB LVS hoặc cơ chế điều phối tương đương trong QLMTNLVS	Bộ TN&MT (Cục QLTNN, TCMT)	Càng sớm càng tốt, trong giai đoạn hậu dự án	Như đã đề cập trong Kế hoạch tổng thể, cần phải thành lập một tổ chức với chức năng điều phối công tác QLMTNLVS. Đề xuất thành lập UBLVS tại Việt Nam đã được đưa ra từ năm 2016 và đang được xem xét bởi Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, khi việc thành lập UB LVS bị trì hoãn, hệ thống thể chế hiện tại như Ủy ban Bảo vệ môi trường nước lưu vực sông cần thúc đẩy những cơ hội trao đổi, thảo luận về QLMTNLVS giữa các bên liên quan như UBND tỉnh, Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương thông qua tổ chức hội thảo. Tại lưu vực sông Đồng Nai, mỗi tỉnh/thành phố đã đồng thuận cùng thực hiện QLMTNLVS, cơ chế này có thể đóng vai trò điều phối trong phân bổ tải lượng ô nhiễm phát thải cho phép.
Xây dựng Quy hoạch QLTH TNN tới năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050	Bộ TN&MT (Cục QLTNN, TCMT)	2025	Như đã đề cập trong Lộ trình, cần xây dựng Quy hoạch QLTH TNN tới năm 2030, khi Luật QL Tài nguyên nước và Luật BVMT sẽ chuẩn bị được sửa đổi.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

- (2) Thực hiện các hành động cần thiết theo phương pháp tiếp cận kiểm soát tải lượng ô nhiễm dựa trên cơ sở khoa học

Thông qua dự án, C/P và JET đã rà soát hoạt động QLMTNLVS với các thông tin khoa học như kiểm tra tải lượng ô nhiễm được phát thải/xả thải và sức chịu tải dự kiến ở lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai với 7 tỉnh mục tiêu. Những kinh nghiệm này trở thành ví dụ thực hành tốt để tăng cường năng lực sắp xếp dữ liệu và thông tin cần thiết tại Việt Nam. Cán bộ đối tác tại trung ương và địa phương tham gia Dự án được kỳ vọng sẽ sắp xếp dữ liệu và thông tin cần thiết trong tương lai, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm của họ trong Dự án và thúc đẩy QLMTNLVS tại Việt Nam. Các cơ quan đối tác tại trung ương và địa phương được kỳ vọng sẽ thực hiện những hoạt động cần thiết để tổng hợp thông tin, dữ liệu, và chia sẻ kinh nghiệm của họ trong quá trình tham gia Dự án tới các cơ quan, đơn vị khác, thúc đẩy công tác QLMTNLVS tại Việt Nam. Các hoạt động cụ thể được đề xuất trong Kế hoạch tổng thể được nêu tại Bảng 8-2.

**Bảng 8-3 Đề xuất các hoạt động để đạt được mục tiêu tổng thể của Dự án (khía cạnh kỹ thuật)**

Kết quả	Đối tượng thực hiện	Thời gian	Hoạt động
Thực hiện phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải ở cấp lưu vực sông, theo Thông tư 76	Bộ TN&MT (Cục QLTTN, TCMT, các Sở TN&MT)	Càng sớm càng tốt, trong giai đoạn hậu dự án	<p>Như đã nêu trong Kế hoạch tổng thể, quản lý thông tin và dữ liệu phục vụ phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải cần được tăng cường, song song với xây dựng WDSI theo Quyết định số 140. Để thực hiện hoạt động này, những sản phẩm sau của Dự án có thể được vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Để cải thiện hệ thống quản lý thông tin: Hướng dẫn kỹ thuật về thu thập và chia sẻ thông tin thuộc Kết quả -1 của Dự án.</li> <li>- Để tính toán sức chịu tải: Quyết định số 154 của TCMT ban hành Hướng dẫn kỹ thuật về Đánh giá sức chịu tải do Dự án xây dựng.</li> <li>- Để xây dựng WDSI: Sổ tay kỹ thuật về WDSI.</li> <li>- Để tập huấn về phân tích tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải: TCMT phát hành Tài liệu tập huấn do Dự án xây dựng.</li> </ul>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

*Hết văn bản*

# *Phụ lục*



*Phụ lục 1:*

*Sửa đổi Ma trận thiết kế dự án (PDM)  
(Bản cập nhật số 0,1,2,3)*





**Bảng 1 Sửa đổi PDM phiên bản 1.0**

Đã được chấp thuận tại họp JCC lần thứ nhất

Nội dung sửa đổi	PDM phiên bản 0; 24 tháng 8 năm 2015	PDM phiên bản 1.0; 22 tháng 3 năm 2016	Lý do
Khu vực mục tiêu của dự án	Lưu vực sông Cầu (tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh) và lưu vực sông Đồng Nai (tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh)	Lưu vực sông Cầu (tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh) và lưu vực sông Đồng Nai (tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)	Thêm tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu dựa trên đề xuất của đối tác
Chỉ số Kết quả - 1	1-2 Hơn xxx cán bộ đối tác tại Viện KHMT và Cục QLCT-CTMT được đào tạo và đạt được đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các chính sách và hoạt động quản lý nhà nước QLMTNLVS thực tế. (Số lượng chính xác sẽ được quyết định sau khi nhận được danh sách đối tác do Viện KHMT/ Cục QLCT&CTMT chuẩn bị.)	1-2 Hơn 10 cán bộ đối tác (80%) được đào tạo kỹ thuật, hơn 6 cán bộ đối tác (50%) có đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các chính sách và hoạt động quản lý nhà nước thực tế QLMTNLVS	Làm rõ chỉ số
Chỉ số Kết quả- 2	2-2 Hơn xxx cán bộ đối tác tại Viện KHMT và Cục QLCT-CTMT, và các sở TN&MT mục tiêu được đào tạo và đạt được đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các công cụ thực thi và các hoạt động quản lý nhà nước thực tế QLMTNLVS.	2-2 (1) Hơn 50 cán bộ đối tác (70%) được đào tạo kỹ thuật, hơn 35 cán bộ đối tác (50%) có đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các công cụ thực thi và các hoạt động quản lý nhà nước thực tế QLMTNLVS 2-2 (2) Hơn 30 cán bộ đối tác (40%) có đủ kỹ năng và kiến thức để lập kế hoạch và thực hiện QLMTNLVS	Làm rõ chỉ số
Chỉ số Kết quả- 3	3-1 Hơn xxx cán bộ đối tác tại Viện KHMT và Cục QLCT-CTMT được đào tạo và đạt được đủ kỹ năng và kiến thức để thực hiện lộ trình.	3-1 Hơn 10 cán bộ đối tác (80%) được đào tạo kỹ thuật, hơn 6 cán bộ đối tác (50%) tại Viện KHMT và Cục QLCT-CTMT được đào tạo và có đủ kỹ năng và kiến thức để thực hiện lộ trình.	Làm rõ chỉ số

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 2 Nội dung sửa đổi trong PDM phiên bản 2.0**

Đã được chấp thuận tại họp JCC lần thứ ba

Nội dung sửa đổi	PDM phiên bản 1.0; 22 tháng 3 năm 2016	PDM phiên bản 2.0; 21 tháng 4 năm 2017	Lý do
Chỉ số mục đích của dự án	1. TCMT/Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan đệ trình dự thảo Thông tư cuối cùng lên Bộ trưởng Bộ TN&MT.	1. TCMT/Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan đệ trình dự thảo văn bản luật cuối cùng (Dự thảo Nghị định, Thông tư hoặc văn bản tương đương) cho Bộ trưởng Bộ TN&MT.	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
Chỉ số Kết quả-1	1-1 TCMT/Bộ TN&MT chuẩn bị hơn bốn (4) dự thảo Thông tư cuối cùng trong sáu (6) dự thảo Thông tư hợp tác với Nhóm Chuyên gia JICA (JET).	1-1 TCMT/Bộ TN&MT chuẩn bị hơn ba (3) dự thảo văn bản luật cuối cùng (Dự thảo Nghị định, Thông tư hoặc văn bản tương đương) trong sáu (6) dự thảo văn bản luật sau đây hợp tác với Nhóm Chuyên gia JICA (JET).	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
	1) Thông tư (quy định) cơ chế điều phối cho QLMTNLVS	1) Văn bản luật hóa cơ chế điều phối cho QLMTNLVS	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
	2) Thông tư về đánh giá sức chịu tải và xác định giấy phép xả thải	2) Thông tư về đánh giá sức chịu tải và xác định hạn ngạch xả thải	Áp dụng thuật ngữ kỹ thuật phù hợp
	5) Thông tư về hướng dẫn về thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường tự nhiên.	5) Nghị định bao gồm các quy định về hướng dẫn thủ tục yêu cầu bồi thường môi trường môi trường tự nhiên	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
	6) Thông tư quy định quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ, hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.	6) Nghị định bao gồm các quy định về lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ giám sát và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn việc thành lập và hoạt động các hội đồng thẩm định dữ liệu và bằng chứng xác định thiệt hại môi	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế

Nội dung sửa đổi	PDM phiên bản 1.0; 22 tháng 3 năm 2016	PDM phiên bản 2.0; 21 tháng 4 năm 2017	Lý do
	1-2 Hơn xxx cán bộ đối tác tại Viện KHMT và Cục QLCT-CTMT được đào tạo và đạt được đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các chính sách và hoạt động quản lý nhà nước QLMTNLVS thực tế. (Số lượng chính xác sẽ được quyết định sau khi nhận được danh sách đối tác do Viện KHMT/ Cục QLCT&CTMT chuẩn bị.)	1-2 Hơn 10 cán bộ đối tác (80%) được đào tạo kỹ thuật, hơn 6 cán bộ đối tác (50%) có đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng chính sách và các hoạt động quản lý nhà nước thực tế QLMTNLVS.	Làm rõ chỉ số
Chi số Kết quả-2	2-2 Hơn xxx cán bộ đối tác tại Viện KHMT. Cục QLCT&CTMT, sở TN&MT mục tiêu được đào tạo và đạt đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các công cụ thực thi và các hoạt động quản lý nhà nước QLMTNLVS thực tế.	2-2 Hơn 50 cán bộ đối tác (70%) nhận được đào tạo kỹ thuật, hơn 35 cán bộ đối tác (50%) có đủ kỹ năng và kiến thức để xây dựng các công cụ thực thi và các hoạt động quản lý nhà nước QLMTNLVS thực tế	Làm rõ chỉ số
	2-3 Các Sở TN&MT mục tiêu có thể đánh giá sức chịu tải ở mỗi tỉnh và Cục QLCT&CTMT / Chi cục có thể đánh giá sức chịu tải trong các lưu vực sông mục tiêu.	2-3 Hơn 30 cán bộ đối tác (40%) có đủ kỹ năng và kiến thức để lập kế hoạch và triển khai QLMTNLVS và 2 đến 3 sở TN&MT mục tiêu có thể đánh giá sức chịu tải ở mỗi tỉnh và Cục QLCT&CTMT / Chi cục có thể đánh giá sức chịu tải trong lưu vực sông mục tiêu.	Làm rõ sở TN&MT mục tiêu
	2-5 Hơn xxx lần hội thảo và hội thảo được tiến hành để chia sẻ và phổ biến các kết quả đạt được trong quá trình Dự án.	2-5 Hơn 2 lần hội thảo và hội thảo được tiến hành để chia sẻ và phổ biến các kết quả đạt được trong quá trình Dự án.	Làm rõ chỉ số
Chi số Kết quả-3	3-1 Hơn xxx cán bộ đối tác trong Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT được đào tạo và đạt đủ kỹ năng và kiến thức để thực hiện lộ trình.	3-1 Hơn 10 cán bộ đối tác (80%) được đào tạo kỹ thuật, hơn 6 cán bộ đối tác (50%) trong Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT được đào tạo và có đủ kỹ năng và kiến thức để thực hiện lộ trình	Làm rõ chỉ số
	3-2 TCMT/ Bộ TN&MT chủ động phối hợp các hoạt động cần thiết để chuẩn bị các dự thảo Thông tư cuối cùng dựa trên các Dự thảo Thông tư được xây dựng trong Kết quả-1 với sự hỗ trợ của JET.	3-2. TCMT/ Bộ TN&MT chủ động phối hợp các hoạt động cần thiết để chuẩn bị dự thảo văn bản pháp luật cuối cùng (Dự thảo Nghị định, Thông tư hoặc văn bản tương đương) dựa trên dự thảo văn bản pháp luật được xây dựng trong Kết quả-1 với sự hỗ trợ của JET.	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
Hoạt động	1-4: Chuẩn bị dự thảo Thông tư (quy định) về cơ chế điều phối cho QLMTNLVS	1-4: Chuẩn bị văn bản luật về cơ chế điều phối cho QLMTNLVS	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
	1-5: Chuẩn bị dự thảo Thông tư về đánh giá sức chịu tải và xác định giấy phép xả thải	1-5: Chuẩn bị dự thảo thông tư về đánh giá sức chịu tải và ước tính hạn ngạch xả thải	Áp dụng thuật ngữ kỹ thuật phù hợp hơn
	1-8: Chuẩn bị dự thảo Thông tư về thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường	1-8: Chuẩn bị dự thảo Nghị định bao gồm quy định về hướng dẫn thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
	1-9: Chuẩn bị dự thảo Thông tư về các quy định về quy định lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ giám sát và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn thành lập và hoạt động các hội đồng thẩm định dữ liệu và chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường	1-9: Chuẩn bị dự thảo Nghị định bao gồm các quy định về quy định lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ giám sát và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn thành lập và hoạt động các hội đồng thẩm định dữ liệu và chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
	3-1: Tích hợp tất cả các kết quả của Dự án và phản ánh chúng vào Dự thảo các Thông tư trong Kết quả-1	3-1: Tích hợp tất cả các kết quả của Dự án và phản ánh chúng vào Dự thảo văn bản pháp luật trong Kết quả-1	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế
	3-7: Hoàn thiện dự thảo Thông tư được xây dựng trong Kết quả-1	3-7: Hoàn thiện dự thảo văn bản luật hóa được xây dựng trong Kết quả-1	Điều chỉnh theo định dạng chuẩn bị thực tế

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 3 Nội dung sửa đổi trong PDM phiên bản 3.0**

Nội dung đã được chấp thuận trong họp JCC lần thứ ba và hoàn thiện ngày 3 tháng 7 năm 2018

Nội dung sửa đổi	PDM phiên bản 2.0, 21 tháng 4 năm 2017	PDM phiên bản 3.0, 03 tháng 7 năm 2018	Lý do
Nhóm mục tiêu	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) / Tổng cục Môi trường (TCMT), Viện Khoa học môi trường (Viện KHMT), Cục Cải thiện môi trường và Quản lý chất thải (Cục QCTMT&QLCT), Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) của thành phố và các tỉnh mục tiêu, và các cơ quan liên quan khác.	Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) / Tổng cục Môi trường (TCMT), Viện Khoa học môi trường (Viện KHMT), Cục Cải thiện môi trường và Quản lý chất thải (Cục QCTMT&QLCT), Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) của thành phố và các tỉnh mục tiêu, và các cơ quan liên quan khác.	Do việc tái cấu trúc TCMT, tên Cục và nhiệm vụ đã được thay đổi.
Chỉ số về mục đích dự án	1. TCMT/Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan đề trình dự thảo văn bản pháp luật hoàn thiện (Dự thảo hoàn thiện Thông tư và Nghị định hoặc văn bản tương đương) lên bộ trưởng Bộ TN&MT.	1. TCMT/Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan đề trình dự thảo văn bản pháp luật hóa hoàn thiện (Dự thảo hoàn thiện Thông tư và Nghị định hoặc văn bản tương đương) lên bộ trưởng Bộ TN&MT.	Điều chỉnh từ ngữ phù hợp.
	2. TCMT/Bộ TN&MT thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS.	2. TCMT/ Bộ TN&MT chia sẻ chính sách liên quan đến cơ chế giữa TCMT/Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan.	Vài văn bản pháp luật do Dự án chuẩn bị đã không được hoàn thiện một cách chính thức.
	3. Bộ TN&MT ban hành giai đoạn giữa dự án QLMTNLVS mục tiêu đến năm 2020.	3. TCMT/ Bộ TN&MT bắt đầu các hoạt động cần thiết theo kế hoạch hành động và kế hoạch tổng thể QLMTNLVS cho năm mục tiêu 2020.	Trong Dự án, tầm nhìn trung hạn cho tiến trình QLMTNLVS được tóm tắt bằng kế hoạch hành động và kế hoạch tổng thể đã được chuẩn bị theo Kết quả-3.
	4. Chính quyền địa phương nêu rõ chính sách về QLMTNLVS trong Kế hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.	4. Chính quyền địa phương nêu rõ chính sách về QLMTNLVS trong hoạt động quản lý môi trường nước của địa phương.	Các hoạt động của Dự án đã và đang góp phần áp dụng tiếp cận QLMTNLVS trong hoạt động quản lý môi trường nước của đối tác Việt Nam.
	5. TCMT/ Bộ TN&MT bắt đầu các hoạt động cần thiết phù hợp với đề xuất lộ trình QLMTNLVS.	5. TCMT/ Bộ TN&MT đã chuẩn bị đề xuất QLMTNLVS.	Thành lập UBLVS bị trì hoãn. Vì vậy, sẽ rất khó khăn khi bắt đầu bất kỳ hành động nào sau khi xây dựng lộ trình QLMTNLVS trong thời gian Dự án.
Chỉ số về Kết quả-1	1-1 TCMT/ Bộ TN&MT chuẩn bị hơn ba (3) dự thảo văn bản pháp luật hóa cuối cùng (Dự thảo Nghị định, Thông tư hoặc văn bản tương đương) trong sáu (6) dự thảo văn bản pháp luật hóa với sự hợp tác với Nhóm Chuyên gia JICA (JET).	1-1 TCMT/ Bộ TN&MT chuẩn bị hơn ba (3) dự thảo văn bản pháp luật hóa cuối cùng (Dự thảo Nghị định, Thông tư hoặc các văn bản khác) trong sáu (6) dự thảo văn bản pháp luật hóa với sự hợp tác với Nhóm Chuyên gia JICA (JET).	Điều chỉnh từ ngữ phù hợp.
	1-1 1) Văn bản pháp luật về cơ chế điều phối cho QMTNLVS	1-1 1) Dự thảo hướng dẫn/ báo cáo kỹ thuật cuối cùng về cơ chế điều phối cho QLMTNLVS	Văn bản được ghi nhận như một quy định sẽ được ban hành bởi UBLVS sau khi được thành lập.
	1-1 2) Thông tư về đánh giá sức chịu tải và xác định hạn ngạch xả thải	1-1 2) Thông tư về đánh giá sauc chịu tải	Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT về đánh giá swuc chịu tải được thực thi trong tháng 3 năm 2018. TVMT có kế hoạch ban hành hướng dẫn tính sức chịu tải dưới quyết định của TCMT hay Bộ TN&MT.
	1-1 3) Thông tư về nguồn nước thải chính cho QLMTNLVS	1-1 3) Dự thảo văn bản cuối cùng về nguồn xả nước thải chính cho QLMTNLVS..	Bộ TN&MT có kế hoạch xây dựng Nghị định mới về kiểm kê khí thải, nước thải và chất thải rắn.
	1-1 4) Thông tư về chia sẻ thông tin và hệ thống công bố thông tin cho lưu vực sông liên tỉnh.	1-1 4) Dự thảo hướng dẫn cuối cùng về tính sức chịu tải và chia sẻ thông tin về tính sức chịu tải và	Văn bản này sẽ được ghi nhận là một quy định do ban thư ký UBLVS ban hành sau khi thành lập.

Nội dung sửa đổi	PDM phiên bản 2.0, 21 tháng 4 năm 2017	PDM phiên bản 3.0, 03 tháng 7 năm 2018	Lý do
		xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải	
	1-1 5) Nghị định bao gồm quy định về hướng dẫn thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại cho môi trường tự nhiên.	1-1 5) Dự thảo thông tư cuối cùng quy định về hướng dẫn thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại cho môi trường tự nhiên. (Lưu ý)	Dự thảo thông tư sẽ là dự thảo cuối cùng. Thêm và “lưu ý”
	1-1 6) Nghị định bao gồm các quy định về quy định lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ quan trắc và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn việc thành lập và hoạt động các hội đồng thẩm định dữ liệu và bằng chứng xác định thiệt hại môi trường.	1-1 6) Dự thảo cuối cùng Thông tư bao gồm các quy định về lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ quan trắc và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn việc thành lập và vận hành các hội đồng thẩm định dữ liệu và bằng chứng xác định thiệt hại môi trường. (Lưu ý) (Lưu ý) Chi số 1-1 5) và 1-1 6) sẽ được luật hóa như một dự thảo nghị định thống nhất.	Dự thảo thông tư sẽ là phiên bản cuối cùng. Đề thêm vào “Lưu ý”, đã đề cập về kỳ vọng thực tế để xây dựng dự thảo nghị định
Chi số Kết quả-2	2-3 Hơn 30 cán bộ đối tác (40%) có đủ kỹ năng và kiến thức để lập kế hoạch và thực hiện QLMTNLVS và 2 đến 3 sở TN&MT mục tiêu có thể tự đánh giá sức chịu tải tại mỗi tỉnh và Chi cục/ Cục QLCT&CTMT có thể đánh giá lưu vực sông mục tiêu.	2-3 Hơn 30 cán bộ đối tác (40%) có đủ kỹ năng và kiến thức để lập kế hoạch và thực hiện QLMTNLVS và 2 đến 3 sở TN&MT mục tiêu có thể tự đánh giá sức chịu tải trong lưu vực sông mục tiêu.	Cần nhắc đến tái cấu trúc TCMT, mô tả về tên đã thay đổi.
	2-4 Sở TN&MT mục tiêu chuẩn bị kế hoạch năm về quan trắc, PSI, kiểm tra môi trường, và thanh tra trên quan điểm QLMTNLVS và thực hiện các hoạt động thực thi thực tế cùng với kế hoạch năm.	2-4 Hơn 40% sở TN&MT mục tiêu chuẩn bị đánh giá sức chịu tải của sông nội tỉnh.	Quá trình luật hóa các kết quả trong Kết quả-1 đã bị trì hoãn. Do đó, rất khó để phản ánh cách tiếp cận QLMTNLVS đối với kế hoạch hàng năm của mỗi Sở TN&MT.
Chi số Kết quả-3	3-1 Hơn 10 cán bộ đối tác được đào tạo kỹ thuật, hơn 6 cán bộ đối tác (50%) tại Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT được đào tạo và đạt được đủ kỹ năng và kiến thức để thực hiện lộ trình.	3-1 Hơn 10 cán bộ đối tác được đào tạo kỹ thuật, hơn 5 cán bộ đối tác được đào tạo và đạt được đủ kỹ năng và kiến thức để thực hiện lộ trình.	Tùy thuộc vào cán bộ có thể tham gia đào tạo, một số học viên mục tiêu sẽ được thay đổi.
	3-3 Mô hình điều phối lưu vực sông liên tỉnh được thành lập tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai.	3-3 Các mô hình phối hợp liên tỉnh được đề xuất ở lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai.	Thành lập UBLVS đã bị trì hoãn. Do đó, các mô hình phối hợp liên tỉnh có thể được đề xuất bởi Dự án, nhưng sẽ rất khó để xây dựng các mô hình.
	3-4 Chi cục / Cục QLCT&CTMT có khả năng QLMTNLVS bởi các văn bản pháp luật được dự án đề xuất.	3-4 TCMT xây dựng kế hoạch quản lý cơ chế QLMTNLVS tham khảo các văn bản luật pháp do Dự án đề xuất.	Quá trình luật hóa hóa kết quả theo Kết quả-1 đã bị trì hoãn. Do đó, sẽ khó thực hiện một số hoạt động sử dụng các văn bản pháp luật do Dự án xây dựng. Ngoài ra, xem xét tái cấu trúc TCMT, mô tả về tên tổ chức được thay đổi.
Hoạt động	Hoạt động 1-4: Chuẩn bị dự thảo văn bản pháp luật cuối cùng về cơ chế phối hợp cho QLMTNLVS	Hoạt động 1-4: Chuẩn bị dự thảo hướng dẫn / báo cáo kỹ thuật cuối cùng về cơ chế phối hợp cho QLMTNLVS	Thay đổi phù hợp với sửa đổi chi số.
	Hoạt động 1-5: Chuẩn bị dự thảo Thông tư về đánh giá sức chịu tải và xác định hạn ngạch xả thải.	Hoạt động 1-5: Chuẩn bị dự thảo Thông tư về đánh giá sức chịu tải	Như trên
	Hoạt động 1-6: Chuẩn bị dự thảo Thông tư về nguồn nước thải chính cho QLMTNLVS.	Hoạt động 1-6: Chuẩn bị dự thảo văn bản pháp luật cuối cùng về nguồn xả nước thải chính trong QLMTNLVS.	Như trên

<b>Nội dung sửa đổi</b>	<b>PDM phiên bản 2.0, 21 tháng 4 năm 2017</b>	<b>PDM phiên bản 3.0, 03 tháng 7 năm 2018</b>	<b>Lý do</b>
	Hoạt động 1-7: Chuẩn bị dự thảo Thông tư về chia sẻ thông tin và dữ liệu và hệ thống công bố thông tin cho QLMTNLVS liên tỉnh	Hoạt động 1-7: Chuẩn bị dự thảo hướng dẫn cuối cùng về chia sẻ thông tin và dữ liệu cho tính sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải chính.	Như trên
	Hoạt động 1-8: Chuẩn bị dự thảo Nghị định bao gồm các quy định hướng dẫn và quy trình yêu cầu bồi thường môi trường	Hoạt động 1-8: Chuẩn bị Dự thảo Thông tư cuối cùng bao gồm các quy định về dạng hướng dẫn và quy trình yêu cầu bồi thường môi trường	Như trên
	Hoạt động 1-9: Chuẩn bị dự thảo Nghị định bao gồm các quy định lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ quan trắc và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn thành lập và vận hành các hội đồng thẩm định dữ liệu và bằng chứng	Hoạt động 1-9: Chuẩn bị Dự thảo Thông tư cuối cùng bao gồm các quy định lựa chọn tiêu chí và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ quan trắc và đánh giá môi trường để thu thập bằng chứng bồi thường và thiệt hại môi trường; và hướng dẫn thành lập và hoạt động các hội đồng thẩm định dữ liệu và bằng chứng	Như trên

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(Lưu ý: liên quan đến xây dựng Thông tư-5 và Thông tư-6, các thông thông tư này được xây dựng dưới dạng nghị định theo quy định của Việt Nam. Vấn đề này được đề cập đến phần ghi chú trong PMD phiên bản 3.0).



*Phụ lục 2:*

*Sản phẩm cuối cùng Dự án, những thách thức, và  
bối cảnh*





Kết quả cuối cùng dự án – Những thay đổi và bối cảnh

Sản phẩm theo kế hoạch	Kết quả cuối cùng	Bối cảnh pháp lý	Lý do thay đổi (bối cảnh)	Hoạt động cần thực hiện trong tương lai
1) Thông tư 1: Văn bản pháp lý về cơ chế điều phối phục vụ QLMTNLVS	1) Dự thảo Báo cáo kỹ thuật về cơ chế điều phối phục vụ QLMTNLVS a) Hướng dẫn cơ chế điều phối và hoạt động cần thiết. b) Đề xuất quy trình phân bổ sức chịu tải giữa các tỉnh.	- Nghị định 38 (điều phối lưu vực sông)	#Hoạt động điều phối sẽ do Tổ chức LVS thực hiện. Tổ chức LVS chưa được chính thức thành lập (đã xây dựng dự thảo).	#Kiểm soát theo tổng tải lượng và Kiểm kê nguồn xả nước thải sẽ được thực hiện dựa trên sự điều phối giữa các địa phương.
2) Thông tư-2: Thông tư về đánh giá sức chịu tải và ước tính hạn ngạch xả thải	2) Dự thảo thông tư đã được Dự án xây dựng. Sau đó, nội dung này được tích hợp vào Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT “Quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và sức chịu tải của sông, hồ” được sửa đổi dựa trên Thông tư 09.	- Luật BVMT - Luật TNN - Nghị định 38 - Thông tư 02/2009	#Nội dung tương tự với Thông tư sẵn có không được phép ban hành theo quy định xây dựng văn bản pháp lý tại Việt Nam #Từ tình hình trên, phân tích theo đoạn sông và theo lưu vực sông cần được gộp chung. # Thông tư 76 (điều chỉnh Thông tư 02) bổ sung thêm nội dung về phân tích mô hình đánh giá và phương pháp quản lý theo lưu vực sông.	#Các hoạt động được thực hiện theo Thông tư 76 sẽ được hướng dẫn và thực hiện. # Phân tích đoạn sông có mối liên hệ chặt chẽ với lưu vực sông. Điều phối giữa các địa phương trên cùng lưu vực sông. (Tổ chức LVS sẽ có chức năng này).
	3) Quyết định của TCMT/Bộ TNMT ban hành “Hướng dẫn kỹ thuật tính toán sức chịu tải”			
3) Thông tư-3: Thông tư hướng dẫn xác định các nguồn nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS	4) Dự thảo Thông tư hướng dẫn xác định các nguồn nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS	- Luật BVMT - Nghị định 38 - Quyết định140	#Bộ TNMT đang xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định 140/2018. Quyết định chú trọng tới không chỉ nguồn xả nước thải mà bao gồm cả chất thải rắn, khí thải. Hoạt động xây dựng Thông tư cũng bị đình trệ trong bối cảnh này. Lưu ý: Những nội dung quan trọng của dự thảo Thông tư đã được tham khảo, đưa vào Quyết định số 140/2018.	#Dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên cơ cấu pháp lý và tình hình thực tế. Xây dựng kiểm kê và hoạt động thực tiễn và hiệu quả. Để xây dựng chính sách quản lý nhà nước, nội dung này cần phải được phản ánh vào tất cả các văn bản pháp lý liên quan. #Nội dung dự thảo cuối cùng của Sổ tay kỹ thuật cần được hoàn thiện dưới dạng văn bản chính thức.
	5) Dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật về Kiểm kê nguồn xả nước thải (WDSI) phục vụ công tác quản lý lưu vực sông			
4) Thông tư -4: Thông tư về cơ chế chia sẻ và công bố thông tin dữ liệu môi trường nước lưu vực sông liên tỉnh;	6) Dự thảo Hướng dẫn về Chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán tải lượng ô nhiễm và Xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải	- Luật BVMT - Nghị định 38 - Thông tư 19/2016 - Thông tư 32/2018	#Thông tư 19 và Thông tư 32 liên quan tới thông tin môi trường đã được ban hành. Hoạt động chia sẻ và thu thập thông tin phục vụ quản lý lưu vực sông cần phù hợp với những tài liệu này. # Thu thập và chia sẻ thông tin dữ liệu liên quan tới Tổ chức LVS	#Nội dung hướng dẫn có thể được vận dụng để thúc đẩy công tác quản lý lưu vực sông, sau khi Tổ chức LVS được thành lập, # Nội dung này được phản ánh vào kế hoạch hành động. Dựa trên văn bản này, hoạt động thu thập và chia sẻ thông tin dữ liệu sẽ được thực hiện.
5) Thông tư -5: Nghị định hướng dẫn thủ tục và mẫu tài liệu để yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên;	7) Nghị định – 03 sửa đổi, bao gồm nội dung bồi thường thiệt hại môi trường. Nội dung hai thông tư đã được gộp chung.	- Luật BVMT - Bộ Luật Dân sự - Nghị định 03/2015 - Nghị định 19/2015 - Nghị định 63/2014	#Quá trình thể chế hóa bị trì hoãn do hoạt động sửa đổi Luật BVMT. Việc sửa đổi những Nghị định liên quan đã được tạm ngừng. Chính sách mới đã ảnh hưởng tới hoạt động này.	#Dựa trên kết quả dự án (dự thảo Nghị định và các văn bản nghiên cứu liên quan), văn bản pháp lý sẽ được xây dựng và ban hành.
6) Thông tư – 6: Nghị định quy định quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ, hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.				

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



*Phụ lục 3:*

*Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)*



**Ma trận Thiết kế Dự án (bản cập nhật lần thứ 3 – PDM chính thức của dự án)**

Tên dự án: Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông

- Thời gian thực hiện dự án: Tháng 11 năm 2015 đến tháng 5 năm 2019 (3.5 năm)
- Khu vực thực hiện dự án: Lưu vực sông Cầu (tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Bắc Ninh) và lưu vực sông Đồng Nai (tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, và Bà Rịa-Vũng Tàu)
- Các cơ quan mục tiêu: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)/ Tổng cục Môi trường (TCMT), Viện Khoa học Môi trường (Viện KHMT), Vụ Quản lý chất thải và các đơn vị liên quan, các Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) tham gia dự án và các cơ quan liên quan khác.

Phiên bản - 03: tháng 7 năm 2018

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
<b>Mục tiêu tổng thể</b> Tăng cường năng lực thực thi của Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT; Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT sẵn sàng thực hiện hệ thống quản lý môi trường nước lưu vực sông (LVS) trên toàn quốc.	1. Bộ TN&MT/TCMT thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS có xem xét đến công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLHTNNLVS). 2. Đề xuất kiện toàn và tăng cường hiệu quả hoạt động của Ủy ban QLMTNLVS sông Cầu và sông Đồng Nai. 3. Chính quyền địa phương tại các LVS lựa chọn lồng ghép chính sách QLMTNLVS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương mình. 4. Bộ TN&MT/TCMT xác định các LVS quan trọng khác để áp dụng cơ chế QLMTNLVS ở Việt Nam trong tương lai.	1. Các văn bản pháp luật do Bộ TN&MT/TCMT soạn thảo. 2. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội do chính quyền địa phương xây dựng.	Các chính sách chính về QLMTNLVS ở Việt Nam không thay đổi theo chiều hướng tiêu cực.
<b>Mục tiêu của Dự án</b> Tăng cường năng lực soạn thảo và thực thi chính sách, pháp luật của Bộ TN&MT/TCMT và năng lực thực thi công tác BVMTNLVS của các Sở TN&MT tham gia dự án.	1. Bộ TN&MT/TCMT và các đơn vị liên quan nộp bản hoàn thiện cuối của Dự thảo văn bản pháp luật đến Bộ trưởng Bộ TN&MT (Bản hoàn thiện cuối của Dự thảo Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản khác). 2. Bộ TN&MT/TCMT chia sẻ chính sách liên quan đến cơ chế QLMTNLVS trong Bộ TN&MT/TCMT và tới các đơn vị, tổ chức khác. 3. Bộ TN&MT/TCMT bắt đầu các hoạt động cần thiết theo Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể về QLMTNLVS, tầm nhìn tới năm 2020. 4. Chính quyền địa phương lồng ghép chính sách QLMTNLVS vào các hoạt động quản lý môi trường tại địa phương. 5. Bộ TN&MT/TCMT xây dựng Lộ trình QLHTNN LVS theo đề xuất.	1. Kết quả thực tế của dự án. 2. Khảo sát Bộ TN&MT/TCMT và các UBND/Sở TN&MT mục tiêu bằng hình thức bảng hỏi ở giai đoạn đầu, giữa và cuối của dự án. 3. Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT mục tiêu xây dựng.	Các kết quả Kết quả của dự án được Bộ TN&MT/TCMT và chính quyền địa phương nhân rộng trong cả nước phục vụ công tác QLMTNLVS.
<b>Các kết quả</b> Kết quả-1. Tăng cường năng lực xây dựng các văn bản và thực thi pháp luật về QLMTNLVS của Bộ TN&MT/TCMT và các UBND tỉnh/Sở TN&MT tham gia dự án; thiết lập cơ sở thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS.	1-1 Bộ TN&MT/TCMT chuẩn bị tối thiểu bản dự thảo hoàn thiện của ba (3) văn bản pháp luật (Dự thảo cuối cùng của Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản khác)	1-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&MT/TCMT và	Chính quyền địa phương mục tiêu cam kết hợp tác với dự án.

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
	<p>trong sáu (6) dự thảo, với sự phối hợp từ Nhóm Chuyên gia JICA (JET).</p> <p>1) Dự thảo cuối Hướng dẫn/Báo cáo kỹ thuật về cơ chế điều phối QLMTNLVS;</p> <p>2) Thông tư quy định đánh giá sức chịu tải</p> <p>3) Dự thảo cuối văn bản pháp lý về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS;</p> <p>4) Dự thảo cuối Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải</p> <p>5) Dự thảo cuối Thông tư hướng dẫn thủ tục để thực hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên;*</p> <p>6) Dự thảo cuối Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để thu thập dữ liệu chứng cứ; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.*</p> <p>* Ghi chú: Chỉ tiêu 1-1 5) và 1-1 6) được quy định và tích hợp thành dự thảo cuối của một Nghị định.</p> <p>1-2: Hơn 10 cán bộ (80%) đối tác được đào tạo kỹ thuật, và hơn 6 người (50%) có đủ kỹ năng, kiến thức xây dựng chính sách và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về QLMTNLVS</p>	<p>các Sở TN&amp;MT mục tiêu xây dựng.</p> <p>1-2 Số lượng thực tế các kết quả dự án đạt được và tình hình áp dụng các kết quả đó.</p> <p>1-3 Các khóa tập huấn được tổ chức, biên bản thảo luận và nội dung các dự thảo được xây dựng.</p> <p>1-4 Tài liệu trình bày, ghi chép, bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	<p>Các tổ chức liên quan trực thuộc chính quyền địa phương tham gia dự án như Sở NN&amp;PTNT, Sở Xây Dựng, Sở Công Thương, Ban quản lý Khu công nghiệp, Phòng Cảnh sát môi trường... tham gia phối hợp với dự án.</p>
Kết quả-2. Tăng cường năng lực thực hiện công tác QLMTNLVS của Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT thông qua việc thực hiện dự án thí điểm.	<p>2-1 Hơn 80% các hoạt động của dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai được hoàn thành.</p> <p>2-2 Hơn 50 cán bộ đối tác (70%) được đào tạo, và hơn 35 cán bộ (50%) có đủ kỹ năng, kiến thức xây dựng các công cụ thực thi và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về QLMTNLVS</p> <p>2-3 Hơn 30 cán bộ đối tác (40%) có đủ kỹ năng, kiến thức lập kế hoạch và thực thi QLMTNLVS. Hai trong số ba Sở TN&amp;MT mục tiêu có thể đánh giá sức chịu tải trên địa bàn tỉnh mình và TCMT có thể đánh giá sức chịu tải ở các LVS liên quan.</p> <p>2-4 Trên 40% các Sở TN&amp;MT mục tiêu tiến hành đánh giá sức chịu tải của sông nội tỉnh.</p> <p>2-5 Hơn 2 hội thảo và hội nghị được tổ chức nhằm chia sẻ và phổ biến các kết quả đạt được trong quá trình thực hiện dự án.</p>	<p>2-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT mục tiêu xây dựng.</p> <p>2-2 Các kết quả của dự án và tình hình áp dụng các kết quả đó.</p> <p>2-3 Các khóa tập huấn được tổ chức, biên bản thảo luận và nội dung các đề xuất được xây dựng.</p> <p>2-4 Kết quả đánh giá năng lực.</p> <p>2-5 Các ghi chép và bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
<p>Kết quả-3. Xây dựng lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS căn cứ vào Kết quả của Kết quả-1 và Kết quả-2, và Bộ TN&amp;MT sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới công tác QLTHNNLVS.</p>	<p>3-1 Hơn 10 cán bộ đối tác được đào tạo, và hơn 5 cán bộ có đủ kỹ năng, kiến thức thực hiện lộ trình đã xây dựng.</p> <p>3-2 Bộ TN&amp;MT/TCMT chủ động điều phối các hoạt động cần thiết để chuẩn bị dự thảo cuối cùng của các văn bản pháp luật (Dự thảo Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản tương đương) dựa trên các văn bản pháp luật nhóm chuyên gia JICA hỗ trợ xây dựng theo kết quả 1.</p> <p>3-3 Các mô hình điều phối liên tỉnh được đề xuất tại LVS Cầu và LVS Đồng Nai.</p> <p>3-4 TCMT xây dựng các kế hoạch nhằm quản lý cơ chế QLMTNLVS có tham khảo những dự thảo văn bản pháp lý do Dự án đề xuất.</p> <p>3-5 Dựa trên các kết quả của dự án, Bộ TN&amp;MT/TCMT xây dựng và điều chỉnh lộ trình.</p>	<p>3-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT tham gia dự án xây dựng.</p> <p>3-2 Biên bản tập huấn, thảo luận và nội dung các đề xuất</p> <p>3-3 Dự thảo cuối cùng của các Thông tư.</p> <p>3-4 Lộ trình dự thảo được xây dựng và trình bày.</p> <p>3-5 Các kết quả và công cụ dự án thực hiện được và tình hình áp dụng các kết quả và công cụ đó.</p> <p>3-6 Các ghi chép và bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	
<p><b>Các hoạt động:</b></p> <p><b>Kết quả-1. Tăng cường năng lực xây dựng các văn bản và thực thi pháp luật về QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các UBND tỉnh/Sở TN&amp;MT tham gia dự án; thiết lập cơ sở thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS.</b></p> <p>Hoạt động 1-1: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về QLMTNLVS; phát hiện những điểm bất cập, chồng chéo, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Hoạt động 1-2: Nghiên cứu, phân định chức năng nhiệm vụ QLMTNLVS của Bộ TN&amp;NT, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương.</p> <p>Hoạt động 1-3: Xây dựng chương trình tập huấn và tổ chức tập huấn</p> <p>Hoạt động 1-4: Xây dựng dự thảo cuối Hướng dẫn/Báo cáo kỹ thuật về cơ chế điều phối QLMTNLVS.</p> <p>Hoạt động 1-5: Xây dựng dự thảo thông tư đánh giá sức chịu tải.</p> <p>Hoạt động 1-6: Xây dựng dự thảo cuối văn bản pháp lý về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS.</p> <p>Hoạt động 1-7: Xây dựng dự thảo cuối Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải.</p> <p>Hoạt động 1-8: Xây dựng dự thảo cuối Thông tư hướng dẫn thủ tục để thực hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên.</p> <p>Hoạt động 1-9: Xây dựng dự thảo cuối Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá đo đạc để</p>	<p><b>Đầu vào</b></p> <p><b>Phía Nhật Bản</b></p> <p>1) Chuyên gia dài hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng nhóm/ Điều phối dự án/ Chính sách quản lý môi trường</li> </ul> <p>2) Chuyên gia ngắn hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý Môi trường nước LVS</li> <li>- Quan trắc chất lượng nước và phân tích mô hình mô phỏng</li> <li>- Kiểm kê nguồn gây ô nhiễm và thanh tra</li> <li>- Phân tích tải lượng ô nhiễm</li> <li>- Tài nguyên nước/ Thủy văn</li> <li>- Biện pháp kiểm soát ô nhiễm</li> <li>- Quy hoạch thể chế/tài chính và đền bù thiệt hại</li> <li>- Quản lý thông tin dữ liệu</li> <li>- Nhận thức cộng đồng</li> <li>- Điều phối viên</li> </ul> <p>3) Hội nghị và Hội thảo</p> <p>4) Tập huấn tại Nhật Bản: 3 khóa trong quá trình thực hiện dự án (đối tượng tham gia: Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT)</p>		<p><b>Điều kiện tiên quyết</b></p> <p>Dự án được Chính phủ Việt Nam chính thức phê duyệt</p> <p>Bộ TN&amp;MT kí kết thỏa thuận với các tỉnh mục tiêu về việc thực hiện và phối hợp thực hiện dự án</p>



Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
<p>thu thập dữ liệu chứng cứ; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.</p> <p>Hoạt động 1-10: Hướng dẫn và chia sẻ các kết quả được xây dựng với các đơn vị của Bộ TN&amp;MT/TCMT và Sở TN&amp;MT tại các LVS tham gia dự án.</p>	<p>5) Tham quan học tập tại Việt Nam: 2 lần trong thời gian thực hiện dự án (chuyên 2 ngày và 3 ngày dành cho các bên liên quan về QLMTNLVS).</p> <p>6) Các thiết bị tối thiểu và phương tiện đi lại cần thiết cho các hoạt động dự án</p> <p>7) Tư vấn trong nước để thực hiện các công việc thầu phụ, đặc biệt cho dự án thí điểm</p>		
<p><b>Kết quả-2. Tăng cường năng lực thực hiện công tác QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT thông qua việc thực hiện Dự án thí điểm.</b></p> <p>Hoạt động 2-1: Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực căn cứ theo các nhu cầu về tăng cường năng lực và các kết quả đánh giá năng lực.</p> <p>Hoạt động 2-2: Xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện các khóa đào tạo.</p> <p>Hoạt động 2-3: Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai có xác định rõ trách nhiệm của Bộ TN&amp;MT/TCMT, Sở TN&amp;MT và Nhóm chuyên gia JICA (JET)</p> <p>Hoạt động 2-4: Thực hiện dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai bao gồm hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>Hoạt động 2-5: Chia sẻ kết quả Kết quả được xây dựng cùng với các đơn vị liên quan của Bộ TN&amp;MT/TCMT và Sở TN&amp;MT tại các LVS mục tiêu</p>	<p><b>Phía Việt Nam</b></p> <p>1) Cán bộ tham gia dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ TN&amp;MT/TCMT</li> <li>- Các Sở TN&amp;MT</li> </ul> <p>2) Văn phòng dự án đặt tại Bộ TN&amp;MT và các LVS mục tiêu</p> <p>3) Phân bổ ngân sách lương và các khoản chi phí khác cho phía đối ứng trong giai đoạn thực hiện dự án</p> <p>4) Phân bổ ngân sách chi phí vận hành thiết bị do dự án mua</p>		
<p><b>Kết quả-3. Xây dựng lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS căn cứ vào kết quả của kết quả-1 và kết quả-2, và Bộ Tài nguyên Môi trường sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới công tác QLTHNNLVS.</b></p> <p>Hoạt động 3-1: Lồng ghép tất cả các kết quả Kết quả của dự án và phản ánh trong các bản thảo cuối cùng của các văn bản pháp luật nêu trong kết quả-1</p> <p>Hoạt động 3-2: Xây dựng kế hoạch tập huấn và tiến hành tập huấn</p> <p>Hoạt động 3-3: Xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải thiện công tác QLMTNLVS, trong đó xác định rõ vai trò và trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan.</p> <p>Hoạt động 3-4: Xây dựng kế hoạch tổng thể và tiến độ thực hiện công tác cải thiện và thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS cho Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT tại các LVS mục tiêu</p> <p>Hoạt động 3-5: Xây dựng lộ trình bao gồm các bước thực hiện tiếp theo hướng tới QLTHNNLVS.</p> <p>Hoạt động 3-6: Nghiên cứu và xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ công tác QLMTNLVS bao gồm cơ chế tài chính, huy động nguồn lực và khuyến khích.</p>			

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giả định quan trọng
Hoạt động 3-7: Hoàn thiện các văn bản pháp luật được xây dựng ở kết quả 1. Hoạt động 3-8: Chia sẻ các kết quả Kết quả với các bên liên quan.			

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



*Phụ lục 4:*

*Biên bản các cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án (Lần thứ nhất – Lần thứ năm)*



**BIÊN BẢN HỌP**  
**BAN CHỈ ĐẠO CHUNG**  
**DỰ ÁN “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC LƯU**  
**VỰC SÔNG”**

Theo Biên bản thảo luận (sau đây được gọi là “R/D”) ký ngày 24 tháng 8 năm 2015 giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây được gọi là “Chính phủ nước Việt Nam”) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, phía Việt Nam đã phối hợp với phía Nhật Bản tổ chức cuộc họp Ban chỉ đạo chung lần thứ nhất (sau đây gọi là “JCC”) vào ngày 22 tháng 3 năm 2016 tại Hà Nội.

Tại phiên họp, hai phía đã tiến hành thảo luận các nội dung trong báo cáo Khởi động dự án (IC/R). Nội dung thảo luận được đính kèm theo Biên bản này.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016



Ông Naoki Kakioka  
Phó trưởng Đại diện  
Văn phòng JICA Việt Nam



Tiến sỹ Nguyễn Thế Đồng  
Phó Tổng cục trưởng  
Tổng cục Môi trường



## **BIÊN BẢN**

### **HỌP BAN CHỈ ĐẠO CHUNG (BAN ĐIỀU PHỐI CHUNG) LẦN THỨ NHẤT**

**Dự án “Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông”**

#### **1. Mục tiêu**

Mục tiêu của cuộc họp Ban chỉ đạo chung (Ban điều phối chung) lần thứ nhất bao gồm: (1) thảo luận và thống nhất về Báo cáo khởi động dự án (IC/R) với các nội dung về kế hoạch hoạt động năm 2016; cơ cấu thực hiện dự án; các hoạt động dự án thí điểm (DATĐ); và kế hoạch cho hoạt động nâng cao năng lực; (2) xác nhận kế hoạch xây dựng các văn bản pháp luật; và (3) xác nhận các hoạt động chi tiết của DATĐ.

Biên bản này tóm tắt nội dung và kết luận đưa ra trong cuộc họp, và sẽ được phía Việt Nam và phía Nhật Bản xác nhận.

#### **2. Thời gian và Địa điểm**

Thời gian: 8:30 – 13:30, Thứ Ba, ngày 22 tháng 3 năm 2016.

Địa điểm: Phòng họp Hà Nội 3, Khách sạn Crowne Plaza;

Số 36 Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

#### **3. Đại biểu tham dự và chương trình họp**

Thành phần đại biểu tham dự cuộc họp Ban chỉ đạo chung và Chương trình họp được đề cập tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Tiến sỹ Võ Tuấn Nhân (Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), Tiến sỹ Nguyễn Thế Đồng (Phó Tổng cục Trưởng, Tổng cục Môi trường) và ông Naoki Kakioka (Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA Việt Nam) đã tham gia cuộc họp.

#### **4. Thảo luận và tóm tắt**

Cuộc họp do Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân và ông Naoki Kakioka đồng chủ trì.

Sau khi ông Bùi Hoài Nam, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Môi trường (Viện KHMT) giới thiệu sơ lược về dự án và thành phần các đại biểu tham dự, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân và ông Naoki Kakioka đã có bài phát biểu khai mạc cuộc họp.

Các bài trình bày của các diễn giả tại cuộc họp tập trung vào ba chủ đề chính, bao gồm: (1) tổng quan về dự án; (2) các hoạt động chi tiết của dự án: cấu trúc thực hiện dự án; kế hoạch xây dựng các văn bản pháp luật; các hoạt động DATĐ; chương trình nâng cao năng lực và kế hoạch hoạt động năm 2016; và (3) trao đổi kinh nghiệm và các vấn đề về cơ chế phối hợp bảo vệ môi trường nước lưu vực sông – nghiên cứu trường hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

Sau phần trình bày của các diễn giả, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thế Đồng và PGS.TS. Phạm Văn Lợi đã chủ trì phiên thảo luận với sự tham gia của các thành viên Ban chỉ đạo chung và các bên liên quan. Nội dung thảo luận bao gồm báo cáo khởi động dự án; các chương trình hoạt động; các hoạt động DATĐ; kế hoạch xây dựng các văn bản pháp luật,...

Đại diện các đơn vị trực thuộc Tổng cục Môi trường (TCMT), thành viên Ban chỉ đạo chung và Ban quản lý dự án của 06 Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT), và nhóm chuyên gia JICA cơ bản đã đồng thuận với kế hoạch hoạt động của dự án giai đoạn 2016-2018; cơ cấu thực hiện dự án; sự cần thiết của DATĐ; các nội dung của văn bản pháp luật sẽ được xây dựng; và các công cụ hỗ trợ. Bên cạnh đó, các đại biểu cũng đã đưa ra một số ý kiến góp ý liên quan đến các vấn đề trên, bao gồm:

#### 4.1. Thiết kế dự án và kế hoạch tổng thể

- Dự án cần nhắc phối hợp và hỗ trợ kỹ thuật cho Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Môi trường trong việc hoàn thiện “Thông tư về xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường, công bố, cung cấp thông tin môi trường và hệ thống chỉ tiêu thống kê báo cáo về môi trường” và một số hoạt động như tổ chức hội thảo, hội nghị lấy ý kiến cho dự thảo do Trung tâm đang xây dựng. Dự án cần



làm rõ nội dung thông tư do Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Môi trường xây dựng, mối quan hệ giữa thông tư chia sẻ thông tin mà Dự án sẽ chủ trì xây dựng và thông tư này, cách thức tích hợp nội dung về chia sẻ thông tin môi trường vào thông tư hiện tại;

- Trong quá trình thực hiện dự án, do yêu cầu thực tiễn của Việt Nam và yêu cầu của Bộ TN&MT, thứ tự thời gian xây dựng các thông tư sẽ được cân nhắc cụ thể. Tuy nhiên, “Thông tư quy định về đánh giá sức chịu tải và xác định hạn ngạch xả thải” và “Thông tư hướng dẫn xác định các nguồn thải nước thải trọng điểm gây ô nhiễm môi trường trên lưu vực sông phục vụ quản lý môi trường nước lưu vực sông” cần được đưa vào kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017 của Bộ TN&MT. Trong quá trình xây dựng thông tư, cần lưu ý đến các vấn đề về bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên nước,... phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh các thông tư dự kiến được xây dựng, Dự án cần cân nhắc khả năng xây dựng một số văn bản khác như quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam về quản lý nước sông tại lưu vực sông;

- Chính phủ Việt Nam đang xem xét thành lập Ủy ban chung về quản lý lưu vực sông thay thế ba (03) Ủy ban Bảo vệ Môi trường nước lưu vực sông hiện tại nhằm thực hiện quản lý tổng thể các lưu vực sông tại Việt Nam. Do đó, Dự án nên cân nhắc sự thay đổi này để có hướng đi phù hợp trong quá trình xây dựng các thông tư liên quan (ví dụ: thông tư về cơ chế phối hợp) và các tài liệu kỹ thuật khác. TCMT/Bộ TN&MT sẽ sớm cung cấp thêm thông tin về sáng kiến này và quyết định hình thức văn bản pháp luật (ví dụ: thông tư hay quyết định của Bộ trưởng) về cơ chế phối hợp.

#### 4.2. Các vấn đề về quản lý dự án

- Ngày 22 tháng 3 năm 2016, Bộ trưởng Bộ TN&MT đã ký ban hành quyết định phê duyệt Văn kiện dự án. Bộ TN&MT cũng sẽ sớm ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo dự án (Ban chỉ đạo chung - JCC) và Ban quản lý dự án (PMU) kèm theo các chức năng và nhiệm vụ cụ thể để Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia dự án (UBND) phân công cán bộ chức năng tham gia là thành viên của JCC và PMU cũng như phân bổ nguồn vốn đối ứng để thực hiện các hoạt động của Dự án;

- TCMT/Bộ TN&MT nghiên cứu nhằm hướng dẫn các tỉnh tham gia dự án trong việc thành lập Nhóm công tác liên tỉnh (TF) và Nhóm công tác nội tỉnh (WG) tại cấp địa phương;

- Dự án nên xây dựng kế hoạch hoạt động năm, quý và tháng cho năm 2016 một cách chi tiết hơn ở cả cấp trung ương và địa phương;

- Các hoạt động của dự án phải được xây dựng theo hướng cụ thể, mô tả rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm đầu ra cụ thể và nguồn kinh phí dự kiến.

#### 4.3. Hoạt động DATĐ và nâng cao năng lực

- Nội dung của các hoạt động này được đánh giá cao và lưu vực sông Cửu Long muốn có cơ hội học hỏi kinh nghiệm của lưu vực sông Đồng Nai.

- Dự án cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện DATĐ để bổ sung kịp thời các kết quả đạt được phục vụ việc xây dựng các thông tư.

- Dự án cần xây dựng kế hoạch thực hiện DATĐ chi tiết hơn, đặc biệt là cho năm 2016. Viện KHMT, Cục QLCT&CTMT/TCMT và các Sở TN&MT cần phải xây dựng kế hoạch hành động nhằm thực hiện DATĐ trên địa bàn tỉnh.

### 5. Kết luận và bế mạc

Đại diện phía Nhật Bản, ông Naoki Kakioka cảm ơn các thành viên Ban chỉ đạo chung và các bên liên quan đã đồng ý với các nội dung của Báo cáo Khởi động dự án cũng như các ý kiến đóng góp của hai phía nhằm thực hiện thành công dự án. JICA khẳng định một lần nữa rằng phía Nhật Bản sẽ hỗ trợ kỹ thuật cho Dự án này về quản lý môi trường nước lưu vực sông; mục tiêu quan trọng của các hoạt động DATĐ là cung cấp thông tin chi tiết cho các thông tư sẽ được xây dựng; các hoạt động tập huấn tại Nhật Bản nhằm tăng cường năng lực cho các cán bộ Việt Nam, các thành viên nhóm TF và WG.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thế Đồng đã kết luận cuộc họp với các điểm chính được thống nhất trong cuộc họp như sau:

- Các dự án do tổ chức JICA tài trợ có ý nghĩa quan trọng và cần thiết, góp phần vào công tác bảo vệ môi trường và tăng cường năng lực tại Việt Nam;

- Mục tiêu, các hoạt động, vấn đề quản lý và kết quả của Dự án này đã được đề cập và thảo luận chi tiết trong cuộc họp. Toàn thể thành viên Ban chỉ đạo chung, các Sở TN&MT tham gia dự án, và các bên liên quan đồng ý về các hoạt động của Dự án trong giai đoạn 2016 - 2018, cơ cấu tổ chức thực hiện dự án, các hoạt động của dự án thí điểm, nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật, và công cụ hỗ trợ được miêu tả trong Báo cáo khởi động dự án. Liên quan đến quyết định này, cả hai bên đồng ý chính thức khởi động Dự án;
- Nội dung 6 thông tư dự kiến được xây dựng trong khuôn khổ hoạt động của dự án là rất quan trọng và tương đối khó, nhưng việc xây dựng và ban hành các thông tư này là rất quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường. Do yêu cầu của thực tiễn và sự chỉ đạo của Bộ TN&MT, thứ tự thời gian xây dựng các văn bản cần được điều chỉnh phù hợp;
- Các ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp sẽ được cân nhắc theo mục tiêu của Dự án và sẽ được thảo luận với các thành viên Ban chỉ đạo và các Sở TN&MT tham gia dự án trong thời gian sớm nhất.

Trước khi kết thúc cuộc họp, thay mặt phía Việt Nam, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thế Đồng một lần nữa gửi lời cảm ơn đến Tổ chức JICA đã nỗ lực và đóng góp cho việc hoàn thành các nội dung của Báo cáo khởi động dự án và việc phê duyệt Văn kiện dự án. Bên cạnh đó, Phó tổng cục trưởng cũng cảm ơn Ủy ban nhân dân các tỉnh và các Sở TN&MT tham gia dự án đã tích cực hợp tác thực hiện dự án này và bày tỏ hy vọng các cơ quan liên quan của phía Việt Nam sẽ nhanh chóng chính thức bổ nhiệm nhân sự phù hợp tham gia Ban chỉ đạo chung, Ban quản lý dự án, nhóm công tác liên tỉnh, và nhóm công tác nội tỉnh.

Phụ lục 1: Đại biểu tham dự cuộc họp Ban chỉ đạo dự án chung

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
<b>TCMT – Bộ TN&amp;MT</b>			
1	TS. Võ Tuấn Nhân	Thứ trưởng	Bộ TN&MT
2	TS. Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng cục trưởng	TCMT - Bộ TN&MT
3	PGS. TS. Phạm Văn Lợi	Viện trưởng	Viện KHMT- TCMT
4	Ông Nguyễn Thương Hiền	Cục trưởng	Cục QLCT&CTMT - TCMT
5	TS. Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc	Trung tâm TT&DLMT- TCMT
6	Ông Hoàng Minh Sơn	Phó Vụ trưởng	Vụ Chính sách và Pháp chế - TCMT
7	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Vụ trưởng	Vụ KHCN&HTQT - TCMT
8	Ông Bùi Hoài Nam	Phó Viện trưởng	Viện KHMT - TCMT
9	Bà Trần Thị Lệ Anh	Chỉ cục trưởng Chi cục BVMT LVS Cầu	Cục QLCT&CTMT - TCMT
10	Ông Nguyễn Đình Nam	Thư ký Thứ trưởng	Bộ TN&MT
11	Ông Hàn Ngọc Tài	Phó Phòng BVMT LVS	Cục QLCT&CTMT - TCMT
12	Ông Hàn Trần Việt	Phó chánh văn phòng	Viện KHMT - TCMT
13	Ông Dương Xuân Diệp	Phó phòng phụ trách	Viện KHMT - TCMT
14	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan	Phó phòng	Viện KHMT - TCMT
15	Bà Lê Thanh Nga	Chuyên viên	Viện KHMT - TCMT
16	Ông Trương Thành Long	Chuyên viên	Văn phòng - TCMT
17	Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Chuyên viên	Vụ HTQT&KHCN - TCMT
18	Bà Nguyễn Minh Phương	Chuyên viên	Cục QLCT&CTMT - TCMT
<b>Sở TN&amp;MT</b>			
19	Bà Lê Thị Công	Giám đốc	Sở TN&MT BR-VT
20	Ông Đặng Minh Đức	Phó giám đốc	Sở TN&MT Đồng Nai
21	Bà Trần Thị Minh Hương	Phó giám đốc	Sở TN&MT Thái Nguyên
22	Ông Nguyễn Đại Dũng	Phó giám đốc	Sở TN&MT Bắc Ninh
23	Ông Lê Tấn Cường	Chỉ cục trưởng	Chi cục BVMT BR-VT
24	Bà Võ Nielsen Tường	Chỉ cục trưởng	Chi cục BVMT Đồng Nai
25	Bà Hoàng Thị Liên	Chỉ cục trưởng	Chi cục BVMT Thái Nguyên
26	Ông Tào Mạnh Quân	Chỉ cục trưởng	Chi cục BVMT Bình Dương
27	Ông Trương Công Đại	Chỉ cục trưởng	Chi cục BVMT Bắc Giang
28	Ông Lưu Xuân Hùng	Phó Chỉ cục trưởng	Chi cục BVMT Bắc Ninh
29	Ông Cao Tung Sơn	Phó Chỉ cục trưởng	Chi cục BVMT HCMC
30	Ông Đào Xuân Thái	Chuyên viên	Chi cục BVMT Bắc Giang
<b>JICA</b>			

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
31	Ông Naoki Kakioka	Phó trưởng đại diện	Văn phòng JICA Việt Nam
32	Ông Tsuyoshi Kanda	Cán bộ chương trình	Văn phòng JICA Việt Nam
33	Ông Nguyễn Vũ Tiếp	Cán bộ chương trình	Văn phòng JICA Việt Nam
34	Ông Ichiro Adachi	Cố vấn trưởng	JET
35	TS. Phạm Minh Hoài	Điều phối viên	JET
36	Ông Hideo Ito	Điều phối viên	JET
37	Bà Lê Thị Lan Hương	Cán bộ dự án	JET
38	Ông Yoichi Iwai	Trưởng nhóm tư vấn ngắn hạn	JET
39	Ông Hiroshi Nakano	Chuyên gia ngắn hạn	JET
40	Ông Kentaro Yamamoto	Chuyên gia ngắn hạn	JET
41	Ông Nguyễn Thanh Phương	Chuyên gia ngắn hạn	JET
42	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên gia ngắn hạn	JET
43	Bà Nguyễn Thanh Thu	Chuyên gia ngắn hạn	JET
Khác			
44	Ông Đinh Thắng	Nhà báo	Tạp chí Nông thôn
45	Bà Mai Thị Dung	Nhà báo	Báo Tài nguyên và Môi trường
46	Ông Đoàn Mạnh Cường	Phiên dịch	
47	Ông Phạm Đức Minh	Phiên dịch	

Ghi chú:

Bộ TN&MT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Chi cục BVMT	:	Chi cục Bảo vệ Môi trường
Cục QLCT&CTMT	:	Cục Quản lý Chất thải và Cải thiện Môi trường
JET	:	Nhóm chuyên gia JICA
JICA	:	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
LVS	:	Lưu vực sông
Sở TN&MT	:	Sở Tài Nguyên và Môi trường
TCMT	:	Tổng cục Môi trường
Trung tâm TT&DLMT	:	Trung tâm Thông tin và Tư liệu Môi trường
Viện KHMT	:	Viện Khoa học Môi trường
Vụ HTQT&KHCHN	:	Vụ Hợp tác Quốc tế và Khoa học Công nghệ

Phụ lục 2: Chương trình họp

Thời gian	Nội dung	Người trình bày
8:00 - 8:15	Đăng ký đại biểu	Ban tổ chức
8:15 - 8:20	Giới thiệu đại biểu	Viện KHMT
8:20 - 8:25	Phát biểu khai mạc	Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân, Bộ TN&MT
8:25 - 8:30	Phát biểu khai mạc	Ông Naoki Kakioka, Phó trưởng đại diện văn phòng JICA Việt Nam
8:30 - 8:50	Tổng quan về Dự án	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan, Viện KHMT
8:50 - 9:35	Các nội dung chi tiết của Dự án: - Hợp phần 1: Xây dựng thông tư - Hợp phần 2: Các hoạt động Dự án thí điểm - Phương pháp quản lý và đánh giá Dự án (Phiếu đánh giá)	Ông: Ichiro Adachi, Ông: Yoichi Iwai, Ông: Hideo Ito, (Chuyên gia JICA)
9:35 - 9:55	Kinh nghiệm và vấn đề thách thức về “Cơ chế phối hợp bảo vệ môi trường nước lưu vực sông”	Ông Cao Tung Sơn, Sở TN&MT tp HCM
9:55 - 10:15	Nghỉ giải lao, chụp ảnh	Toàn thể đại biểu
10:15 - 10:35	Kinh nghiệm và vấn đề thách thức về “Cơ chế phối hợp bảo vệ môi trường nước lưu vực sông”	Ông Trương Công Đại, Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang
10:35 - 11:20	Trao đổi và thảo luận - Khung kế hoạch triển khai dự án 2016-2018 - Kế hoạch và các hoạt động chi tiết của dự án năm 2016 thực hiện ở cả cấp Trung ương và địa phương; - Phối hợp triển khai dự án ở cấp Trung ương và tình/thành phố thuộc dự án trên lưu vực sông Cầu và sông Đồng Nai	Toàn thể đại biểu
11:20 - 11:35	Bế mạc	TS. Nguyễn Thế Đồng, Phó Tổng cục trưởng, TCMT
12:00-13:00	Ăn trưa	Toàn thể đại biểu

**BIÊN BẢN HỌP**  
**BAN CHỈ ĐẠO CHUNG**  
**DỰ ÁN “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC**  
**LƯU VỰC SÔNG”**

Theo Biên bản thảo luận (sau đây được gọi là “R/D”) ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây được gọi là “Chính phủ nước Việt Nam”) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (sau đây được gọi là “JICA”), cuộc họp Ban chỉ đạo chung lần thứ 2 (sau đây gọi là BCD dự án) đã được tổ chức vào ngày 01 tháng 12 năm 2016 tại Hà Nội.

Tại phiên họp, phía Việt Nam đã thông báo Quyết định số 2652/QĐ-BTNMT ký ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Ban chỉ đạo dự án Tăng cường Năng lực Quản lý Môi trường nước lưu vực sông (sau đây được gọi là “Dự án”). Sau đó, hai bên đã đánh giá và thống nhất tiến độ dự án; đánh giá các vấn đề gặp phải trong quá trình thực hiện Dự án; đồng thời thảo luận và thống nhất về các hoạt động của Dự án trong thời gian tới cũng như các kết quả dự kiến của Dự án. Nội dung thảo luận được đính kèm theo Biên bản này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017



**Ông Naoki Kakioka**  
Phó trưởng Đại diện  
Văn phòng JICA Việt Nam



**Tiến sỹ Mai Thanh Dung**  
Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường  
(TL. Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Tiến sỹ Võ Tuấn Nhân- Trưởng Ban chỉ đạo dự án)

**BIÊN BẢN**  
**HỌP BAN CHỈ ĐẠO CHUNG LẦN THỨ HAI**

**Dự án “Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông”**

**1. Mục tiêu**

Mục tiêu của cuộc họp Ban chỉ đạo chung bao gồm: (1) Thông báo Quyết định số 2652/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Ban chỉ đạo dự án; (2) Đánh giá và thống nhất tiến độ dự án và đánh giá các vấn đề gặp phải trong quá trình thực hiện dự án; và (3) Thảo luận về các hoạt động của dự án trong thời gian tới, các kết quả dự kiến của dự án.

Biên bản này tóm tắt nội dung và các vấn đề trao đổi trong cuộc họp, và sẽ được phía Việt Nam và phía Nhật bản xác nhận.

**2. Thời gian và địa điểm**

Thời gian: 8:30 – 13:30, Thứ năm, ngày 01 tháng 12 năm 2016

Địa điểm: Phòng họp Ballroom, Khách sạn Crowne Plaza;

Số 36 Lê Đức Thọ, quận Từ Liêm, Hà Nội.

**3. Đại biểu tham dự và Chương trình họp**

Thành phần tham dự cuộc họp bao gồm các đại biểu từ phía Việt Nam và các chuyên gia JICA (*Phụ lục 1*). Theo Chương trình đã được hai bên thống nhất (*Phụ lục 2*), ông Võ Tuấn Nhân, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Trưởng Ban chỉ đạo dự án và ông Naoki Kakioka, Phó trưởng Đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam - thành viên Ban chỉ đạo dự án đã đồng chủ trì cuộc họp.

**4. Nội dung và vấn đề thảo luận chính tại cuộc họp**

**4.1. Tóm tắt nội dung chính**

Cuộc họp Ban chỉ đạo (BCĐ) dự án tập trung thảo luận 3 nội dung chính: (1) Thông báo Quyết định số 2652/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập BCĐ dự án, các thành viên, và chức năng nhiệm vụ của BCĐ; (2) Tiến độ của dự án và kế hoạch thực hiện, bao gồm: (a) Chi tiết thông tin về bối cảnh hình thành dự án, hệ thống thể chế và các kết quả dự kiến phục vụ quản lý môi trường nước lưu vực sông (QLMTNLVS) tại



Việt Nam; (b) Nội dung và kết quả dự kiến của các hoạt động thí điểm; (c) Kế hoạch thực hiện dự án; (3) Thảo luận về các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Dự án.

Các thành viên BCD dự án, đại diện từ các cơ quan liên quan trực thuộc Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TCMT/Bộ TN&MT), các Sở TN&MT mục tiêu, và Nhóm chuyên gia JICA nhất trí rằng Dự án đang tập trung giải quyết những lĩnh vực khó khăn, vướng mắc nhất trong công tác QLMTNLVS thông qua hoạt động xây dựng văn bản pháp luật, thực hiện Dự án thí điểm tại các lưu vực sông mục tiêu và hoạt động tăng cường năng lực.

Hai bên Việt Nam và Nhật Bản xác nhận rằng Dự án được thực hiện với sự hợp tác chặt chẽ và hiệu quả từ cả hai bên và các Sở TN&MT mục tiêu. Hai bên cũng đồng thuận cần đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng các hoạt động. Trong quá trình thực hiện dự án, tùy theo yêu cầu của thực tiễn mà một số hoạt động của Dự án, đặc biệt nội dung hoạt động của Dự án thí điểm, có thể được điều chỉnh cho phù hợp. Những vấn đề này cần được thực hiện thông qua nỗ lực và thảo luận chung.

Một số vấn đề đặc thù liên quan tới quá trình thực hiện dự án, những khó khăn đã được chỉ ra, cần nhắc và tìm hướng giải quyết. Cụ thể như sau:

## **4.2. Những vấn đề đặc thù và thảo luận**

### **4.2.1. Kế hoạch xây dựng và ban hành văn bản pháp luật**

- Cả hai bên đồng thuận rằng các thông tư trong kế hoạch của Dự án (được nêu tại Ma trận Thiết kế Dự án – PDM) rất cần thiết cho quản lý môi trường nước lưu vực sông và các thông tư này cần được đưa vào Chương trình xây dựng văn bản pháp luật của Bộ TN&MT. TCMT có trách nhiệm trình Bộ TN&MT danh sách văn bản pháp luật này trong thời gian sớm nhất (trong năm 2017 hoặc 2018). Trong năm 2017, Thông tư 2 và Thông tư 3 cần được đưa vào Chương trình xây dựng văn bản Pháp luật của Bộ TN&MT.

- Liên quan tới Thông tư 5 và 6: Thông tư 5 đã đạt được những kết quả nhất định; dự thảo Thông tư đã được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Bộ TN&MT. Hai bên sẽ nỗ lực xây dựng Thông tư 6 và cần nhắc khả năng tích hợp ngay những nội dung chính vào các Thông tư trong khuôn khổ Dự án. Trên cơ sở Khoản 4, Điều 14, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và nếu Chính phủ Việt Nam đồng ý, Thông tư 5 và Thông tư 6 sẽ được tích hợp thành một Nghị định chung bởi lẽ các thông tư này quy định các thủ tục hành chính.

- Liên quan đến việc không được quy định thủ tục hành chính trong các thông tư theo quy định tại Khoản 4, Điều 14, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

năm 2015, Bộ TN&MT đã gửi công văn tới Bộ Tư pháp đề hỏi thêm về vấn đề này.

#### **4.2.2. Dự án thí điểm (DATĐ) và hoạt động tăng cường năng lực**

- Tất cả thành viên xác nhận rằng hoạt động DATĐ là một trong những hợp phần chính của Dự án và cần đóng góp thiết thực cho việc ban hành chính sách nêu trên. Hợp phần này không chỉ mang lại những kết quả như phân tích tổng tải lượng ô nhiễm mà còn tăng cường năng lực thông qua các khóa tập huấn. Theo ý kiến đề xuất của các Sở TN&MT mục tiêu, nội dung cũng như phương pháp tổ chức các khóa tập huấn này cần được sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tăng cường năng lực. Tất cả các thành viên thống nhất rằng nâng cao năng lực đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong tăng cường QLMTNLVS.

- Hai bên thống nhất Chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ các Sở TN&MT mục tiêu cần điều chỉnh như sau: (1) Tài liệu tập huấn biên tập chuyên sâu và chi tiết hơn; (2) Thời gian tập huấn dài hơn; (3) Hình thức/phương pháp tập huấn: kết hợp tập huấn giữa lý thuyết và thực hành, đặc biệt đối với các nội dung về kiểm soát nguồn ô nhiễm, áp dụng mô hình tính toán tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải, ...; (4) Mời các giảng viên/chuyên gia Việt Nam có kinh nghiệm tham gia cùng giảng dạy. Các tài liệu tập huấn được cập nhật thông qua quá trình thực hiện Dự án và chia sẻ với các cơ quan liên quan nhằm nhân rộng kết quả của Dự án.

#### **4.2.3. Quản lý tổng hợp Tài nguyên nước và Dự án**

- Hiện nay, Bộ TN&MT đã trình dự thảo Quyết định thành lập Ủy ban Quản lý lưu vực sông tới cơ quan có thẩm quyền, trong đó có chức năng về quản lý môi trường lưu vực sông. Trong thời gian tới, Dự án cần quan tâm hỗ trợ cho việc triển khai Quyết định này.

- Hiện nay, Bộ TN&MT đang trình Chính phủ phương án xây dựng một Nghị định nhằm sửa đổi những Nghị định có liên quan, khắc phục những khoảng trống/mâu thuẫn, chồng chéo tồn tại trong các Nghị định liên quan dưới Luật Bảo vệ môi trường (Luật BVMT) và Luật Tài nguyên nước (Luật TNN). Bên cạnh việc ban hành các Nghị định và Thông tư theo thẩm quyền của Dự án cần nghiên cứu và xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật. TCMT có trách nhiệm thảo luận chi tiết nội dung này với các cơ quan có liên quan.

Cụ thể, Thông tư 2 có mối quan hệ nhất định tới Thông tư số 02/2009/BTNMT về việc quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước. Hiện nay, Thông tư số 02/2009/BTNMT đang được Cục Quản lý tài nguyên nước (QLTNN) rà soát sửa đổi; do vậy, TCMT và Cục QLTNN cần thảo luận với nhau theo hướng

Bộ trưởng ban hành một thông tư duy nhất (Thông tư 2 tích hợp với Thông tư số 02/2009/BTNMT). Cả hai bên thống nhất rằng TCMT cần thảo luận với Cục QLTNN về xây dựng dự thảo Thông tư 2 này.

#### **4.2.4. Các nội dung khác**

- Giám sát và chia sẻ kết quả, đầu ra của Dự án: Các hoạt động của Dự án cần được giám sát và đánh giá chặt chẽ bởi cả hai phía. Các hoạt động cần được lưu lại dưới dạng hình ảnh, báo cáo kết quả, v.v...nhằm chia sẻ kết quả dự án cũng như hỗ trợ hoạt động kiểm toán.
- Hội thảo và hội nghị: Cả hai phía xác nhận việc tổ chức hội thảo và hội nghị là rất quan trọng, nhằm những mục đích sau: (1) Thu thập ý kiến từ các tổ chức và cá nhân liên quan nhằm xây dựng những quy định phù hợp và khoa học; (2) Chia sẻ và phổ biến những kết quả dự án, và (3) Chia sẻ quan điểm hướng tới Quản lý tổng hợp tài nguyên nước.
- Kết quả 3 của Dự án: Quản lý lưu vực sông đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, do đó các hoạt động dự án cần được tiến hành và quản lý theo hướng hiệu quả. Bên cạnh đó, Kết quả 3 của Dự án liên quan tới các kết quả và lĩnh vực khác; Do vậy, việc thực hiện các hoạt động nhằm đạt được Kết quả 3 cần được cân nhắc cẩn trọng.
- Cuộc họp BCD tiếp theo: Phía Nhật Bản đề xuất tổ chức họp BCD tiếp theo vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm 2017 nhằm thảo luận và điều chỉnh khung dự án, nếu cần thiết. Phía Việt Nam hiểu tầm quan trọng của hoạt động này và đồng ý tổ chức cuộc họp BCD tới.
- Vốn đối ứng từ phía Việt Nam: Ban QLDA có trách nhiệm báo cáo lãnh đạo Bộ và các cơ quan liên quan nhằm hướng dẫn việc đề xuất và sử dụng vốn đối ứng cho các Sở TN&MT mục tiêu.

Hết.

**Phụ lục 1: Thành phần tham dự cuộc họp**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác
<b>Bộ TN&amp;MT</b>			
1	TS. Võ Tuấn Nhân	Thứ trưởng, Trưởng ban BCD	Bộ TN&MT
2	Ông Lê Ngọc Tuấn	Phó Vụ trưởng, Ủy viên BCD	Vụ Hợp tác quốc tế
<b>TCMT</b>			
3	TS Mai Thanh Dung	Phó Tổng cục trưởng, Giám đốc BQLDA	TCMT
4	PGS. TS. Phạm Văn Lợi	Viện trưởng, Phó Giám đốc thường trực BQLDA	Viện KHMT
5	Ông Nguyễn Thượng Hiền	Cục trưởng, Phó Giám đốc BQLDA	Cục QLCT&CTMT
6	Ông Bùi Hoài Nam	Phó Viện trưởng	Viện KHMT
7	Bà Trần Thị Lệ Anh	Chi cục trưởng Chi cục BVMT LVS Cầu, Thành viên BQLDA	Cục QLCT&CTMT
8	Ông Hàn Ngọc Tài	Phó trưởng phòng, Phòng BVMT LVS Cầu	Cục QLCT&CTMT
9	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan	Phó trưởng phòng, Điều phối viên DA	Viện KHMT
10	Bà Nguyễn Minh Phương	Chuyên viên	Cục QLCT&CTMT
11	Bà Lê Thanh Nga	Thành viên Ban QLDA	Viện KHMT
12	Ông Lương Hoàng Tùng	Chuyên viên	Vụ Kế hoạch và Tài chính
13	Bà Minh Nguyệt	Chuyên viên	TCMT
14	Ông Trương Thanh Long	Chuyên viên	TCMT
<b>Các Sở TN&amp;MT</b>			
15	Ông Lưu Xuân Hùng	Chi cục trưởng, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Ninh
16	Ông Ngô Quang Trường	Phó Chi cục trưởng, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Giang
17	Ông Nguyễn Bá Chính	Phó Giám đốc Sở TN&MT	Sở TN&MT Thái Nguyên
18	Bà Hoàng Thị Liên	Chi cục trưởng, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Thái Nguyên
19	TS. Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Giám đốc Sở TN&MT, thành viên BCD	Sở TN&MT HCM
20	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Phó Giám đốc Sở TN&MT, thành viên BCD	Sở TN&MT Bình Dương
21	Ông Đặng Minh Đức	Phó Giám đốc Sở TN&MT, thành viên BCD	Sở TN&MT Đồng Nai
22	Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng phòng	Sở TN&MT Bà Rịa - Vũng Tàu
<b>JICA</b>			
23	Ông Naoki Kakioka	Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA Việt Nam	Văn phòng JICA Việt Nam
24	Bà Akiko Urakami	Cán bộ chương trình Văn phòng JICA Việt Nam	Văn phòng JICA Việt Nam
25	Ông Nguyễn Vũ Tiếp	Cán bộ chương trình	Văn phòng JICA Việt Nam
26	Ông Ichiro Adachi	Cố vấn trưởng	JET

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác
27	TS. Phạm Mạnh Hoài	Điều phối viên quốc gia	JET
28	Ông Hideo Ito	Điều phối viên	JET
29	Bà Lê Thị Lan Hương	Cán bộ dự án	JET
30	Ông Yoichi Iwai	Trưởng nhóm tư vấn ngắn hạn; Chuyên gia ngắn hạn	JET
31	Ông Kengo Naganuma	Chuyên gia ngắn hạn	JET
32	Ông Hiroshi Nakano	Chuyên gia ngắn hạn	JET
33	Ông Yoshiki Yamamoto	Chuyên gia ngắn hạn	JET
34	Ông Tsuyoshi Kawamoto	Chuyên gia ngắn hạn	JET
35	Ông Kentaro Yamamoto	Chuyên gia ngắn hạn	JET
36	Ông Nguyễn Thanh Phương	Chuyên gia ngắn hạn	JET
37	Bà Nguyễn Thanh Thu	Chuyên gia ngắn hạn	JET
<b>Others</b>			
38	Ông Nguyễn Hùng Nam	Cổng thông tin điện tử MONRE	Bộ TN&MT
39	Ông Nguyễn Đức Cường	Phóng viên	Bộ TN&MT
40	Bà Trần Thu Hằng	Phóng viên	VTC
41	Bà Bùi Lan Anh	Phóng viên	VTC
42	Bà Trần Thị Mai	Phiên dịch	

Ghi chú:

<b>Bộ TN&amp;MT</b>	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
<b>Chi cục BVMT</b>	:	Chi cục Bảo vệ Môi trường
<b>Cục QLCT&amp;CTMT</b>	:	Cục Quản lý Chất thải và Cải thiện môi trường
<b>HCM</b>	:	Thành phố Hồ Chí Minh
<b>JET</b>	:	Nhóm Chuyên gia JICA
<b>Sở TN&amp;MT</b>	:	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>TCMT</b>	:	Tổng cục Môi trường
<b>Viện KHMT</b>	:	Viện Khoa học Môi trường

**Phụ lục 2: Chương trình họp**

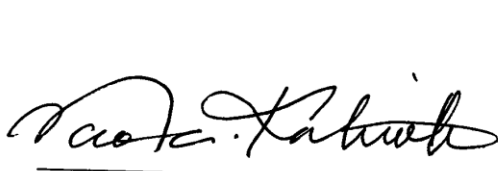
Thời gian	Nội dung	Người phụ trách
8:30 – 9:00	Đăng ký đại biểu	Viện KHMT
9:00 – 9:05	Giới thiệu đại biểu	Viện KHMT
9:05 – 9:20	Phát biểu khai mạc	- Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân - Ông Naoki Kakioka, Phó Trưởng đại diện Văn phòng JICA Việt Nam
9:20 – 9:35	Tổng quan dự án (mục tiêu, phạm vi, các kết quả dự kiến); quyết định thành lập Ban chỉ đạo dự án, thành viên và chức năng, nhiệm vụ.	Điều phối viên dự án
9:35 – 10:25	Tổng quan các hoạt động; các kết quả đạt được, kế hoạch hoạt động và những khó khăn, vướng mắc - Bối cảnh hình thành dự án và các kết quả mong đợi của dự án gắn với quản lý môi trường nước lưu vực sông; - Các hoạt động thí điểm (nội dung hoạt động và kết quả dự kiến); - Kế hoạch thực hiện dự án; - Các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.	Nhóm Chuyên gia JICA
10:25 – 10:35	Nghỉ giải lao	Toàn thể đại biểu
10:35 – 11:35	Thảo luận - Tiến độ thực hiện dự án năm 2016; - Các hoạt động cần triển khai và kết quả dự kiến trong thời gian tới.	Toàn thể đại biểu
11:35 – 11:45	Phát biểu bế mạc	Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân
12:00 – 13:00	Ăn trưa	Toàn thể đại biểu

**BIÊN BẢN HỌP**  
**BAN CHỈ ĐẠO CHUNG**  
**DỰ ÁN “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC**  
**LƯU VỰC SÔNG”**

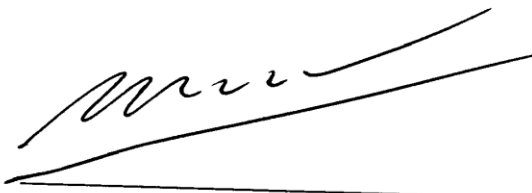
Theo Biên bản thảo luận (sau đây được gọi là “R/D”) ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây được gọi là “Chính phủ nước Việt Nam”) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (sau đây được gọi là “JICA”), cuộc họp Ban chỉ đạo chung lần thứ 3 (sau đây gọi là BCD dự án) đã được tổ chức vào ngày 21 tháng 04 năm 2017 tại Hà Nội.

Tại phiên họp, hai bên đã đánh giá và thống nhất tiến độ dự án; xem xét các vấn đề gặp phải trong quá trình thực hiện Dự án và đề xuất biện pháp khắc phục; đồng thời thảo luận và thống nhất các nội dung sửa đổi Ma trận thiết kế dự án và kế hoạch hoạt động trong thời gian tiếp theo của Dự án. Các nội dung thảo luận được đính kèm theo Biên bản này.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2017



**Ông Naoki Kakioka**  
Phó trưởng Đại diện,  
Văn phòng JICA Việt Nam.



**Tiến Sỹ Hoàng Văn Thúc**  
Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường  
(TL. Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Tiến sỹ Võ Tuấn Nhân - Trưởng Ban chỉ đạo dự án)

## **BIÊN BẢN**

### **HỌP BAN CHỈ ĐẠO CHUNG LẦN THỨ BA**

**Dự án “Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông”**

#### **1. Mục đích**

Mục đích của cuộc họp Ban chỉ đạo chung (BCĐ dự án) lần thứ 3 bao gồm: (1) Thống nhất tiến độ thực hiện dự án (là căn cứ để thông qua Báo cáo tiến độ dự án); (2) Tóm tắt kế hoạch thực hiện Dự án và các sản phẩm/kết quả dự kiến; (3) Tóm tắt các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện Dự án và đề xuất biện pháp khắc phục; (4) Thống nhất các nội dung sửa đổi Ma trận thiết kế dự án (chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các thông tư mục tiêu).

Biên bản này tóm tắt nội dung và các vấn đề trao đổi trong cuộc họp, và sẽ được phía Việt Nam và phía Nhật bản xác nhận.

#### **Thời gian và địa điểm**

Thời gian: 8h30 - 13h00, thứ sáu, ngày 21 tháng 04 năm 2017

Địa điểm: Phòng họp tầng 3

Khách sạn Novotel Suites Hanoi; Số 5, đường Duy Tân,  
quận Cầu Giấy, Hà Nội.

#### **2. Đại biểu tham dự và chương trình họp**

Tham dự cuộc họp gồm các đại biểu từ phía Việt Nam và các chuyên gia JICA (*Phụ lục 1*). Theo Chương trình đã được hai bên thống nhất (*Phụ lục 2*), ông Võ Tuấn Nhân, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Trưởng Ban chỉ đạo dự án và ông Naoki Kakioka, Phó trưởng Đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam - thành viên Ban chỉ đạo dự án đã đồng chủ trì cuộc họp.

#### **3. Tóm tắt nội dung chính**

Cuộc họp Ban chỉ đạo tập trung vào bốn nội dung chính gắn liền với mục tiêu của Dự án.

- 1) Thống nhất tiến độ thực hiện Dự án và kế hoạch hoạt động năm 2017



Các thành viên BCD dự án đã đánh giá và thống nhất tiến độ thực hiện dự án, bao gồm các sản phẩm/kết quả đạt được của Dự án thí điểm (hoàn thành các hoạt động kiểm kê nguồn phát thải nước thải và phân tích tải lượng ô nhiễm tại hai lưu vực sông mục tiêu). Căn cứ vào các tài liệu và thông tin được trình bày tại cuộc họp, BCD dự án thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2017. Đồng thời các thành viên BCD dự án cũng kiến nghị các bên tham gia thực hiện Dự án tiếp tục hợp tác chặt chẽ, đẩy nhanh việc thực hiện các hoạt động tiếp theo nhằm đạt được các mục tiêu của Dự án.

2) Bổ sung các văn bản pháp luật trong kế hoạch thực hiện của Dự án vào danh sách văn bản quy phạm pháp luật của Bộ TN&MT

Các thành viên BCD dự án và các đại biểu thống nhất rằng các thông tư mục tiêu và các văn bản pháp luật khác (mô tả trong Ma trận thiết kế dự án) là thiết thực với nhu cầu hiện tại và cần được ban hành để các cơ quan quản lý cấp trung ương và địa phương có căn cứ pháp lý cũng như hướng dẫn chi tiết trong việc thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 cũng như giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý môi trường nước tại các lưu vực sông.

Các cơ quan chức năng và Ban quản lý dự án phối hợp trình các tài liệu liên quan đến các văn bản pháp luật mục tiêu lên Bộ TN&MT theo trình tự thủ tục để đưa vào danh mục xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

3) Thống nhất các sửa đổi Ma trận thiết kế dự án

Căn cứ tình hình thực tế và các yêu cầu quản lý của Bộ TN&MT, hai bên đã trao đổi và thống nhất các nội dung sửa đổi của Ma trận dự án liên quan đến các hoạt động của Dự án, đặc biệt là các nội dung Dự án thí điểm và hình thức văn bản quy phạm pháp luật dự kiến được Dự án xây dựng. Thông tư 4 sẽ được chuyển sang dạng văn bản hướng dẫn do Bộ TN&MT hoặc TCMT ban hành.

4) Các vấn đề khác

Hai bên đã trao đổi cũng như đưa ra một số giải pháp đối với các vấn đề cụ thể liên quan đến những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện dự án.

Phần dưới đây diễn giải chi tiết các nội dung liên quan.

#### **4. Chi tiết các nội dung**

##### **(1) Tiến độ dự án và kế hoạch thực hiện**

Hai bên đã đánh giá và thống nhất tiến độ thực hiện dự án, đặc biệt các kết quả hoạt động của Dự án thí điểm tại hai lưu vực sông mục tiêu. Các kết quả ban đầu đã được báo cáo và các vấn đề sau đã được Ban quản lý dự án trình bày để thực hiện trong năm 2017

- 1) Xác nhận và hoàn thiện các kết quả của Dự án thí điểm.
- 2) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.
- 3) Các hoạt động tập huấn dựa trên các kết quả thu được từ Dự án thí điểm.
- 4) Nhận thức cộng đồng và đào tạo về môi trường tại hai lưu vực sông mục tiêu.
- 5) Xem xét các hoạt động liên quan đến Kết quả 3 của dự án.

Liên quan việc xây dựng các thông tư mục tiêu, Dự án đã xây dựng ba dự thảo khung thông tư mục tiêu.

## **(2) Đẩy nhanh các hoạt động dự án**

### ***1) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mục tiêu và kế hoạch ban hành***

- Hai bên thống nhất rằng các thông tư mục tiêu trong kế hoạch thực hiện của Dự án là rất thiết thực trong quản lý môi trường nước tại các lưu vực sông; do đó các thông tư này cần được đưa vào danh mục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm của Bộ TN&MT. Dự án xem xét hỗ trợ đầy đủ kinh phí để thực hiện việc xây dựng các văn bản này. Đặc biệt các Sở TN&MT cũng khẳng định rất cần những văn bản pháp luật này để làm căn cứ thực hiện các quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 cũng như giải quyết các vấn đề hiện tại liên quan đến quản lý môi trường nước tại các lưu vực sông.

Liên quan đến các thông tư 2 và 3, các thông tư này cần được đề xuất đưa vào danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian sớm nhất (năm 2017 hoặc 2018). (Lưu ý liên quan đến nhiệm vụ giữa TCMT/Cục QLCT&CTMT và Cục Quản lý Tài nguyên nước: Lãnh đạo Bộ TN&MT và Vụ Pháp chế sẽ chủ trì cuộc họp giữa Cục QLCT&CTMT và Cục Quản lý Tài nguyên nước nhằm hướng dẫn, giao cho một đầu mối chủ trì). TCMT sẽ chuẩn bị hồ sơ các thông tư này và trình Bộ TN&MT chương trình cho năm 2017 và 2018.

Đối với thông tư 5 và 6, Dự án sẽ nỗ lực xây dựng thông tư 6 và tích hợp các nội dung của thông tư 5 và thông tư 6 thành một chương trong nghị định mới trình Bộ TN&MT xem xét, quyết định.

- Các thành viên BCD dự án thống nhất nội dung các thông tư 1 và 4 sẽ đóng vai trò quan trọng trong quản lý môi trường nước lưu vực sông. Tuy nhiên do tính đặc thù về nội dung giới hạn trong quản lý lưu vực sông nên thông tư 4 sẽ được chuyển sang dạng văn bản hướng dẫn do Bộ TNMT hoặc TCMT ban hành. Khung nội dung các thông tư và hướng dẫn này cần được xem xét xây dựng trong năm 2017.
- Hai bên cũng thống nhất kế hoạch hoạt động của Dự án trong năm 2017 và đầu năm 2018.

## **2) Dự án thí điểm và các hoạt động nâng cao năng lực**

- Các đại biểu nhất trí rằng việc tổ chức các khóa tập huấn là rất quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông cho các cán bộ các Sở TN&MT. Căn cứ các ý kiến đóng góp của các đơn vị quản lý ở trung ương và các Sở TN&MT, hai bên thống nhất các khóa tập huấn về nâng cao năng lực cần quan tâm đến các yếu tố sau: (1) Tài liệu tập huấn cần chuyên sâu và chi tiết; (2) Thời gian tập huấn đủ dài cho các nội dung tập huấn; (3) Hình thức/phương pháp tập huấn: cần xem xét phối hợp giữa lý thuyết và thực hành và có sự tham gia của phía Việt Nam, đặc biệt đối với các nội dung về ứng dụng các mô hình tính toán tải lượng ô nhiễm và đánh giá sức chịu tải,...; (4) Xem xét mời các giảng viên/chuyên gia Việt Nam có kinh nghiệm tham gia cùng giảng dạy. Các tài liệu tập huấn được cập nhật thông qua quá trình thực hiện Dự án; được gửi trước nhằm chuẩn bị tốt cho khóa tập huấn; và được chia sẻ với các đơn vị liên quan nhằm nhân rộng kết quả của Dự án.
- Phía Việt Nam cũng cam kết sẽ đồng thời đóng góp những hỗ trợ cần thiết trong việc xây dựng các tài liệu tập huấn. Điều này bao gồm xem xét hỗ trợ các thông tin cần thiết, số liệu cơ bản, sự phối hợp của các tổ chức liên quan, tổ chức các cuộc họp kỹ thuật thường xuyên hơn.

Bên cạnh việc tổ chức các khóa tập huấn và các cuộc họp kỹ thuật, phía Việt Nam khuyến nghị Dự án xem xét tổ chức các hội thảo kỹ thuật mang tính lưu vực sông/vùng nhằm tiếp nhận thêm được các ý kiến mang tính liên tỉnh cho việc hoàn thiện các quy định một cách hợp lý và khoa học; chia sẻ và phổ biến các kết quả của dự án; trao đổi các quan điểm về quản lý tổng hợp tài nguyên nước.

## **(3) Sửa đổi Ma trận thiết kế dự án**

Các thành viên BCD dự án đã trao đổi một cách chi tiết các hoạt động của Dự án, đặc biệt các nội dung của Dự án thí điểm và hình thức văn bản pháp luật

mục tiêu được xây dựng trong phạm vi dự án. Các thành viên sau đó đã thống nhất các sửa đổi của Ma trận thiết kế dự án.

**(4) Các vấn đề khác**

**1) Kế hoạch hoạt động năm 2017 của TCMT/Bộ TN&MT**

Ban quản lý dự án cần nhanh chóng trình kế hoạch hoạt động lên TCMT để được phê duyệt theo quy trình quản lý dự án. Ban quản lý dự án cũng cần xem xét tiếp tục hoàn thiện quy chế quản lý dự án, theo đó cần có cơ chế cung cấp thông tin thường xuyên đến BCD dự án và các tỉnh mục tiêu để kịp thời nhận được chỉ đạo.

**2) Mối liên hệ chặt chẽ**

- Các thành viên BCD dự án kiến nghị hai phía Việt Nam và Nhật Bản cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong thời gian tới để thực hiện các hoạt động và đảm bảo đạt được các mục tiêu của Dự án.

**3) Các vấn đề khác**

- Bên cạnh kết quả chính là các thông tư được ban hành, Dự án cần xem xét phổ biến rộng rãi các kết quả và sản phẩm, biên soạn thành sách, chuyên khảo.
- Phía Nhật Bản kiến nghị phía Việt Nam phối hợp sâu sát hơn nữa trong việc thực hiện quy trình mua sắm xe ô tô, đồng thời hy vọng phía Việt Nam sẽ đẩy nhanh các hành động theo đề xuất trong văn bản của Văn phòng JICA tại Việt Nam gửi ngày 24 tháng 03 năm 2017. Các vướng mắc đường như đang nằm ở các Vụ chức năng của Bộ TN&MT vì Ban quản lý dự án đã thực hiện đầy đủ các hành động theo chức năng và thẩm quyền của mình.
- Vốn đối ứng phía Việt Nam: Bộ TN&MT khẳng định đã cung cấp vốn đối ứng cho Ban quản lý dự án theo yêu cầu. Bộ TN&MT và các Vụ chức năng cần hướng dẫn các Sở TN&MT mục tiêu xin vốn đối ứng và góp phần vốn đối ứng này cho các hoạt động như xây dựng thông tư, tập huấn, hội thảo,...

*Kết thúc văn bản.*

**Phụ lục 1: Đại biểu tham dự cuộc họp**

STT	Họ tên	Chức vụ	Cơ quan
<b>Bộ TN&amp;MT</b>			
1	TS. Võ Tuấn Nhân	Thứ trưởng, Trưởng ban BCD	Bộ TN&MT
2	Ông Lê Văn Hợp	Vụ trưởng, Thành viên BCD	Vụ Pháp chế
3	Ông Lê Văn Hữu	Phó Vụ trưởng, Thành viên BCD	Vụ Kế hoạch
4	Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Vụ trưởng, Thành viên BCD	Vụ Tổ chức cán bộ
5	Bà Lại Thị Phương Nhung		Vụ Hợp tác quốc tế
6	Bà Đào Thị Hương Giang		Vụ Tổ chức cán bộ
7	Bà Trần Thị Thu Hằng	Chuyên viên	Cục Quản lý TN nước
8	Ông Nguyễn Thái Học	Chuyên viên Trung tâm thông tin	Cục Quản lý TN nước
<b>TCMT</b>			
9	TS. Hoàng Dương Tùng	Phó Tổng cục trưởng	TCMT
10	PGS. TS. Phạm Văn Lợi	Viện trưởng, Phó Giám đốc thường trực dự án	Viện KHMT
11	Ông Bùi Hoài Nam	Phó Viện trưởng Viện KHMT	Viện KHMT
12	Bà Trần Thị Lệ Anh	Chi cục trưởng Chi cục BVMT LVS Cầu, Cán bộ Dự án	Cục QLCT&CTMT
13	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan	P. Trưởng phòng, Điều phối viên dự án	Viện KHMT
14	Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Kế toán trưởng DA	Viện KHMT
15	Bà Lê Thanh Nga	Kế toán viên DA, Thành viên BQLDA	Viện KHMT
16	Ông Phạm Ngọc Sơn		Phòng Hành chính tổng hợp
17	Ông Phạm Đức Chính	Chuyên viên	TCMT
<b>Sở TN&amp;MT</b>			
18	Ông Đặng Minh Đức	Giám đốc Sở, Thành viên BCD	Sở TN&MT Đồng Nai
19	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Phó Giám đốc Sở, Thành viên BCD	Sở TN&MT Bình Dương
20	Bà Hoàng Thị Liên	Giám đốc Chi cục BVMT	Sở TN&MT Thái Nguyên
21	Ông Nguyễn Dũng	Phó Giám đốc Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bà Rịa – Vũng Tàu
22	Ông Lê Đức Thọ	Phó Giám đốc Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Ninh
23	Ông Tống Việt Thành	Trưởng phòng Tài nguyên Nước	Sở TN&MT HCM
<b>JICA</b>			
24	Ông Naoki Kakioka	Phó Trưởng đại diện	Văn phòng JICA VN
25	Bà Akiko Urakami	Cố vấn hình thành dự án	Văn phòng JICA VN
26	Bà Yuko Kanto		Văn phòng JICA VN
27	Ông Nguyễn Vũ Tiệp	Cán bộ chương trình	Văn phòng JICA VN
28	Ông Yamasaki Tóhiyuki	Chuyên gia JICA	Văn phòng JICA tại Bộ TN&MT

STT	Họ tên	Chức vụ	Cơ quan
29	Bà Nguyễn Hải Yến	Trợ lý chuyên gia JICA	Văn phòng JICA tại Bộ TN&MT
30	Ông Ichiro Adachi	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
31	Ông Masaru Yamada	Điều phối viên dự án	Nhóm chuyên gia JICA
32	TS. Phạm Mạnh Hoài	Điều phối viên quốc gia	Nhóm chuyên gia JICA
33	Bà Lê Thị Lan Hương	Cán bộ dự án	Nhóm chuyên gia JICA
34	Ông Kengo Naganuma	Trưởng nhóm, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
35	Ông Hiroshi Nakano	Chuyên gia ngân hàng, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
36	Ông Yousuke Horie	Chuyên gia ngân hàng, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
37	Ông Nguyễn Thanh Phương	Chuyên gia trong nước, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
38	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên gia trong nước, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
39	Bà Nguyễn Thanh Thu	Điều phối Dự án, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
<b>Dại biểu khác</b>			
40	Bà Thủy Hạnh	Nhà báo	VOV
41	Bà Nguyễn Thị Thủy	Nhà báo	Cổng thông tin Bộ TN&MT
42	Ông Lê Văn Long	Phiên dịch	
43	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phiên dịch	

Ghi chú:

<b>Bộ TN&amp;MT</b>	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
<b>Chi cục BVMT</b>	:	Chi cục Bảo vệ Môi trường
<b>Cục QLCT&amp;CTMT</b>	:	Cục Quản lý Chất thải và Cải thiện môi trường
<b>HCM</b>	:	Thành phố Hồ Chí Minh
<b>Sở TN&amp;MT</b>	:	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>TCMT</b>	:	Tổng cục Môi trường
<b>Viện KHMT</b>	:	Viện Khoa học Môi trường

**Phụ lục 2: Chương trình họp**


Thời gian	Nội dung	Người phụ trách
8:30 – 9:00	Đăng ký đại biểu	Viện KHMT
9:00 – 9:05	Giới thiệu đại biểu	Viện KHMT
9:05 – 9:20	Phát biểu khai mạc	- Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân - Ông Naoki Kakioka, Phó trưởng đại diện JICA VN
9:20 – 10:30	Tóm tắt tiến độ dự án - Kết quả đạt được năm thứ nhất của dự án - Kết quả hoạt động dự án thí điểm Tóm tắt kế hoạch hoạt động và sản phẩm/kết quả dự kiến; - Kế hoạch tổng thể xây dựng thông tư; - Kế hoạch tổng thể cho các hoạt động của dự án thí điểm; - Kế hoạch đào tạo tổng thể. Tóm tắt các vấn đề tồn tại và giải pháp và Xác nhận sửa đổi Ma trận thiết kế dự án (liên quan đến xây dựng thông tư).	Chuyên gia JICA
10:30– 10:40	Nghỉ giải lao	Toàn thể đại biểu
10:40 – 11:35	Thảo luận - Các vấn đề tồn tại và giải pháp; - Kế hoạch hoạt động và sản phẩm/kết quả dự kiến	Toàn thể đại biểu
11:35 – 11:45	Phát biểu bế mạc	Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân
12:00 – 13:00	Ăn trưa	Toàn thể đại biểu

**BIÊN BẢN HỌP**  
**BAN CHỈ ĐẠO**  
**DỰ ÁN “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC**  
**LƯU VỰC SÔNG”**

Theo Biên bản thảo luận ký kết ngày 24 tháng 05 năm 2015 giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, cuộc họp Ban chỉ đạo lần thứ 4 đã được tổ chức vào ngày 10 tháng 05 năm 2018 tại Hà Nội

Tại phiên họp, các thành viên Ban chỉ đạo dự án (sau đây viết tắt là BCD dự án) đã đánh giá và thống nhất tiến độ dự án cũng như thảo luận về những khó khăn, vướng mắc và các giải pháp. Các nội dung thảo luận được đính kèm theo Biên bản này.

Hà Nội,



**Ông. Naoki Kakioka**  
Phó trưởng Đại diện,  
Văn phòng JICA Việt Nam



**Tiến Sỹ Hoàng Văn Thức**  
Phó Tổng cục trưởng  
Tổng cục Môi trường  
(Thay mặt Tiến Sỹ Võ Tuấn Nhân – Thứ trưởng,  
Bộ Tài nguyên và Môi trường)



Cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ 4 do ông Naoki Kakioka - Phó trưởng Đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam - thành viên Ban chỉ đạo dự án và TS. Hoàng Văn Thức - Phó Tổng cục trưởng kiêm Giám đốc Ban Quản lý dự án (thay mặt TS. Võ Tuấn Nhân – Trưởng Ban chỉ đạo, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) đồng chủ trì.

**Thời gian:** 13:00 - 16:30; thứ Năm, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

**Địa điểm:** Phòng họp Hà Nội 3, Khách sạn Crowne Plaza, 36 Lê Đức Thọ, Hà Nội.

**Chương trình họp:** Phụ lục 1.

**Thành phần:** Phụ lục 2 (bao gồm phía đối tác và các chuyên gia JICA).

**Dự thảo Ma trận thiết kế dự án (PDM) được xác nhận tại cuộc họp:** Phụ lục 3.

## **1. Mục tiêu**

Mục tiêu của cuộc họp Ban chỉ đạo dự án (BCĐ dự án) lần thứ 4 bao gồm:

- (1) Rà soát và xác nhận tiến độ của dự án;
- (2) Thảo luận và xác nhận quá trình xây dựng thông tư;
- (3) Thảo luận và xác nhận kế hoạch hành động trong thời gian tiếp theo của Dự án (các hoạt động thuộc Kết quả 3);
- (4) Thảo luận và xác nhận việc sửa đổi các kết quả của Dự án (các kết quả, Ma trận thiết kế dự án, và gia hạn thời gian thực hiện dự án).

## **2. Tóm tắt**

Các thành viên BCĐ dự án tập trung trao đổi bốn nội dung chính gắn liền với mục tiêu của cuộc họp.

### **(1) Thống nhất tiến độ thực hiện Dự án:**

Các thành viên BCĐ dự án đã đánh giá và thống nhất tiến độ thực hiện dự án, bao gồm: quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm/kết quả xây dựng các văn bản pháp luật, tác động của các khóa tập huấn và hoạt động nâng cao nhận thức trong khuôn khổ Dự án. Tính đến thời điểm hiện tại, hầu hết các hoạt động của Dự án đã được thực hiện, Kết quả 1 và Kết quả 2 cơ bản đã hoàn thành.

Các thành viên BCĐ dự án đã xác nhận Dự án có nhiều đóng góp quan trọng và giá trị đối với công tác quản lý môi trường nước lưu vực sông (QLMTNLVS). Thông qua quá trình thực hiện Dự án, phương pháp và cách thức đánh giá sức chịu tải đã được chia sẻ thành công với đối tác Việt Nam, đặc biệt các Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT). Các bên đề xuất Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể đang được xây dựng nên đề xuất cụ thể các hoạt động cần được thực hiện sau khi kết thúc dự án.

### **(2) Phương hướng xây dựng thông tư:**

Sau khi thảo luận, phía Việt Nam và Nhật Bản thống nhất thay đổi tiêu đề và loại hình văn bản của sáu thông tư chính thuộc Kết quả 1 và các chỉ số liên quan như mô tả tại Phụ lục 3. Tiêu đề của sáu văn bản thuộc Kết quả 1 như sau:

- Thông tư 1: Báo cáo hoặc Hướng dẫn kĩ thuật về cơ chế điều phối trong QLMTNLVS.
- Thông tư 2: 1) Một số nội dung dự thảo đã được đưa vào Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT;  
2) Hướng dẫn kĩ thuật về tính toán sức chịu tải – Tổng cục Môi trường (TCMT) xem xét ban hành trong năm 2018 dưới dạng Quyết định của Tổng cục Môi trường.
- Thông tư 3: 1) Dự thảo Thông tư về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS  
2) Hướng dẫn kiểm kê nguồn xả nước thải phục vụ QLMTNLVS - TCMT xem xét ban hành trong năm 2018 dưới dạng Quyết định của Tổng cục Môi trường được sử dụng để làm thông tin đầu vào phục vụ xây dựng các quy định về kiểm kê nguồn thải, thực hiện quyết định số 140/2018/QĐ-TTg;
- Thông tư 4: Dự thảo *Hướng dẫn/ Cơ chế chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải*. TCMT sẽ báo cáo lãnh đạo Bộ TN&MT xin chỉ đạo về loại hình văn bản sẽ ban hành.
- Thông tư 5 và 6: được tích hợp thành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 03/2015/NĐ-CP – Viện Khoa học Môi trường (Viện KHMT), TCMT báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) trình Chính phủ Việt Nam để đưa văn bản này vào danh mục chương trình ban hành văn bản pháp luật năm 2019.

### **(3) Gia hạn thời gian thực hiện dự án và kế hoạch hoạt động:**

Các thành viên BCD dự án đồng ý với đề xuất gia hạn dự án thêm sáu tháng, đến ngày dd tháng mm năm 2019 và các nội dung sửa đổi của Dự án, bao gồm: thay đổi tên, loại hình sản phẩm, sửa đổi PDM và kế hoạch hoạt động.

Cuối cùng, các thành viên BCD dự án yêu cầu phía Ban Quản lý Dự án của Việt Nam (Ban QLDA) và nhóm chuyên gia Nhật Bản báo cáo lên cơ quan cấp trên (Bộ TN&MT và JICA) về sự cần thiết phải sửa đổi nội dung Dự án, đồng thời hai phía sẽ tiến hành các thủ tục hành chính để thực hiện việc sửa đổi này.

Chi tiết nội dung cuộc họp và các vấn đề thảo luận được mô tả trong các phần dưới đây.

### **3. Chi tiết nội dung cuộc họp và các vấn đề thảo luận**

Các thành viên Ban QLDA tóm tắt tiến độ thực hiện các hoạt động thuộc Kết quả 1 và quá trình thể chế hóa văn bản. Nhóm chuyên gia JICA trình bày các kết quả đạt được thuộc Kết quả 2 và Kết quả 3 cũng như các hoạt động xây dựng Kế hoạch hành động, Kế hoạch tổng thể, Lộ trình trong khuôn khổ Kết quả 3.

Tầm quan trọng của vấn đề QLMTNLVS đã được xác nhận thông qua phần trình bày của Ban QLDA và phần thảo luận của các Sở TN&MT. *Thông tư mục tiêu số 1 về Cơ chế phối hợp* được chuyển thành *Báo cáo/Hướng dẫn kỹ thuật về Cơ chế phối hợp*. Dự thảo văn bản này đã được xây dựng, tham vấn phía Việt Nam, và đây sẽ là tài liệu hữu ích cho các Ủy ban lưu vực sông (UBLVS) trong quá trình hoạt động trong tương lai. Dự thảo cuối cùng của Thông tư mục tiêu số 2 đã được hoàn thành và một số nội dung đã được tích hợp với dự thảo thông tư do Cục Quản lý Tài nguyên nước (Cục QLTNN) phối hợp với TCMT xây dựng để phát triển thành *Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT về quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông và hồ*. Ngoài ra, *Hướng dẫn kỹ thuật về tính toán sức chịu tải* cũng đã được hoàn thiện và trình lên TCMT để ban hành. Dự thảo *Thông tư mục tiêu số 3 về các nguồn xả thải trong điểm phục vụ QLMTNLVS* cũng như dự thảo cuối cùng *Hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê nguồn xả nước thải phục vụ QLMTNLVS* đã được xây dựng; trong đó dự thảo Sở tay đã được đệ trình lên TCMT để ban hành. *Thông tư mục tiêu số 4 về hệ thống chia sẻ và công bố thông tin QLMTNLVS liên tỉnh* được đổi thành *Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu về tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải*. Hiện tại, Dự án đã tham vấn Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc (Trung tâm QTMTMB) và Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Môi trường (Trung tâm TT&DLMT) về các nội dung của Hướng dẫn. Như phía Nhật Bản đã xác nhận, mục tiêu chính của *Báo cáo/Hướng dẫn kỹ thuật về Cơ chế phối hợp và Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu về tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải* là nhằm phục vụ công tác QLMTNLVS. Mặc dù các nội dung của hai thông tư 5 và thông tư 6 về bồi thường thiệt hại môi trường đã được quy định thành một phần trong Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, cuối cùng Ban soạn thảo quyết định đưa nội dung này (bồi thường thiệt hại) ra khỏi Nghị định sửa đổi. Phía Việt Nam (cụ thể là Viện Khoa học Môi trường - KHMT) đề xuất TCMT báo cáo Bộ TN&MT trình Chính phủ Việt Nam để đưa văn bản này vào danh mục ban hành văn bản pháp luật năm 2019.

Kết quả 1 và Kết quả 2 của Dự án đã hỗ trợ các Sở TN&MT giải quyết một số khó khăn trong QLMTNLVS và kiểm soát ô nhiễm; điều này được Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên và Đồng Nai chia sẻ cụ thể trong phần trình bày của mình. Tỉnh Đồng Nai ghi nhận Dự án đã hỗ trợ xây dựng phương pháp luận cho dự án thí điểm của tỉnh Đồng Nai về đánh giá sức chịu tải tại sông Buông tới năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

### **3.1. Tiến độ Dự án (các kết quả) và các điểm quan trọng**

Cả hai phía xác nhận tiến độ dự án, đặc biệt là các kết quả liên quan đến xây dựng văn bản pháp luật, các tác động có giá trị của các khóa tập huấn cũng như chương trình nâng cao nhận thức trong khuôn khổ Dự án. Các thành viên BCD dự án và đại diện các Sở TN&MT đã nhấn mạnh:

- Ghi nhận các nỗ lực của Ban QLDA và Nhóm chuyên gia JICA trong việc thực hiện thành công hầu hết các kết quả của Dự án. Nội dung, cấu trúc và quá trình thực hiện Dự án được trình bày rõ ràng và mạch lạc. Loại hình thiết kế của Dự án này nên được nhân rộng trong giai đoạn hậu dự án và trong các dự án hợp tác khác trong tương lai. Sau khi ban hành Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT, Nghị định số 03/2015/NĐ-CP sửa đổi và các văn bản khác, các kết quả của Dự án sẽ được sử dụng rộng rãi; do đó,

hỗ trợ kĩ thuật từ phía các chuyên gia Nhật Bản trong giai đoạn còn lại của Dự án cũng như sự chủ động của TCMT là hết sức cần thiết nhằm thúc đẩy công tác QLMTNLVS.

- Đánh giá cao các đóng góp của Dự án trong vấn đề QLMTNLVS. Thông qua quá trình thực hiện dự án, phương pháp luận và phương thức đánh giá sức chịu tải đã được chia sẻ với phía Việt Nam, đặc biệt là các Sở TN&MT mục tiêu. Các nhóm công tác thuộc các Sở TN&MT đã được thành lập và thường xuyên tham gia các hoạt động tập huấn, đào tạo. Chắc chắn các nhóm công tác này sẽ truyền đạt các kiến thức thu được đến các đồng nghiệp khác.

- Đánh giá cao các khái niệm, cấu trúc đã được phát triển cho Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể. Các hoạt động cụ thể cần được thực hiện trong tương lai nên được đề xuất trong Kế hoạch hành động nhằm hỗ trợ xây dựng thành công phương pháp luận thống nhất về thu thập và nhập thông tin dữ liệu ở cấp lưu vực sông, lựa chọn các thông số của mô hình mô phỏng, giảm tải lượng ô nhiễm ở cấp lưu vực sông, và phân bổ sức chịu tải đối với mỗi tỉnh thành.

- Đánh giá cao chất lượng của *Hướng dẫn kĩ thuật về tính toán sức chịu tải và Sổ tay kiểm kê nguồn xả nước thải phục vụ QLMTNLVS*, qua đó hai văn bản này đang được trình lên Tổng cục trưởng TCMT để ra quyết định ban hành. Phía Việt Nam khẳng định quyết định này sẽ được ban hành trong năm 2018.

### 3.2. Tên và loại sản phẩm của Dự án

Do các thay đổi gần đây trong ưu tiên của TCMT/Bộ TN&MT và các khó khăn gặp phải trong quá trình tái cơ cấu TCMT, các hoạt động của Dự án, cụ thể hoạt động xây dựng và thể chế hóa văn bản pháp luật bị chậm so với kế hoạch ban đầu. Phía Việt Nam và phía Nhật Bản thống nhất thay đổi tên và hình thức của sáu văn bản thuộc Kết quả 1 cũng như các chỉ số mô tả trong Phụ lục 3. Tên của sáu văn bản thuộc Kết quả 1 sẽ là:

- Thông tư 1: Báo cáo hoặc Hướng dẫn kĩ thuật về cơ chế điều phối trong QLMTNLVS.
- Thông tư 2: 1) Một số nội dung dự thảo đã được đưa vào Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT;  
2) Hướng dẫn kĩ thuật về tính toán sức chịu tải – Tổng cục Môi trường (TCMT) xem xét ban hành trong năm 2018 dưới dạng Quyết định của Tổng cục Môi trường.
- Thông tư 3: 1) Dự thảo Thông tư về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS - được sử dụng để làm thông tin đầu vào phục vụ xây dựng các quy định về kiểm kê nguồn thải, thực hiện quyết định số 140/2018/QĐ-TTg;  
2) Hướng dẫn kĩ thuật kiểm kê nguồn xả nước thải phục vụ QLMTNLVS - Tổng cục Môi trường (TCMT) xem xét ban hành dưới dạng Quyết định của Tổng cục Môi trường.

- Thông tư 4: Dự thảo *Hướng dẫn/ Cơ chế chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải*. TCMT sẽ báo cáo lãnh đạo Bộ TN&MT xin chỉ đạo về loại hình văn bản sẽ ban hành.
- Thông tư 5 và 6: được tích hợp vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 03/2015/NĐ-CP.

Các bên nhấn mạnh rằng việc áp dụng được trong thực tế các nội dung của văn bản pháp luật được xây dựng trong khuôn khổ Dự án có ý nghĩa quan trọng hơn là loại hình văn bản nào.

### **3.3. Gia hạn thời gian thực hiện dự án và kế hoạch hoạt động**

Sau khi cân nhắc sự cần thiết phải hoàn thiện các kết quả của Dự án cũng như xác nhận tính bền vững của các sản phẩm dự án, toàn bộ thành viên BCD dự án và đại diện các Sở TN&MT thống nhất với đề xuất gia hạn dự án thêm 6 tháng. Phía Nhật Bản nhấn mạnh rằng việc sửa đổi các nội dung Dự án bao gồm kết quả, thời gian thực hiện... là nhằm hoàn thiện thêm các sản phẩm của Dự án.

Cả hai phía Ban QLDA của Việt Nam và nhóm chuyên gia Nhật Bản sẽ báo cáo lên cơ quan cấp trên (Bộ TN&MT và JICA) về sự cần thiết phải gia hạn thời gian thực hiện Dự án cũng như một số nội dung Dự án, bao gồm: thay đổi tên và loại hình các kết quả, sửa đổi Ma trận thiết kế dự án, kế hoạch hoạt động như mô tả trong Phụ lục 3. Hai phía sẽ tiến hành các thủ tục hành chính cần thiết để thực hiện việc sửa đổi này.

### **3.4. Các vấn đề khác**

Các điểm sau cũng đã được nhấn mạnh và xác nhận trong cuộc họp BCD dự án:

#### **1) Sửa đổi Luật BVMT và các hoạt động dự án**

Các thành viên BCD dự án cho biết Luật BVMT 2014 đang được sửa đổi, đặc biệt là các nội dung liên quan đến quy hoạch có sức ảnh hưởng trong 10 đến 20 năm tới, và đề xuất Dự án hỗ trợ kỹ thuật về phương pháp dự báo trong xây dựng văn bản pháp luật.

#### **2) Nhân rộng kinh nghiệm của các Sở TN&MT**

Các Sở TN&MT chia sẻ rằng cần phải ưu tiên thống nhất phương pháp thu thập thông tin dữ liệu nguồn thải, đồng thời các tỉnh thành và ban ngành liên quan phải đồng thuận về hạn ngạch xả thải trong vấn đề QLMTNLVS.

#### **3) Tích hợp và xây dựng QLMTNLVS**

Các bên thống nhất và đồng ý rằng QLMTNLVS là một vấn đề quan trọng và phải được thực hiện một cách tổng hợp. Ở Việt Nam, các UBLVS mới đang trong quá trình thành lập chính thức dựa trên cơ sở các UBLVS hiện tại và các hoạt động khác.

Các thành viên BCD dự án nhấn mạnh rằng phương pháp tiếp cận LVS do Dự án đề xuất có thể được sử dụng và áp dụng tại Việt Nam. Ngay cả trong phân tích đoạn sông, các kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm tại cấp LVS có thể được sử dụng như là một điều kiện biên.

**Phụ lục 1: Chương trình họp**

Thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
12h40 - 13h00	Đăng ký đại biểu	Viện Khoa học môi trường
13h00 - 13h05	Giới thiệu đại biểu	Viện Khoa học môi trường
13h05 - 13h15	Phát biểu khai mạc	- Ông Hoàng Văn Thức, Phó Tổng cục trưởng TCMT - Ông Naoki Kakioka, Phó trưởng đại diện VP JICA Việt Nam
13h15 - 13h30	Trình bày về tiến độ quá trình thể chế hóa văn bản	Tổng cục Môi trường (Vụ Quản lý chất thải, Viện Khoa học môi trường)
13h30 - 14h00	Trình bày về tiến độ dự án Kết quả đạt được trong năm thứ 2 của dự án; Các kết quả hoạt động Dự án thí điểm. Tóm tắt kế hoạch hoạt động và kết quả/đầu ra dự kiến; Kế hoạch tổng thể xây dựng văn bản pháp luật và phương hướng; các khóa tập huấn; Kế hoạch tổng thể các hoạt động của Kết quả 3; Tóm tắt các khó khăn, vướng mắc và các giải pháp khắc phục; xác nhận sửa đổi Ma trận dự án (PDM) (liên quan đến hoạt động xây dựng thông tư/hướng dẫn).	Nhóm chuyên gia JICA
14h00 - 14h10	Trình bày về quá trình thực hiện phương pháp luận quản lý lưu vực sông (1)	Lưu vực sông Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai)
14h10 - 14h20	Trình bày về quá trình thực hiện phương pháp luận quản lý lưu vực sông (2)	Lưu vực sông Cầu (tỉnh Thái Nguyên)
14h20 - 14h30	Nghỉ giải lao	Toàn thể đại biểu
14h30 - 15h50	Thảo luận Các khó khăn, vướng mắc và giải pháp; Kế hoạch hoạt động và các kết quả/đầu ra dự kiến	Toàn thể đại biểu
15h50 - 16h00	Phát biểu bế mạc	Ông Hoàng Văn Thức, Phó Tổng cục trưởng TCMT

**Phụ lục 2: Đại biểu tham dự**

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
<b>Bộ TN&amp;MT</b>			
1	Ông Nguyễn Minh Khuyển	Phó Cục trưởng, Thành viên BCD	Cục Quản lý Tài nguyên nước
2	Bà Hoàng Thị Hào	Chuyên viên (thay mặt ông Lê Văn Hợp, Thành viên BCD)	Vụ Pháp chế
3	Bà Đào Thị Hương Giang	Chuyên viên (thay mặt Bà Nguyễn Thị Huyền, Thành viên BCD)	Vụ Tổ chức cán bộ
<b>Tổng cục Môi trường</b>			
4	TS. Hoàng Văn Thúc	Phó Tổng cục trưởng	TCMT
5	PGS. TS. Phạm Văn Lợi	Viện trưởng, Phó Giám đốc thường trực dự án	Viện KHMT
6	Ông Bùi Hoài Nam	Phó Viện trưởng	Viện KHMT
7	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan	P. Trưởng phòng, Điều phối viên dự án	Viện KHMT
8	Bà Lê Thanh Nga	Kế toán viên DA, Thành viên BQLDA	Viện KHMT
9	Bà Trần Thị Lệ Anh	Chi cục trưởng Chi cục BVMT LVS Cầu, Cán bộ Dự án	Cục Bảo vệ môi trường miền Bắc
10	Ông Hàn Ngọc Tài	Phó trưởng phòng	Vụ Quản lý chất lượng môi trường
11	Bà Nguyễn Minh Phương	Chuyên viên	Cục Bảo vệ môi trường miền Bắc
12	Bà Nguyễn Phương Linh	Chuyên viên	Tổng cục Môi trường
13	Bà Nguyễn Hoàng Anh	Nhà báo	Tạp chí TN&MT
<b>Các Sở TN&amp;MT</b>			
14	Ông Nguyễn Thế Giang	Phó Giám đốc	Sở TN&MT Thái Nguyên
15	Bà Hoàng Thị Liên	Chi cục trưởng Chi cục BVMT	Sở TN&MT Thái Nguyên
16	Bà Trần Thị Minh Hải	Phó GD Trung tâm Quan trắc	Sở TN&MT Thái Nguyên
17	Ông Đặng Văn Đường	Phó chi cục trưởng Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Ninh
18	Ông Đàm Ngân	Trưởng phòng, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Ninh
19	Ông Trương Công Đại	Chi cục trưởng Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Giang
20	Ông Nguyễn Bá Trình	Chuyên viên, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Giang

STT	Tên	Chức vụ	Cơ quan
21	Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Giám đốc Sở, Thành viên BCD	Sở TN&MT HCM
22	Ông Tống Việt Thành	Phó TP	Sở TN&MT HCM
23	Ông Phan Phục Nghiệp	Phó TP, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bình Dương
24	Bà Võ Niệm Tường	Chi cục trưởng Chi cục BVMT	Sở TN&MT Đồng Nai
25	Ông Đặng Minh Hoàng	TP, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Đồng Nai
26	Bà Nguyễn Thị Hằng	TP	Sở TN&MT Bà Rịa Vũng Tàu
<b>JICA</b>			
27	Ông Naoki Kakioka	Phó Trưởng đại diện	Văn phòng JICA VN
28	Bà Yuko Kanto	Cố vấn xây dựng chương trình	Văn phòng JICA VN
29	Ông Nguyễn Vũ Tiệp	Cán bộ chương trình	Văn phòng JICA VN
<b>Nhóm chuyên gia JICA</b>			
30	Ông Ichiro Adachi	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
31	Ông Masaru Yamada	Điều phối viên dự án	Nhóm chuyên gia JICA
32	TS. Phạm Mạnh Hoài	Điều phối viên quốc gia	Nhóm chuyên gia JICA
33	Bà Lê Thị Lan Hương	Cán bộ dự án	Nhóm chuyên gia JICA
34	Ông Kengo Naganuma	Trưởng nhóm, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
35	Ông Onuma Takahashi	Phó trưởng nhóm, Nhóm tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
36	Ông Hiroshi Nakano	Chuyên gia ngắn hạn	Nhóm chuyên gia JICA
37	Ông Nguyễn Thanh Phương	Chuyên gia, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
38	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên gia, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
39	Bà Nguyễn Thanh Thu	Điều phối Dự án, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA

Ghi chú:

**Sở TN&MT** : Sở Tài nguyên và Môi trường  
**Chi cục BVMT** : Chi cục Bảo vệ Môi trường  
**HCM** : Thành phố Hồ Chí Minh  
**JET** : Nhóm chuyên gia JICA  
**Bộ TN&MT** : Bộ Tài nguyên và Môi trường  
**TCMT** : Tổng cục Môi trường



### Phụ lục 3: Ma trận thiết kế dự án sửa đổi

#### Ma trận Thiết kế Dự án (bản số 3, cập nhật ngày 10/05/2018)

Tên dự án: Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông  
 Thời gian thực hiện dự án: Tháng 11 năm 2015 đến tháng 5 năm 2019 (3.5 năm)  
 Khu vực thực hiện dự án: Lưu vực sông Cầu (tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Bắc Ninh) và lưu vực sông Đồng Nai (tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, và Bà Rịa-Vũng Tàu)  
 Các cơ quan mục tiêu: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)/ Tổng cục Môi trường (TCMT), Viện Khoa học Môi trường (Viện KHMĐT), Vụ Quản lý chất thải và các đơn vị liên quan, các Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) tham gia dự án và các cơ quan liên quan khác.

Dự thảo - 03: 2018/03/29			
Mục tiêu tổng thể	Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá
Tăng cường năng lực thực thi của Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT; Bộ TN&MT/TCMT và các Sở TN&MT sẵn sàng thực hiện hệ thống quản lý môi trường nước lưu vực sông (LVS) trên toàn quốc.		<ol style="list-style-type: none"> <li>Bộ TN&amp;MT/TCMT thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS có xem xét đến công tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông (QLTHTNLVS).</li> <li>Đề xuất kiến toàn và tăng cường hiệu quả hoạt động của Ủy ban QLMTNLVS sông Cầu và sông Đồng Nai.</li> <li>Chính quyền địa phương tại các LVS lựa chọn lồng ghép chính sách QLMTNLVS vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương mình.</li> <li>Bộ TN&amp;MT/TCMT xác định các LVS quan trọng khác để áp dụng cơ chế QLMTNLVS ở Việt Nam trong tương lai.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Các văn bản pháp luật do Bộ TN&amp;MT/TCMT soạn thảo.</li> <li>Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội do chính quyền địa phương xây dựng.</li> </ol>
Mục tiêu của Dự án	Tăng cường năng lực soạn thảo và thực thi chính sách, pháp luật của Bộ TN&MT/TCMT và năng lực thực thi công tác BVMTNLVS của các Sở TN&MT tham gia dự án.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Bộ TN&amp;MT/TCMT và các đơn vị liên quan nộp bản hoàn thiện cuối của Dự thảo văn bản pháp luật đến Bộ trưởng Bộ TN&amp;MT (Bản hoàn thiện cuối của Dự thảo Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản khác).</li> <li>Bộ TN&amp;MT/TCMT chia sẻ chính sách liên quan đến cơ chế QLMTNLVS trong Bộ TN&amp;MT/TCMT và tới các đơn vị, tổ chức khác.</li> <li>Bộ TN&amp;MT/TCMT bắt đầu các hoạt động cần thiết theo Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể về QLMTNLVS, tầm nhìn tới năm 2020.</li> <li>Chính quyền địa phương lồng ghép chính sách QLMTNLVS vào các hoạt động quản lý môi trường tại địa phương.</li> <li>Bộ TN&amp;MT/TCMT xây dựng Lộ trình QLTHTN LVS theo đề xuất.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Kết quả thực tế của dự án.</li> <li>Khảo sát Bộ TN&amp;MT/TCMT và các UBND/Sở TN&amp;MT mục tiêu bằng hình thức bảng hỏi ở giai đoạn đầu, giữa và cuối của dự án.</li> <li>Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT mục tiêu xây dựng.</li> </ol>
Các kết quả	Kết quả-1. Tăng cường năng lực xây dựng các văn bản và thực thi pháp	1-1 Bộ TN&MT/TCMT chuẩn bị tối thiểu bản dự thảo hoàn	1-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ
			Chính quyền địa phương

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giá định quan trọng
<p>luật về QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các UBND tỉnh/Sở TN&amp;MT tham gia dự án; thiết lập cơ sở thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS.</p>	<p>thiện của ba (3) văn bản pháp luật (Dự thảo cuối cùng của Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản khác) trong sáu (6) dự thảo, với sự phối hợp từ Nhóm Chuyên gia JICA (JET).</p> <p>1) Dự thảo cuối Hướng dẫn/Báo cáo kỹ thuật về cơ chế điều phối QLMTNLVS;</p> <p>2) Thông tư quy định đánh giá sức chịu tải</p> <p>3) Dự thảo cuối văn bản pháp lý về các nguồn xả nước thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS;</p> <p>4) Dự thảo cuối Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải</p> <p>5) Dự thảo cuối Thông tư hướng dẫn thủ tục để thực hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên;* </p> <p>6) Dự thảo cuối Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá do đặc để thu thập dữ liệu chứng cứ; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.*</p> <p>* Chỉ chỉ: Chỉ tiêu 1-1.5) và 1-1.6) được quy định và tích hợp thành dự thảo cuối của một Nghị định.</p>	<p>TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT mục tiêu xây dựng 1-2 Số lượng thực tế các kết quả dự án đạt được và tình hình áp dụng các kết quả đó.</p> <p>1-3 Các khóa tập huấn được tổ chức, biên bản thảo luận và nội dung các dự thảo được xây dựng.</p> <p>1-4 Tài liệu trình bày, ghi chép, bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	<p>Các tổ chức liên quan trực thuộc chính quyền địa phương tham gia dự án như Sở NN&amp;PTNT, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban quản lý Khu công nghiệp, Phòng Cảnh sát môi trường... tham gia phối hợp với dự án.</p>
<p>Kết quả-2. Tăng cường năng lực thực hiện công tác QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT thông qua việc thực hiện dự án thí điểm.</p>	<p>1-2: Hơn 10 cán bộ (80%) đối tác được đào tạo kỹ thuật và hơn 6 người (50%) có đủ kỹ năng, kiến thức xây dựng chính sách và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về QLMTNLVS</p> <p>2-1 Hơn 80% các hoạt động của dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai được hoàn thành.</p> <p>2-2 Hơn 50 cán bộ đối tác (70%) được đào tạo, và hơn 35 cán bộ (50%) có đủ kỹ năng, kiến thức xây dựng các công cụ thực thi và thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về QLMTNLVS</p> <p>2-3 Hơn 30 cán bộ đối tác (40%) có đủ kỹ năng, kiến thức lập kế hoạch và thực thi QLMTNLVS. Hai trong số ba Sở TN&amp;MT mục tiêu có thể đánh giá sức chịu tải trên địa bàn tỉnh mình và TCMT có thể đánh giá sức chịu tải ở các LVS liên quan.</p> <p>2-4 Trên 40% các Sở TN&amp;MT mục tiêu tiến hành đánh giá sức chịu tải của sông nội tỉnh.</p> <p>2-5 Hơn 2 hội thảo và hội nghị được tổ chức nhằm chia sẻ và phổ biến các kết quả đạt được trong quá trình thực hiện dự án.</p>	<p>2-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT mục tiêu xây dựng.</p> <p>2-2 Các kết quả của dự án và tình hình áp dụng các kết quả đó.</p> <p>2-3 Các khóa tập huấn được tổ chức, biên bản thảo luận và nội dung các dự thảo được xây dựng.</p> <p>2-4 Kết quả đánh giá năng lực.</p> <p>2-5 Các ghi chép và bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giá định quan trọng
<p>Kết quả-3. Xây dựng lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS cần cử vào đầu ra của Kết quả-1 và Kết quả-2, và Bộ TN&amp;MT sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới công tác QLTHNNLVS.</p> <p><b>Các hoạt động:</b>            Kết quả-1. Tăng cường năng lực xây dựng các văn bản và thực thi pháp luật về QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các UBND tỉnh/Sở TN&amp;MT tham gia dự án; thiết lập cơ sở thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS.            Hoạt động 1-1: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về QLMTNLVS; phát hiện những điểm bất cập, chồng chéo, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung.            Hoạt động 1-2: Nghiên cứu, phân định chức năng nhiệm vụ QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT, các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương.            Hoạt động 1-3: Xây dựng chương trình tập huấn và tổ chức tập huấn.            Hoạt động 1-4: Xây dựng dự thảo cuối Hướng dẫn/Báo cáo kỹ thuật về cơ chế phối hợp QLMTNLVS.            Hoạt động 1-5: Xây dựng dự thảo thông tư đánh giá sức chịu tải.            Hoạt động 1-6: Xây dựng dự thảo cuối văn bản pháp lý về các nguồn xả nước thải trong điểm phục vụ QLMTNLVS.            Hoạt động 1-7: Xây dựng dự thảo cuối Hướng dẫn chia sẻ thông tin và dữ liệu phục vụ tính toán sức chịu tải và xây dựng kiểm kê nguồn xả nước thải.            Hoạt động 1-8: Xây dựng dự thảo cuối Thông tư hướng dẫn thủ tục để thực hiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường tự nhiên.            Hoạt động 1-9: Xây dựng dự thảo cuối Thông tư quy định tiêu chí lựa</p>	<p>3-1 Hơn 10 cán bộ đối tác được đào tạo, và hơn 5 cán bộ có đủ kỹ năng, kiến thức thực hiện lộ trình đã xây dựng.            3-2 Bộ TN&amp;MT/TCMT chủ động điều phối các hoạt động cần thiết để chuẩn bị dự thảo cuối cùng của các văn bản pháp luật (Dự thảo Nghị định, Thông tư, hoặc các văn bản khác) dựa trên các văn bản pháp luật nhóm chuyên gia JICA hỗ trợ xây dựng theo kết quả 1.            3-3 Các mô hình điều phối liên tỉnh được đề xuất tại LVS Cần và LVS Đồng Nai.            3-4 TCMT xây dựng các kế hoạch nhằm quản lý cơ chế QLMTNLVS có tham khảo những dự thảo văn bản pháp lý do Dự án đề xuất.            3-5 Dựa trên các kết quả của dự án, Bộ TN&amp;MT/TCMT xây dựng và điều chỉnh lộ trình.</p>	<p>3-1 Dữ liệu và tài liệu do Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT tham gia dự án xây dựng.            3-2 Biên bản tập huấn, thảo luận và nội dung các đề xuất.            3-3 Dự thảo cuối cùng của các Thông tư.            3-4 Lộ trình dự thảo được xây dựng và trình bày.            3-5 Các kết quả và công cụ dự án thực hiện được và tính hình áp dụng các kết quả và công cụ đó.            3-6 Các ghi chép và bình luận tại các hội nghị, hội thảo.</p>	<p><b>Điều kiện tiên quyết</b>            Dự án được Chính phủ Việt Nam chính thức phê duyệt            Bộ TN&amp;MT ký kết thỏa thuận với các tỉnh mục tiêu về việc thực hiện và phối hợp thực hiện dự án</p>

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giá định quan trọng
<p>chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá do đặc để thu thập dữ liệu chứng cứ; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dự án, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường.</p> <p>Hoạt động 1-10: Hướng dẫn và chia sẻ các kết quả đầu ra được xây dựng với các đơn vị của Bộ TN&amp;MT/TCMT và Sở TN&amp;MT tại các LVS tham gia dự án.</p> <p>Kết quả-2: Tăng cường năng lực thực hiện công tác QLMTNLVS của Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT thông qua việc thực hiện Dự án thí điểm.</p> <p>Hoạt động 2-1: Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực cán bộ theo các nhu cầu về tăng cường năng lực và các kết quả đánh giá năng lực.</p> <p>Hoạt động 2-2: Xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện các khóa đào tạo.</p> <p>Hoạt động 2-3: Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai có xác định rõ trách nhiệm của Bộ TN&amp;MT/TCMT, Sở TN&amp;MT và Nhóm chuyên gia JICA (JET)</p> <p>Hoạt động 2-4: Thực hiện dự án thí điểm tại LVS Cầu và sông Đồng Nai bao gồm hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng</p> <p>Hoạt động 2-5: Chia sẻ kết quả đầu ra được xây dựng cùng với các đơn vị liên quan của Bộ TN&amp;MT/TCMT và Sở TN&amp;MT tại các LVS mục tiêu</p>	<p>hoạt động dự án</p> <p>7) Tư vấn trong nước để thực hiện các công việc thầu phụ, đặc biệt cho dự án thí điểm</p> <p><b>Phía Việt Nam</b></p> <p>1) Cán bộ tham gia dự án</p> <p>- Bộ TN&amp;MT/TCMT</p> <p>- Các Sở TN&amp;MT</p> <p>2) Văn phòng dự án đặt tại Bộ TN&amp;MT và các LVS mục tiêu</p> <p>3) Phần bù ngân sách lương và các khoản chi phí khác cho phía đối ứng trong giai đoạn thực hiện dự án</p> <p>4) Phần bù ngân sách chi phí vận hành thiết bị do dự án mua</p>		
<p>Kết quả-3. Xây dựng lộ trình cải thiện công tác QLMTNLVS căn cứ vào đầu ra của kết quả-1 và kết quả-2, và Bộ Tài nguyên Môi trường sẵn sàng thực hiện các bước tiếp theo hướng tới công tác QL/THNNLVS.</p> <p>Hoạt động 3-1: Lắp ghép tất các các kết quả đầu ra của dự án và phản ánh trong các bản thảo cuối cùng của các văn bản pháp luật nêu trong kết quả-1</p> <p>Hoạt động 3-2: Xây dựng kế hoạch tập huấn và tiến hành tập huấn</p> <p>Hoạt động 3-3: Xây dựng kế hoạch hành động đồng nhằm cải thiện công tác QLMTNLVS, trong đó xác định rõ vai trò và trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan.</p> <p>Hoạt động 3-4: Xây dựng kế hoạch tổng thể và tiến độ thực hiện công tác cải thiện và thể chế hóa cơ chế QLMTNLVS cho Bộ TN&amp;MT/TCMT và các Sở TN&amp;MT tại các LVS mục tiêu</p>			

Tóm tắt	Các chỉ số đánh giá dựa trên mục tiêu	Phương tiện đánh giá	Giá định quan trọng
<p>Hoạt động 3-5: Xây dựng lộ trình bao gồm các bước thực hiện tiếp theo hướng tới QLTHTNVLVS.</p> <p>Hoạt động 3-6: Nghiên cứu và xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ công tác QLMTNVLVS bao gồm cơ chế tài chính, huy động nguồn lực và khuyến khích.</p> <p>Hoạt động 3-7: Hoàn thiện các văn bản pháp luật được xây dựng ở kết quả 1.</p> <p>Hoạt động 3-8: Chia sẻ các kết quả đầu ra với các bên liên quan.</p>			

**BIÊN BẢN HỌP**  
**BAN CHỈ ĐẠO**  
**DỰ ÁN “TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC**  
**LƯU VỰC SÔNG”**

Theo Biên bản thảo luận ký ngày 24 tháng 05 năm 2015 và Biên bản họp về việc sửa đổi Biên bản thảo luận ký ngày 28 tháng 11 năm 2018 giữa Bộ Tài nguyên và Môi Trường và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, cuộc họp Ban chỉ đạo lần cuối đã được tổ chức vào ngày 11 tháng 04 năm 2019 tại Hà Nội.

Tại phiên họp, các thành viên Ban chỉ đạo dự án đã rà soát các hoạt động của Dự án và xác nhận các kết quả đạt được theo Ma trận phát triển dự án. Các nội dung chi tiết của cuộc họp được đính kèm theo Biên bản này.

Hà Nội,

2019.

---

**Ông Murooka Naomichi**

Phó trưởng Đại diện,

Văn phòng JICA tại Việt Nam

---

**Tiến Sỹ Hoàng Văn Thúc**

Phó Tổng cục trưởng

Tổng cục Môi trường

(Thay mặt Tiến Sỹ Võ Tuấn Nhân – Thứ trưởng,  
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần cuối do ông Murooka Naomichi - Phó trưởng Đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam - thành viên Ban chỉ đạo dự án và TS. Hoàng Văn Thức - Phó Tổng cục trưởng kiêm Giám đốc Ban Quản lý dự án (thay mặt TS. Võ Tuấn Nhân - Trưởng Ban chỉ đạo, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) đồng chủ trì.

**Thời gian:** 13:30 - 16:00; thứ tư, ngày 11 tháng 04 năm 2019.

**Địa điểm:** Phòng họp Hà Nội 3, Khách sạn Crowne Plaza, 36 Lê Đức Thọ, Hà Nội.

**Chương trình họp:** Phụ lục 1.

**Thành phần tham dự:** Phụ lục 2 (bao gồm phía đối tác và các chuyên gia JICA).

## **1. Mục tiêu**

Mục tiêu của cuộc họp Ban chỉ đạo dự án (BCĐ dự án) lần cuối bao gồm:

- (1) Xem xét các hoạt động, các sản phẩm đầu ra; xác nhận các kết quả thu được của dự án;
- (2) Xác nhận Báo cáo tổng kết dự án;
- (3) Thảo luận về việc hoàn thành các hoạt động của dự án cũng như các hoạt động cần thiết và quan trọng sau khi kết thúc dự án.

## **2. Nội dung chính cuộc họp**

Các thành viên BCĐ dự án đã xác nhận 3 nội dung chính căn cứ theo mục tiêu cuộc họp.

### **2.1. Xác nhận thành tựu và các kết quả đầu ra:**

Các thành viên BCĐ dự án đã xem xét các hoạt động đã được tiến hành và đánh giá cao các kết quả mà dự án đạt được đồng thời phù hợp với Ma trận phát triển dự án (PDM). Toàn bộ các thành viên đã xác nhận và chứng thực Dự án đã đạt được các kết quả đầu ra.

Các thành viên BCĐ dự án và các đại biểu cũng đã công nhận các kết quả thực tiễn của các hoạt động thí điểm đã hỗ trợ hiệu quả trong việc tăng cường năng lực (về mặt kiến thức và kỹ năng) cho các Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) trong lĩnh vực quản lý môi trường nước lưu vực sông. Đồng thời, thông qua việc triển khai các hoạt động thí điểm, phương thức tiếp cận, phương hướng và cách thức thực hiện đánh giá sức chịu tải đã được chia sẻ thành công với các đối tác Việt Nam, đặc biệt là các Sở TN&MT mục tiêu. Những kết quả thu được này đã góp phần thiết thực vào việc xây dựng các dự thảo văn bản pháp luật trong khuôn khổ Dự án; và một phần trong số các bản thảo này đã được Bộ TN&MT và Tổng cục Môi trường (TCMT) ban hành (Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT và Hướng dẫn kỹ thuật tính toán sức chịu tải nguồn nước sông).

TCMT và các Sở TN&MT cũng đã ghi nhận những tác động thu được từ các khóa tập huấn cũng như các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng đã được thực hiện trong khuôn khổ hoạt động của Dự án. Các thành viên BCĐ dự án cũng đã đánh giá cao việc Dự án đã xuất bản tài liệu tập huấn.

### **2.2. Bản thảo cuối Báo cáo tổng kết dự án**

Cấu trúc và nội dung của bản thảo cuối Báo cáo tổng kết dự án đã được chia sẻ và nhận được sự đồng thuận của các thành viên BCĐ dự án.

Ban Chỉ đạo dự án yêu cầu Nhóm chuyên gia JICA cần tiếp tục hoàn thiện nội dung của báo cáo và gửi đến TCMT thông qua Văn phòng JICA tại Việt Nam.

### **2.3. Hoàn thiện một số sản phẩm của dự án cũng như các hành động cần thiết và quan trọng sau dự án**

Những ý kiến sau đã được đề xuất trong cuộc họp để hai bên cùng xem xét thực hiện:

#### **(1) Hoàn thiện một số sản phẩm vào cuối dự án:**

Nhóm chuyên gia JICA sẽ sửa đổi, bổ sung các vấn đề liên quan đến Kế hoạch hành động, Kế hoạch tổng thể, cũng như hoàn thiện “Sổ tay kỹ thuật về xây dựng kiểm kê nguồn ô nhiễm nước thải cho quản lý môi trường nước lưu vực sông” dựa theo các ý kiến đóng góp tại Hội thảo diễn ra vào buổi sáng cùng ngày và các sản phẩm khác của Dự án do Nhóm chuyên gia JICA chủ trì. Toàn bộ các sản phẩm cuối cùng của Dự án sẽ được đính kèm trong Báo cáo tổng kết dự án.

#### **(2) Hành động cần thiết và quan trọng sau Dự án:**

Hai bên khẳng định rằng các kết quả của dự án có thể đóng góp đáng kể trong quản lý môi trường nước lưu vực sông tại Việt Nam. Đồng thời, các Sở TN&MT khuyến nghị Bộ TN&MT xem xét các nội dung của các bản thảo văn bản pháp luật do Dự án xây dựng trong quá trình xây dựng/sửa đổi Luật Bảo vệ Môi trường 2014 cũng như các văn bản dưới luật liên quan đến lĩnh vực quản lý môi trường nước lưu vực sông. TS. Hoàng Văn Thức đã ghi nhận các khuyến nghị này. Ngoài ra, các đại biểu cũng khuyến nghị Bộ TN&MT đóng vai trò chủ động hơn nữa trong các hoạt động về đánh giá tải lượng ô nhiễm tại các lưu vực sông liên tỉnh để từ đó có thể đưa ra các cảnh báo đến các tỉnh trong lưu vực sông trong trường hợp vượt quá giới hạn tải lượng ô nhiễm cũng như xây dựng chiến lược trung hạn và dài hạn và lập kế hoạch quản lý lưu vực sông liên tỉnh.

Phía đối tác Việt Nam sẽ tiếp tục xem xét các kết quả đầu ra của dự án để tích hợp các nội dung này vào các văn bản pháp luật đang được sửa đổi/xây dựng (ví dụ: Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản dưới Luật; các quy định của Ủy Ban lưu vực sông mới,...).

Các Sở TN&MT khuyến nghị Bộ TN&MT thực hiện việc áp dụng phương pháp kiểm kê nguồn nước thải, mô hình chất lượng nước và đánh giá tổng tải lượng ô nhiễm tại một lưu vực sông cụ thể dựa trên kết quả của Dự án để có thể sử dụng các kinh nghiệm và kết quả thu được vào các lưu vực sông khác.

TCMT cam kết chuyển các sản phẩm của Dự án, đặc biệt là sản phẩm về tính toán sức chịu tải, đến các tỉnh/thành khác; đồng thời xem xét mở rộng các hoạt động đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực tính toán sức chịu tải.

#### **(3) Đề xuất Dự án giai đoạn 2**

Dựa trên các nội dung thảo luận ở trên, các thành viên BCD dự án đề nghị 2 bên tiếp tục thực hiện dự án thí điểm tại các lưu vực sông khác sử dụng phương pháp được phát triển bởi Dự án. Các kiến thức và kinh nghiệm thu được từ Dự án cần được áp dụng vào thực tế để có nhiều hơn nữa cán bộ làm việc trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nước sông được tham gia. Liên quan đến vấn đề này, Tổ chức JICA dự kiến sẽ hỗ trợ Bộ TN&MT phát triển giai đoạn 2 của Dự án cụ thể cho việc tính toán và phân vùng tải lượng ô nhiễm. Điều này không chỉ góp phần vào việc sử dụng tích cực hơn nữa các sản phẩm đầu ra của Dự án mà còn hỗ trợ tích hợp quản lý tài nguyên nước lưu vực sông trong việc xây dựng kế hoạch triển lược 5 năm, 10 năm về phát triển kinh tế và xã hội.

Cuối cùng, các thành viên BCD dự án xác nhận rằng biên bản cuộc họp BCD dự án lần cuối sẽ được cáo cáo đến lãnh đạo Bộ TN&MT.



## Phụ lục 1: Chương trình họp

Thời gian	Nội dung	Chịu trách nhiệm
13h00 - 13h30	Đăng ký đại biểu	Viện KHMT
13h30 - 13h35	Giới thiệu đại biểu	Viện KHMT
13h35 - 13h45	Phát biểu khai mạc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TS. Hoàng Vãng Thức, Phó Tổng cục trưởng, TCMT</li> <li>- Ông Murooka Naomichi, Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam</li> </ul>
13h45 - 14h30	<p>Giải thích dự thảo báo cáo tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt đã được thực hiện bởi dự án (Dự án thí điểm, TF và tham quan học tập, xây dựng văn bản pháp luật...)</li> <li>- Văn bản đã được xây dựng bởi dự án</li> <li>- Các kết quả của dự án (Văn bản pháp luật, hướng dẫn, dự thảo văn bản cuối cùng)</li> <li>- Bài học, kinh nghiệm thu được từ dự án</li> </ul>	Nhóm tư vấn Nhật Bản
14h30 - 15h00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài học, kinh nghiệm thu được từ dự án</li> <li>- Khó khăn và thách thức</li> </ul>	<p>Nhóm công tác liên tỉnh LVS Cầu (tỉnh Bắc Giang)</p> <p>Nhóm công tác liên tỉnh LVS Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai)</p>
15h00 - 15h50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận về báo cáo tổng kết</li> <li>- Hành động tiếp theo cho việc phát triển quản lý môi trường nước lưu vực sông dựa trên các hoạt động của dự án</li> </ul>	Toàn thể đại biểu
15h50 - 16h00	Phát biểu bế mạc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TS. Hoàng Văn Thức; Phó Tổng cục trưởng, TCMT</li> <li>- Ông. Murooka Naomichi Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam</li> </ul>
16h00 - 16h05	Chụp ảnh kỷ niệm	Toàn thể đại biểu

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

## Phụ lục 2: Đại biểu tham dự

STT	Họ tên	Chức danh	Cơ quan
<b>Bộ TN&amp;MT</b>			
1	Ông Nguyễn Minh Khuyển	Phó Cục trưởng, thành viên BCD	Cục Quản lý TN nước
2	Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Vụ trưởng, thành viên BCD	Vụ Tổ chức cán bộ
3	Bà Tống Võ Lệ Hà	Cán bộ (đại diện cho ông Lê Văn Hữu, thành viên BCD)	Vụ Kế hoạch - Tài chính
<b>TCMT</b>			
4	TS. Hoàng Văn Thức	Phó Tổng cục trưởng, Giám đốc dự án	TCMT
5	PGS. TS. Phạm Văn Lợi	Viện trưởng, Phó Giám đốc thường trực dự án	Viện KHMT
6	Bà Trần Thị Lệ Anh	Thành viên BQLDA	Cục Bảo vệ môi trường miền Bắc
7	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Phó Viện trưởng Viện KHMT	Viện KHMT
8	TS. Bùi Hoài Nam	Phó Viện trưởng Viện KHMT	Viện KHMT
9	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan	Trưởng phòng, Điều phối viên dự án	Viện KHMT
10	Bà Lê Thanh Nga	Thành viên BQLDA	Viện KHMT
11	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng phòng	Viện KHMT
12	Ông Vũ Ngọc Minh	Cán bộ	Viện KHMT
13	Ông Nguyễn Cao Cường	Cán bộ	Viện KHMT
14	Bà Hoàng Tuyết Chinh	Phóng viên	Báo Tài nguyên và Môi trường
<b>Sở TN&amp;MT</b>			
15	Ông Đặng Minh Đức	Giám đốc Sở, thành viên BCD	Sở TN&MT Đồng Nai
16	Bà Nguyễn Thị Mai Liên	Phó Giám đốc, Trung tâm QTMT	Sở TN&MT Đồng Nai
17	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Phó Giám đốc Sở, thành viên BCD	Sở TN&MT Bình Dương
18	Ông Nguyễn Thế Giang	Phó Giám đốc Sở (thay mặt ông Nguyễn Thanh Tuấn, thành viên BCD)	Sở TN&MT Thái Nguyên
19	Bà Hoàng Thị Liên	Giám đốc, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Thái Nguyên
20	Ông Đặng Sơn Hải	Phó Giám đốc Sở	Sở TN&MT Vũng Tàu
21	Ông Trần Chung	Phó Giám đốc Chi cục BVMT (thay mặt Ông Nguyễn Đại Đồng, thành viên BCD)	Sở TN&MT Bắc Ninh
22	Ông Đàm Ngân	Trưởng phòng, Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Ninh
23	Ông Tống Viết Thanh	Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên nước (thay mặt bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ, thành viên BCD)	Sở TN&MT Hồ Chí Minh

STT	Họ tên	Chức danh	Cơ quan
24	Ông Trương Công Đại	Giám đốc Chi cục BVMT (thay mặt ông Vũ Văn Tường, thành viên BCD)	Sở TN&MT Bắc Giang
25	Ông Ngô Quang Trường	Phó Giám đốc Chi cục BVMT	Sở TN&MT Bắc Giang
<b>JICA</b>			
26	Ông Murooka Naomichi	Phó Trưởng đại diện	Văn phòng JICA tại VN
27	Bà Yuko Kanto	Cố vấn xây dựng chương trình	Văn phòng JICA VN
28	Ông Nguyễn Vũ Tiệp	Cán bộ chương trình	Văn phòng JICA VN
29	Ông Ichiro Adachi	Cố vấn trưởng	Nhóm chuyên gia JICA
30	TS. Phạm Mạnh Hoài	Điều phối viên quốc gia	Nhóm chuyên gia JICA
31	Ông Kengo Naganuma	Trưởng nhóm, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
32	Ông Takashi Onuma	Phó Trưởng nhóm, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
33	Ông Hiroshi Nakano	Chuyên gia, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
34	Ông Yosuke Horie	Chuyên gia, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
35	Ông Fumiya Hayashi	Cán bộ	Công ty Nippon Koei
36	Ông Nguyễn Thanh Phương	Chuyên gia, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
37	Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên gia, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
38	Bà Nguyễn Thanh Thu	Điều phối Dự án, Nhóm Tư vấn	Nhóm chuyên gia JICA
<b>Khác</b>			
39	Bà Phạm Hồng Hạnh	Phiên dịch	
40	Bà Tô Thu Hương	Phiên dịch	

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Ghi chú:

**Bộ TN&MT** : Bộ Tài nguyên và Môi trường  
**Chi cục BVMT** : Chi cục Bảo vệ Môi trường  
**JICA** : Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản  
**Sở TN&MT** : Sở Tài nguyên và Môi trường  
**TCMT** : Tổng Cục Môi trường  
**Viện KHMT** : Viện Khoa học Môi trường

*Phụ lục 5:*

*Kết quả thảo luận tại các cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh (lần thứ nhất – lần thứ sáu)*



**(1) Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất trong tháng 09/2016**

Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất được tổ chức ngày 09/09/2016 tại lưu vực sông Đồng Nai, và ngày 28/09/2016 tại lưu vực sông Cầu. Kết quả thảo luận của những cuộc họp này được tóm tắt tại Bảng 1 và Bảng 2.

**Bảng 1 Kết quả thảo luận tại cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất - lưu vực sông Đồng Nai**

Thời gian	Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất tại lưu vực sông Đồng Nai (Ngày 09/09/2016: Tại phòng họp, Khách sạn Becamex Hotel (Thành phố Thủ Dầu Một))	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"><li>- Mối liên hệ giữa quá trình thiết lập Kế hoạch QLMTNLVS và xây dựng dự thảo Thông tư</li><li>- Tầm nhìn và mục tiêu, phân vùng và tiêu chuẩn chất lượng môi trường nước xung quanh, và hệ thống quan trắc tại lưu vực sông Đồng Nai</li><li>- Giám sát tiến độ các hoạt động của Nhóm công tác nội tỉnh và Chương trình Tập huấn Tổng thể</li></ul>	
Ý kiến góp ý và Đề xuất chính		Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
1) JET chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động DATĐ tại các địa phương. Sự hợp tác giữa JET và các Sở TNMT là rất cần thiết, đảm bảo kết quả Kết quả của DATĐ. Vì vậy, cần thiết phải làm rõ trách nhiệm của Sở TNMT. Mặt khác, các sở TNMT và Bộ TNMT đóng vai trò chủ chốt trong thực hiện Dự án trong khi JET hay đơn vị thầu phụ đóng vai trò hỗ trợ và tư vấn. Những kết quả chính của dự án là kết quả hoạt động của phía Việt Nam.		1) JET và đối tác Việt Nam cần xác định rõ ràng hơn trách nhiệm của Sở TNMT/Chi cục BVMT đối với các hoạt động dự án nói chung và dự án thí điểm nói riêng.
2) Các hoạt động trong khuôn khổ dự án thí điểm cần có mối quan hệ chặt chẽ với 4 thông tư mục tiêu. Đặc biệt, những hoạt động liên quan tới xây dựng Thông tư – 2 về đánh giá sức chịu tải cần được giải trình rõ ràng hơn và trao đổi chặt chẽ hơn với phía Cục QLCT&CTMT.		2) Sự phối hợp chặt chẽ giữa JET và TCMT đóng vai trò rất quan trọng, đảm bảo hoạt động DATĐ hỗ trợ các cơ quan trung ương hiệu quả hơn khi xây dựng thông tư.
3) Cục QLCT&CTMT/Viện KHMT chịu trách nhiệm xây dựng các thông tư, JET chịu trách nhiệm thực hiện DATĐ. Dự án được thiết kế nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam giải quyết những vấn đề quan trọng trong xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật. Cơ quan trung ương chịu trách nhiệm ban hành văn bản pháp luật trong khi cơ quan địa phương thực thi những quy định này.		3) Nội dung của từng dự thảo thông tư được đề xuất dựa trên những vấn đề còn tồn tại theo đánh giá của Chính phủ Việt Nam, ở cả cấp trung ương và địa phương. Do đó, DATĐ cần được thực hiện song song với hoạt động xây dựng thông tư nhằm nhận định rõ các thách thức và khó khăn ở các cấp quản lý hành chính. Bên cạnh đó, Cục QLCT&CTMT cần bố trí thêm thời gian và nguồn lực cần thiết để nắm rõ hơn các hoạt động dự án thí điểm - theo ý kiến của các Sở TNMT. Cục QLCT&CTMT chịu trách nhiệm xây dựng thông tư 2,3, và 4, trong khi dự án thí điểm có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động xây dựng dự thảo thông tư.
4) Trong quá trình xây dựng thông tư, cần bố trí thời gian để đại diện từ các lưu vực sông gặp gỡ và chia sẻ ý kiến, từ đó đảm bảo tính khả thi của Thông tư tại Việt Nam.		4) Các cuộc họp TF và Chương trình tham quan học tập là cơ hội tốt để trao đổi ý kiến và tăng cường mối quan hệ giữa các đơn vị liên quan.
5) Để đảm bảo các thông tư được xây dựng trong khuôn khổ Dự án sẽ được thực thi hiệu quả trong thực tế, nắm rõ năng lực của các sở TNMT là rất cần thiết trong quá trình xây dựng dự thảo thông tư.		5) Đánh giá năng lực sẽ được thực hiện định kỳ.
6) Cần rà soát các văn bản pháp luật nhằm tránh sự trùng lặp quy định, quá trình xây dựng dự thảo văn bản cần có sự tham gia của tất cả các bên, đối tượng liên quan.		6) JET đã tiến hành rà soát pháp lý và thể chế liên quan tới Thông tư 1, 2, 3, và 4.
7) Phía đối tác Việt Nam và JET cần nghiêm túc cân nhắc và xem những ý kiến từ phía Bộ TNMT/Sở TNMT tại cuộc họp là định hướng cho hoạt động dự án trong thời gian tới. Sự thống nhất giữa các hoạt động dự án thí điểm và xây dựng thông tư là rất quan trọng và cần được thảo luận, đi tới đồng thuận sớm.		7) Cục QLCT&CTMT cần đề xuất các thông tư mục tiêu vào Kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật trong năm 2017-2018. Tiến độ thực tế chậm hơn một chút so với kế hoạch, do vậy, Cục QLCT&CTMT/Viện KHMT cần giám sát chặt chẽ tiến độ các hoạt động. Những vấn đề còn tồn tại cần được thảo luận và cùng giải quyết.
8) Từ đầu dự án tới giai đoạn tập huấn, Sở TNMT Bình Dương và Sở TNMT Đồng Nai luôn chia sẻ trực tiếp kỳ vọng, nhu cầu, những kỹ năng và kiến thức còn hạn chế. Từ đó, JET có thể hiểu và hỗ trợ thực hiện các hoạt động theo kỳ vọng từ phía đối tác.		8) JET đã xây dựng chương trình tập huấn tổng thể nhằm tăng cường năng lực. Chương trình này sẽ được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo tích hợp nội dung của dự thảo các thông tư vào hoạt động tập huấn.

<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>
<p>9) Qua các cuộc họp giữa JET với các sở TNMT mục tiêu và TCMT, phía đối tác Việt Nam đã nhận thấy một số lợi ích từ tham gia dự án này, đặc biệt là từ tập huấn kỹ thuật. Quá trình xây dựng thông tư – 2 về đánh giá sức chịu tải liên quan chặt chẽ tới tình hình thực tế tại lưu vực sông Đồng Nai. Các sở TNMT trực tiếp liên hệ với đơn vị thầu phụ để tham gia khảo sát thực địa, làm việc trực tiếp nhằm nắm được phương thức tính toán tải lượng ô nhiễm và xây dựng Kiểm kê nguồn ô nhiễm (PSI).</p> <p>Các Sở TNMT mong muốn tăng cường nội dung tập huấn, đồng thời, đánh giá cao những nỗ lực từ phía Dự án nhằm đáp ứng nguyện vọng của Sở TNMT trong điều kiện thời gian và nguồn lực giới hạn.</p> <p>10) Sở TNMT Bà Rịa - Vũng Tàu mong muốn Dự án tăng cường các khóa tập huấn cho cán bộ tại địa phương.</p>	<p>9) Tài liệu tập huấn cần được chia sẻ tới các Sở TNMT trước khi tập huấn, và phản ánh ý kiến góp ý từ các Sở TNMT, đảm bảo tính gắn kết và phù hợp với hoạt động của mỗi sở TNMT.</p> <p>10) JET sẽ tổ chức tập huấn riêng tại Sở TNMT Bà Rịa – Vũng Tàu, tương tự như các sở TNMT khác</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 2 Kết quả thảo luận tại cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ nhất- lưu vực sông Cầu**

<b>Thời gian</b>	Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh tại lưu vực sông Cầu lần thứ nhất (Ngày 28/09/2016: Tại phòng họp, KS Mường Thanh, Bắc Giang)	
<b>Chủ đề thảo luận</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác nhận khái niệm và mục đích cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh; Thảo luận những vấn đề còn tồn tại trong công tác QLMTNLVS và đóng góp từ Dự án</li> <li>- Thảo luận về mối liên hệ giữa quá trình thiết lập Kế hoạch QLMTNLVS và xây dựng dự thảo Thông tư</li> <li>- Giám sát tiến độ Dự án thí điểm (DATĐ)</li> </ul>	
<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>	
<p>1) Liên quan tới QLMTNLVS, thể chế hóa cơ chế điều phối, thông qua Thông tư – 1, là cần thiết. Bên cạnh đó, mạng lưới quan trắc cấp lưu vực sông cần được lập, phân cấp rõ ràng cho đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện. Thêm nữa, nguồn tài chính là điều kiện tiên quyết khi thực thi các quy định, vì thế cần được quy định cụ thể trong Thông tư, như: từ Quỹ Bảo vệ Môi trường, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, v.v... Từ đó, các địa phương có cơ sở để thực thi.</p> <p>2) Ủy ban Bảo vệ môi trường tại lưu vực sông không có thẩm quyền thúc đẩy sự cam kết và hoạt động của các địa phương. Trong dự thảo thông tư, trách nhiệm, các hoạt động bắt buộc thực hiện của mỗi Sở TNMT, mỗi tỉnh cần được quy định nhằm đảm bảo thực thi cơ chế điều phối hiệu quả.</p> <p>3) Thông tư – 3 về Kiểm kê nguồn ô nhiễm cần định nghĩa cụ thể việc phân loại nguồn thải theo quy mô (lớn, nhỏ). Trong hoạt động tập huấn, tải lượng và nồng độ ô nhiễm cần được hướng dẫn cụ thể do đây là tiêu chí cần thiết trong PSI. Bên cạnh đó, phương pháp thực hiện PSI tại Việt Nam và Nhật Bản có những khác biệt nhất định, đặc biệt trong phương thức đánh giá nguồn thải phân tán.</p> <p>4) Khó khăn cơ bản về mặt kỹ thuật trong Kiểm kê nguồn ô nhiễm là chưa có định nghĩa cụ thể về nguồn ô nhiễm. Trong quá trình xây dựng thông tư, thảo luận chi tiết với các đơn vị, bộ ngành liên quan là hết sức cần thiết. Trong Thông tư-2, cần thiết phải thảo luận với Bộ TNMT về phương pháp tính toán tải lượng ô nhiễm của nguồn thải dạng diện.</p> <p>5) Cơ chế điều phối và chia sẻ thông tin và điểm yếu chung của tất cả các địa phương tại Việt Nam. Cơ chế điều phối cần được quy định một cách hiệu quả.</p>	<p>1) Việc ban hành thông tư về cơ chế điều phối còn chưa có đủ cơ sở pháp lý. Vấn đề này cần được thảo luận thêm trong thời gian tới.</p> <p>2) Mỗi sở TNMT sẽ rà soát tiến độ dự án thí điểm, đặc biệt là nội dung chương trình tập huấn, sự phù hợp giữa chương trình tập huấn và nhu cầu của địa phương, từ đó đưa ra những đề xuất cụ thể và rõ ràng về hoạt động này tới JET. Đối với quy định về cơ chế điều phối trong QLMTNLVS, mỗi sở TNMT có trách nhiệm xem xét những đề xuất từ Dự án có đáp ứng được những kỳ vọng từ địa phương hay chưa.</p> <p>3) Các vấn đề gặp phải trong hoạt động thầu phụ cần được thông báo tới JET, định nghĩa về quy mô nguồn ô nhiễm, mẫu PSI cho các nhóm ngành, v.v... Cục QLCT&amp;CTMT cần đưa ra khái niệm về nguồn thải lớn/nhỏ. Về cơ bản, thông tư 3 tập trung quy định về nguồn thải dạng điểm. Cục QLCT&amp;CTMT nên hợp tác chặt chẽ với JET trong xây dựng dự thảo Thông tư về Kiểm kê nguồn ô nhiễm, xây dựng khung nội dung và thực hiện các hoạt động kỹ thuật. Nội dung của Thông tư: định nghĩa nguồn ô nhiễm, mục đích, trách nhiệm của các đối tượng liên quan, các công thức tính toán sử dụng tải lượng hoặc nồng độ ô nhiễm, v.v...</p> <p>4) Công việc thực tế và những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động Kiểm kê nguồn ô nhiễm cần được thảo luận với đơn vị thầu phụ. Cần tổ chức một hội thảo về nguồn thải ô nhiễm tại lưu vực sông Cầu nhằm đưa ra và thống nhất về khái niệm nguồn thải lớn, và mẫu PSI.</p> <p>5) Dự án dự kiến hỗ trợ các tỉnh tại LVS Cầu nhằm cải thiện tình trạng hiện nay. Các cơ quan liên quan cần thảo luận trên cơ sở chia sẻ trách nhiệm, ban hành một thông tư mới về cơ chế điều phối không thật sự dễ dàng và khả</p>	

<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>thi.</b> <b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>
<p>6) Tại tỉnh Bắc Ninh, dữ liệu chưa được tổng hợp thành hệ thống mà phân tán tại các phòng, ban hoặc sở khác, gây khó khăn trong tổng hợp và phân tích số liệu. Bộ TNMT vừa ban hành một thông tư về chia sẻ thông tin, do vậy, đưa ra một Thông tư mới cũng về chia sẻ thông tin tại thời điểm này không thật hợp lý.</p> <p>7) Chương trình tập huấn tổng thể cần được rà soát lại, chuyên gia Việt Nam nên được huy động để thực hiện hoạt động tập huấn này, bên cạnh các chuyên gia Nhật Bản, do chương trình tập huấn là một trong những hợp phần quan trọng của Dự án.</p> <p>8) Về phương pháp tập huấn: thời gian tập huấn lý thuyết nên được cắt giảm trong khi thời gian thực hành/làm việc tại thực địa cần được tăng lên do hầu hết đối tượng tập huấn đều có nền tảng kiến thức trong lĩnh vực môi trường. Đồng thời, thời gian tập huấn về mô hình mô phỏng cần được kéo dài hơn.</p>	<p>6) Cần định nghĩa cụ thể loại thông tin, dữ liệu, thời gian thu thập, phân loại thông tin: Loại thông tin nào được phép công bố, loại thông tin nào được sử dụng cho mục đích quản lý, trách nhiệm của đối tượng cung cấp thông tin. Phạm vi của thông tin cần bao trùm cấp lưu vực sông, hoặc những thông tin cơ bản về môi trường.</p> <p>7) Những khó khăn thực tế trong công tác quản lý lưu vực sông tại các Sở TNMT cần được thảo luận và tìm ra phương hướng giải quyết tại các buổi tập huấn.</p> <p>8) JET cần cân nhắc cải thiện hơn nữa các khóa tập huấn, ý kiến đóng góp về thời gian tập huấn mô hình mô phỏng sẽ được chuyển đến chuyên gia chịu trách nhiệm và sẽ có những điều chỉnh tương ứng.</p> <p>Các sở TNMT cần rà soát chương trình tập huấn và đưa ra ý kiến góp ý cụ thể về nội dung, hình thức tập huấn, thông tin tham khảo, chuyên gia tập huấn, và phương thức tổ chức bằng văn bản, gửi về Cục QLCT&amp;CTMT, Viện KHMT, Dự án JICA. Cục QLCT&amp;CTMT sẽ tổng hợp tất cả các ý kiến này và đề nghị JET điều chỉnh chương trình tập huấn cho phù hợp.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

## (2) Cuộc họp nhóm liên tỉnh lần thứ hai trong tháng 3 năm 2017

Cuộc họp nhóm liên tỉnh lần thứ hai được tổ chức ngày 21 tháng 3 năm 2017 tại lưu vực sông Cầu và ngày 24 tháng 3 năm 2017 tại lưu vực sông Đổng Nai. Nội dung thảo luận tại cuộc họp nhóm liên tỉnh được tóm tắt trong Bảng 3 và Bảng 4

**Bảng 3 Kết quả thảo luận họp nhóm liên tỉnh lần thứ hai lưu vực sông Cầu**

<b>Thời gian</b>	Họp nhóm liên tỉnh lần thứ hai tại lưu vực sông Cầu (21/3/2017: Khách sạn Candle)
<b>Chủ đề thảo luận</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tiến độ và kết quả hoạt động tập huấn và công việc hợp đồng phụ trong hoạt động DATĐ,</li> <li>- Thảo luận về các hành động được phối hợp cần thiết như cách xây dựng sự đồng thuận về phân bổ hạn mức xả thải, lập kế hoạch kiểm soát ô nhiễm ở cấp lưu vực sông với ví dụ về kết quả dự thảo của hoạt động DATĐ,</li> <li>- Báo cáo tiến độ kiểm tra khung Thông tư 2 và Thông tư 3,</li> <li>- Giải thích các vấn đề được xác định để giải quyết về sự phối hợp liên tỉnh liên quan đến Thông tư-2 và 3, và dự thảo đề xuất trong khuôn khổ đề xuất của Thông tư-2 và Thông tư-3, và Thảo luận về các chủ đề do các thành viên TF trình bày</li> </ul>
<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>
<p>Một số nội dung của dự thảo Thông tư cần được xác định rõ ràng. Ví dụ: Về đánh giá tải lượng ô nhiễm, trách nhiệm của chính quyền địa phương / tỉnh là gì và mục đích của công việc này là gì? Nếu nó dành cho mục đích quản lý, làm thế nào để phân bổ trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước và địa phương?</p> <p>Thông tin / dữ liệu cho mô hình mô phỏng và tính toán phải được làm rõ rõ ràng với loại và mức độ dữ liệu cần thiết cũng như trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc giám sát quá trình thu thập dữ liệu.</p> <p>Dữ liệu môi trường được lưu trữ phân tán giữa các phòng ban khác nhau ở tỉnh Bắc Ninh. Sở TN&amp;MT Bắc Ninh đang xây dựng dự án cơ sở dữ liệu môi trường. Cơ sở dữ liệu này có thể bao gồm và cập nhật các báo cáo ĐTM và kiểm tra môi trường và kiểm tra các cơ sở kinh doanh và dịch vụ trong tỉnh, sẽ được hoàn thành vào cuối năm nay. Thông tư mới sẽ là cơ sở pháp lý để thực hiện cơ sở dữ liệu môi trường mới.</p> <p>Mục tiêu và nhu cầu xây dựng Thông tư đã được thảo luận và xác nhận với nhóm chuyên gia JICA trong quá trình thực hiện DATĐ.</p>	<p>Nhóm chuyên gia JICA sẽ thảo luận với các Sở TN&amp;MT mục tiêu để thảo luận chi tiết hơn và nhận được ý kiến cụ thể hơn sau cuộc họp TF. Nhóm chuyên gia JICA muốn giải thích thêm về xây dựng tải lượng ô nhiễm. Cần thảo luận và đưa ra thỏa thuận về cách thiết lập phân tích tải lượng ô nhiễm và vấn đề nào cần được thực hiện bởi cấp Sở TN&amp;MT và cấp trung ương. Các ý kiến cụ thể hơn về vấn đề tải lượng ô nhiễm từ Sở TN&amp;MT và TCMT dự kiến sẽ có được.</p>



Ý kiến góp ý và Đề xuất chính	Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>5) Quản lý làng nghề không hiệu quả. Luật sử dụng đất thúc đẩy xây dựng làng nghề. Tuy nhiên, các hoạt động làng nghề thường hoạt động trong đất làng nghề trong đó đất sử dụng cho mục đích dân cư không cho mục đích sản xuất. Do đó, việc cấp phép môi trường chưa được ban hành cho các cơ sở sản xuất hoặc sản xuất trong các khu vực làng nghề.</p> <p>6) Dự thảo thông tư nên xem xét ngân sách để thực hiện các hoạt động xây dựng và kiểm kê WDSI. Ngân sách nhà nước là cần thiết để Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng ngân sách sự nghiệp môi trường. Vì vậy, một thông tư khả thi đòi hỏi sự hợp tác của Bộ Tài chính ở giai đoạn xây dựng để thực tế và khả thi hơn.</p> <p>7) Cục QLTNN đã và đang phối hợp với dự án JICA, và TCMT xây dựng Thông tư 02 mới tốt hơn. Hướng dẫn giới thiệu điểm kiểm soát tải ô nhiễm cho tải lượng ô nhiễm là ý tưởng tốt. Điểm kiểm soát tải ô nhiễm có thể được áp dụng trong đó bước và cách xác định trong thuật ngữ kỹ thuật. Cần nghiên cứu sâu để quản lý lưu vực sông hiệu quả. Một trong những ví dụ điển hình để giới thiệu các điểm kiểm soát tải lượng ô nhiễm được xác định tại lưu vực sông Cầu trong dự án thí điểm.</p> <p>8) Thông tư mới cũng quy định rõ trách nhiệm của các ngành để duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu và cách chia sẻ Sở TN&amp;MT. Ví dụ: dữ liệu khí tượng và thủy văn sẽ được cung cấp hoặc mua cho Sở TN&amp;MT?</p>	<p>5) Dự thảo thông tư về xả nước thải tối thiểu bằng hoặc lớn hơn 50m<sup>3</sup> / ngày. Nhiều cơ sở trong làng nghề không bao gồm trong kiểm kê nguồn ô nhiễm mục tiêu. Tuy nhiên, có thông tư cho quản lý làng nghề. Nhóm chuyên gia JICA sẽ thảo luận với Sở TN&amp;MT cụ thể hơn về vấn đề này.</p> <p>6) Đồng ý có quy định cần thiết cho PSI ở cấp thông tư và nó phải phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành.</p> <p>7) Điểm kiểm soát xả thải gây ô nhiễm là khá quan trọng và đó là bước đầu tiên cho quá trình quản lý chất lượng nước. Sự khác biệt giữa ranh giới lưu vực sông và ranh giới hành chính cũng mang lại những khó khăn. Thảo luận về điểm kiểm soát với ủy ban lưu vực sông sẽ được tiến hành sau đó.</p>
<p>9) Các hoạt động của DATĐ đã được tiến hành ở cả lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn. Dự án JICA được yêu cầu tổ chức các cuộc họp kỹ thuật bao gồm đại diện của Sở TN&amp;MT và tài liệu họp kỹ thuật cần được gửi tới Sở TN&amp;MT trước để xem xét cho ý kiến.</p> <p>10) Cần nhấn mạnh Hướng dẫn kỹ thuật kèm theo trong Thông tư-2 đóng một vai trò quan trọng. Hướng dẫn này cần được xây dựng theo nội dung Thông tư-2 cũng như các khóa tập huấn nâng cao.</p> <p>11) Khung Thông tư-3 được xây dựng. Xây dựng Thông tư-3, cơ chế báo cáo từ Sở TN&amp;MT đến TCMT / Bộ TN&amp;MT và cập nhật và sử dụng nguồn ô nhiễm trong tỉnh được đề xuất trong Dự thảo thông tư-3. Thu thập và quản lý dữ liệu / thông tin trên địa bàn tỉnh và quy định các chủ sở hữu nguồn ô nhiễm (KCN, làng nghề ...) để báo cáo quản lý nhà nước tại địa phương đã được đề xuất trong dự thảo Thông tư-3.</p> <p>12) Dự án WB áp dụng TMDL để tính tải lượng ô nhiễm Lưu vực sông Nhuệ Đáy và sông Đồng Nai. Việc áp dụng mô hình MIKE tại lưu vực sông Nhuệ - Đáy có thể được hoàn thành trong tuần này bằng cách sử dụng dữ liệu thu thập và quan trắc. Kết quả của nó có thể được chia sẻ cho dự án QLMTNLVS sau này.</p> <p>13) Dự án cần giải thích rõ ràng hơn về mục đích tính toán tải lượng ô nhiễm, tiếp cận tải lượng ô nhiễm thay vì ô nhiễm nồng độ, nội dung thông tư cho các Sở TN&amp;MT.</p> <p>14) Nguyên tắc Pareto (quy tắc 80/20) nên được áp dụng trong WDSI, tập trung vào 20% nguồn ô nhiễm lớn nhất bao gồm 80% lượng nước thải. Việc tự giám sát được báo cáo bởi các nguồn ô nhiễm vẫn hữu ích do lượng thông tin / dữ liệu cập nhật lớn trên cơ sở dữ liệu WDSI. Vấn đề là tạo ra các báo cáo tự quan trắc đáng tin cậy hơn.</p> <p>15) Yêu cầu Nhóm chuyên gia JICA tiếp tục xây dựng nội dung và hướng dẫn của Thông tư. và hỗ trợ trong việc tổ chức các cuộc họp kỹ thuật và hội thảo để thảo luận và nhận được ý kiến. Thảo luận thêm với Sở TN&amp;MT có thể được tiếp tục bởi cuộc họp TF tiếp theo tại lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn.</p>	

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 4 Kết quả thảo luận họp nhóm liên tỉnh lưu vực lần thứ hai sông Đồng Nai**

Thời gian	Họp nhóm liên tỉnh lần thứ hai lưu vực sông Đồng Nai (24/3/2017: Khách sạn Đồng Nai)	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hoạt động tập huấn và họp đồng phụ làm hoạt động DATĐ với kế hoạch tương lai vào năm nay,</li> <li>- Báo cáo tiến độ kiểm tra khung Thông tư 2 và Thông tư 3,</li> <li>- Giải thích các vấn đề được xác định để giải quyết về sự phối hợp liên tỉnh liên quan đến Thông tư-2 và 3, và dự thảo đề xuất trong khuôn khổ đề xuất của Thông tư-2 và Thông tư-3, và</li> <li>- Thảo luận về tất cả các chủ đề do các thành viên TF trình bày.</li> </ul>	
Ý kiến góp ý và Đề xuất chính		Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<ol style="list-style-type: none"> <li>Trong Thông tư-2, mô tả về Kd, Hệ số suy thoái, quá chung chung. Cần đề cập rõ hơn về phương pháp luận để xác định Hệ số suy thoái cho từng khu vực nghiên cứu, để phù hợp với điều kiện tự nhiên của nó như địa chất, hoặc điều kiện khí tượng.</li> <li>Mô tả về phương pháp phân tích tải lượng ô nhiễm đối với các nguồn phi điểm là quá chung chung. Cần cung cấp thêm hướng dẫn chi tiết.</li> <li>Đề dự đoán chất lượng nước trong tương lai, cần xem xét các tác động của biến đổi khí hậu.</li> <li>Thông tư-2 có xem xét cơ chế giao dịch để quản lý hạn ngạch xả thải không?</li> <li>Các hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến Thông tư-2 đã chỉ cung cấp lý thuyết chung. Không có hướng dẫn chi tiết, Sơ TN&amp;MT không thể thực hiện tính toán khả năng tải. Hướng dẫn phải có thông tin chi tiết hơn.</li> </ol>		<ol style="list-style-type: none"> <li>Kd (Hệ số suy thoái) sẽ được cập nhật trong Hướng dẫn kỹ thuật trong phiên bản tiếp theo.</li> <li>Các đơn vị tải lượng ô nhiễm cho các nguồn diện được giới thiệu trong Hướng dẫn kỹ thuật. Chi tiết hướng dẫn làm thế nào để tính toán tải lượng ô nhiễm được trình bày trong tài liệu đáp ứng thách thức. Vào tháng Tư, nhóm mô hình mô phỏng sẽ tính toán khả năng tải và kết quả sẽ được chia sẻ với đối tác.</li> </ol>
<ol style="list-style-type: none"> <li>Nhiều bước tính toán trong Hướng dẫn kỹ thuật được giao trách nhiệm cho các tỉnh. Các bước tính toán này nên cụ thể và có hệ thống nhất có thể để đảm bảo sự thống nhất giữa các tỉnh.</li> <li>Dự án nhằm mục đích ước tính tải lượng ô nhiễm của một lưu vực sông rất lớn của Đồng Nai - Sài Gòn, trong khi số lượng WWDS trực tiếp xả ra sông lớn là rất nhỏ. Hàng ngàn nguồn khác đổ vào các nhánh, kênh rạch. Với đặc điểm này của các tỉnh, tốt hơn là tập trung Hướng dẫn kỹ thuật đánh giá tải lượng ô nhiễm của các con kênh, kênh nhỏ, như đoạn sông 10 km với 10 nhánh, hướng dẫn cách ước tính tải lượng ô nhiễm từ 10 các nhánh / suối sẽ có hiệu quả hơn đối với cấp tỉnh.</li> <li>Hệ số phương trình tự làm sạch đường như được áp dụng cho dòng sông không bị ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều. Khu vực Đồng Nai - Sài Gòn như thế nào?</li> <li>Hệ thống lưu vực sông Đồng Nai rất phức tạp. Cách tiếp cận tốt nhất là bắt đầu công việc cùng lúc với việc xem xét và cải thiện kết quả. Từng bước tiếp cận có thể được áp dụng: đầu tiên, kiểm soát xả, thứ hai, kiểm soát tải lượng ô nhiễm, cuối cùng, xem xét giới thiệu các công cụ hạn ngạch xả. Dự án JICA nên xem xét và đề xuất kết quả phù hợp. Chỉ có hai cuộc họp TF đã được tổ chức, trước khi ban hành Thông tư, cần có nhiều Hội thảo khác để thảo luận thêm. Trong quá trình này, chúng tôi có thể điều chỉnh việc xây dựng Thông tư để thực tế hơn.</li> <li>Ước tính hạn ngạch xả thải chỉ dựa trên mô hình và lượng xả (&gt; 50m<sup>3</sup>). TPHCM đóng góp tới 30% GDP quốc gia. Nếu áp dụng hạn mức này cho TP HCM, nó sẽ là một gánh nặng quá lớn đối với sự xây dựng của TP.HCM. Do đó, TP HCM đề xuất không điều chỉnh hạn mức xả thải này cho từng tỉnh. Nó sẽ ảnh hưởng lớn đến sự xây dựng kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh. Hạn ngạch xả thải có thể được đưa ra như là khuyến nghị cho mỗi tỉnh thay vì quy định của Thông tư. Mỗi tỉnh sẽ lựa chọn biện pháp đối phó phù hợp với tải lượng ô nhiễm hiện tại từ mỗi ngành. Sơ TN&amp;MT TPHCM sẽ bổ sung ý kiến này là một ý kiến chính thức khi nhận được Thông tư dự thảo chính thức từ Bộ TN&amp;MT.</li> </ol>		<ol style="list-style-type: none"> <li>Trong Thông tư-2, sức chịu tải được sử dụng, là phương pháp dựa trên khoa học để ước tính tải lượng của một lưu vực sông, dựa trên tiêu chuẩn môi trường hành chính trong QCVN, không có khả năng duy trì sức khỏe môi trường / hệ sinh thái. Khía cạnh này rất khó tính toán.</li> </ol>

Ý kiến góp ý và Đề xuất chính	Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>11) Luôn luôn có một khoảng cách giữa ước tính tải lượng ô nhiễm và giá trị thực. Nó sẽ cần ước tính dòng chảy của sông, cũng như xả từ các nhà máy, lưu lượng xả sẽ thay đổi theo ngày, theo mùa, giữa giấy phép và thực tế. Trong mô hình, có các hệ số để hiệu chỉnh các giá trị này cho phù hợp với dữ liệu quan trắc. Vì vậy, kết quả sẽ được chấp nhận. Ngoài ra, trong quá trình tính toán, có một yếu tố an toàn cho lỗi trong ước tính. ENTEC sẽ tiếp tục cộng tác Nhóm chuyên gia JICA để đề xuất các kết quả phù hợp nhất.</p> <p>12) Nhóm chuyên gia JICA khuyến nghị thiết lập lượng nước thải tối thiểu của các cơ sở mục tiêu để xây dựng kiểm kê là 50m<sup>3</sup> / ngày. Tuy nhiên, các nguồn thải nước thải (WWDS), trong đó lượng nước thải nhỏ hơn 50 m<sup>3</sup> / ngày nhưng cũng thải ra các chất độc hại, cũng nên được nhắm tới.</p> <p>13) Không sử dụng dữ liệu từ các báo cáo thường xuyên về nguồn phóng điện. Dữ liệu này thường là dữ liệu giả, hoặc các mẫu đã được pha loãng. Họ luôn đạt tiêu chuẩn môi trường / QCVN. Tốt hơn là sử dụng dữ liệu từ các báo cáo kiểm tra.</p> <p>14) Lựa chọn nguồn xả 50m<sup>3</sup> / ngày là đủ tốt để kiểm soát ba phần tư nguồn thải, và 98% lượng xả. Nếu số lượng xả 5 m<sup>3</sup> / ngày được chọn, theo bài trình bày của Nhóm chuyên gia JICA. Khi chúng ta thiết lập WWDS mục tiêu, cần xem xét năng lực thực sự của nguồn nhân lực cho công việc kiểm kê. Vì có giới hạn nguồn lực, không phải tất cả WWDS đều có thể được nhắm mục tiêu. Theo lý thuyết Pareto của 80-20, nếu chúng ta có thể kiểm soát 80% lượng xả từ 20% nguồn ô nhiễm, nó sẽ là đủ.</p>	<p>12) Luật tài nguyên nước quy định các cơ sở có lượng xả hơn 5m<sup>3</sup> / ngày nên có giấy phép xả thải. Làm thế nào để xem xét số tiền này so với Luật bảo vệ môi trường?</p>
<p>15) Như các WWDS độc hại, chế biến tinh bột sắn, sản xuất các sản phẩm cao su, nhuộm, hóa chất, v.v... cần được xử lý như mục tiêu của Thông tư-3.</p> <p>16) Nghị định số 25/2013 / BTNMT quy định phí bảo vệ môi trường đối với xả nước thải đã được thay thế Nghị định số 154/2016 / BTNMT. Nó có hiệu lực từ năm 2017. Dự án sẽ xem xét vấn đề này cho Thông tư-3.</p> <p>17) Chỉ có vài trăm cơ sở có thể được kiểm tra hàng năm. Nó sẽ không thể hiện đủ số lượng ô nhiễm từ toàn bộ lưu vực. Mỗi tỉnh có thể xây dựng các báo cáo chuyên đề bổ sung nếu cần thêm dữ liệu mỗi năm.</p> <p>18) Sở TN&amp;MT Bình Dương có dự án điều tra tiếp nhận sức chịu đựng, phối hợp với Viện Khí tượng Thủy văn. Thông tin thêm có thể được chia sẻ với Nhóm chuyên gia JICA, TCMT trong các cuộc họp bổ sung mà không có nhân viên kỹ thuật.</p> <p>19) Phân tích tải lượng ô nhiễm đã được thực hiện tại TP. HCM, trong số 7 chương trình chính về giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Kiểm soát nguồn thải là một nhiệm vụ quan trọng. Tại TP. HCM, WDSI được triển khai cho WWDS từ 10m<sup>3</sup> / ngày. Tổng cộng, khoảng 3300 WWDS trong thể loại này, bao gồm 2670 nguồn thải công nghiệp. Cơ sở dữ liệu WDSI này có thể được chia sẻ với Dự án. Trong khi đó, nếu chỉ nhắm mục tiêu WWDS là 50m<sup>3</sup> / ngày thì chỉ có khoảng 300 WWDS thuộc loại này. Nó có thể gây ra lỗi lớn khi tính toán tải lượng ô nhiễm, trong trường hợp thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>20) Tại TP. HCM, tải lượng ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt có ảnh hưởng lớn nhất đến lưu vực sông. Thông số Coliform vượt QCVN ở mức rất cao. Trong mô hình WQI, nếu tham số Coliform được đặt ở tiêu chuẩn 5000, kết quả WQI rất tốt, nhưng nếu Coliform được đặt ở kết quả giám sát hơn 10000, nhiều vùng sẽ được đổi thành màu đỏ báo động. Coliform chủ yếu là từ các nguồn trong nước.</p>	

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

### (3) Cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh lần thứ ba trong tháng 6 năm 2017

Cuộc họp nhóm liên tỉnh lưu vực sông Đồng Nai được tổ chức ngày 23 tháng 6 năm 2017 và họp nhóm liên tỉnh lưu vực sông Cầu ngày 29 tháng 6 năm 2017. Kết quả thảo luận tại các cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh này được tóm tắt tại Bảng 5 và Bảng 6.

**Bảng 5 Kết quả thảo luận họp nhóm liên tỉnh lần thứ ba lưu vực sông Đồng Nai**

Thời gian	Cuộc họp nhóm liên tỉnh lần thứ ba tại lưu vực sông Đồng Nai (23/06/2017: Khách sạn Sài Gòn)	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát và kiểm tra các hoạt động DATĐ liên quan đến kết quả dự kiến tính toán sức chịu tải và phân bổ hạn ngạch xả thải dựa trên khoa học,</li> <li>- Tạo thuận lợi cho việc phối hợp liên tỉnh để xây dựng dự thảo thông tư,</li> <li>- Chia sẻ bài học và học hỏi về các hoạt động dự án cho dự thảo thông tư xây dựng thu được thông qua ATC,</li> <li>- Thảo luận về kết quả mong đợi của Kết quả-3, và</li> <li>- Thảo luận về các chủ đề liên quan khác do các thành viên TF nêu ra.</li> </ul>	
Ý kiến góp ý và Đề xuất chính		Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
1) WDSI đã kết thúc. Trong khi kết quả được gửi đến Sở TN&MT, việc cập nhật các kết quả này lên cơ sở dữ liệu Sở TN&MT phụ thuộc vào từng ý định / điều kiện của từng tỉnh. 2) Kết quả tính sức chịu tải dự kiến và sẽ được hoàn thành vào tháng tới. Không có khảo sát bổ sung nào được tiến hành. Tính toán dựa trên việc thu thập dữ liệu thứ cấp 3) Các kịch bản giảm được xây dựng từ phương pháp tiếp cận lý thuyết dựa trên các kế hoạch liên quan hiện có. Tháng tới, Nhóm chuyên gia JICA sẽ tham khảo ý kiến của Sở TN&MT về vấn đề này.		1) Sở TN&MT nên xem xét WDSI từ dự án để xem đối tác có thể sử dụng điều đó để cập nhật cơ sở dữ liệu của mình hay không.
1) Bình Dương đã đồng ý với phương pháp tiếp cận hoạt động DATĐ ở Bình Dương bao gồm WDSI và tính sức chịu tải từ Nhóm chuyên gia JICA và đề xuất một số ý tưởng: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Do ngân sách hạn chế, tính toán dựa trên lý thuyết hệ số Đơn vị tải lượng ô nhiễm / nguồn xả chủ yếu, không phải từ lấy mẫu trực tiếp. Trong khi Đơn vị tải lượng ô nhiễm được giới thiệu từ kinh nghiệm quốc tế, nó có thể không phù hợp với Việt Nam. Ví dụ, tại Đơn vị tải lượng ô nhiễm ở Bình Dương, tải lượng ô nhiễm từ nguồn trong nước đã được tính toán lớn hơn so với nguồn công nghiệp? Bình Dương đã hỏi ý kiến của nhóm chuyên gia JICA và họ xác nhận cho thấy cách hiệu chỉnh hệ số Đơn vị tải lượng ô nhiễm / nguồn xả để làm cho chúng phù hợp hơn với điều kiện thực tế ở Bình Dương.</li> <li>• Tại Bình Dương, khoảng 50 nguồn đã được điều tra trong WDSI, và 200 bảng câu hỏi đã được gửi đến các cơ sở. Trong bối cảnh của DATĐ, chúng tôi không kỳ vọng sẽ tạo ra PSI cho 10000 cơ sở ở Bình Dương.</li> <li>• Nhóm chuyên gia JICA mô phỏng mô hình chất lượng nước không liên quan đến Bình Dương trong quá trình phát triển. Sau khi tính toán bởi Nhóm chuyên gia JICA / các nhà thầu phụ, Nhóm chuyên gia JICA đã cung cấp chương trình tập huấn để giúp các cán bộ Sở TN&amp;MT hiểu, chạy các công cụ cơ bản trong các mô hình mô phỏng.</li> <li>• Bình Dương đánh giá cao nỗ lực của Nhóm chuyên gia JICA nhằm cung cấp một chương trình tập huấn đặc biệt cho Bình Dương. Mặc dù tập huấn dành cho toàn bộ lưu vực sông, mỗi tỉnh có năng lực khác nhau. Do đó, chương trình tập huấn nên khác nhau. Chúng tôi lắng nghe phản hồi, theo kết quả của các cán bộ của chúng tôi, những người đã tham dự khóa tập huấn. Việc tập huấn chưa hoàn thành nên vẫn chưa ý kiến về hiệu quả của nó, tuy nhiên, chúng tôi tin rằng việc tập huấn đã nâng cao kiến thức về đánh giá năng lực tải. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng không thể xây dựng mô phỏng mô hình thông qua một khóa tập huấn. Tại Bình Dương, chúng tôi đã thuê một giáo sư đại học để cung cấp nội dung tập huấn cơ bản về mô hình mô phỏng với chi phí 50 triệu đồng để chuẩn bị kiến thức cơ bản cho đội ngũ nhân viên của chúng tôi về tập huấn JICA.</li> </ul>		4) Phương pháp từ Nhóm chuyên gia JICA sẽ được xem xét. Trong dự án Việt Nam, tất cả các bản câu hỏi cần tem để chứng minh tính xác thực của nó. ATC: nên phản ánh các phương pháp thu thập dữ liệu, lựa chọn mô hình, cách đánh giá kết quả mô hình ở cuối. Nhóm chuyên gia JICA xem xét giới thiệu phương pháp thu thập dữ liệu để đảm bảo tính chính xác. Ban QLDA & Nhóm chuyên gia JICA nên lắng nghe ý kiến của Sở TN&MT và cải thiện các hoạt động của dự án trong thời gian tới. Kết quả cần xác nhận của các nhà lãnh đạo Sở TN&MT. Sở TN&MT sẽ tham gia xây dựng các kịch bản giảm xây dựng các kế hoạch hành động cho QLMTNLVS và cho từng tỉnh. Bước này sẽ được xem xét cẩn thận trước khi đưa ra khuyến nghị. Kết quả DATĐ nên xem xét / xem xét các nguồn dữ liệu. Hướng dẫn kỹ thuật là rất quan trọng để giúp các Sở TN&MT và các công ty tư vấn trong tương lai. Đề nghị ông Ichiro Adachi làm việc trực tiếp và chặt chẽ với tất cả các Sở TN&MT vào tháng Bảy, tháng Tám, để xem xét lại các thủ tục, phương pháp luận, mẫu khảo sát câu hỏi. Ông yêu cầu Bộ TN&MT xây dựng kế hoạch chi tiết với các tỉnh để xem xét từng nội dung: WDSI, khả năng tải, phân bổ hạn ngạch xả. Dữ liệu cần được chia sẻ và tiết lộ cho mỗi tỉnh. Nhóm chuyên gia JICA nên dành vài ngày ở mỗi tỉnh để giải thích cho cán bộ quản lý và cán bộ Sở TN&MT, với họ để đánh giá kết quả DATĐ, độ chính xác của dữ liệu đầu vào, thông số mô hình, vv Hoạt động này cần được báo cáo cho Ban QLDA. Sở TN&MTs nên hợp tác với Nhóm chuyên gia JICA để xem xét dữ liệu đầu vào, để đánh giá tính phù hợp của nó đối với công việc của bạn? Các dữ liệu cục bộ khác cần được bổ sung. Sở TN&MT nên làm việc với Nhóm chuyên gia JICA để tạo ra bộ dữ liệu phù hợp nhất để đánh giá sức chịu tải.

<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>
<p>5) Sở TN&amp;MT Bình Dương sẽ không chấp nhận con số đó, đây là tính toán lý thuyết cho tập huấn, vì sở hiểu rằng Nhóm chuyên gia JICA không có đủ dữ liệu để tính toán, ước tính chủ yếu từ Đơn vị tải lượng ô nhiễm, nó cho thấy không có bằng chứng cho thấy ước lượng sẽ chính xác và phản ánh thực tế.</p> <p>6) Lãnh đạo Sở TN&amp;MT BR-VT muốn tổ chức tập huấn tại BR-VT để tạo cơ hội học tập cho nhiều nhân viên tại BR-VT. Tuy nhiên, trong một số khóa tập huấn, nhân viên kỹ thuật bận rộn với các nhiệm vụ khác và không thể tham dự như mong muốn.</p> <p>7) Tại TP.HCM, đã có nhiều dự án để tính toán khả năng tải. Đối với mô phỏng mô hình, kết quả phụ thuộc rất nhiều vào dữ liệu đầu vào, kết quả của các dự án này tương tự ở TP. HCM. Vì vậy, nếu chúng ta không thể sử dụng kết quả mô hình từ dự án vì nó là quy mô lưu vực sông, như Bình Dương, TP. HCM muốn học kiến thức kỹ thuật từ Nhóm chuyên gia JICA về cách sử dụng mô hình.</p> <p>8) Sở TN&amp;MT Đồng Nai muốn tìm hiểu về phương pháp luận hơn là nhận kết quả dự án. Sở hiểu MIKE là một mô hình rất chuyên nghiệp, sở không có ý định chạy mô hình từ khóa tập huấn, nhưng họ quan tâm đến a) phương pháp đánh giá kết quả mô hình, b) có nhiều mô hình để phù hợp nhất với mục đích của chúng tôi ?, và c) cách phát triển các kế hoạch hành động dựa trên kết quả mô hình?</p>	
<p>9) Các sở TN&amp;MT phía Nam đã bắt đầu các hoạt động về tính toán khả năng tải khá sớm, so với các sở TN&amp;MT khác ở Việt Nam. Dự án này nhằm mục đích giới thiệu khả năng tải trọng phù hợp nhất cho toàn bộ Việt Nam. Nhóm chuyên gia JICA hiểu mô phỏng tình trạng hiện tại rất khó và kết quả chính xác hơn đòi hỏi dữ liệu lấy mẫu. Tuy nhiên, đối với việc phát triển Thông tư, cần được đơn giản hóa. Dự án không thể tổ chức lấy các mẫu bổ sung. TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương đã có kinh nghiệm về vấn đề này, chúng tôi muốn nghe ý kiến của bạn. Dự án muốn nhận được ý kiến / đề xuất của sở qua email hoặc trong các ATC. Kế hoạch hành động đang được chuẩn bị. Đây là cơ hội hợp tác với sở TN&amp;MT và xem xét kết quả dự án. Nhóm chuyên gia JICA nhìn về phía trước để có ý kiến về cải thiện kết quả DATĐ để thực hiện tốt hơn DATĐ.</p>	

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 6 Kết quả thảo luận hợp nhóm liên tỉnh lần thứ ba lưu vực sông Cầu**

<b>Thời gian</b>	Cuộc họp nhóm liên tỉnh lần thứ ba tại lưu vực sông Cầu (ngày 29 tháng 06 năm 2017: Khách sạn Crowne Plaza West Hanoi)	
<b>Chủ đề thảo luận</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát và kiểm tra các hoạt động DATĐ liên quan đến kết quả dự kiến tính toán sức chịu tải và phân bổ hạn ngạch xả thải dựa trên khoa học,</li> <li>- Tạo thuận lợi cho việc phối hợp liên tỉnh để xây dựng dự thảo thông tư,</li> <li>- Chia sẻ bài học và học hỏi về các hoạt động dự án cho xây dựng dự thảo thông tư thu được thông qua ATC,</li> <li>- Thảo luận về kết quả mong muốn Kết quả-3, và</li> <li>- Thảo luận về các chủ đề liên quan khác do các thành viên TF nêu ra.</li> </ul>	
<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>	
<p>1) Sở TN&amp;MT Bắc Giang sẽ liên quan trực tiếp đến hoạt động nhận thức về môi trường để hỗ trợ và giám sát nó.</p> <p>2) Ý tưởng về chương trình tham quan học tập tại lưu vực sông Cầu trong tháng 9 năm 2017, và địa điểm khảo sát thực địa do Sở TN&amp;MT Bắc Giang đề xuất.</p> <p>3) Thông tư-2 nên giới thiệu cách thiết lập các điểm kiểm soát trong lưu vực sông. Tất cả các vấn đề kỹ thuật cần được quy định tại Thông tư để cơ quan nhà nước có cơ sở pháp lý để kiểm soát môi trường nước.</p>	<p>1) Nhóm chuyên gia JICA cần thảo luận chi tiết và xác nhận nội dung hoạt động nâng cao nhận thức về môi trường ở tỉnh Bắc Giang với Ban QLDA và Sở TN&amp;MT Bắc Giang để tránh những sai sót và thực hiện hoạt động này một cách suôn sẻ.</p> <p>2) Sau khi thảo luận với các Sở TN&amp;MT mục tiêu ở lưu vực sông Cầu, nhóm chuyên gia JICA và BQLDA sẽ thảo luận chi tiết về thời gian và tiến độ để hoàn thành. Các đại diện Bắc Giang, Bắc Ninh và Thái Nguyên sẽ báo cáo với lãnh đạo Sở TN&amp;MT để hỗ trợ các hoạt động của dự án</p> <p>3) Tùy thuộc vào điều kiện địa phương, Sở TN&amp;MT có thể đề xuất các điểm kiểm soát để đạt được mục tiêu chất lượng nước</p>	

Ý kiến góp ý và Đề xuất chính	Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>4) Thông tư-2 và Thông tư-3 sẽ sớm được ban hành. Các thông tư này có thể hỗ trợ nhiều cho các hoạt động quản lý nhà nước về môi trường ở các tỉnh.</p> <p>5) UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ Môi trường đến năm 2020, tập trung vào 3 mục tiêu như giảm tải ô nhiễm, khai thác và kiểm soát nước thải sinh hoạt. Dự kiến sẽ được hỗ trợ để tính toán tổng tải lượng ô nhiễm trong các chỉ lưu trong khu vực Thái Nguyên của nhóm chuyên gia JICA trong thời gian tới.</p> <p>6) Việc áp dụng QCVN được quy định trong Thông tư có thể giải quyết mâu thuẫn giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp về các vấn đề môi trường ở các tỉnh. Tập huấn ATC nên được tổ chức vào tháng 8 và tháng 9 vì các cán bộ trong Sở TN&amp;MT rất bận rộn vào cuối năm</p> <p>7) Thời gian sắp xếp cho ATC về tính toán tải lượng ô nhiễm là rất cần thiết để các cán bộ trong Sở TN&amp;MT hiểu rõ nội dung của Thông tư-2. Sẽ hiệu quả hơn khi sử dụng tập huấn về công việc, vì ATC sẽ áp dụng phần mềm cụ thể để tính toán chất lượng nước trên sông.</p>	<p>4) Yêu cầu nhóm chuyên gia thu thập tất cả các thông tin và ý kiến để xây dựng kế hoạch và tiến độ chi tiết trong việc xây dựng Thông tư 2, Thông tư 3 và các hoạt động khác trong dự án thí điểm, bao gồm Tham quan học tập và Hoạt động nâng cao nhận thức môi trường lưu vực sông Cầu. Kế hoạch và kế hoạch như vậy nên được thảo luận và xác nhận với Ban QLDA và các Sở TN&amp;MT liên quan. Hơn nữa, TCMT đánh giá cao và mong nhận được sự hỗ trợ và hợp tác từ Sở TN&amp;MT</p> <p>7) ATC trong 3 ngày trong mỗi Sở TN&amp;MT có thể là cơ hội tốt để chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức của Nhật Bản về tính tổng tải lượng ô nhiễm. Ngoài ra, các kịch bản hữu ích cho việc mô phỏng các trường hợp thực tế trong QLMTNLVS ở mỗi tỉnh. Thông qua việc thực hiện hoạt động này, Sở TN&amp;MT có thể nâng cao năng lực trong tương lai.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**(4) Hội nhóm liên tỉnh lần thứ tư trong tháng 9 năm 2017**

Hội nhóm liên tỉnh chung hai lưu vực Đồng Nai và lưu vực sông Cầu lần thứ tư được tổ chức ngày 22 tháng 9 năm 2017. Tóm tắt kết quả thảo luận trình bày trong Bảng 7.

**Bảng 7 Kết quả thảo luận hội nhóm liên tỉnh chung lần thứ tư**

Thời gian	Hội nhóm liên tỉnh lần thứ tư (cả lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai) (22/9 /2017: Khách sạn Mường Thanh Bắc Giang)	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo hoàn thiện quy trình của Thông tư-2 với Hướng dẫn kỹ thuật và Thông tư 3</li><li>- Báo cáo kỹ năng thu được thông qua tập huấn bởi Sở TN&amp;MT</li><li>- Thảo luận ban đầu về việc chuẩn bị Hướng dẫn thu thập và chia sẻ dữ liệu và thông tin để tải đánh giá sức chịu tải và phân bổ hạn ngạch xả thải với bộ dữ liệu xả nước thải (tương đương với Thông tư-4)</li><li>- Thảo luận về công tác chuẩn bị kế hoạch hành động cho các lưu vực sông mục tiêu và</li><li>- Thảo luận về chủ đề liên quan khác do các thành viên TF nêu ra</li></ul>	
Ý kiến góp ý và Đề xuất chính		Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>1) Nguyên tắc quản lý lưu vực sông dựa trên tính toán tải lượng ô nhiễm là dễ chịu. Tiếp cận tải lượng ô nhiễm để quản lý lưu vực sông là đúng. Sở TN&amp;MT mục tiêu ở lưu vực sông Đồng Nai và lưu vực sông Cầu đã được tham gia các khóa tập huấn cơ bản (BTC) và các hoạt động tập huấn nâng cao (ATC). Kiến thức và kinh nghiệm trong việc áp dụng mô phỏng chất lượng nước đã được chuyển giao cho các Sở TN&amp;MT mục tiêu của hoạt động ATC để tính toán chất lượng nước thử nghiệm ở các đoạn sông ở mỗi tỉnh. Thông qua BTC và ATC, đặc biệt là áp dụng mô hình mô phỏng chất lượng nước, có một số vấn đề đưa ra:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Không có đủ dữ liệu / thông tin để đánh giá hiện trạng môi trường. Dữ liệu thủy văn được yêu cầu thêm vào để tính toán tải lượng ô nhiễm.</li><li>- Rất khó thực hiện phân bổ hạn ngạch xả thải theo đề xuất của dự án.</li><li>- Mục đích sử dụng và sử dụng nước ở các đoạn sông trong tỉnh không được xác định trong quy hoạch sử dụng nước của tất cả các tỉnh trong lưu vực sông.</li><li>- Không có quy hoạch tổng thể thoát nước ở cấp lưu vực sông.</li><li>- Đề nghị thu thập thêm dữ liệu và thông tin, mô hình mô phỏng hiện tại và kết quả cho các chuyên gia quốc gia để có thêm ý kiến về cách tiếp cận dựa trên khoa học. Sau khi cải thiện kết quả phân tích tải lượng ô nhiễm và mô hình mô phỏng, dự án cần cung cấp các tiêu chí rõ ràng về phân bổ hạn ngạch xả thải. Để thực hiện thực hiện phân bổ hạn ngạch xả thải, chính phủ Việt Nam sẽ xem xét và áp dụng trong tương lai, không phải trong tương lai gần. Do đó, yêu cầu dự án cung cấp các tiêu chí đảm bảo rằng các tỉnh và các bên liên quan có thể đi đến một thỏa thuận về việc phân bổ hạn ngạch xả thải trong tương lai.</li><li>- Sở TN&amp;MT Thái Nguyên yêu cầu mở rộng thời gian tập huấn, đặc biệt là khóa tập huấn nâng cao cho mô hình mô phỏng. Vì vấn đề này là mới và đầy thử thách, lịch tập huấn hiện tại tương đối ngắn và không đủ thời gian để thực hành và trao đổi kinh nghiệm.</li></ul> <p>Sở TN&amp;MT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã yêu cầu tiếp tục hỗ trợ thu thập thông tin / dữ liệu để tính toán liên tục cho mục đích quản lý lưu vực sông.</p> <p>2) Khái niệm về sức chịu tải và hạn ngạch xả thải là khá mới đối với các nhà lãnh đạo. Sẽ tốt hơn nếu hỗ trợ các nhà lãnh đạo hiểu nhiều hơn và sau này có được sự đồng thuận, thông qua các hoạt động của dự án.</p>		<p>1) Yêu cầu nhóm chuyên gia JICA hỗ trợ các tỉnh mục tiêu áp dụng các mô hình mô phỏng trong các điều kiện điển hình như thay đổi theo mùa, các điểm kiểm soát (cho toàn lưu vực sông hoặc từng lưu vực sông phụ), khả năng tự làm sạch, kích bản (trong trường hợp có bão và lũ).</p> <p>Yêu cầu nhóm chuyên gia JICA đề xuất cơ chế phối hợp liên tỉnh và kế hoạch hành động bao gồm lộ trình thực hiện và xem xét mục đích sử dụng nước ở các đoạn sông.</p>

Ý kiến góp ý và Đề xuất chính	Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>3) Việc lựa chọn điểm kiểm soát ở cuối sông không thực tế và về lý thuyết vì nhiều lưu vực sông phụ không ảnh hưởng đến chất lượng nước tại điểm kiểm soát. Ngoài ra, cách tiếp cận như vậy không thể tránh được việc chọn điểm kiểm soát tại các vị trí bị ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều. Tốt nhất là đặt điểm kiểm soát ở từng đoạn sông để đảm bảo độ chính xác. Nếu nồng độ các chất gây ô nhiễm tại điểm kiểm soát dao động mạnh, dự án sẽ đề xuất các giải pháp phân bổ xả thải.</p>	
<p>4) Quyết định số 187/TTg-2008 quy định về quản lý lưu vực sông, nhưng cơ chế hoạt động chưa được thực hiện tốt. Vì vậy, dự án cần đề xuất cơ chế phối hợp quản lý môi trường nước trong lưu vực sông. Trong đó, Bộ TN&amp;MT nên đóng vai trò chủ trì và điều phối các tỉnh trong lưu vực sông.</p> <p>5) Quy hoạch tổng thể về quản lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước trong lưu vực sông, bao gồm các mục tiêu, cần được Bộ TN&amp;MT xây dựng để loại bỏ mâu thuẫn giữa các tỉnh trong lưu vực sông. Trách nhiệm của Bộ TN&amp;MT và Sở TN&amp;MT, và kế hoạch hành động cần được làm rõ trong kế hoạch tổng thể. Bộ TN&amp;MT sẽ điều phối hệ thống phối hợp giữa các tỉnh, chính quyền trung ương và địa phương cũng như sự xây dựng và nội dung của lộ trình và kế hoạch hành động. Trên cơ sở đó, tỉnh có thể tự phát triển quy hoạch tổng thể. Ngoài ra, yêu cầu Bộ TN&amp;MT cũng xây dựng và phát hành cơ sở dữ liệu môi trường chung cho lưu vực sông.</p> <p>6) Các ưu tiên trong việc giảm xả nước thải và tái sử dụng nước là một trong những chủ đề chính trong quản lý nước thải trong Luật BVMT. Dự án nên đề xuất tái sử dụng nước. Khó khăn cho dự án có thể thông qua vì không có hướng dẫn về các hoạt động tái sử dụng nước</p> <p>7) Development of Circular-2 is necessary to support for river basin management. In the meeting, following comments were provided to finalize draft document: Xây dựng Thông tư-2 là cần thiết để hỗ trợ quản lý lưu vực sông. Trong cuộc họp, các ý kiến sau đã được cung cấp để hoàn thiện dự thảo tài liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong Điều 14, trách nhiệm của TCMT / Bộ TN&amp;MT và Chi cục BVMT / Sở TN&amp;MT / UBND tỉnh về hạn ngạch xả và kiểm tra, kiểm tra sau khi phân bổ hạn ngạch xả thải, chức năng tư vấn thẩm định hạn ngạch xả trao đổi và định mức hạn ngạch xả.</li> <li>- Thêm câu sau như mục (5) vào Điều 15; “Thời gian phân bổ không quá 36 tháng”.</li> <li>- Bổ sung thêm 1 Điều sau Điều 15: Trách nhiệm của các tổ chức nhà nước thuộc tỉnh và thành phố trong việc thực hiện và sử dụng hạn ngạch được giao.</li> <li>- Phải sử dụng đúng lượng hạn ngạch xả thải được phân bổ và không xả quá hạn ngạch xả được phân bổ</li> <li>- Cho phép trao đổi hạn ngạch xả thải</li> </ul> <p>Mục (2) trên Điều 16 sẽ bị xóa.</p> <p>8) Về cơ bản, nội dung của Hướng dẫn kỹ thuật có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, nó là cần thiết để thêm các nội dung kỹ thuật và xem xét để hoàn thiện. Hướng dẫn kỹ thuật cần cung cấp nội dung cụ thể hơn để áp dụng thống nhất mô hình mô phỏng ở các tỉnh. Nguồn tham khảo như WHO hoặc các tổ chức quốc tế khác sử dụng trong Hướng dẫn kỹ thuật nên được giới thiệu. Quyết định số 88 do UBND tỉnh Bình Dương ban hành không thể áp dụng cho các tỉnh khác.</p> <p>9) Việc tính toán năng lực được coi là cơ sở pháp lý sẽ hỗ trợ nhiều cho Sở TN&amp;MT. Ví dụ: Sở TN&amp;MT Bắc Ninh xây dựng tiêu chuẩn môi trường tỉnh là cấp A để giải phóng doanh nghiệp. Việc đánh giá năng lực trong lưu vực sông cần được thực hiện bởi Bộ TN&amp;MT từ đó tình trạng môi trường sẽ được cảnh báo cho tỉnh để đề xuất các hành động cụ thể. Tải trọng ô nhiễm và tính toán sức chịu tải nên xem xét thực tế của dữ liệu đầu vào.</p>	<p>4) Yêu cầu các tỉnh được phối hợp và hỗ trợ dự án trong việc hoàn thiện báo cáo và tài liệu dự án cho Bộ TN&amp;MT vào cuối năm.</p> <p>8) Không có nguồn tham khảo cho đơn vị tải lượng ô nhiễm ở Việt Nam, do đó, đề cập đến Quyết định 88 của UBND tỉnh Bình Dương được xem xét và áp dụng, đặc biệt khi dữ liệu và thông tin không đủ. Nhóm chuyên gia JICA hy vọng sẽ nhận được nhiều đề xuất từ TCMT, Sở TN&amp;MT và các chuyên gia trong nước để lựa chọn đơn vị tải lượng ô nhiễm phù hợp và cải thiện kết quả tính toán vào năm tới.</p>



<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>
10) Bộ TN&MT sẽ chủ trì đến việc phân bổ hạn ngạch xả thải cho mỗi tỉnh trong giai đoạn từ 5 đến 10 năm tới. Cần có sự đồng thuận của các tỉnh trong lưu vực sông về vấn đề này. Mỗi tỉnh có thể xây dựng kế hoạch giảm tải lượng ô nhiễm dựa trên hạn ngạch xả được phân bổ. Cơ chế trao đổi hạn ngạch giữa các tỉnh cũng được Bộ TN&MT đề xuất thống nhất các tỉnh trong lưu vực sông về phân bổ hạn ngạch xả. Cần có cơ chế hình phạt để khuyến khích các tỉnh bảo vệ môi trường nước trong lưu vực sông.	
11) Cần có sự đồng thuận của các tỉnh trong lưu vực sông về mục đích sử dụng nước và duy trì tình trạng môi trường nước.	

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

#### (5) **Họp nhóm liên tỉnh lần thứ năm trong tháng 1 năm 2018**

Họp nhóm liên tỉnh lần thứ năm lưu vực sông Cầu được tổ chức ngày 23 tháng 1 năm 2018 và họp nhóm liên tỉnh lần thứ năm lưu vực sông Đồng Nai được tổ chức ngày 26 tháng 1 năm 2018. Thảo luận họp nhóm liên tỉnh được tóm tắt trong Bảng 8 và Bảng 9.

**Bảng 8 Kết quả thảo luận họp nhóm liên tỉnh lần thứ năm lưu vực sông Cầu**

<b>Thời gian</b>	Cuộc họp TF lần thứ năm tại lưu vực sông Cầu (23/01/2018: Khách sạn Hanoi London)	
<b>Chủ đề thảo luận</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận về tiến độ của Kế hoạch hành động của nhóm chuyên gia JICA</li> <li>- Thể hiện sự tiến bộ của Thông tư và chuẩn bị tài liệu có liên quan của Viện KHMT / cục QLCT&amp;CTMT</li> <li>- Thảo luận khái niệm về kế hoạch tổng thể của nhóm chuyên gia JICA</li> <li>- Kết thúc BTC &amp; ATC của nhóm chuyên gia JICA, và</li> <li>- Thảo luận về hành động cần thiết để tăng cường QLMTNLVS</li> </ul>	
<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>		<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>
1) Không có văn bản pháp lý cho cơ chế phối hợp ở cấp lưu vực sông. Do đó, không có nghĩa vụ đối với tổng kết quả tính tải lượng ô nhiễm trong lưu vực sông. Điều phối nên dựa trên sự thống nhất giữa các tỉnh trong lưu vực sông. 2) Các Sở TN&MT mục tiêu thảo luận cùng với sự hỗ trợ của TCMT và nhóm chuyên gia JICA để phát triển cơ chế phối hợp như hoạt động thử nghiệm. Sau đó, nếu hoạt động thử nghiệm có hiệu quả, TCMT và Sở TN&MT sẽ đề nghị Bộ trưởng Bộ TN&MT hợp pháp hoá cơ chế này. 3) Phương pháp đánh giá nguồn ô nhiễm đã được áp dụng ở Thái Nguyên. Kế hoạch hành động và cách tiếp cận của nó là dễ chịu. Dự kiến Kế hoạch hành động sẽ được hoàn thành sớm sau đó được chia sẻ cho tất cả các Sở TN&MT và nhận được thỏa thuận giữa các Sở TN&MT trong lưu vực sông Cầu không chỉ nhắm vào các Sở TN&MT. Nó phải bao gồm đặc điểm địa phương để có thể thực hiện được và hữu ích hơn cho chính quyền địa phương. 4) Có những hạn chế trong việc quản lý chăn nuôi và nước thải sinh hoạt. Đối với nước thải chăn nuôi, các đặc điểm điển hình của các nguồn ô nhiễm chủ yếu là các hộ chăn nuôi nhỏ và vừa và phân tán rải rác ở các khu vực rộng lớn. Đối với nước thải sinh hoạt, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa, bể tự hoại được lắp đặt mặc dù nước thải xám không thể xử lý bằng công cụ này. Giới hạn về công nghệ tiên tiến được nêu ra trong các cuộc họp. Yêu cầu dự án JICA cung cấp thêm tư vấn và biện pháp cho tình huống này. Ngoài ra, việc áp dụng Joukaso được coi là có hiệu quả ở các vùng nông thôn ở Nhật Bản, Sở TN&MT muốn biết liệu việc giới thiệu về công cụ xử lý này có thể được thực hiện theo phạm vi của dự án này hay không. Yêu cầu nhóm chuyên gia JICA giải thích giá trị A1-B1 trong các tình huống.		1) Điều phối nên dựa trên sự đồng thuận các tỉnh trong lưu vực sông. 2) Tiếp tục xây dựng cơ chế điều phối. 3) Kế hoạch hành động được chia sẻ cho tất cả các tỉnh trong lưu vực sông Cầu. Nhóm chuyên gia JICA sẽ tham khảo ý kiến của JICA và thông báo cho các đối tác Việt Nam trong thời gian tới. 4) Giá trị A1 hoặc B1 được đặt trên kịch bản không có nghĩa là giá trị A1 hoặc B1 phải đạt được trong toàn bộ khu vực mục tiêu. Giá trị A1 hoặc B1 phải đạt được tại điểm kiểm soát. Điểm kiểm soát có thể được lựa chọn cho khu vực mục tiêu hoặc tại ranh giới hành chính giữa các tỉnh. Mục đích sử dụng nước ở sông Cầu không chính thức được sử dụng để cung cấp nước sinh hoạt. Vì vậy, cần phải thiết lập chất lượng nước đạt giá trị A1 để cung cấp nước sinh hoạt trong tương lai cho kế hoạch dài hạn.

<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>
<p>5) Đã đặt câu hỏi về các phân đoạn nước gần đó có mục đích sử dụng nước khác nhau hay không, cách xử lý tính toán như thế nào?</p> <p>6) Cục QLCT&amp;CTMT, các tỉnh dự kiến sẽ đưa ra nhận xét về phương pháp tính tải trọng và tổng tải lượng ô nhiễm được áp dụng trong các kịch bản trong kế hoạch hành động đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 cho thỏa thuận toàn lưu vực sông. Việc áp dụng A1 hoặc B1 trong QCVN 08, độ tin cậy của dữ liệu, tính khả thi của các kịch bản cần được kiểm tra theo từng tỉnh.</p> <p>7) Văn phòng JICA Việt Nam bày tỏ rằng có rất nhiều việc phải làm trong thời gian còn lại của dự án. Dự kiến đối tác sẽ liên tục hỗ trợ Dự án trong thời gian tới.</p> <p>8) Tổ chức họp mặt 3 Sở TN&amp;MT mục tiêu để thống nhất quan điểm của các tỉnh trong lưu vực sông mục tiêu.</p>	<p>5) Giá trị chất lượng nước có thể được kiểm tra bằng mô hình mô phỏng tại bất kỳ điểm nào trên sông. Quản lý nước lưu vực sông có thể phân chia thành nhiều cấp bao gồm cấp trung ương và cấp tỉnh trong khi tập trung quản lý nước tập trung vào các đoạn sông và các nguồn ô nhiễm. Hai phương pháp này nên được sử dụng song song và hỗ trợ lẫn nhau.</p> <p>6) Dự thảo kế hoạch hành động và Kết quả-3 đã và đang được xây dựng. Dự kiến sẽ thảo luận với Sở TN&amp;MT và TCMT mục tiêu vào tháng 3 năm 2018 nhằm nhận được ý kiến cho hoàn thành kế hoạch hành động và Kết quả-3.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Bảng 9 Kết quả thảo luận họp nhóm liên tỉnh lần thứ năm lưu vực sông Đồng Nai**

<b>Thời gian</b>	Cuộc họp TF lần thứ năm tại lưu vực sông Đồng Nai (26/01/2018: Khách sạn Palace Vũng Tàu)	
<b>Chủ đề thảo luận</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận về tiến độ của Kế hoạch hành động của nhóm chuyên gia JICA</li> <li>- Thể hiện sự tiến bộ của Thông tư và chuẩn bị tài liệu có liên quan của Viện KHMT / cục QLCT&amp;CTMT</li> <li>- Thảo luận khái niệm về kế hoạch tổng thể của nhóm chuyên gia JICA</li> <li>- Kết thúc BTC &amp; ATC của nhóm chuyên gia JICA, và</li> <li>- Thảo luận về hành động cần thiết để tăng cường QLMTNLVS</li> </ul>	
<b>Ý kiến góp ý và Đề xuất chính</b>	<b>Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET</b>	
<p>1) Không có sổ tay lưu hành nguồn nước thải (WDSI) ở cấp lưu vực sông. Nếu hướng dẫn WDSI không thể ban hành cho cả nước, đề nghị nhanh chóng giới thiệu hướng dẫn phù hợp và khả thi để thực hiện tại 4 tỉnh mục tiêu lưu vực sông bởi TCMT. Theo đó, 4 tỉnh có thể đánh giá nguồn ô nhiễm trong thời gian nhất định và thống nhất phương pháp kiểm kê. Kết quả kiểm kê có thể được sử dụng chủ yếu để đánh giá ô nhiễm trong lưu vực sông.</p> <p>2) Khi xây dựng kế hoạch hành động, một số khó khăn, chẳng hạn như dữ liệu không có sẵn, bất đồng về giá trị đơn vị tải lượng ô nhiễm giữa các tỉnh, dẫn đến những quan điểm khác nhau đối với kịch bản giảm ô nhiễm. Kế hoạch hành động cần được lồng ghép với các kế hoạch của tỉnh để thực hiện khả thi.</p> <p>3) Các vấn đề chính khác nhau giữa các tỉnh về các hoạt động kiểm soát ô nhiễm. Kế hoạch hành động dự kiến sẽ đề xuất nhiệm vụ ưu tiên ở mỗi tỉnh, cùng với tình hình chung của toàn lưu vực sông. Do đó, kết quả dự án hoặc kế hoạch lưu vực sông cần giải quyết những vấn đề này một cách cụ thể.</p>	<p>1) Dự án sẽ sớm rà soát và hoàn thành bộ hướng dẫn kỹ thuật và sổ tay kỹ thuật bằng tiếng Anh. Hỗ trợ kỹ thuật trong phương pháp tính toán sức chịu tải và xây dựng WDSI đang được chuyển giao thông qua dự án cho mỗi tỉnh.</p> <p>2) Dựa trên tình hình thực tế ở mỗi tỉnh, kế hoạch hành động và kịch bản có thể được sửa đổi để đáp ứng tình hình thực tế.</p> <p>3) Thiết lập năm mục tiêu trong việc xem xét quản lý và mục đích sử dụng nước trong lưu vực sông.</p>	

Ý kiến góp ý và Đề xuất chính	Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>4) Bối cảnh phát triển kịch bản, cần được làm rõ. Chất lượng nước mục tiêu nên bao gồm chỉ số sinh học nói riêng và đa dạng sinh học nói chung. Hơn nữa, các công cụ nâng cao nhận thức cộng đồng như thông tin liên lạc, sự kiện nhận thức với bản đồ đường và thời gian thực hiện cần được đề cập chi tiết về kế hoạch hành động.</p> <p>5) Kế hoạch hành động đã được xây dựng một cách khoa học và rõ ràng.</p> <p>6) Nhóm chuyên gia JICA xem xét hỗ trợ các hoạt động kiểm soát ô nhiễm đối với các nguồn nông nghiệp ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Công nghệ xử lý nước thải thích hợp cho các nguồn chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ sẽ là một khuyến nghị hữu ích từ dự án, nếu có thể. Năm 2025 phù hợp cho năm mục tiêu của kế hoạch hành động, và chỉ ra khó khăn trong quản lý nước thải chăn nuôi.</p>	<p>4) Kế hoạch hành động và Kế hoạch tổng thể đang được xây dựng và tiếp tục tối ưu hóa cho từng tỉnh trong thời gian tới.</p> <p>-</p> <p>-</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**(6) Hội nhóm liên tỉnh lần thứ sáu trong tháng 5 năm 2018**

Hội nhóm liên tỉnh lần thứ sáu chung cho cả hai lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai được tổ chức ngày 28 tháng 5 năm 2018. Kết quả thảo luận tại cuộc họp Nhóm công tác liên tỉnh được tóm tắt tại Bảng 10

**Bảng 10 Kết quả thảo luận hội nhóm liên tỉnh chung lần thứ sáu**

Thời gian	Hội TF lần thứ sáu (cả lưu vực sông Cầu và lưu vực sông Đồng Nai) (10/5/2018 : Khách sạn Crowne Plaza)	
Chủ đề thảo luận	<ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo tóm tắt của Kết quả-1,</li><li>- Báo cáo tóm tắt của Kết quả-2,</li><li>- Thảo luận về cách áp dụng phương pháp quản lý lưu vực sông bằng cách sử dụng quy trình chuẩn bị kế hoạch hành động cấp lưu vực sông</li><li>- Giới thiệu quy hoạch tổng thể và khung bản đồ đường bộ với vai trò dự kiến của chính quyền tỉnh.</li></ul>	
Ý kiến góp ý và Đề xuất chính		Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>1) Tiến độ và kết quả Kết quả dự kiến của việc phát triển tài liệu pháp lý được tóm tắt bởi TCMT và nhóm chuyên gia JICA:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a) Hướng dẫn dự thảo cuối cùng / Báo cáo kỹ thuật về cơ chế phối hợp cho QLMTNLVS</li><li>b) Thông tư đánh giá sức chịu tải</li><li>c) Dự thảo văn bản pháp lý cuối cùng về nguồn thải chính của QLMTNLVS</li><li>d) Hướng dẫn cuối cùng về việc chia sẻ dữ liệu và thông tin để tính toán sức chịu tải tính toán và xây dựng kiểm kê nguồn nước thải.</li><li>e) Dự thảo Nghị định cuối cùng bao gồm quy định về định hướng và thủ tục yêu cầu bồi thường môi trường đối với môi trường tự nhiên</li><li>f) Dự thảo Nghị định cuối cùng bao gồm các quy định về quy định lựa chọn tiêu chuẩn và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dịch vụ giám sát, đánh giá môi trường để thu thập bồi thường bằng chứng và thiệt hại về môi trường; hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của Hội đồng thẩm định số liệu và bằng chứng xác định thiệt hại về môi trường</li></ul>		
<p>2) Tất cả những người tham dự đều hiểu về những khó khăn xảy ra trong thời gian thực hiện dự án: thay đổi nhân sự của thành viên BQLDA, thành viên TF; tái cấu trúc TCMT; sửa đổi LEP; và trì hoãn việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Nghị định 03, hoặc thành lập RBO). Do những trở ngại đó, hoạt động của dự án về phát triển tài liệu pháp lý đã bị ảnh hưởng. Yêu cầu phải gửi tất cả những thay đổi này cho JCC để họ xem xét / phê duyệt theo hướng hoạt động của dự án năm ngoái.</p> <p>3) Hướng dẫn về tính tải sức chịu tải:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm chuyên gia JICA cần làm rõ cách tiếp cận điểm kiểm soát so với các điểm quan trắc, lưu vực sông và đoạn sông, khi áp dụng từng phương pháp và cường độ / điểm yếu của từng phương pháp.</li><li>- Tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận quy mô lưu vực sông trong quản lý chất lượng nước tại lưu vực sông. Các tỉnh hạ lưu sông, như TP. HCM sẽ có lợi về phương pháp quản lý lưu vực sông nếu các tỉnh thượng nguồn có thể bảo vệ chất lượng nước, giúp cung cấp chất lượng nước tốt cho các tỉnh hạ lưu.</li><li>- Đánh giá khả năng tải là rất quan trọng đối với các thông số tính toán trực tiếp, hoặc gián tiếp bằng các phương pháp mô hình hóa, khi áp dụng từng phương pháp. Phương pháp tính toán đã được cung cấp, các mô hình mô phỏng có sẵn, nhưng vấn đề lớn nhất là thiếu dữ liệu đầu vào. Không có cách nào có hệ thống để thu thập dữ liệu và thông tin, không quy định về loại dữ liệu, xử lý dữ liệu, khảo sát và phân tích, vị trí điểm xả, cơ sở dữ liệu chung và mạng chia sẻ dữ liệu, v.v.</li></ul>		

Ý kiến góp ý và Đề xuất chính	Phản hồi từ phía đối tác Việt Nam và JET
<p>4) Hướng dẫn xây dựng WDSI:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn xây dựng WDSI thừa kế một số phần từ dự án trước đây về PSI, nhóm chuyên gia JICA cần chỉnh sửa Sổ tay này để làm cho nó tốt hơn để phát hành nó như là một quyết định của TCMT.</li> <li>- Sẽ tốt hơn khi xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia. Bình Dương đã có cơ sở dữ liệu riêng nhưng một số định dạng không phù hợp với yêu cầu của Chính phủ Trung ương. Ngành tài nguyên nước có cơ sở dữ liệu xả thải riêng của mình, ngành môi trường cũng có cơ sở dữ liệu nguồn ô nhiễm. Tốt hơn là hợp nhất hai cơ sở dữ liệu, không gây sao chép hoặc lãng phí tài nguyên. Phần mềm quản lý dữ liệu có chức năng báo cáo để tạo biểu mẫu báo cáo được đồng bộ hóa.</li> <li>- Việc áp dụng WDSI để thực hiện Quyết định 140 cần được xem xét trong thời hạn hỗ trợ và kỹ thuật tài chính vì Quyết định 140 có quy mô lớn hơn dự án. Ví dụ trong dự án, chỉ có 14 loại nguồn thải được đề cập, chúng không đủ để bao quát tất cả các hoạt động trong thực tế. Tất cả các nguồn thải nên mô tả hình ảnh sản xuất ở các tỉnh. Việc áp dụng WDSI trong việc thực hiện Quyết định 140 như lưu lượng 200 m<sup>3</sup> / ngày: 2020, 50 m<sup>3</sup> / ngày: 2025 gây khó khăn trong việc đáp ứng mục tiêu nếu không có hướng dẫn thực hiện trong thời gian tới.</li> </ul> <p>5) Kết quả dự án thí điểm được sử dụng cho chương trình tập huấn tổng thể lưu vực sông Cửu và lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn. Chương trình tập huấn và tài liệu cho Sở TN&amp;MT rất tốt, và được chuẩn bị cẩn thận. Nó đã rất ấn tượng bởi tính toàn diện của các tài liệu tập huấn, chia sẻ cho cán bộ kỹ thuật ở các Sở TN&amp;MT tham gia Dự án đánh giá khả năng tải của sông Buông.</p> <p>6) Trong thời gian tập huấn tại BR-VT, thiếu dữ liệu đầu vào cho sông Thị Vải, vì BR-VT không được coi là một phần của khu vực dự án thí điểm vào đầu dự án. BR-VT đang đối mặt với những thách thức về thiếu nguồn nhân lực và kiến thức kỹ thuật. Dự kiến, dự án sẽ hỗ trợ WDSI để tính toán sức chịu trên sông Thị Vải. Từ kinh nghiệm thu được trong công tác thực tế Thị Vải, Sở TN&amp;MT BR-VT có thể áp dụng để đánh giá sức chịu tải tại các con sông khác ở BR-VT.</p> <p>7) Kết quả tập huấn đã nhận được phản hồi tốt từ học viên, và được báo cáo có lợi cho kiến thức cá nhân của chính họ cũng như hỗ trợ hoạt động công việc của họ. Kiến thức và phương pháp được cung cấp trong quá trình tập huấn đã được áp dụng trong các dự án của Sở TN&amp;MT trong việc đánh giá sức chịu tải, hoặc các hoạt động của WDSI.</p> <p>8) Tập huấn tại Nhật Bản: khóa tập huấn thứ ba sẽ được tổ chức từ cuối tháng 9 năm 2018. Nhóm chuyên gia JCIA muốn nhận ý kiến từ đối tác về kỳ vọng của đối tác, để xây dựng chương trình tập huấn tại Nhật Bản.</p> <p>9) Cơ chế phối hợp hiện có ở lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn nhưng hiệu quả quản lý lưu vực sông vẫn còn hạn chế. Điều khiến cô phần khởi nhất trong dự án là nỗ lực của mình trong việc thúc đẩy quản lý lưu vực sông, và cung cấp cách thức và phương hướng, kế hoạch hành động TN&amp;MT phải là đơn vị chủ trì trong đánh giá sức chịu tải, và sau đó nó có thể cung cấp để Sở TN&amp;MT áp dụng cho dự án và ngân sách tài chính để thực hiện nhiệm vụ này cho các sông nội tỉnh.</p>	<p>4) Ý kiến và ý kiến được công nhận. Nhận xét và ý kiến nằm ngoài phạm vi của dự án này. Báo cáo lãnh đạo TCMT quá trình thực hiện và xây dựng cơ sở dữ liệu WDSI trong lưu vực sông.</p> <p>5) Yêu cầu nhóm chuyên gia JCIA chia sẻ kinh nghiệm về cách tiếp cận phối hợp ở Nhật Bản với đối tác trong năm cuối của dự án.</p> <p>6) Yêu cầu nhóm chuyên gia JICA làm việc với các Sở TN&amp;MT và TCMT nhằm đề xuất kế hoạch hành động khả thi trong thời gian tới.</p> <p>7) Yêu cầu nhóm chuyên gia JCIA hợp tác với Sở TN&amp;MT trong việc xây dựng kế hoạch hành động. Điều này sẽ được gửi đến Sở TN&amp;MT một cách chính thức, để lấy ý kiến chính thức từ Sở TN&amp;MT, để phù hợp với các kế hoạch phát triển của mỗi tỉnh.</p> <p>8) Yêu cầu nhóm chuyên gia JCIA biên soạn tất cả tài liệu tập huấn của dự án trong hai năm qua để xuất bản như một cuốn sách tham khảo cung cấp kiến thức khoa học rất tốt và có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho TCMT và Sở TN&amp;MT.</p>

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Như đã đề cập ở trên, trong các cuộc họp nhóm liên tỉnh, tiến độ dự án đã được báo cáo và gần như tất cả các vấn đề quan trọng của dự án đã được thảo luận và xác nhận bởi các tác nhân có liên quan của dự án. Các cuộc họp nhóm liên tỉnh đã củng cố mối quan hệ giữa Bộ TN&MT và sở TN&MT. Trong bối cảnh này, nó rất quan trọng để điều chỉnh lại ý kiến của sở TN&MT, đối với các hoạt động của dự án và nội dung thông tư.

Mặt khác, thời gian và các cơ hội khác bị hạn chế, và khó khó có thể mời tham gia các bên liên quan như sở NN&PTNN, sở Công thương v.v. Thử nghiệm đầy thách thức liên quan đến việc chia sẻ thông tin không rõ ràng và củng cố các mối quan hệ. Loại hoạt động này được xem xét một cách tích cực.



*Phụ lục 6:*

*Kết quả Đánh giá năng lực ban đầu*

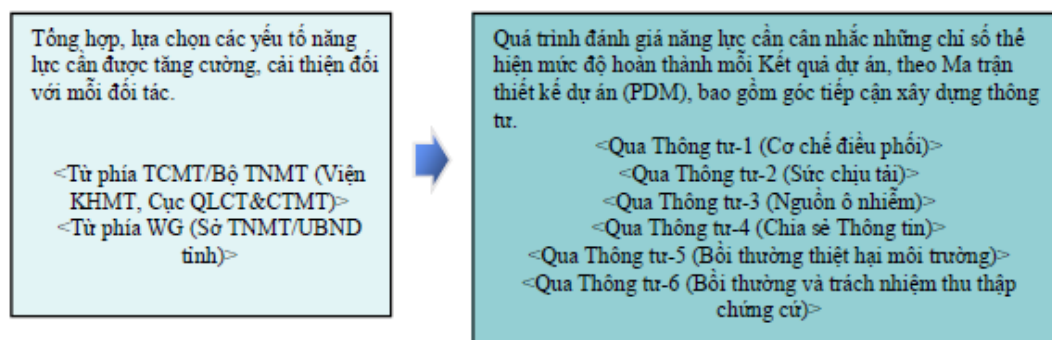




## 1. Phương pháp đánh giá năng lực

### 1.1 Khái niệm đánh giá năng lực

Tiến độ thực hiện dự án và nâng cao năng lực của đối tác Việt Nam sẽ được đánh giá thông qua khảo sát đánh giá năng lực (CA) với đối tượng mục tiêu là TCMT/Bộ TNMT (Viện KHMT & Vụ Quản lý Chất thải), các nhóm công tác nội tỉnh (Sở TNMT/UBND tỉnh), sẽ được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện dự án. Sơ đồ dưới đây tóm tắt khái niệm về đánh giá năng lực.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-1 Khái niệm đánh giá năng lực**

### 1.2 Thời gian thực hiện tăng cường năng lực

Lịch trình và mục đích tăng cường năng lực dự kiến được trình bày tại Hình-2. Các kết quả của hoạt động tăng cường năng lực sẽ được sử dụng để kiểm tra tiến độ Dự án và sẽ được chia sẻ với những liên quan dưới dạng các phụ lục đính kèm Bảng giám sát hoạt động dự án.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-2 Lịch trình và mục đích dự kiến của hoạt động đánh giá năng lực**

## 2. Gửi phiếu khảo sát và phản hồi thực tế trong đợt đánh giá năng lực lần thứ nhất

Dưới dạng bước đầu tiên trong quá trình tăng cường năng lực, JET thực hiện đánh giá năng lực nhằm kiểm tra năng lực hiện tại tại các cấp độ khác nhau của các cán bộ, tổ chức, và viện/xã hội (cấp lãnh đạo), và thiết lập cơ sở cho các chỉ số đánh giá thực tế theo PDM và xây dựng thông tư. Phiếu khảo sát đánh giá năng lực lần thứ nhất dành cho đối tượng cán bộ tại các Sở TNMT và Bộ TNMT được gửi đi trong tháng Tư năm 2016 và kết quả được tổng hợp tới Tháng 8 năm 2016, trừ Sở TNMT thành phố Hồ Chí Minh. Bảng câu hỏi được các thành viên tham gia dự án phía Việt Nam tham gia,

## 3. Kết quả đánh giá năng lực lần thứ nhất

### 3.1 Tổng quan về hoạt động đánh giá năng lực lần thứ nhất

#### (1) Số lượng cán bộ tham gia khảo sát

JET nhận được 11 phiếu trả lời từ Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT. JET phân chia đối tượng khảo sát thành 2 nhóm: cấp lãnh đạo và cấp chuyên viên. Số lượng phiếu trả lời từ Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT được trình bày tại Bảng-1.

**Bảng-1 Số lượng phiếu trả lời tại Bộ TNMT**

TCMT/Bộ TNMT	Số lượng phiếu trả lời		
	Cấp lãnh đạo	Cấp chuyên viên	Tổng
1) Viện KHMT	3	3	6
2) Cục QLCT&CTMT	2	3	5
Tổng	5	6	11

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Tổng cộng có 77 phiếu khảo sát do các Sở TNMT trả lời, ngoại trừ Sở TNMT TP. HCM. JET phân chia các phiếu khảo sát thành các cấp lãnh đạo và cấp nhân viên. Số lượng các câu trả lời từ các Sở TNMT được mô tả trong Bảng-2.

**Bảng-2 Số lượng trả lời Phiếu khảo sát đánh giá năng lực từ các Sở TNMT**

Sở TNMT		Số câu hỏi được trả lời		
		Cấp Lãnh đạo	Cấp Nhân viên	Tổng cộng
LVS Cầu	3) Thái Nguyên	12	11	23
	4) Bắc Giang	8	2	10
	5) Bắc Ninh	9	5	14
LVS Đồng Nai – Sài Gòn	6) Bình Dương	7	3	10
	7) TP. HCM	-	-	-
	8) Đồng Nai	9	1	10
	9) BR-VT	5	5	10
Tổng cộng		50	27	77

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

#### (2) Kết quả đánh giá chung

Những khó khăn lớn nhất của Bộ TNMT/TCMT và các Sở TNMT gặp phải trong quá trình thực thi QLMTNLVS có thể là một cơ sở pháp lý và thể chế còn yếu, sự thiếu hụt về năng lực kỹ thuật, hỗ trợ tài chính, và đây là những khó khăn chung của hầu hết các Thông tư. Các kết quả đã phản ánh những nhu cầu xây dựng năng lực thực tế, đặc biệt nhu cầu đào tạo kỹ thuật. Từ đó, JET sẽ thực hiện tập huấn kỹ thuật dựa trên các thông tin thu thập từ phiếu khảo sát đánh giá năng lực lần thứ nhất.

### 3.2 Thông tư-1: Dự thảo Thông tư (quy định) về cơ chế điều phối trong QLMTNLVS

(1) Thực hiện phiếu khảo sát

Phiếu khảo sát được phân thành 1 nhóm, và số lượng các câu hỏi trong mỗi nhóm được chỉ ra trong bảng dưới đây. Các câu hỏi và câu trả lời được đưa trong Phụ lục đính kèm.

**Bảng-3 Phân loại và số lượng câu hỏi trong Thông tư -1**

#	Phân loại câu hỏi	Số lượng câu hỏi
1	Câu hỏi liên quan đến khía cạnh thể chế nhằm xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả trong QLMTNLVS	10
2	Câu hỏi liên quan đến Cơ sở vật chất và Trang thiết bị phục vụ cơ chế phối hợp hiệu quả trong QLMTNLVS	4
3	Câu hỏi liên quan đến Nguồn nhân lực phục vụ cơ chế phối hợp hiệu quả trong QLMTNLVS	6
4	Câu hỏi liên quan đến Nhận thức cộng đồng để xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả trong QLMTNLVS	5

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Các câu hỏi được trả lời bằng cách đánh giá từ 1 đến 5. Câu trả lời “5” thể hiện sự hiểu biết đầy đủ nội dung được hỏi, câu trả lời “1” thể hiện việc ít hiểu biết/kinh nghiệm về nội dung được hỏi.

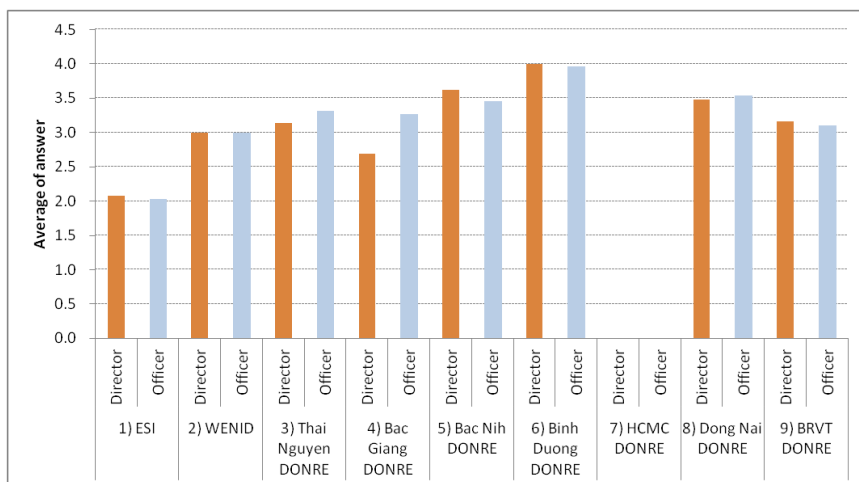
(2) Kết quả Phiếu khảo sát

Các kết quả phiếu khảo sát được tính toán theo phương pháp “bình quân trọng số” cho mỗi cơ quan và cấp độ quản lý của người trả lời. Các kết quả sau khi lấy “bình quân trọng số” được mô tả trong bảng dưới đây. Các câu trả lời của Sở TNMT TP. HCM vẫn chưa nhận được tính đến cuối tháng 9, 2016.

**Bảng-4 Tổng kết kết quả Đánh giá năng lực sử dụng phương pháp Bình quân trọng số - Thông tư-1**

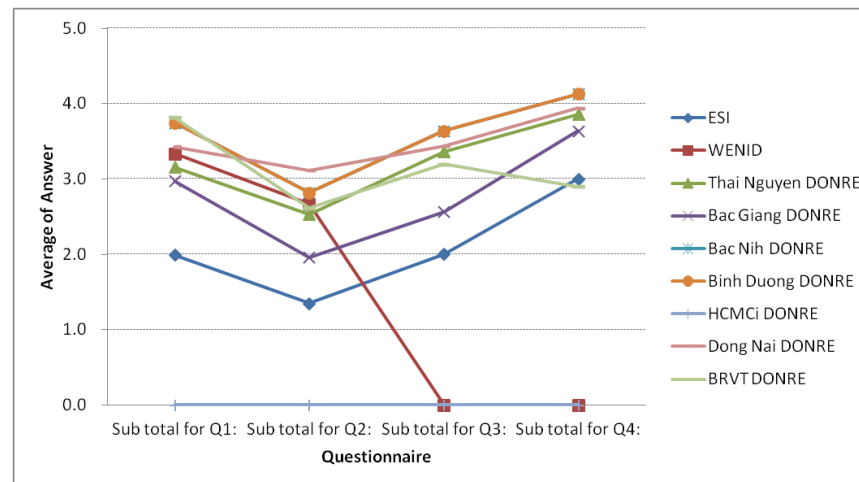
Các mục đánh giá	1) Viện KHMT		2) Cục QLCT & CTMT		3) Sở TNMT Thái Nguyên		4) Sở TNMT Bắc Giang		5) Sở TNMT Bắc Ninh		6) Sở TNMT Bình Dương		7) Sở TNMT TP. HCM		8) Sở TNMT Đồng Nai		9) Sở TNMT BR-VT	
	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên
Mục câu hỏi Q1:	1.9	2.1	3.3	3.3	3.1	3.3	2.9	3.2	3.9	3.5	4.0	3.8	-	-	3.4	3.5	3.7	3.9
Mục câu hỏi Q2:	1.4	1.0	2.7	2.7	2.6	2.4	1.9	2.7	2.7	2.9	4.0	4.0	-	-	3.2	3.0	2.8	2.5
Mục câu hỏi Q3:	2.0	2.0	N/A	N/A	3.2	3.5	2.3	3.5	3.6	3.7	4.0	4.0	-	-	3.4	3.7	3.1	3.3
Mục câu hỏi Q4:	3.0	3.0	N/A	N/A	3.7	4.1	3.6	3.8	4.3	3.8	4.0	4.0	-	-	3.9	4.0	3.0	2.8
Trung bình	2.1	2.0	3.0	3.0	3.1	3.3	2.7	3.3	3.6	3.5	4.0	4.0	-	-	3.5	3.5	3.2	3.1

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-3 So sánh giữa các đơn vị**



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-4 Xu thế kết quả trả lời**

(3) Đánh giá kết quả khảo năng lực

i) Các câu hỏi được lựa chọn

Đánh giá bình quân trọng số 1-1 trong “Hiệu quả công tác QLMTNLVS hiện nay” bởi các Sở TNMT là 2,91 điểm, trong khi Bộ TNMT đánh giá là 2,55 điểm. Điều này có nghĩa là kết quả tự đánh giá của các Sở TNMT trong công tác QLMTNLVS ở mức trung bình, không tốt, không kém. Bộ TNMT tự đánh giá hiệu quả công tác QLMTNLVS ở mức chưa đạt.

Phần tự đánh giá kết quả hoạt động nghiêm ngặt nhất là của Sở TNMT Thái Nguyên ở điểm số 2,32. Các Sở TNMT Bắc Giang và Bắc Ninh cũng khá chặt chẽ trong tự đánh công tác của mình ở mức 2,67. Các Sở TNMT Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu đánh giá tốt công tác QLMTNLVS ở địa phương mình tương ứng với điểm trung bình 3,56 và 3,67.

Yếu tố gây giới hạn rõ ràng đến hoạt động của các Sở TNMT là kinh phí thực hiện. Câu hỏi 2-4 về “Việc có ngân sách đầy đủ phục vụ cơ chế điều phối hiệu quả của các Sở TNMT” được trả lời theo số điểm là 2,39. Việc xem xét số lượng câu trả lời “Không áp dụng/Không phù hợp” trong đánh giá của Bộ TNMT là rất quan trọng, ngoại trừ Câu 1-6 “Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ QLMTNLVS của Bộ TNMT (Viện KHMT/Cục QLCT&CTMT)” và Câu 1-7 “Trao đổi với UBND Tỉnh/Sở TNMT phục vụ QLMTNLVS bởi Bộ TNMT (Viện KHMT/Cục QLCT&CTMT)”, cả hai đều đánh giá 3,2 điểm.

ii) Mô tả câu trả lời

Các điểm tiếp theo tóm tắt các câu trả lời định tính:

- a) Câu 1-2 “Kỳ vọng gì ở cơ quan chịu trách nhiệm QLMTNLVS?”: Do các kỳ vọng ở cơ quan chịu trách nhiệm QLMTNLVS được trả lời trong câu hỏi 1-2 rất khác nhau, phụ thuộc vào cơ quan làm việc, nhiệm vụ, vai trò, chức năng của người trả lời, và chất lượng thi hành QLMTNLVS trong điều phối, quản trị môi trường và nguồn thải, thực thi chính sách, giải quyết tranh chấp, và các vấn đề cụ thể cần được củng cố. Các câu trả lời bao gồm sự cần thiết xây dựng thể chế và pháp lý, cũng như nâng cao nhận thức.
- b) Câu 1-8 “Những bất cập, hạn chế chính trong cơ chế phối hợp của QLMTNLVS”: Trả lời câu hỏi 1-8 chỉ ra sự cần thiết thiết lập hệ thống pháp lý và thể chế phù hợp với QLMTNLVS để giải quyết các vấn đề gây ra bởi sự chồng chéo giữa các Bộ, và chính quyền trung ương và địa phương trong phân cấp quản lý. Những khía cạnh được đề cập cụ thể bao gồm: sự thiếu nhất quán trong xác định các ranh giới hành chính và ranh giới lưu vực/tiểu lưu vực, sự trùng lặp trong văn bản, sự không đầy đủ trong chia sẻ thông tin, sự khác biệt trong các ưu tiên về môi trường giữa các tỉnh, sự hạn chế về nguồn lực bao gồm cả nhân lực và tài chính, cấu trúc không hoàn chỉnh của Ủy ban Bảo vệ Môi trường, và kết quả hoạt động còn thấp, cộng với các khó khăn trong kỹ thuật xác định nguyên nhân và vấn đề ô nhiễm môi trường.
- c) Câu 1-9 “Các yếu tố chính cho một cơ chế điều phối khả thi phục vụ QLMTNLVS”: Hầu hết các câu trả lời cho câu hỏi 1-9 quan tâm đến việc nhận thức được tầm quan trọng của QLMTNLVS cũng như việc thiết lập một cơ quan chức năng quản lý phù hợp cho việc thực hiện phối hợp QLMTNLVS, bao gồm sự lãnh đạo, các thành viên, đảm bảo ngân sách hoạt động, phân bổ vai trò, chức năng và nhiệm vụ với các bên liên quan, v.v... Quy hoạch phát triển kết hợp với bảo vệ môi trường cũng được quan tâm.
- d) Câu 1-10 “Các nội dung quan trọng nhất cần quan tâm trong Thông tư 1”: Về cơ bản, các câu trả lời Câu 1-10 có sự phù hợp với Câu 1-9. Một vấn đề mới được đề cập trong câu 1-10 là có sự tham gia của cộng đồng thì có sự tương quan chặt chẽ với vấn đề nâng cao nhận thức trong câu 1-9.
- e) Câu 3-2 “Các kiến thức và kỹ năng cần thiết trong cơ chế phối hợp phục vụ QLMTNLVS”: đối với các kiến thức và kỹ năng cần thiết, có 3 mục trong câu trả lời: 1) Kiến thức và kỹ năng cụ thể trong điều phối, 2) Kiến thức và kỹ năng quản lý con người, và 3) Kiến thức và kỹ năng liên quan đến QLMTNLVS.

- f) Câu 3-3 “Các kiến thức và kỹ năng cần thiết các cá nhân cần học phục vụ cơ chế điều phối trong QLMTNLVS”: Những phản hồi của câu hỏi 3-3 khá liên quan đến vấn đề a) Những kiến thức và kỹ năng chuyên biệt trong QLMTNLVS, tiếp theo là vấn đề b) Những kiến thức và kỹ năng chung để quản lý con người. Do những thiếu hụt trong các chủ đề khoa học đã được xuất bản về cơ chế điều phối, “những kiến thức và kỹ năng chuyên biệt phục vụ điều phối” còn ít được quan tâm so với những kiến thức và kỹ năng mỗi cá nhân mong muốn có.
- g) Câu 3-6 “Những tập huấn cần thiết trong cơ chế điều phối phục vụ QLMTNLVS”: Những kiến thức và kỹ năng thực tế như mô hình mô phỏng, lấy mẫu hiện trường, xác định và đo đạc nguồn ô nhiễm, theo sau sự tham gia của các bên bao gồm có sự tham gia của cộng đồng, sự quản lý của các nhóm hoạt động và các tổ chức chung để trả lời câu hỏi “Những tập huấn cần thiết trong cơ chế điều phối phục vụ QLMTNLVS”. Phương thức tập huấn thiết thực như các chuyến đi thực tế, lý thuyết kết hợp thực hành, nghiên cứu điển hình, hội thảo/hội nghị trao đổi kinh nghiệm, áp dụng chạy mô hình, kỹ năng tự học là những điểm được nhấn mạnh
- h) Câu 4-2 “Các bên chính liên quan với Sở TN & MT để thúc đẩy QLMTNLVS”: “Các bên liên quan chính/chủ đạo” trong câu hỏi 4-2 bao gồm những thành phần sau: a) Cư dân địa phương /con người/ cộng đồng, b) Các tổ chức kinh doanh bao gồm các nhà máy, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các nhà máy không có thiết bị xử lý nước, v.v..., c) UBND tỉnh và UBND các cấp thấp hơn, các cơ quan hành chính địa phương, d) Các thị trấn và thành phố, và e) Các tổ chức phi chính phủ/hiệp hội. Điều thú vị là cơ quan cấp quốc gia không được đề cử trong các bên liên quan chính/chủ đạo, giả định rằng việc trả lời trong các từ như “Cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý” chỉ ngụ ý về chính quyền cấp tỉnh.
- i) Câu 4-4 “Các vấn đề chính đối với các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng hướng tới các bên liên quan bao gồm cả các nhà máy”: Người trả thông tin xác định “vấn đề chính đối với nhận thức của công chúng” trong câu hỏi 4-4 thông qua các nhóm sau đây: a) Khái niệm về QLMTNLVS hoặc tuyên truyền để thúc đẩy QLMTNLVS, b) Sự tuân thủ hệ thống pháp luật QLMTNLVS nói chung và đặc biệt là của các đơn vị có nguồn gây ô nhiễm, c) Tiến bộ kỹ thuật trong QLMTNLVS đặc biệt là trong việc giám sát, xử lý chất thải và cải thiện hiệu quả sử dụng nước, và d) Phát triển phối hợp với việc xem xét môi trường.
- j) Câu 4-5 “Yêu cầu đào tạo các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng liên quan đến cơ chế điều phối trong QLMTNLVS”: Do trả lời về “Yêu cầu đào tạo để thực hiện nâng cao nhận thức của công chúng” ưu tiên các nội dung đào tạo mang tính thực tiễn như là hội thảo, đào tạo kết hợp công việc, nghiên cứu điển hình, tham quan học tập. Kỹ năng tuyên truyền/ truyền thông sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng, tờ rơi, và cộng tác với các tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục là các vấn đề được quan tâm cũng như các kỹ năng kỹ thuật cần thiết. Kiến thức toàn diện và thực tế về QLMTNLVS là một mối quan tâm lớn.

### 3.3 Thông tư-2: Dự thảo Thông tư về đánh giá khả năng chịu tải và ước tính giấy phép xả thải

#### (1) Câu hỏi trong Thông tư-2

Bảng hỏi được phân thành 5 nhóm và số lượng các câu hỏi được phân loại theo từng nhóm như sau. Câu hỏi và câu trả lời được đính kèm trong phụ lục.

**Bảng-5 Phân loại và số lượng câu hỏi trong Thông tư -2**

#	Phân loại câu hỏi	Số lượng câu hỏi
1	Các câu hỏi liên quan đến khía cạnh thể chế/pháp lý để thực hiện tính toán sức chịu tải trong QLMTNLVS	2
2	Các câu hỏi liên quan đến Vai trò và công tác tổ chức tính toán sức chịu tải phục vụ QLMTNLVS	2
3	Các câu hỏi liên quan đến nguồn nhân lực thực hiện và tính toán Sức chịu tải phục vụ QLMTNLVS	2
4	Các câu hỏi liên quan đến Lộ trình thực hiện tính toán Sức chịu tải phục vụ QLMTNLVS	9
5	Các câu hỏi liên quan đến khía cạnh kỹ thuật trong tính toán Sức chịu tải phục vụ QLMTNLVS	9

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Các câu hỏi được trả lời bằng cách đánh giá từ 1 đến 5. Câu trả lời “5” thể hiện sự hiểu biết đầy đủ nội dung được hỏi, câu trả lời “1” thể hiện việc ít hiểu biết/kinh nghiệm về nội dung được hỏi.

#### (2) Kết quả bảng hỏi

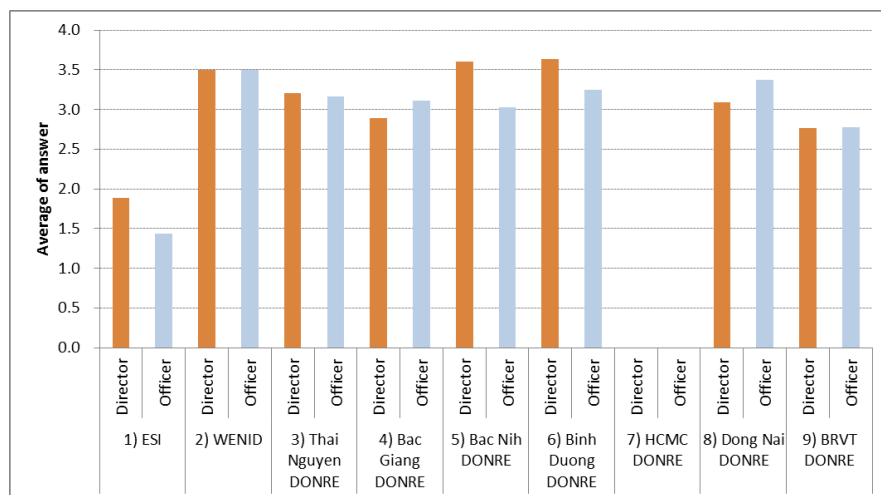
Kết quả bảng hỏi được tính toán theo phương pháp “bình quân trọng số” cho mỗi cơ quan và cấp độ quản lý của người trả lời. Các kết quả sau khi lấy “bình quân trọng số” được mô tả trong bảng dưới đây. Các câu trả lời của Sở TNMT TP. HCM vẫn chưa nhận được tính đến cuối tháng 9, 2016.



**Bảng-6 Tổng kết kết quả Đánh giá năng lực sử dụng phương pháp Bình quân trọng số-Thông tư-2**

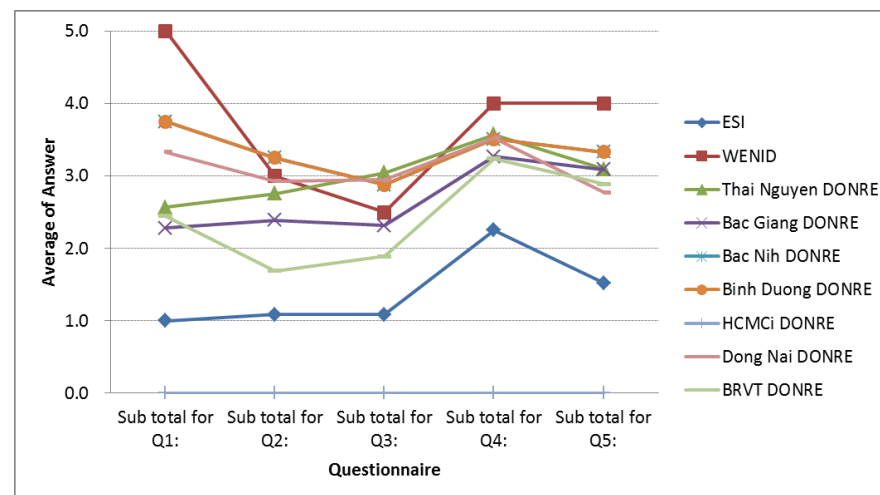
Các mục đánh giá	1) Viện KHMT		2) Cục QLCT & CTMT		3) Sở TNMT Thái Nguyên		4) Sở TNMT Bắc Giang		5) Sở TNMT Bắc Ninh		6) Sở TNMT Bình Dương		7) Sở TNMT TP. HCM		8) Sở TNMT Đồng Nai		9) Sở TNMT BR-VT	
	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên
Mục câu hỏi Q1:	1.0	1.0	5.0	5.0	2.7	2.4	2.4	2.0	3.9	3.5	2.8	2.3	-	-	3.3	4.0	2.6	2.3
Mục câu hỏi Q2:	1.0	1.2	3.0	3.0	2.9	2.7	2.5	2.0	3.3	3.1	3.9	4.0	-	-	2.8	4.0	1.5	1.8
Mục câu hỏi Q3:	1.0	1.2	2.5	2.5	3.1	3.0	2.3	2.3	2.9	2.8	4.1	3.0	-	-	2.8	4.0	1.8	2.0
Mục câu hỏi Q4:	2.8	1.8	4.0	4.0	3.5	3.6	3.1	3.6	3.8	3.1	3.7	3.6	-	-	3.5	3.4	3.2	3.3
Mục câu hỏi Q5:	1.8	1.3	3.7	3.7	3.1	3.0	3.0	3.4	3.6	2.9	3.6	3.1	-	-	2.8	2.9	3.0	2.8
Trung bình	1.9	1.4	3.5	3.5	3.2	3.2	2.9	3.1	3.6	3.0	3.6	3.3	-	-	3.1	3.4	2.8	2.8

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-5 So sánh giữa các đơn vị**



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-6 Xu thế kết quả trả lời**

(3) Đánh giá kết quả khảo năng lực

i) So sánh giữa các đơn vị

Xu thế chung, Cục QLC&CTMT, Sở TNMT Bắc Ninh và Bình Dương thuộc nhóm tự đánh giá ở mức trung bình cao. Sở TNMT Thái nguyên, Bắc Giang, Đồng Nai, và Bà Rịa – Vũng Tàu, và Viện KHMT tự đánh giá ở mức thấp hơn.

Do vậy, đào tạo kỹ thuật có thể tập trung cho Viện KHMT và Sở TNMT Bà Rịa – Vũng Tàu để đạt tính hiệu quả.

ii) So sánh giữa cấp lãnh đạo và cấp nhân viên

Không có sự khác biệt giữa cấp lãnh đạo và nhân viên trong cùng một tổ chức, tuy nhiên, có sự không đồng nhất giữa các đơn vị. Điều này có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ kiến thức giữa các đơn vị.

iii) Sự hiểu các câu hỏi

Xu thế trả lời câu hỏi Q-2 và Q-3 thấp hơn so với các câu khác trong bản hỏi.

Câu Q-2 hỏi về vai trò của tổ chức theo quan điểm QLMTNLVS, và câu Q-3 hỏi về sự cần thiết về nguồn nhân lực theo quan điểm QLMTNLVS. Việc câu trả lời hơi thấp hơn trong câu hỏi này là điều không tránh khỏi bởi vì QLMTNLVS là hoạt động mới được đề xuất trong dự án. Do vậy, Thông tư-2 được đề xuất sẽ đề cập cụ thể vai trò của từng cơ quan, và tập trung vào phần thực thi xây dựng năng lực cho các nhân viên kỹ thuật phục vụ QLMTNLVS.

iv) Tổng kết các câu hỏi định tính

Hầu hết các câu trả lời liên quan đến khía cạnh kỹ thuật trong mô hình mô phỏng. Do vậy, việc đào tạo của các Chuyên gia JICA sẽ tập trung vào mô hình mô phỏng để nâng cao tính hiệu quả.

### 3.4 Thông tư-3: Dự thảo thông tư về các nguồn thải trọng điểm phục vụ QLMTNLVS

(1) Câu hỏi trong Thông tư-3

Bảng hỏi được phân thành 4 nhóm và số lượng các câu hỏi được phân loại theo từng nhóm như sau. Câu hỏi và câu trả lời được đính kèm trong phụ lục.

**Bảng-7 Phân loại và số lượng câu hỏi trong Thông tư-3**

#	Phân loại câu hỏi	Số lượng câu hỏi
1	Câu hỏi liên quan đến Vấn đề Thể chế/Pháp lý quản lý Nguồn xả thải chính phục vụ QLMTNLVS	3
2	Câu hỏi liên quan đến Khía cạnh Vai trò và Tổ chức quản lý nguồn xả thải chính phục vụ QLMTNLVS	8
3	Câu hỏi liên quan đến Vấn đề Nhân lực thực hiện quản lý Nguồn xả thải chính phục vụ công tác QLMTNLVS	4
4	Câu hỏi liên quan đến Khía cạnh Kỹ thuật quản lý Nguồn xả thải chính phục vụ QLMTNLVS	7

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Các câu hỏi được trả lời bằng cách đánh giá từ 1 đến 5. Câu trả lời “5” thể hiện sự hiểu biết đầy đủ nội dung được hỏi, câu trả lời “1” thể hiện việc ít hiểu biết/kinh nghiệm về nội dung được hỏi.

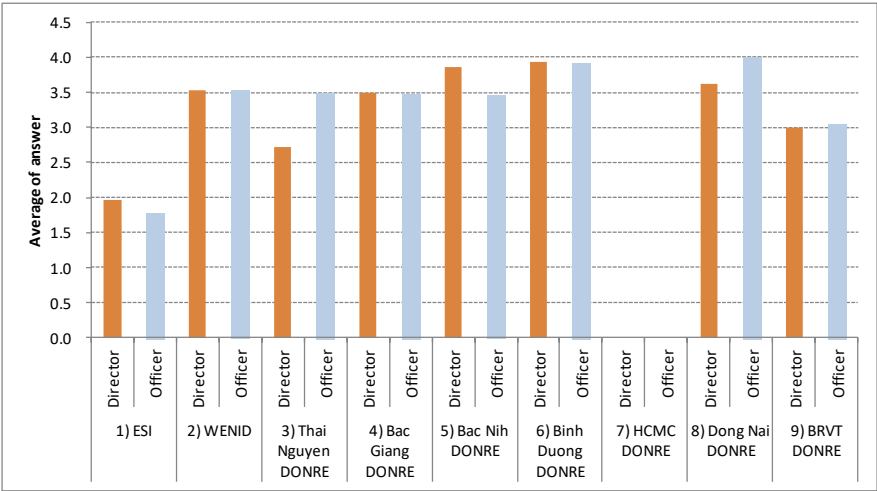
(2) Kết quả bảng hỏi

Kết quả bảng hỏi được tính toán theo phương pháp “bình quân trọng số” cho mỗi cơ quan và cấp độ quản lý của người trả lời. Các kết quả sau khi lấy “bình quân trọng số” được mô tả trong bảng dưới đây. Các câu trả lời của Sở TNMT TP. HCM vẫn chưa nhận được tính đến cuối tháng 9, 2016.

**Bảng-8      Tổng kết kết quả Đánh giá năng lực sử dụng phương pháp Bình quân trọng số - Thông tư-3**

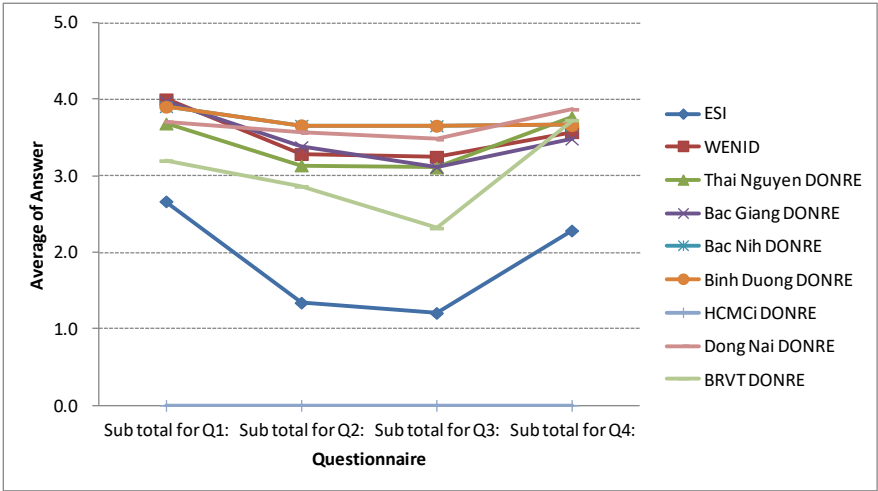
Các mục đánh giá	1) Viện KHMT		2) Cục QLCT & CTMT		3) Sở TNMT Thái Nguyên		4) Sở TNMT Bắc Giang		5) Sở TNMT Bắc Ninh		6) Sở TNMT Bình Dương		7) Sở TNMT TP. HCM		8) Sở TNMT Đồng Nai		9) Sở TNMT BR-VT	
	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên
Mục câu hỏi Q1:	3.0	2.3	4.0	4.0	3.5	3.9	4.0	4.0	4.1	3.6	4.0	4.0	-	-	3.7	4.0	3.2	3.2
Mục câu hỏi Q2:	1.6	1.1	3.3	3.3	2.3	3.2	3.4	3.4	3.8	3.4	4.0	3.9	-	-	3.5	4.0	2.8	2.9
Mục câu hỏi Q3:	1.1	1.3	3.3	3.3	2.1	3.0	3.3	2.5	3.8	3.3	3.8	3.9	-	-	3.4	4.0	2.3	2.4
Mục câu hỏi Q4:	2.2	2.3	3.6	3.6	2.9	3.9	3.4	4.0	3.8	3.5	3.9	3.9	-	-	3.9	4.0	3.8	3.7
Trung bình	2.0	1.8	3.5	3.5	2.7	3.5	3.5	3.5	3.9	3.5	3.9	3.9	-	-	3.6	4.0	3.0	3.1

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-7      So sánh giữa các đơn vị**



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-8      Xu thế kết quả trả lời**

- (3) Vấn đề Thể chế/Pháp lý quản lý Nguồn xả thải chính phục vụ QLMTNLVS  
Điểm bình quân trọng số thay đổi từ 3,5 đến 4,0 tùy theo từng Sở TNMT. Trong đó, tất cả các Sở TNMT đều nhận định rằng các quy định đã được xây dựng và các nhiệm vụ đã rõ ràng liên quan đến việc xây dựng và thực thi Kiểm kê nguồn ô nhiễm. Ngoài ra, một số lãnh đạo và nhân viên đề cập đến sự thiếu nhân lực thực hiện. Một số đề cập đến việc không có hướng dẫn cụ thể về kinh phí duy trì và xây dựng thực hiện Kiểm kê nguồn ô nhiễm.
- (4) Vai trò và Tổ chức quản lý nguồn xả thải chính phục vụ QLMTNLVS  
Điểm bình quân trọng số trong các câu hỏi thay đổi từ 1,3 đến 4,1 với từng Sở TNMT, trong đó trung bình là 3,4. Tất cả các Sở TNMT đều có dữ liệu nguồn ô nhiễm theo các định dạng khác nhau. Một số nhân viên chỉ ra sự yếu kém của cơ sở dữ liệu, ví dụ như độ tin cậy của dữ liệu thu thập, hoặc vùng thu thập dữ liệu chưa đủ rộng. Nhìn chung, tất cả các Sở TNMT đánh giá rằng họ có năng lực và dữ liệu cần thiết để chuẩn bị cho kiểm kê nguồn ô nhiễm. Điểm đánh giá bình quân trọng số về năng lực và cơ sở dữ liệu có sẵn ở Bắc Ninh và Bắc Giang tương đối cao so với các Sở TNMT khác.  
Điểm bình quân trọng số thấp đối với các câu hỏi về kinh phí để chuẩn bị thực hiện kiểm kê nguồn ô nhiễm  
Một số câu trả lời cấp nhân viên chỉ ra sự thiếu kỹ năng và yêu cầu đào tạo phục vụ kiểm kê nguồn ô nhiễm.
- (5) Nhân lực thực hiện quản lý Nguồn xả thải chính phục vụ công tác QLMTNLVS  
Điểm bình quân trọng số trong các câu hỏi thay đổi từ 2,0 đến 4,0 tùy từng Sở TNMT, điểm trung bình là 3,2. Mặc dù các Sở TNMT đánh giá có nhân lực thực hiện quản lý nguồn xả thải, điểm bình quân trọng số về nguồn nhân lực tương đối thấp khi so sánh với các mục khác. Đặc biệt, rất nhiều câu trả lời liên quan đến khả năng đào tạo lại cho các đối tượng khác thực thi kiểm kê nguồn ô nhiễm còn thấp, điểm bình quân trọng số là 2,9. Điều này có nghĩa là công cụ truyền đạt kiến thức chuẩn bị kiểm kê nguồn ô nhiễm cần được xây dựng.
- (6) Kỹ thuật quản lý Nguồn xả thải chính phục vụ QLMTNLVS  
Điểm bình quân trọng số trong các câu hỏi thay đổi từ 2,9 đến 4,1 tùy từng Sở TNMT, điểm trung bình là 3,7. Nhìn chung, cấp nhân viên đánh giá rằng họ hiểu về mục tiêu của Kiểm kê nguồn ô nhiễm, và có thể xác định được nguồn ô nhiễm nghiêm trọng, cùng các thông số cần kiểm tra. Mặt khác, một vài nhân viên đánh giá không hiểu đầy đủ về nội dung kiểm kê nguồn ô nhiễm đã có, với điểm đánh giá thấp nhất là 2,0. Tăng cường chia sẻ thông tin giữa các nhân viên liên quan về nguồn gây ô nhiễm là vấn đề được đề xuất.

### 3.5 Thông tư-4: Dự thảo thông tư về hệ thống chia sẻ và công bố thông tin phục vụ QLMTNLVS liên tỉnh

- (1) Thực hiện bảng hỏi  
Bảng hỏi được phân thành 4 nhóm và số lượng các câu hỏi được phân loại theo từng nhóm như sau. Câu hỏi và câu trả lời được đính kèm trong phụ lục.

**Bảng-9 Phân loại và số lượng câu hỏi trong Thông tư-4**

#	Phân loại câu hỏi	Số lượng câu hỏi
1	Câu hỏi liên quan đến Vấn đề Thể chế/Pháp lý trong Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS	3
2	Câu hỏi liên quan đến Khía cạnh Vai trò và Tổ chức đối với Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS	7
3	Câu hỏi liên quan đến vấn đề Nhân sự trong Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS	3
4	Câu hỏi liên quan đến Khía cạnh Kỹ thuật của Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS	6

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Các câu hỏi được trả lời bằng cách đánh giá từ 1 đến 5. Câu trả lời “5” thể hiện sự hiểu biết đầy đủ nội dung được hỏi, câu trả lời “1” thể hiện việc ít hiểu biết/kinh nghiệm về nội dung được hỏi.

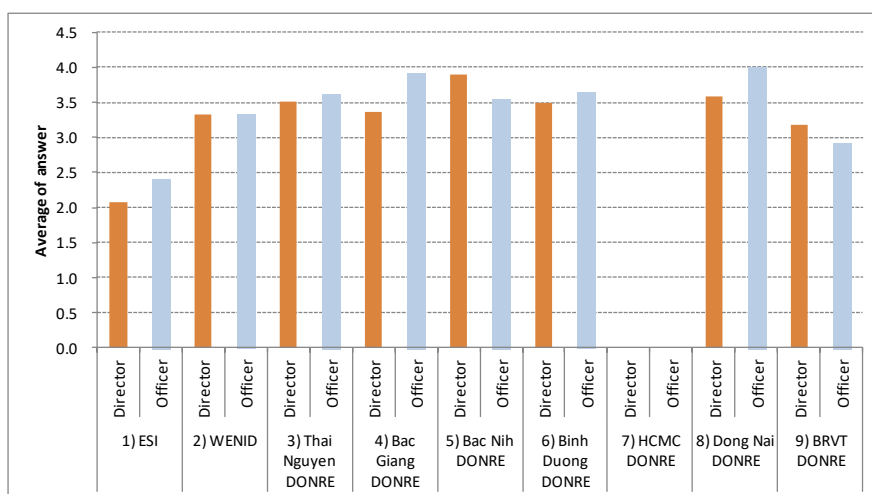
(2) Kết quả bảng hỏi

Kết quả bảng hỏi được tính toán theo phương pháp “bình quân trọng số” cho mỗi cơ quan và cấp độ quản lý của người trả lời. Các kết quả sau khi lấy “bình quân trọng số” được mô tả trong bảng dưới đây. Các câu trả lời của Sở TNMT TP. HCM vẫn chưa nhận được tính đến cuối tháng 9, 2016.

**Bảng-10 Tổng kết kết quả Đánh giá năng lực sử dụng phương pháp Bình quân trọng số - Thông tư-4**

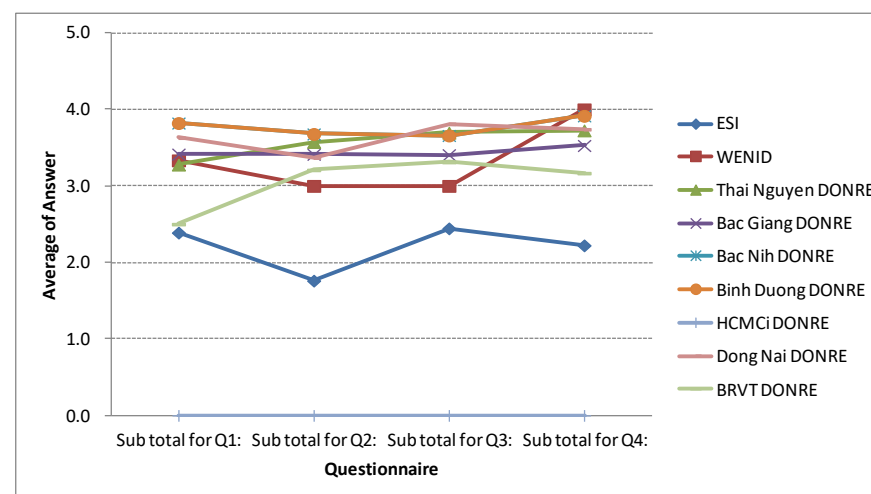
Các mục đánh giá	1) Viện KHMT		2) Cục QLCT & CTMT		3) Sở TNMT Thái Nguyên		4) Sở TNMT Bắc Giang		5) Sở TNMT Bắc Ninh		6) Sở TNMT Bình Dương		7) Sở TNMT TP. HCM		8) Sở TNMT Đồng Nai		9) Sở TNMT BR-VT	
	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên
Mục câu hỏi Q1:	2.1	2.7	3.3	3.3	3.1	3.5	3.3	3.8	4.0	3.5	2.1	2.7	-	-	3.6	4.0	2.7	2.3
Mục câu hỏi Q2:	1.9	1.6	3.0	3.0	3.5	3.6	3.4	3.7	3.8	3.5	3.9	3.9	-	-	3.3	4.0	3.3	3.1
Mục câu hỏi Q3:	2.2	2.7	3.0	3.0	3.7	3.7	3.3	3.8	3.8	3.5	4.0	4.0	-	-	3.8	4.0	3.4	3.2
Mục câu hỏi Q4:	2.1	2.7	4.0	4.0	3.8	3.7	3.4	4.3	4.1	3.7	4.0	4.0	-	-	3.7	4.0	3.3	3.0
Trung bình	2.1	2.4	3.3	3.3	3.5	3.6	3.4	3.9	3.9	3.5	3.5	3.6	-	-	3.6	4.0	3.2	2.9

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-9 So sánh giữa các đơn vị**



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-10 Xu thế kết quả trả lời**

- (3) **Thế chế/Pháp lý trong Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS**  
Việc so sánh giữa Bộ TNMT và Sở TNMT chỉ ra điểm trung bình của khía cạnh thế chế/pháp lý trong Bộ TNMT là 2,8, trong đó các Sở TNMT là 3,2. So sánh giữa Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT, điểm tự đánh giá của Viện KHMT là 2,4, điểm tự đánh giá của Cục QLCT&CTMT là 3,3. Trong một số góp ý của Viện KHMT, cơ quan này tập trung vào nghiên cứu thế chế chưa không tập trung vào việc thi hành thế chế về chia sẻ thông tin.  
Đối với các Sở TNMT, điểm bình quan trọng số biến động từ 2,3 (Bình Dương) đến 3, (Bắc ninh), điểm bình quân là 3,2 cho tất cả các Sở TNMT.
- (4) **Vai trò và Tổ chức đối với Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS**  
So sánh giữa Bộ TNMT và Sở TNMT chỉ ra điểm trung bình của vai trò và tổ chức trong Bộ TNMT là 2,0, trong đó các Sở TNMT là 3,5 So sánh giữa Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT, điểm tự đánh giá của Viện KHMT là 1,8, điểm tự đánh giá của Cục QLCT&CTMT là 3,5. Sự khác biệt giữa hai cơ quan này do sự khác biệt giữa chức năng của hai cơ quan. Đối với các Sở TNMT, điểm bình quan trọng số biến động từ 3,2 (BR-VT) đến 3,9 (Bình Dương) điểm bình quân là 3,5 cho tất cả các Sở TNMT. Sự khác biệt điểm đánh giá là không lớn giữa các Sở TNMT.
- (5) **Nguồn nhân lực thực hiện Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS**  
So sánh giữa Bộ TNMT và Sở TNMT chỉ ra điểm trung bình của khía cạnh nguồn nhân lực trong Bộ TNMT là 2,7, trong đó các Sở TNMT là 3,7. So sánh giữa Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT, điểm tự đánh giá của Viện KHMT là 2,4, điểm tự đánh giá của Cục QLCT&CTMT là 3,0. Đối với các Sở TNMT, điểm bình quan trọng số biến động từ 3,3 (BR-VT) đến 4,0 (Bình Dương), điểm bình quân là 3,7 cho tất cả các Sở TNMT. Sự khác biệt điểm đánh giá là không lớn giữa các Sở TNMT.
- (6) **Khía cạnh Kỹ thuật của Chia sẻ Thông tin phục vụ QLMTNLVS**  
So sánh giữa Bộ TNMT và Sở TNMT chỉ ra điểm trung bình của khía cạnh kỹ thuật trong Bộ TNMT là 3,3, trong đó các Sở TNMT là 3,7. So sánh giữa Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT, điểm tự đánh giá của Viện KHMT là 2,2, điểm tự đánh giá của Cục QLCT&CTMT là 4,0. Đối với các Sở TNMT, điểm bình quan trọng số biến động từ 3,2 (BR-VT) đến 4,0 (Bình Dương), điểm bình quân là 3,7 cho tất cả các Sở TNMT. Sự khác biệt điểm đánh giá là không lớn giữa các Sở TNMT.

### 3.6 **Thông tư-5: Dự thảo Thông tư hướng dẫn về thủ tục để yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường**

- (1) **Thực hiện bảng hỏi**  
Bảng hỏi được phân thành 4 nhóm và số lượng các câu hỏi được phân loại theo từng nhóm như sau.  
Câu hỏi và câu trả lời được đính kèm trong phụ lục

**Bảng-11 Phân loại và số lượng câu hỏi trong Thông tư-2**

#	Phân loại câu hỏi	Số lượng câu hỏi
1	Các câu hỏi liên quan đến khía cạnh thế chế của Bồi thường thiệt hại môi trường	11
2	Các câu hỏi liên quan đến Cơ sở vật chất và Trang thiết bị phục vụ thực hiện Bồi thường thiệt hại môi trường	3
3	Các câu hỏi liên quan đến Nguồn nhân lực phục vụ thực hiện Bồi thường thiệt hại môi trường	8
4	Các câu hỏi liên quan đến khía cạnh Nâng cao nhận thức cộng đồng về Bồi thường thiệt hại môi trường	5

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Các câu hỏi được trả lời bằng cách đánh giá từ 1 đến 5. Câu trả lời “5” thể hiện sự hiểu biết đầy đủ nội dung được hỏi, câu trả lời “1” thể hiện việc ít hiểu biết/kinh nghiệm về nội dung được hỏi.

(2) Kết quả bảng hỏi

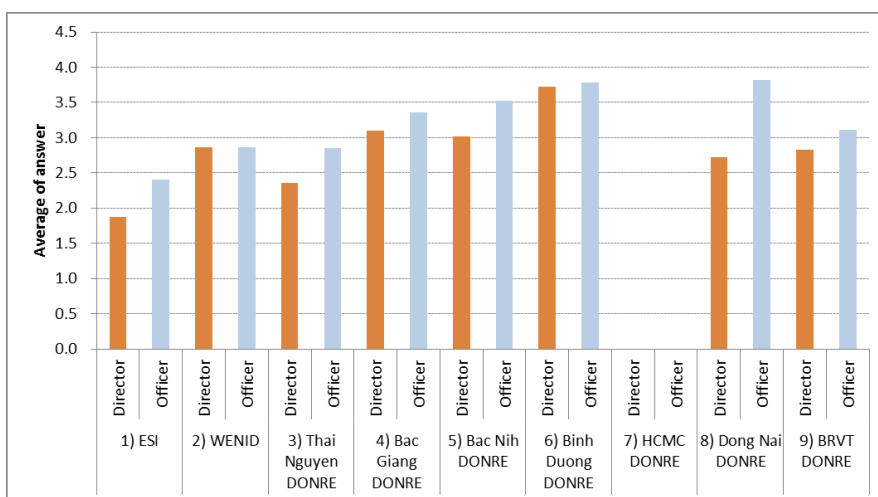
Kết quả bảng hỏi được tính toán theo phương pháp “bình quân trọng số” cho mỗi cơ quan và cấp độ quản lý của người trả lời. Các kết quả sau khi lấy “bình quân trọng số” được mô tả trong bảng dưới đây. Các câu trả lời của Sở TNMT TP. HCM vẫn chưa nhận được tính đến cuối tháng 9, 2016.



**Bảng-12 Tổng kết kết quả Đánh giá năng lực sử dụng phương pháp Bình quân trọng số - Thông tư-5**

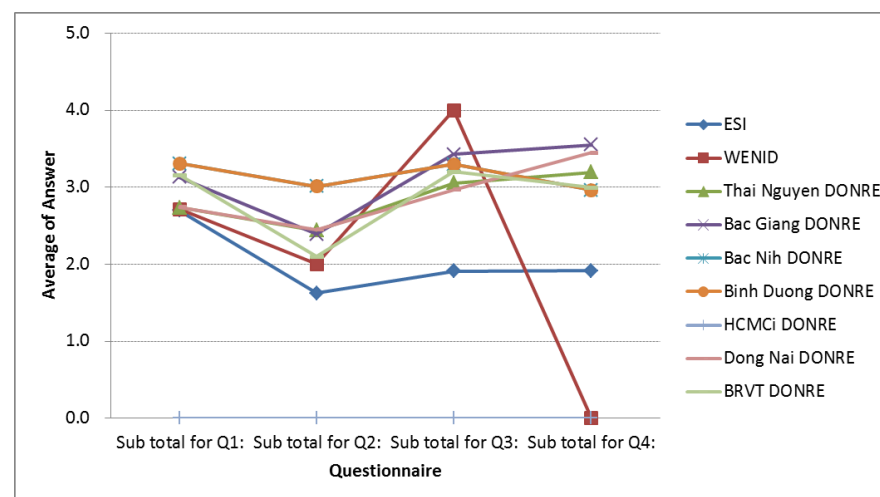
Các mục đánh giá	1) Viện KHMT		2) Cục QLCT & CTMT		3) Sở TNMT Thái Nguyên		4) Sở TNMT Bắc Giang		5) Sở TNMT Bắc Ninh		6) Sở TNMT Bình Dương		7) Sở TNMT TP. HCM		8) Sở TNMT Đồng Nai		9) Sở TNMT BR-VT	
	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên
Mục câu hỏi Q1:	2.4	2.9	2.7	2.7	2.7	2.7	3.0	3.6	3.1	3.6	3.7	3.7	-	-	2.6	4.0	2.8	3.5
Mục câu hỏi Q2:	1.3	1.9	2.0	2.0	1.8	2.4	2.6	1.8	2.9	3.2	4.0	4.0	-	-	2.4	3.0	2.1	2.1
Mục câu hỏi Q3:	1.7	2.2	4.0	4.0	2.5	3.1	3.3	3.8	3.1	3.6	3.6	3.7	-	-	2.8	3.8	3.2	3.2
Mục câu hỏi Q4:	1.7	2.2	0.0	0.0	1.9	3.3	3.6	3.5	2.8	3.3	4.0	4.0	-	-	3.4	4.0	3.1	2.9
Trung bình	1.9	2.4	2.9	2.9	2.4	2.9	3.1	3.4	3.0	3.5	3.7	3.8	-	-	2.7	3.8	2.8	3.1

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-11 So sánh giữa các đơn vị**



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-12 Xu thế kết quả trả lời**

(3) Đánh giá kết quả khảo năng lực

i) So sánh giữa các đơn vị

Bắc Giang, Bắc Ninh, và Bình Dương thuộc nhóm trung bình cao, tiếp theo là Thái Nguyên, Đồng Nai, và Bà Rịa – Vũng Tàu; và Viện KHMT và Cục QLCT&CTMT thuộc nhóm tự đánh giá thấp hơn.

ii) So sánh giữa cấp lãnh đạo và cấp nhân viên

So sánh giữa cấp lãnh đạo và cấp nhân viên trong cùng một đơn vị, các trả lời của cấp nhân viên có điểm cao hơn so với cấp lãnh đạo trong hầu hết đơn vị. Điều này chỉ ra rằng cấp lãnh đạo cảm thấy có điểm chưa đầy đủ trong bồi thường thiệt hại môi trường nhiều hơn cấp nhân viên.

Bồi thường thiệt hại môi trường được ước tính có liên quan tới một vài tổ chức, và việc xử lý bồi thường thiệt hại môi trường rất phức tạp, do đó các lãnh đạo cho điểm thấp hơn do sự thấu hiểu về những khó khăn này.

iii) Sự hiểu các câu hỏi

Xu thế trả lời các câu hỏi được chỉ ra trong câu Q-2 khá là thấp so với các câu hỏi khác. Các câu trả lời xung quanh điểm số trung bình hoặc thấp. Câu Q-2 hỏi về trang thiết bị và kinh phí thực hiện bồi thường thiệt hại.

iv) Tổng kết các câu hỏi định tính

Theo các kết quả của các đơn vị, hiểu biết về bồi thường thiệt hại môi trường chưa được đầy đủ. Một số đơn vị yêu cầu có hướng dẫn về bồi thường. Hoạt động hiệu quả nhất cần tập trung là xác định quy trình bồi thường rõ ràng, và xây dựng hướng dẫn về bồi thường.

**3.7 Thông tư-6: Dự thảo Thông tư quy định tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ quan trắc, đánh giá do đặc để thu thập dữ liệu chứng cứ, hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng thẩm định dữ liệu, chứng cứ xác định thiệt hại về môi trường**

(1) Thực hiện bảng hỏi

Bảng hỏi được phân thành 4 nhóm và số lượng các câu hỏi được phân loại theo từng nhóm như sau. Câu hỏi và câu trả lời được đính kèm trong phụ lục.

**Bảng-13 Phân loại và số lượng câu hỏi trong Thông tư-6**

#	Phân loại câu hỏi	Số lượng câu hỏi
1	Các câu hỏi liên quan đến khía cạnh thể chế của Trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường	10
2	Các câu hỏi liên quan đến khía cạnh Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường	3
3	Các câu hỏi liên quan đến Nguồn nhân lực phục vụ thực hiện Trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường	8
4	Các câu hỏi liên quan đến khía cạnh Nâng cao nhận thức cộng đồng về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường	5

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Các câu hỏi được trả lời bằng cách đánh giá từ 1 đến 5. Câu trả lời “5” thể hiện sự hiểu biết đầy đủ nội dung được hỏi, câu trả lời “1” thể hiện việc ít hiểu biết/kinh nghiệm về nội dung được hỏi.

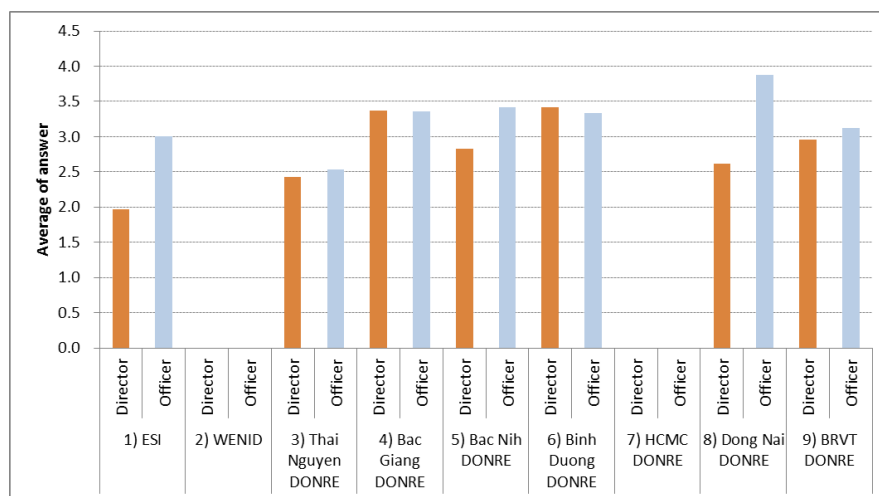
(2) Kết quả bảng hỏi

Kết quả bảng hỏi được tính toán theo phương pháp “bình quân trọng số” cho mỗi cơ quan và cấp độ quản lý của người trả lời. Các kết quả sau khi lấy “bình quân trọng số” được mô tả trong bảng dưới đây. Các câu trả lời của Sở TNMT TP. HCM vẫn chưa nhận được tính đến cuối tháng 9, 2016.

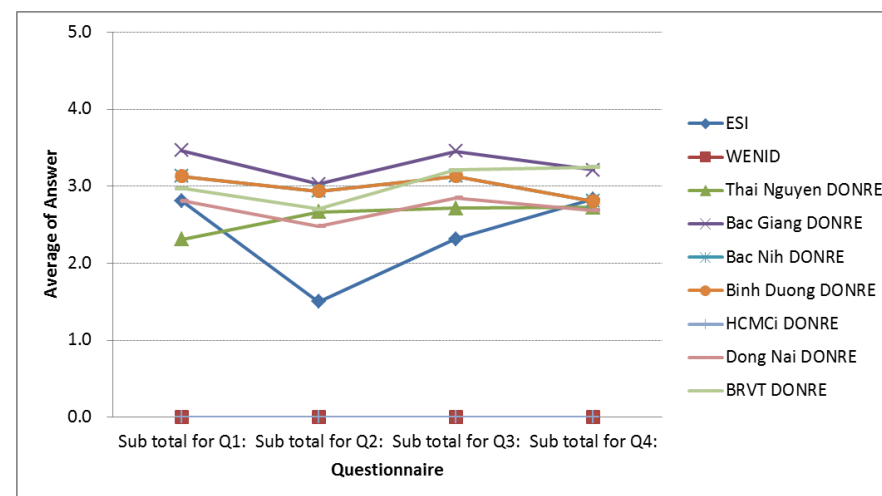
**Bảng-14 Tổng kết kết quả Đánh giá năng lực sử dụng phương pháp Bình quân trọng số - Thông tư-6**

Các mục đánh giá	1) Viện KHMT		2) Cục QLCT & CTMT		3) Sở TNMT Thái Nguyên		4) Sở TNMT Bắc Giang		5) Sở TNMT Bắc Ninh		6) Sở TNMT Bình Dương		7) Sở TNMT TP. HCM		8) Sở TNMT Đồng Nai		9) Sở TNMT BR-VT	
	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên	Lãnh đạo	Nhân viên
Mục câu hỏi Q1:	2.2	3.4	-	-	2.8	2.1	3.4	3.6	2.9	3.5	2.5	2.3	-	-	2.7	3.9	2.7	3.2
Mục câu hỏi Q2:	1.2	2.2	-	-	1.5	2.2	3.4	1.8	2.7	3.3	4.0	4.0	-	-	2.4	4.0	2.7	2.7
Mục câu hỏi Q3:	2.1	2.6	-	-	2.3	3.0	3.4	3.8	2.9	3.5	4.0	4.0	-	-	2.7	3.8	3.2	3.2
Mục câu hỏi Q4:	2.0	3.7	-	-	2.8	3.3	3.1	3.5	2.5	3.2	4.0	4.0	-	-	2.5	4.0	3.3	3.2
Trung bình	2.0	3.0	-	-	2.4	2.5	3.4	3.4	2.8	3.4	3.4	3.3	-	-	2.6	3.9	3.0	3.1

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-13 So sánh giữa các đơn vị**

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Hình-14 Xu thế kết quả trả lời**

(3) Đánh giá kết quả đánh giá năng lực

i) So sánh giữa các đơn vị

Tất cả các cơ quan có kết quả trung bình, ngoại trừ Viện KHMT chỉ ra kết quả hơi thấp

ii) So sánh giữa Cấp lãnh đạo và cấp nhân viên

Cấp nhân viên trong Viện KHMT, Bắc Ninh, và Đồng Nai có điểm trung bình cao hơn cấp lãnh đạo. Cấp nhân viên và lãnh đạo các Sở TNMT Thái Nguyên, Bắc Giang, Bình Dương, và Bà Rịa – Vũng Tàu có điểm số tương đương.

iii) Hiểu mỗi câu hỏi

Tất cả các đơn vị có sự hiểu mức trung bình

iv) Tổng kết các câu hỏi định tính

Hầu hết các câu trả lời yêu cầu có hướng dẫn hoặc phương pháp cụ thể trong đền bù thiệt hại môi trường. Những người trả lời cũng yêu cầu có đào tạo kỹ thuật cung cấp về kiến thức đánh giá, xác định thiệt hại môi trường.

Cuối cùng, rất nhiều câu trả lời đã đề cập về vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường không được hướng dẫn cụ thể trong các văn bản.



*Phụ lục 7:*

*Danh sách học viên tham gia*

*Chương trình Tập huấn tại Nhật Bản*



**Danh sách cán bộ tham gia chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ nhất (Năm tài khóa 2016)**

	STT	Họ và Tên	Chức vụ / Cơ quan
Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)	1	TS. Mai Thanh Dung (đã hủy)	Phó tổng cục trưởng (TCMT/Bộ TNMT)
	2	TS. Phạm Văn Lợi	Viện trưởng viện Khoa học môi trường (viện KHMT/TCMT)
	3	TS. Nguyễn Hoàng Phương Lan	Phó trưởng phòng Quản lý môi trường và phát triển bền vững, viện Khoa học môi trường (viện KHMT/TCMT)
	4	Bà Trần Thị Lệ Anh	Chi cục trưởng, Chi cục bảo vệ môi trường lưu vực sông Cầu, Cục quản lý chất thải và cải thiện môi trường (cục QLCT & CTMT/TCMT)
	5	Ông Nguyễn Đức Thọ	Chánh văn phòng, Cục quản lý chất thải và cải thiện môi trường (cục QLCT & CTMT/TCMT)
	6	Ông Hoàng Minh Sơn	Phó vụ trưởng, Vụ chính sách và pháp chế (vụ CS&PC/TCMT)
Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT)	7	Ông Lê Hồng Sơn	Giám đốc sở TNMT Bắc Giang
	8	Ông Nguyễn Đại Đồng	Phó giám đốc sở TNMT Bắc Ninh
	9	Bà Trần Thị Minh Hương	Phó giám đốc sở TNMT Thái Nguyên
	10	Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Phó giám đốc sở TNMT Bình Dương
	11	Bà Võ Niệm Tường	Chi cục trưởng, chi cục bảo vệ môi trường, sở TNMT Đồng Nai
	12	Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ (đã hủy)	Phó giám đốc sở TNMT TP. Hồ Chí Minh
	13	Ông Phan Văn Mạnh	Phó giám đốc sở TNMT Bà Rịa – Vũng Tàu

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



**Danh sách cán bộ tham gia chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ hai (Năm tài khóa 2017)**

	STT	Họ và Tên	Chức vụ / Cơ quan
Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)	1	Bà Nguyễn Thị Tâm	Vụ Kế hoạch và Tài chính (TCMT/Bộ TNMT)
	2	Bà Nguyễn Minh Phương	Cục Quản lý Chất thải và Cải thiện môi trường (VEA/Bộ TNMT)
	3	Bà Lê Thanh Nga	Viện Khoa học Môi trường (Viện KHMT/TCMT)
Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT)	4	Bà Đàm Thị Hương Giang	Phó Chi cục trưởng - Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TNMT Bắc Giang
	5	Ông Đặng Văn Đường	Phó Chi cục trưởng - Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TNMT Bắc Ninh
	6	Ông Vương Văn Thanh	Trưởng phòng, Phòng quản lý tài nguyên nước và Biến đổi khí hậu, Sở TNMT Thái Nguyên
	7	Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó Chi cục trưởng - Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TNMT Bình Dương
	8	Ông Trình Trọng Trung	Trưởng phòng, Phòng ĐTM, Sở TNMT Đồng Nai
	9	Ông Tống Viết Thành	Phó trưởng phòng, Phòng Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản, Sở TNMT TP Hồ Chí Minh
	10	Bà Nguyễn Thị Hồng Tâm	Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TNMT Bà Rịa Vũng Tàu

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**Danh sách cán bộ tham gia chương trình tập huấn tại Nhật Bản lần thứ ba (Năm tài khóa 2018)**

	STT	Họ và Tên	Chức vụ / Cơ quan
Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)	1	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Phó Viện trưởng Viện Khoa học môi trường, TCMT/Bộ TNMT
	2	Bà Lê Thị Bích Thủy	Chuyên viên Vụ Quản lý Chất thải, TCMT/Bộ TNMT
	3	Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Kế toán trưởng, Viện Khoa học môi trường, TCMT/Bộ TNMT
Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT)	4	Ông Đặng Sơn Hải	Phó giám đốc sở TNMT Bà Rịa – Vũng Tàu
	5	Ông Bùi Hải Thiên Vũ	Chuyên viên (Chuyên gia môi trường) Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở TNMT TP Hồ Chí Minh
	6	Ông Lê Văn Tân	Trưởng phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản, Sở TNMT Bình Dương
	7	Ông Nguyễn Việt Hà	Chuyên viên, Văn phòng Sở TNMT Đồng Nai
	8	Ông Ngô Quang Trường	Phó Chi cục trưởng - Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TNMT Bắc Giang
	9	Bà Phạm Thị Nga	Trạm trưởng trạm quan trắc, Sở TNMT Thái Nguyên
	10	Ông Trần Chung	Phó Chi cục trưởng - Chi cục Bảo vệ Môi trường, Sở TNMT Bắc Ninh

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

*Phụ lục 8:*

*Biên bản bàn giao thiết bị*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN TIẾP NHẬN TÀI SẢN**

**GIỮA**

**CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN (JICA)**

**VÀ**

**BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG, TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG**

**CHO**

**“DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC  
LƯU VỰC SÔNG”**

Hôm nay ngày 17. Tháng 4 năm 2019

**- Đại diện bên giao: JICA**

Ông Murooka Naomichi

Chức vụ: Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA

**- Đại diện bên nhận: Bộ TN&MT/TCMT**

PGS. TS. Phạm Văn Lợi

Chức vụ: Phó giám đốc thường trực ban quản lý dự án  
Viện trưởng Viện Khoa học môi trường

Tài sản chuyển giao bao gồm:

STT	Danh mục tài sản		Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng tài sản	Hiện trạng tài sản	Giá trị tài sản thời điểm mua (Đồng)
1	Máy tính để bàn	Máy tính để bàn (Core i7, DDR 3 160GB, HDD 1TB, Case, Office ProPlus 2016), Màn hình (HP V193b), Keyboard (Logitech K120), USB Mouse (Logitech)	Chiếc	2016	1	Đang hoạt động	34.350.000
2	Máy tính xách tay	HP ProBook 440, Core i5-5200U, 4GB RAM DDR 3L, Office Pro Plus 2016	Chiếc	2016	7	Đang hoạt động	221.060.000
3	Máy photocopy	Color Multifunction RICOH MP C2003SP	Chiếc	2016	1	Đang hoạt động	138.400.000
4	Máy đo dòng chảy sông	AEM 1-D JFE Advantech (15 m cable, WinAEM1-D, Vane Set)	Chiếc	2016	1	Đang hoạt động	106.653.000
5	Máy chiếu	Sony VPL-EX255	Chiếc	2016	1	Đang hoạt động	17.000.000

STT	Danh mục tài sản		Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng tài sản	Hiện trạng tài sản	Giá trị tài sản thời điểm mua (Đồng)
6	Phần mềm ArcGIS	ArcGIS Desktop Basic Single use (ArcView Single Use)	Phần mềm	2016	2	Đang hoạt động	103.016.000
7	Phần mềm mô hình chất lượng nước (Bản doanh nghiệp MIKE chất lượng nước sông)	Mike Hydro River WQ Enterprise (RIVER Control, DB, RR, AD, HD, UL, Ecolab, SHE Studio, License Manager Server	Phần mềm	2016	2	Đang hoạt động	858.428.000
Tổng							1.478.907.000

ĐẠI DIỆN JICA

(Ký)



ĐẠI DIỆN BỘ TN&MT/ TCMT



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TS *Phạm Văn Lợi*



*Phụ lục 9:*

*Phiếu khảo sát về cơ chế điều phối sức chịu tải*





## Phiếu khảo sát về Cơ chế điều phối trong quản lý sức chịu tải

### 1. Giới thiệu ngắn gọn

Kết quả phiếu khảo sát sẽ được tham khảo khi cân nhắc, đề xuất cơ chế điều phối phù hợp nhằm thực hiện quản lý tổng tải lượng ô nhiễm tại lưu vực sông. Xin vui lòng trả lời phiếu khảo sát này và chuyển lại Nhóm Chuyên gia JICA trước ngày 23/06/2017.

### 2. Số lượng phiếu trả lời

Tên đơn vị	TCMT	Thái Nguyên	Bắc Giang	Bắc Ninh	TP HCM	Bình Dương	Đồng Nai	BRVT	Tổng
Số lượng	4	1	0	0	2	4	6	6	23

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

### 3. Các câu hỏi

#### 3.1 Liên quan tới việc áp dụng góc tiếp cận Kiểm soát tổng tải lượng ô nhiễm.

Những khái niệm như: dòng chảy sông, hệ số tải lượng, các hệ số kỹ thuật, v.v... đóng vai trò quan trọng khi vận dụng mô hình mô phỏng CLN và tính toán tải lượng ô nhiễm phân bổ. Việc tính toán tải lượng ô nhiễm là bước nền tảng cho phân bổ hạn ngạch giữa các địa phương. Do vậy, cần phải đưa ra khái niệm và phương thức xác định cụ thể. Theo ý kiến của anh chị, những cơ quan nào đóng vai trò quan trọng trong quy định những giá trị sau

#### (1) Những nội dung kỹ thuật cần xác định (đơn vị và phương thức quyết định)

##### ① Tiêu chí lựa chọn giá trị dòng chảy sông:

Đơn vị nào đóng vai trò chủ đạo?	TCMT/Bộ TNMT	Tổ chức LVS*	Mỗi địa phương	Sở NN&PTNT	Tổng
	13	8	5	1	27
Các tiêu chí cần áp dụng?	Dòng chảy trung bình của sông mục tiêu	Dòng chảy tối thiểu	Tiêu chí khác		Tổng
	17	9	0		26

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

##### ② Hệ số tải lượng

Cơ quan chịu trách nhiệm quyết định và phương thức xác định thông số này?	TCMT/Bộ TNMT	Tổ chức LVS*	Mỗi địa phương	Tổng
	17	6	5	28
Nên áp dụng hệ số tải lượng như thế nào?	Áp dụng một đơn vị thống nhất trên cả nước	Áp dụng hệ số tải lượng tại mỗi lưu vực sông	Công cụ quản lý khác	Tổng
	2	21	0	23

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

③ Thông số mục tiêu

Cơ quan ra quyết định?	TCMT/Bộ TNMT đưa ra quy định thống nhất để áp dụng trên cả nước	Tổ chức LVS lựa chọn theo mục đích chung	Cơ quan khác	Tổng
	16	7	0	23
Những thông số mục tiêu trong ước tính tải lượng ô nhiễm?	COD	BOD	Kim loại nặng	
	21	16	11	
	T-N	T-P	Tùy thuộc vào mỗi LVS	Tổng
	20	18	9	95

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(2) Phân bổ hạn ngạch xả thải tại mỗi lưu vực sông

Việc phân bổ hạn ngạch xả thải sẽ được thực hiện với vai trò điều phối của các tổ chức lưu vực sông. Vui lòng lựa chọn những đơn vị cần tham gia vào quá trình này trong bảng dưới đây và diễn giải lý do.

Giai đoạn quyết định	Cơ quan cụ thể				
Chính quyền trung ương	Bộ TNMT	Bộ khác			Tổng
	22	0			22
Tổ chức lưu vực sông	Ủy ban Bảo vệ môi trường	Tổ chức LVS	Cơ chế khác		Tổng
	8	3	0		11
Chính quyền địa phương	Sở TNMT	Cơ chế khác			Tổng
	19	1			20

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(3) Thành viên tham gia RBO

Thành viên tham gia RBO	TCMT/Bộ TNMT	Bộ TNMT/Cục TNN	Chủ dự án	Bộ NN&PTNT	
	20	16	5	15	
	Bộ Công thương	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	Bộ Xây dựng	Bộ KH và ĐT	
	3	1	4	8	
	Bộ Tài chính	TT. Quan trắc	UBND	Sở TNMT	
	11	13	15	19	
	Chính quyền địa phương	Công dân	Tổ chức phi lợi nhuận	Thành viên Ủy ban kỹ thuật	
	15	1	8	9	
	Chuyên gia địa phương	Khác			Tổng
	16	0			179

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

### 3.2 Phân quyền cần thiết cho RBO

(1) Những loại chức năng nào nên được đưa ra với RBO trong cơ chế phối hợp tính toán tải trọng và phân bổ hạn ngạch xả thải?

Chức năng cần thiết của RBO	Thu thập ý kiến cộng đồng	Khảo sát thêm	Thành lập Ủy ban kỹ thuật	Tổng
	17	11	Phân vùng kiểm soát tải lượng ô nhiễm (KCN, quy định phát triển v.v...)	
	Trao đổi hạn ngạch xả thải giữa các tỉnh	Phân vùng tiêu chuẩn môi trường cho bảo tồn môi trường	Phân vùng kiểm soát tải lượng ô nhiễm (KCN, quy định phát triển v.v...)	
	17	14	21	
	Xác nhận hạn ngạch xả thải	Xây dựng kế hoạch hành động nhằm giảm đóng góp tải lượng ô nhiễm	Rà soát định kỳ dựa trên các kết quả đạt được	
	18	18	19	136

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(2) Quyền lực nào cần thiết cho RBO

Quyền lực nào cần thiết cho RBO	Quyết định cuối cùng liên quan đến các dự án trong lưu vực sông	Áp dụng phân bổ hạn ngạch xả thải tới các thành viên của RBO	Bắt buộc chủ dự án áp dụng phương pháp kiểm soát tải lượng ô nhiễm mới (nhằm giảm xả thải)	Tổng
	15	18	13	
	Đưa ra hình phạt đối với các chủ dự án	Đưa ra hình phạt đối với các thành viên RBO	Sửa đổi tiêu chuẩn môi trường phù hợp với lưu vực sông	
	9	9	15	79

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(3) Ngân sách được phân bổ tới RBO như thế nào?

Ngân sách được phân bổ tới RBO như thế nào?	Chính quyền trung ương	Ngân sách tỉnh/thành phố	Quỹ Bảo vệ môi trường	Tổng
	13	10	17	40

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

**(4) Cơ chế hoạt động phù hợp (Vị trí văn phòng và tần suất hoạt động)?**

A. Vị trí văn phòng	B. Hoạt động				
Thuộc Bộ TNMT	Duy trì văn phòng quản lý	Tổ chức họp hàng tháng	Tổ chức họp dựa trên yêu cầu của thành viên	Hệ thống quản lý khác	Tổng
	14	4	7	1	26
Trong tổ chức lưu vực sông	Duy trì văn phòng quản lý	Tổ chức họp hàng tháng	Tổ chức họp dựa trên yêu cầu của thành viên	Hệ thống quản lý khác	Tổng
	13	6	6	1	26
Trong mỗi Sở TNMT	Duy trì văn phòng quản lý	Tổ chức họp hàng tháng	Tổ chức họp dựa trên yêu cầu của thành viên	Hệ thống quản lý khác	Tổng
	9	8	0	4	21

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

### 3.3 Làm rõ quy trình chung và phân bổ xả thải

**(1) Các loại thủ tục nào cần thiết để đạt được sự nhất trí về hạn ngạch xả thải giữa các bên có liên quan?**

Các loại thủ tục nào cần thiết	Thu thập ý kiến cộng đồng	Kiểm tra trong ủy ban kỹ thuật	Cho phép bởi ủy ban kỹ thuật	Ủy quyền của Bộ trưởng hoặc lãnh đạo	
	10	14	9	13	
	Đồng thuận cấp UBND tỉnh	Đồng thuận thông qua tổ chức lưu vực sông	Xây dựng chiến lược kiểm soát ô nhiễm trung/ dài hạn cấp lưu vực sông		Tổng
	21	14	19		100

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Trên trong cảm ơn sự hợp tác của anh/chị.